

# Table of Contents

[CHƯƠNG I - KHÚC QUANH LỊCH SỬ](#Top_of_index_split_004_html)

[CHƯƠNG II - NIXON VÀ THIỆU: MỘT MÓN NỢ CHÍNH TRỊ](#Top_of_index_split_005_html)

[CHƯƠNG III - NHỮNG ĐỔI CHÁC BÍ MẬT](#Top_of_index_split_006_html)

[CHUƠNG IV - NHỮNG ĐE DỌA ÁM SÁT](#Top_of_index_split_007_html)

[CHƯƠNG V - MƯU ĐÒ CỦA KISSINGER](#Top_of_index_split_008_html)

[CHUƠNG VI - HÒA BÌNH GIẢ MẠO](#Top_of_index_split_009_html)

[CHƯƠNG VII - NHỮNG Gì CHÚNG TÔI SẼ LÀM](#Top_of_index_split_010_html)

[CHƯƠNG VIII - ĐI TÌM MỘT RANH GIỚI](#Top_of_index_split_011_html)

[CHƯƠNG IX - MẬT ƯỚC RIÊNG](#Top_of_index_split_012_html)

[CHUƠNG X - SAN CLEMENTE VÀ VVATERGATE](#Top_of_index_split_013_html)

[CHƯƠNG XI - HỒI HUƠNG](#Top_of_index_split_014_html)

[CHƯƠNG XII - NHƯỢNG THÊM ĐIỂM CHÓT](#Top_of_index_split_015_html)

[CHUƠNG XIII - MỘT KHOẢNG THỜI GIAN COI ĐUỢC!](#Top_of_index_split_016_html)

[CHƯƠNG XIV - NHƯ MỘT GIẤC MƠ](#Top_of_index_split_017_html)

[CHUƠNG XV - HOÀNG HÔN CỦA NỀN CỘNG HÒA](#Top_of_index_split_018_html)

[CHƯƠNG XVI - CỨ ĐỊA CUỐI CÙNG](#Top_of_index_split_019_html)

[CHƯƠNG XVII - CẠN TẦU RÁO MÁNG](#Top_of_index_split_020_html)

[CHƯƠNG XVIII - TRƯỚC KHI SỤP ĐỔ](#Top_of_index_split_021_html)

[CHƯƠNG XIX - SAO HỌ KHÔNG CHÉT LẸ ĐI CHO RỒI?](#Top_of_index_split_022_html)

[CHƯƠNG XX - NHỮNG MẬT ĐIỆN CUỐI CÙNG](#Top_of_index_split_023_html)

[CHUƠNG XXI - NGÀN TRÙNG XA CÁCH](#Top_of_index_split_024_html)

[CHƯƠNG XXII - LỜI CUỐI](#Top_of_index_split_025_html)

[PHỤ LỤC](#Top_of_index_split_026_html)

HỒ SƠ MẬT

DINH ĐỘC LẬP

NGƯỜI DỊCH :

CUNG THÚC TIẾN :

Cứ nhân Kinh tế học (1962. New South tVales, úc Châu

Cao học Nghiên cứu Phát triển (1972, Cambridge, Anh Quốc)

Phó tiến sĩ Kinh tế học Phát triển (1973, East Anglia, Anh Quốc) Kinh tế gia Khoáng sân, Trưởng phòng Kinh tế Vụ, Nha khoáng sản, Bộ Tài nguyên Tự nhiên, Tiểu bang Minnesota.

Ngoài các tác phẩm văn học quốc tế (dưới bút hiệu Thạch Chưcmg), đã dịch nhiều tác phẩm kinh tể và tài chánh. Trong bản chuyên ngữ Hồ Sơ Mật Dinh Độc Lập , dịch các Chương 1-8, 15, 17, 19, 21 va 22.)

NGUYỄN CAO ĐẢM :

Cử nhãn Luật khoa Việt Nam.

Tốt nghiệp Cao học Luật khoa (1972)

Tiến sỉ Chinh trị học Đại học Minnesota, Hoa Kỳ (1977)

Hiện là Phổi Hợp viên Ngân Sách Liên Bang của Bộ Tài chánh tiểu bang Minnesota. (Dịch chương 9-14, 16, 18 và 20).

Chúng tôi xin cảm tạ như ng tac giả sau đáy đã cho phép trích dẫn và in lại

Richard Nixon , Hổi Ký Nixon: đăng ký 1978 do Richard Milhous Nixon; cho phép trích dẫn bởi VVarner Books, Inc.

Henry Kissinger, Những năm tại Bạch Cung; đãng ký 1979 do Henry A. Kissinger; cho phép trích dẫn bởi Little, Brown and Co.

Những năm xáo trộn; đáng ký bời Henry A. Kissinger ; cho phép trích dẫn bởi Little, Brown and Co.

Đãng ký :

Sách này đã đưọc đăng ký năm 1986 bời tác giả Nguyễn Tiến Hưng và derrold J. Schecter. Tác giả giữ bản quyền. Không phần nào trong sách này được xử dụng hoặc in lại bất cứ hình thức nào, néu không có sự ưng thuận của tác giả trên giấy tờ, trừ việc trích dẫn một vài câu vắn tát dùng trong các bài điểm sách và binh luận.

MỤC LỤC

# Contents

[CHƯƠNG I - KHÚC QUANH LỊCH SỬ](#CHUONG_I___KHUC_QUANH_LICH_SU)

[CHƯƠNG II - NIXON VÀ THIỆU: MỘT MÓN NỢ CHÍNH TRỊ](#CHUONG_II___NIXON_VA_THIEU__MOT)

[CHƯƠNG III - NHỮNG ĐỔI CHÁC BÍ MẬT](#CHUONG_III___NHUNG_DOI_CHAC_BI_M)

[CHUƠNG IV - NHỮNG ĐE DỌA ÁM SÁT](#CHUONG_IV___NHUNG_DE_DOA_AM_SAT)

[CHƯƠNG V - MƯU ĐÒ CỦA KISSINGER](#CHUONG_V___MUU_DO_CUA_KISSINGER)

[CHUƠNG VI - HÒA BÌNH GIẢ MẠO](#CHUONG_VI___HOA_BINH_GIA_MAO)

[CHƯƠNG VII - NHỮNG Gì CHÚNG TÔI SẼ LÀM](#CHUONG_VII___NHUNG_Gi_CHUNG_TOI)

[CHƯƠNG VIII - ĐI TÌM MỘT RANH GIỚI](#CHUONG_VIII___DI_TIM_MOT_RANH_GI)

[CHƯƠNG IX - MẬT ƯỚC RIÊNG](#CHUONG_IX___MAT_UOC_RIENG)

[CHUƠNG X - SAN CLEMENTE VÀ VVATERGATE](#CHUONG_X___SAN_CLEMENTE_VA_VVATE)

[CHƯƠNG XI - HỒI HUƠNG](#CHUONG_XI___HOI_HUONG)

[CHƯƠNG XII - NHƯỢNG THÊM ĐIỂM CHÓT](#CHUONG_XII___NHUONG_THEM_DIEM_CH)

[CHUƠNG XIII - MỘT KHOẢNG THỜI GIAN COI ĐUỢC!](#CHUONG_XIII___MOT_KHOANG_THOI_GI)

[CHƯƠNG XIV - NHƯ MỘT GIẤC MƠ](#CHUONG_XIV___NHU_MOT_GIAC_MO)

[CHUƠNG XV - HOÀNG HÔN CỦA NỀN CỘNG HÒA](#CHUONG_XV___HOANG_HON_CUA_NEN_CO)

[CHƯƠNG XVI - CỨ ĐỊA CUỐI CÙNG](#CHUONG_XVI___CU_DIA_CUOI_CUNG)

[CHƯƠNG XVII - CẠN TẦU RÁO MÁNG](#CHUONG_XVII___CAN_TAU_RAO_MANG)

[CHƯƠNG XVIII - TRƯỚC KHI SỤP ĐỔ](#CHUONG_XVIII___TRUOC_KHI_SUP_DO)

[CHƯƠNG XIX - SAO HỌ KHÔNG CHÉT LẸ ĐI CHO RỒI?](#CHUONG_XIX___SAO_HO_KHONG_CHET_L)

[CHƯƠNG XX - NHỮNG MẬT ĐIỆN CUỐI CÙNG](#CHUONG_XX___NHUNG_MAT_DIEN_CUOI)

[CHUƠNG XXI - NGÀN TRÙNG XA CÁCH](#CHUONG_XXI___NGAN_TRUNG_XA_CACH)

[CHƯƠNG XXII - LỜI CUỐI](#CHUONG_XXII___LOI_CUOI)

[PHỤ LỤC](#PHU_LUC)

Phụ Lục

Ạ Thư Từ và các mật điện của Tổng Thống Nixon, Ford gửi Tổng Thống Thiệu

B. So sánh mười diêm Cộng sản đưa ra cho chính phủ Nixon ngày 9-5-1969 và Hiệp định Paris kỳ ngày 27-1-1973.

c. Bảng phân tích của cơ quan DAO H oa Kỳ về ảnh hưởng của Ngân Khoản Viện Trợ cho Việt Nam Cộng hòa, Tài khóa 1975 (tức bắt đàu từ tháng 7, 1974).

D.        
Tóm Lược Tình Hình Địch cho tới 20-2-1975 (do Tổng Tham Mưu chuyển Tổng Trưởng Kế Hoạch).

E.        
Thơ Cầu Cứu (25-3-1975) của Chủ Tịch Thượng Viện (Trằn Văn Lắm) và Hạ Viện (Nguyễn Bá cẩn) gứi Chủ Tịch Thượng, Hạ Viện Hoa Kỳ.

F.        
Bảng tóm nhu cầu quân dụng thượng đẵng của Quân lực Việt Nam Cộng hòa đế xin Hoa Kỳ viện trợ cuối năm 1974.

G.        
Một vài thơ của Tổng thống Ngô Đình Diệm gửi Tổng thống Kennedy ; một thơ của Tổng thống Thiệu gởi Tổng thống Nixon (còn sót lại trong Hồ Sơ Mật) và Thơ của ĐT. Dương Văn Minh gửi Đại sứ Graham Martin yêu :ầu nhân viên quân sự Mỹ ra khỏi Việt Nam Cộng hòa trong 24 giờ.

H.        
Thơ phân trần của Kissinger gửi Ô. Thiệu 5 năm khi Việt Nam Cộng hòa sụp đổ (đầu 1980) Ghi chú

Một số các phỏng vấn chính yếu

Sách tham <hảo chọn lọc

# LỜI MỞ ĐẦU

(Ấn Bản ViỊèt Ngữ)

Trải qua một cuộc bê dâu Những điều trông thấy mà đau đớn lòng (Nguyễn Du)

Ngày 25 tháng 3-1954, chính phủ Pháp cử Tổng tham mưu trưởng quân đội, tướng Paul Ely, đi Washington đế cầu cứu Hoa Kỳ can thiệp bằng không lực vào chiến trường Đông Dương, đồng thời gấp rút tiếp viện đoàn quân viễn chinh Pháp với phương tiện đê đương đằu với lực lượng của Việt Minh được Trung Cộng yểm trợ đang thao túng tiền đồn Điện Biên Phủ. Tổng thống Eisenhower từ chối. Điện Biên Phủ thắt thủ và chiến tranh Đông Dương thứ nhất đã chấm dứt.

Đũng hai mươi mốt năm sau, cũng cùng ngày đó (25 tháng 3-1975), chính phủ Việt Nam Cộng hòa gứi một mật thư — do chính tác giả soạn thảo — tới Tòa Bạch Cung đề yêu cầu Hoa Kỳ can thiệp với pháo đài bay B-52, cũng như gấp rút gửi quân-viện giúp ngăn chận những đoàn quân Bắc Việtđang cùng với xe tăng T-54 của Nga Xô tràn qua sông Thạch Hãn. Tổng Thống Ford làm ngơ; Đà Năng thất thủ và chiến tranh Đông Dương thứ hai đã chấm dứt.

Trong hai cuộc chiến đã có nhiều điểm giống nhau, nhiều điểm tương tự. Nhưng điểm trùng hợp quan trọng nhất đã là vai trò chủ yếu của Hoa Kỳ tại chiến trường Việt Nam. Người Pháp đã không thể chiến đẩu tại Đông Dương trong những năm 1950-1954 nếu không có Hoa Kỳ yểm trợ tới 75 phần trăm ngân sách chiến tranh của họ. Nước Việt Nam Cộng Hòa đã không thể thành lập và kéo dài được trên 20 năm nếu Hoa Kỳ không giúp Thủ tướng Ngô Đình Diệm ổn định tình hình miền Nam sau khi quân đội Pháp đã rút, để thành lập Đệ Nhất Cộng Hòa, rồi sau đó yểm trợ những chính phủ kế tiếp của Đệ Nhị Cộng Hòa. Thế nhưng, cũng vì vậy mà miền Nam đã phải hầu như hoàn toàn lệ thuộc vào Hoa Kỳ, cả về kinh tế lẫn quân sự. Sở dĩ có sự lệ thuộc đó, một phần lớn cũng là do tính chất của cuộc chiến: Bắc Việtđược Trung Cộng và Nga Xô tối đa yểm trợ. Đặc biệt là vai trỏ của Nga Xô trong những năm cuối cùng. Sự yểm trợ đó còn kéo dài tới ngày nay, và Việt Nam đã lọt hân vào qũy đạo của Xô Viết.

Sau hai mươi năm chiến tranh, với một số tổn thắt là một triệu rưởi người (8 phần tràm dân số), trong đó có một nửa triệu tử thương, nước Việt Nam Cộng hòa đã sụp đổ. Đòng ruộng bỏ trống, xóm làng tan hoang! Người ra đi đầy nước mắt, kẻ ở lại tù đầy, tang tóc.

Quốc Gia hưng vong Thấi phu hữu trách!

Nhân dân miền Nam đã phải trả một giá quá đắt cho những sự yếu kém, tham nhũng, và lầm lỗi của một số các nhà lãnh đạo. cũng như những chia rẽ, hiềm khích và thiếu cố gắng của chính họ. Tất cả những trách nhiệm đó, và những vấn đê nội bộ của Việt Nam, chắc chắn sẽ được lịch stỉ phê phán minh bạch và đúng mức mà không ai có thể trốn thoát trách nhiệm của mình.

Nhưng còn những yếu tố ngoại lai?

Vì một tình cờ ljch sứ, kẻ viết cuốn sách này đã được chứng kiến những gì xẩy ra ở đằng sau hậu trường bang giao Việt-Mỹ trong những năm cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa, trên cương vị một người làm việc tại Dinh Độc Lập, bên trong nội các, và đã tham dự những cuộc họp tối cao Việt-Mỹ.

Tập hồ sơ mật mà Tổng Thống Thiệu đã giữ kín trong phòng riêng của Ông tại lầu ba Dinh Độc Lập sau cùng đã được trao cho tác giả hai tháng trước khi mất nước. Với con mắt một chuyên viên đã quen thuộc với tinh thần dân chủ và cởi mở của Hoa Kỳ, chúng tôi đã hét sức bỡ ngỡ khi đọc toàn bộ những tài liệu trong hồ sơ này.

Chúng tôi đã rắt tiếc là không được biết nó sớm hơn để hy vọng có thể khai thác một cảch hữu hiệu trong nỗ lực cầu viện. Hồ sơ đỏ, néu không được cứu vớt thì đã bị tan biến theo mây khói, và một số chứng cớ lịch sử quan trọng sẽ không bao giờ được tiết lộ. Hồ sơ cho ta những dữ kiện chính yếu để hiểu biết chính sách của Hoa Kỳ đối với chúng ta trong suốt 5 năm cho tới buổi hoàng hôn của nền Cộng Hòa.

Dựa vào những dữ kiện đố, cùng với những kinh nghiệm bản thân, chúng tôi đã bỏ ra 10 năm trời đễ nghiên cứu và sau đó, cùng với Jerrold Schecter đào sâu vấn đề cũng như đễ có thề phỏng vắn tất cả các nhân vật liên hê cả Việt lẫn Mỹ, đặc biệt là Tổng Thống Thiệu, Tổng Thống Ford, Tiến sĩ Kissinger, các Tổng trưởng Quốc Phòng Laịrd, Richardson, Schlesinger, Ngoại trưởng Haig, các viên chức cao cấp của C1A và hoàn thành cuốn sách. Tổng Thống Nixon đã từ chối cuộc phỏng vấn vì lý do sức khỏe.

Để kỷ niệm đúng một “Giáp” là 12 nám phải xa lìa quê hương, chúng tôi xin trình bày cùng độc giả kết quả của công cuộc nghiên cứu đó và xin cùng đồng bào soi sáng cho công luận thế giới một số sự thật mà tử trước tới nay đã bị che dấu.

Đối với cá nhân chúng tôi, “Hồ Sơ Mật Dinh Độc Lập” được soạn thảo với một giới hạn rất rõ rệt: nó chỉ hướng về mối tương quan Mỹ-Việt — ở thượng cấp — dưới thời đại của Tổng Thống Nixon và Ford về phía Mỹ và Tổng Thống Thiệu về phía Việt Nam. Và như vậy, nó không có tham vọng đề cập một cách sâu rộng tới các vấn đề chính trị nội bộ của Việt Nam Cộng hòa, một địa hạt mà tác giả không có khả năng để phân tích và bình luận.

Trong những năm tranh đấu giữa các môi trường đại học cả ở Việt Nam lẫn Hoa Kỳ, cũng như trong những năm liên lạc với Tổng Thống Việt Nam Cộng hòa bằng thư tín rồi tới những năm làm Phụ-tá Kinh-tế tại Phủ Tổng Thống và Tổng-trưởng Kế-hoạch, chúng tôi đã hoàn toàn giữ vai trò của một chuyên viên kinh tế, và một phần nào, chuyên viên về Hoa Kỳ đổ đóng góp một viên gạch cho công cuộc xây dựng đất nước, yểm trợ cho những chiến sĩ cầm súng tại chiến trường.

Viết cuốn sách này, chúng tôi có hai mục đích rõ rệt: đó là làm cho dân chúng Hoa Kỳ hiểu rõ hơn về cuộc chiến Việt Nam và nhận thức được một lý do quan trọng trong những lý do đưa tới sự sụp đổ của miền Nam. Bởi vậy cuốn The Palace File đã được xuất bản hồi tháng 11, 1986. Hy vọng rằng danh dự của Việt Nam Cộng hòa, đặc biệt là của những chiến sĩ đã hy sinh tranh đấu sẽ được vãn hồi một phần nào trước con mắt khắt khe của công luận quốc tế. Hiểu rõ những oan ức của Việt Nam Cộng hòa cũng sẽ làm cho nhân dân Hoa Kỳ bớt đặt vấn đề với chúng ta là đã di cư sang đây để ăn nhờ ở đậu. Nếu được khai thác đúng mức, nó sẽ còn có thể gây được thiện cảm giúp chúng ta tranh đấu cho những đồng bào còn bị tù đằy gian khổ và yểm trợ cho vẩn đề đoàn tụ gia đình của thân nhân chúng ta.

Mục đích thứ hai của chúng tôi là đóng góp vào việc soi sáng một phần nào cho lịch sử về cuộc bang giao Việt-

# CẢM TẠ

(Ấn bản Việt ngữ)

Bao nhiêu bạn bè, cộng sự viên, qui vị xa gằn đã khích lệ và giúp chúng tôi thực hiện cuổn sách này. Thật vậy, nếu không có những khích lệ và yểm Irợ đó, thì hầu như nhiều lúc chúng tôi đã phải bỏ cuộc. Nhất là trong những năm xáo trộn sau khi Sài Gòn sụp đổ. Trong tinh thần đã cùng tủi nhục, cùng hy sinh, cùng hoạt động với nhau, chúng tôi xin gởi đến quí vị và quí bạn tất cả lòng ưu ái và biết ơn.

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ đặc biệt những bạn sau đây đã giúp thực hiện ẩn bản Việt Ngữ:

— Hứa Chấn Minh, người đã theo đuổi công việc trong nhiều năm và khích lệ không ngơi;

— Cung Thúc Tiến và Nguyên Cao Đàm: kiên nhẫn và công phu chuyền dịch cuốn The Palace File trong một thời gian kỷ lục ;

— Tony B. Chan, Stephen Kow đã hăng say lãnh nhận trách nhiệm xuất bản và làm công việc đó cho kịp thời;

— Chu Xuân Viên đã dành nhiều thì giờ đọc bản dịch để sửa đổi và góp ý kiến;

— Nguyễn Mạnh Hùng và Lê Lai đã góp nhiều ý kiến;

— Các bạn : N. Văn Đào, Trằn Minh Đức, Huỳnh Đạo Nghĩa, Vũ Chính Trực, Đỗ Ngọc Hiển, Nguyên Văn Liêm, Lê Ái, Lê Ân, Trần Trung Lương, Lâm duy Tiên, Vũ Thụy Hoàng, và Nguyên Kim Khánh đã luôn luôn yên ủi, khuyến khích đế khỏi nản chí;

— Hoàng Mạnh Hùng - Dũng và toàn thề nhân viên nhà in The Prynters (San Jose, CA) đã làm việc đêm ngày đễ xuất bản cho kịp-,

— Trịnh Thị Thuận đã kiên tâm đánh máy.

Chúng tôi xin kính mến và cảm tạ Cha Mẹ, Các Anh, Chị, Em trong gia đình (Phong, Cảnh, Chình, Phượng, Loan, Trí, Quy, và Bá, Mai) đã nuôi dưỡng và đúc khuôn tư tưởng cũng như lập trường của chúng tôi trong bao nhiêu năm.

Ngọc Hiếu, người vợ đã nâng đỡ và chia xẻ vất vả trong việc hoàn thành cuốn sách; cùng chịu đựng với bố là Christine, Daniel và Michael.

Lời cảm tạ sau cùng nhưng nhiều ý nghĩa của tác giả dành cho quí đòng hương đang cằm cuốn sách này trong tay. Hy vọng rằng nó đã nói lên được một phần, tuy nhỏ bé, những suy tư và tâm tình của mỗi người chúng ta sau biến cố tháng 4-1975.

(Ấn Bản Anh Ngữ)

Nguyền Tiến Hưng xin cảm ơn Earhart Foundation đã giúp nghiên cứu vào mùa hè 1977 và 1980. Chúng tôi xin thành tâm đa tạ qúy vị Giáo Sư Nguyên Mạnh Hùng, anh Chu Xuân Viên, các ông John Negroponte, Richard Solomon, Philip Schwartz, Miúam G. Schecter, Evelind Schecter, Steven Schecter, Kate Schecter, Air Roth, Doveen Schecter, Barney Schecter, Christine Hưng, Daniel Hưng, và Michael Hưng; cô Judy Protas, anh Micheal Shafer đã đọc và bàn định một phần bản thảo và Catherine Bamberger đã nỗ lực đánh máy và sửa chữa tập sơ thảo. Chúng tôi cũng xin cảm ơn Giáo sư Harley Hindrichs là người đã giới thiệu đê chúng tôi gặp nhau. Luật sư Nguyên Văn Đào, các anh Nguyên Ngọc Bích, Cung Tiến và Lê Lai đã giúp nhiêu ý kiến xây dựng và khích lệ những cố gắng. Các ông Seyntour Hersh, Tad Szullc và David Home Kennerly đã cộng tác một cách hữu hiệu. Giáo sư và bà Lien Fu Huang, các giáo sư Yuan li-Wu, Leland B. Yeager, George Horton, và bà Jane Nutter đã cho nhiều kinh nghiệm và yễm trợ. Bà Francine Krasowska đã đánh máy những cuộc phỏng vắn từ các băng âm thanh. Bà Martha Albershardt giúp chúng tôi sắp đặt bản thảo cuối cùng và những ghi chú.

Tại nhà xuất bản Harper & Row, chúng tôi xin đi tạ ông Michael Bessie và Edward Burlingame, đã luôn thúc đẩy nỗ lực hoàn thành cuốn sách cho sớm. Ông Buz Wyeth, chủ bút đã khéo léo hướng dẫn và đ'ê nghị lối hành vãn cũng như bố cục; cô Debra Orenste.n đã giúp những ý kiến qúy giá, cũng như cô Ann Adelman.

Therese Hưng và Leona Schecter, người đại diện chúng tôi với nhà xuất bản, đã yếm trợ và chì trích trong lúc viết thành sách. Hai bà đã góp những ý kiến xây dựng đồng thời sửa soạn những bữa ăn thân mật đế chúng tôi có thể cộng tác với nhau đắc lực hơn, và dể chúng tôi hiễu rõ hơn khía cạnh con người cũng như lịch sử cuốn sách. Nếu không có những chì trích đó thì cuốn sách chắc đã được hoàn thành sớm hơn rồi.

Chúng tôi xin cảm ơn tất cả những bình luận, chì trích và góp ý kiến trên đây. Tuy nhiên, trách nhiệm cuối cùng là hoàn thành do tác giả lãnh nhận.

Miền Nam sụp đổ tháng giêng - tháng tư-75

TÃM SỰ NGƯỜI XƯA

Thư Trịnh Tiỉ-Gia viết cho Triệu Tuyên Tử (Trích trong Tả Truyện, 600 năm trước Tây Lịch.)

Nay đại quốc phán bảo: “Các ngươi đã không xứng ý ta!" Nhưng tiểu quốc đã hiến dâng mọi sự cho đ(ũ quốc ! Ch&ng còn gì hon mà tiểu quốc có thể làm. Người xưa cỏ nói, khi phục vụ một đại quốc, tiểu quốc có thể đưq-c coi như một con người hoặc như một con nai. Nếu đại quốc lấy nhân đức đối xử thì tiểu quốc đưq-c nhừ. Mà nếu trái lại, thì tiểu quốc đành phải chắp nhận số phận của con nai kia bị sán đuổi. Còn sự nguy hiểm nào nữa mà tiểu quốc chưa chấp nhận? Và số phận chờ đqi, nào đâu có do tiểu quốc lụa chọn.

DẪN NHẬP

TÒA BẠCH CUNG

HOA THỊNH ĐÕN

Ngày 16 tháng 10, 1972

Thân gửi Tổng Thống Thiệu,

Tôi đã yêu cầu Tiến sĩ Henry Kissingcr chuyển đến Ngài lá thư riêng này liên quan đến những cuộc đàm phán hiện thời với Bắc Việt, dường như đang tới giai đoạn chót.

Như Ngài đã biết, trong suốt bốn nám của chính quyền tôi, Hoa Kỳ đã quyết tâm đứng sau chính phủ Ngài và nhân dân Việt Nam trong sự ủng hộ mà chúng tôi dành cho cuộc đấu tranh dũng cẩm của họ chống lại xâm lăng và bảo vệ quyển tự quyết vê tương lai chính trị của họ ...

Riêng đối với tôi, thì điều khoản quan trọng nhất của hiệp định này, ngoài 'những khía cạnh quân sự của nó, là chính phủ Ngài cùng các lực lượng quân sự và định chế chính trị của Việt Nam Cộng hòa sẽ còn nguyên vẹn sau khi cuộc đình chién được thi hành. Trong thời kỳ tiếp theo sau đình chiến, Ngài có thể hoàn toàn yên tăm rằng chúng tôi sẽ tiếp tục cung cấp cho chinh phủ Ngài một sự yểm trợ đày đủ nhất, kể cả viện trợ kinh tế và bất cứ viện trợ quân sự nào phù họp với những điêu khoản ngưng chiến của Hiệp Định này.

Ngày 14 tháng 11, 1972

... Nhưng điều quan trọng hơn những gì chúng tôi viết trong hiệp định vè vắn đ'ê đó là những gì chúng tôi sẽ hành động trong trường hợp kẻ thù tái diễn xâm lược. Tôi tuyệt đối cam đoan với Ngài rằng, nếu Hà Nội không tuân theo những điều kiện của Hiệp định này, thì tôi cương quyết sẽ có hành động trả đùa mau lẹ và ác liệt.

Kính thư

(kt) Richard Nixon

Ngày 5 tháng giêng, 1973

... Vào lúc chúng tôi bước vào các cuộc đàm phản sắp tới, tôi hy vọng rằng hai quốc gia chúng ta sẽ biêu lộ một mặt trận thống nhất ...

Nếu Ngài quyết định, và tôi tin tưởng rằng Ngài sẽ quyết định, đi với chúng tôi, thì tôi xin cam kết với Ngài là sẽ tiếp tục hỗ trợ cho Việt Nam Cộng hòa trong thời kỳ sau hòa giải và chúng tôi sẽ phản ứng với toàn sức mạnh, nếu Bắc Việtvi phạm cuộc hòa giải đó.

Ngày 17 tháng ỉ, 1973

... Noi đây, tôi xin nhắc lại những gì tôi đã nói với Ngài trong những lá thư trước của tôi: Nên Tự Do và Độc Lập của Việt Nam Cộng Hòa vẫn còn là một mục tiêu tối cao của chính sách đối ngoại Hoa Kỳ. Tôi đà cống hiến đời tôi cho mục tiêu này trong suốt sự nghiệp chính trị, và trong bốn năm qua tôi đã liều mình gánh chịu nhiều hậu quả quốc nội và quốc tế đề theo đuổi nó. Chính là đê biện minh cho những mục tiêu hỗ tương của chúng ta mà tôi đã cương quyết theo đuổi đường lối hiện nay của tôi ...

Tôi xin một làn nữa tuyên bố những lời cam kết ấy trong lá thư này :

— Thứ nhất, chúng tôi chì thừa nhận chính phủ của Ngài là chính phủ họp pháp duy nhất tại Việt Nam.

— Thứ hai, chúng tôi không thừa nhận quyên ở lại của quân đội ngoại quốc trên phàn đắt miên Nam Việt Nam.

— Thứ ba, Hoa Kỳ sẽ phản ứng mãnh liệt đối với những vi phạm Hiệp định ....

Cuốn sácli này là một công trình biên khảo v'ê liên hệ giữa những viên chức cao cấp nhất của Hoa Kỳ và Nam Việt Nam trong khoảng tám năm cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa. Bởi lẽ, hai Tổng Thống, Nixon và Thiệu đã gặp nhau chì có ba lần trong thời kỳ đó, Ford và Thiệu không hề gặp nhau sau khi Ford nhậm chức Tổng Thống cho nên những cuộc tiếp xúc ở cấp cao nhất đã chỉ tién hành qua vị Đại Sứ Mỹ tại Saigòn, hoặc qua những cộng sự viên tại mỗi thủ đô, nhất là những cuộc thăm viếng của phụ tá Tổng Thống đặc trách an ninh Quốc Gia, Henry Kissinger và người phụ tá của ông là Alexander Haig. Nhưng liên hệ Việt-Mỹ không hẳn chì có thé.

Đây là lần đầu tiên chúng tôi muốn đưa ra ánh sáng sự kiện là còn có một đẵng cấp tiếp xúc hết sức quan trọng nữa. Đó là sự trao đổi thư tín riêng giữa hai quốc gia, theo đó, Hoa Kỳ chính thức công nhận những cam kết đối với Việt Nam Cộng hòa.

Một vài trích dẫn trên đây của Richard Nixon gửi cho Nguyên Văn Thiệu đã nằm trong hai mươi bảy lá thư và thông điệp Nixon viết trong khoảng thời gian ba năm liên tiếp. Mặc dầu chúng đề cập đến nhiều việc và nhiều vấn đề, nhưng hằu như mọi lá thư đêu nhắc lại cái chủ đê là Hoa Kỳ cam kết sẽ quyết tâm yểm trợ Việt Nam Cộng hòa cả kinh tế, quân sự lẫn chính trị.

Chì trong vòng hai-mươi-bốn tiếng đòng hò lên kế vị chức vụ Tổng Thống sau khi Nixon từ chức ngày 9 tháng 8, 1974, chính Gerald Ford đã viết ngay cho Thiệu khẳng đị nh rằng: “những cam két hiện hữu mà dân tộc chúng tôi đã hứa hẹn với quí quốc trong quá khứ, nó vẫn còn hiệu lực và sẽ hoàn toàn đưực tôn trọng trong nhiệm kỳ của tôi.” Sau đó, Ford đã viết thêm vài bức thư nữa, trong đó ông ta tải xàc định yểm trợ của Hoa Kỳ cho Việt Nam Cộng hòa.

Dựa vào những lời cam kết ấy, ngày 20-3-1975, sau khi quân Bắc Việtđã tràn qua sông Thạch Hãn, Tổng thống Thiệu viết một lá thư càu cứu xin Hoa Kỳ tôn trọng những cam kết và gấp rút yểm trợ Việt Nam Cộng hòa. Lá thư đó do Tiến sĩ Hưng thảo và gửi cho Tổng thống Ford qua tòa Đại sứ Mỹ lại Saigòn, đề ngày 25 tháng 3, 1975 chì một thángtrướcngày Saigòn thất thủ. Bức thư nội dung như sau:

Thân gửi Tổng Thống,

Xin cảm ơn Ngài về bức thư đề ngày 22 tháng 3, 1975 của Ngài.

Trong lúc tôi viết bức thư này cho Ngài thì tình hình quân sự tại Nam Việt đang hết sức khẩn trư ong và cứ mỗi giờ qua lại càng tràm trọng hơn.

Sự bất quân bình trong cán cân lực lượng của hai bên đã ngả v'ê phía quân Bắc Việt, cũng như những lợi điểm chiến lược mà chúng thu thập được trong hai năm qua, đã đưa tới tình trạng khủng hoảng hiện nay, nhát là tại vùng ỉ và II Chiến Thuật, như Ngài hân đã biết. Những áp lực nặng nề đang đè xuống tất cả phàn còn lại của lãnh thổ quốc gia chúng tồi, và chính Saigòn cũng đang bị đe dọa.

Bởi vậy, nếu không có được những biện pháp mạnh và mau chóng v'ẻ phía Ngài nhằm tái lập sự quăn bình lực lượng thì chúng tôi khó mà ngăn chặn được sự tiến quân của các lực lượng Cộng sản, để giữ vững phòng tuyến, hàu đẩy lui được lực lượng xâm lăng.

Ý đồ của Hà Nội là dùng Hiệp-định Paris đê đảnh chiếm miền Nam bằng quân sự thì chúng tôi đã biết rõ ngay từ lúc còn đang thương thảo Hiệp-định này. Chắc Ngài còn nhớ chúng tôi đã ký (Hiệp-định ấy), chẳng phải vì chúng tôi đã ngây thơ tin ở thiện chí của kẻ thù, mà chỉ vì chúng tôi đã tin tưởng vào lời cam kết long trọng của Hoa Kỳ là sẽ bảo vệ hòa hình tại Việt-Nam.

Theo những lời cam két vững chắc lúc áy, chúng tôi đã được hứa hẹn ràng Hoa Kỳ sẽ trả đũa nhanh chỏng và mănh liệt khi có bắt cứ vụ viphạmHiệp định nào của kẻ thù

Chúng tôi đã coi những lời cam kết đó là bảo đảm quan trọng nhất cho Hiệp-định đình chiến. Chúng tôi tin lời cam kết đó là tối quan trọng cho sự sống còn của chúng tôi.

Thưa Tổng Thống,

Trong giờ phút hét sức khăn trương này, lúc mà sinh mệnh của miền Nam tự do đang lâm nguy và hòa bình đang bị đe dọa nghiêm trọng, tôi xin long trọng yêu càu Ngài thi hành hai biện pháp cẩn thiết sau đây:

— Ra lệnh cho phi cư B-52 dội bom trong một thài gian ngắn nhu ng thật mãnh liệt xuống những noi tập trung quân và căn cứ hậu càn của địch tại Nam Việt Nam, và

— Cung ứng khẩn cấp cho chúng tôi những phương tiện càn thiết đề ngăn chận và đẩy lui cuộc tán công.

Chỉ có hai hành động này mới có thể chận đứng được kẻ thù khỏi xe nát những mảnh giấy còn lại củaHiệp-định Paris.

Thưa Tổng Thống,

Một lằn nữa, tôi muốn kêu gọi đến Ngài, đến uy tín cửa chinh sách ngoại giao Hoa Kỳ, và nhắt là khiếu nại tới lương tri của nhân dân Hoa Kỳ.

Tôi lấy làm phấn khởi khi thấy vào lúc mới nhiệm chức Tổng Thống, chính Ngài đã mau chóng xác định lại những bảo đảm và tiếp tục chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ (đối với Việt Nam) cũng như minh định hiệu lực của những cam kết hiện hữu. Tôi tri ân Ngài về việc Ngài (đã nói, rằng sẽ) quyết tâm tôn trọng hoàn toàn những cam kết đó trong nhiệm kỳ của Ngài. Như Ngài đã nhận định thật đủng, những bảo đảm nằy đặc biệt thích hợp với (trường hợp) Việt Nam Cộng Hòa.

Biết bao thế hệ dãn chúng Nam Việt Nam sau này được sống trorig tự do không bị Bắc Việtthống trị, sẽ mang ơn v'é những hành động mau lẹ của Ngài và về lòng kiên trì của dân tộc Hoa Kỳ vỉ đại.

Kính thư

(kt) Nguyễn Văn Thiệu Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa

Ford nhận được thư của ông Thiệu, cùng với thư cầu cứu của Chủ tịch Thượng và Hạ viện Việt Nam Cộng hòa (xin xem phụ lục) nhưng hoàn toàn im lặng, không có hồi âm mà cũng không cho quốc-hội và nhân-dân Hoa Kỳ hay. Ông lên máy bay đi Palm Spring chơi golf và hai tuần sau, Đà Năng thầt thủ.

# CHƯƠNG I - KHÚC QUANH LỊCH SỬ

Buổi sàng Saigòn hôm ấy, nắng chói chang và nóng bức, không khí nặng nề, mùi của khói xe hơi pha trộn với mùi mía ủng và những thoáng hương nhài. Nguyễn Tiến Hưng, trong bộ đò màu lam thẫm mà anh ưa nhất ra khỏi căn nhà của bà mẹ anh tại đường Phan Đình Phùng, nơi anh đã cư ngụ từ ngày ở Mỹ về, và bước vào chiếc công xa Peugeot màu đen. Hôm ấy, là ngày 15 tháng Chín 1971; lần đầu tiên anh được mời đến hội kién với Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa tại Dinh Độc Lập. Lúc xe lướt ngang qua những hàng cây me dọc đại lộ Thống Nhất, anh sực nhớ hòi còn là một sinh viên, anh đã thườrig phải ngừng lại đợi trên chiếc xe Mó-bi-lét trong khi cảnh sàt lấy những trục kẽm gai chắn đường đế cho các viên chức cao cấp ra vô dinh. Hôm ấy, anh khỏi cần đợi. Bây giờ anh đã là một giáo sư kinh tế học tại Hoa Kỳ, và từ hai năm qua, anh đã từng viết thư cho ông Thiệu, để tham luận về tình hình chiến tranh cũng như đ'ê nghị những biện pháp mới để phục hồi nền kinh té Việt Nam.

Khi thấy chiếc công xa, lính phòng vệ trong Dinh, thân hình vạm vỡ, cao lớn, trong những bộ quân phục trắng với giây biểu chương vàng, găng tay trắng và mũ bê rê đen, từ từ mở cánh cổng sắt đồ sô phía trước Dinh. Cổng này là di tích của thời Pháp thuộc; khi ấy, Phủ Tổng Thống là noi cư ngụ của viên Toàn quyền Đông Dương người Pháp. Dinh Độc Lập đã được xây lại sau lần bị tàn phá nặng nề trong vụ ném bom đảo chánh chống lại Tổng Thống Ngô Đình Diệm năm 1962. Sau đó, Tổng Thống Diệm dọn sang dinh Gia Long ở cho tới cuộc đảo chánh tháng 11 năm 1963. Chính Tổng Thống Thiệu, hòi ấy còn là một đại tá chỉ huy Sư đoàn 5 Bộ Binh đã dẫn đầu cuộc tấn công đó.

Những khẩu M-16 trên vai lính phòng vệ bóng loáng trong ánh nắng nung nấu in hần lên những trạm canh, có hình mái chùa dọc theo hàng dậu sắt bao quanh Dinh. Hai chiếc phi cơ trực thăng nầm yên trên vườn cỏ . Thấy xe tới, đội phòng vệ thoắt đứng vào thế nghiêm và bồng súng chào Hưng, như thể chào một vị đại sứ hay tổng trưởng nội các. Viên giám đốc nghi lễ mang kính trắng trong bộ tây phục màu đen, đón chào anh và đưa anh lên hàng cầu thang uốn cong trải thảm dầy, dẫn tới những cánh cửa khổng lồ bàng kính của phòng tiếp khách ở lầu hai.

Lúc hai người bước vào bên trong, khí lạnh của máy điều hòa không khí làm tăng vẻ yên tĩnh bao trùm các bộ bàn ghế cổ kính sang trọng. Phòng khách được trang hoàng với những bộ ghế mun chạm trổ, những bàn son mài và những bộ tủ. Một bức bình phong khảm xà cừ của Trung Hoa tạo thành một bối cảnh cho cặp ngà voi được chưng trên hai giá cũng bằng gỗ mun. Dọc một hành lang có bằy những bình pha lê cắm đầy hoa glay-ơn vàng, đỏ. Đó là lối đưa tới phòng làm việc của Tổng Thống Thiệu.

Trong bầu không khí đày nghi thức lúc đó, Hưng bỗng có cảm thấy e ngại. Ở vào tuổi ba muơi lăm người nhanh nhẹn, nòng nhiệt, đôi mắt nâu sáng ngời khi nói chuyện, anh có một vẻ hăng say và thành khẩn trẻ trung. Thế nhưng khi sắp giáp mặt ông Thiệu, anh cảm thấy không được tự nhiên. Anh tự hỏi, là một quân nhân, ông Thiệu sẽ có phản ứng thế nào đối với một giáo sư kinh tế học? Ông có phải là một nhà độc tài lạnh lùng, xa cách như báo chí Mỹ mô tả? Hay ông chì ưa độc thoại như thói quen của ông Diệm? Dù đã sống mười ba năm ở Mỹ, Hưng vẫn còn nặng tinh thàn Khổng Giáo, một niềm tôn kính đối với vị lãnh đạo quốc gia — người mà anh sắp sửa bàn bạc một số đề nghị hết sức quan trọng.

Một người cận vệ mặc quân phục mở cửa văn phòng của ông Thiệu, viên giám đốc nghi lễ bước vào và giới thiệu anh với Tổng Thống Thiệu là “Giáo su Hưng”. Điều này làm anh hài lòng, bởi lẽ, theo truyền thống, kẻ sĩ chiếm địa vị cao nhất trong thứ bậc xã hội tứ dân cổ truyền. Tổng Thống Thiệu bước tới, bắt chặt tay Hưng, ông nói với một nụ cười tươi: “Bây giờ mình mới thực sự gặp nhau!”

Lúc ấy, chì có một mình ông Thiệu trong phòng. Trước đó, Hưng cứ tưởng sẽ có nhiều phụ tá khác trong buổi gặp mặt. Họp tay đôi thế này, anh cảm thấy thoải mái hơn. Anh có thể nói trực tiếp không qua người trung gian. Cảm tưởng thứ nhất của Hưng là ông Thiệu có vẻ rắn rỏi, nhưng dè dặt và nghiêm nghị. Với đôi mắt sáng quắc, ông Thiệu ngó thẳng vào mắt Hưng, như dọ dẫm. Anh nghĩ: ông này đang coi tướng mình đây, chắc muốn xem mình có phải là làm cho “Xịa” hay đến cầu cạnh việc gì không?

Hưng nhìn thẳng vào mắt ông Thiệu, như thể đáp lại sự dò xét đó. Khuôn mặt ông tròn trĩnh, không vết nhăn hay vẻ lo âu. Chì một vài sợi tóc bạc tô điếm hai mái tóc đen chải chuốt. Ông mặc một bộ quần áo kaki, sơ-mi ngắn tay. Ông ra hiệu mời anh ngồi vào một trong hai ghé bành bọc gấm đối diện nhau ở một góc xa của căn phòng, giữa hai ghế là một bàn nhỏ bằng gỗ gụ. Thế là hai người ngồi xuống để khởi sự một mối liên hệ có ảnh hưỏng sâu xa tới cuộc đời của Hưng từ đó.

Hưng sinh trưởng tại Thanh Hóa, Bắc Việt. Thân phụ anh là một điền chủ Công Giáo mộ đạo, người huyện Nga Sơn. Gia đình có chín người con sống trong một căn nhà gạch ba tầng duy nhất tại xã Điên Hộ. Thảng năm 1954, vào lúc quân Pháp bại trận tại Điện Biên Phủ, Hưng mới mười tám tuổi. Anh được tin là bộ đội Việt Minh từ các căn cứ gần làng sắp sứa tràn xuống. Cha anh vừa là điền chủ, vừa là tín đồ Công Giáo, ắt không tránh khỏi nguy hiểm cho tính mạng. Hưng bèn khuyên cha là cả gia đình phải bỏ trốn ngay tức khắc. Bằng đường bộ, họ đi theo các toán quân rút lui, những đoàn nông dân băng qua những lằn đạn bắn sẻ, chạy tới bờ biển cách đó mười hai dặm. Sau cả đêm chạy bộ, gia đình Hưng mệt lả, và Hưng là người con trai lớn tuổi nhất có mặt lúc đó nên đã phải lãnh trách nhiệm di tản. Anh đổi hai thỏi vàng lấy một con thuyền tam bản nhỏ để ra khơi. Sau nhiều giờ lênh đênh trên sóng, gia đình anh gặp một chiếc tàu Pháp và được vớt lên khoang bằng thang giây bên cạnh tàu. Cùng với gằn một triệu dân tỵ nạn khác, gia đình Hưng di tản vô Nam, đến Saigòn. Hưng sống tại đây được bốn năm. Anh đang theo học đại học, thì được học bổng Smith-Mundt sang Hoa Kỳ năm 1958 để theo đuổi môn kinh tế học.

Anh tốt nghiệp với văn bằngTiến Sĩ tại Đại học Virginia là nơi anh theo học với hai vị giáo sư Warren Nutter và James Schlesinger, hai ngôi sao sáng đối chọi nhau trong phân khoa Kinh tế trước khi họ rời lên Hoa Thịnh Đốn, phục vụ trong chính phủ Nixon. Tại Hoa Kỳ, Hưng dùng tên thánh của mình là Gregory (Giáo Hoàng Gregory Đệ Nhất, 590-604), do một vị linh mục trong làng đặt cho anh lúc rửa tội. Sau khi tốt nghiệp, anh đang sửa soạn trở về Saigòn để nhận chức Giám Đốc Hối đoái, thì cuộc đảo chánh 1963 đã làm đảo lộn kế hoạch của anh. Anh ruột Hưng là Nguyễn Hữu Chình, một viên chức cao cấp trong chính quyền Ngô Đình Diệm đã bị liên lụy và khuyên anh chưa nên về quê hương vội. Anh nhận một chức giâng sư tại Đại Học N.c. Wesleyan, sau đó, chuyển sang Đại học Trinity, rồi Đại học Hovvard ở Hoa Thịnh Đốn. Trong môi trường của đại học, anh đã bắt đầu tìrr mọi cơ hội để chống lại phong trào phản chiến. Năm 1966, anh gia nhập Qũy Tiền Tệ Quốc Tế (IMF), phụ trách chương trình kinh tế cho các nước cựu thuộc địa Pháp tại Phi Châu.

Tháng Ba 1968, trong một chuyến đi công tác ở Gambia cho Qũy Tiền Tệ Quốc tế, anh bât nghe trên làn sóng ngắn của đài Tiếng Nói Hoa Kỳ, tin Tổng Thống Lyndon Johnson sẽ không ra tái tranh cử nữa. Anh linh cảm thấy ngay một thay đổi lớn trong chính sách của Hoa Kỳ đối với miền Nam Việt Nam. Sau chuyên công tác đó, anh quyết định rời Qũy Tiền tệ, quay về vói cuộc đời dạy học. Đó là môi trường mà anh nghĩ có thể cho phép anh tích cực hoạt động chính trị giúp nước một cách đắc lực hơn — bởi lẽ anh không được quyền làm chính trị trong cương vị một công chức quốc tế. Mùa hè 1969, Hưng thảo bức thư đằu tiên gửi Tổng Thống Thiệu. Trong thư, anh phân tách sự chống đối chiến tranh của sinh viên Hoa Kỳ và thái độ thù nghịch của báo chí Mỹ đối với ông Thiệu cũng như các tướng lãnh bị buộc tội tham nhũng. Lá thư của anh được Tướng Tràn Văn Đôn chuyền đạt. Tướng Đôn là một nhân vật trong Quốc Hội, cũng là người mà ông Thiệu đã yêu cầu nhận chức vụ đại sứ lưu động không chính thức.

Hưng rất thường gặp giáo sư Warren Nutter, lúc ấy đã trở thành Phụ tá Bộ Trưởng Quốc Phòng, đặc trách An Ninh Quốc Tế và là cánh tay mặt của Bộ Trưởng Quốc Phòng Melvin Laird. Anh gửi cho ông Thiệu một loạt phúc trình đề nghị những biện pháp khắc khổ, nhằm ổn định nền kinh tế bị lạm phát vì chiến tranh. Do những tiếp xúc riêng, Hưng biết rằng vấn đề rút quân của Hoa Kỳ đang có chiều hướng tăng gia tốc. Anh giải thích cho ông Thiệu biết về những áp lực nặng nề đối với Nixơn do nhóm sinh viên chống quân dịch và phản chiến muốn chấm dứt chiến tranh Việt Nam ngay tức khắc. Vụ Vệ quốc binh bắn chết bốn sinh viên và làm bị thương chín người khác tại Đại học Kent ở Ohio ngày 4 tháng 5, 1970, trong một cuộc biểu tình phản đối cuộc tấn công vượt biên sang Cam-bốt tháng trước, đã trở thành một biểu tượng của tinh thần “chết cho chính nghĩa” trong giới thanh niên Mỹ.

Hành động này chì làm cho ngọn lứa chống đối chiến tranh càng bùng lên dữ dội hơn, cũng như sự xuất bản tập “Tài liệu Ngũ Giác Đài” mà một nhóm chuyên viên tại bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ đã tiết lộ cho tờ New York Times.

Thể rồi, ngày 15 tháng 7, 1971, Tổng Thống Nixon đã làm cả thế giới ngạc nhiên khi ông loan báo chuyến bay bí mật sang Bắc Kinh của Henry Kissinger, vị Phụ tá An Ninh Quốc Gia tại Bạch Cung — chuyến đi dọn đường cho cuộc thăm viếng của chính Nixon bảy tháng sau đó, vào tháng Hai, 1972. Những năm mà Trung Cộng công khai tố cáo Hoa Kỳ là con “hổ giấy”, là “tên trùm đế quốc chủ nghĩa”, nay sắp sứa chấm dứt. Hoa Kỳ rồi đây sẽ phải thay thế mối lo sợ xâm lược của Trung Cộng tại Đông Nam Á bằng một chính sách mới gòm ba điểm: hòa hoãn với Nga, khai thác những mối tranh chấp giữa Nga và Trung Cộng và bình thường hóa quan hệ với Trung Cộng. Ý đò của Nixon, do Kissinger đang thi hành, là kéo Trung Quốc vào một quan hệ xây dựng mới và rút khỏi cuộc chiến tại Việt Nam. Ông sẽ kêu gọi sự giúp sức của cả Nga lẫn Tầu nhằm thuyết phục Bắc Việt, là Hoa Kỳ thành thực muốn chấm dứt chiến tranh.

Sự đảo ngược táo bạo hai-mươi-hai năm thù nghịch giữa Hoa Kỳ và Trung Cộng, là một khúc quanh lớn trong chính sách Mỹ. Nó đã làm cho các đòng minh không hề được tham khảo, bàng hoàng và lo ngại.

Tin này khiến ông Thiệu vô cùng sửng sốt. Ông muốn biết chiến lược của Nixon sẽ ảnh hưởng đến Việt Nam ra sao. Trước hết, ông muốn xâc định xem có phải Nixon đã nản chí và bỏ rơi lập trường chống Cộng của mình hay không. Tìm trong tập hò sơ về những bài diễn văn của Nixon, mà ông thường lưu giữ, ông rút ra một bài mà ông còn nhó. Lời lẽ bài đó, còn bám chặt ký ức ông. Cuộc chiến tranh Việt Nam, như Nixon đã nhận định năm 1965: "Là một sự đương đàu — chảng phải là giữa Việt Nam Cộng Hòa và Việt Cộng hay giữa Hoa Kỳ và Việt Cộng — mà chính là giữa Hoa Kỳ và Trung Cộng.

Nếu Hoa Kỳ bỏ rơi Việt Nam, Á Châu sẽ bỏ rơi Hoa Kỳ và Thái Bình Dương sẽ trở thành một biển đỏ. Đó mới là nguyên tắc chinh. Ta nên ngăn chận sự xâm lược của Trung Cộng tại Việt Nam lúc này hay là chờ cho đến khi những rủi ro sẽ lớn hơn nhiều nữa?”.

Cho đến nay, trước khi có lời loan báo bất ngờ của Nixon, sự cam kết của Hoa Kỳ đối với Việt Nam được xây dựng trên nền tảng là Mỹ muốn ngăn chặn Trung Cộng, không để cho lan tràn xuống Đông Nam Á. Nó bắt nguồn từ hồi Tổng Thống Eisenhower chấm dứt chiến tranh Triều Tiên năm 1953 và giúp Pháp chống lại Hồ Chí Minh

Người ta thường gọi đó là “Thuyết Đô-mi-nô”, như Eisenhovver đã phác họa: Nếu một nước tại Á Châu đổ, thì các nước khác đổ theo như một hàng quân bài đô-mi-nô.

Suy luận như vậy, ông Thiệu lo ngại rằng vì quyền lợi của các cường quốc, Việt Nam sẽ có thể bị hy sinh. Vì người Mỹ không còn coi Trung Cộng là đối thủ chính của mình tại Á Châu nữa, ông nghĩ, họ sẽ thôi không còn căn cứ chính sách Á Châu của họ vào việc ngăn chận làn sóng đỏ Trung Cộng ngay tại Việt Nam và như vậy chắc chắn họ sẽ muốn rút khỏi Việt Nam, để mặc cho miền Nam đơn thương độc mã đương đầu với miền Bắc có Nga đứng đằng sau.

Mối băn khoăn của ông Thiệu về chính sách mới này của Hoa Kỳ lai càng tăng thêm khi ông thấy hành động và thái độ của Kissinger trong chuyến viếng thăm Saigòn hòi tháng bảy vừa qua (trên đường đi Trung Quốc). Tuy bề ngoài mang vẻ một chuyến đi làm quen với Ấ Châu, nhưng Kissinger đã tới nơi đúng vào lúc Saigòn đang chuẩn bị cho cuộc bầu cứ Tổng Thống vào mùa thu tới. Kissinger theo đúng lập trường chính thức của Hoa Kỳ là đứng ngoài vòng và không ủng hộ ứng cử viên nào hết. Để thực hiện lập trường đó, ông đã đến gặp các đối thủ của Thiệu và các nhà lãnh đạo phe đối lập trong hàng ngũ Phật giáo và các đoàn thể lao động. Ông Thiệu cho hành động này của Kissinger có nghĩa là Mỹ đã thôi không ủng hộ mình. Ông còn nhớ những biến cố bạo động năm 1963, Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã bị lật đổ và sàt hại trong một cuộc đảo chánh, chì một thời gian sau những buổi họp giữa Đại sứ Mỹ Henry Cabot Lodge và những nhà sư Phật giáo chống đối ông Diệm. Thiệu cho rằng sự can thiệp của Kissinger vào diễn trình chính trị ở Saigòn là một nỗ lực ngầm phá quyền uy của mình, và ông liền đặt Lữ đoàn Phòng vệ Phủ Tổng Thống trong tình trạng bảo động.

Sau khi chuyến đi Trung Hoa được loan báo, ông Thiệu lại càng ngờ vực hơn nữa. Liệu Kissinger đã có thỏa hiệp ngầm nào với Châu Ẵn-lai chưa? Hắn có ghé Hà-Nội trước khi thăm Bắc-Kinh không? Việt Nam Cộng Hòa sẽ đóng vai trò nào trong chiến lược quân bình toàn càu của Mỹ sau khi Hoa Thịnh Đốn tái lập quan hệ bình thường với Bắc-Kinh? Đó là những câu hỏi luẩn quẩn trong đàu ông Thiệu hồi ắy. Mặc dù họ chì gặp nhau trong phút chốc, nền tảng của sự ngờ vực giữa Kissinger và Thiệu đã được xây nên từ đó. Ông Thiệu về sau có nói riêng với Hưng và một số phụ tá thân cận của ông là, Mỹ đang đi kiếm một nhân tình mới trẻ đẹp hơn và Nixon bây giở đã tìm được tiểu thư Tầu. Ông ta không còn muốn thấy nhân tình cũ bám theo mình nữa. Em bé Việt đã bị chê già và xấu rồi”.

Chĩ vài ngày sau khi Nixon loan báo chuyến vi hành bí mật của Kissinger qua Trung Quốc, ông Thiệu nhận được một bức thư của Hưng giục ông chuẩn bị đưa sáng kiến hòa bình của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa ra bàn hội nghị trước khi Nixon lên đường. Hưng cảnh cáo rằng Việt Nam Cộng Hòa phải tránh đừng để bị cuốn đi theo chiều gió lốc của sự thay đổi chính sách Hoa Kỳ. Chính vì lý do này mà ông Thiệu đã mời anh về Saigòn.

Ngồi đối diện nhau lằn đằu tiên trong văn phòng ông Thiệu, ông hỏi Hưng với giọng nói có âm hưởng của miền Trung: “Ông là giáo sư ở Mỹ. Theo ông, thì người Mỹ đang định làm trò gì?”

Hưng đáp: “Thưa Tổng Thống, tôi nghĩ họ đang bỏ rơi mình rồi!”

Thiệu trừng trừng nhìn Hưng, giật minh vì câu đáp thẳng thừng của anh. Hưng tiếp: “Người Mỹ thẩm định mọi việc bằng một balance sheet, một bên ghi tích sản, một bên ghi tiêu sản, và họ lấy con số kết toán đê xác định chính sách.”

Ông Thiệu có vẻ không hiểu. Hưng bèn rút cuốn sổ tay ra và vẽ một bản đối chiếu chi thu, liệt kê trong hai cột những thí dụ về tài sản và nợ nần của Việt Nam đối với chính sách đổi ngoại và đối nội của Hoa Kỳ. Anh giảng giải: “Cho đến lúc này, thì Việt Nam vẫn được coi là một “tích sản”; nhưng bây giờ thì đã trở thành một “tiêu sản”. Ông Thiệu mím cười và gật đầu như có vẻ đòng ý. Hưng nói tiếp: “Nixon là người vẫn còn ủng hộ Tổng Thống và ủng hộ Việt Nam Cộng Hòa, nhưng ông ta đang bị áp lực nặng nề. Tôi không biết Nixon còn có thể chịu đựng được bao lâu nữa. Việt Nam đã trở thành một gánh nặng cho chính cá nhân ông ta. Áp lực quần chúng đòi chấm dứt chiến tranh bây giờ đã quá nặng, miền Nam cần phải tự mình tìm lấy sáng kiến đề đi đến hòa binh. Chì bằng những sáng kiến ấy, ta mới không bị chỉ trích là ngoan cố và mới có thể lấy được hậu thuẫn của dân chúng Mỹ.

Hưng cũng đã biết đến chính sách “Bốn không” của ông Thiệu đối với Bắc Việt: không thừa nhận Cộng sản, không trung lập hóa miền Nam, không lập chính phủ liên hiệp, và không nhượng đất cho Cộng sản. Gợi ý rằng ông Thiệu nên đề nghị tái lập giao thương giữa miền Bắc và miền Nam như một bước đầu để tiến đến thống nhất bằng hòa bình là rnột thay đổi lớn trong chính sách. Hưng đã nêu ý kiến này trong các lá thư viết cho ông Thiệu. Bây giờ, anh quyết định sẽ đi vào các chi tiết cách thực hiện ý kiến ấy, dựa vào công thức Đức quốc là “Hai vùng trong một đơn vị kinh tế”. Hưng nói: “Trên bình diện chính trị, sẽ có hai miền Bắc và Nam; nhưng trên bình diện kinh tế, ta sẽ tiến đín một thị trường chung”. Hưng cố tránh không nói đến “một quốc gia” mà chỉ nói đến một thị trường chung cho toàn cõi Việt Nam. Ông Thiệu sẽ phải chính mình khởi sự cuộc tấn công ngoại giao, nếu không sẽ bị chính trị đại cường áp đảo. Hưng muốn thuyết phục Ông Thiệu hãy tỏ ra mềm dẻo hơn và đi bước trước, phải nghiêm chình muốn điều đình với Bắc Việttrên căn bản quyền lợi hỗ tương. Hưng lập luận rằng cho dù Bắc Việtcó gạt bỏ ý kiến giao thương đi nữa, sáng kiến này cũng sẽ thay đổi được phần nào hình ảnh cứng rắn và bất thỏa hiệp của ông Thiệu.

Ông Thiệu bắt đầu lấy giấy ghi chép. Được thể Hưng lại đề nghị thêm là Saigòn nên đi bước trước, mời Bắc Việtcùng tài thiết đường hỏa-xa Nam Bắc để buôn bán với nhau và cùng chung sức thực hiện những dự án phát triển sông Cửu Long. Kế hoạch này đã được Liên Hiệp Quốc ủng hộ, tốn khoảng hai tỷ Mỹ kim, nó có thể cung cấp điện lực cho tất cả càc nước ở Đông Dương, kề cả Bắc Việt.

Hưng ngạc nhiên thấy mình nói chuyện được dễ dàng với ông Thiệu. Báo chí Mỹ thường mô tả ông; là độc tài và tham nhũng. Một mình với Hưng, Thiệu đã không có cử chỉ cao ngạo, lại có vẻ tự tin và bình tĩnh.

Tuy nhiên Hưng cũng đã nhận thấy nơi ông Thiệu một cá tính thận trọng, đa nghi. Dù có vẻ bình tĩnh, ông thường xuyên chớp mắt khi nói chuyện, đề lộ cho Hưng thấy dấu hiệu một lo âu hay xáo trộn nào đó bên trong. Ông không phê bình gì những quan điểm anh vừa trình bày, mà chì nói: “Ý kién của giáo sư có nhiều hứa hẹn”, và yêu cằu Hưng viết một bài diễn văn để ông xử dụng trong cuộc tranh cử sắp tới. Ông Thiệu cũng nhờ Hưng thử bàn ý kiếm tái lập giao thương ấy với các viên chúc Mỹ khi trở lại Hoa-Thịnh-Đốn. Anh băn khoăn: Sáng kiến hiệp thương phải là một cử chì đơn phương của Việt Nam Cộng hòa chứ sao lại lệ thuộc vào người Mỹ ? Nghĩ vậy, nhưng anh nhận lời đề nghị của ông Thiệu.

Cuộc họp mặt gằn chấm dứt. Hưng nhận thấy ông Thiệu có vẻ quan tâm, lo ngại. Đây là lúc ông Thiệu cần phải có một chiến lược mới đề đối phó với các phe đòng minh của mình. Anh để ý thấy ông Thiệu bỗng ngưng bặt, mắt nhìn xa xôi. Anh biết rằng ông Thiệu rất cần có sự giúp đỡ của Hoa Kỳ; quả là tình trạng tuyệt vọng của một kê sắp bị chết đuối nên ông đã phải liều nắm lấy cái cọc tài lập giao thương và nhờ cậy một giáo sư Việt Nam tại Mỹ làm người biện hộ cho mình.

Chuyến viếng thăm đầu tiên của Hưng đã nhằm đúng vào lúc ông Thiệu đang ra tranh cử, với một lối vận động không lầy gì hào hiệp cho lắm. Bất chấp những loạt phản đối của Hoa Kỳ về sự độc diễn, ông Thiệu vẫn không chịu bỏ ý định đơn phương tranh cử của mình năm 1971. Nhóm phụ tá của ông đã thao túng Quốc Hội thân chính hồi đó để thông qua một đạo luật đòi mỗi ứng viên Tổng Thống phải lấy một chữ ký ủng hộ của ba-mươi-mốt tình trưởng mới được ra tranh cử. Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ lấy được đủ số chữ ký cần thiết, nhưng lại nộp đơn trễ. Tối Cao Phàp Viện tuyên bố ông Kỳ hợp pháp, nhưng ông quyết định không ra tranh cứ, người Mỹ rất muốn có một ứng viên đối lập chống lại ông Thiệu, nên đã tài trợ cho Đai tướng Minh để ông này có ngân khoản vận động tranh cứ. Ông Thiệu có bằng cớ là tướng Minh đã chuyển khoản tiền đó từ Paris qua một trương mục của mình tại Đông Kinh Ngân Hàng ở Saigòn. Nhưng khi tướng Minh xét mình không thể nào địch nổi ông Thiệu, ông bèn ôm lấy tiền mà không tranh cứ nữa.

Ông Thiệu về sau tiết lộ rằng ông đã lập luận đại với Đại Sứ Bunker là cần phải ba tháng mới thay đổi được luật bầu cử Tổng Thống và mất thêm ba tháng nữa để vận đông tranh cữ. Trong thời chiến, sáu tháng đó có thể làm xáo trộn luật pháp và trật tự. Vì vậy, ông Thiệu đã quyết' định thà làm phật lòng Hoa Kỳ còn hơn là nhường chỗ cho một ứng viên mà ông cho là có thể đưa miền Nam tới một chính phủ liên hiệp với cộng sản.

Thực ra, ông Thiệu và những người thân cận của ông đã không thực tâm tin vào lợi ích của những cuộc bầu cử dân chủ trong một nước vừa lạc hậu, vừa đang bị chiến tranh tàn phá. Họ quan niệm quyền bính theo nghĩa Thiên Mệnh trong học thuyết Khổng Tử, theo đó, người lãnh đạo phải biết cách duy trì quyền lực là sứ mạng của Trời cho không khác gì người theo đạo Calvin tin ở ân sủng của Thượng Đế và luật tiền định. Một vị tổng trưởng trong nội các đã có lần giải thích như thế này: "Đôi khi chúng tôi đã đỏng ý với người Mỹ (để thành lập các định chế dân chủ) chỉ đê làm họ vui lòng mà thôi”.

Sau này, có lần ông Thiệu tiết lộ với Hưng rằng: "Các tướng lãnh hoi đó không ai muốn có bâu cử sau khi lên nắm chính quyển vào nám 1965, nhưng người Mỹ cứ đòi phải có. Một hôm Tướng Kỳ, hời đó là Thủ Tướng, đang đi thăm mién Táy, có một ký giả hỏi: "Bao giờ mới có được một chính phủ dân sự?”, Ông Kỳ đáp. "Khoảng hai năm nữa. Chúng tôi sẽ tiếp tục chính phủ quân sự trong hai năm.” Ông Thiệu nhớ lại là câu đáp này của ông Kỳ làm người Mỹ hoảng sợ vì đợi như vậy thì quá lâu. "Hai tuần sau đó — ông Thiệu nói — Phật giảo và sinh viên biêu tình đòi một chỉnh phủ dân sự.” Ông tiếp: "Hễ lúc nào anh thấy Đại sứ Mỹ tới gặp và yêu càu tôi làm một việc gì đó mà tôi không làm, thì đúng hai tuần sau anh sẽ thấy có biểu tình hoặc báo chí chống đối”.

Hưng thảo diễn văn phác họa đề nghị giao thương Nam Bắc và ỏng Thiệu đọc bài này ở Saigòn ngày 1 thảng 10, 1971, chỉ có hai hôm trước ngày bầu cứ. Bài diễn văn được báo chí Saigòn đăng tải rộng rãi, và được coi là một sáng kiến hay của ứng cử viên Thiệu. Giới truyền thông Mỹ thì không thấy ai chú ý đến đề nghị này. Tại Hoa- Thịnh-Đốn, Hưng đi vận động cho đề nghị ấy và được giới thiệu đến Philip Habib, lúc bấy giờ là phụ tá Ngoại Trưởng đặc trách Đông Nam Á và Thái Bình Dương. Habib nói với anh: "ý kiến hay đấy, nhưng quá muộn rồi. ” Lúc ấy, Hưng không hiểu tại sao Habib lại nói như vậy. Sau này, khi được biết về những cuộc mật thương giữa Kissinger và Hà Nội, thi anh mới hay rằng cái thời mà ta hy vọng có được sự trao đổi trực tiếp giữa Saigòn và Hà Nội đã qua rồi.

Trong một nỗ lực nhăm xoa dịu Nixon và cải thiện hình ảnh mình tại Mỹ đã bị làm hoen mờ vì màn độc diễn, ông Thiệu tuyên bố sẽ quay về với đời sống dân sự sau khi hòa bình được vãn hồi . Tranh cử một mình, nên ông đã chiếm đươc 94 phàn trăm số phiếu của những người thực sự đi bầu, ước khoảng 87 phần trăm số cử tri hợp lệ, theo thông cáo chính thức; thế nhưng, cũng có nhiều nghi vấn về các con số này.

Ông Thiệu nghĩ rằng ông đã được trao “Thiên Mệnh” thêm bốn năm nữa. Ông không biết rằng ông đã phải trả một giá quá đắt, là mất đi một số hậu thuẫn của quốc hội cũng như của giới báo chí Mỹ vì đã tranh cử một mình.

Tháng Chạp năm đó, ông Thiệu lại mời Hưng trở về Saigòn. Lần này, viên sĩ quan của Phủ Tổng Thống đã lên tận máy bay đón anh xuống mà không cần qua thủ tục nhập cảnh. Chuyến trở về lần thứ hai này, Hưng có nhiều thì giờ hơn đế: tìm lại thành xưa phố cũ. Sau mười ba năm sống ở Mỹ, anh thấy cái gì ở Saigòn cũng có vẻ nhỏ bé hơn xưa. Thành phố mến yêu của Hưng ngày nào với những đại lộ. thênh thang, những công thự đò sộ của thời Pháp thuộc, có vẻ như đã co đi, rút lại. Chì có chiến tranh là vươn lớn thôi. Khi được thấy Saigòn lần đầu tiên vào năm 1954, hòi anh mới đến tỵ nạn, thì thành phố này đối với Hưng là cả một sức sinh động, đầy nhựa sống, đầy diễm lệ, với biết bao vận hội đầy hứa hẹn. Những càn nhà gạch quét vôi màu vàng nhạt, với những mái đỏ, là phong cách của Nam Kỳ, tên gọi cũ mà người Pháp đật cho phần đất này của Việt Nam. Saigòn là thủ đô của miền Nam phong phú, với đời sống dễ dàng nhờ ở những lớp phù sa mà Ciĩu Long giang cuốn tới: Giông sông của Chín con Ròng. Theo thần thoại, thì rồng tượng trưng cho một sinh lực tốt lành. Từ cao nguyên Tây Tạng, phía bên kia dãy Hy Mã Lạp Sơn, sông Cứu Long cuốn chảy chửng trên một ngàn dậm; khi tới miền Nam thì chia làm nhiều nhánh uốn hình trông như chín con ròng, tạo nên đồng bằng cửu Long. Nước sông mầu mỡ, đã cho miền Nam có đến ba vụ gặt mỗi năm: “nước sông dâng lên cá lội vô bờ.” Gạo lúc nào cũng đủ ăn và còn dư để bán cho miền Bắc và Trung nghèo khó.

Hưng tin chắc rằng 'phần lớn căn nguyên của chiến tranh đã bắt nguồn từ sự khác biệt giữa hai nền kinh tế Nam và Bắc. Ngay từ thời thơ ấu ở ngoài Bắc, anh đã được thấy những áp lực của nhu cầu sinh sống gây ra bởi sự thiếu thực phẩm tại phía bắc vỹ tuyến 17.

Trong một bữa ăn trưa tại Dinh Độc Lập một hôm sau lễ Giáng Sinh, Hưng nói với ông Thiệu rằng một trong những lý do chính khiến Hà Nội đã chuyển từ một mức chiến tranh thấp sang toàn lực chinh phục miên Nam là: Miền Bắc, sau nàm 1954, đã bị cắt đứt mất vựa lúa ở miền Nam. Anh nhắc lại để ông Thiệu nhớ rằng chi một thời gian ngắn sau khi chia đôi đẩt nước, Hà Nội đã cố trèo kéo Tổng Thống Diệm vào bàn hội nghị để nói chuyện mậu dịch lúa gạo. Anh còn kể lại những chuyện đã xẩy ra ngay tại quê anh, huyện Nga Sơn, tình Thanh Hóa hồi anh còn nhỏ.

Năm 1945, vi tình hình nội thương gián đoạn do thế chiến gây ra, lúa gạo không còn được chở tử Nam ra Bắc nữa. Người ta ước lượng khoảng từ 1 triệu rưỡi đến 2 triệu người, lói 12 phàn trăm dân số Bắc Việthòi ấy đã bị chết đói, phằn lớn ở Thanh Hóa và các tình nghèo đói lân cận, kể cả Nghệ An, nơi sinh của Hồ Chí Minh và của cuộc Cách Mạng vò sản Việt Nam. Năm ấy, Hưng mới lèn chín. Cứ mỗi sáng chủ nhật thân phụ anh sai anh ra đứng ngoài cổng để giữ trật tự cho đám nông dân đói kéo tửng đợt vào sân ẽlể xin ăn. Mỗi người, bất kề tuổi tác, được phát một tô cháo loãng ăn cho có sức để đi tiếp sang một làng khác và tìm đến một nhà hảo tâm khác. Có người yếu quá, không còn lết được đến làng bên cạnh nữa.

Hưng còn nhớ một buổi tối, sau khi đã cho người nghèo đói ăn, anh ngồi ăn cùng gia đình. Bữa ăn chì có cơm và mấy miếng gà luộc. Người em trai anh ném một miếng xương xuống đất cho chó. Bỗng nhiên, tử ngoài cổng có một cụ già gầy yếu nhẩy qua hàng rào chạy tới và giật khúc xương rồi chạy đi. Hình ảnh đó đã in sâu vào trí óc anh.

Một hôm khác, sau khi cha Hưng đánh thức anh em Hưng dậy để đi lễ sáng, anh đã phải đi trước ra cổng để dẹp sang một bên những xác người đã chết đói trong đêm qua, còn nằm rải rác ngay phía ngoài cổng, để có lối đi. Ở nhà thờ, thân phụ anh thường bảo các con phải cầu nguyện cho lúa được mùa, cho đê đừng vỡ, và cho lụt khỏi xẩy ra; quan trọng hơn cả là phải cầu sao cho lúa gạo chóng được chở tử Nam ra Bắc.

Có những hôm, anh thấy toán tuyên truyền Việt Minh đi lảng vảng ớ ngoài nhà thờ. Một tên to lớn nhất và mặt mũi hung tợn nhất bọn, tay cầm ống loa, chờ đến lúc cả nhà thờ đang yên lặng cầu nguyện, bèn hô lớn vào ổng loa

Đàng bào hãy vùng dậy!

Quyết tâm theo Bác Hồ. Nông dân sẽ có đất, Người nghèo sẽ có án. Gạo lúa sẽ đày săn

Đà đảo địa chủ / Đả đảo cường hào ác bá!

Thầy chủ tế bèn ra lệnh cho đám nhi đồng trong nhà thờ hát lớn tiếng hơn để lấn át những tiếng hô hào bên ngoài. Đến cuối buổi lễ thì bọn Việt Minh đã rút lui về những dặng núi xa xa, nhưng lời nhắn nhủ của chúng thì còn ở lại. Mỗi ngày cha Hưng mỗi lo ngại thêm về nạn đói và cách mạng. Toán thanh niên cách mạng càng hay về làng thì cụ lại càng ở nán lại trong nhà thờ lâu hơn đề cầu nguyện.

Rồi “Cách Mạng Tháng Tám” bùng nổ, và nông dân đã hoàn toàn hưởng ứng lời hứa hẹn “lúa gạo đầy sân” của “Bác HÒ”. Suy luận như vậy, Hưng tin rằng chính cái lời hứa này và nạn đói năm 1954 đã đưa Cộng sản Việt Nam lên nắm được chính quyền chứ không phải là lý tưởng quốc gia như ngoại quốc thường nghĩ. Và chính là nhờ ở những tô cháo loãng bố thí cho nông dân mà cha H ưng đã khỏi bị mất đằu. Nông dân quanh vùng đã mang ơn sự cứu giúp ấy nên không đưa cụ ra trước Tòa án Nhân Dân được thành lập để xét xử địa chủ. Thoạt đằu, cụ hưởng ứng lởi kêu gọi của Việt Minh vì nghĩ họ chì chống Pháp. Cụ còn cho phép con cái đi theo “Bác Hồ” và cổ võ cho cách mạng bằng cách hát những bài hát cách mạng trong những buổi mít tinh trong làng. Hưng kể lại với ông Thiệu rằng anh vàn còn thuộc lòng bài hát “Ai yêu bác Hò Chí Minh hơn chúng em nhi đồng?”. Bà mẹ anh cũng đã ủng hộ nữ trang bằng vàng của cụ, và được bầu làm Chủ tịch ủy ban Tuần lễ Vàng của huyện, đi quyên vàng cho bác Hồ để có tiền mua súng đạn chống Pháp. Té ra, y đã dùng số vàng đó đút lót cho ông tướng Lư Hàn của Trung Hoa Quốc Gia hồi đó đang kiểm soát phần bắc Bắc Việtvào mùa Thu năm 1945 để ông này thôi không ủng hộ các đảng phái quốc gia nữa.

Õng Thiệu lắng nghe câu chuyện của Hưng kể và nói chính ông cũng đã mục kích vụ đói 1945. Nhưng làng của ông — thuộc ủnh Phan Rang, Trung Việt, cách Saigòn 218 dặm — đã may mắn hơn vì gần duyên hải, và dân làng có thể đánh cá mà ăn.

Ông Thiệu hỏi: “Tại sao ông nghĩ là Hà Nội sẽ đáp ứng đề nghị giao thương của mình?” Hưng đáp: “Vì ngay sau khi chia đôi đất nước năm 1954, họ đã nhiều lần đòi thương lượng về lúa gạo. Hè năm 1955, tôi đã từng thuộc lớp sinh viên học sinh đi biểu tình khắp các phố Saigòn hô lớn “Đả đảo hiệp thương với miền Bắc.!” Chúng tôi đã phá khách sạn Majestic là nơi mà phái bộ Bắc Việt đến điều đình hiệp thương. Viên trưởng phái bộ Văn Tiến Dũng đã may mắn lắm mới trốn thoát được. Tên này đã thề là sẽ trở lại Saigòn bằng xe thiết giáp, và quả nhiên vậy: y đã chì huy cuộc tổng tấn công miền Nam vào tháng Tư nàm 1975.)

Sau buổi hàn huyên này, ông Thiệu đã ra lệnh cho phái đoàn Việt Nam Cộng hòa ở Hòa đàm Paris ghi thêm vào bản đề nghị mới nhất với Hà Nội khoản có thể tái lập giao thương giữa hai miền.

Vào lúc ãy — khoảng đầu tháng Giêng 1972 — những mật đàm giữa Kissinger và Lê Đức Thọ tại Paris chưa được công bổ. Cứ theo những lời loan bào công khai, thì chì có một buổi họp chính thức giữa bốn phe Bắc Việt, Việt Nam Cộng hòa, Việt Cộng, và người Mỹ, mỗi tuần một lần tai Trung Tâm Hội Nghị Quốc Tế thuộc Bộ Ngoại Giao Pháp ở Đại lộ Kleber, Paris. Nhưng thực ra, đó chì là một diễn đàn đê tuyên truyền mà thôi, chứ không hoàn tất được cái gi cụ thể cả. Bắc Việtkhông hề đáp ứng lời đề nghị tái giao thương của ông Thiệu.

Trong vòng bí mật, Kissinger đã gặp riêng Lê Đức Thọ từ tháng chín năm 1969. Dù ông Thiệu đã đồng ý trên nguyên tắc về những vụ họp mật ấy, ông cũng không khỏi mỗi ngày mỗi thêm e ngại vì lẽ Kissinger đã chì cho ông biết vắn tắt diễn tiến những cuộc thảo luận qua những lần thuyết trình sơ lược của Đại sứ Bunker. Ông Thiệu đã gửi cho Kissinger một loạt văn thư nhấn mạnh rằng sự rút quân của cả hai bên Mỹ và Bắc Việtlà một điều kiện tiên quyết để ngưng bắn, nhưng Kissinger đã trả lời rất mập mờ. Chính sự mập mờ này làm ông Thiệu nghi rằng Kissinger sẽ thỏa hiệp với Bắc Việtmà không tham khảo với ông.

Chì vài ngày sau buổi gặp gỡ thứ nhất giữa Hưng và ông Thiệu, hồi tháng chín, sự lo ngại của ông Thiệu đã thành sự thật. Đại Tướng Alexander Haig, phụ tá của Kissinger, tới Saigòn theo lệnh của Nixon để báo tin cho ông Thiệu biết vê một lập trường mới và bí mật của Hoa Kỳ, sẽ được trao cho phái đoàn của Bắc Việtở Paris vào ngày 20 tháng 11. (Thực ra, đề nghị này đã được đưa cho Bắc Việtrồi mà ông Thiệu không được thông báo). Sau nhiều tháng bất mãn và bực dọc về sự ngoan cố của Bắc Việtđòi những khía cạnh chính trị VỀ. quân sự của cuộc hòa đàm phải được gắn liền với nhau, Hoa Kỳ đã phải nhượng bộ. Kissinger bèn đề nghị, và Nixon chấp thuận, một điều khoản đòi tổ chức một cuộc bầu cử tổng thống mới tại miền Nam trong vòng sáu tháng sau khi ký hiệp định hòa bình. Cuộc bầu cử sẽ được tổ chức bởi một ủy ban bầu cử có đại diện của cả ba lực lượng chính trị, kể cả Cộng Sản, dưới sự giám sát quốc tế. Một tháng trước khi bầu cứ, Tổng Thống Thiệu sẽ phải từ chức và chức vụ của ông sẽ phải do Chủ Tịch Thượng viện kiêm nhiệm.

Mặc dù đã thất bại trong mưu toan tạo cơ hội cho ứng viên đối líìp đương đầu với ông Thiệu, Kissinger giờ đây đã phác họa được một kế hoạch mới để buộc ông Thiệu rời bỏ chính quyền. Kế hoạch này tế nhị hơn việc trực tiếp đòi ông Thiệu từ chức. Ông Thiệu coi đề nghị của Mỹ là một điều sĩ nhục, nhưng lúc ắy, ông đã phải chấp nhận là vì ông đã bị Kissinger đưa vào thế kẹt. Nếu ông tỏ ra bướng bình trước ngày bầu cử, thì Kissinger cũng có thể trả đũa bằng một cuộc đảo chính. Ngoài ra, ông tin rằng kế hoạch của Mỹ đã chì là một lập trường để thương lượng, và Bắc Việtchắc sẽ bác bỏ vì hệ thống độc đảng của Cộng Sản không hề cho phép bằu cứ Tổng Thống. Mặc dù căm giận về nước cờ này của Kissinger — một nước cờ nhằm hạ uy quyền của mình và hủy bỏ chính phủ Việt Nam Cộng hòa — ông Thiệu vẫn một mực bình tĩnh với Haig. Công khai lớn tiếng với đòng minh chính yéu của mình châng có ích lợi gì. Ỡng vẫn không nghĩ rằng Nixon đang muốn bỏ rơi mình, dù rằng với Kissinger thì càng ngày ông càng thêm ngờ vực. Ông không thể tự mình để cho tình đòng minh rạn nứt công khai.

Ông Thiệu thường hay ví von những vấn đề giữa Việt Nam Cộng hòa và Hoa Kỳ với quan hệ phu phụ — “Vợ chòng cãi cọ nhau là lẽ thường. Và cãi nhau xong rồi thì đâu có trở thành thù địch của nhau. Không những vậy, vợ chòng chì nên cãi nhau trong phòng ngủ mà thôi, sau khi đã khóa kín cửa lại. Và không bao giờ được để cho con cái trông thấy cha mẹ chúng xô xát nhau. Đối với bằng hữu cũng vậy. Vì quyền lợi của ta, vì quyền lợi của Hoa Kỳ, ta nên tránh mọi vụ xích mích công khai, chì có lợi cho Cộng sản”.

Những cuộc gặp gỡ chì Kissinger và Lê Đức Thọ được thông báo vắn tắt cho Đại sứ Bunker, để sau đó, ông này tóm trình lại cho ông Thiệu. Kissinger tránh mọi đường giây thông tin bình thường của Bộ Ngoại Giao để phòng bị lộ, nhưng cũng là để cho các ngoại giao chuyên nghiệp khỏi phê phán hành động của mình. Với sự chấp thuận của Nixon, ông đã thu gọn những cuộc mật đàm vào một vòng nhỏ hẹp, tự mình hứa hẹn hoặc nhượng bộ mà không bị bộ máy hành chánh làm trở ngại. Phái đoàn Việt Nam Cộng hòa tại Paris đã không hề được thông báo gì về những cuộc họp kín giữa Kissinger và Lê Đức Thọ cho mãi đến khi Tổng Thống Nixon tuyên bố, vào tháng Giêng 1972, rằng đã có những cuộc mật đàm ấy.

Phía Việt Nam Cộng hòa không hề biết rằng trong những cuộc mật đàm giữa Kissinger và Lê Đức Thọ ngày 16 tháng 8, 1971, Hoa Kỳ đã hứa sẽ rút hết quân đội Mỹ trong vòng chín tháng sau khi có hiệp định. Như vậy, nếu hiệp định được ký vào cuối tháng 11-1971, thì quân Mỹ sẽ ra khỏi Việt Nam vào khoảng mồng 1 tháng 8, 1972.

Kể từ khi tướng Haig đưa cho ông Thiệu kế hoạch mật đòi ông từ chức, ông nhận thức được rằng qua những cuộc mật đàm giữa Kissinger và Bắc Việttại Paris, lập trường của Hoa Kỳ đang trên đà giảm sút đáng lo ngại. Kissinger lại không hề thông bào cho ông biết chi tiết nội dung các buổi hòa đàm, và điều này, khiến ông rất băn khoăn.

Ông Thiệu lại càng lo ngại thêm khi thấy chuyện Hoa du của Nixon sắp đén kề. Ông nghi rằng những nhượng bộ của Kissinger với Bắc Việtcó liên quan với những trông đợi về sự thành công của Nixon tại Bắc Kinh. Một lần ông Thiệu đã hỏi Hưng là Nixon tin cậy ở Kissinger nhiều hay ít, và anh đáp rằng kể từ khi có chuyến đi bí mật qua Trung Quốc, Kissinger đã “lên như diều”. Ông Thiệu hỏi: “Nếu nghe thấy được dự tính nào của ông này, nhớ cho tôi biết”. Sau cuộc gặp gỡ, Thiệu còn viét thư riêng cho Nixon nhắc lại mối quan tâm của ông đối với mộl cuộc ngưng bắn trước khi quân Bắc Việt rút lui; ông cũng phát biểu riêng với Đại Sứ Bunker những e ngại của mình. Bunker đã trấn an ông là không có sự thay đổi nào trong chính sách của Mỹ, nhưng Thiệu lại muốn được nghe thâng từ Nixon. Ông bắt đâu nghi rằng Kissinger chì trình lại với Nixon sau khi đã làm những nhượng bộ với Bắc Việt, và không thảo luận trước với mình hoặc với Nìxon. Ông còn sợ rằng Nixon đã không trực tiếp can dự vào những chi tiết của chính sách Hoa Kỳ về Việt Nam.

Ông Thiệu muổn liên lạc thẳng với Nixon. Ồng hy vọng rằng lá thư riêng ông gửi cho Nixon có thể mở ra được một đường dây liên lạc riêng không đi qua Kissinger, hoặc ít nhất có thể cho Nixon biét được những lo ngại của mình. Ông không muốn cho Kissinger trở thành một lực lượng áp đảo trong liên hệ giữa Saigòn và Hoa Thịnh Đốn; ông nhất định sẽ không để cho một viên cố vấn Tổng Thống ngăn cách ông khỏi Nixon, người mà ông tin là sẽ không bao giờ phản bội Việt Nam.

Ngày 2-1-1972, ông Thiệu nhận được lá thư riêng đầu tiên của Tổng Thống Hoa Kỳ. Việc lá thư tới tay ông đúng vào dịp đầu năm Tây lịch được coi như một điềm tốt.

Ellsworth Bunker, vị đại sứ nhã nhặn và lịch thiệp, đích thân tới trao lá thư tận tay và được ông Thiệu tiếp đốn rất niềm nở. Theo truyền thống Khổng Giáo, ông Thiệu đã một mực kính trọng vị đại sứ này vì tuổi tác (lúc đó ông Bunker bẩy mươi bầy tuổi) và kinh nghiệm. Rất khôn ngoan va nhã nhặn, ông Bunker không bao giờ để cho cảm xúc lấn át những chỉ thị của Hoa-Thịnh-Đốn. Ông Thiệu biết ông là một người chính trực. Dù biết ông không có thẩm quyền gì và “chì là một kẻ đưa tin”, nhưng ông Thiệu vẫn kính nể Bunker.

Sau khi trao đổi lời chúc đầu năm, Đại sứ Bunker — cao gằn hai mét — từ từ ngòi xuống chiếc ghé bành ngoại khổ trong văn phòng của ông Thiệu và nói: “Thưa Tổng Thống, như Ngài biết, Tổng thống Nixon sắp viếng thăm Trung Quốc. Trước khi đi, Tổng thống Nixon muốn chia sẻ với Ngài một vài ý nghĩ. T. T. chúng tôi muốn tôi cam kết với Ngài rằng chuyển đi Trung Quốc này sẽ có lợi cho Việt Nam cũng như cho cả Á'Châu. Tôi vừa nhận được lá thư này từ tòa Bạch Ốc gửi đến Ngài”.

Bunker trao lá thư cho ông Thiệu, được gửi qua bằng tín hàm Ngoại giao, ông cảm ơn Bunker và lấy con dao có cán sơn mài mằu đen mở phong bì và đọc lá thư thật nhanh trong vài phút. Đó là lằn đầu tiên ôrg Thiệu nhìn thấy chữ ký của Nixon trên giấy viết thư chính thức, loại giấy dằy, nặng, có in chữ “Toà Bạch Cung” ở đằu trang. Trước khi đứng dậy cáo lui, Bunker lại cam kết một lần nữa với ông Thiệu về thiện chí của Nixon. Sau khi Bunker đã ra về, ông Thiệu mới cẩn thận đọc lại lá thư.

Thưa Tổng Thống,

Nhân lúc đang chuẩn bị cho chuyến đi Bắc Kinh sắp tới của tôi đề gặp gỡ và nói chuyện với cấp lãnh đạo của Cộng Hòa Nhăn Dãn Trung Quốc, tôi muốn chia xẻ với Ngài một vài ý nghĩ của tôi về những cuộc đàm thoại tôi trông đợi sẽ diễn ra ở đó.

Mục đích chính của những cuộc đàm thoại này là làm sáng tỏ lập trường của chính phủ chúng tôi và của chính phủ Trung Quốc về những vấn đè hiện đọng làm hai bên ngăn cách, và để thiết lập một phương tiện truyền thông liên tục. Những khác biệt giữa hai bên thì sâu xa và phức tạp và sẽ không thể giải quyết được một cách dễ dàng. Tuy nhiên, tôi hy vọng rằng những cuộc đàm thoại này ở Bắc Kinh sẽ là một bước lớn thứ nhất đưa tới việc làm nhẹ bớt những căng thẵng lâu năm giữa Trung Hoa và Hoa Kỳ, đó là một diễn biến cỏ thể mang lại lợi ích trường cửu cho Á Châu và cho toàn thể thế giới.

Những cuộc đàm phán này sẽ chỉ nhằm vào những vấn đề song phương giữa Trung Quốc và chúng tôi; nó bao gờm nhiều vấn đè. Do những khác biệt cố hữu giữa hai bên, vấn đê liên hệ ngoại giao chính thức sẽ không được đặt ra. Ngài có thê tuyệt đối yên tâm rằng tôi sẽ không làm một thỏa hiệp nao tại Bắc Kinh có hợi cho các quốc gia khác hoặc vè những ván đè liên quan đến các quốc gia khác. Ngài cũng nên biết rằng những cam kết hiệp ước mà Hoa Kỳ đã thiết lập với các nước khác sẽ không chịu ảnh hưởng gì bởi chuyến viếng thăm của tôi.

Giả sử vấn đè chiến tranh Việt Nam có được nêu lên ứ Bắc Kinh, tói xin cam đoan với Ngài rằng tôi sẽ đưa ra lộp trường của Hoa Kỳ và của Việt Nam Cộng Hòa một cách minh bạch và mạnh mẽ là cuộc chiến tại Việt Nam phải được kết thúc bằng những cuộc thương lượng trực tiếp với Hà Nội, hoặc nếu không được như thế, thì bằng khả năng mỗi ngày mỗi lớn của Việt Nam Cộng Hòa đễ tự vệ chống lại sự xâm lược của Hà Nội.

Tôi muốn cấp lãnh đạo Trung Quốc hiểu rõ rằng hai chính phủ chúng ta đứng vững với nhau về vấn đề sinh tử này.

Riêng vè chuyện viếng thăm của tôi tại Mạc- Tư-Khoa vào tháng 5, 1972, tôi muốn nói rõ là Hoa Kỳ không hè có ỷ định dàn xếp qua mặt những nước bạn và đỏng minh của mình trong bắt cứ vân đề nào liên quan đến an ninh của họ. Thỉ dụ chưa hè bao giờ có, và sẽ không bao giờ có, những cuộc thương lượng song phương Hoa Kỳ - Xô Viết về sự đổng rút quân khỏi Âu Châu. Tuy nhiên, tôi hy vọng rằng một vài tiến bộ cụ thê nào đó sẽ được thực hiện, hoặc trước, hoặc trong thời gian thăm viếng của tôi tại Mạc- Tư-Khoa, trong các lãnh vực song phương như kiểm soát vũ khí và liên hệ kinh tế.

Trong dịp Ngài khởi sự nhiệm kỳ thứ hai của Ngài, xin Ngài nhận noi đây lời chúc tụng của lôi cho những chương trình kinh tế và quân sự của Ngài được tiếp tục thành công. Xin Ngài tiếp tục tin cậy ở sự trợ giúp của Hoa Kỳ trong nỗ lực của Ngài, nhằm mang lại hòa bình cho Việt Nam và xây dựng một nền thịnh vượng mới cho dân tộc Việt Nam.

Kính thư

(k.t) Richard Nixon

Mới đầu, ông Thiệu có vẻ hài lòng vớ những lời lẽ trong lá thư. Đoạn chót, hứa hẹn sẽ hỗ trợ liên tục của Hoa Kỳ trong nhiệm kỳ thứ hai của ông, đặc biệt làm ông yên tâm sau khi ông đã gây nên những bất bình về việc độc diễn trong cuộc bầu cử vừa qua. Nixon cũng không hề nhắc đến những mối cảng thẳng gây ra bởi đề nghị mới của Hoa Kỳ với Hà Nội buộc ông Thiệu từ chức một khi đã có hòa giải. Lá thư đã chí đặt nặng những cuộc “đàm thoại” giữa Hoa Kỳ và Trung Quổc và giảm bớt căng thảng với Nga Sô. Nixon đã nhận định rằng sẽ không thể có vấn đề nối lại bang giao chính thức với Trung Cộng và “không làm một thoả thuận nào tại Bắc Kinh” mà có hại cho các quốc gia khác hoặc về những vấn đề có liên quan đến các quốc gia khác.

Đọc thư Nixon, Thiệu nhớ lại buổi gặp gỡ của họ lần đầu, năm 1967. Hòi đó, Nixon còn là một luật sư đại diện cho hãng nước ngọt Pepsi-Cola, đi thăm viếng Á Châu nhằm chuẩn bj cho cuộc bàu cử Tổng Thống năm 1968. Nixon đến gặp Thiệu, hòi ấy còn là Chủ Tịch Hội Đòng Quân Nhân. Hai người gặp nhau tại dinh Gia-Long; trong dịp này ông Thiệu nói với Nixon về ước muổn của ông là đoàn kết dân tộc để chống Cộng và ưở thành tự túc và tự lực. Lúc đó, Nixon đã không hề nói đến nhu cầu hòa giải với Trung Cộng. Ông còn nhấn mạnh lập trường chống Cộng của mình và nhắc cho Thiêu nhớ lại sự ủng hộ của ông đối với chiến tranh Đông dương và chính ông đã chủ trương dội bom Điện Biên Phủ hòi còn làm Phó Tổng thống cho Eisenhower năm 1954. Hai người rất hợp ý nhau, và ông Thiệu đã thán phục sự thấu hiểu vấn đề Á Châu cũng nhu sự thông thạo về chính sách đối ngoại của Nixon. Thiệu nhận thấy ở Nixon một con người có danh dự. Ông nói vói các cố vấn của ông: “Nếu Nixon nói giúp ai, là ông ta sẽ làm. Ổng ta sẽ cố làm cho được".

Dù nghĩ vậy, bản chất đa nghi của ông Thiệu vẫn làm ông thắc mắc. Chính sách Mỹ, dựa trên căn bản là ngăn chặn sự bành trướng của Trung Quốc tại Đông Nam Á, liệu có đang thay đổi gì không. Giờ đây, Mỹ đang ve vãn Trung Cộng và mọi dấu hiệu đều cho thấy một sự chuyền hướng của Hoa Kỳ đối với Việt Nam Cộng hòa, ngược hân với những lời hứa hẹn và cam két trong thư. ỡng Thiệu suy đoán rằng quả như Hưng đã nói, dưới cặp mắt cấp lãnh đạo Mỹ, Việt Nam Cộng hòa đã từ một của cải biến thành của nợ rồi. Chuyến Hoa du của Nixon đã là một đòn bất ngờ, có thể là một cái “hạn” mà Thiệu phải trải qua trong năm Tý, là năm tuổi của ông; các nhà chiêm tinh đã khuyên ông nên thận trọng trong năm nay. ông tự yên ủi mình rằng, dù sao chăng nữa thi lá thư của Nixon đã hứa sẽ “đứng vững với nhau” về vấn đề giải quyết cuộc chiến Việt Nam và cam kết rằng Hoa Kỳ sẽ không “giao dịch qua mặt những nước bạn và đòng minh trong bất cứ cách thế nào có thề liên quan đến quyền lợi an ninh của họ”. Ông Thiệu đưa lá thư của Nixon cho Hoàng Đức Nhã đọc và hai người cùng duyệt lại ván bài. (Nhã là em họ, đồng thời cũng là bí thư của ông Thiệu). Ông Thiệu bắt đầu nhiệm kỳ thứ hai cũng là sứ mệnh thú hai mà ông cho là Trời đã trao phó.

Liên hệ giữa Thiệu và Nixon trong tư thỉ Tổng Thống đang bước vào nàm thứ năm, và năm 1972, Nixon sẽ ra tranh cử tổng thống thêm một nhiệm kỳ nữa. Chuyến Hoa du của Nixon là một lá bài lớn trong cuộc tái tranh cử của ông ta, và ông Thiệu thừa biết là cứ mỗi cuộc bầu cứ Tổng Thống ở Mỹ là lại có nhiều nỗ lực mạnh mé để chấm dứt chiến tranh.

Đối với ông Thiệu, cũng như đối với những người thân cận của ông, thì tuằn lễ du hành của Nixon tại Bắc Kinh là tuần lễ đã làm biến đổi cục diện Việt Nam vậy.

# 

# CHƯƠNG II - NIXON VÀ THIỆU: MỘT MÓN NỢ CHÍNH TRỊ

Nguyên Văn Thiệu tin rằng Richard Nixon đã mắc ông một món nợ chính tri khi ông không chịu ủng hộ sang kiến hòa bình của Tổng Thống Lyndon lohnson ngay trước kỳ bầu cử Mỹ năm 1968. Dù không công khai tuyên bố, ông Thiệu vẫn chắc chắn rằng việc ông từ chối không tham dự những cuộc hòa đàm với Bắc Việtvà Việt Cộng khi lohnson ngưng dội bom Bắc Việtvào ngày 31-10-1968, đúng năm ngày trước cuộc bầu cứ, đã đóng một vai trò quyết định trong sự thắng lợi của Nixon đối với Hubert Humphrey. Ông Thiệu tin rằng nếu Humphrey đắc cứ thì Mỹ sẽ đơn phương ngưng dội bom Bắc Việtvà nhượng bộ Mặt Trận Giải Phóng (MTGP). Ông giải thích: “Humphrey thắng cử sẽ có nghĩa là chính phủ liên hiệp trong vòng sáu tháng; còn nếu Nixon thắng, thì ít ra cũng có hy vọng” .

Ông Thiệu còn giữ một ấn tượng rất rõ rệt về Hubert Humphrey. Ấn tượng này thành hình trong buổi gặp gỡ lằn đầu năm 1967, hồi Humphrey còn đang làm Phó Tổng Thống. Lúc đó, T.T Johnson cử Humphrey sang dự lễ nhậm chức Tổng Thống của ông Thiệu. Sau phần nghi lẽ, Humphrey vào gặp Thiệu ồ Dinh Độc Lập, có phụ tà của ông Ted Van Dyk, và Đại sứ Ellsvvorth Bunker tháp tùng. Humphrey ngỏ ý với Thiệu rằng, ông rất lo ngại về sự Mỹ- hóa cả chiến tranh lẫn kinh-tế của Việt Nam. ông nói:

— Ngài cần biết v'ê tình hình chính trị ở Hoa Kỳ, hiện nay đã đến lúc cằn phải có một giai đoạn chuyển tiếp đế Việt Nam có thể tự lực tự cường.

— Vâng, chúng tôi hiểu — ông Thiệu đáp — nhưng chúng tôi cũng biết là qúy ông cần ở lại đây với mức độ hiện tại.

Humphrey nhắc lại mối quan tâm của ông, và nói:

— Thêm vài năm nữa với cùng một mức độ viện trợ quân sự và kinh tế như hiện nay thì chắc không thể có.

ông Thiệu lắng tai nghe; tàn điếu thuốc Gauloise hút dở của ông rớt xuống tấm thảm dầy. Nhưng ông không nói gì thêm, và cuộc họp mặt chấm dứt.

Ra đến bên ngoài, trên bậc thềm Dinh Độc Lập, Humphrey hỏi Bunker: “Tôi có tàn nhẫn quá với ông ta không?”. Bunker đáp: “Không, ông ta cần được nghe như thế.”

Ngay lúc đó, thì một trái pháo của Việt Cộng câu ngay vào Dinh rớt nổ ngay trên sân cỏ. Humphrey và Bunker chúi đau chạy vào chiếc limousine đang chờ sẵn, và đoàn xe phóng thẳng về tòa Đại Sứ. Thiệu và Humphrey trở thành thù địch kể từ hôm đó.

Sáu tháng sau, vào tháng Năm 1968, Cyrus Vance, đại diện Hoa Kỳ và Hà Văn Lâu, đại diện Hà Nội, đến họp tại Paris để thảo luận về chi tiết những cuộc Hòa đàm về chiến tranh Việt Nam. Đại Sứ Bunker đã tốn nhiều thì giờ cố thuyết phục ông Thiệu cùng tham dự hòa đàm với Bắc Việtvà Mặt Trận Giải Phóng (MTGP). Thiệu đòng ý nói chuyện với Bắc Việt, nhưng không chịu MTGP. Ông nói với Bunker rằng Việt Cộng là con đẻ của Hà Nội. Nếu để bọn chúng tham dự vào các cuộc hội đàm như một thực thể riêng rẽ, thì đó sẽ là bước đầu đi đến một chính phủ liên hiệp, và tiếp theo là sự cáo chung của thể chế dân chủ tại miền Nam. Ông Thiệu không chịu chấp nhận liên hiệp cũng như không chịu bất cứ một công thức nào có thể đưa đến liên hiệp. Ông cho rằng, người Mỹ đã sai lầm khi họ đề nghị ông nên nói chuyên với Cộng Sản ngay từ khoảng giữa thập niên sáu mươi. Ông nói: “Năm 1966, Đại Sứ Cabot Lodge đến thăm tôi, ông khoác tay lên vai tôi và nói: “HÒ Chí Minh đâu có đến nỗi nào. Có thể, ông ta sẽ trở thành một Titô thứ hai cũng nên.” Mỹ muốn mình lập một chính phủ liên hiệp với cộng sản. Họ muốn lấy giải pháp ở Lào áp dụng cho Việt Nam, nhưng hai bên đâu có giống nhau.”

ông Thiệu cho người Mỹ là ngây thơ. Hồi năm 1967, nhân một chuyến viếng thăm Saigòn, Bộ Trưởng Quốc Phòng Robert McNamara có nói với ông Thiệu: “Chúngtôi (Hoa Kỳ) cần có một cuộc bầu cứ để thương lượng với Bắc Việt.” Thật là khó hiểu 1 Đang lúc đổ quân sang Việt Nam đề chiến đấu, và trong khi tướng tá Mỹ đang muốn chiến thắng thì McNamara lại đi sau hậu trường nói chuyên điều đình! Bunker biết rõ về lịch sứ của Cộng Sản Việt Nam, nhưngvẫn cứ làm áp lực với ôngThiệu. “Ăp lực quần chúng Mỹđẵ buộc Tổng Thống chúng tôi phải hành động. Phải có một cuộc hòa đàm để chứng tỏ với Quốc H ội và dân chú ng H oa K ỳ là chúng ta — cả Hoa-Thịnh-Đốn lẫn Saigòn — đều muốn hòa bình”, ông nói với Thiêu như vậy.

Ông Thiệu chơi lá bài “lửng lơ con cá vàng”, không hề nói “không” với Bunker, mà luôn nói “có, vói điều kiện.” Trong một buổi nói chuyện trên đài truyền hình, ông nhắc lại những gì ông đã nói với Bunker: “Sai Gòn sẽ đòng ý để Hoa Kỳ ngưng dội bom, nếu như Hà Nội bảo đảm là quyết định này sẽ đưa tới những cuộc thương lượng có kết cuả”. Lúc Bunker đòi ông Thiệu ký tên vào một bản thông: cáo chung với Johnson để tuyên bố ngựng ném bom, thì ông Thiệu chần chừ. Ông nhờ Bunker chuyển lời đến Johnson là, dù có đòng ý trên nguyên tắc, ông muốn Hà Nội cam kết sẽ cùng xuống thang chiến tranh, ông muốn Hà Nội cam kết sẽ thương lượng thâng với chính phủ Saigòn. Sau hết, ông muốn Hà Nội phải đòng ý là MTGP sẽ không được tham dự hội nghị với tư cách một phái đoàn riêng biệt.

Ông Thiệu lo rằng Hoa-Thịnh-Đốn đã bị mắc vào bẫy mà Hà Nội gài để buộc Saigòn phải thương thuyết trực tiếp với MTGP như một kẻ ngang hàng. Giữ không cho MTGP được coi như cùng vai vế với Việt Nam Cộng hòa đã là một yếu tố cằn thiết trong sách lược thương thuyết của ông Thiệu. Ông đã mang điều kiệnđó sang Honolulu khi ôngtớigặpJohnsonởđó hòi tháng Bẩy 1968. Đó là: ông sẽ thương lượng thâng với Hà Nội, chứ không bao giờ chịu thương lượng với kẻ được ủy nhiệm của Hà Nội để thay chúng thống trị tại miền Nam.

Suốt trong tháng Mười 1968, ông Thiệu đã cố gắng trì hoãn quyết định ngưng ném bom của Johnson, và việc loan báo sẽ có Hòa đàm Paris cho thật lâu, cốt đỉ cho Nixon có thêm thì giở. Ông viện cớ là ông còn phải tham khảo ý kiến Hội đòng An Ninh Quốc Gia và Quổc Hội, theo đúng tinh thần dân chủ mà ông đã học được của người Mỹ. Ông biết rằng, Johnson sẽ có thể lấy quyết định đơn phương, cho nên ông không công khai phản đối đề nghị của Johnson, mà chì phản đối những chi tiết.

Những người liên lạc của ông Thiệu tại Hoa-Thịnh- Đốn gồm đại sứ Bùi Diễm, và người bạn của ông là bà Anna Chennault, gốc Trung Hoa, quả phụ của Tướng Claire Chennault, người đã chì huy đoàn Phi Hổ, một nhóm tình nguyên của Mỹ chiến đấu chống Nhật hòi Đệ Nhị Thế Chiến. Sau khi chồng chết năm 1958, bà thay thế ông làm một quản trị viên của hãng hàng không Phi Hổ và giữ liên lạc mật thiết với Tưởng Giới Thạch ở Đài Loan. Bà thường bay qua Đông Nam Á trong những chuyến công tác cho hãng Phi Hổ, thường hay thăm viếng Saigòn và đến gặp ông Thiệu.

Ông Thiệu mê cái nhậy cảm chính trị và thương mãi của Anna Chennault, cũng như sự giao thiệp rộng rãi của bà ở Hoa-Thịnh-Đốn. Bà đóng một vai trò chủ yếu trong nhóm “Vận động cho Trung Hoa” (China Lobby) và gây quỹ tranh cử cho đảng Cộng Hòa. Bà Chennault ra vào tự do trong chính giới ở Hoa-Thịnh-Đốn và rất hãnh diện về những sự quen biết của mình ở đó. Bà gặp Nixon lần đầu tiên vào năm 1954, khi ông này sang thăm Đà í Loan với tư cách Phó Tổng Thống. Năm 1960, bà hoạt động cho nhóm vận động tranh cử tổng thống của Nixon chống Jack Kennedy.

Anna Chennault thăm viếng Saigòn rất thường xuyên trong năm 1968, để thông tin cho ông Thiệu về sự tranh cử của Nixon và về những quan điểm của ông này đối với Việt Nam. Bà nói với ông Thiệu rằng Nixon sẽ là một người ủng hộ Việt Nam mạnh mẽ hơn Humphrey nhiều. Sau này, bà kể lại: “Ông Thiệu bị phe Dân Chủ làm áp lực nặng. Công việc của tôi hòi ấy là cố giữ cho ông ta đừng đổi ý kiến.”

Năm 1968, với tư cách là Chủ tịch nhóm Phụ Nữ Cộng Hòa ủng hộ Nixon, bà Chennault đã sắp xếp để Bùi Diễm được gặp Nixon tại tư gia ở Đại lộ thứ Năm, Nữu Ước, vào mùa đông năm 1967. Nixon đã nói với Bùi Diễm là nếu có tin tức gì cứ đưa cho bà Chennault và bà này sẽ phúc trình thâng cho John Mitchell, hồi ấy phụ trách ban vận động tranh cử cho Nixon. Trong buổi gặp gỡ ấy, Nixon hứa hẹn là nếu thắng cử, sẽ coi vấn đề Việt Nam là ưu tiên số I, và “bảo đảm sẽ dành cho Việt Nam một sự đối xử thuận lợi hơn là phe Dân Chủ.

Ông Thiệu không mấy tin cậy Bùi Diễm, mà ông cho là chì trung thành với Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ. Thế nên ông đã phái sứ giả riêng của ông sang Hoa-Thịnh- Đốn tiếp xúc với bà Chennault, và ông cũng trông cậy vào người anh ruột là Nguyễn Vàn Kiểu, hòi đó là Đại sứ tại Đài Loan. Bà Chennault thường hay nhắn tin tức cho ông Thiệu qua ông Kiểu.

Trong tuằn lễ chót trước ngày bầu cứ, John Mitchell “hầu như mỗi ngày” liên lạc với bà để thuyết phục ông Thiệu đừng Iham dự hòa đàm Paris. cả hai đều biết là cơ quan Điều Tra Liên Bang(FBl) lén nghe điện thoại, và bà nói đùa Mitchell: “Ai đang nghe đầu giây bên kia ?” Mitchell thì không cho câu rỡn đó là hài hước, và nói: “Bà nên dùng điện thoại công cộng, đừng nói chuyện ở sở.” Lời nhắn nhủ mà Mitchell chuyển cho bà thì lúc nào cũng giống như nhau: “Đừng để cho ông Thiệu qua Paris.”

Một vài ngày trước bầu cứ, Mitchell điện thoại cho bà, nhờ chuyển một thông điệp khác cho ông Thiệu. “Anna, tôi nói đây là theo lệnh của Nixon. Điều quan trọng là những người bạn Việt của chúng ta càn phải hiểu rõ quan điểm của đảng Cộng hòa, và tôi mong bà giải thích cho họ biết như thế.” .

Giữa lúc bà Chennault khuyên ông Thiệu “cổ thủ”, thì Henry Kissinger cố vấn Nixon rằng: Johnson đang chuẩn bị ngưng dội bom, và sẽ tung con bài bất ngờ này ra trước ngày bầu cử. Trong tập hòi ký, Nixon tiết lộ một văn thư của Haldeman thuật lại báo cáo của Kissinger gửi Mitchell như sau: “Nguồn tin của chúng tôi (Kissinger) cho việc chống đối ngưng ném bom là không thực tế, nhưng khuyên ta phải để tâm tới sự kiện là việc đó có thể xẩy ra — nghĩa là ta nên tiên liệu trước việc đó — và nhất định là ta phải chuẩn bị cho cái lúc mà việc đó xẩy ra. Nguồn tin của chúng tôi vô cùng quan ngại về những nước cờ sắp tới của Johnson, và tiên đoán rằng Johnson sẽ có một hành động nào đó trước ngày bầu cứ”.(Hồi này Kissinger đang làm cố vấn về chính sách đối ngoại cho Nelson Rockeíeller và giúp ý kiến cho phe Nixon.

Mặc dù nhận được đằy đủ phúc trình của CIA và FBI về những cuộc điện đàm giữa bà Chennault và Saigòn, Johnson quyết định không công bố việc ấy ra mà cứ tiến hành sáng kiến của mình.

Ông Thiệu vẫn tiếp tục không nhúc nhích, nhưng luôn luôn cho cảm tưởng mập mờ rằng có thể ông sẽ chịu theo. Bunker mắc mưu Thiệu, phúc trình với Hoa-Thịnh-Đốn là nếu chờ thêm ít hôm nữa, chính phủ Saigòn có thể sẽ ngòi vào bàn hội nghị. Dùng chiến thuật đánh lạc hướng, ông Thiệu cứ một phái đoàn ba mươi người đi trước sang Paris, để thu xếp chỗ ớ và chuẩn bị cho sự tham dự sau này của phái đoàn Việt Nam Cộng hòa.

Sau một phiên họp với Thủ Tướng Tân Tây Lan là Keith Holyoke hòi cuối tháng Mười, Thiệu lại ra một thông cáo chung đại ý nói ông không hoàn toàn gạt bỏ sự tham dự của Việt Cộng, miễn là họ phải là một thành phần trong phái đoàn Hà Nội, và không có một cương vị ngang hàng với Việt Nam Cộng hòa.

Thiêu cứ đong đưa như thế, khi thì đưa ra những phản đối mới, khi thì rút lại những trở ngại chiến thuật, và lần nào cũng mất hai ba ngày mới giải quyết xong.

Nixon thì mỗi lúc một lo hơn khi thấy dohnson nắm được sáng kiến và tiếp tục “cầm cân nẩy mực”. Ngày 26 tháng Mười, Nixon quyết định công bố một nhận định về hòa đàm như sau:

‘‘Trong ba mươi sáu giờ qua, tôi nghe nói có rất nhiều cuộc hội họp ờ tòa Bạch Cung và ở các nơi khác về vấn đề Việt Nam. Tôi nghe nói rằng các viên chức cao cấp trong chính quyền đang rắt bận rộn đê đạt tới việc thỏa hiệp ngưng oanh tạc và tiếp theo là ngưng bắn. Trong những ngày gàn đây, những việc đó được coi như là đúng. Tôi còn ... nghe nói rằng hoạt động bận rộn ấy là một mưu toan khinh bạc vào phút chót của Tổng Thống Johnson để cứu vãn ứng cử viên Humphrey. Điều này thì tôi không tin là đúng.

Khi ngày bầu cử gần kề và áp lực gia tăng, Johnson bèn triệu vị chì huy quân sự tại Việt Nam, Đại tướng Creighton Abrams, về Hoa-Thịnh-Đốn để tham khảo. Abrams đáp xuống căn cứ không quân Andrews vào lúc nửa đêm ngày 29 tháng Mười, và đi ngay tới Bạch Cung. Vào lúc 2 giờ 30 sáng, Johnson triệu tập một phiên họp giữa các cố vấn cao cấp của mình trong Phòng họp Nội Các. Sau khi duyệt lại tình hình quân sự từng chi tiết, Johnson ngó thâng mặt Abrams trong giây lát, rồi nói: “Đây là giở phút nghiêm trọng. Theo những gì Đại Tướng được biết, thi Đại tướng có ngần ngại hay dè dặt gì không về việc ngưng ném bom Bắc Việt?”

— Dạ không, Abrams đáp.

— Nếu là Tổng Thống, thì Đại Tướng có sẽ làm như thế không?

— Tôi không ngần ngại gì hết. Tôi biết làm thế sẽ gây nhiều phê phán trong dư luận. Nhưng tôi nghĩ làm như thế là phải. Làm như thế là đúng.

Giữa lúc đang họp thì có người cho biết rằng Đại sứ Bunker vẫn chưa gặp được ông Thiệu để buộc ông này thỏa thuận dứt khoát. Bunker cho hay rằng, phía Việt Nam Cộng Hòa đòi có thêm thời giờ; họ chưa tổ chức được phái đoàn để gửi qua Paris cho kịp ngày 2 tháng Mười Một như T.T Johnson đã hy vọng có thể dàn xếp.

Buổi họp chấm dứt trước 5 giờ sáng. Abrams về nhà ngủ, trong khi Dean Rusk trở lại Bộ Ngoại Giao để gọi dây nóichoBunkerở Saigòn.Bởilẽhaithủđôcách nhau 12 tiếng đòng hồ, và Sài Gòn đã về chiều, nên Bunker có thể cho ông biết được những gì đã xẩy ra trongngày. Lúc 6giờ 15 sáng, Johnson lại triệu tập 1 buổi họp khác trong phòng họp Nội các cùng với các cố vấn thảo luận về những hoạt động hậu trường của Bà Chennault. Hiện diện trong buổi họp có Ngoại Trưởng Dean Rusk và Bộ Trưởng Quốc Phòng Clark cìifford.

Clifford nổi giận và với cung cách đàng hoàng nhất của một luật sư, ông phàn nàn rằng sự trì hoãn vào phút chót của Việt Nam Cộng hòa là một hành động “đáng trách cứ và hoàn toàn không có lý do chính đáng”. Johnson thì chỉ thị cho Rusk nói với Bunker là Hoa Kỳ đã sẵn sàng tiến hành phiên họp ngày mÒng2thángMười Một vớiBắcViệttạiParismàkhôngcằn có Thiệu. Nhưng Bunker cố thúc giục Johnson hoãn lại việc loan báo ngưng dội bom chừng hai-mươi-bốn tiếng nữa và hoãn hòa đàm Paris đến ngày mòng 4 tháng Mười Một để cho Saigòn thêm thời giở tổ chức phái đoàn tham dự hội nghị. Johnson nói với các cố vấn: “Tôi bằng lòng hoãn lại vụ này một, hay hai hòm nhưng sau đó là hết đòng minh.” Rồi Johnsongửi choôngThiệu 1 thôngđiệp riênggiụcôngtham gia hòa đàm với H oa Kỳ ở Paris. Vào buổi trưa ngày 30 tháng Mười, Johnson nhận được hòi âm của ông Thiệu. Đó là một cú tránh né tài tình. Ông Thiệu nói sẽ chấp nhận nếu các điều kiện của ông đưa ra được thỏa mãn.

Tới đây, thì Johnson quyết định hành động một mình. Ông ấn định ngày giờ loan báo việc ngưng oanh tạc là 8 giờ tối ngày 31 tháng Mười và quyết định này sẽ có hiệu lực mười hai giờ sau đó. Buổi họp ở Paris đầu tiên được định vào ngày 6 tháng Mười Một, một ngày sau bầu cử. Johnson đã hy vọng suốt ngày hôm đó là thế nào Thiệu cũng thỏa thuận để đưa ra một thông cáo chung. Bunker họp liên miên với Tổng thống Thiệu, Phó Tổng Thống Kỳ và Ngoại Trưởng Thành “để cố san bằng những dị biệt.” Nhưng chỉ con một giờ trước khi lên TV, dohnson được Bunker thông báo rằng, ông Thiệu vẫn còn đòi duyệt xét lại. Không thể trì hoãn thêm nữa, dohnson bèn công bố quyết định ngưng oanh tạc Hà Nội và khai mạc Hòa đàm Paris nới rộng. Để che đậy tình hình, ông nói “Đại diện chính phủ Việt Nam Cộng Hòa nếu muốn tham dự thì cứ việc tự do”.

Tại Saigòn, ông Thiệu, phản ứng bằng cách tự tách mình ra khỏi quyết định ngưng oanh tạc. Ông tuyên bố đó là một quyết định “đơn phương” của Hoa Kỳ. Phản ứng này đã khiến cho tác dụng chính trị của nước cờ Johnson đối với cứ tri Mỹ giảm bớt đi và hy vọng hòa bình cũng mờ nhạt. Đồng thời ông Thiệu vẫn nói riêng với Bunker rằng ông sẽ không làm gì để đảo lộn sáng kiến hòa bình của Johnson, ông sẽ tham gia hội nghị nếu MTGP không phải là một phái đoàn thương thuyết riêng biệt. Lá bài chót của Thiệu sẽ là bài diễn văn dự định đọc vào ngày Lễ Quốc Khánh, mồng 1 tháng 11 (ngày 31 tháng 10, giờ H oa-Thị nh-Đốn).

Khi dohnson tuyên bố ngưng oanh tạc Bắc Việt, Humphrey vô cùng phấn khởi, ông cho đó là sự hỗ trợ cho lập trường chấm dứt chiến tranh mà ông đã cổ võ trong mấy tháng vận động tranh cử. Humphrey muốn chấm dứt chiến tranh và làm nguôi dịu phong trào phản chiến đang chia rẽ quần chúng và cấp lãnh đạo. Giờ đây, trong những ngày chót, Johnson lại đi được một nước cờ tuyệt diệu, vừa chấm dứt chiến tranh, vừa bằu lên được một người kế vị thuộc đảng Dân Chủ. Hôm sau ngày Johnson tuyên bố, tờ Washington Post tường thuật là “phản ứng sơ khởi của cấp lãnh đạo chính trị thuộc cả hai đảng là lời loan báo ngưng oanh tạc của Tổng Thống Johnson đêm qua sẽ có thể làm tăng hy vọng cho đảng Dân Chủ để giữ lại được Toà Bạch Cung và đa số trong Quốc Hội trong cuộc bầu cứ vào Thứ Ba tới”. Humphrey thì được báo này mô tả là “nghiêm nghị và nhẹ nhõm”, hy vọng hành động của Johnson sẽ mang lại “hòa bình trong danh dự”.

Nếu như Humphrey cảm thấy phấn khởi, thì chắc Nixon phải là rầu rĩ lắm; thế nhưng không. Vì biết được Thiệu đang toan tính gì ở saigòn, ông rất mừng khi thấy phe Dân Chủ đang sa vào cái bẫy mà chính họ giăng ra. Nixon biết là Thiệu sẽ không chịu đi Paris, vậy mà phe Dân Chủ lại thổi phồng viễn ảnh hòa bình bằng cách gắn liền việc ngưng oanh tạc với Hoà đàm Paris dự định vào ngày 6 tháng 11. Ngày 21 tháng 10, tổ chức thăm dò dân ý Gallup đã đoán là Nixon sẽ dẫn đàu Humphrey tám điểm (44o/o và 36o/o). Nhưng, chiều mòng 2 tháng 11, chỉ hai ngày sau khi Johnson công bố ngưng oanh tạc, thì “sóng gió nổi lên, và Nixon chỉ dẫn đầu Humphrey có hai điểm thôi (42o/o và 40o/o)”.

Bằng một nước cờ láu cà, Nixon đã chuyển cái thế bại sang thế thắng, ông còn thổi phòng hy vọng hòa bình cho to thêm nữa, vì biết rằng chính Thiệu sẽ làm nó xẹp xuống, và ông sẽ có lợi khi cứ tri Mỹ vỡ mộng và bắt đầu hoài nghi lá bài hòa bình của Johnson. Trong một cuộc mít-tinh lớn tại Madison Square Garden, đúng vào ngày ngưng oanh tạc, Nixon tuyên bố rằng ông sẽ “không nói bất cứ điều gì có thể phá vỡ cơ hội đưa đến hòa bình”. Nixon còn nói ông tin rằng việc Johnson ngưng dội bom sẽ “mang lại một vài tiến bộ” tại Hòa đàm Paris ngày 6 tháng 1 sắp tới. Thực ra, Nixon đã thừa biết Thiệu sẽ không tham gia các cuộc thương thuyết tại Paris, nên ông giăng lưới cho Humphrey và Johnson vấp ngã.

Ông Thiệu dự định đọc diễn văn trong một phiên họp lưỡng viện Quổc Hội Việt Nam Cộng hòa vào mòng 1 tháng 11. Buổi chiêu trước hôm đó, nhân dịp lễ Quốc Khánh ông mở một cuộc tiếp tân khoản đãi ngoại giao đoàn tại Dinh Độc Lập. Nhớ lại buổi đó, ông kể: “Không thấy ông già Bunker nói chuyên với ai hết, mà cứ đến chỗ tôi nói về bài diễn văn tôi sắp đọc ngày mai. Bunker hỏi tôi nhiều lằn là “mọi việc êm xuôi cả chứ, Tổng Thống?”. Tôi trả lời “Cố nhiên, cố nhiên, mọi việc đều èm xuôi.”

Bunker lấy làm hài lòng và nâng ly chúc tụng tự do cho Việt Nam Cộng Hòa. Ông Thiệu đã làm cho Bunker tưởng lầm và báo cáo về Hoa-Thịnh-Đốn là Saigòn sẽ tham gia các cuộc Hòa đàm Paris, là ông Thiệu sẽ loan bào quyết định đó trong bài diễn văn đọc trước Quốc Hội vào ngày hôm sau. Riêng Thiệu, thì đã dùng đủ mọi cách đễ giấu kín nội dung bài diễn văn đó: nào là tự tay mình viết bản thảo, nào dùng ba người thư ký khác nhau để đánh máy, mỗi người đánh một số trang không theo thứ tự nào hét để không người nào có thể đọc được tất cả bài diễn văn.

Sáng thứ bảy, mồng 1 tháng 11, một buổi sáng êm ả ở Saigòn, khí trời khô ráo và dễ chịu vì mùa mưa vừa hết. Trên đường từ Dinh Độc Lập tới Quốc Hội, Thiệu đã hơi lo, có thể ông sẽ bị CIA ám sát nếu Johnson và Humphrey biết trước được là ông sẽ phản thùng và bác bỏ kế hoạch hòa bình của Hoa Kỳ, ngầm phá hoại cơ hội thắng cử của Humphrey. Một khi đã công khai loan báo quyết định của mình trước Quốc Hội, Thiệu chẵng những sẽ làm tư thế của Johnson giảm xuống một cách hữu hiệu, mà còn tránh được thảm họa có thề xẩy ra cho mình nếu như người Mỹ quyết định lật đổ ông.

Ngòi xừng xững ngay hàng ghé đầu trong Quốc Hội, Đại sứ Bunker — người được báo chí Việt Ngữ mệnh danh là “ông già tủ lạnh” — bây giờ có VỈ! thoải mái và luôn luôn mìm cười, sau một tháng bàn cãi khó khăn và dằng dai với các nhà lãnh đạo Việt Nam.

Khi ông Thiệu tới, thì các máy thu hình của ba hệ thống truyền hình Mỹ đều quay cả về phía ông và cử tọa đòng loạt đứng dậy vỗ tay, chì ngưng khi nhạc cứ lên bản quốc thiều.

Lúc bắt đầu nói, ông Thiệu có vẻ xúc động rõ rệt, nhưng cương quyết. Sau phần mở đầu ngắn ngủi, ông cất cao tiếng nói; bầng một giọng đanh và sắc, ông đòi Bắc Việttrực tiếp đàm phán với Việt Nam Cộng hòa. Việt Cộng sẽ chỉ tham gia như một thành phần của phái bộ Bắc Việtmà thôi. Nhấn mạnh từng chữ, ông nói: “Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa rất tiếc là không thể tham dự những cuộc hòa đàm sơ bộ hiện nay tại Paris”. Cả Quốc Hội nghe đến đó đều đồng loạt đứng dậy vỗ tay lớn, thật lâu. Đèn chiếu và máy quay phim bỗng đổ dồn về phía Bunker. Sau này, ông Thiệu kể lại: “Tôi còn nhìn thấy rõ là Bunker lúc ấy cố làm ra vẻ bình tĩnh mà không được. Ông toát cả mò hôi ra. Nhìn gương mặt ông, tôi không khỏi ái ngại, nhưng tôi không thể làm gì khác hơn được. Tôi không thê chấp nhận tình trạng có thê đưa mình đén chỗ liên hiệp với Cộng Sản”. Bài diên văn của ông Thiệu kéo dài hai-mươi- bẩy phút và bị những tràng pháo tay làm gián đoạn mười tám lần. Quyết định này của ông đã là một tin quan trọng.

Bài diễn văn Quốc Khánh của Thiệu là một nước cờ then chốt mà chính Nixon đã thủ mưu, và biết được trước rầng nó sẽ làm dư luận rối loạn thêm về hành động của Johnson. Lời tuyên bố của ông Thiệu đã tạc được những hàng tít lớn t rên báo chí, khiến cử tri Mỹ bắt đầu nghi ngờ về viễn ảnh hòa bình. Tờ Washington Post đăng tít hàng đầu: “NAM VIỆT NAM TẨY CHAY HỎA ĐẢM NGÀY 6 THÁNG 11”, và phần tin của bài báo ghi rằng “hậu quả hành động của Thiệu là làm người ta nghi ngờ về những nước cờ của Mỹ nhằm mở những cuộc thương thuyết với Cộng sản để chấm dứt chiến tranh”.

Ông Thiêu tin rằng hành động của ông chì ba hôm trước ngày bầu cứ, đã có ảnh hưởng quyết định tới kết quả cuộc bàu cứ. Người ta bắt đầu nghi ngờ hiệu quả của thủ đoạn của Johnson cũng như đặt nhiều câu hỏi về sự chính trực của ông. Có thể đó là một thủ đoạn chính trị. Như sứ gia Theodore White đã nhận định trong cuốn The Making of The Presidency 1968:

Giá như hòa bình đã hiển nhiên như một sự thực trong ba ngày chót của cuộc bàu cứ năm 1968, thì Hubert Humphrey có thể đã đắc cử; có thể ông ta đã là một Tổng Thống thiểu sổ, nhưng dù sao cũng là Tồng Thống. Thế nhưng, qua những xáo trộn của ba ngày chót đỏ, người ta thấy rằng vụ ngưng ném bom bắt đàu sáng Thứ Sáu, chắc không thễ nào làm ngưng được máu người Mỹ vẫn đổ ở Á Châu; và dư luận quần chủng đang thuận lợi cho Humphrey, bỗng nhiên lại ngả vè phía Nixon.

Chính T. r. Johnson cũng viết trong hồi ký của ông The Vantage Point, rằng hành động của ông Thiệu đã làm Humphrey thất cử.

Trong tập hồi ký, Nixon tình bơ như mình khôngdính líu gì về vụ ông Thiệu phản thùng, và viết: “Vụ ngưng ném bom chắc chắn đã làm cho sự ủng hộ ông H umphrey vụt tăng lên vào phút chót, nhưng sự hớn hở của phe Dân Chủ đã bị nhạt dần ngày 2-11, khi Tổng ThốngThiệu loan báolàchính phủ ông sẽ không tham gia những cuộc thương thuyết mà Johnson đề nghị.” Khi không chịu ủng hộ Johnson trong bài diễn văn đọc ở Quốc hội, ông Thiệu “đã cho người ta cái cảm tưởng rằng kế hoạch của Johnson đã đuợc đưa ra quá gấp gảp và được thi hành quá yếu.”.

Ông Thiệu kể lại: “Đối phó với Hà Nội, và Hoa-Thịnh- Thịnh-Đốn cùng một lúc đâu có dê. Chống lại áp lực vô cùng nặng nề của Mỹ và rồi cố giữ cho đến cùng thì quảthật là khó khăn và liều lĩnh.”. Trong ba ngày nghiêm trọng trước cuộc bầu cử ấy, áp lực còn tăng thêm nữa, và Johnson gửi một điệp văn riêng cho ông Thiệu thúc giục “chúng ta không nên bỏ nhau trong giờ phút nghiêm trọng này.”

Sau bài diễn vắn, ông Thiệu hết sức bòn chồn, sợ Humphrey vẫn có thể thắng cử. Vì khác biệt mười hai tiếng đồng hồ, cho nên mãi tới tối hôm sau ngày bầu cứ mới có tin từ Mỹ là Nixon đã đích thực thắng cử. Hoàng Đức Nhã chạy vội vào tư phòng của ông đĩ báo tin. Ông Thiệu nói với Nhã: “Hay lắm! Giờ đây, ít nhất thì mình cũng đã mua thêm được thời gian; khi tân Tổng Thống nhậm chức rồi, ông sẽ còn phải học hỏi, và mình cũng được nới câng đôi chút.”.

Nixon được 43,4 phần trăm tổng số phiếu toàn quốc, so với 42,7 cho Humphrey, nghĩa là hơn chì có nửa triệu phiếu. Dư luận đã cho rằng nếu như ngày bầu cứ nhằm vào Thứ Bảy hay Chủ Nhật, thì có thể Nixon đã thua; giá như ngày bầu cử đã được tổ chức một tuần lễ muộn hơn, thì Nixon có thể thắng hơn từ một triệu ctén năm triệu lá phiếu. Ông Thiệu đã đóng một vai trò quan trọng trong việc triệt hạ nỗ lực của Johnson nhằm trợ giúp Humphrey. Thắng lợi của Thiệu lại được diễn ra ở Paris: ngay bữa sau ngày bầu cứ, hòa đàm Paris đã bị đình hoãn.

Nhưng niềm phấn khởi của ông Thiệu châng được dài lâu. Đại sứ Bunker và cả Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ vô cùng bực tức về ông. Ông cảm thấy rằng mình đã hơi quá tay. Một tuàn sau bầu cử, ngày 11-11, Nixon (lúc ẩy chưa chính thức nhậm chức) tới thăm Johnson tại Bạch Cung và được phúc trình về chính sách đối ngoại. Cuối phiên họp, khi bàn về Việt Nam, Nixon nói ông đã cam kết với Johnson rằng “Chính phủ Johnson không những có thể hành động nhân danh chính quyền hiện nay mà còn nhân danh cả toàn quốc, và như thế có nghĩa là nhân danh cả chí nh quyền (của Nixon) sa ưnày nữa.” Báo chí lập tức giải thích câu nói này của Nixon là để “làm áp lực” dối với ông Thiệu.

Nghe vậy, bà Chennault vô cùng tức giận, cho rằng Nixon đã phản bội ông Thiệu sau khi đã được sự yểm trợ quan trọng của ông này trong kỳ bầu cử vừa qua. Chì vài ngày sau khi N ixon thắng cử cố vấn của N ixon là M itchell đã điện thoại yêu cầu bà nóivớiôngThiệu nên tham dự càc cuộc hòa đàm ồ Paris. Bà Chennault từ chối. Bà còn nhớ khi trước, M itchell đã gọi càc cuộc hòa đàm Paris là “giả mạo”, xúi ông Thiệu đừng tham dự, mà bây giờ lại trở mặt, cho việc ông Thiệu gửi đại diện sang Pháp là quan trọng. Nixon đã hoàn toàn đảo ngược lập trường. Ông yêu cầu Thượng Nghị Sĩ Everett Dirksen gọi giây nói cho Đại Sứ Bùi Diễm, và ông này liền trở về Saigòn, mang theo thông điệp của Nixon. ỞSaigòn, ông Thiệu lại không lấy thế làm quan tâm. Sau này theo như Nhã giải thích: “Chúng tôi cho là Nixon lúc ấy đang chờ thời, để mặc cho Johnson làm những công việc dơ bẩn. Càc chính trị già là như vậy và chúng tôi đâu có chờ phép lạ ở Nixon. Họ chì sẽ giúp mình nếu mình phục vụ cho mục tiêu của họ”.

Ngày 12 tháng 11, Bộ Trưởng Quốc Phòng Clark Cliíĩord công khai biểu lộ sự tức giận đối với ông Thiệu bằng cảnh cáo rằng nếu Thiệu không tham dự hòa đàm Paris, Hoa Kỳ sẽ hành động đơn phương, cứ cho tiến hành hội ngh mà không cần đến Việt Nam Cộng hòa. Ở Saigòn, lời cảnh cáo của Clifford lại được giải thích là Johnson đang nổi xung lèn với Thiệu và có thể quyết định lật đổ ông. Thôi thì đủ loại tin đòn được tung ra về hành động sắp tới của Johnson. Ông Thiệu rất quan ngại là có thể đảo chính trước khi Johnson rời Tòa Bạch Cung. Ông ra lệnh cho lữ đoàn Phòng vệ Dinh phải đề cao cảnh giác và khuyên Nhã nên vào Dinh ngủ để khỏi bị cô lập hóa nếu như có đảo chính. Trước đây, tất cả Nội Các của ông Thiệu, kể cả địch thủ của ông là Nguyên Cao Kỳ, đã nhất tề làm hậu thuẫn cho ông khi ông kháng cự lại Johnson, nhưng giờ đây lại có thêm nhiều àp lực khác. Lời chì trích ông Thiệu công khai của Cliíĩord có ngụ ý muốn nói với tất cả hai phía Bắc và Nam Việt, là Mỹ đang chuẩn bị cách chức ông này. Ông Thiệu kể lại: “Nếu Johnson lật đổ tôi trước khi Nixon nhậm chức, thì cái đó hẵn là một giải pháp êm đẹp nhất cho Nixon: ông ta khỏi phải đích t nân lật đổ tôi. Tôi đâu có căn cứ chính sách của tôi vào một cà nhân duy nhất, mà vào chính sách của Hoa Kỳ. Tôi biết chính sách của Hoa Kỳ là thương lượng để đạt cho được một chính phủ liên hiệp ở miền Nam, chứ không phải thắng lợi quân sự. Tôi không hề bao giờ có ảo tướng là chính sách Nixon nhằm giúp ta thắng Bắc Việtvề mặt quân sự.” Nixon nhậm chức chính thức và không còn hăm dọa gì thêm nữa đối với Thiệu, nhưng ám ảnh bị lật đổ giống như anh em họ Ngô năm 1963 vẫn còn đó, và đã trở thành một yếu tố then chốt, dù không nói ra, trong cuộc đời chính trị của ông. Ông Thiệu tin rằng những hành động phả Johnson và Humphrey của mình đã tránh cho Saigòn không bị cộng sản cưỡng chiếm ít ra là thêm bốn năm nữa. Ông lấy làm hãnh diện là đã bẻ gẫy được kế hoạch hòa bình của Johnson 1968; và sau này, nhớ lại “những ngày vô cùng khó khăn năm 1968; àp lực của Mỹ đè lên ta không phải là nhỏ.”.

Riêng đòi với Nixon, Thiệu thấy ông là một nhà lãnh đạo chống cộng có nhiều kinh nghiêm đối ngoại và có một thành tích đáng kính nể. ông cũng đã đọc cẩn thận bài tham luận của Nixon đăng trên tạp chí Foreign Affairs tháng 10-196'7, “Ấ Châu sau Việt Nam”, trong đó Nixon đã cảnh cáo: Nếu không có Mỹ can thiệp ở Việt Nam, thì Ẩ Châu ngày nay đã là một lục địa khác hẵn ... Những biến cố ờ Việt Nam đẵ khiến cho Bắc Kinh khỏi dòm ngó những mục tiêu tiềm tàng khác như Ấn Độ, Thái Lan và Mã Lai Ắ. Những biển cố đó cũng đã mua thêm được thời giờ vô cùng cắn thiết cho các chính phủ yếu thế khác. Thời giờ khiến cho họ có thể đối phó với những vụ nội loạn của chỉnh họ trong khi vẫn đẩy mạnh được sự phát triển chính trị, kinh tế và quân sự.

♦

Nguyễn Văn Thiệu trông đợi và đặt nhiều kỳ vọng ở cuộc gặp gỡ Nixon tại đảo Midway ngày 8-6-1969, lần đầu tiên kể từ khi ông này đắc cử. Thiệu tin rằng ông đã có một vị thế vững vàng, rằng ông có thể trông cậy ở sự yểm trợ và một vài đBn đáp nào đó của Nixon đối với ông. Giờ đây, ông có được một người chống cộng hạng nặng ngòi trong Tòa Bạch Cung, người đó lại mang một món nợ chính trị đối với ông. Dù ông Thiệu có ý thức được là Nixon sẽ bị áp lực trong nước đòi giảm bớt cam kết của Mỹ tại Việt Nam, ông nghĩ rằng vẫn còn có cách xoay sở và Nixon vẫn sẽ ủng hộ mình như trước.

Mùa Xuàn năm đó thật đầy gian nan. Cuối tháng hai, Bắc Việtmở một cuộc tấn công toàn quốc, làm thiệt hại 453 người Mỹ trong tuần lễ đầu, 336 người tuần lễ thứ hai, và 351 người tuần lễ thứ ba. Quân lực Việt Nam Cộng hòa tổn thất trên 500 người mỗi tuần. Trong khi Nixon và các cố vấn còn bàn luận là có nên đáp ứng bằng cách dội bom các căn cứ Bắc Việtd Cam-Bốt hay không, thì Bắc Việtlại tăng thêm áp lực và phóng hỏa tiễn vào Saigòn. Sau cùng, ngày 18 tháng 3, Nixon ra lệnh cho B-52 tấn công khu vực nghi là có căn cứ của Bắc Việt ở Cam-Bốt, cách biên giới Nam Việt chửng ba dặm.

Ngày 14 tháng 4, một phi công EC-121 của Hải Quân Hoa Kỳ loại có cánh quạt, thường dùng để bay trinh sát trên vùng biển Nhật Bản, bị các máy bay MIG của Bắc Hàn tấn công và bắn rót trong hải phận quốc tế cách bờ biển khoảng 90 dặm. Chiếc máy bay chở một phi hành đoàn gồm 30 Hải quân, một Thủy Quân Lục Chiến, và sáu tấn dụng cụ kiểm thính; mục đích là theo dõi các vị trí đóng quân của Bắc Hàn để tránh cho Nam Hàn khỏi bị tấn công bất ngờ. Không có một người nào trong phi hành đoàn sống sót.

Đó là khủng hoảng quan trọng thứ nhất mà Nixon phải đối phó. Ngày đằu, ông được trình hai hành động để lựa chọn: Trả đũa bằng cách dội bom phi trường của Bắc Hàn, hoặc tiếp tục càc phi vụ EC-121 có chiến đấu cơ hộ tống. Trong nội các đã không có sự nhất trì về cách đàp ứng. Bộ Ngoại Giao, do XVilliam Rogers lãnh đạo chỉ muốn đáp ứng một cách ôn hòa. Không ai thực sự muốn dùng võ lực cả. Trong một cuộc họp báo ngày 18-4 tại Tòa Bạch Cung, Nixon loan báo rằng Hoa Kỳ vẫn tiếp tục càc chuyến bay trinh sát đó. Quốc Hội và báo chí lập tức khen ngợi ông là biết tự kiềm chế. Thực ra, thì khi bàn bạc về biện pháp đáp ứng giữa Nixon, Kissinger, và Haig đã có một đề nghị dùng cơ hội này để dằn mặt Bắc Việt. Họ nhớ lại rằng sau khi nhậm chức Tổng Thống năm 1953, Eisenhovver đã đe dọa Bắc Hàn là sẽ leo thang cuộc chiến nếu họ không đòng ý đình chiến. Như vậy, Nixon có thể ra lệnh dội bom phi trường Bắc Hàn để cảnh cáo Bắc Việtrằng nếu không chịu thương thuyết nghiêm chình ở Paris thì cũng sẽ phải chịu một cuộc leo thang tương tự. Liên Xô cũng sẽ được thông báo rằng Hoa Kỳ phải làm một hành động mạnh không phải để leo thang mà để chấm dứt chiến tranh. Thế nhưng sau cùng, Nixon quyết định không dội bom Bắc Hàn, nhưng lại ra lệnh oanh tạc căn cứ Bắc Việt ở Cam Bổt. cả Hà Nội lẫn Nam Vang đều không có phản ứng nào sau vụ oanh tạc và chính quyền Hoa Kỳ cũng không hề công bố gì về vụ oanh tạc ấy.

Nixon về sau tiếc là đã không trực tiếp trả đũa Bắc Hàn. Ông nói với Kissinger: “Lần này bỏ qua, nhưng lần sau chúng sẽ biết tay”. Sau này Nixon nói với Haig rằng không đáp ứng mau và mạnh vụ Bắc Hàn tấn công phi cơ EC-121 “đã là quyết đoán sai lầm nhất trong thời gian tôi làm Tổng Thống, kể cả vụ \Vatergate”. Tướng Haig giải thích rằng Nixon đã bỏ lỡ cơ hội quý báu trong mấy tuần lễ đầu nhiệm kỳ Tổng Thống của mình để dằn mặt Bắc Việtmột cách quyết liệt. Dù rằng vụ EC-121 đã có ảnh hưởng tới phương cách Nixon đối xử với Bắc Việtvề sau này, tại Midway, người ta có cảm tưởng rằng ông thật tình muốn xuống thang chiến tranh.

Nixon chọn Midway vì lẽ ông sợ các cuộc náo loạn phản chiến ở Hoa-Thịnh-Đốn có thể làm hội nghị thất bại. Ông Thiệu yêu cầu họp ở Honolulu, nhưng Kissinger và Nixon không muốn địa điểm này bởi lẽ Thiệu đã có lần gặp Johnson ở đó. Đảo Midway, tuy nổi tiếng nhờ chiến thắng của Hải Quân Hoa Kỳ đối với Hạm Đội Thái- Bình-Dương của Nhật hòi Đệ II Thế chiến, ngày nay chì còn là một nơi hẻo lánh, một trạm để máy bay lấy xăng, và là nơi cư ngụ của từng đoàn chim hải âu. Căn nhà của vị chì huy Hải Quân Mỹ, địa điểm họp, được tô thêm một nước sơn mói và tàng cường chút ít đồ đạc. Nhưng tự khởi đầu các việc chuẩn bị cho cuộc họp mặt Nixon Thiệu đã không mấy xuông xẻ. Trước tiên, hai bên đã tranh luận về địa điểm họp. Rồi phía Hoa Kỳ yêu cầu òng Thiệu đến Midway trước Nixon. ông Thiệu không chịu, đòi Nixon là chủ phải có mặt ở đó trước khách. Thế rồi Hoa Kỳ giảng giải rằng ông Thiệu có thể bị mệt sau chuyến bay dài nên đến Midway một đêm trước để nghi ngơi. Thiệu từ chối: “Tôi sẽ mang giương lên máy bay để ngủ ở đó”.

Sau cùng, mọi việc được sắp xếp để Nixon sẽ tới trước và đón Thiệu. Lúc gần tới Midway, Nhã điện thoại cho Giám đốc Báo chí Ronald Ziegler — trên máy bay chở Ni xon — Ziegler cam đoan là Nixon sẽ đáp xuống trước. Té ra, ông Thiệu tới nơi, thì máy bay của Nixon hãy còn cách xa Midway mười lăm phút nữa!

Bốn chiếc ghé được xếp thành một hàng ngang trong phòng khách dùng làm phòng hội nghị: Chiếc thứ tư, chân cao hơn và lưng cũng cao hơn, được dành cho Richard Nixon. Ông Thiệu nửa buồn cười, nửa tức giận. Không nói một lời, ông nhìn sang phòng ăn bên cạnh, rồi bước vô lấy một chiếc ghế cùng cỡ với ghé của Nixon, mang sang đặt trước mặt Nixon, rồi ông ngồi đối diện với Tổng Thống Hoa Kỳ, cùng ngang tầm mắt. về sau ông kể lại: “Sau cuộc họp ở Midway có người bạn Mỹ cho tôi biết là Kissinger đã hết sức ngạc nhiên.”

Ông Thiệu đã đề nghị ông và Nixon nên họp riêng, nhưng Nixon đòi phải có cả Cố vắn An Ninh Quốc Gia, Henry Kissinger. Nixon giải thích: - “Tôi cần Tiến sĩ Kissinger”. Ông Thiệu bèn nói: “Thế thì tôi cũng sẽ mang theo cố vấn của tôi.” Hai bên đành thỏa thuận là ông Thiệu cùng vào phòng họp có Phụ tá Ngoại giao Nguyễn Phúc Đức đi kèm.

Trước khi đi Midway, ông Thiệu đã biết rằng Nixon sẽ có thể đề nghị bắt đàu rút quân Mỹ ra khỏi Việt Nam. Để chặn trước sự bất đòng ý kiến tại Midway, ông Thiệu bèn nắm lấy thế chủ động và đề nghị Hoa Kỳ “tái phối trí” các lực lượng Mỹ theo tinh thần bài diễn văn ngày 14-5 mới đây của chính Nixon đã đề nghị là hai bên, Hoa Kỳ và Bắc Việt, cùng triệt thoái một lúc. Đây là hành động điển hình của ông Thiệu, ông thường hay “đánh phủ đầu” người khác — “Lúc ấy, tôi thấy nên xài chữ tái phối trí thay vì rút quân để giảm thiểu tối đa tác dụng của việc này đối với bọn Bâc Việt”. Nixon đồng ý, nhưng giải thích với Thiệu là ông cần có thêm thời giờ để phát triển một chiến lược về Việt Nam. Ông Thiệu đáp lại: “Tôi biết là các ông sẽ ra đi, nhưng trước khi ra đi, các ông nên để lại một cái gì làm kỷ niệm cho tình bạn, một cái gì giúp chúng tôi chứ?” Ngoài ra, ông Thiệu còn yêu cầu Nixon cung cấp ngân khoản và đò trang bị để tổ chức thêm hai sư đoàn tổng trừ bị, một sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến và một sư đoàn Nhẩy Dù để Việt Nam Cộng hòa có được một số quân trừ bị có thể di chuyển mau lẹ từ vùng này sang vùng khác khi tấn công các lực lượng Bắc Việt. Hai sư đoàn mới đó cũng là để phần nào lấp khoảng trống do sự triệt thoái của Hoa Kỳ gây ra. Thế nhưng, cho đén ngày mất nước, hai sư đoàn này chẵng bao giờ được thành hình cả.

Tại Midway, cả Nixon lẫn Thiệu đều chơi phé chính trị. Thiệu thì cố lấy cho được càng nhiều càng tốt mà không chấp nhận kế hoạch triệt thoái hoàn toàn quân đội Mỹ. Ong nghĩ tới một giải pháp kiểu Đại Hàn với một vùng phi quân sự làm trái độn giữa Bắc và Nam Việt. Ông hy vọng rằng ít nhất cũng còn lại hai sư đoàn quân Mỹ khoảng 40,000 người sẽ được đóng ở đó để ngăn chặn quân Bắc Việttràn xuống.

Còn Nixon thì đề nghị Mỹ bắt đầu tiếp xúc mật với Hà Nội ở cấp thượng đỉnh. Thiệu đồng ý với điều kiện là Ông phải được thông báo về mọi cuộc thảo luận chính trị. Ông nghĩ rằng các cuộc mật đàm của Mỹ phải nhắm vào việc đưa Hà Nội và Saigòn ngòi vào bàn hội nghị, chứ không phải Mỹ sẽ coi miền Nam như kẻ phụ thuộc để hòa giải theo điều kiện của Mỹ.

Sau buổi họp, Nixon đề nghị với ông Thiệu là cả hai sẽ qua rạp chiếu bóng trong căn cứ Hải Quân để cùng đưa ra bản tuyên bố với báo chí. Đi bộ một quãng ngắn dưới ảnh nắng như thiêu đốt, ông Thiệu bước vào một căn nhà tôn trong đó có một sân khấu làm vội vàng, tạm bợ. Đứng trên bục gỗ có mang ấn triện Tổng Thống trong mười lăm phút, Nixon trả lời các câu hỏi của báo chí. Rồi ông Thiệu được mời lên, không chuẩn bị mà cũng không được báo trước, để trả lời bằng tiếng Anh. Ông thấy thủ tục hơi kỳ cục. Ỡng vừa ngạc nhiên, vừa bực mình, nhưng không phản đối, và rồi cũng trả lời các câu hỏi bâng tiếng Anh trong mười lăm phút.

Nixon vô cùng hể hả về kết quả cuộc gặp gỡ. Thế là lần đàu tiên kể từ khi Thủy Quân Lục Chiến đổ bộ Đà Nẵng ngày 6 tháng 3, 1965, quân đội Mỹ sẽ triệt thoải khỏi Việt Nam. Về phía ông Thiệu, cuộc gặp gỡ đã khiến ông lúng túng và băn khoăn. Ông đã mong đợi một sự đối xử tốt đẹp hơn, một sự báo ân xứng đáng với món nợ chính trị mà Nixon đã mắc với ông. Cuộc họp đã gây nhiều rắc rối, nó có vẻ như là ông đã được mời tới đó cốt để tô điểm cho uy tín của Nixon và Kissinger, cũng như để giải quyết những vấn đề chính trị của chính họ mà thôi.

Trên đường trở về Saigòn, ông Thiệu ghé Đài Bắc để gặp Tưởng Giới Thạch, Tổng Thống Trung Hoa Dân Quốc, nạn nhân đàu tiên của những cuộc chiến tranh chống Cộng tại Ấ Châu, và là người đã có nhiều kinh nghiệm sống với Hoa Kỳ. Máy bay của Hãng Pan Am chở ông Thiệu đáp xuống phi trường Đài Bắc vào một buổi trưa nóng bức, oi ả. Đoàn xe đi thẳng tới khách sạn Hoa Viên là nơi ông sẽ ngủ lại đêm. ít khi mà Tưởng Tổng Thống lại đến khách sạn thăm tân khách, nhưng họ Tưởng rất mến phục ông Thiệu, nên việc ông tới gặp ông Thiệu trưa hôm đó đã được coi là một cử chl ủng hộ.

Sau khi họ bắt tay nhau thật chặt, và khi không có ai đứng quanh, họ Tưởng nói với ông Thiệu là ông rất muốn biết những gì đã được đem ra thảo luận tại Midway. Vì hai người đã thường gặp nhau trước kia, họ Tưởng bèn hỏi ông Thiệu bằng một giọng thì thào: “Như vậy là Mỹ sắp rút lui khỏi Việt Nam, phải không? Tại sao ông lại để họ làm như vậy?” Họ Tưởng rất quan ngại là việc triệt thoái của Mỹ ở Việt Nam sẽ có một ảnh hưởng bất lợi cho Đài Loan, ông Thiệu mạnh dạn đáp: “Chắc Ngài biết là khi Nixon đuyết định triệt thoái thì tôi đâu có thể làm gi được. Cũng như là khi Eisenhower, Kennedy và Johnson quyết định nhẩy vào Việt Nam, thì những vị lânh đạo tiên nhiệm của tôi đâu có thể nói gì được.

Một khi biết là ta chảng thể thay đổi được quyết định của người Mỹ, thì ta cứ lợi dụng tình hình được đến đâu hay đến đó. Bởi vậy, chúng tôi còn đề nghị một cuộc triệt thoái trong tương lai khi Nixon bắt đầu giải thích là nếu ông phải duy trì mirc quân hiện thời tại Việt Nam sẽ hết sức khó khăn cho ông ta! ông ta cũng phác họa cho biết là sẽ phải đối phó với mọt Quốc Hội chổng đối, báo chí, và với sinh viên biểu tình đả phá. Tôi đã đồng ý với đợt rút quân Mỹ đầu tiên bởi vi Tổng Thống Nixon có nói với tôi là ông đang có nhiều vấn đề khó khăn, và sự triệt thoái 25,000 quân Mỹ sẽ chỉ có tinh cách tượng trưng mà thôi. Nixon bảo tôi, ông chỉ coi đó như một thủ đoạn đánh vào dư luận quần chúng và ông ta đồng ý gọi nó là một cuộc “tái phối trí” thay vì “rút quân”. Ông ta còn nói là ông ta cần sự hậu thuẫn của dư luận và Quốc Hội Hoa Kỳ. Nhưng tôi cũng đã nhấn mạnh rằng ông phải cẩn thận, đừng để cho Hà Nội coi việc rút quân đó là một dấu hiệu nhu nhưực của Mỹ”.

Họ Tưởng hỏi: “Nixon đã nhượng bộ lại Việt Nam Cộng hòa những gi?

Thiệu đáp: “Ông đã hứa với tôi tám năm yểm trợ mạnh mẽ. Bốn năm yểm trợ quân sự trong nhiệm kỳ đằu và bốn năm yểm trợ kinh tế trong nhiệm kỳ hai. Ông ta có nói tới chương trình Việt Nam hóa về mặt quân sự trong nhiệm kỳ đầu và Việt Nam hóa về mặt kinh tế trong nhiệm kỳ hai. Khi mà hầu hết quân Mỹ đã rút lui rồi thì quán đội Bắc Việtcũng sẽ phải ra khỏi miền Nam, lúc đó thì Saigònắt phải đủ mạnh để tự phòng vệ. Hoa Kỳ chì cần yểm trợ vật chất mà thôi.” Họ Tưởng gật đầu đồng ý . Ông Thiệu còn giải thích rằng Nixon đã hoàn toàn đồng ý về điều kiện là sự triệt thoái quân đội Mỹ và Bắc Việtphải có tính cách hỗ tương. Ông Thiệu cho đó là một nhượng bộ lớn của Việt Nam C H, bởi lẽ trong lần gặp gỡ Tổng Thống Johnson ở Manila mới sáu tháng trước đây cả hai bên đã đồng ý rằng Hà Nội phải rút quân khỏi miền Nam nửa năm khi người Mỹ rút. Đến đây ông Thiệu mở cặp lấy ra một hò sơ nhỏ. Ông nói: “Nixon đã đòng ý với tôi về nguyên tắc căn bản, thiết yếu của việc thương thuyết với Bắc Việt”. Ông đưa cho họ Tưởng coi bản văn bài diễn văn của Nixon ngày 14 tháng 5, 1969 trên đài truyền hình Mỹ, đề nghị những điều khoản thỏa hiệp về thương thuyết. Ông chì cho họ Tưởng thấy những giòng chữ ông đã gạch dưới: “Chúng tôi đã gạt bỏ việc Hoa Kỳ triệt thoái đơn phương, hoặc việc chấp nhận tại Paris những điều khoản che dấu sự thua trận.”

Hai người nói chuyện thân mật, chậm rãi. Họ Tưởng nhắc lại kinh nghiệm của chính ông với người Mỹ hai- mươi-nãm trước đây lúc ông bị cộng sản đánh bại và buộc phải chạy sang Đài-Loan. Trước khi ông rời lục địa, người Mỹ đã làm áp lực bắt ông phải liên hiệp với Mao Trạch Đông. cả hai đều hiểu rõ nguy cơ liên hiệp với Cộng sản. Họ Tưởng khỏi càn dậy ông Thiệu điều đó. Kinh nghiệm của ông Thiệu đã dậy ông bằng quy luật thứ nhất của Hồ Chí Minh, là thanh toán không thương tiếc mọi thành phíìn chống đối.

Lịch sứ tranh đấu giành độc lập của dân tộc Việt Nam có biết bao nhiêu trường hợp những lãnh tụ quốc gia bị Cộng sản phản bội hoặc thủ tiêu. Trong những năm hình thành phong trào Cộng Sản Việt Nam, họ Hồ đã phản bội cụ Phan Bội Châu, một lãnh tụ Quốc Gia được kính nể, với mật vụ Pháp. Năm 1925, cụ Phan hoạt động tại Thượng Hải, chủ trương một thể chế dân chủ cộng hòa cho Việt Nam qua tổ chức chính trị của cụ là Việt Nam Duy Tân Hội, nhóm này khuấy động nhằm chấm dứt chủ nghĩa thực dân Pháp và giành độc lập cho Việt Nam.

Cụ Phan liên kết vói các phần tứ đấu tranh khác ở Á Châu và còn được nhiều người biết đến hơn là họ Hò. Tổ chức của cụ cũng là một đối thủ đáng sợ hơn là Hội Thanh Niên Cách Mạng Việt Nam của Hồ, lúc đó, vừa được thành lập. Ho Hồ xâm nhập tổ chức của cụ Phan ở Hương Cảng và móc nối với Nguyễn Công Viên — một nhà cách mạng khác — để khuynh đảo cụ Phan và nhóm Quốc gia của cụ. Họ Hò còn dàn xếp mời cụ Phan đến họp tại vùng nhượng địa của Pháp tại Hương Cảng. Khi Cụ vừa tới thì mật thám Pháp ập tới bắt cụ. Hồ và kẻ đòng mưu, Viên, cha nhau số tiền 100.000 đồng Đông Dương (tương đương với 56.000 mỹ kim hồi đó) là tiền treo thưởng do thực dân Pháp. Cụ Phan bị dẫn độ về nước xét rồi bị kết án quản thúc tại gia ở Huế, và mất tại đây mười lăm năm sau.

Họ Hò, kể từ những ngày sơ sinh của phong trào cộng sản, đã tạo ra một mô thức nhằm vô hiệu hóa và thủ tiêu bất cứ phe nhóm nào mà y sợ sẽ phải chia sẻ quyền hành.

Mô thức ấy còn nguyên vẹn ba tháng sau khi Cộng Sản chiếm Saigòn hồi tháng 4-1975, khi Hà Nội bắt đầu loại dần mọi dấu vết của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (Việt Cộng) và chính phủ Cách Mạng Lâm Thời.

Họ Hồ tiếp tục khuynh đảo phong tràc Quốc gia của cụ Phan Bội Châu bằng cách đem nộp cho Pháp những nhà ái quốc Việt Nam khác. Hòi đó, phong trào Quốc Gia thường hay gửi thanh niên sang Trung Quốc để được huấn luyện về cách mạng. Những người đã ớược tuyển mộ phải gửi hai tấm hình của mình cho Nguyên Công Viên trước khi ra đi. Thanh niên nào hưởng ứng sự kêu gọi của họ Hò và gia nhập Hội Thanh Niên Cách Mạng thì được bí mật đưa về Việt Nam an toàn. Còn ai không chấp nhận lý tưởng Cộng sản và trung thành với chính nghĩa Quốc Gia, thì bị Pháp bắt ngay lúc vừa vượt biên trở v'ê nước. Nguyễn Công Viên đã cho họ Hò biết tin là một sinh viên “không đủ tư cách” nào đó, sắp hòi hương, đòng thời cho tòa lãnh sự Pháp ở Hương cảng biết đầy đủ chi tiết lộ trình và một tấm hình của sinh viên ấy, để đổi lại một khoản tiền thưởng.

Khi họ Hồ lên nắm chính quyền hòi tháng 8-1945, y đã thanh toán hàng ngũ lãnh đạo phe Quốc Gia không Cộng sản ở Việt Nam một cách có hệ thống và tàn bạo. Từ ngày II đến ngày 13 tháng 7-1946, Võ Nguyên Giáp đã thực hiện một cuộc ruồng bắt toàn quốc mọi lãnh tụ Quốc Gia, và công an Việt Minh đã tới chiếm trụ sở của các đảng phái đối lập.

Thế nên, khi ông Thiệu nghe thấy chữ “liên hiệp” là lập tức ông liên tưởng đến thành tích của Cộng sản Bắc Việtđã dùng vũ lực tiêu diệt mọi phong trào cũng như nhân vật chống đối, và tước đoạt mọi quyền tự do công dân của họ. Ông thừa biết rằng Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam chì là một công cụ của Bắc Việt, ông sợ rằng liên hiệp với Mặt Trận sẽ giống như bắc một cái cầu cho Hà Nội bước vào miền Nam để rồi nắm quyền kiểm soát. Vì vậy, trước khi bàn về giải pháp chính trị nào, ông đòi quân đội Bắc Việtphải triệt thoái khỏi miền Nam trước đã. Một chính phủ liên hiệp mà không đi đôi với sự rút quân Bắc Việtkhỏi miền Nam sẽ châng khác chi một chiến thắng của Cộng Sản. Ông thường nhắc nhở người Mỹ rằng trong thổi chiến tranh Đại Hàn, quân đội Bắc Hàn cũng đã phải rút về bắc vỹ tuyến 38 trước khi khđi sự thương thuyết. Chựng nào Bắc Hàn còn ở dưới vỹ tuyến 38 là chiến tranh vẫn còn tiếp diễn. Ông nhấn mạnh: “Các ông phải đòi Bắc Việtrời khỏi miền Nam — như Tổng Thống Johnson đã đòi — trước khi thương thuyết bắt đầu, thay vì thương thuyết để rút quân”.

Tuy ông sẵn sàng thảo luận về giao thương với Bắc Việtnhư Nguyễn Tiến Hưng đề nghị, nếu miền Bắc đáp ứng thuận lợi, ông cũng nói riêng với họ Tưởng ràng liên hiệp với sự hiện diện của quân đội Bắc Việttại miền Nam, là một điều tuyệt đối không thế thương thảo. Trong bài diễn ván đọc ở Quốc Hội, một tuần trước hội nghị Midway, ông đã chặn đầu Nixon bằng cách nói huỵch toẹt công bố quan điểm của mình. Nixon khôn khéo đã không đả động gì đến liên hiệp ở Midvvay. Nixon nói với Thiệu tốt hơn hết là nên tách các vấn đề quân sự ra khỏi vấn đề chính trị. vấn đề quân sự then chốt là làm cách nào thương lượng được việc triệt thoái song phương của cả Bắc Việtlẫn Hoa Kỳ ngõ hầu giảm thiểu sự có mặt của Mỹ tại Việt Nam xuống mức có thể chấp nhận được tại Quốc Hội. Và điều này cũng sẽ mua thêm được thời giờ để củng cố quân đội của Việt Nam Cộng Hòa. Dù sao chăng nữa, như Nixon đã hứa hẹn, thì khi quân Mỹ rút về, quân Bắc Việtcũng sẽ rút theo cùng một lúc.

Ông Thiệu và Tưởng Giói Thạch đàm luận một giờ lâu hơn dự định khiến họ Tưởng không kịp về tư dinh thay quằn áo để dự tiệc khoản đãi ông Thiệu tối hôm đó. Ông bèn phái sĩ quan tùy viên về tư dinh lấy bộ quân phục mang đến khách sạn để thay quằn áo ở đó và tiếp tục cuộc đàm thoại.

Trong bữa tiệc chiều hôm đó, họ Tưởng đã nâng ly chúc tụng Việt Nam Cộng hòa. chúc tụng ông Thiệu có được can đảm và quyết tâm giữ cho Đông Nam Á khỏi bị Cộng sản thống trị. Bàn tiệc thịnh soạn kèm với rượu qúy Trung Hoa khiến ông Thiệu bớt càng thâng hơn và hai người bàn về đặc điểm của cách nấu ăn của Trung Quốc so với của Đài Loan; và cả hai đều đòng ý rằng các món ăn ở đảo cũng giống như các món ở lục địa, nhưng có phần ngon hơn. Họ Tưởng lịch thiệp và hiếu khách, nhưng phải cảo lui sớm vì nay đã già yếu. Thấy bữa tiệc kết thúc sớm, ông Thiệu cũng cảm thấy nhẹ nhõm sau buổi hop khá dài lúc ban chiều.

Nhưng đến lúc ngả lưng, ông thấy khó chợp mắt. Cuộc đàm thoại với họ Tưởng buổi chiều hôm ấy cứ tài diên trong óc. Đúng, có thể sau này ông phải đối diện với lời cảnh cào của họ Tưởng về chiều hướng của Mỹ muốn giải quyết những vấn đề quân sự bằng liên hiệp chính trị. Ông tự hỏi: Tại sao bây giờ Nixon làm Tổng Thống mà họ Tưởng vẫn còn quan ngại về Việt Nam? Hiển nhiên là nhà lãnh đạo Trung Hoa Quốc Gia đã nghi ngờ ý định của Nixon.

Về sau nghĩ lại, ông thấy cuộc gặp gỡ ở Midway đã không mấy tốt đẹp như ông hy vọng lúc ban đầu. Tại sao Nixon đã bác bỏ đê nghị của Việt Nam Cộng hòa là họp ở Hoa-Thịnh- Đốn hoặc Honolulu? Honolulu là một trung tâm quan trọng, nơi có tổng hành dinh của Bộ Tư Lệnh Thài Bình Dương (CINCPAC); ngó ra biển xanh lơ thấy Trân Châu Cảng và sức mạnh của Hải quân Mỹ, nơi này mới thật là nơi lý tưởng để tỏa phóng quyền lực của Hoa Kỳ. Hẻo lánh và tiêu điều, đảo Midway quả đã là một lựa chọn kỳ khôi.

Mới một năm trước đây, hòi tháng 7-1968, Thiệu gặp Lyndon Johnson ớ Honolulu. VịTổngThống Hoa Kỳ này đã cam két tiếp tục ủng hộ Việt Nam Cộng hòa “chửng nào còn cần và muốn sự giúp đỡ ấy”. Johnson cũng đã thừa nhận lời cam két “không áp đặt một chính phủ liên hiệp tại Sài Gòn”. Hay là ông Thiệu đã sai lầm khi ủng hộ Nixon thạy vì Humphrey? Ông không cần họ Tưởng nhắc nhở về những nguy cơ của một chính phủ liên hiệp; vấn đề là làm sao thuyết phục được Mỹ. Ông phân vân không biết làm cách nào bầy tỏ cho Nixon và Kissinger hiểu thấu những mối lo ngại của ông.

Nguyễn Văn Thiệu xuất thân từ một gia đình dòng dõi hết sức khiêm nhượng. Ông sinh ngày 24 tháng Chạp, 1924; theo thầy tướng số thì nhằm đúng giờ Tý, tháng Tý và năm Tý — là một tuổi có điềm tốt theo tứ vi (53). Là con út trong một gia đình bảy người con, mọi người đều gọi ông là cậu Tám (theo tục miền Nam, người cha trong gia đình được gọi là cả, người con đầu lòng là Hai).

Cha của ông, mồ côi từ năm mười một tuổi, đã sống với một người chú ở vùng quê, và phải đi chăn bò để kiếm ăn. Ông Thiệu kể: “Ông cụ đã thành một thứ cowboy . Hòi đó, không có đường xá nhiều, cho nên thường khi cụ dẫn đàn bò từ tình này sang tình khác để bán, dọc đường có khi mất đến một nửa”, về sau, cụ dành dụm đủ tiền mua được hai mẫu ruộng, rồi lấy vợ, đẻ con. Gia đình bốn trai, ba gái. Từ lúc lên năm, ông Thiệu đã được mẹ giao cho bán bánh tét ở ngoài chợ làng. Mẹ ông đêm đêm nấu bánh, sáng sớm ông bưng thúng ra chợ bán. Ông bán đủ tiền mua vật liệu cho nồi bánh ngày hôm sau, và được lãi chút đỉnh. Hòi nhỏ ông rất mê bóng tròn, nên thường láu lình để dành chút tiền kiếm được để mỗi chiều chủ nhật bỏ chợ đi coi đá bóng. Buổi chợ hôm đó, ông lấy bánh ra ăn và còn cho bạn ăn nữa. Sau trận đá, ông về đưa đủ số tiền bán bánh ngày hôm đó cho mẹ, giống như mỗi ngày khác, mà không hề nói với bà là ông đã đi coi đá banh.

Ông kể lại rằng hồi còn ở trung học, ông là một học sinh khá xuất sắc, học cả Pháp lẫn Anh Ngữ. Sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống, ông đã học được của cha ông những đức tính của Nhogia kể: Cụ còn dậy cho ông lúc nào cũng phải tính toán trước cho kỹ, chớ liều Enh. Một hôm, cụ có việc phải ra ngoài Bắc. Cụ bèn xách khăn gói đi ra ga xe lửa lúc xẩm chiều, ngủ đêm ở đó, kệ cho muỗi cắn và thửa biết mãi đén trưa hôm sau xe lửa mới khởi hành. Khi cha về, ông Thiệu hỏi sao cụ ra ga sớm thế. Cụ đáp: “Người chờ xe chứ xe đâu có chờ người.” Chính là nhờ cha mà ông đã học được cái tính ăn chắc từng bước một, luôn luón nghi ngờ và dè dặt — là các đặc tính đã đeo đuổi ông suốt cuộc đời.

Kinh nghiệm bản thân ông đối với sức mạnh của Mỹ đã đến với ông năm 1954, hòi cuối chiến tranh thế giới, khi có nhiều đợt phi cơ Mỹ đến dội bom làng ông, lúc ấy đang đi quân đội Nhật chiếm đóng, ông còn nhớ là đã có rất nhiều thiệt hại nhân mạng, và ông đã tiép tay một toán cứu trợ đi bới tìm kẻ sống sót dưới những đổng gạch vụn.

Cũng vào khoảng thời gian ngay trước khi Đệ II Thế Chiến chấm dứt, ông gia nhập mặt trận Việt Minh chiến đấu chống Pháp, và từ đó, bất đầu ý thức được sự tàn bạo của Cộng Sản Bắc Việt. Sau khi thoát ly Mặt trận Việt Minh và chạy vào Sài Gòn, ông ghi tên gia nhập khóa I sĩ quan trường sĩ quan Việt Nam tại Huế.

Phục vụ trong quân đội Việt Nam, ông được tiếng là một sĩ quan thông minh và nhiều tham vọng, cấp chì huy ngang hàng còn nhớ đến khả năng làm kế hoạch hành quân cũng như công tác tham mưu của ông. Năm 1952, ông thành hôn với Nguyễn Thị Mai-Anh, con gái một tín đồ Công Giáo nổi tiếng miền Tây và chính ông sau đó, năm 1957, cũng chịu lễ rứa tội.

Khi cuộc đảo chính chống ông Diệm bùng nổ năm 1963, ông được coi là một ngôi sao đang lên trong quân đội. Hòi đó, óng chỉ huy Sư đoàn 5 Bộ Binh, căn cứ tại Biên Hòa và sự ủng hộ của ông đã được coi là tối hệ trọng cho việc đảo chính thành công. Sau đảo chính, ông là một trong nhóm sĩ quan trẻ tuổi cấp lãnh đạo, nắm giữ các địa vị then chốt trong quân lực và làm áp lực buộc nhóm tướng lãnh thế hệ cũ phải về hưu. Sau khi tướng Nguyễn Khánh bị đẩy ra khỏi quân đội và chính quyền vào tháng Hai 1965, ông Thiệu vận động khôn khéo để được bầu làm chủ tịch Hội đòng Quân nhân, rồi Quốc Trưởng (“Chủ tịch ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia”) với Thiếu Tướng Nguyên Cao Kỳ là Thủ Tướng (“Chủ tịch ủy Ban Hành Pháp Trung Ương”). Như vậy, ông Thiệu đã dọn đường để được chọn ra tranh cử Tổng Thống vào tháng Chín 1967 kể:, hơn một năm trước cuộc tranh cử của Nixon.

♦

\* \*

Trên chuyến bay ngắn từ Đài Loan về Sài Gòn, ông Thiệu duyệt lại trong đầu cuộc gặp gỡ vừa qua ở Midway. Không, chảng có gi phải sợ cả, ông kết luận như thế. Nixon chắc sẽ không phản bội Việt Nam; ông ta chắc chống cộng còn dữ hơn là Johnson. Thiệu đã giáp mặt Johnson ở Manila và Honolulu, và thấy ông là một người tính tình khó khàn. Johnson không chịu lắng nghe và có vẻ hống hách. Không hề có thảo luận, bàn cãi gì hết. Johnson một mình lấy quyết định, và thế là xong. Tại Manila, LBJ cũng đã ngòi trong một chiếc ghế đặc biệt, lớn hơn ghế mà các Tổng Thống khác đã ngồi (56) LBJ làm ông Thiệu nhớ đến một tướng lãnh người Mỹ khác là John w. O’Daniel (tục danh là “Mike sắt”) mà hòi 1954 đã được Tổng Thống Eisenhovver chì định làm chủ tịch phái bộ cố vấn và viện trợ quân sự Hoa Kỳ đầu tiên tại Việt Nam. Năm 1955, trong một cuộc thảo luận sôi nổi với một tướng lãnh Việt Nam Cộng hòa, O’Daniel đã quát tháo: “Ai chi tiền là người ấy chỉ huy” Giữa ông Thiệu và LBJ đã không hề có một trao đổi thư tín nào hết, ngoài lá thư Johnson yêu cầu ông “đừng bỏ nhau” trước tuyển cử Mỹ 1968.

Với Nixon thì khác. Ông này có một phong cách và phương pháp của một luật sư, trình bầy vấn đề có luận lý, mạch lạc, thứ tự và nắm vững được mọi khía cạnh của vấn đề. Ông biết lắng nghe người khác và cỏ vẻ hiểu rõ vấn đề, và biết đưa ra giải pháp thực tế. ÔngThiệu cảm thấy là Nixon hiểu rõ chính sách đối ngoại cũng như Ấ Châu hơn là Johnson. Mà cũng chẵng lạ gi, bởi vì tất cả sự nghiệp của N ixon đã được xây trên chủ thuyết chống cộng. Ông là mội trong những người đầu tiên chủ trương kiềm chế làn sóng đ ỏ Trung Hoa. Ông là người đầu tiên chủ trương dùng không lực Hoa Kỳ để phá vòng vây Điện Biên Phủ năm 1954, hòi còn là Phó Tổng Thống. Thế nhưng, trên hết, ông Thiệu cho lằng Nixon đã mang nợ ông về cuộc bầu cử năm 1968.

Ít lâu sau cuộc gặp gỡ ở Midway, được biết Nixon sắp thăm viếng vùng biển Đông, ông Thiệu bèn yêu cầu ông ta ghé thăm Sài Gòn, như một cử chì biểu lộ sự ủng hộ của mình. Nixon không trả lời ngay, nhưng sau quyết định vào giờ chót sẽ ngừng chân bất ngờ ở Sài Gòn có Kissinger tháp tùng trong chuyến công du hòi tháng 7-1969, chì một tháng sau hội nghị Midway. Chuyến viếng thăm đầu tiên, và duy nhất đó củamộtTổngThốngMỹtạiDinhĐộcLập đã làm tăng thêm uytíncủaôngThiệu; người tacó cảm tưởng là Nixon đã áp triện bảo chứng cái “Thiên Mệnh” của ông — cái sứ mênh mà Hoa-Thịnh-Đốn đã quy định. Thế nhưng, khi hai người nói chuyện riêng, Nixon đã lập lại những gì ông đã nói ồ Midway: ông ta khởi sự rút quân để được lòng quần chúng Mỹ.

Ông Thiệu kể lại: “Tôi hiểu ý Nixon. Nhưng ông ta không hề nói với tôi là sẽ có một lịch trình triệt thoái tuần tự do Mỹ chủ động. Ông chì nói đến những khó khăn trong nước, mà ông đang gặp phải, và yêu cầu tôi tiếp tay. Ông ta nói: “Hãy giúp chúng tôi, để chúng tối giúp các ông”. Tôi đáp: “Tôi sẽ giúp ông để ông giúp chúng tôi”. Nixon còn cam kết lần nữa là sự triệt thoái sẽ được Bắc Việtthi hành một cách song phương và phải phù hợp với khả năng tự vệ của miền Nam, cũng như mức độ viện trợ quân sự và kinh tế của Hoa Kỳ cho miền Nam”. Ông Thiêu còn nhớ lời Nixon nói: “Chúng ta đã đi một bước đàu khá dài để mở rộng cánh cửa hòa bình rồi, bây giờ thì đến lượt phe bên kia phải đáp ứng.” (58).

Ông Thiệu nói là ông cũng đã hơi nghi là Hoa Kỳ sẽ đơn phương rút quân, bất chấp những hứa hẹn của Nixon, nhưng “lúc đó tôi vẫn còn đặt tin tưởng và kỳ vọng vào người bạn đồng minh vĩ đại ấy.” Dù sao thì trong bài diễn văn ngày 14 tháng 5, khi công bố kế hoạch hòa bình mới, Nixon cũng đã tuyên bố:

Một đại cường quốc không thể không giữ lời hứa của mình. Một dân tộc lớn phải xứng đángvới lòng tín nhiệm của các dân tộc khác. Khi nói đến duy trì hòa bình, thì “uy tín" chảng phẫi là một từ ngứ trống rỗng. Ở đây tồi không nói đến tự ái hay khi khái rởm — mấy thải độ này không có chỗ đứng trong chính sách của ta. Mà tôi muốn nói tới lòng kính nể của một dân tộc đối với chính nghĩa của một dân tộc khác ....

Thế nhưng ông Thiệu vẫn nghĩ đến viễr tượng bị bội phản Ông tự hỏi, không biết cái không khí đầy tin tưởng sẽ kèo dài được bao lâu? Trong tập hòi ký sau này, Kissinger cũng xác nhận cái linh cảm đó của ông Thiệu, nói rằng sau cuộc gặp gỡ giữa Nixon và Thiệu ở Sài Gòn, “rõ ràng là chúng ta đang đi trên con đường rút khỏi Việt Nam bằng ngã thương thuyết nếu có thể, bằng ngả đơn phương triệt thoái nếu cần thiết”.

Ông Thiệu muốn dành cho Nixon một cuộc tiếp tân nhỏ nhưngthật thịnh soạn tại Dinh Độc Lập, nhưng vì lý do an ninh đã phải chờ cho đến giờ chót trước khi Nixon tới, mới cho mời một số giới hạn các nhân viên cao cấp cùng với các phu nhân đến dự. Các bà được dịp ăn mặc lộng lẫy và tô điểm khoe khoang khiến Kissinger lác cả mắt.

Sau khi nâng ly rượu xâm banh chúc tụng Việt Nam Cộng hòa, các động cơ trực thăng bắt đầu nổ, cánh quạt bay ầm ầm mỗi lúc một nhanh, dường như để khâng định lại một lần nữa sức mạnh và sự hiện diện của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Ông Thiệu tiễn Nixon và Kissinger ra tận chỗ phi cơ đậu ở sân cỏ trước dinh, mìm một nụ cười và giơ tay vẫy chào lúc chiếc trực thăng của Tổng Thống Hoa Kỳ bốc thâng lên nhanh, bay về hướng Bắc, lướt trên những mái ngói đỏ của thành phố.

Ngày hôm đó, 30 tháng 7-1969, Nixon đã không hề tiết lộ cho ông Thiệu biết rằng ngay sau lúc đỏ, Kissinger đã trực chì qua Paris để khởi sự các cuộc họp bàn lén lút với Cộng Sản Bắc Việt.

# 

# CHƯƠNG III - NHỮNG ĐỔI CHÁC BÍ MẬT

Mặc dù Kissinger “đi đêm” với Bắc Việttại Paris, hai năm đằu nhiệm kỳ Tổng Thống của Nixon đã là hai năm thuận lợi cho Việt Nam Cộng Hòa. Nixon dường như đã bảo vệ miền Nam trên mọi trận tuyén. Với chương trình Việt hóa và với sự cung ứng đầy đủ vũ khí, tinh thần quân đội Việt Nam Cộng hòa đã lên rất cao. Ông Thiệu dường như hòa hợp được với chiến lược mới của Mỹ và với chủ thuyết Nixon, là Hoa Kỳ sẽ chì viện trợ kinh tế và quân sự cho bất cứ đồng minh nào muốn chống xâm lược mà không trợ giúp nhân lực. Được sự ủng hộ của Nixon, ông Thiệu đã thực hiện những chương trình bình định nông thôn và cải cách ruộng đất được đa số hoan nghênh.

Vụ Tết Mậu Thân (1968), đã dần phai mờ trong trí nhớ mọi người. Cộng sản đã chịu nhiều tổn thất nặng nề về nhân lực và đã không thể mau chóng thay thế quân số cũng như đồ trang bị. Cuộc hành quân vượt biên đánh vào Cam-Bốt của Hoa Kỳ và Việt Nam mùa Xuân 1970, đã là một thắng lợi quân sự lớn lao cho Sài Gòn, dù rằng nó đã làm mồi cho trận bão liỉa chính trị chống lại Nixon do nhóm biểu tình phản chiến ở Mỹ gây ra. Bộ chỉ huy của Bắc Việttại Mỏ Vẹt, vùng giữa Miên và Việt, đã bị tiêu hủy. Cuối 1970, sự tin tưởng của ông Thiệu đã lên cao tới độ ông lạc quan tuyên bố rằng Việt Nam Cộng hòa đang “bước vào giai đoạn hậu chiến.”.

Sang năm 1971, ông Thiệu nhận thức được là sẽ có nhiều thử thách và nguy hiểm, nhưng vẫn tin là có thể đối phó được. Đê chứng minh tinh thần lạc quan đó, trong dịp Tết ông đã cho phép dân chúng đốt pháo — lần đầu tiên kể từ Tết Mậu Thân.

Thứ thách thứ nhất trong năm 1971 là cuộc hành quân Lam Sơn 719 — một ám danh lấy từ chiến thắng lịch sử ở Chi Lăng năm 1427 khi nghĩa quân đất Lam Sơn đánh bại đại quân xâm lược của nhà Minh. Dù chương trình Việt hóa đã được gần hai năm, nó vẫn chưa hề bị thử thách lần nào, nên Hoa Kỳ yêu cầu quân lực Việt Nam Cộng hòa mở một cuộc hành quân “lùng và diệt địch” đánh thâng vào những căn cứ hậu cần và điểm xuất quân của Bắc Việt vào đường mòn Hò Chí Minh tại Tchepone bên Lào. Thiệu cảm thấy là phải chứng minh cho Hoa Kỳ thấy rằng quân đội Việt Nam Cộng hòa đã trưởng thành và có thể đảm nhiệm các cuộc hành quân tấn công mà cho tới hòi đó phần lớn vẫn do quân lực Hoa Kỳ đảm nhận.

Mặc dù vẫn còn băn khoăn lo ngại, ông đã xử dụng hai sư đoàn thiện chiến nhất của Việt Nam Cộng hòa, là sư đoàn Dù và Thủy Quân Lục Chiến. Người Mỹ chỉ cho không lực yẵm trợ. Sau 4 ngày đầu, càc lực lượng của Việt Nam Cộng hòa đã gập sức chống cự mãnh liệt của quân đội Bắc Việt, và cuộc hành quân bị sa lầy. Quân đôi Việt Nam Cộng hòa đã không có được sự yểm trợ của không quân Mỹ như đã hứa hẹn. Phía Hoa Kỳ viện lẽ các nhân viên điều-không của Việt Nam Cộng hòa vì nói tiếng Anh không rành nên bị trục trặc trong việc kêu gọi những phi vụ oanh tạc Mỹ. Tướng Võ Nguyên Giáp của Bắc Việtxua thèm quân trừ bị và đổ vào chién trường tới 36 ngàn quân, kể cả hai sư đoàn Thiết giáp được trang bị với xe tăng Nga Sô để chiến đấu với lực lượng tấn công của miền Nam chỉ gồm có 25 ngàn người. Bất cứ quân miền Nam di chuyển tới nơi nào, là quân đội Bắc Việtđã chờ sẵn ở đó để phục kích.

Cục trưởng Cục Chiến Tranh Tâm Lý thuộc quân lực Việt Nam Cộng hòa hồi ấy có nói với tùy viên của ông rằng ké hoạch hành quân Lam Sơn đã do người Mỹ soạn thảo và đưa cho Đại tướng Cao Văn Viên ký (Tướng Viên là Tổng Tham Mưu Trưởng). Đã không hề có việc soạn thảo kế hoạch hoặc phối hợp thực sự và hữu hiệu giữa Mỹ và Việt. Ngoài ra, những trì hoãn trong việc chấp thuận kế hoạch do người Mỹ làm ra đã đưa đến những tiết lộ bí mật khiến Giáp biết được và bẻ gẫy các cuộc hành quân. Ông Thiệu muổn ngăn không cho Bắc Việt có thể tấn công các lực lượng Việt Nam Cộng hòa tại Tchepone nên đề nghị với Mỹ cho ông di chuyển một sư đoàn ra Bắc Việt, phía trên vỹ tuyến 17, gần Vinh, như một chiến thuật đánh lạc hướng địch. Nhưng Mỹ không chấp thuận. Ông cho rằng chiến thuật này chắc chắn sẽ đảm bảo được thắng lợi tại Tchepone và bắt buộc Bắc Việt phải giữ lại thèm nhiều quân tại miền Bắc để phòng cuộc đại tấn công tử miền Nam đánh ra.

Néu như Thiệu đã chậm chạp trong sự quyết định đổ thêm quân, thì ông lại rất mau lẹ nhận ra được rằng ông đã bị sa bẫy. ông ra lệnh cho tướng Hoàng Xuân Lãm, vị chỉ huy cuộc hành quân, tiến chiếm Tchepone nhưng không cố thủ ở đó vì ông sợ một vụ Điện Biên Phủ thứ hai: lực lượng của mình bị cầm chân tại một tiền đồn bất khả bảo vệ và không có đường tiếp tế. Bởi vậy, ông đã ra lệnh cho tướng Lãm: “Anh vào đó đái một cái rồi ra ngay.” Cuộc hành quân chấm dứt 44 ngày sau khi bắt đầu. Con số tổn thất khá cao — gần 8 ngàn người — đã là một yếu tố làm suy nhược tinh thần quân đội Việt Nam Cộng hòa.

Theo ông Thiệu, thì chính một số quân Mỹ mới là những kẻ đào ngũ trước, không phải quân đội Việt Nam Cộng hòa. Nhưng phía người Mỹ cho rằng, quân đội Việt Nam Cộng hòa đã “rớt” trong cuộc trắc nghiệm của chương trình Việt Nam hóa.

Trong phần nhận định về cuộc hành quân Lam Sơn, Henry Kissinger viết trong tập hòi ký của ông rằng tướng \Villiam Wesrmoreland đã không chịu đưa 4 sư đoàn Mỹ tấn công Tchepone vì cho là quá mạo hiểm trong khi Việt Nam Cộng hòa đã chỉ xử dụng không đày hai sư đoàn để chiếm giữ Tchepone. Kissinger đổ tội cho ông Thiệu là đã ra lênh cho vị chỉ huy phải thận trọng khi di chuyển quân về phía Tây và chấm dứt cuộc hành quân ngay sau khi số tổn thất lên tới ba ngàn người. Ông Thiệu quả quyết rằng ông không hề ra lệnh như thế bao giờ. Ông giải thích: “Nói rằng một nhà quân sự ấn định trước số quân tổn thất là một điều phi lý. Tiến sĩ Kissinger quá giầu tưởng tượng khi ông ta nói vậy. Mình không thể chuyển quân quá xa về phía Tây vì lẽ mình không thể đi quá tầm có thể di tản thương binh. Kissinger nói rằng mình rút quân mà không cho Mỹ biết! Làm sao mà Mỹ lại không biết khi mình rút đi hơn mười ngàn quân?”

Theo ông Thiệu, thi lý do của sự thất bại là vì thiếu phi cơ trực thăng Mỹ. “Ba ngày sau khi mở cuộc hành quân, Mỹ đã tổn thắt nhiều phi công trực thăng, và nếu không có không lực và hỏa lực yểm trợ thì họ không chịu tiếp tục hạ cánh để di tản thương binh kịp thời và trọn vẹn! Đó là một vấn đề nan giải cho quân rrùnh. Mình không thể di chuyển được lính bị chết cũng như lính bị thương. Điều này có ảnh hưởng châng những đến tinh thần binh sĩ, mà còn ảnh hưởng đén cả diễn tiến cuộc hành quân nữa.”

Tổng Thống Nixon phái tướng Alexander Haig qua Việt Nam vào giữa lúc đang có chiến dịch Lam Sơn để nhận định tìr h hình. Haig nhớ lại rằng: “Lam Sơn đã tiêu diệt mất những thành phàn ưu tú của lục quân Việt Nam, còn nghiêm trọng và thiệt hại hơn là người ta tưởng hòi bấy giờ. Lối điều khiển cuộc hành quân của chúng tôi lúc đó rất là sai lầm. Vai trò hướng dẫn và yểm trợ của Mỹ cho Việt Nam Cộng hòa lúc đó đã không được thực hiện chi vì đang có những bất hòa nội bộ ở Ngũ Giác Đài!” [10). Để trắc nghiêm chương trình Việt hóa chiến tranh, Ngũ Giác Đài đã không chịu cho quân đội Mỹ tham dự cuộc hành quân, sự yểm trợ mà quân đội Việt Nam đã quen thuộc và mong đợi thì nó đã không tới.

Ông Thiệu cố tránh không đổ tội cho người Mỹ. Có người đưa cho ông coi một bức hình trên các báo Mỹ chụp một người lính Việt Nam đang bám chặt lấy chân phi cơ trực thăng để thoát khỏi chiến trường, trông như một chú thỏ hốt hoảng. Dưới bức hình có ghi chữ “Thỏ đế” (Rabbit: người nhát gan. LND). Nhớ lại bức hình ấy, ông Thiệu nói: “Tôi chì cười thôi. Tôi khinh bĩ hắt sức. Trong mấy chục ngàn quân, chl một người làm như thế; ấy thế mà báo chí (Mỹ) buộc tội cho tất cả quân lính Việt Nam Cộng hòa là nhát như thỏ đế. Rồi lại ìm đi cái Sự thật là một số phi công trực thăng Mỹ đã thiếu tinh thần chiên đấu trong cuộc hành quân đó.”.

Cái không khí tự tin của hòi đầu năm 1911 đã tan biến khi số thương binh của chiến dịch Lam Sơn chiếm hết giường tại các quân y viện. Ở Sài Gòn, sự thất bại của Lam Sơn bắt đầu đẻ ra những tin đòn trong các quán ăn, phòng trà, là ngày tàn của Thiệu sắp tới. Giữa những bài ca buồn về cuộc chiến, người ta loan tin là Mỹ sẽ đưa ra một “ứ ng cử viên hòa bình” trong cuộc bầu cử Tổng Thống Việt Nam vào tháng 10 tới. Vào lúc đêm khuya, tiếng ca êm đềm của Khánh Ly, người ca nữ được ưa chuông của Sài Gòn, vâng lên trong một phòng trà ở đường Tự Do, than vãn:

Tôi có người yêu

Chết trận A Sao

Tôi có người yêu, nằm chết cong queo, Chết vàc lòng đèo, chết cạnh gàm càu, Chết nghẹn ngào mĩnh không manh áo!

Và cách đó vài khu phố, ở vùng Chợ Cũ nghèo nàn hơn, Duy Khảnh, một ca sĩ chuyên hát dân ca, cũng phản ảnh được tinh thần đang xuống lúc đó:

Nay anh trấn tiền đồn Bến Hét,

Ngày mai anh báng rừng qua Hạ Lào ...

Vai mang súng trận đầu nón sắt

Thì anh đâu dám bảo em đợi chờ

Và tương lai, anh nào đâu có gì em ước mơ!

Thế nhưng số mệnh chính trị của Thiệu dường như vẫn còn vượng sau thắt bại Lam Sơn. Sang năm mới, 1972, ông sẽ bắt đàu nhiệm kỳ 4 năm nữa, và người Mỹ sẽ phải hoặc nói chuyên với ông, hoặc dùng võ lực bắt ông từ chức. Ông kiên nhẫn đợi nước cờ tiếp theo của Hoa Kỳ.

Ngày 25 tháng Giêng, 1972, để chuẩn bị cho chuyến viếng thăm Trung Cộng vào tháng Hai và cuộc họp thượng đình với Brezhnev vào tháng Năm, Nixon công bố một đề nghị hòa bình toàn diện, cả chính trị lẫn quân sự, với Bắc Việt. Các cuộc mật đàm với Hà Nội đã sa lầy, và với cuộc bầu cứ Tổng Thống Hoa Kỳ sắp diễn ra vào mùa Thu, Nixon quyết định nắm lấy thế công. Lần đầu tiên ông tiết lộ rằng K issinger đã họp kín mười hai lằn với Bắc Việt tại Paris kể tủ tháng 8,1969. Đối với ông Thiệu, thì cái phần đàng lo ngại nhất trong bài diễn văn của Nixon là không thấy ông này nói gì đén điều khoản tiên quyết là Hoa Kỳ lẫn Bắc Việtđều phải rút khỏi miền Nam. Tất cả kế hoạch quân sự của Nixon chì đòi “các lực lựơng bên ngoài” phải hoàn toàn rút lui, thế thôi. Ngoài ra, Nixon còn công bố đề nghị mật mà Haig đã đưa cho ông Thiệu hồi tháng Chín: Là Tổng Thống và Phó Tổng Thống Việt Nam Cộng hòa sẽ từ nhiệm một tháng trước khi có các cuộc bằu cử mới, sẽ được tổ chức trong vòng sáu tháng sau khi ngưng bắn!

Dù rằng Nixon đã bác bỏ yêu cằu chính trị của Bắc Việt là đòi ông Thiệu phải từ chức như một điều kiện tiên quyết để hòa giải, Thiệu cho rằng đề nghi mới của Mỹ (buộc ông từ chức) thực ra đã có tác dụng tương tự. Trong bài diễn văn, Nixon cũng không hề đá động đếr kế hoạch mà ông đã nói riêng với ông Thiệu là sẽ vận động Nga và Trung Cộng làm áp lực với Bắc Việt bằng cách giảm viện trợ vũ khí cho Hà Nội và thúc giục Hà Nội phải thương thuyết nghiêm chình.

Một ngày trước khi Nixon đọc bài diễn văn trên đài truyền hình, Đại sứ Bunker đén trao cho ông Thiệu một bản sao toàn văn bài đó và yêu cầu ông tán thành và bình luận. Ông Thiệu nói là ông càn có thời giờ đê nghiên cứu rồi ông cho gọi bí thư Hoàng Đức Nhã vô dinh gặp ông.

Nhã đã được ông Thiệu tin cậy và coi là một chuyên gia về Hoa Kỳ kể từ khi ông Thiệu nhậm chức Tổng Thống vào năm 1967. Là em họ, và đã từng sống với gia đình ông Thiệu từ hòi ông này còn là ch'i huy trưởng Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt (Nhã theo học trung học ở tình này), Nhã luôn luôn kêu ông Thiệu bằng anh. Sau này qua Mỹ học tại Đại Học Oklahoma về ngành kỹ sư cơ khí. Nơi đây, Nhã đã nhièm được những phong cách, dáng điệu, cũng như những tiếng lóng của người Mỹ. Về sau, ông theo học cao học tại Đại học Pittsburgh về phát triền kinh tế, chính trị và hành chánh.

Khi trở về Sài Gòn năm 1968, Nhã được ông Thiệu trao cho chức Bí Thư Tổng Thống. Đối với ông Thiệu, thì Nhã đã thoả mãn được hai nhu cầu quan trọng: Ông muốn có mội người ông có thể tin cậy được và lại hiểu người Mỹ, vâ theo truyền thống Á Đông, muốn bổ nhiệm người trong họ vào những chức vụ quan trọng. Việc bổ nhiệm Nhã cũng còn làm cân bằng được những vụ bổ nhiệm người bên họ vợ ông nữa. Nhã chia sẻ nhiệm vụ với Nguyễn Phú Đức, người tốt nghiệp Đại học Harvard, và là phụ tá đặc biệt của ông Thiệu, đặc trách ngoại giao.

Mặc dù Nhã có nhiều tài năng, một số chính khách cả Việt lẫn Mỹ đã coi anh như là người thiếu kinh nghiệm, kiêu ngạo, và hay lạm dụng quyền thế. Họ cho rằng Nhã đã được địa vị ấy chì vì có họ với ông Thiệu. Cái phong cách lấc cấc kiểu “Mỹ con” của Nhã đã khiến nhiều người dị nghị. Có người còn phê bình rằng giữa thời chiến mà Nhã lái một chiếc xe Mustang bỏ mui, rồi một chiếc xe Mercedes, ngông nghênh diễu qua các phố phường Sài Gòn. Đó là biểu hiệu của phô trương và đặc quyền.

Chiều ngày 24 tháng Giêng, Nhã tới dinh Độc Lập và được ông Thiệu trao cho bản sao kế hoạch tám điểm của Nixon. Đọc xong, Nhã nhận thấy là ông Thiệu không thể công khai bác bỏ các đề nghị hòa bình đó. Anh tự hỏi: Dân chúng Mỹ sẽ nói sao nếu như ông Thiệu bác bỏ? Gia dĩ còn mấy tiếng đồng hồ nữa là Nixon sẽ đọc bài diến văn đó, làm gì có thời giờ thảo luận nội dung kế hoạch ấy với Hoa-Thịnh-Đốn? Nhã bèn khuyên ông Thiệu: “Bây giờ mình đừng nói gì cả. Nếu mình nói điều chi có ý chống đề nghị, thì dư luận Mỹ sẽ coi mình là xấu chơi. Họ sẽ bảo: Đây là một ý kiến rất xây dựng có thể giải quyết toàn bộ vấn đề, mà tại sao các ông lại phản đối? Các ông chì lo cho quyền hành của mình hơn là cho hòa bình.”

Ông Thiệu quyết định không công khai thách thức Nixon vì ông không tin là cộng sản sẽ chấp thuận kế hoạch Nixon đề nghị tổ chức các cuộc bầu cử mới, theo kiểu Cộng Sản. Hơn nữa, kế hoạch ấy vẫn còn nhắc đến sự triệt thoái của “những lực lượng bên ngoài”.

Nhã đánh thức ông Thiệu dậy lúc 6 giờ sáng và đưa ông coi bản thảo một thông cáo mới: “Sau khi nghiên cứu kế hoạch hòa bình vừa đượcTổng thống Nixon loan báo, chúng tôi nhiệt thành ủng hộ và sẽ làm tất cả mọi thứ để bảo đảm là sẽ có hòa bình.” Ông Thiêu đồng ý cho công bố.

Dù công khai chấp nhận các đề nghị của Nixon, bên trong ông Thiệu đã hết sức bực mình về “cung cách xử lý trịch thượng như vậy”. Ông Thiệu đã không hẵn là được tham khảo ý kiến, mà chì được thông báo ... Cũng nên nhớ, đây là lần đầu tiên Việt Nam Cộng hòa được biết chi tiết những cuộc họp kín giữa Kissinger và Bắc Việt, và biết được các ké hoạch của Nixon.

Ông Thiệu thừa hiểu rằng 1972, là năm bằu cử ở Hoa Kỳ, rằng áp lực đòi chấm dứt chiến tranh đang mỗi ngày mỗi gia tăng tại đó. Kễ từ năm 1969, khi Nixon gặp ông tại Midvvay, quân số Mỹ tại Việt Nam đã được giảm tử nứa triệu xuống chì còn 69.000 người, tính đến ngày 1-5-1972. Ông Thiệu sẵn sàng chấp nhận chủ thuyết Nixon nếu Hoa Kỳ tăng thêm viện trợ. Ông cần số viện trợ này để tăng cường quân lực Việt Nam Cộng hòa, bù đắp vào số quân đội Mỹ rút lui. Ông cằn ngân khoản và trang bị cho hai sư đoàn trừ bị mới mà ông vẫn muốn thiết lập thêm. Hiện Việt Nam Cộng hòa chì có một sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến và một sư đoàn Dù làm lực lượng tổng trừ bị mà thôi, nghĩa là khoảng 20,000 quân. Số quân còn lại đang bị cầm chân tại bốn vùng chiến thuật và tại Sài Gòn. Không còn quân trử bị nào khác đế phân công nếu như Bắc Việt tiến qua biên giới. Trong khi đó, quân đội Hoa Kỳ đã triệt thoái nhanh hơn là lịch trình đã được thông báo ở hội nghị Midway. Trong một buổi nói chuyện với Đại sứ Bunker, ông Thiệu đề nghị may cho mỗi người lính Hoa Kỳ sắp về nước một bộ com-lê dân sự nếu như họ để lại bộ quân phục, giầy và súng của họ cho một người lính Việt Nam Cộng hòa. Ông còn dám cho Hoa Kỳ thuê vịnh Cam Ranh trong chín-mươi-chín năm. Bunker từ khước lịch sự, giải thích rằng Hoa Kỳ. không muốn có một căn cứ thường trực tại Việt Nam. Ông Thiệu bèn cảnh cáo: “Các ông có nó trong tay, nếu quăng đi, Nga sẽ tới lượm tức thì.” .

Điều làn ông Thiệu day dứt hơn cả là, trong sáng kién hòa bình mới, Nixon đã chuồn nhẹ ra khỏi vụ triệt thoái song phương. Chuyển từ lập trường cứng rắn đòi cả Mỹ lẫn Bắc Việt triệt thoái sang lập trường mềm yếu hơn, mơ hồ hơn, là triệt thoái “các lực lượng bên ngoài” làm cho Bắc Việt có th! giâi thích họ không phải là “bên ngoài”, nên sẽ không phải rút. Nixon lại tuyên bố quân đội Hoa Kỳ sẽ triệt thoái “sáu tháng trước các lực lượng bên ngoài khác”. Như vậy, quả là chính sách Mỹ đã đi đúng một vòng tròn: Kể từ lúc Johnson đòi Bắc Việt phải rút quân trước khi Mỹ rút, cho đến bây giờ, Nixon lại tự cống hiến rút quân trước cả Bắc Việt.

Sự thực thì đề nghị này đã được bí mật đưa ra trong cuộc tiếp xúc tay đôi Thọ - Kissinger tại Paris tám tháng trước, ngày 30-51971. Trong tập hòi ký, Kissingervẫn khăng khăng cả quyết rằng ông Thiệu “đã biết — và đã chấp thuận — đề nghị ngày 31-5 của chúng tôi, là bác bỏ việc ấy, triệt thoái hỗ thương; bây giờ ông Thiệu lại bảo rằng bất cứ một sự thay đổi nào được tuyên bố công khai cũng sẽ làm tình hình trong nước ông ta suy yếu đi.”.

Phải chấp nhận một người tự xưng là đại diện cho Việt Nam Cộng hòa là Kissinger trong cuộc thương thuyết mật, ông Thiệu đã ở vào một thế kẹt. Thế nhưng ông vẫn không tin là Nixon bỏ rơi Việt Nam Cộng hòa, dù rằng mỗi ngày ông mỗi nghi ngờ Kissinger thêm, vì đã không hề được phúc trình đầy đủ chi tiết về các cuộc mật đàm. Cho tới khi được đọc bài diễn văn của Nixon, óng Thiệu vẫn tin rằng các cuộc gặp gỡ bí mật chỉ là một phần của toàn bộ những cuộc thương thuyết chính thức đang diễn ra ở Paris mà thôi, và Kissinger có nhiệm vụ là “đẩy Bắc Việt ra khỏi miền Nam trong khi Mỹ rút lui”. Ông đã hy vọng là Kissinger sẽ phát biểu lập trường của Việt Nam Cộng hòa với Bắc Việt. Ngờ đâu, các đề nghị của Kissinger dường như đã ngả về gần với lập trường Bắc Việthơn. Biết được nhược điểm trong tư thế của Mỹ, ngày 27 tháng Giêng, Bắc Việt bèn leo thang bác bỏ đề nghị của Mỹ và công bố kế hoạch hòa bình chín điểm của họ, đòi Hoa Kỳ nhượng bộ thêm nhiêu khoản nữa . Chảng hạn : Hoa Kỳ phải định một ngày chắc chắn để triệt thoái hoàn toàn, và toàn bộ chính phủ Sài Gòn, không riêng gì Thiệu, đều phảitừ chức. Trong nỗ lực nhằm chia rẽ Saigòn và Hoa-Thịnh-Đốn, Cộng sản Iriệu tập một cuộc họp báo ở Paris, mục đích là để “nói thêm chi tiết” chín điểm đó. Những chi tiết đó gồm việc đòi ông Thiệu từ chức, giải tàn quân đội Việt Nam Cộng hòa và các lực lượng cảnh sát, và chấm dứt chương trình bình định trước khi có thể bắt đầu thương thuyết về một chính phủ liên hiệp !

Bị giáng đòn bất ngờ ấy — sau khi có bài diễn vàn tháng Giêng — ông Thiệu bèn yêu cầu Nixon cam két là sẽ “không có đổi chác bí mật” nào nữa.

Trước khi Nixon bay qua Trung Quốc, ông Thiệu lại viết thư cho ông này kêu gọi đừng chấp nhận đòi hỏi của Hà Nội và ngỏ ý là ông sẵn sàng cộng tác với Hoa Kỳ để có thể tìm được một giải pháp. Trong thư, ông Thiệu cảnh cáo Nixon về những nguy cơ của sự liên hiệp với Cộng sản, bởi lẽ đó chì là một bước ngắn đưa đén mục tiêu tối hậu của họ là chinh phục toàn thể Đông Dương, ông báo trước cho Nixon biết rằng phe cộng tại Đông Dương — mà theo ông Thiệu thi gòm cả Trung Quốc, Nga Xô và Bắc Việt— sẽ coi bất cứ một giải pháp nào đưa tới sự thống trị toàn vùng Đông Dương chỉ là một sự ngừng bước chiến lược”, ông cũng nhắn mạnh rằng dù có được hay không một hiệp định hoà bình với Hà Nội, khả năng tự vệ của Việt Nam Cộng hòa vẫn là chìa khóa cho một nền hòa bình lâu dài tại Á Châu.

\*

\* ♦

Nixon viếng thăm Trung Quốc tử ngày 21 đến 28 tháng Hai, 1972 — đó là tuần lễ mà ông cho là “đã thay đổi cả thế giới”. Trong các cuộc nói chuyện với Mao Trạch Đông và Chu Ân-Lai, Nixon đã nói rõ là chiến trận Việt Nam phải được chấm dứt sớm chừng nào hay chừng ấy.

Hoa Kỳ và Trung Quốc mỗi bên tuyên bố quan điểm riêng biệt của mình về Việt Nam trong bản Thông cáo Thượng Hải, nhưng lúc tiếp xúc riêng, Nixon nói thẳng với họ Chu là ông muốn rút quân khỏi Việt Nam để đổi lấy việc thả tù binh Mỹ và một cuộc ngưng bắn ! Ông nói: “Giá như tôi có thể ngòi đối diện với bất cứ ai là người lãnh đạo Bắc Việt, và giá như hai bên có thể thương thuyết một cuộc ngưng bắn và trả lại tù binh chúng tôi, thì tất cả quân đội Mỹ sẽ được triệt thoái khỏi Việt Nam trong vòng sáu tháng kể tử ngày đó.” . Trong bản thông cáo, đại diện Trung Quốc, thận trọng không đả kích trực tiếp quan điểm của Mỹ về Viịit Nam, nhưng cũng không nói là sẽ ngưng tiếp viện quân sự và kinh tế cho Hà Nội . Theo cảc tài liệu thương thuyết mật, thì chính Kissinger khi nói chuyện với họ Chu, đã mở đường đẻ Trung Cộng thẩy (và nhắn lại cho Bắc Việt) ràng Hoa Kỳ không còn đòi hỏi việc cả Bắc Việt phải rút quân cùng với Mỹ ra khỏi miền Nam .

Quan hệ mới giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc chủ yếu được xây trên việc xử dụng sức mạnh của Hoa Kỳ tại Á Châu để ngăn chận chủ nghĩa bành trướng Xô-viết chống Trung Quốc . Nói khàc đi, Trung Quốc bây giờ đã coi Liên Xô là mối đe dọa lớn hơn Hoa Kỳ. Hoa Kỳ sẽ là một sức mạnh để quân bình ảnh hưởng Xô-viết tại Á Châu, về mặt chính trị, Trung Quốc ủng hộ chính phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam, và dù rằng họ Chu đã thận trọng không chỉ trích Bắc Việt, chính Trung Quốc lại mong có một chính phủ liên hiệp tại miền Nam để Hà Nội sẽ không thể hoàn toàn thống trị miền Nam cũng như Lào và Cain-Bốt.

Khi từ Trung Quốc trở về, Nixon biết là cần phải trấn an ông Thiệu. Ồng bèn phái Marshall Green, Phụ tá Ngoại trưởng đặc trách Đông Nam Á và Thái Bình Dương sang tường trình cho ông Thiệu về chuyến Hoa du của mình, đòng thời hòi âm lá thư của ông Thiệu viết hòi tháng Gièng. Green tới gặp ông Thiệu tại dinh Độc Lập ngày 8- 3-1972.

Tuy nhiên, cả phụ tá Green lẫn Ngoại trưởng XVilliam Rogers đều đã không được Kissinger và Ni xon cho họp chung với Chu và Mao ở Bắc Kinh. Bộ Ngoại giao được giao phó việc thương thuyết những thỏa hiệp về kinh tế và văn hóa, trong khi Kissinger cùng 1 nhân vicn khác trong Hội đòng An Ninh Quốc Gia là Winston Lord, thì tham dự với Nixon trong các phiên họp về chiến lược và về việc nối lại bang giao Mỹ-Hoa . Tuy ông Thiệu đã biết rõ vai trò ngoại vi của Green, ông cố làm ra vui vẻ và đón tiếp sứ giả của Nixon một cách niềm nở. Sau phiên họp nội các ngàý 1 tháng Ba, Ngoại trưởng Trần Văn Lắm tuyên bố là “chúng tôi hoàn toàn ủng hộ chuyến đi của Tổng Thống Nixon. Không ai có thể chối cãi là nó đã giúp tạo được một không khí bớt càng thẳng.” Chính phủ Sài Gòn tỏ ra hài lòng với sự ủng hộ của Hoa Kỳ đối với lập trường của mình như đã ghi trong thông cáo Thượng Hải

Green thấy ông Thiệu lạc quan. Dù không được dự những cuộc họp chung với Mao và Chu, ông được Nixon cho phép trấn an ông Thiệu là đã không có một đổi chác bí mật nào hét. Ông Thiệu đọc nhanh lá thư của Nixon và sau đó, hai người thảo luận về nội dung lá thư. Đó là lá thư duy nhất mà Green mang theo trong chuyến viếng thăm Đông Nam Ă để lựơc trình cho đòng minh Hoa Kỳ về chuyến đi Trung Quốc của Nixon.

Trong thư đề ngày 5-3-1972, Nixon khen ngợi “đề nghị hào hiệp và xứng danh 1 chính khách” của ông Thiệu là sẽ tử chức trước kh i có cuộc bầu cửTổngThống mới; Nixon cũng đồng ý với lập trường của Thiệu nói rằng khả năng tự vê của Việt Nam Cộng hòa “là chìa khóa cho một nền hòa bình dài lâu trong vùng. Tôi xin Ngài vững tâm là tôi cũng cùng một quan điểm ấy.” Tổng Thống Hoa Kỳ còn chia xẻ quan điểm của ông Thiệu là mưu đồ của phe Cộng sản không thể nào ít hơn là sự hoàn toàn thống trị Đông dương, “một sự khả dĩ mà thực sự ta phải đề phòng.” Nixon viết tiếp :

Xin Ngài có thể yên tâm rằng tôi sẽ làm mọi việc trong quyển hạn của tôi để cho những hy sinh to lớn của hai dân tộc Việt và Mỹ sẽ không trở thành vô ích.

Nixon nói rằng những cuộc thảo luận với các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã “rất thành công” và “đã được tập trung vào những vấn đề song phương giữa Hoa Kỳ và Trung Hoa” Để trấn an ông Thiệu, Nixon viết thêm :

Chúng tôi đã không thương lưọ-ng điều gì đằng sau lưng những người bạn cứa Hoa Kỳ ; đã không cỏ sự đồi chác bí mật nào. Khi thảo luận với Trung Quốc, chúng tôi đã đặt lập trường của chúng tôi vững chẳc trên nguyên tẳc là Hoa Kỳ sẵn sàng thi hành những cam kết của mình (đối với đồng minh). Khi các cuộc thào luận đề cập tới Đông Dương, tôi đã trĩnh bày lập trường của Hoa Kỳ minh bạch và cương quyết, như đã được phản ảnh trong thông cảo ngày 27 tháng Hai ...

Trong phần két, Nixon lập lại sự ủng hộ mạnh mẽ của ông đối với ông Thiệu :

“Xin Ngài tin tưởng rằng Ngàĩ sẽ tiếp tục nhận được sự cảm thông,- ủng hộ và trợ giúp vật chất của Hoa Kỳ trong túc mà nhân dân miền Nam đang ra sức chống xâm lăng để đưọc an ninh và xây dựng một nèm hòa bình công chính và trường cứu.”

Phụ tá Green rời Sài Gòn hài lòng với phản ứng công khai của Việt Nam Cộng hòa đối với chuyến đi Trung Quốc của Nixon. Ông cũng hài lòng về tinh thần lên cao của ông Thiệu : “Trong buổi gặp gỡ, Tổng Thống Thiệu dường như còn lạc quan hơn là thực tế đã minh chứng.” .

Đối với ông Thiệu, thì đoạn thư của Nixon viết rằng ông ta sẽ làm “mọi việc trong quyền hạn của tôi để cho nhữ ng hy sinh to lớ n của hai dân tộc V iệt và M ỹ sẽ không trở thành vô ích” đã gây một tác dụng mạnh, c ho tới lúc bấy giờ, thì ông đã chì được trấn an miệng về sự ủng hộ của Mỹ. Giờ đây, ông đã có được một lời hứa, do chính một vị tổng thống viết xuống bằng giấy trắng mực đen, cản cứ trên máu của quân sĩ Việt và Mỹ. Đó cũng là một chủ đề mà Nixon sẽ nhắc đi nhắc lại trong các thư tín sau này ông viết cho Thiệu. Ông Thiệu đã cân nhắc những mạng sống và của cải mà người Mỹ đã đổ vào cuộc chiến, rồi kết luận l ằng sự đằu tư của Mỹ tại Việt Namđãlêncaođếnmứckhó mà có thể thay đổi chính sách. Phía miền Nam không tài nàc tưởng tượng được là quốc gia mạnh nhất thế giới ấy lại có thể chấp nhận sự bại trận trước Bắc Việt, một quốc gia vẻn vẹn hai-mươi-hai triệu người và không có lấy một cơ sở kỹ nghệ.

Người Việt tại miền Nam đa số đã không phản đối sự hiện diện của người Mỹ tại Việt Nam, và đã vô cùng cảm phục công trình xây cất mà họ thiết lập tại đây. Người Mỹ có hệ thống truyền thông riêng, kho tiếp liệu riêng, rồi hàng không, rồi xa lộ. Căn cứ của Mỹ tại vịn h Cam Ranh đã được coi như một mỏ neo chiến lược ghim chặt Hoa Kỳ với Việt Nam Cộng hòa. Đây là căn cứ mà Nga hằng ao ước, và trong lịch sứ đã từng là hải cảng tiếp tế dầu cho hạm đội của họ trong chién tranh Nga-Nhật, 1904-1905. Người Mỹ đã tốn trên 2 tỷ Mỹ kim xây một cần cứ hải quân và không quân chung quanh hải cảng thiên nhiên ấy, mà chính các cường quốc Tây Phương cũng đã từng thèm muốn kể từ thế kỷ mười chín. Đó là một địa điểm toàn hảo : Nào bén tầu, nước sâu, nào cầu lấy dằu thay nhớt, nào sân bay, nào câu lạc bộ. Cam ranh có đủ mọi thứ, từ nhà mày làm nước đá cho đến biệt thự một tầng xây cất đặc biệt để đón tiếp quan khách cấp Tổng Thống. Toàn khu có chửng 5,000 tòa nhà. Với hệ thống ra đa bao trùm vùng cao nguyên ở Ban Mê Thuột để bảo vệ căn cứ, Cam Ranh là một lợi thế chiến lược không đâu bằng tại Đông Nam Á.

Xa lộ bôn đường xe chạy riêng biệt từ Sài Gòn đến Biên Hoà, dà khoảng 25 dặm Anh, đã là một kỳ công kỹ thuật khác mà người Việt thưởng nêu lên làm thí dụ khi nói về cam kết chiến lược của Hoa Kỳ tại miền Nam. Người ta đoán chừng rÀng néu có chiến tranh với Trung Cộng, xa lộ này sẽ được dùng làm bãi đáp cho phi cơ phản lực Mỹ. Rồi có tới cả năm chục phi trường Mỹ được xây trên toàn lãnh thổ nữạ : “Xây nhiều như thế làm gì nếu không là để ở lại cho đến cùng ?”

Người Việt còn lý luận rằng, ngoài mạng sống đã mất và Mỹ kim đã xài, Hoa Kỳ còn các vấn đề căn bản là danh dự, uy tín và thể diện nữa. Người Việt không thể hình dung nổi việc Hoa Kỳ có thễ sẵn sàng chấp nhận thua trận tại miên Nam hcặc rút lui trong những điều kiện bất thuận lợi. Hưng còr nhớ mãi câu nói thưởng xuyên tại Sài Gòn: “Mỹ không thể nào bỏ Việt Nam”. Người Việt đã coi Mỹ là kẻ đại thắng trong Đê II Thế chiến, rồi trong chiến tranh Triều Tiên. Mỹ là siêu cường quốc đã bắt Liên Xô phải thoái lui trong vụ khủng hoảng hỏa tiên ở Cuba. Hầu hết, các cấp tướng lãnh Việt Nam cũng đã nhận thức như thế. Tư Lệnh Không quân Trần Văn Minh nói: “Tôi đã không hề mường tượng được là bạn chúng tôi có thể phản bội và bỏ rơi chúng tôi. Tôi nghĩ đến Bá Linh và Triều Tiên. Và tôi thấy Mỹ đã bảo vệ họ ra sao. Tôi nghĩ rằng chúng tôi cũng là một trong các tiền đồn của tự do trên thế giới.”

Tuy nhiên, ông Thiệu vẫn còn quản ngại về chuyến viếng thăm Bắc Kinh của Nixon và thắc mác tại sao ông này đã phải xác nhận quá nhiều là không hề có đổi chác bí mật nào hết. Để có được ảnh hưởng tại Việi: Nam, Trung Quốc chắc đã đứng sau lưng chính phủ Cách Mạng Lâm thời, vì thông cáo Thượng Hải cũng nói là họ ủng hộ CPCách mạng Lâm thời.

Vì quan tâm muốn biết những gì đã thực sự xẩy ra tại cuộc gặp gỡ Bắc Kinh, ông Thiệu cứ Hoàng-Đức-Nhã qua Hoa-Thịnh-Đốn vào tháng Hai để dò xét thêm về ý đồ của Mỹ đối với Việt Nam Cộng hòa và tìm hiểu chính sách mới của Nixon đối với Trung Quốc.

Tại Hoa-Thịnh-Đốn Nhã tìm đến Hưig, giải thích mục đích chuyến công du của mình rồi nói: “Mình ở nhà cứ như là ếch ngồi đáy giếng.”

Khi Hưng hỏi tại sao ông Thiệu lại chịu từ chức trước khi có tổng tuyển cử mới, Nhã đáp: “Mỹ làm áp lực quá!”

Trở về Sài Gòn, Nhã thuật lại cho ông Thiệu nghe những chuyện dò la của mình và những nhận xét của Hưng, cho rằng chuyến thăm Hoa lục đã là một thành công lớn của Nixon và Trung Quốc không còn được coi là mối đe dọa chính tại Đông Nam Á nữa. Hoa Kỳ đã lợi dụng được mối lo sợ của Trung Cộng đối với Liên Xô. Việt Nam Cộng hòa thì bị mắc kẹt ở giữa vào trong ván bài xì phé tay ba này giữa Hoa Kỳ, Trung Cộng và Liên Xô. Hưng còn nói với Nhã là, theo mình, Việt Nam từ nay sẽ ít được Hoa Kỳ chú tâm đến hơn trước và không còn là một ưu tiên quan trọng trên bảng kềt toán chiến lược toàn cầu nữa. Hưng giục Nhã thuyết phục ông Thiệu rằng Sài Gòn nên nắm thế chủ động chú đừng chì có chống đỡ, Việt Nam Cộng hòa phải đưa ra những biện minh hợp lý hơn cho mình tại Mỹ. Nhã còn trình với ông Thiệu là hai người đã hợp ý nhau và ông khâm phục sự hiểu biết của Hưng về tình hình bên Mỹ.

Ông Thiệu muốn tìm một sáng kiến ngoại giao sau chuyến viếng thăm Bắc Kinh của Nixon và sau khi đã nghiên cứu kỹ hơn nội dung lá thư của Nixon. Ông bèn quyết định mời Hưng về Sài Gòn để tham khảo.

\*

\* \*

Từ trên không nhìn xuống, khi chiếc máy bay chở Hưng tới biên giới Việt Nam, những ruộng lúa xanh rì ngay ngắn từng hàng trông có một vẻ thật êm đềm, yên ổn. Nhưng khi gằn tới Saigòn, những nghĩa trang mới mọc lên chung quanh thành phố bất chợt nhắc lại cho anh cường độ cuộc chiến đã gia tăng gấp bội kể từ chuyến hồi hương mấy tháng tnrớc. Thường thường khi máy bay tới thì trời đã tối ; nhưng lần này tới nơi vào giữa lúc hoàng hôn, anh đã thấy được toàn cảnh thành phố Sài Gòn đang trải ra phía dưới : những mái ngói đỏ, những căn nhà vàng và nâu nhạt nằm kiều diễm giữa những hàng phượng vĩ trong ánh nắng chiêu đang rộ nở những chùm hoa rực rỡ sắc vàng, sắc đỏ.

Xuống phi trường Tân Sơn Nhứt, trời nóng bức và ẩm thấp cái nóng nung nấu dường như bốc hơi ngùn ngụt phủ mờ cả hoàng hôn. Phi trường chật ních những phi cơ không vận C-130 sơn màu ngụy trang nâu điểm lục. Hưng cảm thấy được nhịp độ chiến tranh đang gia tăng ngay nơi những chiếc trực thăng đang bốc lên hoặc đá]) xuống ở một góc xa phi trường, tiếng động cơ ầm ầm nổ, chen lẫn tiếng cánh quạt quay tít vang dội trên nền trời đỏ một màu máu.

Nửa khuya, một tiếng nổ long trời làm Hưng thức giấc nhỏm dậy trong căn nhà riêng của gia đình ạnh ở đường Phan Đình Phùng. Mẹ anh bảo mọi người chui xuống gậm giường, vì cụ tưởng đâu là Cộng sản pháo kích, cứ như là những năm loạn thời nào ở ngoài Bắc ; hễ nghe thấy tiếng súng nổ là cụ cũng đã thúc giục các con như vậy. Tiếng phi cơ bay lượn chung quanh thành phố kéo dài suốt đêm, nhưng sau tiếng nổ lớn ấy, không nghe thấy tiếng súng nào khác nữa.

Saigòn dậy thật sớm, mới năm giờ sáng đã thấy tiếng tiếng xe gắn máy nổ rền, rộn rã trên đường phố, làm Hưng cũng tình dậy theo. Thấy mình nằm dưới thay vì trên giường anh không khỏi bật cười. Anh gọi dây nói vào dinh Độc Lập để thông báo là mình đã tới, nhưng đầu giây bên kia cho biết là Bắc Việt vừa tấn công miền Nam qua vùng phi quân sự ở Đông Hà và đang tiến mạnh. Vì thế, cuộc họp mặt giữa anh và ông Thiệu đã được hoãn lại — văn phòng của Tổng Thống dặn anh rằng lối chiêu anh nên gọi lại để biết thêm về những chuyển biến quân sự. Tin này, làm Hưng sửng sốt trong một thoáng. Anh thấy ngay là mối hy vọng của anh về sáng kiến tái lập giao thương với Bắc Việt đã tiêu tan cùng với vụ xâm lăng đó.

Ngoài việc đánh phá Việt Nam Cộng hòa, hành động của Bắc Việt dường như còn có mục đích gián chì cả Trung cộng lẫn Liên xô — mà Nixon sẽ thăm viếng vào tháng 5 tới — là họ đừng hy sinh quyền lợi của Hà Nội bằng cách ủng hộ việc Hoa Kỳ muốn đi tới các cuộc hòa đàm nghiêm chỉnh hơn. Bắc Việt đã dựa vào kinh nghiệm ở Geneve năm 1954 là họ không thể thắng lợi được ở bàn hội nghị những gì họ đã không đạt được ở chiến trường.

Hòi thảng 11-1971 sau khi chuyên viéng thăm Bắc \ Kinh của Nixon được loan báo, chính Phạm Văn Đồng đã 1 hy vọng chặn trước việc bang giao Mỹ-Hoa, nèn đã sang thăm Bắc Kinh. Trong một buổi họp căng thâng với Mao Trạch Đông, Đồng thúc Mao đừng đón tiếp Nixon. Mao nói rằng chính những thắng lợi của Bắc Việt đã khiến Nixon phải qua Hoa Lục. Rồi họ Mao trích dẫn một câu tục ngữ Trung Hoa, đại ý nói: “Nếu cán chổi của ta ngắn quá, không thể với tới con nhện trên cánh tủ cao kia, thì ta nên để nó nằm yêr. chỗ đó.” Lời Mao nhắn nhủ đã rõ ràng: Hà Nội không nên đi tìm một sự toàn thắng ở miền Nam. Mao hàm ý là Bắc Việt không có đủ tài nguyên để quét sạch quân Mỹ, vì thế nên bằng lòng với một giải pháp nhỏ hơn là sự triệt thoái hoàn toàn của Mỹ. Đồng đáp: “Xin lỗi chủ tịch, nhưrg cán chổi Việt Nam đủ dài để quét sạch mọi loài cẩu trệ ấy ra khỏi Việt Nam.” Bác bỏ lời cảnh cáo của Trung Công và làm như không biết đến cuộc họp thượng đỉnh sắp tới của Nixon và Brezhnev,   
Bắc Việtđã quyết định tiến hành cuộc tổng tấn công mùa Xuân.

Nixon rất giận dữ khi tin Bắc Việt tấn công qua vùng phi quân sự tới tòa Bạch Cung ngày 30-3. Đó là sự bất ngờ, bởi chương trình Việt hóa đang tiến hành tốt đẹp và trong khoảng ba tháng đầu năm 1972 Hoa Kỳ đã cho rằng Hà Nội không thể mớ được một cuộc tấn công như vậy. Thế nhưng về phía Việt Nam Cộng hòa thì ít ngạc nhiên hơn. Ông Thiệu có nhớ lại là cứ nãm nào có bằu cử Tổng Thống ở Hoa Kỳ là Bắc Việt cũng gia tăng mức hoạt động. Cuộc tấn công Tết Mậu Thân, 1968 đã ảnh hưởng lớn đến chính tinh ở Mỹ ; và ông Thiệu đã tin rằng năm nay, 1972 Bắc Việt sẽ có một hành động tương tự.

Ba sư đoàn Bắc Việt, khoảng 30,000 người với trên 200 xe tăng Nga T-54 yểm trợ, đã dẫn đầu cuộc tấn công. Sau đó, Bắc Việt lại mở thêm ba mặt trận nữa. Lực lượng tấn công trước sau gòm mười bốn sư đoàn và hai mươi sàu trung đoàn độc lập, tổng cộng lối 150,000 người. Nixon ra lệnh oanh tạc dữ dội các đường tiếp tế và kho vật liệu Bắc Việt. Trong một phiên họp tại văn phòng riêng, Nixon phàn nàn với các phụ tá của ông là Halderman và Erlichman, về thời tiết xấu tại Bắc Việtlúc bấy giờ, khiến phi cơ oanh tạc khó hoạt động. “Biết được lời cầu nguyện nào thì cầu xin đi... cho trời quang đãng. Lũ khốn kiếp sẽ được ăn bom như chưa ai bao giờ thấy. Nhưng thời tiết phải tốt cái đã !”

Chiều ngày 1 tháng 4, Hưng được mời đến nghe thuyết trình quân sự tại Dinh Độc Lập. Cộng sản đã đoạt được nhiều xe tăng M-48 của Quân lực Việt Nam Cộng hòa tại Lộc Ninh gần biên giới Cam-bốt và tại Đông Hà. Chúng dí ngọn súng vào đầu chiến sĩ lái xe tăng Việt Nam Cộng hòa bắt họ trở đầu xe nã súng bắn vào chính quân mình. Đó cũng là làn đàu tiên Bắc Việt có thể dùng xe tăng mở một cuộc tấn công đại quy mô. Chiến tranh du kích đã bước vào một giai đoạn mới, biến thành chiến tranh đại quy mô. Tất cả các đò trang bị và quân cụ đều do Nga chế tạo và đã được đira vào Bắc Việt từ năm 1971 . Để mặc cho Nixon và Kissinger muốn nói đến hòa hoãn thì cứ việc nói, Nga Xô đã đánh lá bài riêng của họ là đổ thêm tiếp liệu chiến trận cho Hà Nội.

Ông Thiệu tiếp Hưng một tuần sau cuộc tấn công, vào lúc tình hình quân sự đang đen tối : ông Thiệu nhắc lại sự thỏa thuận giữa Johnson với Hà Nội về điều kiện ngưng ném bom năm 1968 : Hà Nội không được tiến quân qua vùng phi quân sự chừng nào Hoa Kỳ vẫn còn ngưng dội bom. Vì có sự thỏa thuận này mà ông Thiệu đã cho sư đoàn 3 Bộ binh do tướng Giai chì huy mới thành lập và hãy còn yếu trú đóng phía dưới vùng phi quân sự. Sư đoàn này đã bị lực lượng xâm lăng Bắc Việt áp đảo mau chóng. Chúng chiếm Đông Hà, Quảng Trị, rồi mặt khác tiến qua vòng đai phòng thủ bên ngoài thị xã Kontum. Quy mô tấn công của Bắc Việt cũng như quy mô của hỏa lực đã làm thay đổi cán cân lực lượng. Thương thuyết không còn đặt thành vấn đề nữa cao đến khi nào cán cân đó trở lại thế quân bình. Đòng thời chương trình Việt hóa đã bị thứ thách nghiêm trọng.

Trong buổi gặp gỡ lần này, ông Thiệu và Hưng bàn về vụ xâm lăng của Bắc Việt, mà không hề đả động gì đến vấn đề giao thương. Ông Thiệu cho Hưng biết lực lượng xâm chiếm của Bắc Việt dùng vũ khí tối tân, như trọng pháo 130 ly và xe tăng T -54. Ông nói: “Mình cần phải có ngay đò trang bị mới thật khẩn cấp. Mỹ phải gởi thêm xe tăng M- 48, hỏa tiễn chống chiến xa loại TOW (\*) và đại bác 175 ly. Tệ nhất là mình không còn quân trừ bị. Mình cần Hoa Kỳ yểm trợ để tổ chức thêm hai sư đoàn trừ bị. Ong dặn Hưng “cố tìm mọi cách nói chuyện với mọi người bạn của ta ở Hoa-Thịnh-Đốn, còn tôi sẽ liên lạc với Tổng Thống Hoa Kỳ qua đường dây riêng.”

Các bản phúc trình gửi Hoa-Thịnh-Đốn về thành tích chiến đấu của Quân lực Việt Nam Cộng hòa lúc đó đã làm nhiều người chán nản. Tướng Creighton Abrams, Tư lệnh quân đội Hoa Kỳ tại miền Nam hòi đó, đánh điện về Mỹ nói rằng rất có thễ Việt Nam Cộng hòa đã mất hết ý chí chiến đấu, và như thế chắc là ngày chót đã gần kề. Nixon muốn giữ vững tinh thần ông Thiệu để củng cố ý chí chiến đấu của Việt Nam Cộng hòa, bèn gửi một bức mật điện ngắn qua Đại sứ Bunker, như sau:

Trong giờ phút khỏ khăn này cho Ngài và cho các lực lượng dũng cảm của Ngài, xin Ngài an tâm là chúng tôi sẽ tiếp tục hỗ trợ nhân dân Việt Nam trong cuộc bảo vệ quê hương đày can đảm của họ. Điều tối hậu sẽ quyết định hậu quả của cuộc tranh đấu này là ý chí và tinh thần của nhân dân miền Nam Việt Nam. Hà Nội không thể thắng nổi trừ khi chúng bẻ gẫy được tinh thàn cứa nhân dân miền Nam.

Tôi tin tưởng rằng Ngài sẽ tiếp tục duy trì sự lãnh đạo đày nhiệt huyết của Ngài đề bảo đảm được sự sống còn của miển Nam như một quốc gia độc lập.

Trong cuốn nhât kÝ ghi ngày 2 tháng 5, Nixon đã viết: “Tôi cho điều tối quan trọng là chúng ta đừng đễ bị trách nhiệm về sự nản chí của ông Thiệu vào lúc khó khăn này, khi mà nhiều tin dữ đang từ mặt trận gửi về. Vấn đề đích thực là trong khi địch sẵn sàng chịu hy sinh để tháng, thì người miền Nam lại không chịu trả một giá tương đương để tránh khỏi thua. Và, như Haig đã nhận xét, mọi không lực trên thế giới cũng như mọi cuộc dội bom xuống Hà Nội, Hải Phòng sẽ không cứu được miền Nam Việt Nam, nếu như dân miền Nam không thể cố thủ được vị trí của mình.”.

Ngày 5 tháng 4, Nixon lại viết thư choôngThiệu nhằm trấn an và củng cổ tinh thần Việt Nam Cộng hòa. Lá thư là một kiểu mẫu VẾ đường lối của Nixon một mặt thận trọng cổ võ, một mặt thúc giục ông Thiệu cố gắng hơn. Lá thư lời lẽ như sau:

Kính gửi Tổng Thống Thiệu:

Vào giờ phút đày thứ thách lớn lao này cho nhân dân Việt Nam, tôi xin Ngài biết cho là Ngài được sự ủng hộ trọn vẹn nhất của tôi với tư cách Tồng Thống Hoa Kỳ và Tổng Tư Lệnh quân lực Hoa Kỳ.

Việc Hà Nội tràn qua đường phân ranh tạm thời của năm 1954 là một vi phạm trắng trợn và đày sỉ nhục chăng những đối với Hiệp định Geneve 1954 mà cả với những điêu kiện (Hoa Kỳ và Bắc Việt) đã thoả thuận năm 1968 để (Hoa Kỳ) ngưng oanh tạc (Bắc Việt), và những hành vi khác liên quan đến việc sử dụng sức mạnh của Hoa Kỳ đối với Bắc Việt.

Ngài có ì hể tin chắc rằng Hoa Kỳ hoàn toàn đứng đằng sau hỗ trợ những nỗ lực anh hùng của dân tộc Ngài trong công cuộc bảo vệ xứ sở họ. Tôi xin cam đoan với Ngài rằng trong những ngày và tuần sắp tới chúng tôi sẽ không ngần ngại thi hành thêm bắt cứ biện pháp quân sự nào cần thiết đễ yểm trợ cuộc tranh đấu mãnh liệt và dũng cảm hiện thời của qúy quốc. Chủng ta không thể để cho cuộc xâm lược mở rộng và trắng trợn của Hà Nội tiếp diễn mà không bị trừng phạt.

Xin Ngài cho phép tôi nhân dịp này biểu tỏ lòng ngưỡng mộ không ngừng và sâu xa của tôi v 'ê sự lãnh đạo của Ngài trong những giờ phút khó khăn này, cũng như V? lòng dũng cảm của nhân dân miên Nam đang chống cự các cuộc tấn công của Hà Nội. Tôi tin chắc rằng, với sự hỗ trợ của chúng tôi, Ngài sẽ thành công khắc phục được mọi đe dọa hiện nay của các lực lượng Hà Nội và rỏi cuối cùng chúng ta sẽ đạt được mục tiêu chung là một nên hòa bình công chính và trường cửu.

Kính thư

(K.T.) Richard Nixon

Lá thư đã là 1 chất kích thích tố cần thiết cho ông Thiệu, và ông chuyển đến tướng Cao Văn Viên, Tổng tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng hòa và Thủ tướng Trần Thiện Khiêm đọc. Đó là lá thứ 3 Nixon viết cho ông và nó đã đến thật đúng lúc.

Các lá thư đó đã mang đến cho ông một vẻ thần bí của quyền lực để ôngđemsử dụng vớicác tướng lãnh vàcác nhân viên nội các chính phủ ông; chúng chứng tỏ rằng ông đã được Mỹ ủng hộ vá có thể tiếp xúc ngang hàng với một vị Tổng thống Mỹ: trong mấy thư kia, Nixonđã nhắc đi nhắc lại tới việc yểm trợ và ngưỡng mộ “sự lãnh đạ o của Ngài”. Thư từ là tượng trưng cho một hình thức liên lạc cao nhất giữa các quốc gia; nó có một tính chắt hợp pháp hơn hân bản chất nhất thời của những cuộc đàm thoại và chỉ thị bằng miệng do một vị đại sứ hay một viên chức cao cấp chuyển đến. Trao đổi thư tín như thế làm ông Thiệu được xép ngang hàng với Nixon. Lời nói của vị Tổng thống nhân danh một quốc gia hùng cường nhất thế giới đã được chính thức ghi chép lại, và lời hứa đã được chính thức áp triện son.

Nixon yểm trợ lời nói của mình bằng nhiều hành động mạnh. Ngày 1 tháng 4, ông ra lệnh dội bom lãnh thồ Bắc Việttrong vòng hai-mươi-lăm dặm phía trên vùng phi quân sự. Trong vòng hai tuần lễ, ông ra lệnh oanh tạc tới tận vỹ tuyến 20. Không lực Hoa Kỳ đã ò ạt yểm trợ quân đội Việt Nam Cộng hòa. Trực thăng có khả năng tiêu diệt xe tăng địch đã tới tấp bay tới chiến trường để phản công. Hai chiếc tuần dương hạm và tám chiếc khu trục hạm gấp rút trực chỉ biển Nam Hải để bắn phá từ ngoài biển vào những lực lượng Bắc Việt đương ồ ạt xâm lăng miền Nam.

Ngày 17 tháng 4, ông Thiệu hồi âm Nixon, cảm ơn ông này về “phản ứng mau lẹ” với cuộc xâm lăng của Bắc Việt, và nói tiếp: "... tôi nghĩ rằng cuộc tấn công hiện thời là khởi đầu một nỗ lực lớn nhất của Hà Nội trước khi quyét định hoặc sẽ chấp nhận một hòa giải, hoặc để cho chiến tranh tàn dần đi. Cho nên nó có thề kéo dài suốt năm nay, là năm bàu cứ tại Hoa Kỳ.” Ông còn nhấn mạnh đến những vũ khí tinh xảo mới mà Bắc Việt đang sứ dụng — xe tăng, hỏa tiễn, và trọng pháo có tàm xa — và đòi “Hoa Kỳ tăng cường và gia tốc viện trợ” nhằm tối tân hóa quân lực Việt Nam Cộng hòa, nhất là không quân.

Đây là lúc phải có hành động quân sự. Ông Thiệu phải củng cố lại lực lượng và chặng đường tiếp quân Bắc Việt. Ông bèn nhờ cậy đến một quân nhân chuyên nghiệp giỏi nhất mà ông có được, Tướng Ngô Quang Trưởng, và bổ nhiệm Tướng này vào chức vụ Tư lệnh Quân Khu I ở mặt phía Bắc. Tướng Trưởng là một vị chì huy tác chiến nổi tiếng là liêm chính và trung trực, và là người đã dẹp tan được Việt Cộng trong vụ tấn công Tết Mậu Thân. Cao, gầy và clng thẳng ông giống như một con lò-xo cuốn chặt, dường như luôn luôn sẵn sàng bật ra để tấn công. Dù là một vị tướng lãnh có nhiều công trạng, ông vẫn không hề có tham vọng chính trị, mà chỉ là một quân nhân chuyên nghiệp. Sinh trưởng tại miền Nam, vùng đòng bằng Cửu Long, tướng Trưởng có những liên hệ tốt với các cố vấn Mỹ. Thường xuyên đích thân ra ngoài chiến trường, ông còn rất thương binh sĩ. Dưới sự lãnh đạo của tướng Trưởng, quân đội Việt Nam Cộng hòa ở Vùng 1 đã được củng cố, và cuộc chiến đấu đẫm máu với số tổn thất cao cho cả hai bên đã xẩy ra hồi tháng 5 .

Vào giữa lúc Việt Nam Cộng hòa đang tìm cách chặn đứng cuộc xâm lăng của Bắc Việt thì Nixon chuẩn bị cho cuộc họp thượng đỉnh sắp tới với Brezhenev ở Mạc-tư-khoa. Nixon nghĩ rằng ông sẽ phải thương thuyết với nhà lãnh đạo Xô-viét trong một thê yếu nếu như cuộc tấn công của Bắc Việt nghiền nát luôn cả sự cam két của Hoa Kỳ đối với Việt Nam Cộng hòa. Ông bèn cho nghiên cúu việc thả mìn xuống hải cảng Hải Phòng và dội bom những căn cứ quân sự quan trọng tại Bắc Việt. Kissinger được chỉ thị gặp kín với giới lãnh đạo Xô-viết trước hội nghị, tại thủ đô Liên-xô đễ dọn đường và sắp xếp chương trình nghị sự, được dự trù từ 20 đến 25 tháng 4. Chuyến đi của Kissinger bí mật đến độ Đại sứ Mỹ tại Mạc-tư-khoa, Jacob Beam, cũng không được thông báo về sự hiện diện của Kissinger tại thành phố này mãi cho đến khi ông này sắp trở về. Nixon chi thị cho Kissinger phải đòi Brezhnev cho bằng được một cuộc hòa giải vấn đề Việt Nam “như một điều kiện tiên quyết cho bất cứ đề tài nào khác” . Sẽ không thể có một thoả thuận cho tới khi nào Mạc-tư- khoa thuyết phục được Hà Nội phải chấm dứt chién tranh bằng thương thuyết.

Nhưng thật đàng buòn, không tuân hành chỉ thị của Nixon, Kissinger không làm áp lực với Nga về vấn đề Việt Nam mà lại chỉ hối hả thương lượng về một hiệp ước kiểm soát vũ khí hạch nhân chiến lược mà thôi .

Trong các cuộc thảo luận mật với Brezhnev tại Dom Pryomov (nhà khách trên đòi Lê-nin ngó xuổng sông Mạc- tư-khoa), Kissinger đã cung hiến cho Bắc Việt qua trung gian của Nga một số nhượng bộ hết sức quan trọng, sau này trở thành căn bản cho Hiệp định Paris tháng Giêng năm 1973. Kissinger nói với Brezhnev là Hoa Kỳ sẵn sàng chấp nhận một cuộc ngưng bắn tại chỗ để đổi lấy sự rút lui h'ỉt sức giới hạn của Bắc Việt, đó là chì cần rút hết số quân xâm nhập miền Nam kể từ lúc chủng khởi sự tấn công ngày 31 tháng 3 mà thôi. Còn số quân xâm nhập trước (khoảng 200.000) có thể ở lại tại chỗ. Đây là lần đầu tiên Hoa Kỳ minh thị rõ ràng đòng ý cho phép quân Bắc Việt ở lại miền Nam. Nhượng bộ này đã được đưa ra mà không có sự thỏa thuận của Việt Nam Cộng hòa ; đây là lần đầu tiên Hoa Kỳ đã nhắn nhe với Hà Nội qua Mạc-tư-khoa, là họ đang bắt đầu từ bỏ cái nguyên tắc triệt thoái song phương đã thỏa thuận với Việt Nam Cộng hòa trước kia .

Trong quá khứ, khi nào Hoa Kỳ dùng chữ “ngưng bắn tại chỗ”, chữ này đã có hàm ý là cuộc ngư ngbắn sẽ là khởi điểm cho các cuộc thương thuyết tiếp theo bao gồm cả sự “triệt thoái song phương” tất cả các lực lượng Bắc Việt lẫn Hoa Kỳ. Ông Thiệu cũng đã luôn luôn nhắc nhở Bunker và Kissinger rằng “Chì khi nào Hà Nội đồng ý rút quân ra khỏi miền Nam thì mới có được ngưng bắn.” Và trước khi Kissinger đi Mạc-tư-khoa,   
Hoa Kỳ cCng đã chỉ nói bóng gió là cho phép Bắc Việt duy trì quân tại miền Nam. Đề nghị của Mỹ ngày 25-1-1972 đã cố ý mơ hố, kêu gọi “sự triệt thoái các lực lượng bên ngoài ra khỏi Đông Dương, và thi hành nguyên tắc quy định rằng mỗi quân lực của các quốc gia Đông Dương phải ở bên trong ranh giới nước mình.”

Từ Mạc-tư-khoa trở về, Kissinger mang theo thông điệp của Brezhnev cho biết Bắc Việt sẵn sàng thương thuyết hòa giải. Các vị phụ tá trong Tòa Bạch Cung cũng nói là “Brezhnev cho chúng tôi hiểu thông điệp này thực sự quan trọng chứ không chì là một dấu hiệu.” Trong bài diễn văn đọc trên đài truyền hình ngày 26-4, Nixon tuyên bố: “Chúng tôi tái tục các cuộc đàm phán tại Paris với kỳ vọng là những cuộc thảo luận hữu ích này sẽ đưa tới tiến bộ nhanh chóng, qua mọi ngã, mọi đường giây hiện có.”

Đến ngày 1 tháng 5, giữa lúc đang bận rộn chuẩn bị cho cuộc họp thượng đình sắp tới với Brezhnev. Nixon nhận được một lá thư của nhà lãnh đạo Xô-viết yêu cằu Hoa Kỳ đừng có thêm hành động quân sự nào khác nữa tại Bắc Việt, bởi lẽ “chúng sẽ làm giảm cơ hội thành công của hội nghị thượng đĩnh” . Nixon bèn trả lời cứng rắn, nhận định rằng “ảnh hưởng (với Bắc Việt) mà Liên Xô đã hứa hẹn, nếu quả đã được thi hành, cho đến nay đã tỏ ra vô dụng.”

Buổi chiều ngày hôm đó, sau khi dự một bữa tiệc khoản đãi các phóng viên, ký giả, tại Tòa Bạch Cung, Kissinger lên máy bay qua Paris gặp phái đoàn Bắc Việt để họp kín. Ông thấy bọn chúng đã vô cùng “hỗn xược và không thể chịu nổi” đến độ ông phải bỏ ngang buổi họp ra về. Riêng đối với Nixon, thì “đó là cơ may cuối cùng cho Hà Nội. Lúc bấy giờ, tôi quyết định là cần phải đánh bại cuộc xâm lăng của Bắc Việt”. Và Nixon nhất định cho tiến hành việc thả mìn xuống Hải Phòng. Dù biết là cuộc họp thượng đĩnh có thể gặp trở ngại lớn, Nixon cho rằng mình không thể đi Mạc-tư-khoa giữa lúc đang thua trận. Ỏng nhận định: Thả bom và đặt mìn là biện pháp hay nhất — một biện pháp không những không đẩy Nga vào thế kẹt, mà lại có thể tiếp tục gây áp lực với Bắc Việt bằng cách chận đường tiếp tế.

Nixon triẹu tập gắp một buổi họp để thảo luận về hành động này và tác dụng của nó đối với cuộc họp thượng đình; vào họp có Kissinger, Haldeman, Bộ trưởng Ngân khố John Connally, và Alexander Haig (phụ tá của Kissinger). Nixon nói: “Hội nghị thượng đinh chảng có giá trị néu như ta phải trả một giá là mất Việt Nam. Bản năng tôi bảo tôi rằng nước này thà để mất cơ hội họp thượng đỉnh còn hơn là thua trận”. Kisớnger thì hầu như quả quyết rằng néu Nixon thả min Hải Phòng thì Nga sẽ hủy bỏ hội nghị Thượng đĩnh. Nhưng ý kiến của Kissinger bị John Connally và Bộ Trưởng Tư Pháp John Mithchell gạt bỏ. Hai người này thúc giục Nixon cứ ra lệnh thả bom và đặt min, cam đoan rằng hành động này sẽ không phá hoại cuộc gặp gỡ sắp tới. Dường như phải dung hòa giữa hai phía, Nixon quyết định lén đài truyền hình Mỹ ngày 8 tháng 5 để loan báo việc đặt min các vùng biển Bắc Việtvà tiếp tục dội bom xuống Bắc Việt, nhưng đồng thời ông cũng gài thêm một đề nghị hòa bình, “ngưng bắn tại chỗ”, và không nhắc gi tới việc đòi Bắc Việt phải rút quân khỏi miền Nam! Đòng thời với vụ leo thang chiỉin tranh này, Nixon lại đặt sẵn trên bàn bản đề nghị ngưng bắn tại chỗ đã thảo ngày 31-5-1971. Như Nixon sau này viết trong tập hòi ký của mình, đề nghi hòa bình ấy đã trỏ thành điểm quy chiếu cho những điều kiện của cuộc hòa giải tối hậu vào tháng Giêng 1973 .

Nixon thông báo cho ông Thiệu biết ké hoạch đặt mìn hải cảng Hải Phòng trong một bức thư do Đại Sứ Bunker chuyển giao ngày 9 thàng 5. Trước đó đã không hề có một sự tham khảo nào khác. Nixon cho rằng ông Thiệu sẽ đồng ý với “một đường lối hành động mới nhằm chấm dứt cuộc chiến này.” Nội dung bức thư như sau:

Trong bài diễn văn tôi đè nghị sẽ loan báo hai chính phủ chủng ta đã quyết định rằng cuộc xâm lược của Bắc Việtphải được đối phổ bằng hành động nhằm ngăn chặn việc tiếp liệu cho quân Bắc Việtở trong Nam. Tôi sẽ loan báo là tôi đã ra lệnh cho thả mìn xuống những hải lộ đưa vào các cứa khẩu Bắc Việtvà đã chỉ thị cho các lực lượng Hoa Kỳ ngăn cản việc tiếp liệu cho Bắc Việtbằng đường biển bên trong vùng hải phận mà họ nhận là thuộc quyền lãnh thổ của họ. Đường xe lửa và những phưcrng tiện chuyên ch(ỷ khác cũng sẽ bị ngữn chận.

Các hành động nói trên sẽ tiếp diễn cho đến khi nào hội đủ các điều kiện sau đây : thực hiện một cuộc ngưng bắn có sự kiêm soát quốc tế trên toàn cõi Đóng Dương và (Bắc Việt phải) thả tù binh (Hoa Kỳ).

Trong bài diễn văn, tôi sẽ nhận định rằng, khi nào các điều kiện nói trên đã được đáp ứng, chúng tôi sẽ ngưng mọi hành động vũ lực trên khắp lãnh thổ Đông Dương và các lực lượng Hoa Kỳ sẽ được rút khỏi Nam Việt Nam trong vòng bốn tháng.

Thưa Tổng Thống,

Như cả hai chúng ta đều biết, xứ sở Ngài cũng như xứ sở tôi không hề bao giờ tìm cách bắt Hà Nội phải chịu một sự thất bại quân sự. Chủng ta luôn luôn cố gắng chấm dứt cuộc xung đột qua ngã thương thuyết cách nào đặng cho nhân dân miền Nam Việt Nam còn được cơ hội quyết định tương lai mình mà không bị bên ngoài cưỡng ép hay can thiệp. Dù thi hành những biện pháp mà tôi sẽ loan báo tối nay, một cuộc hòa giải bằng thương thuyết vẫn là đường lối chúng tôi ưa chuộng hơn, nhưng Hà Nội đã đưa ra cho chúng tôi những điều kiện tiên quyết tuyệt đổi không thể chấp nhận được và sự thách thức quân sự của họ đổi với Ngài và đởng minh của Ngài không cho phép một lựa chọn nào khác hơn là đáp ứng theo đường lối mà ta sẽ phải làm.

Tôi hoàn toàn tin tưcrng rằng những biện pháp mà tôi sẽ loan báo lối nay sẽ được nhân dân và Quân lực của Ngài hoan nghênh như một thái độ nghiêm chình vè sự quyết tâm của chúng tôi giúp họ tự bảo vệ và ìà một cơ hội để dứt khoát đẫy lui cuộc xâm lăng do các lực lượng Hà Nội tung ra ngày 30 tháng 3. Điều quan trọng là những biện pháp đó nhằm bảo vệ xứ sở Ngài càn được coi là đã được thi hành sau khi tham khảo với Ngài và song hành cùng với những nỗ lực tự vệ của chính dân tộc Ngài. Cho nên, tôi tin chắc Ngài sẽ đồng ý với ý định của tôi là liên kết chính phủ Ngài với những biện pháp tôi đé' nghị sẽ loan bảo.

Tuy nhiên, cũng xin phép Ngài cho tôi nói rằng trong tinh thăn hữu nghị và ngay thâng văn thường là đặc tính của mối quan hệ giữa chủng ta, tôi nghĩ rằng Không lực và Hải lực Hoa Kỳ, phân tích đến cùng, chỉ là những yếu tố phụ thêm chứ không phải quyết định cho trận chiển hiện đang diễn ra ác liệt tại xứ sở Ngài. Yếu tố quyết định sẽ là thành tích mà nhân dân và quân lực Việt Nam Cộng Hòa đạt được trong cuộc kháng cự lại thách thức họ đang phải đương đàu.

Cho nên tôi muốn nhân dịp này thúc giục Ngài và nhân dân Ngài lợi dụng cơ hội do các biện pháp tôi loan báo tôi nay sẽ mang đến để tăng cường thêm nữa nỗ lực chống quân xâm lăng Bắc Việt, để lấy lại thế chủ động chống lại các lực lượng chính quy của họ và dành lại số dân và lãnh thổ đã tạm thời mất vè tay họ. Sẽ thật khó mà giải thích được cho nhân dân Hoa Kỳ, sau khi tôi đã lấy những biện phập đó, nếu như quân lực Việt Nam Cộng hòa không hoàn thành nhiệm vụ một cách hăng hái hơn và nếu như nhân dân miền Nam Việt Nam không được động viên tinh thăn cho tình trạng khẩn cấp này.

Chúng tôi sẽ vô cùng quan tâm theo dõi những biến chuyên trên bộ tại miền Nam Việt Nam trong những ngày và tuần sắp tới, và tôi tin tưởng rằng dưới sự lãnh đạo cương quyết của Ngài, dân tộc anh hùng của xứ Ngài sẽ thắng được sự xâm lược của Hà Nội.

Xin trân trọng kính chào Ngài

Kinh thư

(kt) Richard Nixon

Ông Thiêu hoan nghênh nhận được tin Mỹ thả mìn Hải Phòng và oanh tạc Bắc Việt. Quả vậy, ông đã quá phấn khởi về bức điệp văn của Nixon mà không hiểu được những khía cạnh tinh tế trong đề nghị hòa bình mới của Nixon. Ông cho rằng đề nghị ngưng bắn của Mỹ chỉ là khởi điểm cho một cuộc hòa giải toàn bộ, và chung kết dẫn tới sự triệt thoái hỗ tương.

Trong bản dịch sang Việt ngữ của lá thư Nixon, ông Thiệu đã viết “tám điểm” ở ngoài lề, bên cạnh câu của Nixon đòi phải thỏa mãn các điều kiện ông này đưa ra trước khi ngưng oanh tạc. Như vậy, chứng tỏ là ông Thiệu cho rằng Nixon vẫn còn muốn nói đến tám điểm trong kế hoạch hòa bình ngày 25 tháng Giêng kể cả cái ngôn ngữ tuy mơ hò nhưng vẫn còn nói về việc triệt thoái cả hai phe Bắc Việt và Mỹ. Bởi trong kế hoạch đó Hoa Kỳ còn kêu gọi “rút lui các lực lượng bên ngoài khỏi Đông Dương.” Dù ngôn ngữ đã được làm nhẹ bớt đi, nó vẫn còn chỗ trống để muốn giải thích cách nào cũng được, và ông Thiệu nhất định muốn đỏi cho ngôn ngữ mạnh mẽ hơn để cho cuộc hòa giải tối hậu sẽ không cho quân Bắc Việt ở lại miền Nam.

Thực ra, ông Thiệu có hay đâu lập trường của Hoa Kỳ đã thay đổi rồi ! Hoa Kỳ đã sẵn sàng chấp nhận một cuộc ngưng bắn tại chỗ, bỏ hân khoản triệt thoái hỗ tương, và không duy trì một lực lượng thặng dư quân đội Mỹ nào tại miền Nam như họ đã từng làm ở Âu Châu và Triều Tiên.

Quá khích động về việc Hoa Kỳ leo thang chiến tranh, thả mìn Hải Phòng và dội bom miền Bắc, ông đã không để ý đến lời lẽ tuy mơ hồ nhưng đã bao hàm một sự thay đổi lớn trong lập trường của Mỹ, nó phản ảnh các nhượng bộ bí mật mà Kissinger đã nói riêng với Brezhnev tại Mạc-tư- khoa trước đây : trong thư, Nixon chỉ đòi Bắc Việt có hai điều kiện , đó là ngưng bắn và thả tù binh Mỹ !

Chiến lược của Nixon là bổ khuyết các cuộc hòa đàm bằng cách củng cố Việt Nam Cộng hòa qua chương trình Việt Nam hóa. Trên lý thuyết, hai đường lối này có thể đi song song và bổ sung lẫn nhau. Thế nhưng, trên thực tế, chúng lại tương tranh với nhau và ngầm phá hoại nhau. Đối với Saigòn, thì chương trình Việt Nam hóa là chìa khóa cho sự sống còn và tạo nên được một khả năng tự vệ chống lại miền Bắc. Còn đối với miền Bắc thì việc chi mà phải nhượng bộ vì đằng nào thì Hoa Kỳ cũng đang gấp rút triệt thoái rồi.

Trong lúc chương trinh Việt Nam hóa đang thành công và quân đội Việt Nam Cộng hòa sắp tiến tới chỗ tự lực tự cường thì mật đàm tại Paris lại ngầm phá vẩ chặt chân, chặt tay họ : thật là trống Nixon đánh xuôi, kèn Kissinger thổi ngược !

# CHUƠNG IV - NHỮNG ĐE DỌA ÁM SÁT

Mặc dù Hải Phòng đang bị thả mìn và những mục tiêu quân sự quanh Hà Nội đang bị dội bom, Leonid Brezhnev vẫn quyết định cho tiến hành hội nghị Thượng đỉnh với Richard Nixon. Brezhenev đã quan tâm cténthỏa ước vũ khí chiến lược và mậu dịch với Hoa Kỳ hơn là đến cuộc chiến của Bắc Việttại miền Nam Việt Nam ; ngoài ra, ông cũng muốn làm giảm ảnh hưởng chuyến viếng thăm Hoa lục trước đây của Nixon . Tại hội nghị thượng đính, diễn ra từ 22 tháng 5 đến 1 tháng 6, có bốn phiên họp riêng về Việt Nam kể cả một phiên nhục mạ nhau tàn tệ ở ngôi nhà nghi mát của Brezhnev: Nơi đây tất cả ba nhà lãnh đạo Liên Xô — Brezhnev, Kosygin và Podgorny — đều nặng lời chỉ trích Hoa Kỳ về việc leo thang chiến tranh cũng như việc Hoa Kỳ ủng hộTổng thống Thiệu. Thiệu bị Kosygin gọi xách mé là “người gọi là Tổng Thống miền Nam Việt Nam đó ... kẻ châng do ai lựa chọn đó”. Nixon trả miếng ngay, hỏi là : “Thế ai đã lựa chọn tên Chủ tịch Bắc Việt?”

Kosygin đáp: “Toàn thể nhân dân”. Nixon bảo Kosygin cứ nói tiếp. Kosygin nói xong, Podgorny lại tiếp tay tấn công. Nixon biện hộ hành động thả mìn Hải Phòng của mình, và cho cấp lãnh đạo Xô-viết biết rằng kể tử khi Bắc Việtkhởi sự tấn công đến lúc đó đã có “30,000 thường dân miền Nam, kể cả đàn bà và trẻ con, bị Bắc Việtgiết hại bằng vũ khí Xô-viết.” Họ ngòi lắng nghe nhưng làm ngơ, rồi ngưng họp, lên lầu, ngồi vào bàn tiệc linh đình, ăn uống, pha trò, cười nói, kể chuyện — “cứ làm như là phiên họp gay gắt vừa rồi ở dưới nhà đã không hề xắy ra.

Kissinger cũng họp với Ngoại trưởng Gromyko ngày 25 tháng 5. Lập trường của Nga xô là họ có thể hứng chịu tình trạng hiện tại, nghĩa là chấp nhận (tê Mỹ dội bom miền Bắc, ủng hộ Saigòn, và giữ quân đội tại miền Nam cho đến khi nào có được hòa giải. Kissinger cho biết là không nhất thiết Mỹ sẽ phải tiếp tục dội bom cho tới khi nào mọi tù binh Mỹ được trả về hết. Điều này trái ngược với bài diễn văn của Nixon hai tuần trước đó, lúc ông loan báo là vụ dội bom và thả mìn sẽ tiếp tục chừng nào tù binh Mỹ còn bị giam giữ.

Kissinger còn bảo Gromyko rằng Hoa Kỳ sẵn sàng chấp nhận một ủy hội bằu cử ba phe tại miền Nam Việt Nam , gồm chính phủ Saigori, Việt Cộng, và phe Trung Lập. Trước đó, trong đề nghị mật, Hoa Kỳ đã chì nói đến một cơ quan độc lập đứng ra tổ chức “một cuộc bầu cử tổng thống”. Ông Thiêu đã phản đối ủy hội ba phe, vì cho như thế là hợp thức hóa chính phủ Cách mạng Lâm thời và đưa đến một chính phủ liên hiệp. Mạc-tư-khoa đồng ý chuyển lời tới Hà Nội.

Ở Hoa-Thịnh-Đốn, Hưng có nhiệm vụ thuyết phục những người ủng hộ Việt Nam Cộng hòa là cuộc tấn công của Bắc Việt còn có thể đẩy lui được. Hưng mang theo thính cầu của Thiệu xin viện trợ xe tăng M-48, hỏa tiễn chống tăng TOW, trọng pháo 175 ly, và phương tiên để tổ chức thêm hai sư đoàn trừ bị. Lá thư yêu cằu viện trợ này đã được trao tận tay cho Warren Nutter tại Ngũ Giác Đài. Hưng cũng còn thường xuyên gặp Tiến sỹ Edward E. Elson, vị mục sư tuyên úy tại Thượng viên Hoa Kỳ cũng là mục sư riêng của cố T.T Eisenhower. Là một nhà lãnh đạo tôn giáo nổi tiếng thuộc giáo phái Presbyterian, mục sư Elson đã từng thăm viếng Việt Nam nảm 1967, khi ông tham dự phái đoàn tổng thống Hoa Kỳ gửi sang quan sát cuộc bầu cử tổng thống Việt Nam . Trong dịp ấy, ông đã có cảm tưởng thuận lợi cho Việt Nam Cộng hòa. Hưng thường gặp mục sư Elson tại phòng ăn nhỏ của Thượng viện để thảo luận xem có cách nào giúp cho các thượng nghị sĩ Hoa Kỳ “hiểu được rõ hơn về quyền lợi của Mỹ tại Việt Nam”. Hưng thăm dò thấy rằng vẫn còn cơ hội tiếp tục quân viện, nhưng nếu quân đội Việt Nam Cộng hòa không chặn đứng được cuộc tấn công dịp lễ Phục Sinh (1972) của Bắc Việt, thì Mỹ sẽ hét tin tưởng ở miền Nam và giảm dần sự yểm trợ.

Sau Hội nghị Thượng đỉnh ở Mạc-tư-khoa, Kissinger bay qua Bắc Kinh gặp Chu Ân-lai để lược trinh về những cuộc gặp gỡ vừa qua với cấp lãnh đạo Nga, và vận động Trung Hoa giúp hòa giải ở Việt Nam. Ngày 6 tháng 6, Lê Đức Thọ loan báo sẽ đòng ý mật đàm thêm nữa với Kissinger nếu Hoa Kỳ đưa ra các đề nghị đình chiến mới và tái nhóm hòa đàm Paris. (Cuộc hòa đàm Paris chính thức tại Trung tâm Hội nghị Quốc-tế ỏ Đại lộ Kleber đã bị Hoa Kỳ đình chì ngày 26 tháng 3 vì phe Cộng sản không chịu thương thuyết nghiêm chình). Trong thời gian Kissinger họp với họ Chu ngày 16 tháng 6 tại Bắc Kinh, thì Nikolai Podgorny, một thành viên cao cấp trong Bộ chinh trị, qua Hà Nội tường trình cho Bắc Việt về Hội nghị Thượng đỉnh. Kissinger thúc giục họ Chu thuyết phục Hà Nội nên uyển chuyển hơn về những đòi hỏi của họ. Tập hò sơ mật của Hoa Kỳ về phiên họp này còn gồm cả bản tóm tắt các cuộc đàm thoại triết lý giữa Kissinger và họ Chu nữa. Kissinger lập luận với họ Chu là Bắc Việt tham quá, muốn được tất cả mọi thứ ngay một lúc. Kissinger nói khích là Hà Nội đã sợ tiến trình của lịch sử. Ông hỏi họ Chu tại sao Hà Nội lại sợ lịch sử đến thé, và tại sao họ không thể coi toàn bộ quà trình ấy như hai giai đoạn riêng biệt. Giai đoạn một, theo Kissinger là để Mỹ giải kết ra khỏi Việt Nam; giai đoạn hai là sau đó, lịch sử sẽ tự nó diễn tiến tại Việt Nam. Như vậy, Kissinger đã nói khéo là Hà Nội sẽ tha hồ mà vùng vẫy. Kissinger còn than phiền với Chu rằng Bắc Việt đòi Hoa Kỳ. lật đổ một người bạn — điều mà Hoa Kỳ không bao giờ làm. Kissinger cố vận động để Trung cộng thủ một vai trung gian trong cuộc điều đình giữa Hà Nội và Hoa Thịnh Đốn.

Trong càc cuộc đàm thoại với họ Chu, Kissinger đã cố đặt nhẹ tầm quan trọng của Việt Nam đối với chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ. Ông chì bàn về quân bình chiến lược thế giới, nào mối đe dọa từ phía Liên Xô, nào tìm cách hỗ tương giữa quyền lợi của Hoa Kỳ và quyền lợi của Trung Hoa tại Ă Châu.

Sau khi Kissinger trở về Mỹ phúc trình, Nixon quyết định cử tướng Haig qua Sài Gòn để trình bầy cho ông Thiệu biết về Hội nghị Mạc-tư-khoa và chuyến đi Bắc Kinh của Kissinger. Chính Kissinger và \Vinston Lord, phụ tá của ông đã đích thân thảo bản tóm lược những điểm cần trình bày với ông Thiệu. Tất nhiên trong bản văn này Kissinger không đả động gì đến việc ông nói riêng với các nhà lãnh đạo Liên xô cũng như việc ông nhờ họ Chu làm trung gian với Hà Nội.

Tới Sài Gòn, Haig không thảo luận gì về việc thay đổi lập trường của Hoa Kỳ chấp nhận ngưng bắn tại chỗ để cho quân Bắc Việt được ở lại miền Nam. ông chì mô tả đề nghị thương thuyết mới của Hoa Kỳ, mà nội dung đã được trình bày trong bài diễn văn ngày 9 tháng 5 của Nixon và sẽ được chính Kissinger chuyến đến tay Thọ vào ngày 19 tháng 7. Kế hoạch này kêu gọi ngưng bắn, trả tù binh, quân Hoa Kỳ rút lui trong vòng bốn tháng, và ông Thiệu từ chức trước khi có bầu cử Tổng Thống. Như lời Haig giải thích cho ông Thiệ : “Hoa Kỳ đã cố phối hợp những biện pháp cứng rắn trên mặt trận quân sự với một thái độ uyển chuyển, công bình trên mặt trận thương thuyết.” .

ông Thiệu nói với Haig rằng Hà Nội đã không phải chị u một àp lực nào bắt họ điều đình. Quan niệm của ông về ngưng bắn khác với Kissinger. Ông cho rằng, những vấn đề chưa giải quyết phải được thương lượng trước, rồi mới thi hành ngưng bắn được. Ngưng bắn mà không có thỏa ước nào trước sẽ chì đưa tới vi phạm và sẽ rất khó, nếu không nói là không thể kiểm soát. Nhưng trong tập hòi ký, Kissinger lại cho rằng ông Thiệu “đã khôn khéo bác bỏ những gì chúng tôi đã đề nghị, với sự tán thành của ông ấy, kể từ ngày 7-10-1970, và những gì Tổng thống (Hoa Kỳ) đã tái xác nhận ngay hôm mới đây, ngày 5 tháng 8” . Ông Thiệu thì xác quyết rằng ông không hề bao giờ chấp nhận việc quân đội Bắc Việt ở lại miền Nam. Nhưng nghiên cứu kỹ hò sơ ghi lại những nhận định của Nixon và bình luận của Kissinger trong các cuộc họp báo ta thấy là Kissinger nói láo, vì triệt thoái hỗ tương vẫn là mục tiêu công khai của Hoa Kỳ . Chì sau khi Hiệp định Paris đã được ký kết, Kissinger mới công khai xác nhận rằng những thay đổi trong cách diễn tả những nhận định của Nixon về hỗ tương triệt thoái đã báo hiệu một sự thay đổi trong lập trường của Hoa Kỳ.

Trong lúc Kissinger cố vận động gấp rút một hòa giải chính trị, cả Bắc lẫn Nam Việt vẫn còn chờ xem cuộc tranh đấu quân sự sẽ được giải quyết trên chiến trường ra sao. Tháng tư, khi gặp lại ông Thiệu, Hưng được biết là Cộng sản đang cố đạt cho được một chiến thắng quân sự quyết định để có thể bước vào những cuộc thương thảo chung kết với một tư thế mạnh hơn. Cuối tháng 6, Hưng viết cho ông Thiệu một lá thư cho biết rằng do ảnh hưởng của báo chí, dư luận Mỹ cho rằng Việt Nam Cộng hòa đang thua Bắc Việt. Anh viết: “Tôi có cảm tưởng người Mỹ tin rằng sắp có một Điên Biên Phủ thứ hai”. Hưng nhấn mạnh tàm quan trọng của một chiến thắng dứt khoát để đảo ngược tình thế, nếu không, sự ủng hộ của Mỹ chắc sẽ giảm dàn. Được thư Hưng, ông Thiệu ra lệnh cho tướng Trưởng gắp rút chiếm lại thị xã Quảng Trị.

Kissinger họp với Thọ ở Paris ngày 19 tháng 7, trong sáu tiếng rưỡi, ông đã biết điều kiên ông Thiệu đặt ra là bất cứ một cuộc ngưng bắn nào cũng phải gắn liền với việc rút hét quân Bắc Việt khỏi miền Nam trong vòng ba tháng; khi đàm phán, Kissinger quyết định không cho Thọ biết mối bất đòng lớn này giữa ông và ông Thiệu, “vì lẽ nó không liên quan gì đến các cuộc thương thuyết lúc ấy đang bế tắc.” . Ngày 1 tháng 8, hai người lại gặp nhau tại Paris trong khoảng tám tténg nữa, một phiên họp dài nhắt. Phía Bắc Việt bắt đàu đưa ra một số “nhượng bộ” và đề nghị tăng tốc độ thời biểu thương thuyết; Bunker phúc trình cho ông Thiệu là “phe bên kia không đưa điều gì mới, chì duyệt lại lập trường của họ mà thôi.” Bản phúc trình ngắn ngủi chưa đầy một trang của vị Đại sứ này còn quả quyết rằng cuộc họp mặt “đã không tạo thêm diễn biến nào mới”. Thế nhưng, trong tập hòi ký, Kissinger lại trịch dẫn một tờ trình dài của ông viết cùng ngày cho Nixon giải thích tại sao “Ta đã tới gàn hòa giải hơn bao giờ hét; quá trình thương thuyết của ta không thể chê vào đâu đượ  
c, và ta vẫn còn cơ hội tạo được một nền hòa bình trong danh dự” .

Ngày 17 tháng 8, Henry Kissinger cùng với nhóm phụ trách thương thuyết về Việt Nam tới Sài Gòn để họp bàn với Tổng Thống Thiệu về những cuộc thảo luận sắp tới giữa Kissinger và Thọ tại Paris, ngày 15 tháng 9. Nhóm thương thuyét của Nixon đã được lựa chọn căn cứ vào lòng trung thành, sức chịu đựng và hiểu biết chuyên môn. Người chuyên trách về Việt Nam là John Negroponte, một chuyên viên ngoại giao trẻ tuổi, đẹp trai, xuất thân từ Đại học Yale (khóa 1960), biết tiếng Việt và đã có sáu năm kinh nghiệm tại Sài Gòn và tại các cuộc hòa đàm Paris chính thức, trước khi được tuyển làm chuyên viên Hội Đòng An Ninh Quốc Gia năm 1970. Trong số thân cận với Kissinger tại Hội đồng có Winston Lord, lúc ấy mới ba-mươi-tư tuổi, một chuyên viên ngoại giao thông minh hăng say, nhưng khiêm tốn, chuyên viên vềTrung Quốc có lẽ vì có vợ người Trung Hoa, con gái của một cựu viên chức Trung hoa Quốc gia. Hai người gặp gỡ nhau hồi còn là sinh viên trường Luật và Ngoại giao Pletcher, Đại học Tufts, tại Boston. Hồi đầu người ta biết đến tên Winston Lord chì vì là con trai của Mary Lord, một phụ nữ giầu có trong ủy ban Quốc gia đảng Cộng hòa, và là người đàn bà đằu tiên được cử làm đại diện Hoa Kỳ tại Liên Hiệp Quốc. Nhưng về sau, ông nổi tiếng là một phụ tá có tài và trung thành của Kissinger, lúc nào cũng hăng say, tươi cười, luôn luôn có sẵn trong tay tờ phúc trình tóm lược đầy đủ lập trường và quan điểm, hoặc một bản thông cáo chung, nhanh chóng và rõ ràng. Lord và Peter Rodman, một phụ tá khác lúc ấy mới hai-mươi-tư, trông giống như một cặp hiệp sĩ samurai — có kẻ xấu miệng nói là chó giữ nhà cho Kissinger. Rodman, tốt nghiệp Luật ở Đại học Harvard, làm phụ tá hành chánh cho Kissinger năm 1969, cổ tài về nghiên cứu, tổ chức, và viết lách. Lúc nào người ta cũng thấy Rodman, ôm một cặp sách đựng tài liệu tối mật và chưa hề bao giờ trễ nãi trong việc đem điện tín và ... nước cam tươi đến cho Kissinger mỗi sáng. Cùng với một toán nữ thư ký tận tụy gồm Julie Pineau, Irene Derus, Laura Simkis, và Wilma Hall, nhóm người ấy đã là một đội thương thuyết đáng kính nể.

Các cuộc hội họp vói ông Thiệu không đưa tới đâu. Sài Gòn có tin đòn là Kissinger qua để cưỡng èp Việt Nam Cộng hòa chắp nhận hòa bình. Ông Thiệu cảm thấy có thế hơn nhờ cuộc phản công thắng lợi của quân sĩ dưới quyền chỉ huy của Tướng Trưởng: mùa hè vừa qua Tướng này đã đánh bại quân Bắc Việt với sự yểm trợ của không lực Mỹ. Tướng Trưdng đang chuẩn bị tái chiếm Quảng Trị, để đưa cán cân quân sự trở về vị thế trước cuộc tấn công. Một nửa lực lượng xâm chiếm Bắc Việt, lối 75,000 người, đã bị chét hoặc bị thương. Đại sứ Bunker cho Kissinger biét rằng cuộc phản công thắng lợi đố đã khiến Việt Nam Cộng hòa rất miễn cưỡng trong việc thương thảo với Hà Nội. Theo lời ông Bunker, ông Thiệu dường như “thật sự sợ hòa bình” .

Kissinger và Thiệu giống như hai người, “ông nói gà bà nói vịt”. Như Kissinger đã viết trong hòi ký :Cuộc đối thoại giữa Sài Gòn và Hoa Thịnh Đốn diễn tiến như một vở bi kịch Hy-lạp, trong đó mỗi bên vì theo đuổi những nhu cầu riêng của mình, đã tạo ra những gì mà chính họ lại khiếp sợ nhất. Bởi lẽ, trong chủ yếu, cả hai bên đều đúng. Thiệu là một nhà ái quốc và một người rất thông minh. Ớng đã phục vụ xứ sở ông trong một cuộc chiến tàn khốc với khả năng và lòng tận tụy. Óng đà không đáng để phe phản chiến Mỹ chất chứa lên đàu những lời sỉ nhục như một lối thoát cho sự ăn ức của họ và như một cái cớ đề biện minh cho sự đầu hàng mà họ muốn chính phủ họ phải chắp nhận. Thế nhưng những đòi hỏi của ỏng, hàu như đã hoàn toàn đối lập với đòi hỏi của chúng ta.(l3).

Ông Thiệu cương quyết phản đối ý kiến của Kissinger là đề nghị chính phủ liên hiệp của Hà Nội phải được giải quyết qua một ủy ban Liên hiệp ba phe. Nếu như Kissinger coi đây là một cách che giấu vấn đề liên hiệp thì ông Thiệu lại coi nó là cách hợp thức hóa yêu sách của Cộng sản đòi cho Việt Cộng được tham dự vào chính quyền miền Nam trên căn bản bình đẳng.

Sau này, khi viết hồi ký, Kissinger lại giở giọng khoan dung đối với ông Thiệu. “Mục tiêu của ta là danh dự; ta có thể đánh liều cho hòa bình, như người ta thường nói. Nhưng vấn đề của ông Thiệu là sự sống còn ; ông và dân tộc ông sẽ bị bỏ rơi ở lại vô hạn định sau khi chúng ta rút đi ; ông không thể có cài xa xì là được quyền sai lầm”. .

Trong buổi gặp gỡ tại Sài Gòn, ông Thiệu chợt hỏi Kissinger về điểm khẳng định sự triệt thoái cả hai bên đã được ghi trong bức điệp văn mà ông gứi cho Hoa Kỳ ngày 13- 4-1972 : “Chúng tôi đã thông báo cho quí ông biết là chúng tôi không thể đòng ý thay đổi lập trường về việc triệt thoái cả hai bên Bắc Việt lẫn Hoa Kỳ.”

Ám chỉ lần họp ở Mạc-tư-khoa, Kissinger đáp: “Thưa Tổng Thống, tôi đã không có cách nào làm các nhà lãnh đạo Nga xô chấp nhận được lập trường của Ngải.”

Ông Thiệu khăng khăng: “Chúng tôi muốn sự rút lui song phương được tái khẳng định là lập trường của chúng ta.”

Kissinger đáp: “Chúng tôi sẽ cố, nhưng không biết họ có sẽ chấp nhận hay không.”

Sau này ông Thiệu nhớ lại rằng qua chuyến viếng thăm Sài Gòn của Kissinger ông mới biết dường như lập trường của Hoa Kỳ về vấn đề triệt thoái đã được đặt nhẹ bớt. Ông còn thấy được là Kissinger đã đổi chác với Hà Nội sau lưng mình. Ông cũng nhất định không nhượng bộ về chính phủ liên hiệp. Ông nói: “Điều mình muốn hòi đó không phải là thương thuyết theo kiểu ủy nhiệm (cho Kissinger), mà là có cơ hội thương thuyết thâng với Bắc Việt. Nếu không, mình sẵn sàng tiếp tục chiến tranh với sự giúp đỡ của Mỹ.”

Trong buổi họp, để làm cho ông Thiệu tin mình hơn, Kissinger còn nêu lên ý kiến là Việt Nam Cộng hòa cứu xét một kế hoạch đột kích miền Bắc đê Bắc Việt phải kéo quân ở trong Nam về. Tới đây thì ông Thiệu mới biết là Kissinger nói láo. Õng còn nhớ hòi dự định mở chiến dịch Lam Sơn năm 1971, ông đã đề nghị Quân lực Việt Nam Cộng hòa thả quân xuống Bắc Việtchung quanh căn cứ tiếp liệu ở Vinh, lối 160 cây số phía Bắc vùng phi quân sự, đê đánh lạc hướng địch, thì người Mỹ đã bác bỏ ý kién ấy.

Nhã giải thích: “Khi Kissinger đề cập đến vấn đề tấn công ra Bắc Việt, mình thấy giống như gạ cho con nít ăn kẹo. Mình đâu có thèm để ý, coi đó như chuyện khôi hài thôi.”

Cùng trong buổi họp ấy phía Việt Nam Cộng hòa cực lực phản đối đề nghị của Hoa Kỳ về một ủy ban Hòa giải Dân tộc. Kissinger nói: “Tôi sẽ sang nói với Lê Đức Thọ lần nữa ở Paris. Rằng đó là lập trường mà quí ông đã đồng ý.” . Kissinger rời Sài Gòn ngày 19 tháng 8, “tưởng rằng hai bên đã hợp ý”, vì phía Sài Gòn có vê như đã dễ dãi hơn.

\*

\* \*

Tại Miami, ngày 22 tháng 8, Đại hội đảng Cộng hòa đề cử Nixon vào nhiệm kỳ thứ hai, và lúc đó vấn đề chiến tranh Việt Nam đang là một đề tài sôi bỏng trong chiến dịch tranh cử. Còn bốn tuần nữa là đến ngày họp ở Paris, nhưng ông Thiệu chần chừ không muốn cho Bunker gặp mình. Ông cũng không trả lời giác thư của Kissinger trước khi Bunker bay qua Honolulu họp với Kissinger và Nixon ngày 31 tháng 8.

Tại Honolulu, theo Kissinger, Bunker quả quyết với Nixon rằng Hoa Kỳ đang đi đúng đường. Kissinger đã coi Bunker như “lương tri” của Hoa Kỳ, và trông cậy vào vị đại sứ này để biết xem phía Hoa Kỳ có đi xa quá hay không. Cũng theo Kissinger, ông có nói với Bunker: “Ta đã không hy sinh ngần ấy năm trời để bây giờ lại phản bội. Nếu ông thấy không hợp lý, thi ta sẽ thay đổi. Và ta sẽ trả bất cứ giá nào cần phải trả”. Bunker tái xác nhận quan điểm của mình, cho rằng chính sách Hoa Kỳ như vậy là đúng, và, Kissinger nói, quả đã là chính sách duy nhất có thể có được lúc ấy.

Việc ông Thiệu không chịu gặp Bunker làm Kissinger lo ngại, vì nếu ông cứ ì ra, các cuộc thương thuyết với Bắc Việt sẽ chậm lại. Kissinger bèn thảo một lá thư cho Nixon ký ở Honolulu và đưa Bunker mang về Sài Gòn. Lá thư được ký ngày 31 tháng 8, và tới tay ông Thiệu ngày 6 tháng 9, một ngày sau khi Bunker trở lại thủ đô Việt Nam Cộng hòa .

Trong thư Nixon không đả động gì tới việc ông Thiệu đã làm ngơ, mà chì nói:

"Tôi rắt lấy làm vui sướng khi nhận được phúc trình đày đủ và cập nhật của Đại sứ Bunker cho biết những quan điểm của Ngài về các cuộc hòa đàm hiện đang tiến hành...” Nixon thông báo cho Thiệu biết rằng Hoa Kỳ đã sửa đổi chút đình lập trường của mình, và Bunker “sẽ thảo luận với Ngài về ý kiến của chúng tôi trong chì tiết. Xin Ngài hãy coi ông ta như người phát ngôn của tôi. "Nixon viết tiếp :

Bước vào giai đoạn tế nhị hiện nay của thương thuyết, nhân danh bản thân tôi, tôi xin dứt khoát quả quyết với Ngài một làn nữa vè nền tảng của lập trường Hoa Kỳ : Hoa Kỳ đã không kiên trì từ bao lâu nay, với sự hy sinh của bao nhiêu mạng sống người Mỹ, để thay đổi lập trưởng vào mấy tháng chót của năm 1972. Lúc này đây, chúng tôi sẽ không làm điều gì mà ba nám rưỡi trước đây, chúng tôi đã từ chối không làm. Nhân dân Mỹ biết rằng Hoa Kỳ chẳng thể mua được hòa bình hay danh dự, hoặc chuộc lại được những hy sình của mình vái cái gùi phải trả là bỏ rơi một đờng minh dũng cảm. Điều này tôi không thê làm và sẽ không bao giờ làm.

Nhiệm vụ chủ yếu của chúng ta hiện giờ là cộng tác mật thiết với nhau, trên căn bản hoàn toàn cởi mở và tín nhiệm, như chúng ta đã cộng tác thật là đắc lực suốt mây năm nay. Mục tiêu của chúng ta là một mục tiêu chung và hỗ tương. Tôi đã chỉ thị cho Đại sứ Bunker duy trì một sự tiếp xúc chặt chẽ nhất với Ngài, để đảm bảo có được những cuộc tham khảo tỉ mỉ và kỹ lưỡng với Ngài ở mọi giai đoạn. Tôi tin rằng để nghị mới của chúng ta phản ảnh thật rõ ràng điều này : chủng ta đã cống hiến mọi nhượng bộ chính đáng cho một tiến trình chính trị công bình. Nếu phe bên kia bác bỏ những đề nghị ấy, thì điều này sẽ chứng tỏ, ngay đối với kẻ hoài nghi nhất, rằng trở ngại cho một cuộc hòa giải không phải là một nhà lãnh đạo (ám chì Thiệu) mà chính là vì họ cứ khăng khăng đòi cho được tại bàn hội nghị những gì mà họ chãng thể thắng được tại phòng bỏ phiếu cũng như nơi chiến trường. Nếu họ chấp nhận đè nghị của chúng ta, thì họ phải chấp nhận chỉnh phủ Ngài như 1 thànhphằn thương thuyết, và Ngài sẽ được hoàn toàn bảo vệ bằng cách hiện diện trọng mọi diễn đàn.

Sau hết, thưa Tổng Thống, tôi xin được một làn nữa bày tỏ với Ngài lòng ngưỡng mộ của nhân dãn Mỹ đối với sự dũng cảm. và thành tích của nhân dãn và quân lực Việt Nam Cộng Hòa trong cuộc bào vệ thắng lợi của họ chống lại cuộc xâm lăng của Bắc Việt, và đối với sự lãnh đạo xuất sắc của Ngài. Lòng can đảm và tinh thàn đoàn kết của nhân dân Ngài là bảo đảm tối hậu cho nền tự do của họ. Nhưng nếu ta muốn thành công trong chặng đường cuối cùng của cuộc hành trình lâu dài này, ta phải hoàn toàn tín nhiệm lẫn nhau. Chúng ta không nên trao cho kẻ thù, do mối bất hòa giữa chúng ta, những gì mà ta đã ngăn được do tình đoàn kết của đôi bên.

Với những lời chúc tụng tốt đẹp nhắt của riêng tôi.

Kính thư

(k.t.) Richard Nixon

Nỗ lực trấn an và cam kết đó của Nixon, trên nền tảng “sắt đá” của lập trường Hoa Kỳ, nào “nhân danh bản thân tôi”, nào “dứt khoát”, nào Hoa Kỳ sẽ không bao giờ làm ô danh bao nhiêu sinh mạng người Mỹ đã mất, nào Hoa Kỳ sẽ sẽ không bao giờ bỏ rơi một đòng minh dũng cảm V.V.... làm ông Thiệu rất cảm kích. Nixon lại còn lập lại cái lý thuyết “Mỹ đầu tư” nữa : Mỹ đã tiêu xài quá nhiều mạng sống rồi, không thể bỏ cuộc chạy trốn được nữa. Lập trương của Mỹ tại bàn hội nghị đã được bảo đảm bằng máu người Mỹ. Mặc dù ngờ vực Kissinger (chính là người đã thảo lá thư, mà ông Thiệu không hay), ông Thiệu vẫn tin rằng quan điểm của mình về cách đối phó với Cộng Sản đã được vị Tổng Thống Hoa Kỳ hậu thuẫn.

Sau khi đọc xong lá thư Nixon và thảo luận về đề nghị của Mỹ, ông đưa cho Bunker phần đề nghị của Sài Gòn đối với kế hoạch mà Kissinger đã trình bày trong cuộc thăm viếng ngày 17 tháng 8. Bunker đánh điện về Hoa Thịnh Đốn cho biết ông có cảm tưởng là ông Thiệu có thể sẽ đồng ý đi theo, và Kissinger ngợi khen Bunker về những két quả “đày phấn khởi”. Thực ra thì ông Thiệu đã chì nê tránh Bunker mà thôi. Ông vẫn không thay đổi quyết định không cho Cộng sản một chỗ đứng tại miền Nam qua việc thừa nhận Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc. ông cũng giữ vững lập trường là không có lực lượng thứ ba hợp pháp tại miền Nam, mà chl có một mặt trận chính trị đối lập do Hà Nội thiết lập và duy trì. Có nhiều thành phằn chống đối ông một cách hợp pháp, ông đồng ý, châng hạn như giới lý thuyết gia, văn nghệ sĩ, luật sư, bác sỹ, nhưng MTGP và tổ chức ké vị của Hà Nội. Thừa nhận các tổ chức này, có nghĩa là cho cs cái sức mạnh chính trị mà họ đã không đoạt được ở chién trường. Báo chí Hoa Kỳ chì trích ông Thiệu về việc những người thuộc “lực lượng thứ ba” không được đối xử tốt bởi lẽ ông tin rằng họ đã bị Cộng sản kết nạp. Thường có những liên lạc giữa MTGP và nhóm người thuộc “thành phần thứ ba” cũng như với một số viên chức cả trong quân đội lẫn chính phủ. Mối dây liên lạc gia đình chặt chẽ của người Việt vẫn còn mạnh. Nhiều gia đình đã thường xuyên tiếp xúc mật với thân nhân phía Cộng sản. Con gái ông Thiệu (Tuấn Anh) chẳng hạn, đã mời một người bạn đến dự lễ cưới mình, và người bạn này lại chính là con gái của Trương Như Tảng, nguyên bộ trưởng Tư pháp của chính phủ Cách mạng Lâm thời. Cả gia đình Tảng ở lại Sài Gòn lúc ông này vô bưng, và bà Thiệu đã nuôi con gái (tên Loan) của Tảng ăn học tại Hoa Kỳ.

Đặt vấn đề liên hiệp, có lần ông Thiệu đã phàn nàn với Hưng : Trước hết, Bắc Việt lo làm sao đuổi được hết Mỹ ra khỏi Việt Nam. Chúng muốn cho Mỹ cơ hội dàn xếp hòa bình, rồi để Mỹ rút về khỏi bị mất mặt. Sau đó, chúng muốn có một chính phủ liên hiệp để chắc ăn là Hoa Kỳsẽ không thể trở lại được Việt Nam nữa. Bắc Việt cách mình có mấy trăm cây số, còn Hoa Kỳ thì cách xa mười ngàn dặm.”

Ngày 13 tháng 9, ông Thiệu bác bỏ đề nghị của Mỹ về thành phần Uy ban Hòa giải Dân tộc, “châng phải vì cái đó làm lo ngại, mà vì ông ta chưa sẵn sàng ngưng chiến”, theo lời Kissinger trong tập hồi ký . Hồ sơ Dinh Độc Lập về sau cho thấy là Kissinger đã chì nói có nửa câu chuyện, ông ta đã quên, hay cố tình không nói đến sự kiện là đề nghị của Mỹ đã cho MTGP một địa vị ngang hàng với Sài Gòn, bằng cách dự liệu “ba thành phần của ủy ban Hòa giải Dân tộc sẽ có tỷ lệ ngang nhau.” Trong bản phản đê nghị ngày 9 tháng 9, ông Thiệu đã đòi ủy ban ấy gồm có “đại diện của mỗi lực lượng và khuynh hướng chính trị, tôn giáo tại miền Nam Việt Nam, kể cả MTGP.” Theo như Việt Nam Cộng hòa thì MTGP đã chì là một trong các lực lượng chính trị mà thôi chứ không phải là một lực lượng có ưu thế hơn, ngang hàng với chính phủ Sài Gòn.

Cảm nghĩ thật sự của Kissinger về ông Thiệu được bộc lộ trong tập hòi ký:

Láo xược là áo giáp của kẻ yếu ; nó là một phương cách đem lại can đảm khi phải đối diện với sự hoảng sợ của chính mình. Nhưng bây giờ tôi mới thấy rõ điêu này hơn là trước kia. Hoi tháng 9-1972, phái bộ Việt Nam — đồng minh của chủng ta — đã làm tôi uất ức bằng cái lối mà người Việt đã thường dùng để hành hạ đối thủ to con hơn. Sau một tháng trao đổi ỷ kiến, Thiệu đã cố thủ trên một điểm quá ngoại vi đối với thành quả cuối cùng, và chúng tôi chẳc không thể nào biện minh được với dãn chúng Mỹ, nếu như phá vỡ cuộc thương thuyết chỉ vì cái điểm ẩy. Giá như chúng tôi đã chấp nhận sự hướng dẫn của Thiệu, thì nên ngoại giao phối hợp sẽ không còn nữa; và chắc là chúng tôi đã rơi vào tĩnh trạng bi tố cáo là đã cho phép Thiệu được quyên phủ quyết tuyệt đối chỉnh sách của Hoa Kỳ.

Sau cùng, Kissinger đã được Nixon cho phép cứ tiến hành mà không cần có sự chấp thuận của Việt Nam Cộng hòa

Ngày 15 tháng 9, ba ngày trước thời hạn chót do Tổng Thống Thiệu ấn định, quân lực Việt Nam Cộng hòa dưới sự chì huy của tướng Trưởng đã chiếm lại được Quảng Trị, thị xã duy nhất mà Bắc Việt đã chiếm trong cuộc tấn công mùa Xuân. Cũng ngày đó, ở Paris, Kissinger gặp Thọ và như ông viết lại, ông “tin chắc rằng Lê Đức Thọ đang đi đến chỗ tách rời các vấn đê quân sự khỏi các vấn đề chính trị, như chúng tôi muốn. Hà Nội, sau ngần ấy đường đất, sớm muộn gì cũng sẽ đưa ra cài lập trường đuối nhất của họ.” . Nhưng thực ra, chính Hà Nội đê nghị một kế hoạch mới, mười điểm của riêng họ ; đê nghị của Mỹ không hề được thảo luận gì tới ! Bắc Việt lần này đòi thiết lập một “Chính phủ Hòa hợp và Hòa giải Dân tộc Lâm thời” gòm ba thành phần bằng nhau, được coi là “Chính phủ trung ương cho toàn miền Nam Việt Nam”. “Chính phủ” này sau được đổi tên là “Hội đòng” nhưng nhiệm vụ thi vẫn vậy !

Trong tập hòi ký, suy nghĩ lại, Kissinger thú nhận rằng giá như ông đã chấp nhận cách viết theo ông Thiệu về thành phần Hội đồng Hòa giải thi có lẽ khôn ngoan hơn, vì như vậy “có lẽ giảm bớt được sự nghi ngờ của Thiệu với quan điểm hai bên khác nhau như thế chắc sẽ có lúc không thể nào ngăn chặn được sự đổ vỡ cuối cùng. (Vả lại) trong cuộc thương thuyết, cách viết đó chẳng làm thay đổi được gi.” .

Một lần nữa, ông Thiệu lại thấy mình mắc kẹt trong cái bẫy bầu cử Mỹ. Vi tinh hình quân sự đã cải thiện, người Mỹ sẽ ép ông phải thương thuyết. Chiến lược của ông lúc ấy là đoạt được thắng lợi quân sự bằng cách chiếm lại lãnh thổ đã mất, rồi buộc Bắc Việt phải rút lui. Thế nhưng Mỹ lại ch’1 muốn đạt được một cuộc ngưng bắn rồi rút quân mà thôi. Năm 1968, ông Thiệu đã cù nhầy trong một thời gian vừa đủ lâu để hòa đàm Paris không khởi sự được trước dịp bầu cử ; lần này, ông sẽ lại cố tìm cách ngăn người Mỹ không cho nhượng bộ quân sự và chính trị. ông cho rằng Mỹ vẫn không hiểu được bản chất, mối đe dọa cũng như sự kết ước của Bắc Việt. Quan niệm vê thời gian của Hà Nội khác với Hoa Thịnh Đốn ; Cộng sản sẵn sàng chiến đấu bao lâu họ còn nhận được tiếp tế của Liên Xô và Trung Cộng. Cuộc đọ sức đưa trí chừng nào chưa có kết quả ngả ngũ trên chiến trường thì không thể nào giải quyết được bằng một hòa giải thương thuyết. Ông Thiệu còn có cảm tưởng Kissinger mong có được hòa bình hơn là Nixon. Ông cũng theo dõi kết quả những cuộc thăm dò dư luận Mỹ và thấy rằng dân Mỹ càng ngày càng ủng hộ cách xử lý cuộc chiến của Nixon, và Nixon đang dẫn đầu trong cuộc đua với McGovern vào Tòa Bạch Cung (tháng 11 năm 1972). Cho nên ông lập luận rằng đây không phải là lúc để Mỹ làm những nhượng bộ tai hại, nhất là giữa lúc Việt Nam Cộng hòa đang chiến đấu hữu hiệu trên chiến trường. Chính Nixon cũng có ý muốn đợi bàu cử xong mới kết thúc cuộc chiến bằng biện pháp cực mạnh. Thế nhưng Kissinger ỉại muốn dàn hòa trước ngày bằu cử (7-11-1972)

Ngày 16 tháng 9, Bunker xin đến gặp ông Thiệu đế phúc trình về phiên họp giữa Kissinger và Thọ ở Paris. Dịp này, ông Thiệu trao cho Bunker hồi âm lá thư ngày 31 tháng 8 của Nixon. Trong thư, ông Thiệu ngỏ lời tán thành mọi điểm tổng quát của Nixon, nhưng cảnh cáo là không nên nhượng bộ thêm nữa: “Không nên khuyến khích Cộng sản áp dụng cái phương pháp đã vừa xảo quyệt lại vừa ít tốn kém hơn, là chiếm cứ các nước khác bằng những cái gọi là giải pháp thương thuyết và chính trị. Vì vậy, nhượng bộ Cộng sản một cách không hợp lý sẽ chì khuyến khích họ ngoan cố hơn và tiếp tục theo đuổi ý đồ xâm lăng mà thôi.” Ngày hôm sau, ông còn nhắc lại cho Bunker là: hoặc   
Bắc Việtđang cố đi tới một thỏa ướctrên nguyên tắc trước ngày bầu cử, hoặc họ chưa biết chắc chiến lượccủa Mỹ ra sao. Rồi trong một bài diễn văn tại Huế, ông tuyên bố: “Không ai có quyền thương thuyết giùm, hay chấp nhận bất cứ một giải pháp nào” ngoại trừ nhân dân miền Nam Việt Nam. Kissinger một lần nữa lại tìm cách khuyến dụ ông tham dự hòa đàm. Ngày 23 tháng 9, dường như lo Thiệu tiết lộ những phẫn nộ của ông trước ngày tuyển cử, Kissinger gửi cho Bunker một bức điện văn dài:

Cũng Cần để Thiệu hiểu rằng trong cái giai đoạn rất nhạy cảm trước mắt, thái độ mà người ta thấy rõ được của ông ta vè thương thuyết có thể có một ảnh hưởng lớn đến chiến lược của Hà Nội. Nếu như Thiệu thật tình lo ngại ta dàn xếp vội vã, thì ông ta cũng nên hiểu rằng sự biêu lộ những khác biệt giữa Hoa Thịnh Đốn và Sài Gòn (lúc này) có thể tạo ra hậu quả thực tế là đẩy Hà Nội đến chỗ thỏa thuận nhanh chóng trong mật đàm, nhằm khai thác cải mà họ cho là rạn nứt giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa, và do đó (có thể xẩy ra) những xáo trộn chính trị tại Sài Gòn ... Cho nên điêu thiết yếu là Thiệu phải sát cánh với ta đễ hai bên có thễ chứng tỏ với Hà Nội là mình đoàn kết.

Nhắc tới “xáo trộn chính trị tại Sài Gòn” cũng là một cách nhẳn khéo với Thiệu là đừng có quá trớn. Ngày 26 và 27 tháng 9, Kissinger gặp Thọ trong một buổi họp quan trọng tại căn nhà trước kia của họa sĩ lập thể người Pháp, Fernand Léger, số 108 Đại lộ Leclerc nằm trong vùng ngoại ô Gif-sur-Yvette, cách Paris chừng 24 cây số về phía tây-nam. Căn nhà vùng quê quét vôi màu trắng, cửa chớp màu lục, và mái ngói màu da cam này đã được Đảng Cộng Sản Pháp cho Leger dùng làm tư gia, rồi sau này cho Bắc Việtxử dụng. Câc cuộc thương thảo đã diễn ra quanh chiếc bàn phủ dạ màu lục đặt giữa phòng khách, có treo đầy tranh sặc sỡ của Leger. Không khí thảo luận trở nên cởi mở hơn, và Bắc Việt đã nhượng bộ đôi chút về một cuộc ngưng bắn trên toàn cõi Đông Dương. Phẩm chất các món àn trưa, lúc nghi họp, cũng đã được cải thiện hơn. Cộng sản đãi khách nào caviar, nào tôm, nào bánh phòng tôm, nào chả giò, với rượu ngọt và rượu vang trắng.

Kissinger vô cùng phấn khởi khi ông trở về Hoa Thịnh Đốn tường trình với Nixon. Trong số những đề nghị của Cộng sản cằn được xét đến là sẽ không có bầu cử Tổng Thống miền Nam Việt Nam, mà chì có các cuộc bầu cử một Hội đồng Lập hiến. Kissinger khuyến nghị Nixon nên chấp thuận đề nghị ấy, vì như thế (không có bầu cử tổng thống) ông Thiệu khỏi cần từ chức ! Ông còn đưa ra ý kiến “chúng ta có thể yêu cầu ủy ban Hòa giải Dân tộc duyệt lại hiến pháp một năm sau khi có hiệp định hòa bình, cho đúng với các điều khoản ghi trong hiệp định, “Tôi cho đây là đường hướng hành động an toàn nhất vì Sài Gòn lúc đó sẽ có quyền phủ quyết tuyệt đối trong ủy ban ấy.” .

Kissinger một là bịp bợm, hai là không ý thức được sự kiện này : đề nghị của Thọ chì là một mánh lới khéo léo che đậy nhằm phá hủy cơ cấu căn bản của nền dân chủ của Việt Nam Cộng hòa — đó là hiến pháp và bầu cứ tổng thống. Ché độ Cộng sản không hề có bầu cử tổng thống, và bầu cử của họ ở cấp Hội đồng Lập hiến mà thôi. Cơ quan này bổ nhiệm chính phủ. Như vậy thể chế dân chủ miền Nam trong đó Tổng Thống và Phó Tổng Thống được dân chúng bầu lên sẽ bị mặc nhiên loại bỏ.

Khi biết được diễn biến này, ông Thiệu lo ngại Kissinger có thể đưa ra nhượng bộ tương tự, bèn gửi cho Bunker một bức giác thư, ngày 26 tháng 9, ghi rõ các phản đối của chính phủ Sài Gòn. Nếu Kissinger vẫn cứ khăng khăng đi xa hơn lập trường của Nixon đã được hai bên đồng ý, thì “chúng tôi sẽ buộc phải minh xác, trước công luận và công khai biện hộ quan điểm của chúng tôi về các vấn đề này’. .

Buổi họp tiếp theo giữa Kissinger và Bắc Việt được dự trù vào ngày 8 tháng 10, và Đại tướng Haig được phái sang Sài Gòn để thảo luận về những việc bất ngờ có thể xẩy ra trong cuộc họp ấy. Ngày 2 tháng 10 ông Thiệu tiếp Haig trong hai giờ liền, và tỏ ra rất nhã nhặn. Ngày hôm sau, ông hủy bỏ phiên họp tiếp theo. Thế rồi, ngày 4 tháng 10, trong một phiên họp bất ngờ và khác thường, ông mời Haig tới đối chất với toàn thể Hội đồng An ninh Quốc gia của mình và gay gắt tấn công hầu như tất cả mọi khía cạnh của đề nghị Mỹ ; có lúc ông đã ứa nước mắt vì uất ức. Ông Thiệu x’1 vả Kissinger, người mà ông cho là đã “không thèm” đém xía “gì đén quan điểm của Sài Gòn khi thương thuyết với Hà Nội”. Sau đó, Haig mô tả hình thức quốc nội mà Nixon đang phải đối phó. Haig giải thích: Nếu Cộng sản đưa ra một đ'ê nghị hợp lý, phải chăng, mà Nixon lại bác bỏ, thì Cộng sản sẽ có thể đổ lỗi cho ông Thiệu là cản trở hòa bình.

Trước khi Haig ra về, ông Thiệu trao cho ông một bức giác thư, tóm lược lập trường của Việt Nam Cộng hòa để Kissinger tham khảo cho buổi họp vô cùng quan trọng sắp tới với Thọ tại Paris. Ông Thiệu thúc giục Hoa Kỳ nên “tránh đừng để cho phe bên kia có cảm tưởng là chúng ta cần phải đạt tới một sự thỏa thuận nào đó trong một thời hạn nào đó”. (Ngụ ý phải có hiệp ước trước tuyển cử Mỹ) và đòi được thông báo khi chính phủ Hoa Kỳ “đã tìm được một quan niệm nào mới về cuộc hòa giải ...”

Trong hòi ký, Nixon viết: “Tôi đã thông cảm với lập trường của Thiệu.” Khoảng 120,000 quân Bắc Việt đã vượt qua vùng phi quân sự xuống miền Nam trong cuộc tấn công hòi lễ Phục Sinh, 31 tháng 3 và sau đó, vẫn còn ở lại miền Nam.

Nixon còn viết rằng:

Ỏng Thiệu tắt nhiên đã phải nghi ngờ bất cứ kế hoạch nào nhằm rút quân Mỹ mà không đòi hỏi một sự rút quân tương ứng từ phía Bắc Việt... Tôi gửi cho ông Thiệu một thông điệp riêng: "Tôi xin cam đoan chắn chắn với Ngài rằng sẽ không bao giờ có một hiệp định nào mà những điều khoản của nó lại sẽ không được thảo luận riêng với Ngài trước đỏ một thời gian lâu. ”

Tuy nhiên, vì biết cái khuynh hướng hành động bướng bỉnh của ông ta, tôi đã nhắc nhđ ông ta về những hiểm họa vốn nằm sẵn trong việc khuấy động tĩnh hĩnh quốc nội của ông ta cũng như của chúng ta.

Nhật ký của Nixon như ta vừa thấy, chì nói lờ mờ đổn “hiểm họa vốn nằm sẵn trong việc khuấy động tình hình quốc nội” tại Việt Nam cũng như tại Hoa Kỳ, thế nhưng trong lá thư riêng gửi cho Thiệu, Nixon đã minh thị rõ ràng hơn. ông công khai đe dọa là có thỂ có đảo chánh hay t.ê hơn nếu không chịu chấp nhận những điều khoản mà Kissinger đã đưa ra. Ngày 6 tháng 10, Bunker trao tay cho ông Thiệu thông điệp riêng của Nixon Trong thư, Nixon một lần nữa lại vừa đe dọa vừa hứa hẹn, vừa cố trấn an Thiệu, lại vừa cảnh cáo rằng ông ta sẽ có thể bị lật đổ nếu không cộng tác: Nixon nhắc đến vụ đảo chính Ngô Đình Diệm năm 1963, và nhắc Ểtén ý định của chính Johnson năm 1968 muốn lật đổ Thiệu (vì đã không chịu cộng tác). Bức mật điện như sau:

Ngày 6 tháng 10, 1977

- Tôi đã thảo luận với Đại tướng Haig vè kết quả các buổi họp giữa ông ta với Ngài và các cộng sự viên của Ngài tại Sài Gòn. Hiền nhiên là giữa chủng ta hiện có một sổ bất đồng ý kiến nghiêm trọng, nhưng càn phải hiểu rõ là những bất đổng ý kiến này chỉ có tính cách chiến thuật chứ không có tính cách một khác biệt căn bản vè các mục tiêu mà cả hai nước chúng ta đêu theo đuổi — (nghĩa là) bảo tờn một cơ cấu không Cộng sản tại mièn Nam Việt Nam, cơ cẩu mà chủng ta đã cùng nhau kiên trì xây dựng, (cơ cấu mà) sụ lãnh đạo quả cảm của Ngài đã bảo tàn được bắt chắp những thử thách hết sức khó khăn. Vì thế, tôi xin cam đoan chắc chắn với Ngài rằng sẽ không bao giờ có một hiệp định nào mà những điều khoản của nó lại sẽ không được thảo luận riêng với Ngài trước đó một thời gian lâu. Điều này đặc biệt áp dụng cho các phiên họp sắp tới tại Paris. Trong các phiên họp này, Tiến sỹ Kissinger sẽ thăm dò xem phe bên kia muốn đưa ra những an ninh cụ thể nào làm căn bản cho những cuộc thảo luận tiếp theo vè chính trị, sẽ được tiến hành sau khi tham khảo ý kiến Ngài. Liên quan đến vấn đè này, tôi xin Ngài cố áp dụng mọi biện pháp để tránh sinh ra sau này một không khí có thể đưa tới những biến cố tưcrng tự như biến cổ mà chúng tôi đã ghê tờm năm 1963 và chính bản thân tôi cũng đã kịch Hệt phản đối năm 1968. Cũng vì lý do ấy, tôi hy vọng rằng Ngài sẽ không áp dụng các biện pháp phòng ngừa chống lại những gì sẽ phát sinh từ các cuộc đàm phàn đó. Tôi xin cam đoan với Ngài rằng chúng sẽ không bao giờ xẩy ra mà không có sự tham khảo đằy đủ, kịp thời, và hoàn toàn, giữa chủng ta.

Tuy nhiên, đờng thời ờ một thời điểm nào đó trong diễn trình (thươmg thuyết), vì muốn tuyên truyèn hay vì một lý do nào khác, rất có thể kẻ thù sẽ công bố chi tiết những cuộc mật đàm. Chiến thuật Hoa Kỳ cho đến giờ này đã được thiết kế đê đối phó với việc bấy giờ ấy. Đại tướng Haig báo tôi biết rằng Ngài sẽ viết cho tôi trong tương lai gàn đây. Tôi mong được tiếp nhận thông đạt đó và hy vọng Ngài sẽ có cơ hội cứu xét những điều nói trên dãy trước khi hoàn tắt lá thư.

Tổng thống Richard M. Nixon

Bức thông điệp trên đây đã làm ông Thiệu vô cùng e ngại. Tại sao bỗng nhiên Nixon lại nói tới “những cuộc thỏa thuận tiếp theo về chính trị ?” như vậy, chắc là Hoa Kỳ sắp chấp nhận liên hiệp với Cộng Sản. Tại sao Nixon lại dọa dẫm đảo chính ông bằng cách nhắc tới biến cố 1963 ? Và rồi 1968 ? Thiệu hiểu ngay là nghị trình của hai bên đang sắp va chạm nhau, và phía Mỹ đang vội vã chạy xô tới mục tiêu của họ : 1 hiệp định hòa bình trước bầu cử. Và chắc rồi cũng chẳng có “tham khảo” một cách thực sự với Việt Nam Cộng hòa như Nixon hứa . Đặc biệt là Thiệu bắt đầu lo cho chính ông vì Nixon đã nói thẳng thừng đến “biến cố mà chúng tôi đã ghê tởm nàm 1963”.

\*

★ ★

Ấm sát là cơn ác mộng vẫn chập chờn trong đàu óc Nguyễn Văn Thiệu kể từ khi có cuộc đảo chính chống Ngô Đình Diêm hồi đầu tháng 11 năm 1963. Dạo đó, ông đang là Tư lệnh Sư đoàn 5 BB đóng tại Biên Hoà (cách Sài Gòn chừng 24 cây số). Ông được Đại tướng Dương Văn Minh kêu về Sài Gòn và yêu cầu tham gia đảo chánh : Tướng Minh, Tham Mưu trưởng Lục quân, vừa được bổ vào chức vị vô quyền hành là Cố vấn đặc biệt. Trước đó, ông Thiệu cũng đã được Đỗ Mậu (phụ trách an ninh quân đội cho ông Diêm) mời tham dự nhóm đảo chánh, nhưng ông đã từ chối. Vói ông Minh lại khác, ông Thiệu đã là phụ tá cho ông này trước khi chì huy Sư đoàn 5, và hai người cũng đã gần gũi nhau. Thiệu kể lại là ông nói với Minh rằng ông thấy đảo chính không có lợi gi trừ khi thỏa mãn được một số điều kiện, như là “nhu cầu tăng quân viện và kinh viện của Hoa Kỳ để đánh cộng sản.” Thứ hai, ông Thiệu đòi phải tiếp tục chiến đấu cs, không được lập chính phủ liên hiệp hay trung lập. Thứ ba, ông đòi thiết lập một chính phủ quân nhân để điều khiển việc nước. Thứ tư, ông yêu cầu không được giết anh em Diệm, Nhu. “Minh và các tướng lãnh khác đòng ý với hai điểm đầu, nhưng không chấp nhận việc thành lập một chính phủ quân nhân, và mập mờ về yêu cầu đừng giết ông Diệm.”

Ông Diệm lúc đó đã vô cùng muốn thoát khỏi sự kiềm tỏa của Mỹ và liều lĩnh đến độ ông tìm cách điều đình riêng với Bắc Việt. Ý tưởng điều đình trực tiếp giữa Bắc và Nam Việt sau rốt đã trở thành cái điểm mà cả Hoa Thịnh Đốn lẫn Hà Nội đều chống đối, nhưng nàm 1963, Hà Nội đã sẵn sàng cứu xét. Để thăm dò cơ hội, Diệm và Nhu mời Mieczlaw Maneil (Trưởng phái bộ Balan trong ủy hội Kiểm soát Quốc tế) đến gặp và yêu cầu ông ta thử tiếp xúc với Hà Nội qua đại sứ Pháp, Roger Lalouette.

Bắc Việtbằng lòng gặp Ngô Đình Nhu. Cuộc gặp gỡ xẩy ra trong lúc Nhu bề ngoài giả bộ đang đi săn tại vùng cao nguyên. Tháp tùng Nhu chì có Cao Xuân Vỹ, phụ tá đáng tin cậy nhất, hồi đó đứng đầu đoàn Thanh niên Cộng hòa. Hai người lấy xe jeep giả bộ đi lùng theo vết chân nai và lợn rừng, nhưng thực ra lại về vùng duyên hải gặp đại diện Bắc Việt tại Khánh Hoà. Nhu đề nghị Bắc Nam tái lập liên lạc bưu điện và quan hệ kinh tế như một bước đầu dần dần đưa đến thống nhất hòa bình. Ôngcũngđề nghị mở lại đường xe lửa Hà Nội — Sài Gòn. Nhu tình nguyện đưa vợ con lên chuyến xe lửa đầu tiên ra Hà Nội để làm chứng cho thiện chí của hai anh em ông. Chì cấp tướng lãnh Sài Gòn mới được biết về những tiếp xúc sơ bộ này, và sau đó, ông Nhu lại còn khoe khoang về “thành tích” ấy nữa. Tướng Trần Văn Đôn nhớ lại một bữa cơm tối, ông Nhu uống thật nhiều rượu, và khi say đã ba hoa : “Bắc Việtchl điều đình với một người tại miền Nam mà thôi. Người đó là tôi.”

Có điều lạ là chính Nhu lại cho người Mỹ biết ông đã tiếp xúc với Hà Nội mùa thu năm 1963, lúc mà quan hệ giữa Việt Nam Cộng hòa và Hoa Kỳ sút giảm. Nhu mời Trung tá CIA Lucien Conein đén dinh gặp ông, và trong buổi nói chuyện, “với những tuần trà và độc thoại tràng giang”, Nhu nói rằng “đang đổi chác với Bắc Việt”. Conein bị Nhu thu hút; ông mô tả Nhu là “tên bướng bình thông minh. Tôi nghi là cha này muốn dọa dẫm chúng tôi. Chả muốn Hoa Kỳ tin rằng, chả có thể điều đình với Bắc Việt, và chả có một đường đi khác, khỏi cần đến chúng tôi.”

Khi Nhu tiết lộ ngầm cho báo chí Mỹ biết ông đã nói chuyện với miền Bắc, thì tác dụng đã đúng như ý ông mong muốn. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ vô cùng tức giận. Nhu đã đi quá trớn, đã với quá tàm tay mình. Mỹ bèn quyết định là ông này phải bước xuống, và yêu cầu ông Diệm phải cách chức hoặc cất bớt quyền hạn của người em mình. Ngày 24-8-1963, Hoa Thịnh Đốn đánh điện cho Đại sứ Henry CabotLodgeở Sài Gòn, chỉ thị rằng nếu ông Diệm không chịu cách chức Nhu, “chúng tôi sẵn sàng chấp nhậncái hàm ý hiển nhiên làm chúng tôi không còn ủng hộ ông Diệm nữa. Ông (Đại sứ) cũng có thể cho các cấp chì huy quân sự liên hệ biết rằng chúng tôi sẽ trực tiếp ủng hộ họ trong bất cứ thời kỳ chuyển tiếp nào mà cơ cấu chính quyền trung ương sụp đổ.”

Khi liên hệ với Hoa Kỳ suy sụp, hai anh em Diệm-Nhu còn làm nhiều nỗ lực khác để thỏa hiệp với Bắc Việt. Họ hy vọng đạt được một thoả ước dứt khoát với Hà Nội vào cuối năm 1963. Trần Văn Đĩnh cho hay: Lúc ấy ông đang phục vụ tại Tòa Đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Hoa Thịnh Đốn, được triệu về Sài Gòn đê gặp ông Diệm và nhu. Hồi còn là tổng lãnh sự tại Rangoom (từ 1958 đến 1961), ĐĨnh đã liên lạc với đại diện Bắc Việt ở Miến Điện. Ông đã được Bắc Việt biết tới từ hồi còn ồ trong mặt trận-Việt Minh tại Trung Việt và Lào. Đỉnh nhớ lại là ông Diệm đã vô cùng căm giận người Mỹ, ra chỉ thị cho Đĩnh điều đình ngưng bắn với Hà Nội, thỏa thuận cho quân đội Hoa Kỳ triệt thoái, và chấp nhận đại diện Mặt trận Giải phóng Dân tộc trong chính phủ miền Nam, và rồi bầu cứ — có thể trong vòng một năm — với sự tham gia của Mặt trận Giải phóng. ĐĨnh dự trù gặp đại diện Bắc Việt tại Tân-Đề- Li vào đầu tháng 11, 1963, nhưng sứ mạng của ông đã chết từ trong trứng vì vụ đảo chánh cuối nàm ấy.

Trước khi xẩy ra cuộc đảo chánh, ông Thiệu còn nhớ là “Mỹ đã tạo điều kiện cho quân đội ta nổi loạn. Nhiên liệu đạn dược, thuốc men, cái gì cũng thiếu. Minh nghĩ rằng Mỹ chống ông Diệm, nhưng họ vẫn ủng hộ quân đội và một chính phủ dân sự mới, một khi ông Diệm đã bị lật đổ. Viện trợ Mỹ đã luôn luôn là một thanh gươm Damocles kề trên cổ mình. Cứ hễ khi nào Mỹ muốn gi, là họ làm áp lực với mình bằng cách, hoặc dọa rút quân viện hoặc hứa cho thêm quân viện.”

Ông Thiệu kể lại rằng lúc đảo chính gần tới, Đại tướng Minh lo ngại ôrig Diệm biết được âm mưu nên đề nghị cho ám sát bằng cách bắn trộm lúc ông ta đang ngồi trên xe hơi ra phi trường Tân Sơn Nhất. Khi đối chất với tướng Minh, ông Thiệu phản đối kế hoạch đó. “Ám sát thì đâu có phải là coup d’etat. Đâu có phải việc của quân đội là đi ám sát. Làm gì rồi mình cũng sẽ phải giải thích với dân chúng. Mình là người hào hiệp, đâu có phải là phường ám sát, hay giết người.”

Một ngày trước đảo chính, phe tướng lãnh vẫn còn băn khoăn do dự. Tướng Trần Thiện Khiêm, Tham mưu trưởng Liên quân, tới bộ chì huy của Tướng Tôn Thất Đính, Tư lệnh Quân khu III và vùng Sài Gòn, là người được anh em Diệm-Nhu tín cẩn. cố thuyết phục Đính bỏ kế hoạch đảo chính, Khiêm vừa nói vừa rơm rớm nước mắt: “Mình nên tới gặp Tổng Thống, xin cụ tha thứ và cố bảo vệ cho cụ !” Đính đáp: “Trễ rồi, chính anh đã kỷ lệnh chuyển quân rồi mà.”

Buổi chiều ngày hôm đó, Tướng Dương Văn Minh và Đại tướng Paul Harkins, Tư lệnh Bộ chì huy Viện trợ Quân sự Hoa Kỳ tại Việt Nam, đến gặp Đính, cả hai đều khuyên Đính nên bỏ. Harkins, lúc đó hành động theo sáng kiến riêng, đã phản đối cuộc đảo chánh trong các buổi họp ở tòa Đại sứ Mỹ, và cũng đã đánh điện về Hoa Thịnh Đốn cho biết như vậy.

Đính bảo Minh : “Các Tướng đã thảo kế hoạch còn tôi chì có thi hành. Rút lại bây giờ trễ rồi.” Tới đây, Minh bèn nói: “Được rồi, được rồi thì ta cứ tiến hành.” Dường như cảm thấy sự nguy hiểm, chính hai anh em Diệm-Nhu cũng đã chuẩn bị kế hoạch riêng để dàn cảnh một vụ đảo chánh giả, có mật hiệu là “Bravo 1”. Đính được Diệm-Nhu giao cho vai trò khởi xướng đảo chành giả để rồi bắt gọn các tướng lãnh nào ló mặt ra. nhưng sau Đính đã phản bội Diệm-Nhu. Tương kế tựu kế, Đính cho di chuyển các lực lượng thân ông Diệm ra ngoài   
Sài Gòn, và cho các tướng tá âm mưu đảo chánh thật vào phố. Sư đoàn 5 của ông Thiệu bề ngoài được lênh đi hành quân chống Việt Cộng ồ vùng Hô Bò giữa Tây Ninh và Thủ-dầu-một, cách Sài Gòn 25 cây số. Nhưng khi lực lượng của ông Thiệu tới Thủ-dầu-một, họ bèn đổi hướng tiến về Sài Gòn.

Đêm đảo chánh, ông Thiệu được giao trách nhiệm chiếm Phủ Tổng Thống. Vì muốn ngăn cản chòng, vợ ông đã bỏ thuốc ngủ vào cà-phê ông, nhưng rồi óng vẫn thức dậy được như thường, và mặc dù còn ngái ngủ, ông đã tới tấn công Dinh Gia Long , tuy hơi trễ . Hai anh em Diệm-Nhu lúc đó đã chạy trốn vào Chợ Lớn, ẩn náu tại nhà Mã Tuyên, một thương gia Tầu, ở đường Đốc Phủ Thoại. Vì được chuẩn bị từ trước, ngôi biệt thự này đã được trang bị một hệ thống liên lạc khẩn cấp, có đường dây điện thoại nối với Phủ Tổng Thống, nên khi các tướng lãnh nói chuyên, với Diêm đêm đó, họ đã không hề biết là ông ta không cổ mặt trong Dinh. Quân phòng vệ trong Dinh không biết hai anh em ông đã đi khỏi, vẫn tiếp tục cầm cự suốt đêm.

Quá nửa khuya về sáng, ngày mùng 1 tháng 11, ông Thiệu hạ lệnh tấn công Dinh Gia Long. Một sĩ quan tùy viên của ông Diệm, có nhiệm vụ bảo vệ Dinh, điên thoại với Tướng Khiêm cho biết hai ông Diêm và Nhu đã trốn, và yêu cằu ngưng tấn công. Khiêm ra lệnh bắt đầu hàng, nhưng sĩ quan và quân phòng vệ còn chần chừ vì đã được lệnh không được đầu hàng. Quân ông Thiệu chiếm được Dinh lúc tảng sáng . Thấy hai anh em Diệm-Nhu đã bỏ trốn, quân lính bèn tranh nhau cướp đồ cổ, lấy rượu Whisky của Nhu uống, và chia nhau quần ào của bà Nhu. Trước cảnh tượng hỗn loạn phi phảp đó, ông Thiệu lấy gậy chì huy phang túi bụi vào đám lính để lấy lại trật tự. Tám giờ rưỡi sáng, mùng 1, ông Thiệu trở VẾ Bộ Tổng tham mưu, nơi điều khiển cuộc đảo chính.

Sau một đêm ngủ tại nhà Mã Tuyên, Diệm và Nhu thức dậy lúc 5 giờ sáng và cùng nhau cầu nguyện. Hai anh em ăn sáng giản dị : bánh bao nhân xá xíu, “tìm xắm”, và cà-phê. Rồi ông Diệm thay bộ áo linh mục Cơ-đổc, mà ông đã giả trang lúc chạy vào Chợ-Lớn, sang một bộ đồ tây phục. Vào lúc 6 giờ 45 sáng, ông gọi dây nói cho tướng Khiêm ở Tổng thống M, cho biết nơi ông đang ẩn náu và yêu cầu cho xe chở ông tới Tổng thống M íté thảo luận về vấn đề bàn giao quyền hành cho các tướng lãnh. Ông Khiêm muốn đích thân tới đón ông Diệm, nhưng Tướng Minh can, nói rằng ông đã ra lệnh cho Tướng Xuân, Thiếu tá Nghĩa, và đại úy Nhung đi đón rồi. Mã Tuyên cho tài xé lái một xe hơi nhỏ chở hai anh em Diệm-Nhu tới nhà thờ cha Tam ở Chợ- lớn, nơi đây, hai anh em đồng ý sẽ đàu hàng các tướng lãnh đảo chính và chờ được hộ tống VẾ Tổng thống M.

Vừa về tới Tổng thống M, ông Thiệu trông thấy chiếc xe thiết giáp M-113 chở Diệm-Nhu từ Chợ-lớn tới đang nằm trong sân. Ông bảo người tài xế mớ cửa hậu. Trên sàn sắt lênh láng máu là hai ông Diệm và Nhu, trèn người đầy vét thương của đạn bắn và vết dao đâm. Ông Thiêu bàng hoàng cả người và buòn nôn vì ghê tởm. Ông giở nón ra và cúi đầu trước hai thi thể . Sau này ông   
nói: “Giá như tôi tìm được hai ông đ Dinh, thì tôi đã có thê công khai mời họ VẾ Tổng thống M trên xe Jeep trần. Sẽ không một ai dám giết công khai cả.”

Hình ảnh xác chết hai anh em Diệm-Nhu nằm co quắp giữa vũng máu trên sàn xe thiết giáp M-l 13 đã ámảnh ông Thiệu từ đó. Và cũng từ lúc đó, ông đã luôn luôn sợ bị ám sảt, nhất là ám sàt do Mỹ xúi giục hoặc được Mỹ tàn thành. Cuộc lật đổ, rồi sát hại Diệm-Nhu là bằng chứng cho ông Thiệu tin rằng nếu người Mỹ không hài lòng với một nhà lãnh đạo Việt Nam nào, họ sẽ không ngần ngại loại bỏ người đó đi bằng bạo lực. Mặc dù đã có sự bất đòng ý kiến giữa các tướng lãnh về việc nên hay không nên giết Diệm-Nhu, chẵng một ai có kế hoạch nhất định nào đê đưa hai người ra khỏi nước an toàn. Theo Lucien Conien, thì họ chì dự trù đưa hai người đến một lều đi săn của chính phủ ở Pleiku cho đến khi nào có máy bay đưa họ ra khỏi Việt Nam . Trong buổi gặp mặt lần chót lúc 4 giờ 30 chiều ngày 1 tháng 11 năm 1963, Đại sứ Lodge nói với ông Diệm rằng ông lo cho sự an toàn tính mạng của ông ta, rằng ông có nhận được một bản phúc trình nói là “những người đang đảm trách hoạt động hiện giờ sẵn sàng đưa dẫn Ngài và em Ngài an toàn ra khỏi nước nếu Ngài từ chức. Ngài có nghe tin này chưa?”

Ông Diêm đáp: “Chưa, ông có số điện thoại của tôi đó.”

Lodge nói: “Vâng, có. Nếu tôi có thể làm được gì cho sự an toàn của Ngài, xin Ngài cứ gọi tôi.”

Vì tài dàn xếp của ông Nhu và khả năng của ông Diệm tránh thoát được các vụ đảo chính trước mà các tướng lãnh đã sợ rằng, trừ khi đã thanh toán được cả hai, họ sẽ không có cách nào thành công. Mùa hè 1961, khi có nhiều tin đòn về đảo chánh chống ông Diệm các nguồn tin Việt Nam của Schecter ở Sài Gòn đã cho biết rằng phe đảo chính nghĩ là thành công duy nhất chống Diệm là giết được ông này đi, nếu không ông Diệm sẽ dùng mọi cách đễ trở lại chính quyền. Lần này, đơn vị thiện chiến Phòng vệ Dinh đã chuẩn bị phản kích phe tướng tá lãnh đạo đảo chính ở Bộ Tổng thống M, nhưng buổi xé trưa ngày 1 tháng 11 (1963) vì tự tin, ông Diệm nghĩ vẫn có thể điều đình với các tướng lãnh nên đã không cho tấn công. Ông nói với viên chỉ huy phó lực lượng phòng vệ : “Nếu các em đánh, quân đội cả hai bên sẽ chết. Thà là giết Cộng sản. Nếu ta chiến đấu, thì chiến đấu chống Cộng Sản. Dành đạn mà giết Cộng Sản. Tòi sẽ cho coi mấy ông Tướng đó muốn chi. Rồi thì chính phủ sẽ cải tổ theo ỷ họ.”

Lằn đảo chính này cấp tướng tá đã quyết định là không còn thỏa hiệp với ông Diệm nữa, vả lại họ được Mỹ tán thành. Ai cho lệnh giết ông Diệm đến nay vẫn còn là đề tài bàn cãi, nhưng tưởng Đôn, người âm mưu then chốt chống Diệm, quả quyết đó là tướng Minh. Khi nghe tin hai anh em ông Diệm bị giết, Đôn vội chạy tới văn phòng Khiêm, nơi đó cọ cả tướng Minh đang họp. Đôn hỏi tại sao hai ông chết ? Bằng “một giọng kiêu ngạo, hách dịch” Minh đáp: “Mà chết thì có sao?” Ngay lúc đó thì tướng Xuân — chì huy trưởng Trung tâm Huấn luyện Quang Trung, có nhiệm vụ hộ tống hai anh em Diệm, Nhu về Tổng thống M — mở cứa xông vào phòng. Không biết có ông Đôn đứng một bên, Xuân quay phía Minh chào kiểu nhà binh và trình ông bằng tiếng Pháp: “Mission accomplie” (“nhiệm vụ đã hoàn tất”)

Sau cuộc đảo chính, Tướng Đôn đã là người thăng cấp cho ông Thiệu lên hàng tướng. Một sĩ quan đẹp trai, học ở Pháp, Đôn nổi tiếng về tài quân sự và tài chiều chuộng phái nữ ; các phụ nữ mê ông thường gọi ông là “Tướng gallant”. Có một thời, ông đã là người nhiều mưu trí, phe nào cũng có liên lạc. ông Thiệu đã tôn trọng ý kiến cũng như tài biện hộ của Đôn cho trường hợp Việt Nam Cộng hòa với giới lãnh đạc Mỹ và Pháp.

Cuộc đảo chánh năm 1963 đã được ông Thiệu coi là một bài học cho ông về những gì có thể xẩy tới cho hàng ngũ sĩ quan Việt Nam khi họ tuân lệnh và làm hài lòng người Mỹ. Cuộc đảo chánh còn là một yếu tố làm ông đặt nặng lòng trung thành trong hàng ngũ sĩ quan của chính ông. Giới chỉ trích Thiệu ở Sài Gòn cho rằng chính vì lòng trung thành của Cao Văn Viên đối với ông Diệm trong cuộc đảo chánh mà Thiệu đã chọn tướng này vào chức vụ Tổng Tham Mưu trưởng Liên quân. Hòi đảo chánh, ông Viên là một sĩ quan thuộc binh chủng Nhẩy dù giữ chức vụ Biệt Bộ Tham Mưu trưởng Phủ Tổng thống. Có lẽ ông là người duy nhắt đã có can đảm từ chổi không chịu tham gia đảo chánh và bị câu lưu tại bộ Tổng thống M. Trước đó, ông Viên đã đòng ý để hai anh em ông Diêm-Nhu ẩn náu tại nhà riêng của mình. Khi nhận được điện thoại từ Phủ Tổng Thống, bà Viên nói rằng chòng bà đã bị bắt và nhà bà thì đang bị theo dõi. Chính vì được tin này mà Diệm và Nhu đã chạy vào Chợ Lớn để đi trốn.

Mặc dù trên chiến trường là một sĩ quan Nhẩy Dù tác chiến giỏi, ông Viên bị chỉ trích là tàm thường về kế hoạch tham mưu và thiếu mưu lược. Thế mà ông cũng đã phục vụ ông Thiệu suốt tám năm với tư cách Tổng Tham Mưu Trưởng — từ năm 1967 cho đến khi ông rời khỏi Sài Gòn, một ngày trước khi miền Nam sụp đổ, với lý do là đang có âm mưu ám sát ông.

♦

Trong các buổi nói chuyên với Hưng ở Luân Đôn năm 1976, ông Thiệu đã bầy tỏ những mối lo sợ của mình về ám sát. Vụ ông Diêm bị giết đã ghi một mối i hằn sâu đậm vào cách ông Thiệu nhận thức người Mỹ và \ đường lối hoạt động của họ. Dù có nhiều liên hê tốt trong khi làm việc với người Mỹ, và dù trong số bạn ông cũng có một vài vièn chức CIA Hoa Kỳ ở Sài Gòn, như Stuart E. Methven, nhưng nói chung ông luôn luôn lánh xa họ. ít khi ông giao thiệp với Đại sứ Hoa Kỳ ngoài giờ làm việc, họa chăng cỏ thể chỉ giữ những liên hệ đứng đắn và hình thức mà thôi.

Ông tin rằng nếu làm phật lòng Mỹ tới mức nào đó, ông có thể sẽ bị loại bỏ — hoặc do bàn tay một thích khách hoặc do chính các tướng lãnh của mình được Mỹ khuyến khích. Ông đã không ý thức được rằng sự ghê tởm và kinh hoàng của công chúng Mỹ về vụ ám sát ông Diêm đã tạo ra được một sự kiềm chế khiến chính phủ không thể cho tái diễn một lối cư xử tương tự. Mặc dù không bao giờ để sự sợ hãi của mình lộ ra ngoài, ông Thiệu đã thường hay lo là Mỹ đang tìm cách loại bỏ mình nhất là năm 1968, khi ông công khai phản đối sáng kiến hòa bình của Johnson. ông biết rằng Mỹ đã đặt máy nghe lén trong các văn phòng của ông ở Dinh, và ông sống trong tình trạng thường trực lo âu cho tính mạng minh. Tại Luân Đôn, có lằn ông nói với Hưng: “Tôi chỉ có thể thấy thoải mái trên sân chơi quàn vợt thôi. Lúc bỏ cây vợt xuống, là àm ảnh đảo chánh lại quay trở lại.”

Khi đọc đến đoạn thư Nixon viết ngày 6-2-1972, về “bién cố tương tự như biến cố mà chúng tôiđã ghê tởm năm 1963”, trong óc ông bỗng lóe lên hình ảnh chiếc xe bọc sắt M-113 có chứa xác chết 2 anh em Diêm ngày trước. Và rồi đến đoạn nói về “những biến cố mà chính bản thân tôi cũng đã kịch liệt phản đổi năm 1968”, thì ôngThiệu tin chắclà sau cuộc bầu cử Tổng thổng Hoa Kỳ năm ấy, Mỹ đã có mưu toan thanh toán ông. Trong bài diỗn văn từ chức ngày 21-4-1975, ông nhắc nhở cho dân chúng Việt Nam như sau: “Xin đòng bào nhớ rằng năm 1968 àp lực người Mỹ không phải là nhỏ... Hồi đó, tôi đã nói với đòng bào, nếu đòng bào tin vào ỷ đồ chính trị của Mỹ thì đồng bào sẽ mất hết. Bây giờ, đòng bào đã hiểu hòi năm 1968 tôi đã muốn nói gì ?”

Thật vậy, việc ông Thiệu sợ có đảo chính năm 1968 trước ngày lê nhậm chức của Nixon (tháng 1-1969) đã không hẵn là không có lý do. Theo một tường thuật của William Buckley (\*) được kể lại trong cuốn The Price of Power, “Giá phải trả Quyền Lực” của Seymour M. Hersh, thì ngay sau cuộc bầu cử 1968, Henry Kissinger đã báo động cho Nixon, qua Buckley, là : “Nên thông báo cho Nixon biết rằng có thể mục tiêu của (Clark) Cliíĩord là lão sẽ bỏ rơi Thiệu trước khi Nixon chính thức nhậm chức”. Kissinger nói thêm : “Nếu Thiệu chịu chung số phận với Diêm, thì tất cả các dân tộc trên thế giới sẽ nghĩ rằng làm kẻ thù của Mỹ có thể là nguy hiểm, chứ làm bạn với Mỹ chắc chắn là chết.” Buckley bèn điên thoại cho Frank Shakespeare, và ông này tức thì dàn xếp với cố vấn của John Mitchell để ông gặp Kissinger ; chính từ cuộc gặp gỡ này mà Kissinger đã được bổ nhiệm vào chức Phụ tá Tổng Thống Đặc Trách An Ninh Quốc gia . Một bài tường thuật khác, đăng trong báo Survey (Thăm dò) ổ Luân Đôn năm 1980, của Edward J. Rosek, người có nhiều liên lạc mật thiết với phe Nixon — mà Hersh cũng đã kể — tiết lộ rằng giữa khoảng năm 1971, “Buckley kể cho bạn ông ở Ngũ Giác Đài về chuyện Kissinger khai với mình trong điện thoại là có nghe nói chính quyền Johnson đang dự định ám sát Thiệu.” Thế nhưng Buckley sau này lại khẵng định với Hersh là điều đó sai.” “Không có nói gì đến ám sát’cả”. /  
■ Robert Komer, hồi đó phụ trách cơ quan yễm trợ Dân sự vụ và Phát triển Nông thôn của H K tại Việt Nam , con nhớ rằng “có thể có một số tờ trình đề nghị phải loại bỏ Thiệu, nhưng không ai thấy cả” kể: Còn nhân vật chính là Clark Cliííord (Bộ trưởng Quốc phòng) khi được tác giả phỏng vấn, lại trả lời lơ mơ rằng “tôi không có tin tức độc lập nào” (một cách L nói quanh) về các kế hoạch dẹp bỏ ông Thiệu cả. Ông giải (♦) Ông này đà bị bắt và sát hại do quân khủng bố ở Lebanon, năm 1986 : ông là một trong những người mà Tổng thống Reagan muốn cứu khi Reagan cho phép bán súng cho Iran gây ra cuộc khủng hoảng Iran-Contras, kêo dài tới 1987 thích với đung cung cách một luật sư : “Hoa Kỳ cho rằng việc đó không thuộc địa hạt của mình. Chúng tôi muốn giải kết, chứ không muốn xử dụng thêm quyền hành và ảnh hưởng. Chúng tôi muốn họ nhận lãnh lấy trách nhiệm cuộc chiến của họ. Hồi ấy, tôi thấy rõ là Thiệu không quan tâm đến việc chấm dứt chiến tranh và hai bên rõ ràng đã đi đến một ngã ba đường. Chúng tôi muốn rút ra mà ông ta lại không muốn chúng tôi rút. Do đó mà đã có những mưu toan làm trì hoãn tiến trình hòa bình.” kể:

Nếu như năm 1968, Nixon và Kissinger đã cứu thoát ông Thiệu, thì năm 1969 chính họ lại được nhân viên Hội Đồng An Ninh Ọuổc Gia (HĐANQG) trao cho một danh sách để lựa chọn phương cách để lật đổ ông ta. Ngày 21- 10-1969, hai chuyên viên của HĐANQG là Roger Morris và Anthony Lake viết một phúc trình cho Kissinger lập luận rằng chương trình Việt Nam hóa đã thất bại và chung qui Hoa Kỳ sẽ bắt buộc phải triệt thoái đơn phương. Họ khuyến cáo Kissinger nên nhượng bộ Bắc Việt về những điểm chính và thử đề nghị một “chính phủ lâm thời tại Sài Gòn được cả hai bên chấp nhận”, “có nhiệm vụ giám sát một cuộc bầu cử mới tại miền Nam. Cộng sản sẽ được bảo đảm một vai trò chính trong chính phủ lâm thời ấy. Morris và Lake nói thêm : “Ta phải sẵn sàng sứ dụng những biên pháp áp đặt cuộc hòa giải bất chấp sự phản đối của Saigón. Những mối lợi sẽ trông thấy cố thể biện minh cho những biện pháp mà ta chưa hề nghĩ tới kể từ năm 1963.” Khi được Seymour Hersh phỏng vấn. Morris xác nhận là đã ám chì vụ ám sát Tổng Thống Ngô Đình Diêm. Morris nói: “Tôi bảo Tony (Lake) rằng hai đứa mình phải cho Henry (Kissinger) hiểu rõ là ta sẵn sàng thanh toán. Thiêu kể:

Lúc mối liên hệ giữa ông và cặp Kissinger-Nixon trở nên căng thẳng nhất, ông Thiệu đã có một hành vi có vẻ như một sự trối trăng, mâu thuẫn với bản tính người quân nhân. Ngày 18-1-1973, từ sáng tới tối, ông làm lễ cưới và tiệc mừng cho cô Tuấn Anh, con gái của ông, với Nguyễn Tấn Triệu, con trai ông Chủ tịch Hàng Không Việt Nam, tại Dinh Độc Lập. Dường như ông muốn thu xếp mọi việc gia đình cho xong xuôi êm đẹp để phòng bị chuyện không hay có thể xẩy tới cho ông.

Ông Ngô Đình Nhu cũng đã họp đủ mặt gìa đình một tháng trước khi có đảo chánh. Nhu dặn dò người con trưởng, Ngô Đình Trác, hòi đó mười lăm tuổi, là phải sẵn sàng dìu dắt, săn sóc gia đình nếu có gì xẩy đến cho ông. (56).

Ông Thiệu tin rằng, vụ ám sát hai anh em Diệm, Nhu đã là một lỗi lầm lớn, làm thiệt hại cho miền Nam Việt Nam khá nặng về mặt tinh thần, cũng như về tiến bộ quân sự và kinh tế. ông nói: “Sau đảo chánh, chính sách chẵng có, lãnh đạo cũng không.” Tôi bèn trở về Sư đoàn lôi để chiến đấu với Cộng Sản. Một thí dụ về những lỗi lầm của chính phủ quân nhân (sau đảo chành) là tướng Minh dẹp bỏ chương trình ấp chiến lược. Dẹp đi mà không nghiên cứu hay điều tra gì cả, mà chì vì nó đã dính líu đến nhà Ngô. Ông Minh còn bỏ cả chương trình Thanh Niên Cộng Hòa cũng vì những lý do tương tự. Ỏng Thiệu tiếp: “Tướng Giáp đã vỗ tay lớn khi nghe tin những vụ này. Vụ đảo chánh và sự dẹp bỏ chương trình ấp chiến lưọ c đã mang lại cho miền Nam hai năm xáo trộn, và trong thời gian đó, Việt cộng đã có thời giờ gây thêm sức mạnh. Đến 1965, thì mình đã gằn qụy rồi, và phải có quân Mỹ đổ vào mới khỏi rơi vào tay Cộng Sản. Hồ Chí Minh đã lầm lớn năm 1965 khi không chịu điều đình với Hoa Kỳ. Hòi đó, Hoa Kỳ đã chấp nhận một chính phủ liên hiệp rồi, nhưng Bắc Việt không chịu ngòi vào bàn thương thuyết. Họ cho Hoa Kỳ là một con hổ giấy, không dám đáp ứng thứ thách quân sụ.”.

Cái chét của ông Diệm đã là động cơ phát sinh ra một chuỗi đảo chành và chống đảo chánh; chúng chỉ ngưng với cuộc bầu cử tổng thống năm 1967 và với sự quân bình quyên thé trong phe phái quân nhân giữa Thiệu và Kỳ : Tirớng Kỳ đã được bầu làm Phó Tổng Thống cho Thiệu, lừ đo tới kin tan rã nãm 1975, miền Nam được cai trị bởi cấp tướng lãnh ; những tin đồn và dọa dẫm coup d'etat dường như đã trở thành một phương cách hành động tại Saigòn. Âm mưu và phản âm mưu đã làm rạn nứt sự đoàn kết ở cấp lãnh đạo và làm cho tư thế của Sài Gòn yếu đi tại Hoa Kỳ. Dân chủ đã chì là phụ thuộc, quan hệ quyền bính trong hàng ngũ sĩ quan cao cấp trong quân đội mới là quan trọng. Các định chế dân chủ như Thượng-viện, Hạ- viện và Tối cao Pháp viện chì có rất ít quyền hành, và chỉ có tính cách tô son điểm phấn cho chế độ hơn là các cơ quan chỉ đạo quốc gia. Ngay cả quan niệm về dân chủ cũng đã được coi như một thể chế của Mỹ, không thích hợp với hoàn cảnh và văn hóa Khổng Mạnh tại Việt Nam. Quan niệm riêng giữa cá nhân, sự trung thành với gia đình, sự tín cẩn bằng hữu, vẫn còn quan trọng hơn cả luật pháp và những định chế của nhà nước.

Sở dĩ nắm vững được quyền hành trong một thời gian là vì Thiệu được Mỹ ủng hộ, có tài chia rẽcácTướngđểtrị, lại biết cách khéo léo đặt người của mình tại các địa phương. Người Mỹ có ảnh hưởng nhiều trong việc đề bạt, đề cử, hay từ chối, các sĩ quan Việt Nam vào những chức vụ then chốt. Các sĩ quan dung mạo bảnh bao, nói được tiếng Anh hay tiếng Pháp, thì được thăng cấp như diều, nhưng không nhất thiết là những người có khả năng hơn cả. Những qui tắc của tư cách chuyên nghiệp đã nhường chỗ cho lòng trung thành cá nhân. Người Mỹ, khi tán thành cuộc đảo chánh chống Diệm, đã cho thấy rằng những định chế mà chính họ khuyến khích phát triển đó đã không thể chịu đựng nổi sức căng thẵng của chiến tranh.

Ông Thiệu đã phải một mặt đối phó với Mỹ, chì huy quân đội, kiểm soát chính phủ, mặt khác điều khiển cuộc chiến tranh với Bắc Việt. ông tự coi mình là người vừa phải chiều lòng người Mỹ, lại vừa phải tìm ra giải pháp cho những vấn đề quá khó khăn của một quốc gia trong chiến tranh và một xã hội khe khắt. Giữa một cuộc chiến đòi hỏi kỷ luật và đoàn kết quốc gia, thì ông lại chỉ dựa vào những người ông biết chắc là sẽ trung thành với ông. Trung thành đã trở thành tiêu chuẩn then chốt. Kết quả là, một số người nắm địa vj quan trọng nhất đã chi biiít dạ, vâng, không dám phê phân, mà vợ, con, anh em thì thường hay lạm dụng địa vị của chồng, cha, anh đê làm giàu, ông Thiệu đã phải vừa duy trì quyền hành của mình, vừa cố cải tiến. Cho nên nhiều khi ông đã chần chừ, tránh né hay trì hoãn quyết định để ngăn cản một sự xung đột có thể hủy hoại quyền lực của chính ông.

Hàng năm, ngày mòng 1 tháng 11, ngày mà hai anh em ông Diệm, Nhu bị lật đổ và sát hại, lại là ngày Quốc Khánh của Việt Nam, một ngày nghi lễ chính thức. Với tư cách Tổng Thống, ông phải mở tiệc khoản đãi ngoại giao đoàn và quan khách. Nhưng cùng ngày đó, trong ngôi nhà nguyện nhỏ bé tại Dinh Độc Lập, hai vợ chòng ông dự một lễ tưởng niệm riêng cho Tổng Thống Diệm, và cầu nguyện cho linh hồn người quá cố được bình an. Vị linh mục làm lễ có lần hỏi về ý cằu xin trong buổi lễ. Ông Thiệu đáp: “Xin cho linh hòn Người sớm được về noi Diễm Phúc, và xin Người cầu cho chúng tôi trong giờ nguy khốn này.” Ông Thiệu muốn an ủi ông Diệm nơi thế giới bên kia, của tổ tiên ông — nhưng ông cũng đang cằu nguyện vừa cho ông Diệm lẫn cho chính mình.

# CHƯƠNG V - MƯU ĐÒ CỦA KISSINGER

Vào lúc năm giờ chiều ngày 17-10-1972, ông Thiệu ra lệnh cho Bộ Tổng thống M gấp rút chuyển về Sài Gòn một tập tài liệu vừa bắt được của Việt Cộng, tìm thấy dưới hầm một tên chính ủy thuộc tình Quảng Tín. Được chở khẩn cấp bằng máy bay nhẹ, rồi mày bay trực thăng qua Đà Năng, các tài liêu này về tới bàn giấy ông Thiệu lúc nứa đêm. ông vội vã đọc, hét sức sửng sốt vì nhận ra ngay rằng cán bộ Cộng Sản, trong một tình lỵ cô lập ở miền Trung, còn biét được nhiều chi tiết về Hòa đàm Paris hơn là chính mình.

Tập tài liệu mang tên “Chì dẫn tổng quát về ngưng chiến”, có nội dung dường như lấy từ bản sơ thảo hiệp định lúc ấy đang được Kissinger và Lê Đức Thọ thương lưựng tại Pháp, và tiết lộ những nhượng bộ cơ bản của Kissinger. Cho đén lúc ấy, Thiệu chưa hề biết gì đến bản dự thảo cuối cùng của hiệp định, và chảng được Kissinger thông báo gì về chi tiết cả . Vậy mà tại một tình lỵ hẻo lánh xa xôi, phía nam Đà Năng, quân, cán Cộng sản đã đang bắt đầu học tập các tài liệu đó rồi, và dựa vào đó đi chuẩn bị hành quân. Nổi bật nhất phải kể đến chi tiết liên quan đến chiến lược và chiến thuật của Bắc Việt nhằm duy trì lực lượng tại miền Nam sau khi có tuyên bố đình chiến.

Tài liệu cs còn nói rõ là Mỹ đã đòng ý cho phép quân đội Bắc Việt ở lại miền Nam sau khi ngưng bắn. Quân đội Mỹ sẽ rút lui hoàn toàn. Kissinger đã đồng ý để cho Bắc Việt vô Nam qua ngã vùng Phi Quân Sự và như vậy đó sau này tự do tiếp tế cho quân lính họ. Tài liệu học tập còn có khoản thành lập một Hội đồng Hòa hợp và Hòa giải Dân Tộc mà tác dụng chinh chì là để triệt hạ chính phủ Sài Gòn. Ông Thiệu cho đây là một chính phủ liên hiệp trá hình. Sau này, kể lại, lúc đọc xong tập tài liệu, ông nói: “Đó là lần đàu tiên tôi biết được là mình đã bị qua mặt. Người Mỹ nói với tôi là vẫn còn đang thương thuyét, là chưa có gì dứt khoát cả, thế mà bên kia đã có đầy đủ tin tức rồi.”

Chẳng những tài liệu tịch thu chứa đựng những điềm mà sau này trở thành nguyên văn của Hiệp định Paris, chúng còn ra lệnh cho Việt Cộng phải thi hành một kế hoạch ba giai đoạn nhằm nắm thế chủ động và vi phạm hiệp định, trong cả lời lẫn ý:

Giai đoạn ỉ : Giai đoạn chuẩn bị, trước đinh chiến, kêu gọi cán bộ học tập và ghi nhớ những điều khoản và học cách giải thích chúng cách nào có lợi. Cán bộ được chỉ thị chuẩn bị trình bày những điều khoản của hiệp định cho dân chúng biết hoặc tranh luận với đối phương. Phải xung công tất cả máy may để may cờ Việt Cộng: Những lá cờ nầy trong ngày đình chiến sẽ được treo trước cứa mỗi nhà, trong mỗi ẫp, xóm, trên mỗi ngọn đồi. Như vậy Bắc Việt sẽ chứng minh được với các cơ quan kiểm soát quốc tế là chỗ nào họ cũng có mặt. Đồng thời các đơn vị lớn của cs phải tấn công đe ghìm chân các lực lượng Sài Gòn. Các lực lượng vùng và địa phương quân cs phải được phân tán ra thâm nhập mọi ấp, mọi vùng đông dân cư, chặn mọi trục giao thông, và nằm tại chỗ cho tới khi nào có đại diện quốc tế đến.

Giai đoạn II: Cách thực thi trong ngày đình chiến. Ba ngày trước khi đình chiến, mỗi đơn vị cs phải hành quân giành dân lấn đất. Phải giữ lấy đất đã chiếm dược và treo cờ MTGP ở đó. Phải chuẩn bị các cuộc biểu tình đòi chính phủ Sài Gòn thi hành ngưng bắn và cho quân lính trở về gia đình họ. Biểu tình đòi thực hiên các quyền tự do di chuyển, hội họp, và bãi bỏ quân dịch và giới nghiêm. Các đơn vị tuyên truyền võ trang phải đẩy mạnh những hành động xúi giục, khích động, bằng cách giải thích hiệp định, kêu gọi binh sĩ Quân lực Việt Nam Cộng hòa ngưng chiến đấu. nghi phép, hoặc về thăm nhà và đào ngũ.

Giai đoạn III: Trong giai đoạn sau đình chiến, hay giai đoạn củng cố, phải giữ chặt và củng cố mọi thắng lợi đã đạt được. Tùy kết quả của hai giai đoạn đàu mà lấy thêm hành động mới, nhưng mục tiêu là tiến tới việc triệt hạ chính phủ Thiệu, đòng thời tiếp tục tuyên truyền nâng cao uy tín cs và đòi tôn trọng và thực thi hiệp định Paris.

Ông Thiệu đã phải giật mình khi đọc những tin trên, Điều ông lo sợ nhất — là một vụ đổi chác bí mật — đã trớ thành sự thực. Chĩ mới hai tuần trước, ngày 4 tháng 10, ông đã trao một giác thư cho tướng Haig ở Sài Gòn để đem về cho Kissinger, nhắc nhở ông về những nguyên tắc điều đình căn bản mà hai bên đã thỏa thuận : “Nếu chính phủ Hoa Kỳ lại đi tới được một quan-niệm mới nào về hòa giải, xin vui lòng thông báo cho chính phủ Việt Nam Cộng hòa biết.”   
Rồi lá thư đề ngày 6-10 của Nixon sau đó cũng đã cả quyết với ông rằng sẽ không lấy một quyết định nào trong lúc thương lượng “mà không có sự tham khảo hoàn toàn, đầy đủ, và kịp thời giữa chúng ta.”

Trong một tháng, ông Thiệu tự nhiên thắy mọi việc ăn khớp với nhau. Phạm Đăng Lâm, đại sứ Trưởng phái đoàn Việt Nam Cộng hòa tại Paris, mới đây có báo động cho ông là Mỹ và Bắc Việt, sau nhiều phiên họp mật, dường như đã đi tới một thoả thuận. Sau đó, Nixon lại viết thư ngày 6 tháng 10 có vẻ như chận phủ đầu. Tại sao lại chọn đúng lúc nầy mà đe dọa ông “để tránh xẩy ra một bầu không khí có thê đưa tới những biến cố tương tự như những biến cố mà chúng tôi ghê tởm hòi 1963, và bản thân tôi đã chống đối kịch liệt hồi 1968” ? Hơn nữa, lá thư chiếu lệ đề ngày 14-10 do Bunker viết cho ông chì dài hơn một trang nói về nội dung các cuộc họp giữa Kissinger và Thọ trong 4 ngày từ 8 đến 11 tháng 10, đã không hề nhắc đến sự thỏa thuận nào hết.

Bây giờ, ông Thiệu mới nhìn ra ý đồ của Kissinger: Nghĩa là cho diễn lại vở tuồng 1968, gấp rút điều đình trước ngày bầu cử Hoa Kỳ. Kissinger lại sắp qua Sài Gòn mang theo một thỏa ước giữa Hoa Kỳ và Bắc Việt. Và chì mấy hôm trước khi ông đi, Nixon đã viết thơ cho ông Thiệu dọa đảo chính, như vậy chắc là để dọn đường cho ông. Trái với lời hứa của Nixon, đã không hề có 1 sự tham khảo có ý nghĩa nào với Việt Nam Cộng hòa về những điểm then chốt tối hậu của thỏa ước đó. Việt Nam Cộng hòa đã không hề được xem bản văn, hoặc yêu cầu bình luận chi tiết bất cứ phần nào trong dự thảo chót của hiệp định

V ừa phẫn nộ vừa buồn bực, ông Thiệu mời một số nhân vật chính trong chính phủ tới họp để bàn về sự phản bội của Mỹ và tìm cá ch phản ứng với chuyến thăm viếng sắp tới của Kissinger. Trong số những người được mời có Phó Tổng thống Trần Văn Hương, Thủ tướng Trần Thiên Khiêm, Đại tướng Cao Văn Viên, và ông Hoàng Đức Nhã.

Hành động của Hoa Kỳ quả là những đòn đau giáng xuống miền Nam Việt Nam. Sau khi đã hứng chịu tổn thất trên 1 triệu người — 6 phần trăm dân số — trong bao nhiêu năm qua ngày nay quân lực Việt Nam Cộng hòa đã lấy lại được thế chủ động và chiến đấu rất can cường trên khắp chiến trường chống CSBắc Việt. Họ đang chuẩn bị đ£ duy trì thế mạnh đó. Vậy mà sau một trang dài những hứa hẹn, nào “không đổi chác bí mật”, nào “không (dàn xép) sau lưng đồng minh”, nào “sẽ tham khảo đày đủ”, Kissinger lại sắp sửa bay qu a mang theo một đề nghị chứa đầy những nhượng bộ chết người.

Trước khi quaSài Gòn, KissingerđượcNixondặndò là phải coi những cuộc họp với Thiệu như một “canh xì phé”, trong đó Kissinger phải dấu kỹ “con tẩy” cho đến phút chót. Như lờí Kissinger sau này giải thích: “Chẳng hạn tôi không nên đưa ngay cho ông Thiệu coi cái phần chính trị của hiệp định. Tôi phải “giả bộ” nói làm sao để ông Thiệu nghĩ rằng Hà Nội đã yêu sách rất nhiều, nhiều hơn làsự thật họ đòi.”

Kissinger tới Sài Gòn ngày 18 tháng 10; sáng hôm sau, ông tới ngay Dinh Độc Lập với một đoàn tùy tùng đông đảo, gồm cả nhân viên an ninh, trông châng khác chi phái đoàn đi tháp tùng một vị quốc trưởng hơn là một ông đặc sứ. Đã không ngạc nhiên trước cảnh tượng đó, ông Thiệu còn lộ sự hờn giận của mình bằng cách đê K-issinger và đoàn tùy tùng ngồi đợi mười lăm phút trong phòng tiếp khách, ngay trước mặt nhóm ký giả và nhiếp ảnh đã tụ họp ở đó từ trước để theo dõi cuộc viếng thám. Và khi Kissinger được Thiêu tiếp, người ta đã không thấy có sự vồn vã, thân mật nào hết: Thiệu đã tỏ ra cách biệt và lạnh lùng. Vừa gặp mặt, Kissinger liền trao tay cho Thiêu lá thư của Nixon đề ngày 16-10-1972, dường như với dụng ý khai mào cuộc gặp gỡ và để cho biết là mình được Nixon hoàn toàn tín nhiệm. Lá thư đày xúc động:

Thân gửi Tồng Thống Thiệu,

Tôi đã yêu càu Tiến sỹ Kissinger chuyền đến Ngài lả thư riêng náy liên quan đến những cuộc đàm phán hiện thời với Bắc Việt, dường như đang tới giai đoạn chót.

Như Ngài biết, suốt bốn năm dưới quyền tôi, Hoa Kỳ đã đứng vững đằng sau chính phủ Ngài cùng nhãn dân Việt Nam Cộng Hòa và ủng hộ sự đấu tranh dũng cảm của họ nhằm chống xâm lăng và bảo tờn quyền tự quyết vè tương lai cỉúnh trị của mình.

Những biện pháp quân sự chúng tôi đã sử dụng và chương trình Việt Nam Hóa, những hành động kịch liệt chúng tôi đã thi hành năm 1970, nhằm tiêu diệt sào huyệt địch tại Cam-bốt, những cuộc hành quân tại Lào năm 1971 và biện pháp chống Bắc Việttháng Năm mới đây, đã hoàn toàn minh chứng cho sụ ủng hộ vừng chắc của chúng tôi. Tôi khỏi càn nhấn mạnh rằng, trong số những biện pháp vừa kê, có nhiều biện pháp đã không được nhiều người ủng hộ tại Hoa Kỳ nhưng chúng lại cần thiết.

Tại bàn thương thuyết chúng tôi đã luôn luôn bám chặt lấy nguyên tắc là không bao giờ thương lượng với Bắc Việtmột giải pháp nào có thê định đoạt trước tương lai chính trị của miền Nam. Chúng tôi trước sau vẫn triệt để tôn trọng lập trường là duy trì chính phủ dân cử và bảo đảm cho nhăn dân tự do Việt Nam cơ hội quyết định tương lai mình.

Cho tới gần đây, phe thương thuyết Bắc Việtvẫn còn bám chặt lấy lập trường cố hữu của họ là bắt cứ cuộc dàn xếp nào v'ê chiến tranh cũng sẽ phải bao gờm sự từ chức của Ngài và sự giải tản của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa cùng những định chế dân chủ liên hệ.

Tuy nhiên, lúc này dường như chính vì sự kết hợp của lòng kiên trì, sự dũng cảm của chính phủ Ngài củng như các lực lượng chiến đấu của Việt Nam Cộng Hòa, cùng với những biện pháp mạnh mà Hoa Kỳ đã áp dụng ngày 8 tháng Năm, 1972, thêm vào với kiên tâm của riêng chúng tôi tại bàn hội nghị, nên nó đã đưa tới một chuyển hướng sâu xa căn bản tại Hà Nội. Qua những cuộc gặp gỡ mới đây giữa Tiến sỹ Kissinger và phái đoàn Bắc Việttại Paris, mỗi ngày người ta càng thây rõ là cấp lãnh đạo tại Hà Nội đã sẵn sàng chấp thuận ngưng bắn trước khi đòi giải quyết vấn để chính trị tại miền Nam Việt Nam. Đây quả là một sự đảo ngược quan trọng trong chủ trương của họ và chắc là nó phải tiêu biểu một quyết định v 'êphía họ, quyết định mà ta không nên coi nhẹ. Vì họ biết rõ nhược điểm của các lực lượng chính trị của họ tại miên Nam, cho nên đối với họ, mục tiêu chính trị của họ tất phải mang nhiều rủi ro lởn.

Hậu quả của sự thay đổi chiến lược này đã đưa tới một tình huống trong đó chúng tôi và phe thương thuyết Hà Nội đã thỏa thuận vè một bản văn quy định một cuộc đình chiến, sự triệt thoái những lực lượng đồng mình còn lại, sự trao đổi tù binh và sự tiếp tục tòn tại của chính phủ Ngài cùng những định chế dân chủ (của miên Nam) sau khi cuộc ngưng bắn có hiệu lực. Thêm vào chinh văn kiện ấy, chúng tôi còn đạt được một số cam kết riêng tư với Hà Nội nhằm mục đích thoả mãn những mối quan tâm vè an ninh của xứ sở Ngài, mà việc thực thi những cam kết ấy chúng tôi coi như một phàn chủ yếu của hiệp định này.

Tiến sỹ Kissinger sẽ giải thích cho Ngài với đầy đủ mọi chi tiết những điêu khoản trong hiệp định để nghi mà ông ta mang theo, và vì thế tôi sẽ không bàn gì thêm trong bức điệp vàn này. Tuy nhiên, tôi rất muốn Ngài hiểu rằng tôi tin chúng ta không còn lựa chọn họp lý nào khác hơn là chắp nhận hiệp định ấy. Nó tiêu biểu cho sự chuyển hướng lớn về phe bên kia, và tôi tin chắc rằng sự thực thi (hiệp định ấy) sẽ cho phép Ngài và dân tộc Ngài có thề tự bảo vệ và quyết định vận mạng chính trị của miền Nam Việt Nam.

Riêng đối với tôi, thì điều khoản quan trọng nhất của hiệp định, ngoài những khía cạnh quân sự của nỏ, là chinh phủ Ngài cùng quân lực và những định chế chính trị của Việt Nam Cộng hòa sẽ còn nguyên vẹn sau khi cuộc ngưng bắn đã được tôn trọng. Trong thời kỳ tiếp theo sau đình chiến. Ngài có thể được hoàn toàn an tâm là chúng tôi sẽ tiếp tục cung cấp cho chính phủ Ngài sụ- yểm trợ đày đủ nhát, kê cả viện trợ kinh tế và bất cứ viện trợ quân sự nào phù họp với những điều khoản đình chiến của Hiệp định này.

Tôi công nhận rằng sau bao nhiêu năm chiến tranh, một cuộc hòa giải sẽ mang đến cho sự nghiệp lãnh đạo của Ngài, và nhân dân Ngài một thứ thách vô cùng lớn lao. Tất cả chủng ta đều công nhận rằng cuộc xung đột giờ đây sẽ chuyên đến một hĩnh thức khác, một hình thức đấu tranh chính trị, trái với tranh chắp quân sự công khai; nhưng tôi tin chắc rằng với khôn ngoan và kiên trì, chính phủ Ngài cũng như nhân dân Nam Việt Nam sẽ đáp ứng được thứ thách mới đổ. Trong nỗ lục ây, Ngài sẽ có được sự ủng hộ tuyệt đối của tôi, và tôi xin Ngài biết rằng tôi tin tưởng trong giai đoạn mới này, sự lãnh đạo liên tục mà Ngài dành cho vận mạng miền Nam Việt Nam thật vô cùng cần thiết.

Sau hết, tôi phải nói rằng, nếu như ta đã có thể mạo hiểm trong chiến tranh, thì tôi tin là ta cũng phải mạo hiểm trong hòa bĩnh. Ỷ định của chúng tôi là quyết tâm tôn trọng những điều khoản trong các hiệp định và thỏa thuận ký kết với Hà Nội, và tôi biết rằng đó cũng là thái độ của chính phủ Ngài. Chúng tôi đòi phải có qua có lại, và đã cảnh giác cho cả họ lẫn các đồng minh lớn của họ biết rõ như thế. TÔI xin cam kết với Ngài rằng bất cứ một sự bội tín nào vè phía họ cũng sẽ bị chúng tôi lên án khắt khe nhắt và nó sẽ có những hậu quả tràm trọng nhất.

Nhân dip này, tôi xin phép Ngài cho tôi được nhắc lại những tình cảm kính trọng sâu xa nhất của cá nhân tôi và lòng ngưỡng mộ đối với Ngài và những người bạn chiến đấu của Ngài.

Kính thư (k.t) Richard Nixon.

Dưới chữ ký, Nixon còn thêm một đoạn viết tay : “Tiến sỹ Kissinger, Đại tướng Haig và tôi đã thảo luận rất lảu về đề nghị này. Cả nhân tôi tin đó là đè nghị thuận lợi nhất mà ta có thê đạt được, và nó thỏa mãn được đièu kiện tuyệt đối của tôi là Việt Nam Cộng hòaphải tồn tại như một quốc gia tự do. Những bình luận của Tiến sỹ Kissinger ẩược sự hậu thuẫn hoàn toàn của tôi. ”

Ông Thiệu đọc hét lá thư, nhưng không một lời bình luận. Rồi ông mời Kissinger sang phòng Ước đoán Tình hình, có cửa thông sang văn phòng ông, để gặp Hội đồng An-ninh Quốc-gia . Kissinger yêu cầu được ba mươi phút để trình bày bản hiệp định.

Kissinger nhấn mạnh các phần chính trị của hiệp định mà ông tin là có lợi cho Việt Nam Cộng hòa. Ông cam đoan Hoa Kỳ sẽ duy trì các căn cứ không quân tại Thái-lan và giữ Đệ thất Hạm đội ngoài khơi để ngăn chận Bắc Việttấn công. Kissinger hứa tiếp tục kinh viện và quân viện cho Việt Nam Cộng hòa. Trong khi đó, ông tin rằng những thỏa thuận ngầm giữa Liên-Xô và Trung-Công sẽ giảm bớt xuống nhiều nguồn tiĩíp liệu chiến cụ cho quân đội Bắc Việt. Theo ông, đây là lúc thuận lợi để đi tói một hiệp ước với Cộng-sản vì dù sao chăng nữa, Việt Nam Cộng hòa cũng đã có quân lực trên một triệu người và kiểm soát được 85 phần trăm dân số. ông tin tưởng rằng Việt Nam Cộng hòa sẽ phát triển và thịnh vượng trong thời kỳ hậu chiến. Kissinger không đi vào các chi tiết về những gì còn phải giải quyết với Hà Nôi, và cũng không cho Thiệu biết một thời khóa biểu mật mà ông ta đã đồng ý với Bắc Việt — là họ sẽ ký tắt vào bản hiệp định tại Hà Nội chỉ một tuần lễ sau đó, vào ngày 24 tháng 10

Trình bày xong, Kissinger trao cho ông Thiệu một phó bản duy nhất của hiệp định, bằng Anh ngữ. Thiêu ra hiệu cho Nhã tới, đứng sau ghế Thiêu, dọc bản văn trong lúc Kissinger trình bày các điều khoản của hiệp định. Nhã ghé tai ông Thiệu nói thầm: “Đây đâu phải là những điều mà minh trông đợi ! Hãy cứ nói vài điều vớ vẩn nào đỏ, để lấy thêm thời giờ suy nghĩ.”

Về sau Nhã nhớ lại : “Tôi kinh ngạc hết sức ! Tất cả những điểm Việt Nam Cộng hòa đề nghị, rồi phản đề nghị, đều đã bj gạt ra ngoài ... Tôi khựng lại vì ngạc nhiên, nhưng cố không để lộ ra mặt.”

Ông Thiệu cũng kinh ngạc và cũng cố giữ trong lòng. Về sau ông nói với Hưng là ông căm phẫn với Kissinger đẽn độ ông muốn “đấm cho anh ta một quả vào miệng.” Thế nhưng ông cố tự kiềm chế, và yêu cầu Kissinger cho một bản tiếng Việt của hiệp định. Kissinger nói không có, nhưng sẽ kiếm trong hồ sơ một bản. Thiệu cám ơn Kissinger về “phàn trinh bày hay”, và nói thêm : “Cho tôi thời giờ suy nghĩ. Ta sẽ hội lại lúc năm giở chiều.” Thiệu hứa sẽ nghiên cứu cẩn thận bản tiếng Anh trước khi đó.

Buổi họp chấm dứt trong tinh thần thân hữu, và Kissinger có đôi chút phấn khởi, về phàn Thiệu, ông lập tức chỉ thị cho Nhã phân tích toàn bộ đề án, và phải xong lúc 3 giờ chiều để có thể thảo luận trước phiên họp năm giờ. Sau năy Nhã kể lại: “Tôi vội cho in thành nhiều bản và mời Ngoại trưởng Lắm, cố vẩn Nguyễn Phú Đức và Đại sứ Phượng đến dùng cơm trưa với tôi tại nhà hàng La Cave. Ngòi vào bàn, tôi hỏi ngay, “Quí vị nghĩ thế nào ?” Họ nói “Không đến nỗi nào. Chúng tôi tưởng còn tệ hơn nữa.” “Thế nào là không đến nỗi nào ? Quí vị đã đọc kỹ chưa?”

Nhã để ý là không có khoản nào nói đến việc rút quân Bắc Việt ; ngoài ra hiệp định chỉ nói tới “ba quốc gia Đông Dương” ý muốn nói là chì có một nước Việt-Nam, Lào và Cam-bốt. về phía Bắc Việt, thì chúng vẫn cho Việt Nam Cộng hòa, quốc gia thứ tư, với thủ đô ở Sài Gòn, là không được kể như một chính phủ hợp pháp.

Nhã hỏi tiếp : "Quỉ vị có thấy chữ National Council oj Reconcitiation trong đó không? Tôi sẽ hỏi họ xem cái này là cái gì trong bản Việt ngữ”

Không có bản tiếng Việt, mọi người đều phải nghiên cứu bản tiếng Anh, rồi đến dự phiên họp khẩn của Hội đồng An ninh Quốc gia vào lúc ba giờ như đã dự liệu. Hội đồng quyết định có năm điểm chính cằn được minh xác.

Năm giở chiều hôm đó, Kissinger và Bưnker trở lại Dinh Độc Lập đt gặp Thiệu. Kissinger có vẻ rất “hăng”. Thiêu lịch sự, nhưng nhất định cứ hỏi bằng tténg Việt, cho Nhã thông ngôn, để giữ cho buổi họp ở cấp lễ nghi, hình thức. Ông nói: “Chúng tôi đã phân tích sơ qua, và chúng tôi muốn hỏi một vài điểm càn được minh xác, rồi sau đó, chúng tôi cần có thêm thời giờ để nghiên cứu bản văn, cả tiếng Việt, lẫn tiếng Anh.” Rồi ông hỏi thêm : “À, còn ba quốc gia Đông Dương mà ông nói đến là những quốc gia nào vậy ?” Kissinger, không để lỡ một giây đáp liền : “Thưa Ngài, chắc là thơ ký đánh máy sai đó.”

Bản tiếng Anh nói đến “ba dân tộc Đông Dương” — ảm chì Lào, Cam-bốt và một nước Việt Nam. Thiệu nhất định không chấp nhận công thức ấy. Hội nghi Genèveđã thừa nhận bốn quốc gia, trong đó có hai Việt Nam : Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và Việt Nam Cộng Hòa ; sự việc nầy đâu có thể thay đổi. Thiệu còn nhất định không chịu cho Mặt Trận Giải Phóng được xưng là đại diện cho miền Nam Việt Nam.

Kissinger giải thích rằng sự nhắc nhở ■‘ba dân tộc Đông Dương” là một sơ ý, ià lỗi đánh máy ! ông dám nói như vậy dù là bản dự thảo nhắc nó đến hai ba lần, và được viết xuống vừa bằng chữ (three) và bằng con số 3. Ông Thiệu còn quan tâm đặc biệt đến định nghĩa của Hội Đồng Hòa hợp và Hòa giải Dân tộc. Nhiều lần trong bản văn, danh xưng nầy được gọi là một “cơ cắư hành chánh”; nếu đứng về ngôn ngữ Việt Nam thì “cơ cấu hành chánh” và “cơ cấu chính quyền” rất giống nhau và ý nghĩa của nó rất dễ được hiểu lầm là chính phủ liên hiệp trá hình.

Kissingei giải thích rằng Hội đồng sẽ không có quyền hành của một chính phủ, mà chì có nhiệm vụ “cố vẩn”, thi hành những gì đã được các phe phái đồng ỳ. Nó không phải là chính phủ liên hiệp. Kissinger khăng khăng: “Nó chỉ là một hội đòng bé nhỏ tí ti. Nó không có quyền hành. Nó chỉ là một cơ quan tư vấn thôi.”

Còn quân đội Bắc Việtthì sẽ ra sao khi một hiệp định Paris đã được ký kết ?

Kissinger đáp, sẽ không có sự thâm nhập thêm nữa của quân đội tử miền Bắc, và quân lực Việt Nam Cộng hòa, với quân số 1 triệu 100 ngàn người, sẽ châng việc gì mà phải sợ sự hiện diện của 140 ngàn quân Bắc Việt.

Được hỏi tại sao lại không có đoạn nào nói rõ về sự rút quân Bắc Việt, thì Kissinger giải thích: Ờ, thì như quí ông biết, chúng tói đã thảo luận điều đó với Bắc Việt và họ không chấp nhận chữ nên chúng tôi nghĩ là không nên để nó vào (bản văn), dí khỏi làm hỏng bầu không khí !”

Điều đó làm ông Thiệu giận nhất trong phần trình bày của Kissinger. là ông nầy cứ khăng khăng cho hiệp định là “một thắng lợi to lớn nhất có thế đạt được, và là một sự sụp đổ của lập trường Bắc Việt.” Nhã kể lại câu nói của Kissinger như sau: “Lê Đức Thọ đến nói vói tôi rằng đó là nhượng bộ đau đớn nhất mà hắn phải chịu, nhưng vì lợi ích hòa bình nên hắn đã phải nhường tôi, và hắn còn khóc nữa.”

Nhã nhận xét: “Câu nói là Cộng sản khóc làm chúng tôi sửng sốt ! Cộng sản đâu có biết khóc ! Hoặc giả Kissinger ngây thơ, hoặc ông ta cho mình là ngu.”

Đến đây, ông Thiệu đề nghị một buổi họp ở cấp tiểu nhóm với Ngoại trưởng Lắm sáng hôm sau để thảo luận vào chi tiết bản hiệp định. Kissinger đòng ý.

Dường như để “đấm mõm”, Kissinger và Bunker lại xin họp riêng với Thiệu, Cao Văn Viên, và Đại tướng Creighton Abrams, người đứng đằu cơ quan viên trợ quân sự Mỹ (MAV/V) để thảo luận về việc gấp rút tăng cường tiếp liệu quân cụ cho Sài Gòn trước khi có ngưng bắn. Các loại trang bị sẽ được gứi qua Sài Gòn trước ngày ký kết hiệp định và sẽ được thay thế trên căn bản một-đổi-một, theo các điều kiện đã quy định trong hiệp ước.

\*

Trước khi khảo sát đề nghị mà Kissinger mang tử Paris qua, điều hệ trọng nhắt là phải xét xem giữa ông nằy và Nixon có những khác biệt nào về cách giải quyết chiến tranh Việt Nam. Kissinger dự định đi Hà Nội bí mật để ký tắt vào bản hiệp định ngày 24 tháng 10 trước khi Nixon công bố. Ông cho rằng bầu cử tổng thống là giai đoạn chót của một chu kỳ chính trị, là lúc để Hoa Kỳ hồi sinh. Chấp nhận những nhượng bộ chính trị để chấm dứt chiến tranh sẽ dễ dàng hơn nếu được thi hành trước nhiệm kỳ hai của Nixon. Cái phong cách cá nhân của Kissinger bị nhiều người trong chính tòa Bạch Cung chỉ trích, và Halderman, đổng lý văn phòng của Nixon, lúc ấy đang phát động một chiến dịch nhằm áp lực Kissinger trở về cương vị “cố vắn” của mình, đồng thời nâng cao vai trò chủ yếu của Nixon trong các cuộc thương thuyết. Halderman e ngại rằng Kissinger muốn qua mặt Nixon và làm mờ đi hình ảnh chủ chốt của một vị Tổng Thống trong những quyết định về chính sách đối ngoại. Còn Kissinger thì lại rất “nhậy cảm” về những chí trích ấy và mang nhiều kỳ vọng cho chính vai trò của mình trong nhiệm kỳ hai. Ông muốn tạo thêm ảnh hưởng của mình bằng cách tuyên bố cho cả thế giới là ông đã mang lại hòa bình cho Việt Nam .

Kissinger còn có một nghị trình riêng tư cho nhiệm kỳ hai nữa : Nào giảm mức độ căng thẵng với Liên-Xô, nào bình thường hóa quan hệ với Trung Cộng. Việt Nam làm ngáng trở những mục tiêu dài hạn của ông ta — chừng nào Việt Nam còn là một vấn đề, thi khó mà tiến tới được.

Kissinger cho là cá nhân ông ta đang bước vào một giai đoạn lịch sử. “Chính khách phải hành động như thể là trực giảc của mình đã là kinh nghiệm, như thể là khát vọng của mình đã là chân lý.” ông đã viết như thế trong A World Restored, “Một thế giới được phục hồi”, một tập nghiên cứu về Metternich. Nhận định đó đã là nguyên tắc chỉ đạo cho chính ông trong thời gian ngồi ở một văn phòng nhỏ, ở góc “Cánh Tây” Tòa Bạch Cung. Trong một cuộc phỏng vấn do nữ ký giả người Ý, Oriana Fallaci, thực hiện, Kissinger giải thích rằng sở dĩ ông có được sức mạnh là nhờ ở lối hành động theo riêng ý mình. Ông đã tự hãnh diện : “Điểm chính là lúc nào tôi cũng hành động một mình. Người Mỹ thích cái đó vô cùng. Người Mỹ thích hình ảnh một gã chăn bò dẫn đầu một toán di dân, một mình trên lưng ngựa đi đầu, thủng thẳng tiến vô một tĩnh lỵ, một thị xã ; chì mình với ngựa thôi, không có gì khác. Có thể là khô ng có cả súng nữa là vì gã không cần bắn. Gã chỉ hành động bằng cách là ở đúng chỗ, vào đúng lúc, thế thôi. Nói gọn hơn, gã là một cowboy (Western).”

Đơn thân độc mã là một phàn tạo nên phong cách của Kissinger, thế nhưng ông cũng đã phải khó nhọc để chiêu phục cảm tình của những kẻ có thể chống đối mình. Ông quyết tâm dẫn đường cho đoàn xe ngựa Mỹ ra được khỏi Việt Nam, vì chì khi nào từ giã nơi nầy rồi thì ông mới có thể tiến đến việc thực hiện mưu đò lớn của mình.

Trong một bữa ăn với một nhóm chủ bút của tạp chí TIME và FORTUNE tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn, ngày 29- 9-1972, Schecier ngạc nhiên về sự Kissinger bác bỏ cả Bắc lẫn Nam Việt. Õng nói: “Vấn đề của chúng ta với người Việt Nam là bên nào cũng cho là mình đang thắng ; và khoan hồng chảng h'ê là đặc tính của họ.” Rồi ông đánh giá Thiệu và Thọ ngang nhau, cùng Việt Nam như nhau về lối suy tưởng cũng như cách xử sự — cả hai đều gớm khiếp như nhau. Đó là lần đầu tiên Kissinger nói đến hai phe bằng cùng một lập luận : một dấu hiệu rõ ràng là Hoa Kỳ đang áp dụng một thái độ xa cách với Thiệu và tìm cách triệt thoái quân đội khỏi miền Nam. Kissinger tiếp : “Trong thực chất, chiến tranh đã tàn rồi. Châng một ai thắng cả. Người Mỹ không còn quyền lợi gì ngoại trừ ra đi với phẩm cách. Thọ là một tên cuồng trí không biết được đâu là con đường quốc nội bình thường mà đi theo.” Nhận xét cuối cùng này quả như một lời tiên tri và chứng tỏ Kissinger đã có một hiểu biết sâu xa về tên lãnh đạo Bắc Việt nằy.

Kissinger khẵng định rằng người Việt rất khác, “óc của họ làm việc khác với óc ta”. Tiến sỹ Eric Wulff, người đứng đằu phân khu Tâm Bệnh tại Đại học F'reiburg, Tây Đức, và là người đã lập ra chương trình Tâm bệnh học tại Đại học Huế, tin rằng tri óc người Việt tạo dựng được những hiện thực ngay ở trong những tình huống huyền thoại, hoang đường. Kissinger nói Wulff có lần đã bảo ông rằng đối với người Việt, những sự việc có thật trong đời sống thường ngày không tương ứng với thực tế như ta nhận thức, mà tương ứng với một chuỗi thần thoại, “Vấn đề chính bây giờ là tìm cho ra đâu là những huyền thoại mà người Việt cảm thấy có liên hệ trong một tình huống nào đó."Riêng Kissinger cằn phải tìm xem cái gì mà miền Nam Việt Nam chấp nhận là thực tế, bởi lẽ đối với Hoa Kỳ thì thực tế là chiến tranh phải chấm dứt.

Như thế, đối với ông ta, tâm trạng và phong thái đã rõ rệt. Hoa Kỳ đã làm những gì có thể làm tại Việt Nam ; bây giờ là lúc giải két trong danh dự. Kissinger giải thích:

Người Việt Nam là 1 giống người khó tính, bướng bình và đa nghi”.

Vào một lúc khác cũng trong bữa àn trưa ấy Kissinger nói rằng giải pháp lý tưởng là thỏa thuận với Bắc Việttrước khi có bầu cử, nhưng đợi khi nào bầu cử xong mới tuyên bố kết quả điều đình. Hedley Donovan, chủ biên của tạp chí TIME, một người hằng cảm phục Kissinger, nghe đến đây không chịu nổi nữa, ông bèn thuyết cho Kissinger mội; hồi về tầm quan trọng của sự chính trực trong tiến trình bầu cử, và về những tai hại có thể xẩy ra nếu như điiều đình chì vì cuộc bầu cử. Kissinger miễn cưỡng đồng ý.

Thế rồi Kissinger bay sang Paris để cố xoay cho được một hiệp định trước ngày bầu cử, hy vọng có thể tái lập ảnh hưởng của mình trong Tòa Bạch Cung bằng cách đóng góp vào sự thắng cử của Nixon. Kissinger đã nghĩ rằng, Nixon dự định đưa Đại sứ Hoa Kỳ tại Tây Đức, Kenneth Rush, lên thay thế William Rogers trong chức ngoại trưởng, chức vụ mà ông rất ham muốn, bởi Nixon vẫn ngưỡng mộ Rưsh về vai trò của ông này trong cuộc thương thuyết Berlin

Mặt khác, nếu phân tích kỹ thì thấy Nixon đã lập thời khóa biểu cho mình căn cứ vào sức mạnh chính trị, còn thời khóa biểu của Kissinger thì dựa vào tham vọng cá nhân và tham vọng trí thức riêng của ông ta. cả hai đều hay nói đến hòa bình trong danh dự và tầm quan trọng của việc chấm dứt chiến tranh một cách danh dự. Trong bài viết cho tạp chí FOREIGN AFFAIRS, số ra tháng 1-1969, bàn về thương thuyết Việt Nam, Kissinger đã nói: “Bất kể lý do tại sao ta dính líu vào Việt Nam, bất kể những phán đoán về hành động của ta, chấm dứt cuộc chiến tranh một cách danh dự là một điều tối cần thiết cho hòa bình thế giới.” Nhưng nói một đàng, làm một nẻo. Thực ra, Kissinger chi muốn có một cuộc đình chiến trong danh dự mà thôi, ông chỉ muốn có một “decent interval”, một khoảng cách thời gian giữa lúc Mỹ rút lui và lúc sụp đổ của Việt Nam Cộng hòa, làm sao cho phải chăng, coi được là được rồi. Còn Nixon không hề công khai chấp nhận quan điểm đỏ. Ông chỉ nói đến "Thẳng lợi hòa bình”, có nghĩa là tiếp tục yểm trợ cho Việt Nam Cộng hòa, và mong cho miền Nam Việt Nam được tòn tại lâu hơn. Kissinger thì luôn lo ngại về nhóm bạn bè của ông trong giới đại học sẽ nhìn mình như đang thủ vai xu nịnh, o bế những quan điểm chính trị cứng rắn của Nixon, như một vú em trí thức, một hàng thần Do-thái trong một triều đình Đức là bộ Tham mưu tại Tòa Bạch Cung hồi bấy giờ. Kissinger có cái tài dùng ngôn ngữ lịch thiệp và tài hùng biện kênh kiệu. Trước mặt nhóm bằng hữu có khuynh hướng tự do, và trước mặt ký giả, ông đóng vai trò thiện nhân giữa bọn hung thần của Nixon. Ông còn cố tránh xa bọn này nữa. Điều làm cho H.R. Halderman rất bực tức, vì Halderman muốn cho Kissinger xử sự giống như bất cứ nhân viên nào khác nghĩa là phải nhận chịu ép mình dưới kỷ luật của mình trong chức vụ đổng lý. Dưới mắt đám bằy tôi trung của Nixon thì dường như Kissinger quan tâm đến hình ảnh của chính mình hơn là đến hình ảnh của Tổng Thống và điều này đã bị Halderman ra mặt công kích trong tòa Bạch Cung.

Kissinger đã từng làm việc cho Nelson Rockeíeller trong kỳ bầu\*cử tổng thống năm 1968 và đã được Rockeíeller trả lương kể từ giữa thập niên 1950. Hòi còn làm cho Rockeíeller, trước khi Nixon được đề cử năm 1968, Kissinger cố nói: “Nội tẩt cả những người ra tranh cử, Richard Nixon là kẻ nguy hiểm nhất nêu trở thành Tổng Thống.”

Dưới mắt Kissinger, Nixon là một kẻ lạ mặt lạnh lùng, xa cách và tự bản chất là một con ngưò i không hấp dẫn (\*). Trước mặt Nixon, thì Kissinger là một nịnh thần, luôn luôn thận trọng, không bao giờ dám công khai chống đối Tổng Thống, õng áp dụng nhiều mánh khóe để đoạt được sự tín cẩn của Nixon. Trong hầu hết mọi trường hợp, thực chát của vần đề không quan trọng bằng sự kiện là chính Kissi nger kiểm soát được vấn đề ấy qua sự ủng hộ của Nixon. Đôi khi Kissinger còn yêu cầu người khác lấy một lập trường mà ông biết là có thể đối lập với quan điểm của Tổng Thống chì nhằm mục đích làm cho lập trường của họ bị yếu đi dưới mắt Nixon. Ông còn không ngần ngại bóp méo lập trường của mình để có thể hạ đối thủ.

Điển hình là vụ Nixon quyết định thả mìn Hải Phòng hòi tháng 5, 1972. Ngoại trưởng William Rogers được triệu hòi tử Âu Châu về họp với Hội Đòng An Ninh Quốc Gia. Kissinger điện thoại cho Thứ trưởng Ngoại giao Alexis Johnson, nói rằng ông đang cố ngăn trở Tổng Thống không nên thả mìn, viện lý là có thể làm lỡ cơ hội họp thượng đỉnh với Mạc-tư-khoa mà lúc đó, ông tin rằng đã hơn 9 phần 10 có phần thuận lợi. Ồng cho là chính John Mitchell và John Connally đã bầy mưu ra vụ thả mìn, và “chúng mình phải trông cậy ở Ngoại trưởng Rogers đề tha y đổi ý kién Tổng Thống trong phiên họp với HĐANQG dự liệu vào sáng Thứ Hai tới. Laird sẽ không làm được việc đó bởi ông này luôn luôn đứng về mọi phe trong mọi vấn đề.”

Khi Rogers và Johnson gặp nhau, viên Ngoại trưởng nói ông không tin là Kissinger chống việc thả mìn. Johnson bèn điện thoại với Kissinger một lần nữa và được ông này xác nhận lại là ông thực sự chống thả mìn; theo Johnson, Kissinger còn có vẻ nản chí về đường lối của Nixon. Kissinger dịp này cũng giục Johnson thuyết phục Ngoại trưởng Rogers nên nói thảng ý kiến chống đối việc (♦) Đỏ là cái cách Kissinger nỏi với Schectcr về Nixon khi Schecter còn làm phỏng viên cho tờ Time tại Tòa Bạch Cung thả mìn trong phiên họp tới. Johnson sau này thuật lại : “Henry nói ông không có ý định nói thảng ý kiến mình ra vì là một phụ tá ông ta không muốn chống đối Tổng Thống trong một buổi họp công khai.”

Vậy mà trong chính tập hồi ký của mình, Kissinger đã kể lại nào ông đã đồng ý với việc thả mìn Hải Phòng, nào ông có được sự ủng hộ của Connally. Tại phiên họp An ninh Rogers trước đã định ủng hộ Nixon, bây giờ lại không có lập trường vững chắc, và Kissinger thuật lại là Rogers đã “Dùng dằng nước đôi” ! Hiển nhiằn là ông đã thành công trong việc vô hiệu hóa Rogers . Và như vậy, hiển nhiên là ông đã không ngay thâng với một vị Ngoại trưởng, nhân viên chuyên nghiệp cao nhất của ngành Ngoại Giao. Kissinger đã không ngay thâng ngay cả với Nixon về mật đàm tại Paris. Trong thâm tâm, ông muốn tìm đến một giải pháp khiến Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam và lấy tù binh về mà thôi, trong khi Ni xon thi luôn luôn nói đén nhu cầu “Chiến thắng được hòa bình”. Trong cuốn sách nghiên cứu về hòa đàm Việt Nam, Allan Goodman có trích dẫn lời một nhân viên trong nhóm thương thuyết của Kissinger đã tiết lộ về mục đích của Kissinger: Ông chì muốn một cuộc hòa giải điều đình “mà Hà Nội sẽ ký két đế trả lại tù binh và chẩưi dứt sự can thiệp của Hoa Kỳ là đủ còn Nixon thì “tin rằng con đường duy nhất để chấm dứt chiến tranh bằng thương thuyết là chứng tỏ cho cả Hà Nội lẫn Sài Gòn biết rằng Sài Gòn có thể thắng được cuộc chiến này.”

Nixon nhấn mạnh đến công cuộc Việt Nam hóa và sự yếm trợ của Hoa Kỳ. ông đã chứng minh lời nói bằng việc làm... việc tăng cường khả năng quân sự Sài Gòn tiến hành không gián đoạn. Vụ đột kích Cam-bốt hòi tháng 5-1970, vụ thả bom bí mật miền Bắc năm 1971, và cuộc hành quân phá trung tâm tiếp liệu Bắc Việt tại Tchepone, Lào năm 1971 :

Tắt cả những sự việc này đều gia tăng cơ hội sống còn của Sài Gòn.

Nhưng trong khi những biện pháp trên được thực hiện thì cuộc mật đàm lại đi ngược chiều hân : Nó có tác dụng trói tay, trói chân quân đội Việt Nam Cộng hòa và làm tiêu tan cơ hội sống còn của miền Nam. Bởi vậy chương trình Việt Nam hóa và công cuộc điều đình không bổ xung cho nhau như Nixon đã đề ra và trình cho Quốc Hội năm 1970 ,

Trên lý thuyết, Nixon và Kissinger cùng đi với nhau, nhưng nếu như cùng hướng đến một mục tiêu, thì họ lại thường đi theo hai ngã khác nhau . Nixon nhấn mạnh chương trình Việt hóa, Kissinger nhấn mạnh điều đình. Kissinger đặt kỳ vọng nhiều ở thương thuyết, Nixon thì không. Như Kissinger sau nầy than phiền : “Thảo nào Nixon đã luôn luôn hoài nghi thương thuyết. Trong chuyến công du vòng quanh thé giới của tôi, ông ta cứ dồn (rên tôi những bức công vàn đòi phải có lập trường cứng rắn hơn tại Paris, cái đó đã đưa đẩy sự việc sớm đến giai đoạn khủng hoảng.” .

Trái với điều tin tưởng của Kissinger là ông có thề thuyết phục đ ược Hà Nội, đề họ đi tới thỏa hiệp, Nixon đã coi điều đình chì là một cách để Hà Nội nới rộng cuộc tranh đấu giành thắng lợi cho Cộng sản. Kissinger nhìn thương thuyễt theo một khuôn khổ ngoại giao cổ truyền, nghĩ rằng Bắc Việt sẽ sẵn sàng đáp ứng áp lực ngoại giao từ Bắc Kinh và Mạc-tư-khoa. Mặc dù ông thường nói (Tến cuồng tín ý thức hê của Hà Nội, Kissinger lại coi nhẹ các yếu tố này khi thấy tiện lợi cho mình trong ý đồ thành đạt những cứu cánh chính trị tức thời. Nixon thì đặt nhẹ thương thuyết và đặt nặng sức mạnh quân sự. Trong bản phúc trình gửi Quốc Hội về chính sách đối ngoại Hoa Kỳ năm 1972, Nixon nói: “Bắc Việtcoi thương thuyết như một ngả đường khác đưa đén thắng lợi, chứ không phải một sự thỏa hiệp với đối thủ. Đối với họ, thương thuyết là sự mở rộng thêm cuộc đấu tranh quân sự bằng những phương tiện khác, thay vì là một nỗ lực nhằm dung hòa giữa hai lập trường của hai bên.”

Tổng Thống Hoa Kỳ coi chương trình Việt hóa như một con đường lựa chọn khác, không lệ thuộc vào Hà Nội. Khi ông kêu gọi “Đa số người Mỹ thầm lặng” ủng hộ ông, ngày 3-11-1969, Nixon đã giải thích rằng ông cằn đến sự ủng hộ của họ để đi tìm “một nền hòa bình công chính bằng cách hòa giải thương thuyết nếu có thể hoặc bằng cách tiếp tục thi hành kế hoạch Việt Nam hóa nếu cần thiết.”

Nixon còn muốn rằng kế hoạch của ông sẽ “chấm dứt chiến tranh và phục vụ chính nghĩa hòa bình, chẳng những tại Việt Nam mà còn ở Thái Bình Dương và trên thế giới nữa.” Trong lá thư riêng gửi ông Thiệu tiước hôm đi Trung Hoa, Nixon cũng lập lại sự ủng hộ của ông đối với ước muốn điều đình trực tiếp với   
Bắc Việtcủa Việt Nam Cộng hòa cũng như yểm trợ khả năng tự vệ đang tăng trưởng của Quân lực Việt Nam Cộng hòa.

Trái với Nixon, Kissinger không tin tưởng vào chương trình Việt Nam hóa, coi nó chì như rnột khích lệ để Hà Nội thương lượng với ông mà thôi. Ông cho rằng chương trình đó, do Bộ Trưởng Quốc Phòng Melvin Laird quan niệm và thúc đẵy, chì là để làm dju những chống đối chiến tranh. Ông tin rằng chương trình Việt Nam hóa còn có thể làm yếu đi vị trí thương lượng của mình, cho nên ông đã tranh đua với Laird để giành được sự thuận ý của Nixon.

Trong tập hồi kỳ sau này, Nixon cũng nhận định rằng chương trình Việt hóa càng thành công thì thương thuyết càng sa lầy. Một phụ tá của Kissinger kể lại : “Henry tin rằng Sài Gòn càng tỏ ra mạnh hơn bao nhiêu thì cơ hội để cho Hà Nội ký kết lại càng mong manh hơn bấy nhiêu”.

Nếu như Nixon coi chương trình Việt hóa như một phương tiện mang lại cho Sài Gòn thời gian để phảt triển khả năng tự vệ, thì Kissinger lại chì coi nó như một cách để chặn họng ôr g Thiệu cho khỏi chì trích Hoa Kỳ. Theo ông, Việt hóa là một phương tiện “để bảo đảm rằng khi đạt được một thoả hiệp rồi, thì Sài Gòn khỏi còn lý do để mà cãi là nó tới quá sớm.”

Trước khi ông vô Bạch Cung, khi phê phán về những lỗi lầm của chính quyền Johnson về Việt Nam, Kissinger đã biện luận rằng “đường lối ngoai giao của ta và những biện pháp quân sự được thực hiện đã cô lập với nhau.” . Đây là một sai lằm mà Kissinger chắc chắn là ông sẽ tránh được ; thế nhưng các cuộc mật đàm tại Paris lúc ấy chẳng có liên hệ gì đén công cuộc Việt Nam hóa đang được Ngũ Giác Đài hoạch định và thi hành tại Sài Gòn. Kissinger còn phê bình rằng khiTổng thống Johnson nói muốn điều đình “vô điều kiện, bất cứ lúc nào, bất cứ nơi nào” với Hà Nội, thì dohnson đã mất sự uyễn chuyên và “cho phe bên kia quyền lựa chọn thời gian thương thảo”. Thế nhưng chính Kissinger cũrg vấp phải sai lầm ấy khi ông định thời hạn chót để có một hiệp định là cuộc bằu cử tháng 11, 1972 : Ông ta đã nhượng cho cs một lợi điểm vô cùng to lớn.

Kissingger luôn luôn là kẻ chủ trương thương thuyết hơn là tranh chấp, nghĩ rằng chương trình Việt hóa có thể khuyến khích Bắc Việt thương thảo. Bởi vậy, đối với ông việc tăng cường quân đội Việt Nam Cộng Hòa không phải để giúp miền Nam nhưng chì là để bắt buộc Bắc Việt phải thỏa hiệp tại bàn thương thuyết mà thôi, ông giải thích trong tập hòi ký : “Chúng ta cần có một chiến lược khiến cho việc tiếp diễn chiến tranh sẽ không trở nên hấp dẫn nữa đối với Hà Nội bằng cách đi tới hòa giải.” Thế nhưng ông đã không nhận ra được là Hà Nội đã chì có một mục đích chủ yếu : “Việc toàn bộ quân Mỹ đơn phương rút khỏi Việt Nam.” Năm 1969, khi Nixon loan báo rút 25 ngàn quân Mỹ về, Hồ Chí Minh đã đòi “một sự rút lui tổng quát, toàn diện và vô điều kiện. Trong bài chúc thư trước khi chét, Hò cũng đã trối trăng cho đàn em như vậy . Cho nên Bắc Việt không bao giờ chịu nhượng bộ trên bàn hội nghị về vẩn đề Mỹ phải đơn phương rút quân ; và như vậy có điều đình cũng vô ích mà thôi ! Len lén đi đêm với Hà Nội, Kissinger chỉ có thể gặp ma. Trong những cuộc mật đàm, Kissinger đã sơ hở để cho Lê Đức Thọ thấy rõ yếu điếm của Mỹ là khao khát có được một chữ ký của y và một “hiệp đinh đình chiến” để còn tuyên bố với nhân dân Hoa Kỳ là mình đã tìm được hòa bình và danh dự. Kissinger đã ngẫu nhiên cho Hà Nội cơ hội làm cao, đặt thêm hết điều kiện này đến điều kiện khác.

Trong hai năm ròng, Kissinger đã lãng phí thời giờ, tập trung vào việc triệt thoái cả hai bên co: như là giải pháp then chốt, thế rồi sau cùng hoàn toàn nhượng bộ.

Năm 1968, trước khi nhậm chức, ông ngây thơ tin rằng Hà Nội sẽ phải điều đình việc triệt thoái cuân đội Mỹ, vì họ “không thể bắt” Mỹ làm như thế được. Nhưng ông không biết rằng khi Mỹ tuyên bố rút lui 25 ngàn quân (tại Midway, năm 1969) Hà Nội đã không thấy đó là một khích lệ để cũng rút quân về miền Bắc như ông tưởng trong cuộc họp mặt lần đằu tiên với Xuân Thủy ở Paris. Kissinger bảo hắn là “  
Hoa Kỳ đã làm một số hành động có ý nghĩa, đơn phương, để tỏ thiện chí: Chúng tôi đã ngưng tăng viện. Chúng tôi đã loan báo việc triệt thoái đơn phương 25 ngàn người, và chúng tôi đã hứa là sẽ còn triệt thoái thèm nữa.” Kíssinger tưởng là đến phiên Hà Nội phải đáp đứng , cứ như kiểu điều đình Tây Phương : bên này nhường rồi tới phiên bên kia nhường. Nhưng không, chương trình rút quân của Mỹ đã bị mắc kẹt trong tiến trình chính trị quốc nội và Kissinger không thấy rằng Bắc Việt đã nhận định ngay là Mỹ sẽ phải tiếp tục rút lui, bất chấp họ có nhượng bộ hay không.

Quả vậy, họ càng kiên nhẫn bao nhiêu thì càng ít quân Mỹ để phải đối phó bấy nhiêu. Mỹ rút quân về càng nhiều, thì Hà Nội càng ít “tưởng lệ” để mà điều đình. Mỹ càng xuống thang thì Cộng sản càng leo thang yèu sách.

Còn về phía Việt Nam Cộng hòa, thì kế hoạch Việt Nam hóa mang ' lại cho mình phương tiện phát triển được một khả năng tự vệ lớn hơn. Lệnh tổng động viên được ban bố để tăng quân số Quân lực Việt Nam Cộng hòa lên đến ] triệu 1 trăm ngàn người. ĐÒ trang bị Mỹ được nhanh chóng chở tới bằng máy bay ; gần rnột triệu súng M-16 được yêu cầu từ lâu nhưng mãi lúc đó /mới được phân phối, để thay thế các loại súng M-l và Ị Garrand lỗi thời (không thể nào sánh được với súng AK- / 47 của Bắc Việt, do Trung Cộng viện trợ.) Hoa Kỳ còn cung ứng 12,000 khẵu đại liên M-60 và 40,000 súng phóng lựu í ị M-79. Năm 1969, chương trình lãnh đạo đã được 100,000 ' -cán bộ quân và dân sự ; trên 1,000 người, kể cả phi công, được gửi sang Hoa Kỳ mỗi năm để theo học các lớp huấn luyện cao cấp. Đến năm 1970, chính phủ đã có thể loan báo rằng Việt Nam Cộng hòa đã chính thức “bước sang giai đoạn hậu chiến” Kỹ năng tác chiến và khả năng toàn diện của   
Quân lực Việt Nam Cộng hòa đã được cải thiện lớn lao vào năm 1971, dù rằng lúc đó 80 phần trăm quân Mỹ đã rút về.

Chương trình bình định, một thành tố khác của kế hoạch Việt hóa, cũng đã tiến triển tốt dưới hình thức chương trình Phượng Hoàng, dưới quyền điều khiển của Cơ quan Tình Báo Trung Ương (CIA) và \Villiam Colby. Trong khoảng thời gian 1969-71, theo Colby chương trình Phượng Hoàng đã giảm bớt được 67,000 quân phiến cộng, trong đó 21,000 tên bị giết trong các năm đó. số còn lại hoặc trở về làng hoặc bị coi như tù binh. Dưới chiến dịch ấy, dân làng được cung cấp vũ khí và huấn luyện cách thức nhổ tận gốc bộ máy Việt Cộng địa phương, và ngăn không cho chúng di chuyển từ xẵ nọ sang xã kia . Địa phương quân, 300,000 người, và Nghĩa quân 250.000 cũng được Hoa Kỳ vũ trang. Tới năm 1970, 80 phần trăm các lực lượng nầy đã được cung cấp vũ khí tự động. Ngay đầu năm 1971, Nixon đã báo cáo như sau trong bản phúc trình gửi Quốc hội về chính sách đối ngoại :

Vào giữa năm 1969, các chỉ số cho thấy khoảng 40 phần tràm dân số vùng nông thôn đã thuộc quyền kiểm soát của miền Nam Việt Nam, 50 phàn trăm dưới ảnh hưởng của cả hai bên, và mười phần trăm thuộc quyền kiểm soát của bên kia. Gàn đây, các tỷ lệ nói trên đã làn lượt là 65 phồn trăm, 30 phần trăm và 5 phần trăm. Nếu lấy con số 6 triệu dân thành thị của mièn Nam, tất cả đều thuộc quyền chính phủ kiêm soát, cộng với trên bẩy triệu dân số nóng thôn vừa nói trên, thì có khoảng 80 phàn trăm tổng số dân miền Nam Việt Nam hiện do chính phủ kiểm soát.

Nhưng thật là rủi ro ! Đang khi Việt Nam Cộng hòa lớn mạnh và bắt đầu nắm lấy thế chủ động và chiếm phần ưu thế, thì Kissinger lại tới Sài Gòn để bắt phải chấp nhận một cuộc “ngưng bắn tại chỗ”, cho phép quân Bắc Việt ở lại miền Nam. Bọn chúng sẽ không bị tập két vào những vùng có phân ranh giới rõ ràng, mà sẽ được tự do ở đâu ở đó, tại bất cứ nơi nảo mà chúng thiết lập được vị trí, như những “đốm da beo”. Người ta bèn gọi đó là ngưng bắn kiíỉu “da beo” Bốn năm qua, dân chúng miền Nam đã được vũ trang và huấn luyện để chống Cộng. Giờ đây họ sẽ được lệnh chấp nhận sự có mặt của Việt Cộng va cho phép chúng được tự do đi lại trong các vùng thôn quê. Người miền Nam đã từng được huấn luyện để tiêu diệt Cộng sản, bây giờ lại được lệnh chấp nhận cho chúng sống chung. Điều ắy phát sinh ra trong dân gian nhiều câu nói cay đắng, chẳng hạn : “Trước kia mình vô rừng để săn thú. Bây giờ mình lại phải ôm thú trong tay và ngủ với chúng.” (35;

Ông Thiệu sau này ví von việc Hoa Kỳ bắt buộc chấp nhận cho Bắc Việt để quân lại miền Nam như buộc chủ nhà phải chấp nhận một kẻ trộm vừa bị chộp quả tang trong phòng ngủ mình. Ông kể câu chuyện : Có người kêu cảnh sát đén bắt kẻ trộm ; “Lúc cảnh sát tới, họ vẫn không đuổi được tên trộm ra khỏi nhà. Thấy khó quá, viên cảnh sát trưởng bèn đút súng vô bao rồi khuyên người chủ nhà : “Hắn đâu đén nỗi nào ! Tại sao ông không thử cố sổng chung với hiín đi ? ít lâu sau chắc rồi hắn sẽ nhớ nhà và sẽ về với gia đình hắn đấy 1” Dĩ nhiên ít lâu sau tên trộm sẽ nhảy lên giường hiếp vợ mình.”

♦

\* \*

Với tâm trạng đó, ông Thiệu tìm cách đối phó với Kissinger sau buổi họp mặt ban đầu là 19 tháng 10, 1972. Ông yêu cììu Kissinger đến họp với các thành viên HĐANQG tại nhà riêng Ngoại trưởng Trần Văn Lắm, tại đường Hòng Thập Tự vào sàng thứ Sáu, ngày 20 tháng 10 lúc 10 giờ. Đến lúc đó, thì phía Việt Nam đã có dịp nghiên cứu bản văn hiệp định bằng tiếng Việt do John Negroponte. phụ tá của Kissinger, trao cho hôm trước. Đọc bản tiếng Việt (do Cộng sản thảo), phía Việt Nam Cộng hòa đã thắy rõ ràng những mối lo âu của mình là có căn cứ.

Kissinger đã chấp nhận bản dự thảo tiếng Việt với tất cả thuật ngữ của Cộng sản, và nó khác hẵn bản Anh ngữ. Bắc Việt quả đã dùng chữ, “cơ cấu chính quyền” để mô tả Hội- đồng Hòa-hợp và Hòa-giải Dân-tộc, và các lực lượng Mỹ được gọi bằng một từ ngữ cố tình xúc phạm là “quân Mỹ”

Một đoạn khác trong bản tiếng Việt kêu gọi Mỹ và các “chư hầu” phải rút lui.

Trước khi phiên họp bắt đầu, quanh một bàn ăn dài bằng gỗ mun, Ngoại trưởng Lắm, người Công Giáo, đọc 1 lời cầu nguyện: “Xin Chúa ban ơn cho những người đang có mặt tại đây làm việc đắc lực đem lại hòa bình cho Việt Nam.” Phía Việt Nam Cộng hòa phản đối, đòi minh xác tổng cộng hai- mươi-ba điểm. Một cuộc đấu khẩu sôi nổi được diễn ra. Trong số hai-mươi-ba điểm, Kissinger nói chỉ có 8 điểm là là đáng được minh xác thôi. Buổi họp kết thúc vào lúc trưa.

Tới Dinh, Nhã vào gặp Thiệu giữa lúc ăn trưa. Ông bảo Nhã ngòi xuống cùng ăn. Nhã nói: “Em không có thời giờ ăn đâu. Việc này nghiêm trọng lắm.” Thiệu hỏi cái gì nghiêm trọng. Nhã liền đọc một danh sách dài những khác biệt giữa Việt Nam và Kissinger. Sau này Nhã kề lại : “Càng đọc thêm mình càng thấy ổng hết muốn ăn luôn.” Nhã giục ông Thiệu đòi thêm thời giờ nghiên cứu bản hiệp định, và đề nghị : “Xin anh bỏ buổi họp năm giờ đi.” Thiệu đáp: “Nhưng mình đã lỡ hứa rồi !”

Cùng một lúc, ông Thiệu lại nhận ngay được những báo cáo khẩn từ các bộ Tư Lệnh quân đoàn cho biét địch đang tập trung theo đúng những chỉ thị ghi trên những tài liệu tịch thu. Nếu như ông Thiệu cứ tiếp tục tiên hành ký tắt vào bản hiệp định, thì chắc sẽ có ngay một cuộc tấn công của địch trên toàn lãnh thổ trước khi có cuộc ký kết chính thức tại Paris. Sự việc này hinh như đã được dàn xép tháng trước với Kissinger tại Paris rồi. Nhã nói; “Mình phải triệu tập tất cả các tình trưởng về Sài Gòn sáng ngày mai, và em sẽ lấy đó làm cái cớ để hoãn cuộc họp với Kissinger.” Thiệu quyết định không cho Kissinger biết về những tài liệu tịch thu, vì ông muốn để xem Kissinger sẽ nói gì về những điều kiện ông ta đã thỏa thuận với Bắc Việt;

Ngoài ra Thiệu không muốn cho Kissinger có dịp để cãi rằng đó chì là chiến dịch phản tuyên truyền của Cộng sản. Thiệu nghĩ rằng đối chất Kissinger với những tài liệu tịch thu đó thì chì gây thêm căng thẵng mà thôi.

Bốn giờ chiều, Nhã gọi điện thoại cho Đại sứ Bunker nói rằng buổi họp với Thiệu sẽ phải hủy bỏ. “Tôi rất tiếc, nhưng một số biến cố bất ngờ vừa xẩy đến ; địch đang tập trung quân. Chúng tôi đang gọi tất cả các tình trưởng và Tư lệnh quân đoàn về Sài Gòn đế họp vào sáng mai.”

Bunkei hỏi, điềm nhiên : “Thế bao giờ sẽ họp vào ngày mai ?■’

Nhã đáp ; “Tôi sẽ tìm cách thông báo cho Ngài sau.”

Bunker yèu cầu được nói chuyện với Thiệu, nhưng Nhã nói: “Xin Ngài tha lỗi, vì tình hình khẩn cấp, Tổng Thống đã ra chỉ thị cắt hết mọi liên lạc. Ông không muốn nói chuyện điện thoại với bất cứ ai. Tôi sẽ gọi lại Ngài chừng nào tôi được biết thời giờ Tổng Thống có thể gặp lại Ngài đuợc.”

Sau đé mấy tiếng đồng hò, lúc Nhã đang ở tư thất Phó Tổng Thống Trần Văn Hương, anh nhận được điện thoại của Bunker. Bunker hỏi: “Chúng tôi có thể tới gặp Tổng Thống lúc này được không? Chúng tôi sắp rời tòa Đại sứ ngay bây giờ đây.”

Nhã nói: “Trong Dinh chưa chuẩn bị. Chúng tôi có một số việc khác khẩn cấp, Ngài chưa thể gặp được Tổng Thống lúc này ! Tôi thực sự không muốn quí vị lên xe rồi tới cổng Dinh lại không thể vào được, vì tôi đã được Tổng Thống chỉ thị là ông ta không muốn gặp ai chiều nay hết.”

Đại sứ Bunker, lúc này mới nổi giận, vì đã bị Kissinger áp đảo tinh thần, lắp bắp : “Anh đâu có thể làm như vậy đuợc.” Kissinger bèn giật lấy ống nói: “Đây là Tiến sĩ Kissinger.”

Nhã đáp: “Thưa ông mạnh giỏi ?”

Kissinger gặng hỏi: “Tại sao chúng tôi lại không được gặp Tổng Thống T

Nhã đáp: “Như tôi vừa mới giải thích cho Đại sứ Bunker, tôi rất tiếc là Tổng Thống không thễ gặp quí vị lúc này. Ông ta sẽ gặp quí vị ngày mai !”

Kissinger nói: “Tôi là Đặc sứ của Tổng Thống Hoa Kỳ. Anh thừa biết là tôi không thể được đối xử như một nhân viên chạy vặt.”

Nhã trả lời: “Chúng tôi không bao giờ coi ông là một nhân viên chạy vặt, nhưng nếu ông nghĩ như vậy, thì tôi đâu có thê làm gì được.”

— Tôi đòi được gặp Tổng Thống !

— Xin ông cho phép tôi được nhắc lại lỉìn nữa điều mà tôi vừa thưa với ông. Tôi xin lỗi.

Kissinger trao ống nghe cho Bunker. Ông này dằn mặt “Khôn hồn thì anh nên gọi lại cho tôi.” Sau này người ta mới hiểu tại sao Kissinger phải vội vã vô Dinh : vì ông muốn Thiệu đồng ý để còn kịp đi Hà Nội ký tắt vào bản thảo hiệp định với Phạm Văn Đồng như ngày giờ đã định (tức 24 tháng 10, 1972)

Lúc đó, Kissinger lại có thêm một vấn đề khó khăn nữa muốn thanh minh cho ông Thiệu. Phóng viên Arnaud de Borchgrave vừa thực hiện được một cuộc phỏng vấn với Phạm Văn Đồng dành riêng cho tạp chí NEWSWEEK, và vừa rời Hà Nội bay qua Vạn Tượng. Cuộc phỏng vấn khảng định ý đồ của Bắc Việtlà coi Hội- đòng Hòa-hợp và Hòa-giải Dân tộc là một chinh phủ liên hiệp. Muốn gứi bài về New York cho kịp hạn chót, De Borchgrave đã yêu càu Đại sứ Hoa Kỳ ở Vạn Tượng, G. McMurtie Godley, cho phép ông sử dụng đường giây liên lạc của Sứ quán. Để có đi có lại, ông chuyến cho Đại sứ Gordley một bản văn ghi đằy đủ tại chỗ cuộc phỏng vấn, cũng như các phần nói chuyện ứng khẩu của Đồng. Chì nội hai giờ sau, Kissinger đã được đọc bài phỏng vấn đó tại Sài Gòn. Ông hết sức bực mình vì âm mưu đã bại lộ !

Trong bài phổng vấn, Đồng được hỏi về vai trò của Thiệu trong một chính phủ liên hiệp ba bên. Đòng đáp: “Thiệu đã bị những biến cố mới đây bỏ xa rồi. Và những biến cố thi có hướng đi riêng của chúng.” Sau khi ngưng bắn sẽ có hai quân đội và hai cơ cấu hành chánh, “và trong tình trạng mới ấy, họ sẽ phải tự dàn xếp lấy một chính phủ liên hiệp chuyển tiếp ba bên và ổn định tình hình sau khi Mỹ rút quârvề sau, Kissinger lại tiết lộ cho báo chí rằng ông rất bực tức chì vì ông tin rằng chính phủ liên hiệp đâu có phải là giải pháp mà ông đã “thương lượng” ở Paris? Sự thực là tuy ông không “thương lượng” nhưng ông đã để mặc cho Hà Nội tự giải thích Hội đòng đó là một chính phủ liên hiệp.

Sau khi đánh điện gửi bài về Mỹ, de Borchgrave bay qua Sài Gòn và điện thoại cho Tướng Trần Văn Đôn để nhờ dàn xếp một cuộc phỏng vắn ông Thiệu : “Sẽ quả là một điều ngạc nhiên đối với chúng tôi nếu ông Thiệu đã đồng ý ký bản hiệp định mà Phạm Văn Đồng vừa tiết lộ cho tôi biết nội dung khi tôi phỏng vấn ông ta ngày 18 tháng 10.” (zL0) Đôn liền gọi Nhã và nhờ thu xếp hộ cho de Borchgrave phỏng vấn. Đôn cũng nói sơ qua về cuộc phỏng vấn Phạm Văn Đòng của NEWSWEEK, nhưng ông không có bản văn trong tay.

Xế trưa thứ Sáu, Kissinger lại điện thoại vào Dinh đòi gặp Thiệu, vì ông muốn cho Thiệu coi bài phỏng vấn Đòng và đòng thời giải thích với Thiệu rằng ở Paris ông đã không hề thương lượng về một chính phủ liên hiệp. Qua máy nói, Kissinger bảo Nhã là vừa có “một biến chuyển mới, và tôi cần phải thưa truyện với Tổng Thống.” Nhưng Nhã không đổi ý, và yêu cằu Kissinger nán chờ thêm.

Mười giờ sáng hôm sau, thứ bảy, 21-10, Kissinger và Bunker được mời đến gặp Thiệu. Trong hai tiếng đòng hồ họp, Kissinger không nói gì đến bài phỏng vấn của de Borchgrave. Thiệu lại không biết là Kissinger đã có bài phỏng vấn, nên chỉ duyệt lại két quả buổi họp sáng thứ Sáu với Ngọại trưởng Lắm và HĐANQG. Trong số 23 thay đổi mà Việt Nam Cộng hòa yêu cầu, Kissinger quả quyết rằng có lẽ chì có thể giải quyết được 16 thôi, số còn lại phải để nguyên vi chúng đưa ra “những đòi hỏi quá đáng, không thể thỏa mãn được.” Các điểm chính là sự hiện diện của quân đội   
Bắc Việt tại miền Nam và cương vị của Hội đồng Hòa hợp và Hoà-giải Dân-tộc trong tư cách một cơ quan chính quyền. Tới đây, nhân viên văn phòng Tổng thống bước vào đưa một mật điện từ tòa Đại sứ Hoa Kỳ chuyển sang. Đó là một thông điệp của Nixon gửi cho Thiệu qua Kissinger. Kissinger đọc cho Thiệu nghe thông điệp vừa nhận được. Bức điện tín của Nixon giục Thiệu ký hiệp định và dọa rằng nếu không sẽ cắt viện trợ :

Nếu như Ngài thấy hiệp định này không thề chấp nhận được vào lúc này, và nếu như phe bên kia quả thực đã cổ gắng hết sức để thỏa mãn những đòi hỏi (của chúng ta), thì, theo ý kiến tôi, quyết định của Ngài sẽ mang đen những tác dụng nghiêm trọng nhất đối với khả năng của tôi tiếp tục yểm trợ Ngài và chính phủ mièn Nam Việt Nam.

Thật là khéo dàn cảnh. Kissinger trao bức điện văn cho Thiệu, nhưng Thiệu chỉ mìm cười mà không đọc. Nhã cầm lên một bản, đọc qua rồi trả lại cho Bunker, và nói “Cám ơn”. Buổi họp không một tiến xiển, nhưng Kissinger đứng dậy ra về vẫn hí hửng là Thiệu chắc chắn sẽ chấp nhận bản hiệp định. Một phiên họp khác được định vào sảng Chủ nhật lúc 8 giờ.

Sáu giờ sảng Chủ-nhật, từ tòa Đại sứ Hoa Thịnh Đốn điện về, có đầy đủ bản văn phỏng vấn Đòng của de Borchgrave. Đọc xong bài phỏng vấn, Thiệu giận tím ruột. ông đã bảo Kissinger nhiều lần là Hà Nội coi Hội đòng ấy như một chính phủ liên hiệp thực sự, và giờ đây, ông đã có bằng chứng Bắc Việt đòi cho MTGP cái quyền có một cơ cấu hành chánh riêng tại miền Nam, để rồi đi đến một chính chính phủ liên hiệp, với sự hậu thuẫn của tất cả lực lượng quân đội Bắc Việt để lại. Cuộc ngưng bắn “da beo” sẽ là căn bản cho một chính quyền đối nghịch. Hội đòng sẽ chính là cơ cấu để thực hiện chiến lược đó. Và đây là bằng chứng công khai.

Nhưng Thiệu quyết định không đưa “bằng chứng” ấy cho Kissinger coi, mà muốn xem chính ông này sẽ có nêu lên không: “Chúng tôi chơi trò mèo rình chuột với Kissinger, và đợi xem ông ta sẽ nói gì, ông không hề đả động gì hết (về bài phỏng vấn Đòng).” . Sau bốn- mươi-lăm phút họp vô kết quả, Thiệu nói với Kissinger là ông không thể kỷ các hiệp ước theo những điều kiện hiện hữu. Thế nhưng Kissinger lại cổ cảm tưởng rằng Thiệu đang tìm cách dàn xếp theo ý mình muốn và lúc ra về cảm thấy phấn khởi. Õng đánh điện ngay cho Nixon, rất lạc quan: “Tôi nghĩ là chúng tôi đã tìm được lối thoát.” Khi Kissinger bay qua Nam Vang, Bunker tiếp tục hội họp với phía Việt Nam Cộng hòa và thông báo tòa Bạch Cung rằng cả ông lẫn Kissinger đều thẩy lạc quan sau khi họp với Thiệu. Bunker còn quả quyết rằng Bắc Việt đã thắt bại trong nỗ lực giành đắt trước khi ngưng chiến.

Trong cùng ngày, khi họp với HĐANQG, ông Thiệu cũng trấn an họ là sẽ không chấp nhận công thức liên hiệp, và ông tin chắc rằng Kissinger đã bị Hà Nội lừa.

Tại thủ đô Hoa Kỳ, Hưng cũng đã đọc bài phỏng vắn Đòng, đăng tải trong tờ Newsweek. Đọc xong, Hưng thấy những lo sợ trước kia của mình đã đúng: Mỹ sẽ dàn xếp với Hà Nội một công thức chính phủ liên hiệp. Mùa hè vứa qua, lúc tình hình quân sự tại miền Nam đã sáng sủa và Hà Nội dường như có nhiều thiện chí thương thuyết hơn, Hưng đã cố gắng một lần nữa vận động cho một cuộc tiếp xúc trực tiếp giữa hai miền Nam-Bắc. Lúc ấy, Hưng chưa thấy được hướng đi rõ rệt của những cuộc thương thảo giữa Kissinger và Thọ, cho nên, trong tuyệt vọng, anh đã tin rằng tái lập giao thương có thể là một lói thoát cho Việt Nam Cộng hòa đi thâng với Bắc Việt bên ngoài khuôn khổ hòa đàm Mỹ-Bắc Việt. ít ra, thì cái sáng kiến ấy cũng sẽ có tính cách tuyên truyền, rất lợi cho chính phủ Sài Gòn, vì tó ra là mình không ngoan cố. Để mở đường, ngày 24-9-1972, Hưng đã viết cho tờ Washington Post một bài bình luận dài hơn một trang nhan đề “Nam Bắc bắt tay để buôn bán”. Trong bài đó, anh nhấn mạnh tầm quan trọng của sự giao thương và coi nó như một yếu tố của hòa đàm : “Việc tái lập cộng tác kinh tế giữa hai miền Nam , Bắc phải được cứu xét nghiêm chình trong cuộc thương thảo hiện nay.” Sau đó, anh còn gửi cho ông Thiệu một lá thư giục phải có sẵn một giải pháp hòa bình trong đó có vấn đề thông thương trước khi Kissinger tới Sài Gòn. Anh cho rằng, nếu Sài Gòn được Hoa Kỳ thỏa thuận cho thương thuyỂt thâng với Hà Nội, thì sẽ đỡ thiệt hại cho miền Nam hơn vì vẫn còn nhiều phương thức thảo luận khác.

Trong lúc Kissinger đang ở Nam Vang họp với Tổng Thống Cam-bốt Lon Nol, thì các viên chức Hoa Kỳ đi các nước Đông Nam Á thông báo cho Thái Lan, Đại Hàn, và Lào là Việt Nam Cộng hòa đã đòng ký kết hiệp định. Tại Sài Gòn, theo chỉ thị của Kissinger, các viên chức tòa Đại sứ Mỹ cũng đi phao tin Thiệu sẽ ký !

Trong buổi gặp gỡ với Lon Nol tại Nam Vang, Kissinger còn nói nâng như thể Thiệu đã hoàn toàn tán thành bản hiệp ước. Lon Nol bèn mở Champagne để chúc mừng. “Thế là hòa bình sắp tới. Chúng ta sẽ uống mừng cho hòa bình và ca ngợi Tiến sĩ Kissinger đã thành công trong sứ mang của ông.”

Sau khi gặp Lon Nol, Kissinger bay ngay về Sài Gòn để kịp giờ họp với Thiêu một lần nữa vào chiều Chủ nhật 22- 10. Trước đó, Thiêu đã quyết định sẽ không thay đổi lập trường.

Trở về Sài Gòn, Kissinger cảm thấy “rộn rực về viễn ảnh thành công” vì đã được Lon Nol tản thành các kế hoạch của ưdnh. Ông cùng Bunker đi thẳng vào Dinh Độc Lập gặp Thiệu. Nhưng tới nơi, Thiệu đã đón ngay bằng một câu trách móc (bằng tiếng Việt) : “Tôi không đồng ý về việc một số nhân viên của quí vị đi nói khắp Saigòn là tôi đã ký. Tôi chưa ký kết gì cả. Tôi không phản đổi hòa bình, nhưng tôi chưa nhận được một trả lời thỏa đáng nào về quí vị, cho nên tôi sẽ không ký.” Rồi Thiệu nhắc lại ba phản đối chính : Sự hiện diện tiếp tục của quân Bắc Việt tại miền Nam, l ính cách liên hiệp của Hội đồng Hòa-hợp và Hòa-giải, và việc Bắc Việtkhông tôn trọng vùng Phi Quân Sự như một biên giới giữa hai miền. Bắc Việt khăng khăng cho là không có phân cách nào giữa Nam và Bắc ; Việt Nam là một lãnh thổ. Cứ theo lời lập luận ấy, thì quân Bắc Việt đâu có xâm chiếm miền Nam và vì vậy đâu có bắt buộc phải trở về Bắc hay rút khỏi miền Nam. Cho nên, đối với Thiệu, thừa nhận vùng Phi Quân Sự, coi nó như ranh giới Nam Bắc là điều tối quan trọng cho lập luận của mình đòi quân Bắc Việt phải triệt thoái khỏi miền Nam và trở về quê quán của họ.

Kissingcr nổi giận đùng đùng bảo Thiệu là ông đã thành công ở Bắc Kinh, ở Mạc-tư-khoa, ở Paris, mà bây giờ Thiệu lại trở thành “chướng ngại hòa bình”, “Nếu Ngài không ký, chúng tôi sẽ xúc tiến một mình.”, Kissinger đe dọa như vậy.

Không kiềm chế được nữa, Thiêu buộc tội Kissinger là đã “thông đòng” với Nga Xô và Trung Cộng để bán đứng miền Nam Việt Nam. Sau này Thiệu kể lại: “Tôi vừa kinh ngạc vừa bực tức. Chính quyền Mỹ đã không phải là một đòng minh có danh dự. Họ đã không cần sự thỏa thuận của Việt Nam Cộng hòa. Mỹ đã phản bội mình. Mình bị èp buộc phải nhận lấy một thất bại, mà không làm gì khác được (mà không ký hiệp định). Anh có thể tưởng tượng được không? Kissinger bảo tôi là Nga đã nói với ổng rằng Bắc Việtsẽ không chấp nhận triệt thoái, và Hoa Kỳ đã đòng ý ... nói như thế thì còn ra thể thống gì nữa.”

Thiệu nhất định không muốn dính líu gì tới vụ đổi chác này của Kissinger, vì ông không thấy có gì lợi cho miền Nam hết, ngoài thảm họa ở phía chân trời. Tất cả nỗi căm giận nén lại trong lòng Thiệu lúc đó mới bùng ra, và ông nói với Kissinger:

Kễ tử khi Hoa Kỳ yêu càu tôi từ chức và còn mặc cả với tôi vè ngày giờ từ chức, nếu tôi không phải là một quân nhân thì tôi đã từ chức rời. Bởi vì tôi thấy nhũng người tôi coi là bạn đã thiếu tình nghĩa với tôi. Nhưng tủi nhục cá nhăn dù lớn đến mấy nữa, tôi cũng sẽ tiếp tục chiến đấu. Điều thỏa mãn nhắt cho tôi là lúc mà tôi có thê ký vào hiệp ước hòa bình. Tôi chưa hè nói với ai là người Mỹ đã yêu càu tôi từ chức, vì như vậy, họ sẽ chia sẻ mối tủi nhục đó với tôi, nhưng tôi đã làm như là tự mình lấy quyết định đỏ.

Nhất định không chịu thua, Kissinger đáp:

Tôi cảm phục sự can đảm, lòng hy sinh và tính anh hùng được biểu lộ trong bài diễn văn của Ngài. Tuy nhiên, là một người Mỹ tôi không khỏi bực bội vể câu phát biêu của Ngài cho là chúng tôi đã thông đỏng với Xô Viết và Trung Quốc. Làm sao Ngài cỏ thể quan niệm được như vậy mà khi Tổng Thống (Nixon) ngày 8 tháng 5 đã lièu cả tương lai và chính trị của mình đê giúp Ngài. Khi chúng tôi thảo luận vói Xô Viết và với Trung Quốc, đó là đề làm áp lực với họ, để họ làm áp lực với Hà Nội. Chúng tôi thục tâm tin rằng bản hiệp định đè nghị này bảo tờn được nền tự do của Nam Việt Nam — nguyên tắc của chúng tôi đã giống như nguyên tắc của Ngài, và chúng ta đã bảo vệ chúng. Ngài chỉ có một vấn đề, Tổng Thống Nixon có nhiều vấn đề khác! Không một người Mỹ nào sẽ hiểu được việc Ngài tin là chúng tôi đã phá hoại Ngài, chứ đừng nói gì đến Tổng Thống Nixon.

Còn vè chi tiết: chúng tôi đã không công nhận quyển Bắc Việtđược ở lại miên Nam. Chúng tôi đã sử dụng ngôn ngữ của hiệp định Genevè, vì chúng tôi nghĩ đó là phương cách tốt nhất để đi đến được một giải pháp thực tiễn. Giá như chúng tôi muốn bán đứng quí vị, thì chắc đã có nhiều cách dễ dàng hơn đề hoàn thành việc đó rồi Ị

Ông Thiêu không hề động tâm khi thấy Kissinger phật ý. Còn Kissinger thì thay đổi chiến thuật, lúc thì làm vẻ tức giận, lúc thì ngọt ngào, nhưng chẳng đi đến đâu. Nhã thông ngôn rút ngấn những câu trả lời của Kissinger, khiến ông ta còn giận hơn nữa : “Tại sao tổng thổng của anh lại đỏng vai trò kẻ tứ vì đạo như thé? Ông ta đâu có cái chất liệu làm nên người tứ vì đạo ?”

Thiệu cuời gằn và vẫn đáp bằng tiếng Việt: “Tôi đâu có định làm kẻ tử vì đạo. Tôi là người theo chủ nghĩa quốc gia và tôi đang cố là một người thực tiễn, muốn có những câu trả lời cho những điểm hợp lý.”

Càng nghe Kissinger giải thích thêm, Thiệu càng nổi giận, nhưng ông nén lại, xoay lưng đi và ngó lên bức bản đò Việt Nam lớn treo trên tường phòng Ước đoán Tình hình, nơi đang họp. Sau này Thiệu kể lại; “Bổn phận của Mỹ là chiến đấu với đòng minh của mình, chứ đâu phải là một avocat du diable (thầy biện hộ cho ma qủy). Kissinger đến với mình không như người bạn cùng chiến đấu, mà để biện hộ cho chính nghĩa của Bắc Việt. Ông ta cho tôi cải cảm tưởng là ông đại diện cho Hà Nội chứ không phải cho Hoa Kỳ. Ông đâu có về phe mình mà về phe Lê Đức Thọ để biện hộ cho lập trường của tên này. Ông còn bào chữa cho Bắc Việt. Đó mới là cái lạ. Tại sao một người bạn Mỹ cùng chiến đấu lại bào chữa cho kẻ thù ? Tô) không hiểu ông ta làm việc cho ai. Cho chúng ta hay cho Bắc Việt? Đáng lẽ Tiến sĩ Kissinger đã nên tới Sài Gòn cùng làm việc với mình ngay từ hồi đầu, bày ra chiến tược và ủng hộ nhau mới phải.”

Thiêu cho rằng Việt Nam Cộng hòa hiểu Bắc Việt hơn Mỹ, rằng Kissinger đã bj Thọ đánh lừa, hoặc đã có trao đổi bí mật gì với Hà Nội. Ông cố gắng giải thích cho Kissinger là ông không làm cản trở hòa bình, nhưng hiệp định là “một vấn đề sinh tử cho nước tôi”. Thiệu càng tỏ ra cứng rắn, thì Kissinger lại càng nổi giận :\*Đây là sự thất bại ngoại giao lớn nhất trong sự nghiệp của tôi.” (53) Thiệu cũng bực tức hỏi: “Sao ông vội đi tranh giải hòa bình Nobel đến thế ?” kể:

Kissinger quay lưng đi không đáp. Bunker, lúc này cũng đã nổi nóng, bèn tiếp tục cuộc đàm thoại : “Vậy thì, thưa Tổng Thống, lập trường chót của Ngài là không ký, phải không?”

Thiệu nói: “Vâng, đó là lập trườngcuốicùr gcủatôi. Tôi sẽ không ký và tôi xin Ngài thông báo cho T ổng thống Nixon biết như thế. Xin quí vị trở về Hoa Thịnh Đốn và nói với Tổng Thống Nixon rằng tôi càn được trả lời

Nhất quyết không chịu để cho bao nhiêu nỗ lực của mình tan vỡ, Kissinger yêu càu Thiêu cùng họp thêm một lần chót trước khi rời Sài Gòn vào sáng thứ Hai, ngày 23-10.

Thiệu hỏi: “Đế làm gì ?”

Kissinger đáp: “Báo chi vẫn còn nghĩ là chúng ta gần đi tới được một giải pháp, vậy ta nên có một buổi họp ngắn để chứng tỏ rằng đang có sự tham khảo giữa các đồng minh.’'

Thiệu nói: “Được rồi, nếu việc đó có thể giúp quí vị được chút nào, thì sáng mai ta có thể có một buổi họp ngắn, năm phút.”

Tám giờ sáng hôm sau, khi hai bên gặp nhau lại, sự việc đã rõ là Thiệu sẽ không thay đổi ý kiến. Ông trao cho Kissinger một lá thư riêng gửi Nixon, trong đó, ông tóm lược những điểm phản đối của Việt Nam Cộng hòa, nhắc lại rằng ông muốn ký kết một hiệp định hòa bình, nhưng chì với những điêu kiện thỏa đáng và khi nào đến đúng lúc. Trước khi từ giã, Kissinger yêu cầu Thiệu : “Tôi yêu cằu có một sự đòng ý giữa chúng ta là không tiết lộ cho báo chí biết bất cứ điều gì đang diễn tiến. Hãy làm như chúng ta đã có được một buổi họp xây dựng.” Kissinger bắt tay Thiệu và vội vã ra về

Tới Phi trường Tân Sơn Nhất, Kissinger đã thấy một đám ký giả và nhiếp ảnh vièn chực sẵn. Ông ngừng lại vài phút. Có mổt phóng viên hỏi: “Chuyến đi này có được việc không?”

— Đượ: việc.

— Có xây dựng không?

— Xây dựng. Như bất cứ lằn nào tôi đến đây.

— ông có trở lại đây nữa không?

Ông không đáp, mà chỉ nhoẻn miệng cười ngoại giao nổi tiếng của mình kể:

Thiệu cbĩ thị cho Nhã soạn một bản nhận định mô tả “bốn ngày thảo luận xây dựng để đi đến một cuộc hòa giải”. Rồi ông triệu tập Hội đồng An ninh Quốc gia. Bằng những từ ngữ lạnh lùng, không xúc cảm, ông tóm lược những điểm bất đồng ý kiến trong mấy buổi họp cuối cùng với Kissinger và Bunker. Ông nói: “Ta sẽ không kỳ két trừ khi nào đã có được những sứa đổi.” Sau buổi họp này, Thiệu gặp Nhã riêng trong Dinh. Nhã hỏi: “Bây giờ mình sẽ làm gì ? Đây là lúc phải có hành động cứng rắn. Chắc là khi về tới Hoa Thịnh Đốn, Kissinger sẽ gọi báo chí đén và bảo họ rằng mình làm trở ngại hòa bình. Ông ta sẽ nói là mình chơi xấu, không có thiện chí. Vậy mình phải hành động trước.”

Thiệu hỏi: “Hành động trước cách nào? Nếu nói ra những gì mình đã thảo luận, thì mình sẽ là người bội ước với Kissinger.”

Nhã đề nghị ông Thiệu lên đài truyền hình thảo luận về kế hoạch hòa bình mới nhất của Hà Nội, theo như cuộc phỏng vấn Phạm Văn Đòng đã được đăng tải trên báo chí, và chì nên giới hạn vào kế hoạch đó thay vì nói đến những điểm ghi trong bản dự thảo hiệp định : “Vì những điểm này trong thực chất tương tự như bản văn Kissinger mang qua Sài Gòn, ta có thể chì tấn công mưu đò củí. Cộng sản và ngụ ý rầng đó là những gì mình đã thảo luận với Kissinger ... Đó là lối lẩn trành vấn đề rất khéo. Mình sẽ dùng chính kỹ thuật của Kissinger: Lấy gậy ông đập lưng ông.” (56)

Kissinger lúc đó đang nổi tiếng về những màn hấp dẫn giống như truyện điệp viên : ông giả bộ đi Pakistan rồi lén sang Bắc Kinh gặp Chu Ân Lai (mở đường CÍ1O Nixon), đi Trankíurt (Đông Đức) rồi vòng quanh sang Paris ; tới nhà tướng Walters ở Paris với bí danh là tướr.g Harold A. Kirshman ; buổi chiều đi ăn cơm với đào ciné, ban đêm đi họp với Lê Đức Thọ. Người ta đã gọi ông là James Bond của Nixon. Lằn này ông muốn từ Sài Gòn bđy thảng ra Hà Nội, bí mật ký tắt vào bản hiệp định với Phạm Văn Đòng, rồi sau đó, ngay khi ông còn ở Hà Nội, Nixon sẽ tử Hoa Thịnh Đốn tuyên bố hòa bình trong danh dự, trước ngày tuyển cử. Được như vậy thì sẽ vinh hạnh cho ông biết bao nhièu, cả thế giới sẽ vô cùng bỡ ngỡ.

Nhưng ông đã vỡ mộng và giận dữ, ông thề : “Tôi sẽ không trớ lại miền Nam Việt Nam nữa !”.

# CHUƠNG VI - HÒA BÌNH GIẢ MẠO

Trước khi rời Sài Gòn, Kissinger đã gửi một điện văn (đề ngày 22 tháng 10) cho Nixon nói là vẫn hy vọng “có thể” giữ nguyên chương trình đã định, tức chuyến đi Hà Nội. Nhận được điên văn. Nixon tưởng lầm là Thiệu đã đòng ý. Nhưng rồi cùng ngày đó, ông lại nhận được một điện văn thứ hai, trong đó Kissinger chửi Thiệu thậm tệ : “Những yêu sách của tay này gàn như là điên khùng.” Nghe vậy, Nixon quyết định triệu hòi Kissinger về Hoa Thịnh Đốn. Tức giận, ông cảnh cáo Thiệu : “Nếu chiến tranh còn tiếp tục ở mức độ hiện nay trong sáu tháng nữa, thì Quốc hội sẽ cắt ngân khoản viện trợ cho Việt Nam Cộng Hòa.” Trước đó hai hôm, ngày 21-10, ông đã gử  
i điện văn yêu càu Nixon cho phép ông cứ đi Hà Nội, dù Sài Gòn phản kháng hiệp định, nhưng Nixon đã cản ông lại. Chì còn hai tuần lẽ nữa là bàu cử ; Nixon lưu ý Kissinger là hòa giải hấp tấp quá, mà không có sự ủng hộ của Thiệu, sẽ là một trở ngại chính trị. Nixon muốn giải quyết vấn đề Việt Nam sau khi bầu cứ. Tại Sa igon, Thiệu thắc mắc không hiểu tại sao với một bản hiệp định hoàn toàn bắt lợi cho Việt Nam Cộng hòa như vậy, mà Nixon lại có thễ viết cho Ông rằng hiệp định đó đã “thoả mãn điều kiện tuyệt đối của tôi là chính phủ Việt Nam Cộng Hòa phải được tòn tại như một quốc gia tự do”. Bản tính vốn đa nghi, ông liền đoán rằr,g Kissinger đã không cho cả Nixon biết hết sự thật. Theo những tài liệu bắt được của Cộng sản mà Thiệu đã được đọc (nhưng không hề thảo luận với Kissinger), thì Bắc Việtđã tuyên bố thắng lợi hoàn toàn đối với Mỹ và miền Nam. Sự giải đoán của   
Bắc Việthoàn toàn trái ngược với những gì Nixon đã viết và Kissinger đã giải thích. Thiệu nhất định là Bắc Việtđã có kế hoạch vi phạm hiệp định ngay cả trước khi nó có hiệu lực. Ông biết là Cộng sản sẽ dùng hiệp định làm hậu thuẫn cho một chính phủ liên hiệp, sẽ được thành lập với chính phủ Sài Gòn sau này.

Vì Thiệu đã có kinh nghiệm với bầu cử Mỹ năm 1968, nên ông tin rằng, càng kiên trì bao nhiêu sẽ càng có lợi bấy nhiêu. Nixon có vẻ chắc chắn thắng McGovern. Khi đã thắng lợi lớn rồi, Nixon sẽ thực hiện những lời đã hứa trong thư dê dàng hơn, và sẽ ít bị áp lực hòa giải theo điều kiện của Hà Nội hơn. Ổng cho rằng cố không để cho con nước triều của mấy tuần lễ cuối cùng vận động tranh cử Hoa Kỳ lôi cuốn đi còn là một đường lối chính trị khôn ngoan nữa. Chống lại một cuộc hòa giải do Mỹ sắp đặt, Thiệu được nhiều giới ở Saigòn ủng hộ. Nhưng các cố vấn của ông biết rằng không thể nào kiên trì dai dẳng đén vô tận. Nếu không chịu cộng tác, Mỹ sẽ cắt viện trợ, dùng vũ lực đẩy Thiệu đi, hoặc tiến hành cuộc hòa giải một mình.

Cách Hoa Kỳ điều khiển các cuộc thương lượng hòa bình đã phá hủy uy tín của Việt Nam Cộng Hòa. Kissinger đã vi phạm qui luật chủ yéu của chính ông ta đã đặt ra về cách điều đình với người Việt Nam. Trong bài viết cho tạp chí Foreign Affairs cNgoại giao”) tháng Giêng 1969, viét trước khi được chỉ định vào chức Phụ tá An Ninh Quốc Gia (nhưng xuất bản sau khi nhậm chức), Kissinger đã nhận xét như sau:

Để sống còn, phe người Việt đã học cách tính toán — hàu như do bản năng của họ — thế quân bình lực lượng thực có . Nếu các cuộc điểu đình cho họ cảm tưởng chỉ là một sự đàu hàng trá hình, thì sẽ chẵng còn gì đê mà thương lượng... cho nên tất cả mọi phe đểu cho rằng cách thực hiện các cuộc thương lượng cũng quan trọng gàn như điều được thương lượng. Cách bố tri, dàn cành lúc bước vào cuộc điểu đình, xem cái gì được hòa giải trước và theo cách lối nào, không thể tách rời khỏi thực chất của những vắn đề sẽ được điểu đĩnh.

Vậy mà phong cách thương lượng của Kissinger đã làm cho Việt Nam Cộng hòa trố thành bù nhìn của Mỹ trước mắt thế giới. Vụ đơn phương ngưng oanh tạc, những đề nghị và nhượng bộ của Mỹ trong diễn trình thương thảo (đàm phán bí mật) là những lý do khiến nhân dân miền Nam Việt Nam quan tâm và lo ngại. Rất hiếm có khi nào Việt Nam Cộng hòa được yêu cầu tham dự vào giai đoạn thảo kíí hoạch phát triển những lập trường của Hoa Kỳ, đôi khi Thiệu được cho coi một đề nghị mật của Bắc Việtvà một phản đề nghị của Mỹ. Ông có được mời bình luận và có nêu lên những phản đối, nhưng phần lớn đã bị làm ngơ.

Quan điểm của Việt Nam Cộng hòa về việc phải tùy thuộc vào sự thương lượng của Mỹ được tóm lược trong một bức giác thư “TỐI MẬT / TẼ NHỊ” gửi cho Kissinger đề ngày 26 tháng 9-1972, và trao cho Đại sứ Bunker cùng ngày. Bức giác thư có đoạn như sau:

Vè những điều cơ bản cho một cuộc'hòa đàm nhất là vè những khía cạnh chính trị của nó, quan điểm đã được cần nhắc của chính phủ Việt Nam là : Một hòa giải trong danh dự chỉ có thề đạt được nếu như song song với việc Việt Nam hóa chiến tranh sẽ có cả việc Việt Nam hóa hòa bình. Nói khác đi, phải làm cho phe bên kia chấp nhận rằng vai chủ động trong cuộc hòa giải là chính phủ Việt Nam Cộng hòa, và họ phải thương lượng trực tiếp với chúng tôi đi tới một giải pháp hòa bình.

Chúng tôi tin rằng khi điểu khiển những cuộc đàm phán sơ khởi năm 1968 mà không có sự tham dự của Việt Nam Cộng hòa, chinh phủ Hoa Kỳ được coi như đòng ý với sự mô tả vai trò mà tuyên truyèn Cộng sản đã đưa ra nhiều năm nay, nghĩa là Hoa Kỳ là một kẻ xâm lược ở cả Nam lẫn Bắc, và chính phủ mỉèn Nam chỉ là một "bù nhìn’’ của Hoa Kỳ dựng lên, cốt đê thực hiện “chủ nghĩa thực dân mói’’ mà thôi!

Những cuộc đàm phản sơ khởi ở Paris bắt đàu hỏi tháng 3-1968 mà chúng tôi không được dự, đã đặt Hoa Kỳ vào một vị trí khó xử, đã cho phép Hà Nội liên tiếp nắm lấy thế công khi mô tả Hoa Kỳ là kẻ “xâm lược”.

Đàng lẽ phải chịu trách nhiệm vè sự xâm lược miên Nam, Hà Nội lại có thề đảo ngược vai trò và tự cho mình là nạn nhân “anh hùng” của “xâm lược Hoa Kỳ”. Kết quả là Hà Nội đã khăng khăng từ khước nguyên tắc hỗ tương qua lại trong việc xuống thang chiến tranh với luận điệu rằng kẻ “xâm lược Hoa Kỳ” không có quyền đòi hỏi sự đổi chác qua lại, một cách nói tương đương với các câu nhận định của ta là “xâm lược không được đèn đáp. ”

Ở Sài Gòn dân chủng cũng buòn hận khi thấy trong lúc Hoa Kỳ phát ngôn thay cho Việt Nam Cộng hòa, thì Liên Xô đã không hề điều đình giùm cho Bắc Việt. Trái lại, người Nga đă đề cao khách hàng của minh, bênh vực quyền lợi cũng như nhấn mạnh sự “độc lập” của Bắc Việt. Cựu ngoại trưởng, Vương Văn Bắc có lằn than phiền : “Trong mọi hội nghị quốc té, phe Cộng luôn luòn đề cao vai trò của Việt Cộng, trong khi Hoa Kỳ không làm gì nhiều để ủng hộ Sài Gòn, lại còn hạ bệ xuống nữa là khác.” Vì lẽ Việt Nam Cộng hòa không được thương lượng trực tiếp với Bắc Việt về sự sống còn của mình, cho nên các nhà ngoại giao Việt Nam Cộng hòa đã khó chiếm được sự kính trọng của các nước. Ở Sài Gòn, người ta đã hài hước gọi những buổi họp công khai giữa Bấc và Nam tại Trung Tâm Hội Nghị Quốc tế trên Đại lộ Kleber ở Paris là những màn “hát tuòng” so với những cuộc thiio luận mật giữa Kissinger và Thọ tại Gif-sur-Yvette. Ông Bắc phàn nàn : “Nơi mà chúng tôi gặp riêng với đại diện của Bắc Việttại hòa đàm là trong phòng vệ sinh của trung tâm đường Kleber. Nhưng những tay này bao giờ cũng đi từng nhóm 2 hoặc 3 người một, dù là vô phòng vệ sinh.”

Thiếu tướng Nguyễn Duy Hĩnh, trong cuốn Vietnamization and the Cease-Fire ("Việt Nam hóa và cuộc Đình chiến ”) , nhận định : “Mỗi một nhượng bộ của Hoa Kỳ tại bàn hội nghị lại gây ra một cơn sốt tại miền Nam, và trong tình huống đó thử hỏi ai có thể giải thích được tất cả sự thật cho đám quần chúng đang bối rối đó ? Sáng kiến được Hoa Kỳ phô trương một cách hữu hiệu lại làm lu mờ đi chính nghĩa Việt Nam Cộng hòa và làm lợi cho tuyên truyền Cộng sản.” Hình còn công nhận rằng, nếu như đại đa số dân chúng miền Nam không ưa chuộng Cộng sản, thì “đòng thời họ cảm thấy đau lòng khi nhận thấy chính nghĩa, quốc gia đã không đủ mạnh đê đưa tới lòng tín ngưỡng hết sức cần thiết cho sự tiếp tục hy sinh và tranh đấu. Bởi thế, trên mặt trận chính trị và tâm lý, Việt Nam Cộng hòa đã bị rơi vào một vị thế bấp bênh và bắt lợi.”

Còn đổi với Kissinger, thì vấn đề là làm sao giữ cho cả hai phe Bắc và Nam đi đúng hàng, ngòi đúng chỗ. Khi nói chuyên riêng tư, ông ta thường ví hai phe như hai con cọp đứng giữ thăng bằng trên ghế trong chuồng thú của gánh xiệc, mà chính ông thủ vai người dậy thú, quất roi đen đêt để bắt con nào bướng bình phải làm trò theo ý muốn. Ông nhận xét: “Khi một con đứng tại chỗ, thì con kia lại nhẩy đi chỗ khác. Giá như chì có Hoa Kỳ và Bắc Việt, thi có lẽ dễ đi tới thỏa thuận hơn.” Rồi Kissinger lịch sự giải thích để hợp lý hóa hành động của mình :

Lý tưởng ra, có lẽ ta phải cho Thiệu nhiều thời giờ hơn để chuãn bị cho những gì sắp tới. Nhưng... tôi không tin rằng mội thời biểu thong thả hơn, và tham khảo sớm hơn, đã có thề thay đổi hành vi của ông ta. Đó là cái chất liệu của bi kịch, chứ không phải là một sai lăm nhỏ mọn trong sự tính toán của con người. Tới điềm đó, thì cả hai bên đã chọn lấy lối đi riêng và thế nào cũng phái đụng độ nhau. Cái ló-gic trong lập trường của Thiệu đòi hỏi một tư thế bất chấp, không khoan nhượng đễ chứng tỏ là Hoa Thịnh Đốn và Hà Nội không thề quyết định sổ phận của mình được — cũng giống như phương sách của Hà Nội đối với ta, cứ thúc đi nhanh tới hòa giải, một phàn nhằm mục đích chứng minh rằng Thiệu là bù nhìn của ta. Bất cứ chúng tôi làm gì, Thiệu cũng đã vận động để lấy thêm thời gian và tìm được cách đương đàu với chúng tôi — mà sự thực ông ta đã làm như thế với Haig và tôi trong mấy chuyến sang gặp trước đây rời.

Thiệu chối bỏ điều đó, và quả quyết rằng nòng cốt của vấn đề là Kissinger không hề bao giờ coi Việt Nam Cộng hòa là một đòng minh C.L Thiệu đã nghi ngờ Kissinger kể từ lần họp ở Midway. Sau này ông kể lại : “Tại Midway, khi thấy lối xép các ghế ngòi và khi được gọi sang họp báo mà không được biét trước, tôi đã nghĩ thầm, “Tổng Thống một đại cường quốc đâu có làm mấy cái lặt vặt này. Tổng Thống ai mà làm những cái đó ! Mình phải đối xử cảm tình với một người Tổng Thống khác chớ ! Tôi nghĩ đó là do Kissinger, chớ không phải do Nixon hay do viên Đại tá Hải quân kia. Kể tử khi thấy những thủ đoạn, những trò chơi xỏ lá đó, tôi cho ông la (Kissinger) không phải là một người trung thực”

Thiệu không thê chấp nhận được sự kiện là Kissinger đã tự ý đổi châc với Bắc Việtrồi chì xin sự đòng ý của Nixon mà thôi. Từ khi gặp nhau ở Midway, ông vẫn hiểuNixon muốn nói là sẽ có những cuộc tham khảo nghiêm chình trước khi điều đình với Bắc Việt: “Giá như ông t a (Kissinger) đã gặp tôi trước khi thương lượng và giá như Mỹ và Việt Nam đã cùng hành động như đứng về một phe để đổi chác với Hà Nội, thì tôi đã tin cậy ổng rồi. Tôi nghi ông ta từ khi ổng nói là đã được Nixon thỏa thuận. Trên nguyên tắc, tôi phải tin chớ, nhưng tôi đòi phải có chữ ký của Nixon trên một lả thư nào đó, khâng định những điểm quan trọng nhất. Cứ hai, ba ngày lại có một lá thư ! Tôi là người cắn thận. Tôi nghi là Kissinger làm trước rồi mới phúc trinh Nixon sau. Tôi có cảm tưởng là ông ta nhân danh Nixon đế đáp thư vì lẽ ông muốn được làm kiến trúc sư, người tạo dựng nên cơ đồ. Tôi đã muốn biếi; ý kiến thực sự của Tổng Thống Hoa Kỳ đối với những quyết định trầm trọng ra sao. Đôi khi mình cứ tự hỏi không hiểu “Kissinger làm việc cho ai ?”

Thiệu bắt đầu đi các nơi đọc diễn văn, và gặp các giới lãnh đạo chính trị, để phê bình bản dự thảo hiỊp định cũng như tiết lộ từng phần hiệp định cho họ biết. Báo chí Sài Gòn đăng tải phản ứng của ông đối với bản dự thảo, lên án Bắc Việt đòi ngưng bắn để củng cố lực lượng của họ và thành lập một chính phủ liên hiệp. Sau khi trở thành một thành phần của một chính phủ ba phe trong vòng sáu tháng, họ sẽ “tiếp diễn chiến tranh cực kỳ dữ dội hơn để đi tới toàn thắng.”

Bất chấp Bunker ngăn cản, Thiệu lên đài truyền thanh và truyền hình ngày 24-10 để trấn an dư luận, lúc đó đang xôn xao vì những tin đòn đại lan rộng, và mong được dân chúng ủng hộ. Trong bài nói chuyên dài hai tiếng, ông bác bỏ mọi hình thức liên hệ và sự có mặt của 300,000 quânBắc Việttại miền Nam . Ông đề nghị Sài Gòn và Hà Nội thương thuyết trực tiếp với nhau để giải quyết vấn đề quân s ự, rồi Sài Gòn và chính phủ Cảch Mạng Lâm Thời thương thuyết một giải pháp chính trị. Để phòng khi có ngưng bắn, Thiệu thúc giục dân chúng nên “chuẩn bị đê ... chúng ta không rơi vào một vị trí bất lợi. Cho nên chúng ta đã hoạch định những biện pháp lôi kéo nhân dân trở về và bảo vệ xứ sớ ta, quét sạch lực lượng địch và bảo đảm an toàn trên những trục giao thông ... cũng như an ninh trong xã, ấp ... Tôi cũng đã ra lệnh cho bóp chết ngay từ trong trứng nước mọi âm mưu của Cộng sản, nhằm gieo rắc rối loạn và xúi giục nổi loạn, và hạ tầng cơ sở Cộng sản phải được càn quét nhanh chóng và không thương tiếc ...

Trong nỗ lực ve vãn các giới chức tại Sài Gòn, Kissinger bây giờ thay đổi chiến thuật: ông tìm cách trấn an những người chung quanh Thiệu là sự ủng hộ của Hoa Kỳ dành cho Việt Nam Cộng hòa vẫn còn mạnh và chỉ thị cho tòa Đại sứ Hoa Kỳ ỞSài Gòndùng lá bài viện trợđê mua chuộc. TướngTràn Văn Đôn, lúc đó là Chủ tịch ủy ban Ngoại giao Quốc hội kể lại rằng Charles \Vhitehouse, Phó Đại sứ đến gặp ông và bảo : “Hiệp định này cũng có khía cạnh tốt của nó. Nên kỷ đi : Chì là một mảnh giấy thôi, và sẽ chẳng thay đổi được gì đâu. Rồi Ngài sẽ thấy !” Whitehouse và Phụ tá Ngoại trưởng William H. Sullivan cũng đến tiép xúc với Thủ tướng Trần Thiện Khiêm và Ngoại trướng Trần Văn Lắm với các khuyến nghị là, tốt hơn hết, đừng nên thách thức người Mỹ và cũng đừng hoàn toàn bác bỏ các đề nghị của họ. Ở cấp thấp hơn, nhân viên toà Đại sứ cũng đi gặp các viên chức   
Việt Nam Cộng hòa và chiêu hàng món hiệp định ấy. Họ nhắn nhủ là cuộc ngưng bắn sẽ được tôn trọng và đừng lo ngại về sự có mặt của quân Bắc Việt tại miền Nam, vì nó sẽ tan dần đi. Vì có thề chúng sẽ nhớ nhà, bị bệnh sốt rét ngã nước, bị chứng sâu quảng chân, hay thổ tả, hoặc sẽ đào ngũ sang phía Việt Nam Cộng hòa . Người nào cũng được nghe một câu giải thích có tính cách dụ khị. Tướng lãnh thì được họ dụ là bản hiệp định chì là một mảnh giấy ; điều thực sự đáng kể là việc Tổng Thống Hoa Kỳ sẵn sàng ủng hộ Việt Nam Cộng hòa bằng võ lực quân sự. Các nhà ngoại giao như Vương Vàn Bắc, lúc đó là Đại sứ tại Anh quốc, thì được Kissinger dụ rằng: “bản hiệp định cung ứng một căn bản hợp pháp để Hoa Kỳ yểm trợ Việt Nam Cộng hòa mà trước đó chưa hề có.” (Ngoài chức vụ Đại sứ, Bắc còn là chuyên viên pháp lý của Việt Nam Cộng hòa tại hội đàm Paris). Kissinger lập luận : “Từ trước đến giờ, sự ủng hộ của Hoa Kỳ đối với Việt Nam Cộng hòa chỉ căn cứ vào những lời tuyên bố chính trị của các vị Tổng Thống kể từ Eisenhower trở đi ; như thế thì chúng tôi đâu có được cơ sở pháp luật nào đê biện luận với Quốc hội đòi thêm viện trợ cho Việt Nam ? Bây giờ, chúng tôi cần cỏ một tài liệu hợp pháp để yêu cầu Quốc hội tiếp tục viên trợ”. Bắc sau này nghĩ rằng, lập luận của Kissinger nghe cũng hợp lý, và còn cho là Kissinger “có thể tiở thành một luật sư lỗi lạc.” . Lúc đó ở Sài Gòn, Kissinger còn cho Nhã xem một quyển sổ địa chỉ màu đen mà ông bỏ túi, trong đó có rắt nhiều địa chỉ của càc nií minh tinh Hollywood. õng dụ Nhã : “Khi nào ký xong hiệp định, anh sang Mỹ chơi, tụi mình đi du hý !” Đại úy Nguyễn Phú Lâm ở Phủ Tổng Thống kể rằng, Kissinger biết tính tướng Đặng Văn Quang thích quà bánh nên gửi tặng một đòng hồ mạ vàng.

Vì trục trặc ở Sài Gòn, Kissinger đã không tới Hà Nội để kỳ như đã hứa hẹn với Lè Đức Thọ. Dù Nixon đã gửi 2 điên văn cho Phạm Văn Đồng để cắt nghĩa sự sai hẹn, Hà Nội lo là mình đang bị gài vào một cạm bẫy của Mỹ. Giữa một buổi họp mặt, Kissinger nhận xét là “Biic Việt sợ bị lừa còn hơn sợ bị thua” . Vì vậy họ đã phản ứng; vào lúc 5 giờ 30 sáng 26 tháng 10, Kissinger đang ngủ bỗng nhiên được đánh thức dậy vì có tin đài phát thanh Hà Nội đã phổ biến đầy đủ chi tiết bản dự thảo hiệp định, bằng tiếng Việt, tiếng Pháp và tiếng Anh, và còn nói rõ là Kissinger đã hứa đi Hà Nội ký rồi, mà bây giờ lại sai hẹn. Ông bèn xin hội ngay với Nixon tại tòa Bạch Cung lúc 7 giờ sáng, hai người đồng ý là Kissinger sẽ triệu tập một cuộc họp báữ lúc 10 giờ ngay sàng hôm đó.

Cuộc họp báo của Kissinger tại toà Bạch Cung ngày 26 tháng 10 đã Là một biến cố lạ — lần đầu tiên ông ta được Nixon cho phép xuất hiện trước máy truyền hình và lời nói được ghi vào biên bản chính thức. Dường như cả hai người đều bị bất chợt và không có thời giờ sửa soạn kịp để đáp ứng Bắc Việt. Thế nhưng đó chì là một đòn phêp tòa Bạch Cung. Thực ra, họ dã chì đợi cho Bắc Việt đành bài tẩu mã và bầy sẵn chiến thuật đối phó với một tình huống tương tự. Ngay từ hôm 6 tháng 10, trong thư riêng viết cho Thiêu, Nixon đã cảnh cáo về rr ột biến cố tương tự(“... ta khô ngthễ đoán chắc là tại một thờiđiểm nàođótrongdiễntrìnhthươngthuyết,vì tuyên truyền hay vì lýdo nào khác, rất có thể kẻ thù sẽ công bố chi tiết những cuộc mật đàm. Chiến thuật của Hoa Kỳ cho đến nay đã được sắp đặt đễ chú tâm tới việc bất ngờ đó.”

Phòng thuyết trình đầy nghẹt ký giả, ai cũng bối rối và hoài nghi. Kissinger bình tĩnh và có vẻ một giáo sư giảng bài lúc ông nói tiếng Anh bằng cái giọng Đức nặng của ông ta. ông làm ra vé rất tự tin bề ngoài, hứa sẽ giải thích cuộc hòa đàm hiện đã tới đâu về mặt thủ tục, thực chất cuộc thương thuyết ra sao, cũng như “từ đây ta sẽ đi về đâu.”

Bằng cái lối lừa bịp cực giỏi, Kissinger tuyên bố : “Chúng tôi tin rằng hòa bình hiện nay đang ở trong tầm tay. Chúng tôi tin rằng một hiệp ước đang ỗ trong tầm mắt thấy, căn cứ vào đề nghị ngày 8 tháng 5 của Tổng thống, và vào một vài sửa đổi đề nghị ngày 25 tháng Giêng của chúng tôi, một đề nghị công bằng cho tất cả mọi phe”. Thực ra, Kissinger lúc ấy đã tuyên bố với niềm lạc quan của một kẻ tuyệt vọng, ông cứ khăng khăng cãi rằng chì còn phải giải quyết một vài vấn đề kém quan trọng hơn mà thôi.

Các ký giả bèn nêu lên câu hỏi, tại sao ông đã không đạt được một hòa giải tương tự bốn năm trước đây ? Thực tế, đó là câu hỏi đầu tiên nêu lên với Kissinger. Ông đáp loanh quanh : “Không thể đạt được hiệp ước này bốn năm trước đây là vì phe bên kia cứ kiên quyết không chịu thảo luận việc tách rời các vấn đề chính trị ra khói các vấn đề quàn sự, bởi vi họ đã luôn luôn đòi phải giải quyết vấn đề chính trị với chúng ta, và đòi chúng ta phải quyết định trước tương lai của miền Nam Việt Nam trong một cuộc điều đình với Bắc Việt.”

Coi xong cuộc họp báo, Hưng đã phải sửng sốt về sự kiêu ngạo cũng như sự bất chấp dư luận thế giới của Kissinger khi quả quyết rằng những nhượng bộ của ông ta là một thắng lợi cho Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa. Vậy mà không một ai đứng lên chất vấn. Ngay sau cuộc họp báo, Hưng gửi một phúc trình cho Thiệu, phân tích những điều khoản ghi'trong bản hiệp định như đài Hà Nội đã loan báo. Anh viết : “luận điệu của Kissinger là thái quá, là xúc phạm. Theo quan điểm của Việt Nam Cộng hòa, thì tương lai chính trị của miền Nam thực đã bị quyét định rồi ! Tôi không thấy có một khác biệt lớn nào giữa những điều khoản của bản dự thảo hiệp định hiện nay và 10 điểm Cộng sản đề nghị với chính quyền Nixon 4 năm trước đây vào ngày 8 tháng 5, 1969.” Hà Nội đã thành công trong việc đòi được thỏa mãn tất cả mọi yêu sách của minh, đôi khi còn được nhiều hơn cả yêu sách trước kia nữa. Điều khoản thứ hai của bản dự thảo hiệp định là một thí dụ điển hình : Nó đã bắt Mỹ phải rút quân trong vòng 60 ngày, trong khi theo như yêu sách cũ của Cộng sản năm 1969, thi chỉ đòi Mỹ rút đi chứ không đặt ra 1 thời hạn nào nhất định. (Xin coi phụ lục B đ€ so sánh 10 điểm của Hà Nội và bản hiệp định cuối cùng).

Sau khi nghiên cứ u bài tuyên bố trên đài phát thanh Hà Nội, và phần lược giải của Kissinger, Thiệu viết thư thâng cho Nixon gay gắt phiền trách hành động của Kissinger. ông cũng chì trích thời biểu Kissinger đi Hà Nội đã hoạch định với cs inà không tham khảo với ông. Kissinger có nói rằng chì càn thêm một phiên thảo luận nữa, kéo dài ba hay bốn ngày, với Bắc Việt mà thôi, nhưngThiệuđòi khôngđượcđặt ra một thời hạn nào cả . Sự khtéu nại này của Thiêu có ỷ định chia rẽ Nixon và Kissinger và cho Nixon biết là Kissinger đã vượt qua chỉ thị của chính Nixon, thế nhưng nó đã không có két quả. Bực tức về giọng điêu của bứcgìảc thư, Kissinger quyết định không để cho một Tổng Thống Việt Nam hạ uy tín mình trước mặt Nixon ; ông bèn đích thân thảo lá :hư Nixon hòi âm Thiệu, ngày 29-10, được Đại sứ Bunker trao tay ngày 31-10, nội dung như sau:

Kính thưa Tổng Thông :

Tôi vừa cẩn thận đọc xong bức giác thư đè ngày 28- 10-1972, nhan đè: “Giác thư về bài phát thanh của Hà Nội ngày 26-10-1972, và về phần lược giải cho báo chí cho Tiến sỹ Kissinger ngày 26-10-1972”. Như tôi đã thông bảo cho Ngài biết, Tiến sỹ Kissinger đã phát ngôn và sẽ tiếp tục phát ngôn thay mặ!. tôi. Đã không hè có và sẽ không có, một sự phân biệt nào giữa quan điểm của ông ta và quan điểm của tôi. Như tôi đã viết cho Ngài trong là thư đè ngày 16 thảng 10, “Những lỏ i bình luận của Tiến sỹ Kissinger cố được sự hậu thuẫn hoàn toàn của tôi. ”

Đặc biệt '.ham chiếu các điểm nêu lên trong bức giác thư nói trên, chúng tôi ngạc nhiên khi thấy Ngài yêu càu chúng tôi phải bình luận vè những điều xác nhận xuất phát từ Đài phát thanh Hà Nội. Tiến sỹ Kissinger đã giải thích đày đủ và nói rõ rằng Hoa Kỳ "sẽ còn nghiên cứu thêm nữa”những gì đã thảo luận với đại diện cứa Việt Nam Cộng Hòa. Bđi vậy, chính phủ Nam Việt Nam chảng nên tự hỏi tại sao những thời hạn hoạch định lý thuyết (ngụ ý chuyến đi của Kissinger) lại chỉ được thông báo cho Hà Nội ; sự thực hiển nhiên là nó chỉ có tính cách tạm bợ, chưa chắc chắn và trong thực tế đã không có một thời điểm nào được thực hiện cả. (ngụ ý Kissinger đã không đi Hà Nội).

Đối với những điều quan tâm của Ngài vè các bức thư thông điệp của tôi đè ngày 20 tháng 10 và 22 tháng 10 giỉi cho Thủ tướng Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, xin Ngài nhớ lại rằng Tiến sỹ Kissinger đã đặc biệt nói tới nội dung của các thông điệp đó trong khi thảo luận vói Ngài tại Sài Gòn. Các thông điệp đó, trong chủ yếu, liên quan đến ba vấn có liên hệ đến Lào và Cam-bốt. Đối với Nam Việt Nam, chúng tôi đã thông báo cho Hà Nội biết là chúng tôi bác bỏ mọi yếu sách vè sự từ chức của Ngài, và nhấn mạnh đến các điều khoản thay thế và tù binh như Ngài đã thấy. Đối với Lào và Cam-bốt, chúng tôi đã đòi những đảm bảo vè sự chấm dứt cuộc xung đột tại hai quốc gia này. Tiến sỹ Kissinger, với sự hiện diện của Đại sứ Bunker, có nói với Ngài rằng, trong thư hời âm của họ, Bắc Việtnhượng bộ tắt cả các điểm đó. Tôi coi như là Ngài đã đưọ c thông bảo đày đủ.

Vè hiện trạng của bản dự thảo hiệp định, Tiến sỹ Kissinger đã long trọng cam kết với Ngài là sẽ cố giành được tối đa những thay đổi phản ảnh quan điểm được phát biểu với ông ta trong chuyến thăm Sài Gòn. Đối vái câu nói đến "ba” quốc gia Đông Dương, Tiến sỹ Kissinger đã giải thích cho Ngài rằng việc dùng (chữ) "ba”chỉ là một sơ suất và chúng tôi đòi Bắc Việtgạch bỏ chữ đó trong bàn vàn hiện thời.

Đối vói Hội Đồng Hòa Giải Dân Tộc, Tiến sỹ Kissinger đã giải thích thật rõ ràng trong buổi họp báo cũng như trong khi hôi đàm với Ngài, là nó không có những nhiệm vụ của một chính quyền. Mọi giới quan sát Mỹ cũng như ngoại quốc đã đều thấy ý nghĩa đích thực của nó — chỉ là một phương sách giữ thể diện cho Cộng sản đề che đậy sự thất bại của họ trong các đòi hỏi vè một chính phủ liên hiệp và sự từ chức của Ngài mà thôi. Cho nên tôi thực không hiểu được tại sao chính phủ Ngài lại cứ muốn mô tả Hội đong ấy như một cơ cấu có tính cách một chính quyền. Việc nhắc đi nhắc lại những lời bình luận sai lạc bởi quí viên chức có thể làm xẩy ra điều mà chúng ta đã hết sức tranh đấu để tránh khỏi.

Lập trùơng của chúng tôi sẽ tiếp tục là chủng ta có thề chấp nhận được một “cơ cấu hành chánh’’mà trong Anh ngữ rõ ràng ám chỉ, tính cách tư vấn chứ không phải chính quyên. Chúng tôi sẽ bác bỏ danh từ dịch thuật của Bắc Việt, có thể ám chỉ rằng cơ cấu đó được họ cho là có những quyển hành hay nhiệm vụ của một chính phủ. Đây chính là điểu mà Tiến sỹ Kissinger đã muốn nổi khi ông bàn đến các vấn đè ngân ngữ trong cuộc họp bảo. Đây là diều mà chúng tôi sẽ minh xác khi gặp Bắc Việtlằn tới. Chúng tôi đã chọn các đặc tính mơ hờ ngữ học đó của câu nói để đem lại cho 'ất cả mọi phe một lôi thoát mà vẫn giữ được thê diện. Ngài và lôi hiểu nó muổn nói gì rồi.

Buổi họp báo của Tiến sỹ Kissinger đã được thực hiện theo chỉ thị chi tiết của tôi. ơng ta cố gắng hết mình để tránh cho Ngài khỏi bị mô tả như là một chướng ngại của hòa bình VỚI hậu quả không thễ tránh được là Quốc Hội sẽ cắt ngân khoản Hoa Kỳ tài trợ dành cho Việt Nam Cộng hòa, và tạo ra những trở ngại thật to lớn cho việc Hoa Kỳ tiểp tục yểm trợ Ngài và chính phủ Ngài. Sự chỉ trích liên liếp từ Sài Gòn chỉ có thể phá hoại cố gắng đó. Chúng tôi sẽ tiếp tục nỗ lực đê xây dựng một mật trận đoàn kết, nhung nỗ lực đó sẽ vô ích, nếu không có sự cộng tác của cộng sự viên của Ngài.

Ngoài mấy thí dụ nêu trên, tôi không thê quên lưu ý Ngài vè đường lối nguy hiểm mà chính phủ Ngài đang đi theo. Ngài đã biết sự cam kết vững chắc của tôi với nhân dân mièn Nam Việt Nam và với cá nhân Ngài. Như Tiến sỹ Kissinger và Đại sứ Bunker đã thông báo Ngài rõ, tôi xin nhấn mạnh sự cam kết đó bằng cách sẽ gặp Ngài trong vòng một hay hai tuàn lễ sau khi ký kết bản hiệp định. Tôi tin rằng tương lai tùy thuộc vào sự đoàn kết hiện có giữa chúng ta và vào mức độ mà ta có thễ chứng tồ quyết tâm rõ rệt đê thực hiện những gì cần thiết trong những ngày sắp tới hòng bảo đảm việc thi hành nghiêm chỉnh những điêu khoản của hiệp định. Nếu tình đoàn kết của chúng ta đã là chủ yếu cho sự thành công từ trước tói nay trong chiến tranh, thì nó cũng sẽ là đảm bảo tốt nhãt cho thành công tương lai khi mà cuộc đấu tranh sẽ tiếp tục trong một khuôn khổ cỏ tính cách chính trị hơn. Tuy nhiên, nếu như chiều hướng bất hòa rõ ràng giữa chủng ta còn tiếp diễn, thì căn bản chủ yếu của sự ủng hộ của Hoa Kỳ đối với Ngài và chính phủ Ngài sẽ bị phả hủy. vè phương diện này, những lời bình luận của quí Ngoại trưởng rằng Hoa Kỳ dang thương lượng một sự đầu hàng quả là vừa có hại vừa bắt công và không đúng đắn.

Xin Ngài an tâm là những quyết định cuối cùng của tôi vè những sắp xếp hòa bình không hề bị ảnh hưởng bởi cuộc bàu cứ tại Hoa Kỳ, và Ngài chớ nên nuôi dưỡng ảo tưởng là chỉnh sách của tôi nhằm sớm mang lại hòa bình sẽ thay đổi sau cuộc bàu cử ...

Thưa Tổng Thống, tôi khẩn khoản xin Ngài một lần nữa duy trì tình đoàn kết thiết yếu mà suốt bốn năm qua đã từng là đặc điêm tiêu biểu cho mọi quan hệ giữa chúng ta cũng như nó đã là căn bản cho sự thành đạt của ta từ trước đến nay. Tình trạng chia rẽ sẽ làm tôi mất hét khả năng duy trĩ sự yểm trợ càn thiết mà chính phủ và nhân dân Ngài phải có trong những ngày sắp tới, sự yểm trợ mà tôi quyết tâm cung ứng. Sự sốt sắng cộng tác sẽ có nghĩa là ta sẽ đạt dược hòa bình xây dựng trên một hiệp định mà tôi cho là có thê thi hành được — nhắt là khi nó đi kèm với những điều khoàn bô sung mà chúng ta chắc chắn sẽ có. Từ căn bản đỏ, chủng ta có thể tin tưởng và đoàn kết tiến tới chỗ giành được những mục tiêu hỗ tưcmg của hòa bĩnh và đoàn kết cho Nhân dân mièn Nam Việt Nam anh dũng.

Kính thư

(k.t) Richard Nixon

Trong giọng điệu và nội dung, lá thư này khác hẳn những lá thư ưuớc đó. Kissinger, người thảo lá thư, đã vô cùng bực tức: ông Thiệu, cho nên lời lẽ vừa gay gắt, đe dọa, lại vừa hầu như tuyệt vọng. Lời nàn nì đoàn kết được nói đến bẩy lần. Không còn thấy nhắc đín lòng tín nhiệm lẫn nhau nữa, mà chì là một sự ăn miếng trả miếng rất thực tế không hiệp định, khỏi viện trợ . Giải đoán theo cách hiểu ngầm, người ta thấy mối quan tâm của Hoa Thịnh Đốn là nếu Thiệu cú tiếp tục tấn công, chỉ trích thì Nixon có thể sẽ bất lợi trong các cuộc thăm dò dư luận cũng như ở phòng bỏ phiếu. Nỉim 1968, ứng cứ viên Nixon đã năn nì Thiệu đừng tham dự hòa đàm Paris ; bốn năm sau, ông lại dùng áp lực bắt Thiệu đổi hướng. Phía Việt Nam Cộng hòa bây giờ mới thấy rõ Humphrey, Nixon và Kissinger thẩy đều hành động theo cùng một động lực — tham vọng và quyền lợi chính trị của chính cá nhân mình. Hiển nhiên, đông lực đó đã không còn phù hợp với quyền lợi của Việt Nam Cộng hòa nữa.

Trong cuộc phỏng vấn của Arnaud de Borchgrave chính Phạm Văn Đồng đã rất chính xác và huỵch toẹt, không hề nhắc đến Hội động Hòa giải Dân tộc, chì nói tới ba phe Việt Nam — Sài Gòn, Hà Nội và MTGP — sẽ cùng nhau dàn xếp để tiến tới một chính phủ “liên hiệp chuyển tiếp”. Thiệu đã dùng bài phỏng vấn đó làm bằng chứng v'ê ý đồ thực sự của Bắc Việt tại miền Nam. Cả Bắc lẫn Nam Việt đã đồng ý rằng Hội Đòng Hòa Hợp và Hòa-giải là công thức cho 1 chính phủ liên hiệp; vậy mà Kissinger lại khăng khăng cho rằng Hội đòng sẽ chi là một cơ quan tư ván không có quyền pháp lý (như ông ta đã mệnh danh, “Chì là một hội đòng nhỏ nhoi, nghèo nàn thôi”.

Kissinger còn hỏi tại sao Thiệu cứ phải lo ngại về Hội đồng này : “Chính phủ Sài Gòn có quyền phủ quyết cơ mà ! Cho dù có quyền phủ quyết, Việt Nam Cộng hòa sẽ ở vào ttó hết sức kẹt vì nếu cứ phủ quyết hoài những đề nghị của phía Cộng Sản thì Sài Gòn sẽ bị két án là ngoan cố. vẫn cố dấu mọi chuyện cho kín đáo, cả Nixon lẫn Kissinger không ai tiết lộ lá thư trên đây gửi cho Thiệu. Kissinger thì tiếp tục làm áp lực đẩy nhanh, đẩy mạnh tới chỗ kết thúc được một bản hiệp định. Ông cũng cảm thấy rằng nếu chưa có được hòa giải sau khi thắng cử, sẽ khó nói chuyện với Nixon và chắc ông này sẽ tăng thêm yêu sách đối với Bắc Việt.

Không có được sự thỏa thuận của Thiệu, Nixon có thể bị buộc tội là bán đứng một đòng minh. Thiệu không phải là không biết về cái thế tién thoái lưỡng nan này của Nixon. Sau này, cuối năm 1979, ông có tuyên bố với tạp chí Đức Der Spiegel là : Điều mà Kissinger và chính phủ Hoa Kỳ hòi đó thực sự muốn là rút lui càng mau càng tốt và lấy được tù binh của Mỹ về. Họ chì muổn phủi tay cho xong mọi chuyện rồi ù té chạy làng. Tuy nhiên, trong lúc phủi tay chạy làng như thế, họ lại không muốn bị nhân dân Việt Nam và thế giới buộc tội là bỏ rơi chúng tôi. Đó là tình trạng khó xứ của họ”. . Và, thế là Thiệu quyết định cứ lỳ ra.

Khi đi vận động tranh cử, Nìfcaọ đã dùng cuộc họp báo của Kissinger cho mục đích riêng của mình ; ông cho báo chí biết lẳng các cuộc hòa đàm vẫn còn tiễn hành đều đặn, và ông tin rằng “chúng ta sẽ thành công giành được mục tiêu của ta, là hòa bình trong danh dự, chứ không phải hòa bình trong đầu hàng, tại Việt Nam. Tuy vẫn còn một số khác biệt cần được giải quyết, tôi tin rằng chúng ta có thể, và sĩ: được giải quyết.”

Nixon quyết tâm không để cho vấn đề Việt Nam lấn át chiến dịch tranh cứ của mình. Tuy nhiên, hình như ông đã nhận thức được những hiểm họa cho miền Nam nếu cứ nhất quyết đòi họ phải ký bản dự thảo hiệp định ngay lúc đó. Sau này, ông có ghi lại một trang nhật kỳ của ông viết vào lúc Kissinger còn ở Sài Gòn : “Một số tin tình báo cho biết, chúng (Bắc Việt) ẽíã ra chỉ thị cho cán bộ chúng giết hết mọi đối thủ trong vùng chúng kiểm soát một khi có loan báo đình chiến. Đây sè là một cuộc tắm máu tàn sát, và đó là điều ta phải xét đến khi làm áp lực ông Thiệu chấp nhận một cuộc dàn xếp chính trị, mà theo chúng tôi, tất nhiên là hợp lý nhưng cũng phải biện minh được về mặt an ninh.”

Phân tích và nhận xét về những biến cố lúc đó, Hưng tin ràng Kissinger và Nixon đã phạm một sai lầm chiến lược khi họ tìm cách chấm dứt chiến tranh qua các cuộc thương thuyết bí mật. Chảng những thương lượng mật đã ngầm phá hoại Việt Nam Cộng hòa và hạ thấp tư thế của chính phủ Sài Gòn, nó làm Hoa Kỳ. mang tiếng là điều đình sau lưng đòng minh nữa. Uy tín cá nhân của Kissinger mỏi ngày lại một buộc chặt với sự thành công hay thất bại của các cuộc hòa đàm ; bởi vậy, ông ta đã bị mắc kẹt không thể gỡ ra mà không phải trả một giá thật đắt cho uy tí n riêng của mình. Sự việc này thật rõ ràng khi ông ta trở về Hoa Kỳ ngay sau chuyên viếng thăm Sài Gòn mà không được Nixon cho phép thực hiện “chặng đường chót” của cuộc hành trình, nghĩa là bay ra Hà Nội để thảo luận nốt các chi tiết cuối cùng rồi ký tắt vào bản dự thảo hiệp định ngày 24 tháng 10.

Kissinger khăng khăng muốn đi Hà Nội, vào đúng lúc mà cuộc tấn công “mùa hè đỏ lứa” của Bắc Việt đã bị đẩy lui, và vào lúc, rõ ràng là Nixon sẽ đại thắng trong cuộc tuyển cứ tới. Kissinger muốn có được một hiệp định trước tuyển cứ để gắn liền sứ mạng Lịch sứ của ông vời việc thắng cử xủa Nixon. Bởi vậy, dù Việt Nam Cộng hòa và Nixon đang ở thế mạnh, ông đã lùi bước trước đòi hỏi của Bắc Việt và bằng lòng giải quyết cả hai khía cạnh : quân sự lẫn chính trị.

Ngay tử hồi khởi sự điều đình, Hà Nội đcí có hai mục đích chính : quân Mỹ phải rút khỏi miền Nam, và thành lập một chính phủ liên hiệp tại Sài Gòn làm phương tiện nắm quyền kiểm soát miền Nam sau này. Mục đích thứ nhất đã là yếu tố quan trọng nhất trong chiến lược của họ. Sự kiện này đã được chính Nguyễn Cơ Thạch, Bộ trưởng ngoại giao của Hà Nội xác nhận với ký giả Hersch sau ngày Sài Gòn thất thủ : “Tôi phải nói với ông điều này : cái quan trọng nhất của chúng tôi là Mỹ phải rút quân. Điều thứ hai là họ phải bằng lòng cho tất cả quân đội chúng tôi ở lại miền Nam”

Dựa trên kinh nghiệm với Pháp, Bắc Việt đòi hỏi sự triệt thoái của Mỹ phải được thi hành với một lập trường hết sức cứng rắng ; nó gòm bốn yếu tố : Đơn phương, mau lẹ, toàn bộ và vĩnh viễn. Dần dần, từng bước một, Hoa Kỳ. đã nhượng bộ cả bốn.

Thoạt tiên Hoa Kỳ bắt đầu với “nguyên tắc kiông thể lay chuyển được”, là cả hai bên Bắc Việt và Hoa Kỳ, cùng rút quân khỏi miền Nam. Điều này được Nixon tuyên bố rõ ràng ngày 8- 5-1969. Trong suốt hai năm Hoa Kỳ giữ vững lập trường này. Thế rồi ngày 31-5-1971, Kissinger ngầm đưa ra một kế hoạch mới : Lần đầu tiên Hoa Kỳ bỏ hân yêu sách triệt thoái song phương để đổi lấy lời cam kết của Bắc Việt là sẽ không đổ thêm quân vào miền Nam, Lào và Cam-bốt. Theo Kissinger, sở dĩ ông đã bỏ hẳn lập trường cố hữu đó vì ông đã cho thực hiện một số nghiên cứu mà két quả cho biét là Sài Gòn có thể đối phó được với sự hiên diện tiếp tục của quân Bắc Việt tại miền Nam nếu như không có tiếp liệu và yểm trợ tiếp tục cho chúng từ bên ngoài. Chính là càn cứ vào những bản nghiên cứu này mà Kissinger đã thúc giục Nixon đổi lập trưởng.

Theo ý kiến của Thiệu và các giới chức Sài Gòn Kissinger đã phạm một sai lầm chiến thuật nghiêm trọng ngay từ hồi đầu là : đã tập trung nỗ lực điều đình vào việc rút quàn thay vì coi chính việc rút quân là một điều kiện tiên quyết cho mọi cuộc điều đình.

Theo Thiệu, vỹ tuyến 17 là biên giới Bắc-Nam, phân cách hai quốc gia khác nhau. Vậy mà dường như Kissinger đã chấp nhận yêu sách của Bắc Việt đòi rằng Việt Nam là một quốc gia, vá chỉ có ba quốc gia tại Đông Dương : việt Nam, Lào và Cam-bốt. Khi Việt Nam Cộng hòa vạch điểm này ra cho Kissinger tháy, thì ông này cho đó ch’1 là một “sơ suất”, và hứa sẽ bỏ đi trong dự thảo tiếp theo.

Nỗi khổ cực bị khép vào vai trò đồng minh lép vế, đã làm cho chính phủ Sài Gòn hết sức đau lòng. Lối trình diễn độc tẩu, lại là thứ độc tấu có kỹ thuật cao của Kissinger khiến Sài Gòn cảm thấy vừa càm giận, vừa bất lực trước sự bóp méo lịch sử của ông ta. Giữa Hoa Thịnh Đốn và Sài Gòn lúc đó có biết bao nhiêu là bất đồng ý kiến sâu xa về nội dung các điều khoản của hiệp định, thế mà đứng trước máy truyền hình và dư luận thế giới, Kissinger cứ vẫn gọi những khác biệt đó là “một số điều còn mơ hổ”, một “vấn đê ngữ học” hay là một “vắn đề kỹ thuật”. Kissinger còn nói là đoạn đường dài nhất đã đi qua rồi, “và những gì hiện làm trở ngại đường đi đến thỏa thuận là những vấn đề tương đối kèm quan trọng hơn những gì đã được dàn xếp.” Đúng là “cả vú lấp miệng em.”

Kissinger đã ma-nớp được giới báo chí Mỹ, và lại ít người bỏ ra thời giờ đẻ phân tích những thay đổi trong lập trường của Mỹ. về vấn đề rút quân chẵng hạn, Hoa Kỳ đã đổi từ rút quân cả hai bên sang rút quân có một bên (Mỹ); lịch trình triệt thoái đổi từ vô hạn định tới chín tháng, xuống sáu tháng, rồi ba tháng, rồi xuống sáu-mươi ngày.

Khi Phạm Văn Đồng xấc nhận với Kissinger rằng, đúng thế, Hội đòng Hòa giải và Hòa hợp Dân tộc chính là một chính phủ liên hiệp, như Việt Nam Cộng hòa đã cảnh cáo, thi Kissinger vẫn cứ chối bay, không chịu nhận. Thiệu vẫn không hiểu tại sao Kissinger vẫn cứ nói đó không phải là một công thức chính phủ liên hiệp trong khi cả hai bên tranh chấp, Sài Gòn lẫn Hà Nội, đã đều quả q jyết chính là liên hiệp. Theo bản văn của hiệp định dự thảo do Hà Nội tiết lộ và loan báo trên đài phát thanh Hà Nội, mà chính Kissinger khảng nhận là đúng, thì mọi quyền lực trao cho Hội đồng này đúng là những quyền lực của một chính phủ liên hiệp lâm thời do Hà Nội đề nghị từ ngày 9-5-1969.

Về phần Thiệu. Ông hiểu ngằm những lời năn nì của Nixon về “tình đoàn kết” có nghĩa là “đoàn kết lúc này” vì một khi cuộc bàu cử đã đi qua, thì Việt Nam Cộng hòa sẽ phải chịu đựng thêm nhiều áp lực mới nữa, giống y như hòi 1968.

# CHƯƠNG VII - NHỮNG Gì CHÚNG TÔI SẼ LÀM

Một ngày sau khi vẻ vang thắng cứ (với gần 61 phằntrăm số phiếu, chưa có ứng cử viên đảng Cộng Hòa nào thắng lớn được như vậy trong lịch sử Hoa Kỳ), Nixon lại viết cho Thiệu một lá thư dài để mở lại cuộc đốithoại về bản dự thảo hiệp định chấm dứt chiến tranh. Tướng Haig được ủy nhiệm đem lá thư sang Sài Gòn và giải thích cho ông Thiệu rõ ý định của Nixon. Kissinger đã hằn học về lời tố cáo của Thiệu, gọi bản hiệp định là một sự “đằu hàng”. Về phần Thiệu, ông cũng đã không chịu đựng được Kissinger thêm nữa, vì tin rằng vị cố vấn An ninh Quốc gia này đã chỉ hành động theo nghị trinh riêng của mình với sự đồng lõa của Bắc Việt. Thiêu muốn nói chuyện thẳng với Nixon. Ông cho phát động trong giới báo chí Sài Gòn một chiến dịch gán cho Kissinger cái lỗi là đã không thông báo chính xàc quan điểm của Việt Nam Cộng hòa cho Nixon. Sau lần thất bại vừa rồi, Kissinger không còn mặt mũi nào trở lại Sài Gòn lần nữa, nên Nixon đã chọn Haig đi thay thế, để vừa xoa dịu, vừa khuyến khích Thiêu. Nixon trọng cái đức tính cứng cỏi của người quân nhân này, và cũng khéo léo dùng ông ta để “chơi” lại Kissinger. Nixon có thể tin cậy Haig sẽ phục tùng mệnh lệnh ông và không có một mưu cầu riêng tư nào khác hơn là lên lon. Ông cũng là ngưòi biết xét đoán tính nết người khác và có vê hiểu được Thiệu. Hồi tháng 10-1972, trong một bài phỏng vấn đăng trên tờ Time, Haig mô tả ông Thiệu là “người” phức tạp, có khả năng, và sắc sảo. Ổng ta thích làm việc với một số rắt ỉt người, và có tính đa nghi. Ổng rắt có ỷ thức và hay bưu tâm đến sự sống còn của mình, thể nhưng lại mèm dẻo và dễ thuyết phục. Đường lối hành động của ông ta là đi trước mọi vấn đè liên quan đến cuộc điểu đình. Ổng ta là một nhà điểu khiển chính trị giỏi, và là một người yêu nước. Thiệu không nhắt thiết là người được yêu mến tại Sài Gòn, nhưng giới công chức lại rắt kính nễ ông ta. Trong đoản kỳ, tôi không tháy ai có thề thay thế ông ta được. ”

Haig tới Sài Gòn ngày 10 tháng 11, 1972, và đi ngay đến Dinh Độc Lập để trình lá thư Nixon, cũng lại do chính Kissinger thảo. Haig là một sứ giả lý tưởng, vẻ gò ghề, dáng điệu góc cạnh nhà binh của ông ta làm Thiệu thấy thoải mái. Haig đã từng phục vụ tại Việt Nam hồi 1966-67, trong chức vụ tiểu đoàn trưởng và được cả Lục quân Hoa Kỳ lẫn chính phủ Việt Nam Cộng hòa tưởng thưởng huy chương về sự dũng cảm trong khi tác chiến. Với kinh nghiêm đầu tay, Haig hiểu biết tình hình quân sự tại Việt Nam, và qua các cuộc nói chuyện, Thiệu đã thầy Haig có thiện cảm với chính nghĩa của Việt Nam Cộng hòa hơn là Kissinger. Tuy nhiên, ông chì là một người đưa tin, không quyền hành gi cả, dù rằng có ảnh hưởng với Nixon.

Haig nói với Thiệu rằng Tổng thống Nixon đã quyết tâm đi tới chỗ ký kết nhưng cũng rất muốn thỏa mãn những yêu sách của Sài Gòn. Trong phần phụ giảitheo chỉ thị của Nixon, Haig khôn khéo nhấn mạnh ờ điểm Thiêu phải có sáng kiến chính trị và tâm lý để tiến tới việc tái thiết miền Nam và củng cố quyền lực của mình. Phần thưởng cho sự cộng tác với Hoa Kỳ sẽ là một cuộc họp mặt với Nỉxon. Dù Nixon vừa thắng cử lớn, nhưng về vấn đề Việt Nam thì Hạ Viện Hoa Kỳ không còn kiên nhẫn, và Thượng Viện thì lại “bò câu” hơn cả trước ngày bầu cử. Néu không có được một dàn xếp nào trước khi Quốc hội tái nhóm vào tháng Giêng 1973, và nếu Thiệu bị coi như một chướng ngại vật cho Hòa bình, thì Thượng viện sẽ cắt ngân qũy viện trợ cho Việt Nam Cộng hòa.

Trước khi Haig tới Dinh Độc Lập với Đại-sứ Bunker, Thiệu đã bảo Nhã duyệt lại một “kế hoạch ý đồ”, đoán xem Haig sẽ có những đề nghị gì mới để liêu cách đối phó. Tới một cao điểm của phiên họp, Thiệu cho biết không thê chấp nhận Hiệp định Paris nếu không sửa đổi thêm. Haig đã toan nổi nóng, mắt nheo lại và hít thêm không khí đầy ngực. Nhưng rồi lấy lại bình tĩnh, ông ôn tòn nói với Thiệu là nếu không đồng ý với Hiệp định, Hoa Kỳ sẽ bắt buộc phải “có hành động tàn bạo”. Dù không quen với những lời đe dọa lỗ mãng ấy, Bunker vẫn thản nhiên như không, chỉ nhích cặp lông mày lên một chút. Dù Thiệu đã đoán trước sẽ có một đe dọa nào đó, ông chỉ biết cười xòa, mà không yêu cầu Haig giải thích thêm lời đe dọa ấy. Haig coi bộ bứt rứt khi Thiệu không trả lời mà cũng không hỏi han thêm .

Lần này, lá thư của Nixon, đề ngày 18 tháng 11,1972 có lời lẽ cứng rắn hơn, gay gắt hơn những lá thư viết trước kỳ bàu cử. Nhưng nếu Nixon đe dọa, .thì ông ta cũng lại hứa hẹn thêm. Một vài đoạn điển hình :

Kính thưa Tồng Thống,

Trước hết, tôi phải phát biểu nỗi thất vọng của tôi vè đièu mà tôi coi là một chiêu hướng nguy hiểm trong mối liên hệ giữa hai quốc gia chúng ta, một xu hướng chỉ mang tới hậu quà là phá hoại những mục tiêu chung của chúng ta, và làm lợi cho kẻ địch. Những sự bóp méo, đả kích liên tiếp bản Hiệp định đã không công bình mà còn có tính cách chủ bại. Những sự xuyên tạc và đả kích đó vẫn còn dai dăng bất chấp nhiều phản kháng của chúng tôi, kề cả lá thư ngày 29 thảng 10 của tôi gửi Ngài. Chúng đã làm cho tôi bối rối và gây cho tôi nhiều trở ngại.

Trong những lăn liên lạc trước, và trong những cuộc trình bày của Tiến sỹ Kissinger, và Đại sứ Bunker, chúng tôi đã giải thích nhiều làn tại sao chúng tôi coi bản dự thảo Hiệp định ấy là họp lý; chúng tôi tiếp tục tin tưởng rằng nó phản ảnh những nhưqng bộ của phe bên kia, nó bảo vệ nền độc lập của Nam Việt Nam, và cho phép nhân dân Việt Nam quyết định lấy tưong lai chính trị cho chính nành. Ngài cũng đã được thông báo đằy đủ vè công cuộc tái thiết các khí cụ hiện đang được thực hiện để tăng cường các lực lượng cứa Ngài trước khi có đình chiến. Tôi đã rắt nhiều lần gửi đến Ngài những bảo đảm chắc chắn chống lại trường hợp hiệp định có thề bị vi phạm. Tôi đã ngỏ ý muốn gặp Ngài một thời gian ngắn sau khi hiệp định được ký kết để biểu dương lại sự ủng hộ tiếp tục của chúng tôi. Tôi khỏi càn kề lại rất nhiêu lập luận, giải thích, và những công tác đã được thực hiện. Chúng vẫn còn có hiệu lực.

Tôi thiền nghĩ là Ngài có hai lựa chọn chủ yếu. Ngài có thề dùng sự ủng hộ của dân chúng mà Ngài đã thâu lượm được do những hành động mới đây để tuyên bổ đã có thắng lợi quăn sự mà bản Hiệp định phản ảnh; Ngài có thể cộng tác với đổng minh mạnh nhất của Ngài để mang lại thắng lợi chính trị do những điều kiện hiện hữu mang tới. Ngài có thê nắm lấy sáng kiến chính trị và tâm lý bằng cách hoan nghênh bản Hiệp định và thi hành những điểu khoản của nó theo một đường lối tích cực. Trong trường hợp này, tôi xin nhắc lại lời mời của tôi để gặp Ngài, một thời gian ngắn sau khi ký hiệp định, đê nhắn mạnh sự hợp tác mật thiết liên tục giữa chủng ta.

Lựa chọn thứ hai là Ngài vẫn tiếp tục con đường mà dường như Ngài đang theo đuổi hiện nay. Theo ý tôi, thì điều đó sẽ có lợi cho kẻ địch và sẽ mang đến những hậu quả vô cùng trăm trọng cho cả hai dân tộc ta. Nó sẽ là một thảm họa cho dân tộc Ngài.

Thưa Tổng Thống, tôi xin Ngài cho Đại tướng Haig biết ta có thể yên tâm tiến hành trên căn bản này không? Chúng tôi hiện đã tói một giai đoạn mà tôi càn biết đích xác liệu Ngài có sẽ tiếp tay với chúng tôi trong nỗ lực mà Tướng Haig sẽ phác họa với Ngài không, hay là chúng tôi phải trù liệu các đường lối hành động khác mà tôi tin rằng sẽ thiệt hại cho quyèn lợi của cả hai quốc gia chủng ta.

Tôi hy vọng Ngài và chính phủ Ngài sẵn sàng cộng tác với chúng tôi. Có rất nhiều công tác chuẩn bị càn được thực hiện và chúng tôi tin rằng các toán đặc nhiệm Hoa Kỳ- Việt Nam Cộng hòa phải khởi sự làm việc với nhau để chủng ta sẽ ở vào tư thế tốt nhất có thễ có, ngõ hàu thi hành bân hiệp định.

Tôi hoàn toàn tin rằng nhăn dân Ngài, quân hfc Ngài và chính bản thân Ngài đã dành đưq-c một thắng ỉọ-i lán mà bán dự thảo Hiệp định sẽ xác nhận.

Ý định của tôi là sẽ xây dụng ờên nhũng thành quả đỏ. Tôi muốn đưq-c cộng tác vói Ngài và chính phủ Ngài trong nhiệm kỳ thứ hai CIỈO tôi đề bảo vệ tự do tại miền Nam — trong thòi bình, cũng nhu ta đã từng cộng tác trong nhiệm kỳ thừ nhất của tôi để bảo vệ nó trong thòi chiến.

Trong bốn năm qua, Ngài và tôi đã là hai đồng minh thân thiết, trên bình diện cá nhân cũng như quân sự. Sự liên minh này sẽ đưa chủng ta tới một vị trí khiến kẻ địch đang thỏa thuận với những điều kiện mà bất cứ một quan sát viên vô tư nào cũng đã nói là không thể có được bốn năm trước đây. Sự liên minh của chúng ta và những thành quả của nỏ đã được xây dựng trên sự tin cậy lẫn nhau. Nếu Ngài tiếp tục tin cậy chúng tôi, thì cùng nhau chúng ta sẽ thành công.

Kính thư

(kt) Richard Nixon

Sau khi Haig rời Dinh Độc Lập, Thiệu đọc lại lá thư một lần nữa rồi viết lên đầu thư : “Đọc cho Hội đồng và Task íorce (Toán đặc nhiệm) làm việc trèn những điểm này.” Ông còn đánh ba dấu hỏi ở lề trái lá thư, chỗ viết “Những sự bóp méo và đả kích liên tiếp bản hiệp định đã không công bình mà còn có tính cách chủ bại.”

Thiệu fnất tinh thần về sự thay đổi giọng điệu của Nixon, nhất là câu mở đằu, “một chiều hướng nguy hiểm trong mói liên hệ ...” Nhưng ông cũng không cảm thấy bị đe dọa bởi “hai lựa chọn chủ yếu” và mặc dù Nixon đã đặt hết lên vai ông “những hậu quả vô cùng trầm trọng cho cả hai dân tộc ta ...” (và) một thảm họa cho dân tộc Ngài”. Ông quyết định là đã đến lượt mình phải tham dự điều đình, và nếu như Kissinger vẫn còn ở chức vụ thương thuyết gia, ống sẽ vẫn đưa ra yêu sách của Sài Gòn. Thiệu tiếp tục cưỡng lại Kissinger một phần cũng vì được Hưng cho biết là Kissinger đang hơi yếu thế, và bị nhóm viên chức trong văn phòng Tổng Thống Nixon cô lập hóa (Báo chí Mỹ nói bóng gió là có sự nứt rạn trong tòa Bạch Cung, và chính vợ Haldeman đã than phiền với một người bạn Việt của Hưng về hành động của Kissinger trong các cuộc hòa đàm.) Chống lại ké hoạch hòa bình của Kissinger cũng đã có một phản ứng mạnh tử phía lãnh đạo quân sự Mỹ như Hải quân Đô đóc Thomas Moore, chủ tịch tham mưu trưởng liên quân, và Đại tướng Westmoreland, hòi đó là Tham mưu trưởng Lụ  
c quân, phe bảo thủ, như Warren Nutter chẳng hạn, hòi đó là Phụ tá Bộ trưởng Quốc phòng cũng chống kế hoạch của Kissinger. Trong chính quyền Nixon hòi đó đã không hề có thảo luận liên bộ về kế hoạch này.

Thiệu đã tin rằng nếu cứ kiên trì giải thích cho Hoa Thịnh Đốn hiểu được tính cách giết người của bản hiệp định đối vói Việt Nam Cộng hòa, thì Nixon sẽ thông cảm và đòi duyệt lại Hiệp định Paris. ông nhất định không cho là Nixon đã thành thật khi nói rằng Việt Nam Cộng hòa "đã giành đưọ-c một thẳng lợi lớn mà bản dự lhảohiệpđịnhsẽxácnhận. Tuy nhièn ông muốn giải đoán lá thư theo quan điểm riêng của mình. Chảng hạn, câu Nixon hứa "bảo đảm chắc chắn chống lại trường họp hiệp định có thể bị vi phạm "Bảo đảm” đã trở thành từ ngữ then chốt đối với Việt Nam Cộng hòa. Bởi vậy chính phủ Sài Gòn bèn phác họa một số yêu sách liên quan đến những bảo đảm về sự hiện diện của quân Bắc Việttại miền Nam, việc tôn trọng vùng Phi Quân Sự, và sự hiện hữu của cơ ché quốc tế kiểm soát đình chiến.

HĐANQG họp với Haig đòi thiết lập một danh sách liệt kê những vấn đề ưu tiên. Thiệu chuyển cho Haig một là thư lập lại những yêu sách của Việt Nam Cộng hòa và đòi phải minh xác những vấn đề then chốt nói trên.

ông cố bấu víu vào những đoạn tích cực trong lá thư Nixon. Chẳng hạn: " ... cộng tác với Ngài và chính phủ Ngài trong nhiệm kỳ thứ hai của tôi đê bảo vệ tự do tại miền Nam — trong thời bình cũng như ta đã từng cộng tác trong nhiệm kỳ thứ nhắt của tôi đê bảo vệ nó trong thài chiến”        
ữ

Thiệu nghĩ cách chiẽm sự thông cảm của Haig trong tư thế một quân nhân, nên hỏi: “Đại tướng Haig, Ngài là một tướng lãnh. Tôi cũng te một tướng lãnh. Ngài có bao giờ thấy bất cứ một hiệp ước hòa bình nào trong lịch sứ thế giới mà kẻ xâm làng lại được phép ở lại trong lãnh thổ mà họ đã xâm chiếm không? Thí dụ như liệu Ngài có sẽ cho phép quân Nga ở lại Hoa Kỳ và rồi nói là quí vị đã đạt được một hiệp ước hòa bình với Nga không?”

Thiệu sau này nói là Haig đã không trả lời nổi: “Trả lời làm sao nổi — điều phi lý như thế thì trả lời làm sao nổi ?” Thiệu nhận định con người nhà binh ở Haig thì kém lý thuyết hơn, do đó ít ngây thơ hơn là Kissinger khi phải đối phó với Cộng sản. Sợ là Kissinger đã bị Bắc Việt đảnh lừa, bịp bợm, nên Thiệu cố kéo Haig về phe mình. Thiệu biết là Nixon muốn Mỹ ra khỏi Việt Nam vì áp lực dư luận và còn nhiều việc khác phải làm trong nhiệm kỳ hai, nhưng đâu có với cái giá là bỏ rơi miền Nam Việt Nam. Lý do không hân là vì Nixon đã cam kết gì với Thiệu hay với miền Nam Việt Nam, mà chính là uy tín và danh dự của Hoa Kỳ trong vị trí một đại cường thế giới.

Haig trở vê Hoa Thịnh Đốn, mang theo thư của Thiệu và tin tưởng rằng rốt cuộc Thiệu sẽ đi theo. Ngày 12 tháng 11, ông phúc trình cho Nixon : “Hiện giờ chúng ta đang phải đối phó với một tình thế nguy ngập. Thiệu nhất định đặt uy tín của ông ta lèn cùng một chỗ với uy tín của toàn thể chính phủ ông ta ... cho nên tôi nghĩ rằng, nếu ta cứ giữ một lập trường hoàn toàn không hợp lý với ông ta, thì có thể sB bắt buộc ông ta phải lâm vào chỗ tự sát chính trị. Trong trường hợp đó, tôi không chắc là quyền lợi của ta sẽ được phục vụ tối đa ; cho nên tôi đề nghị một giải pháp nghe dè sợ hơn, là cố giải quyết vấn đề đó với Thiệu cho đến phút chót.”

Nixon đòng ý với phân tích của Haig “rằng cái giá phải trả đế giữ Thiệu lại tất nhiên là nhié. rủi ro, nhưng tôi không tin là không thể chấp nhận được trong giai đoạn này.” Ngày 8 tháng 12 đã được định là thời hạn chót để ký Hiệp định tại Paris. Nếu như vẫn không thể thuyết phục được Thiệu chịu ký vào lúc đó thì Nixon quyết định sẽ ký với Bắc Việt một bản hiệp định riêng biệt . Nixon bây giờ lấy một giọng điệu ôn hòa hơn. Ngày 14 tháng 11. ông gứi cho Thiệu một phúc thư và điện báo sang Sài Gòn cho Bunker bảo trao lá thư vào tối ngày 14 tháng 11. Lá thư có nội dung kêu gọi Việt Nam Cộng hòa cộng tác bằng cách viết rõ ra về “bảo đảm tuyệt đối” của Hoa Kỳ trước khi điều đình tái tục tại Paris giữa Kissinger và Thọ vào ngày 20 tháng 11. Các đoạn chính lá thư như sau:

Kinh thưa Tổng Thống,

... Qua lả thư của Ngài và qua phúc trình riêng của Đại tướng Haig, tôi hiểu rằng mối quan tâm chính còn lại của Ngài đối với bản dự thảo hòa bình là tình trạng của lực lượng Bắc Việt hiện nay ở Nam Việt Nam. Như Tướng Haig đã giải thích với Ngài, chúng tôi có ý định đối phó với vấn đè này bằng cách, thứ nhất, thêm vào bản dự thảo hiệp định một điều khoản đòi giảm quân và giải ngũ các lực lượng của cả hai bên tại Nam Việt Nam ...và đòi số quân nhăn giải ngũ trở về quê quản họ.

Tôi sẽ không nhác lại hết ở đây những gì tôi đã viết trong lá thư giỉi Ngài ngày 8 tháng u, nhưng tôi xin được tái khảng định nội dung chủ yếu của nó và nhắn mạnh một lằn nữa quyết tâm của tôi muốn đi tới một hiệp định sớm sủa, đại đễ như lịch trình mà Tướng Haig đã giải thích với Ngài. TÔI phải rất thành thực giải thích là mặc dù chúng tôi sẽ cổ gắng hết sức để đạt được những thay đổi trong bẩn hiệp định mà Tướng Haig đã thảo luận với Ngài, và những thay đổi phụ mà Đại sứ Bunker sẽ trao đến Ngài, chúng tôi không thể trông đợi là có thê đạt được tắt cả. Thỉ dụ, nếu giả định rằng chúng tôi sẽ có thể đạt được những bảo đảm tuyệt dối mà Ngài hy vọng có được vè vấn để quân đội Bắc Việt thì không thực tế.

Nhưng quan trọng hơn rắt nhiêu những gì chúng tôi nói trong hiệp định về vấn đê này là những gì chúng tôi sẽ làm trong trường hợp kẻ địch tái diễn xâm lược. Tôi tuyệt đối cam đoan vái Ngài rầng: nếu Hà Nội không tuân theo những điều kiện của Hiệp định này, thì tôi cưang quyết sẽ có hành động trả đũa mau lẹ và ác liệt.

Tồi tin rằng bàn hiệp định hiện có là một hiệp định, trong chủ yếu, hợp lý, và nó còn phải trở nên hợp lý hơn nữa nếu như chúng ta thành công trong việc lấy được một số những thay đổi mà chúng ta đã thảo luận. Sự bảo đảm lớn nhất cho thành công là tiến tới hoàn cảnh mới này với lòng tin tưởng và cộng tác ...

Trên hết chúng ta nên ghi vào tâm khảm những gì thực sự duy trì được bản hiệp định : Châng phải là một điều khoản đặc biệt nào đó trong bản hiệp định mà là sự quyết tâm của cả hai chúng ta đe duy trì cảc đièu Khoản của nó. Tôi xin nhắc lại những bảo đảm của chính tôi vái Ngài là Hoa Kỳ sẽ phản ứng thật mạnh mẽ và mau lẹ đối với bất cứ vi phạm hiệp định nào. Nhưng để thực thi điều này một cách hữu hiệu, điều quan trọng là tôi phái có được hậu thuẫn của dần chủng , và chính phủ Ngài phải đừng tỏ ra như một trở ngại cho một nèn hòa bình mà công luận Hoa Kỳ giờ đây hoàn toàn mong muốn. Chỉnh vì lý do này, mà tôi khẩn khoản yêu càu Ngài nhận một bản hiệp định mà tôi tin là đi đôi với danh dự và công lý, một hiệp định mà ta cỏ thể làm cho trở nên an toàn bằng sự quyết tâm chung của chủng ta.

Nhà tôi cùng tôi xin giỉi đến Phu Nhân và Ngài những lời kính thăm nổng hậu nhắt. Cả hai chúng tôi đều mong được gặp Ngài và quí Phu nhân làn nữa tại nhà riêng của tôi ở California một khi nền hòa bình công chính mà chúng ta đã tranh đấu từ bao lâu nay rốt cuộc đã hoàn thành.

Kinh thư,

(kt) Richard Nixon

Lá thư này cho thấy Nixon đã trả lời về ba mối lo ngại chính của Thiệu : sự hiện diện của quân đội Bắc Việt tại miền Nam, cơ ché kiểm soát, và những vi phạm hiệp định của Bắc Việt. Ông trấn an Thiệu rằng cơ ché kiểm soát đình chién "tự nó không thê quan trọng bằng quyết tâm của chủng ta đảm bảo cho hiệp định được thi hành và sự cảnh giác của chúng ta đổi với viễn tượng nó bị vi phạm. "Thiệu thấy hơi yên tâm, vi trong một lá thư mà Nixon đã nhác lại hai lần là hiệp định tự nó chẳng quan trọng bằng những gì Hoa Kỳ sẽ làm, nhất là về sự hiên diện tiếp tục của quân đội Bắc Việt: Nixon và Kissinger đã thôi không lập luận là đám quân đó sẽ “tan dần đi” nữa, nhưng bây giỏ nhấn mạnh đến những bảo đảm, đến tầm quan trọng của những hành động mà Mỹ sẽ đối phó để bắt phải tôn trọng đình chiến. Ông Thiệu đã gạch dưới những câu Nixon viết về quyét tâm trả đũa của Hoa Kỳ một khi Bắc Việt vi phạm, và ở lề lá thư còn đánh hai dấu đậm để nhấn mạnh nhữngđiểmđó. Ồng cũng để ý đến câu chào hỏi thân mật của Nixon ở đoạn cuối lá thư, mà lần đầu tiên ông nhận được.

Giọng điệu ôn hòa của lá thư cũng làm ong yên lòng một phần nào, nhưng ông vẫn muốn thấy những bảo đảm ấy được viết ra một cách rõ ràng hơn nữa, trên giấy trắng mực đen. Những hứa hẹn riêng tư của Nixon quả có trấn an, nhưng Thiệu lại chẳng thể công bố ra được.

Ngày 18 tháng 11, hai ngày trước khi hòa đàm tái nhóm tại Paris, Thiệu mời Đại sứ Bunker đến và trao cho ông ta một bức giảc thư đề nghị sáu-mươi-chín sửa đổi cho bản hiệp định. Gằn như điều khoản nào cũng có ghi một câu phản đối, trong đó mục đích là tố cáo với Nixon là Kissinger đã cẩu thả, hoặc bị Bắc Việt lừa bịp hoặc đã nhượng bộ Bắc Việt.

Đồng thời Thiệu đề nghị gứi Phụ tá ngoại giao Nguyên Phú Đức, qua Hoa Thịnh Đốn để giải thích về những sửa đổi cần thiết. Biết rằng, Kissinger sắp lên đường qua Paris đễ gặp Thọ, Thiêu hy vọng rằng sứ giả của mình có thể gặp được Nixon ở Hoa Thịnh Đốn mà không có sự hiện diện của Kissinger; cùng lắm, chì có tướng Haig là người còn có thiện cảm với miền Nam.

Thế nhưng, Kissinger lại cho việc Thiệu đề nghị gửi một sứ giả qua Mỹ là “một cái tát vào mặt tôi và là một chiến thuật tránh né lì lợm vì không có cách nào một người sứ giả cỏ thể đín kịp Hoa Thịnh Đốn trước khi tôi phải khởi hành.” Muốn giữ chặt lấy quyền kiểm soát các cuộc thương thuyết, Kissinger nhất định yêu cầu Nixon để ông có mặt trong buổi họp. Theo Kissinger, thì Nixon đã “gửi Thiệu, một lá thư lạnh lùng, cảnh cáo là những thay đổi đó không thể nào đạt được tất cả, và từ chối không tiếp một sứ giả cho đến khi nào các cuộc thương lượng với Hà Nội sắp tới được hoàn tất”

Thực ra, lá thư đã có lời lẽ rất là hòa dịu. Nội dung lá thư ngày 18 tháng 11 đó như sau:

Kính thưa Tổng Thống,

TÔI đã hết sức cẩn thận đọc bức giác thư ngày 18 tháng 11 của chỉnh phủ Việt Nam Cộng hòa. Tôi tin chắc Ngài đã thừa hiểu những khó khăn xẩy cho chúng tôi khi Ngài đưa ra một danh sách đòi rất nhiều những sửa đổi khác sau khi đã có biết bao đè nghị sửa đổi mà chủng ta đã thảo luận. Dù sao chăng nữa, tôi sẽ chỉ thị cho Tiến sỹ Kissinger tìm cách để đưa ra những đè nghị của Ngài một cách tối đa. Tuy nhiên, tôi phải xin giải thích vói Ngài rằng, thứ nhất nếu viết vào hiệp định một cách rõ ràng vè vấn đè quân đội Bắc Việt tại miền Nam thì có điều bất lợi là như thể ta đã hợp thức hóa bắt cứ lực lượng nào còn ở lại và, thứ hai, như chúng tôi đã nói nhiều lần việc đó hiển nhiên không thể đòi được. Thêm nữa, vào lúc này không thề nào thay đổi được thành phần của Uy Ban Kiểm Soát Quốc tế. Còn về những thay đổi khác, Tiến sỹ Kissinger sẽ trình bày cho quí Đại sứ (của Ngài tại Paris) biết vè những nhượng bộ nào đã đạt được vào buổi chiều mỗi ngày.

Chỉ thị của tôi cho Tiến sỹ Kissinger là làm áp lực tối đa đề đưa ra những đè nghị của Ngài. Tuy nhiên, tôi phải xin giải thích là sẽ không thê hủy bỏ bản hiệp định hoặc đờng ý với những đè nghị chờng chất thêm nữa của Ngài khi những đề nghị đó cũng sẽ đưa tói cùng một hậu quả (là hủy bỏ hiệp định). Cho nên có thể là không thề đòi hết được tắt cả mọi sự sứa đổi như Ngài muốn.

Riêng vè đề nghị gửi một sứ giả qua Hoa Thịnh Đốn, tôi tin rằng, sau hai chuyến viếng thăm của Tiến sỹ Kissinger và ba chuyến của Đại tướng Haig, ba lá thư rìêng của tôi cùng vô số những trao đổi qua Đại sứ Bunker cũng như tất cả mọi bức thông điệp của Ngài mà tôi đã được đọc, chúng tôi đã có đày đủ những đè nghị của Ngài vè cuộc thương thuyết trong giai đoạn này. Cho nên, tôi thiển nghĩ rằng, cơ hội thuận tiện nhất để tôi gặp sứ giả của Ngài là ngay sau cuộc họp tới ờ Paris, khi chúng ta đã có được một số vấn đề mới để cứu xét chung. Bởi thế, nếu Ngài lựa chọn ông Đức làm sứ giả của Ngài thì tói xin đề nghị ông nên qua Hoa Thịnh Đốn trên chuyến máy bay cùng với Tiến sỹ Kissinger ngay sau khi chấm dứt cuộc thảo luận sắp tới tại Parts. Mặt khác, nếu như Ngài chọn Ngoại trưởng Lắm lam Vị sư giả của Ngài, thì tôi đè nghị ông đó qua Paris ngay và tham dự các cuộc thảo luận tiếp theo mọi phiên họp trong ngày và rời cùng trở về Hoa Thịnh Đốn với Tiến sỹ Kissinger để họp với tôi.

Mọt lán nưa, tôi khăn khoản xin Ngà' liên kết với chúng tôi trên đường hướng mà tôi quyết chí theo đuổi. Mọt làn nưa, toi cũng phải xin Ngài hiểu rổ mối nguy hiểm lơn lao khi Ngài làm mat sự ủng hộ của quàn chúng tại Hoa Kỳ, với tắt cả những rủi ro cho sự tiếp tục nỗ lực chung của chúng ta. Lẽ tắt nhiên chúng ta sẽ liên lạc mật thiết sau khi các cuộc hòa đàm tại Paris hoàn tất.

Kính thư,

(kt) Richard Nixon

Kissinger đã dằn mặt Thiệu, bắt sứ giả Việt Nam Cộng hòa phải cùng đi máy bay với mình về Mỹ để cùng gặp Nixon ! Thiệu thất vọng là Nixon không tiếp ông Đức trong thời gian Kissinger đi vắng. Thế nhưng, ông không còn cách nào khác hơn là chấp nhận phàn đề nghị của Nixon. Trên trang hai của lá thư Nixon (mà bản văn đã được Đại sứ Bunker chuyên đạt tới ông ngày 19 tháng 11), Thiệu viết chỉ thị cho Đức là “đi kịp thời”, cùng mang tài liêu theo — và theo dõi tại Balê.”

Sau này, trong tập hồi kỷ, Nixon đã tiết lộ mối quan tâm của ông về áp lực của Kissinger đối với Thiệu. Nixon quyét định sẽ cứ tiến hành không cần sự thỏa thuận của Thiệu, đồng thời ông cũng muốn kiềm chế Kissinger: “Như tôi đã bảo Henry khi ông ta bắt đầu đi các nơi lầm bầm thanh minh là trong trường hợp này (Hoa Kỳ khỏi phải e ngại về Thiệu vì) ta đã có một thành tích hết sức tốt đẹp (với ông ta) rồi. Tôi nói, Henry, ta không nên quan tâm đến việc là dựa trên thành tích thì ta đã đúng. Điều ta quan tâm tới là cứu vãn miền Nam Việt Nam và đó là lý do tại sao ta đã phải tạm thời hòa hoãn với Thiệu càng nhiều càng hay bởi lẽ quyền iợi của ta là làm thế nào cho miền Nam Việt Nam tòn tại và hiện nay Thiệu dường như là người lãnh đạo duy nhất có thể đưa tới chiều hướng đó.”

Kissinger tới Paris ngày 19 tháng 11, và họp phiên thứ nhất với Thọ vào ngày thứ Hai, 20-11-1972, tại ngôi nhà cũ của họa sĩ Leger ở Gif-sur-Yvette, ngoại ô Paris. Phe Việt Nam Cộng hòa lập một toán đặc nhiệm đế theo dõi hòa đàm. Ba Đại sứ Việt Nam Cộng hòa ở Hoa Thịnh Đốn, London, và tại Hòa đàm Paris đều có mặt. Đức và Nhã cũng được cử qua Pháp, với nhiệm vụ phụ tá các đại sứ và thảo một lá thư cho Nixon để Đức mang qua Hoa Thịnh Đốn sau khi kết thúc tuần hội họp với Bắc Việt. Trước khi đi, Nhã đã xin Thiệu ký tên ở nhiều chỗ khác nhau trên năm trang giấy in con dấu Tổng Thống. Làm như thế, khi đánh máy trên trang chót, chữ ký của Thiệu sẽ ở vào đúng chỗ, và không ai sẽ biết là lá thư đã được ký sẵn ở Sài Gòn ...

Thiệu cũng yêu cầu Tướng Trần Văn Đôn hồi ấy là chủ tịch ủy Ban Quốc phòng tại Quốc hội, chuẩn bị qua Paris, và mời Hưng cùng qua đó để theo dôi. Đôn được rất nhiều người trong cộng đồng Việt Nam ở Paris biết đến, và có nhiều tiếp xúc mật thiết với các giới cao cấp tại bộ Ngoại giao Pháp. Thiệu muốn Hưng sang Paris để làm việc với Đôn và phân tích những điểm tinh tế, những ẩn ý của bản hiệp định. Ông Thiệu hòi đó có rất ít nhân viên phụ trách công tác nghiên cứu, nhất là loại nghiên cứu văn bản như Hưng đã làm. Với một căn bản giáo dục Hoa Kỳ, anh đã được huấn luyện cách tham khảo, cách phân tích và phân biệt những sắc thái tế nhị trong ngữ ý. Cho nên Thiệu đã được cung ứng đày đủ những bản nghiên cứu chi tiết của anh về các lập trường của Hà Nội cũng như những bản so sánh với những yêu sách có trước hoặc với những lập trường và những lời tuyên bố khác nhau của Hoa Kỳ.

Lợi dụng các ngày nghi lễ Tạ ơn tại Hoa Kỳ, anh rời Đại học Howard và bay qua Paris. Trước khi đi, Hưng gặp Warren Nutter tại nhà hàng Trader Vic trong khách sạn Hilton ở Hoa Thịnh Đốn để thăm dò quan điểm của chính quyền Nixon sau khi có vụ họp báo của Kissinger. Nutter bèn tỏ lộ sự bất mãn của ông đối với những sự việc đang xẩy ra. Ồng nói:

“Tôi thật sự là bối rối. Châng còn biết được cái gì đang xẩy ra nữa. Kissinger đã cứ ôm nó khư khư một mình. Chì có mình ông ta biết mà thôi. Nhưng tôi có thể cam đoan với anh là Việt Nam vẫn còn được nhiều thiện cảm của rất nhiều người trong chính phủ.” Nutter bảo Hưng là ông sẽ rời khỏi chính quyền Nixon trong nhiệm kỳ hai vì ông cảm thấy sự hữu hiệu của mình tại Ngũ Giác Đài đã chấm dứt, lại nưa ông có thể giúp ích được cho Việt Nam Cộng hòa nhiều hơn nếu ở ngoài chính quyền, ông than phiền rất nhiều về cung cách Kissinger chi phối những quyết định quan trọng và gạt bỏ những người khác ra khỏi diên trình ấy. Nutter kê rằng ngay từ hồi đầu của chính quỳèn Nixon, nàm 1969, Kissinger đã có một quan điểm đầy thành kiến về chính phủ Sài Gòn mà ông cho là yếu kém và không hữu hiệu; Kissinger không tin tưởng gì vào Việt Nam Cộng hòa ngay từ đầu. Nutter nói rằng, khi phân tích và nhận định v'è tương lai của hai chính thể ở Việt Nam, Kissinger đã kết luận rằng một chế độ cânh-sát-trị như Bắc Việt được tổ chức giỏi hơn chế độ miền Nam và hữu hiệu hơn miền Nam vì họ có thể kiểm soát được dân chúng một cách đòng nhất và bằng cách hủy diệt tất cả mọi chống đối. Nutter còn giải thích ông có cảm tưởng là không bao giờ Kissinger đã kính nể chính phủ Nam Việt Nam cả. Rồi Nutter thêm: “Thử hỏi làm sao mà có thể điều đình một cách hữu hiệu cho những gì mình không tin tưởng? Tôi cũng chưa chắc là Kissinger có thực sự yêu chuộng nền dân chủ Hoa Kỳ và sự quan trọng của tính cách cởi mở của dân chủ Hoa Kỳ hay không?” Hưng ngạc nhiên về lời bình luận này, và hỏi: “Làm sao một vị giáo sư lỗi lạc của Đại học Harvard lại có thể không thấu hiểu nền dân chủ Hoa Kỳ?” Nutter đáp: “Không phải thế. Ông ta rất hiểu lỷ thuyết về dân chủ, còn hơn cả anh, hơn cả tôi nữa, nhưng cỏ một sự trung thành vói các phương pháp dân chủ và yêu quí nó, lại là một chuyện khác.”

Trên chuyến bay đêm sang Paris, Hưng uống cà phê đen và ngậm sâm để tỉnh ngủ và có sức viét một tờ trình tỷ mỷ cho Thiệu, trong lúc vừa lo lắng, vừa mệt lả, anh đã viết với nhiều xúc cảm : “Tôi xin Tổng Thống biết là trong giờ phút khắc khoải này, chúng tôi nghĩ tới và càu nguyên cho Tổng Thống. Chúng tôi cầu xin để Tổng Thống kiên trì và nhất định bảo vệ quyền lợi của Việt Nam với bất cứ giá nào.” Sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng bản dự thảo hiệp định, Hưng đã tin chắc chắn là nó chứa đựng những mầm hủy diệt của miền Nam Việt Nam. Anh quyết tâm góp sức với chính phủ Việt Nam Cộng hòa để tranh đấu làm sao cho Nixon đừng gạt bỏ miền Nam ra ngoài lịch trình của Hoa Kỳ trong nhiệm kỳ hai của ông.

Khi tới phi trường Orly, bất ngờ anh lại gặp Nhã vừa ở Sài Gòn tới. Sau chuyến bay dài dằng dặc từ Sài Gòn, mặt Nhã trông tái nhợt, áo quần xốc xếch. Hai người buồn rầu nói chuyện về việc Kissinger đã “bán đứng” lập trường của Việt Nam Cộng hòa, và về nhu cầu phải tìm cách để chuyển đạt sự lo âu ấy tới thẵng Nixon.

# CHƯƠNG VIII - ĐI TÌM MỘT RANH GIỚI

Ngồi tại Monceau, một khách sạn nhỏ bé và khiêm nhượng bên tả ngạn sông Sein, Nhã kể cho Hưng nghe việc ông Thiệu đã có ý định đích thân sang gặp Nixon. Nixon đã từ khước, nhưng đồng ý tiếp sứ giả của Thiệu là Nguyên Phú Đức, tại Washington, sau loạt thương lượng này. Thiệu đã không muốn chấp nhận một hiệp định trước khi có cơ hội biện hộ lập trường của mình trực tiếp với Nixon. Ông không tin là Kissinger đã phúc trình đầy đủ chi tiết và ý nghĩa của bản hiệp định một cách trung thực và chính xác với Tổng Thống Hoa Kỳ. Thiệu thất vọng và lo ngại, vì Nixon đã muốn đình lại cuộc gặp gỡ đó cho tới khi nào ký kết hiệp định Paris xong. Sau này ông kể lại: “Tôi đã muốn gặp mặt Nixon để giải thích cho kỹ, cho rõ lập trường của mình .... Tôi cũng muốn coi xem có giải pháp nào khác nữa không, vì tôi không tin là Kissinger đã phúc trình cho Nixon đầy đủ. Tôi muốn biết xem tay đó nói láo những gì, vàìm đi những gì ... Với tư cách Tổng Thống, làm sao Nixon có thể mặt nhìn mặt mà nói với tôi: đố là một hiệp định tốt, có lợi cho Việt Nam Cộng hòa và tôi phải ký vào đó?” Thiệu nhận thấy rằng bản hiệp định đã đi ngược hân với những gì Nixon viết trong các lá thư, nhất là khi Nixon nói rằng nó sẽ thỏa mãn “các điều kiện tuyệt đối” của ông ta về sự tòn tại của miền Nam   
Việt Nam tự do và độc lập. Tại Sài Gòn, báo chí địa phương được Dinh Độc Lập khuyến khích, bắt đầu gọi Hiệp định Paris là một cuộc “bán đứng”, một “án tứ hình”, và một “hiệp định đầu hàng”.

Sau phiên họp sơ khởi ngày 20 tháng 11 với Thọ, Kissinger thấy phấn khởi, cho là có thể đi tới được hòa giải; nhưng rồi sự phấn khởi đó đã tan đi nhanh chóng vì sau buổi đó, Thọ lại bắt đầu leo thang. Kissinger và Nixon đã hy vọng ràng Hà Nội sẽ coi cuộc thắng cử của Nixon là một khích lệ để giải quyết những vấn đề còn lại và đi tới chỗ thỏa hiệp trước khi Nixon 'Có thể trở nên cứng rắn hơn sau khi ởã bắt đầu nhiệm kỳ hai vào tháng Giêng tới. Thế nhưng B V đã suy đi tính lại, lầm tưởng là có thể đã bị Mỹ đánh lừa Họ đã tưởng đổi chác như thế là xong, là có thể ký tắt vào bản dự thảo hiệp định tại Hà Nội ngày 24 tháng 10 đưọc rồi, và chính thức ký kết ngày 31 tháng 10 đã qua. Khi Thiệu không chịu và Kissinger trở về Washington, Bắc Việt cho là họ đã bị mắc vô cạm bẫy: Nixon đã rút lại những gì Kissinger đã thỏa thuận và đang tìm cách sửa đổi các điều khoản của hiệp định.

Vì trước kia giải thích hiệp định quà lỏng lẻo, nên Kissinger bâ) giờ bị mắc kẹt trước những yêu sách chi tiết của Việt Nam Cộng hòa, đòi thay đổi và minh thị lại một số điều khoản. Nhưng với mưu lược cao cường, Kissinger làm theo lệnh Nixon là đưa ra một số đòi hỏi của Việt Nam Cộng hòa cho Thọ, nhưng ông lại ngầm cho Thọ hiểu rằng đó không phải là đòi hỏi của Hoa Kỳ! Sau đó, ông đưa ra những yêu sách tối thiểu của Nixon để Thọ có thể thấy rõ khác biệt giữa hai danh sách sửa đổi Ngụ ý của ông là   
Bắc Việt chì cần thỏa mãn Nixon mà thôi. Điều quan trọng mà Nixon đòi hỏi là vùng Phi Quân Sư (DMZ) \* giữa hai miền Nam-Bắc ở vỹ tuyến 17 phải được tôn trọng và thừa nhận là một ranh giới như Thiệu đòi. Nhưng sau này, khi viết hồi ký, Kissinger lại lấy điểm và giải thích: “Trong hiệp định, chúng tôi đã muốn nhắc đến điếm này (DMZ) — dù có mơ hồ, dù có ý bóng gió, dù có gián tiếp cách nào đi nữa — để hai miền Việt Nam sẽ phải sống hòa bình với nhau, và không để bên nào sẽ àp đặt giải pháp của mình lên bên kia bằng võ lực.” Tới ngày 23 tháng 11, nhằm ngày lễ Tạ ơn, người ta thấy rõ là Thọ đang cố thủ và nhất định không nhượng bộ trước những yêu cầu thay đổi của Kissinger. Thọ cãi rằng Kissinger hòi tháng 10 đã đòng ý bân hiệp định dự thảo   
rồi, sao bây giờ lại phải sửa đổi?

Phía Việt Nam Cộng hòa cũng bất mãn với Kissinger không kém. Cả Hưng lẫn tướng Đôn đang có mặt tại Paris lúc đó, đều nghe nói là Kissinger đã bắt đầu cư xử rất tnân mật với phe Bắc Việt và còn quà cáp họ nữa. Kissingerđã o béThọvàtặng vài cuốn sách có hình chụp của trường Harvard để chuẩn bị cho hắn sau này, một khi hiệp định đã được ký kết, sẽ được mời tới đó giảng một khóa hội thảo về chủ nghĩa Mác-Lê, như Kissinger đã đề nghị. Còn Xuân Thủy, anh chàng có màu mê cà ngựa này, cũng là phụ tá của Thọ, thì được một hình đầu ngựa bằng pha-lê Steuben. Hiển nhiên, Kissinger đã dùng quà cáp đê tạo không khí thân mật và giảm bớt những ức đoán đang cho là hòa đàm có thể thất bại.

Trong tập thể cộng đòng người Việt tại Paris, nhiều tin đồn đại lan rộng nói là Kissinger bắt đầu giao du với phái đoàn Bắc Việt và dự những buổi tiệc linh đình do Bắc Việt khoản đãi váo những lúc cuộc thương lượng tới giai đoạn chót. Hưng còn nghe nói rằng cả Bắc Việt lẫn Kissinger đã bất bình về bài xã luận của anh đăng tải trên tờ nhật báo InternaùonGl Herald Trìbune, xuất bản ở Paris, số ra ngày 20 tháng 11. Bài viết mang nhan đề “Dàn xếp chiến tranh theo điều kiện của Hà Nội”, cho thấy Bắc Việt đã dùng Kissinger cách nào để yêu sách của họ được chấp nhận. Sau khi so sánh kỹ lưỡng mười điểm mà hồi đầu MTGP đưa ra ngày 8-5-1969, với đề nghị và bản văn Hiệp định Paris do đà Hà Nội loan tải, Hưng kết luận rằng tất cả mười điếm nguyên thủy của MTGP đã đều có chứa đựng trong bản dự thảo hiệp định. Hưng lập luận: “Luận điệu cho rằng Hà Nội đã bỏ đi hai yêu sách — một liên quan đến “chính phủ liên hiệp” và một đến “quyền phủ quyết đối với vấn đề nhân sự của chính phủ hiện hữu” — rất đáng nghi ngờ.”

Kissinger chì muốn làm sao thu vén cho xong các cuộc thương lượng cho kịp thời hạn chót là 22 tháng Chạp, để hồi hương tù binh Mỹ vào dịp lễ Giáng Sinh. Sau khi họp vói Thọ mỗi ngày, ông đồng ý họp với phái đoàn Việt Nam Cộng hòa để lược trình kết quả thảo luận. Cứ mỗi tối, sau cơm chiều, ba ông Đại sứ Việt Nam — Phạm Đăng Lâm, trưởng phái đoàn hòa đàm Paris; Vương Văn Bắc từ London và Trần Kim Phượng, từ Washington — rời vãn phòng khiêm tốn của phái đoàn Việt Nam Cộng hòa tại đại lộ Raymond Poincaré ở quận 8, lái xe tới tư thất của Đại sứ Mỹ tại số 41 Faubourg Saint — Honoré, một tòa lâu đài có vườn lịch sự, trước là trang viện của nhà họ Rothschild (giòng họ chủ ngân hàng và tỷ phú ở Pháp). Tại đây vào khoảng chín giờ mỗi tối, Kissinger hoặc Tướng Haig tường trình sơ qua cho ba đại đứ Việt Nam Cộng hòa những diễn tiến điều đình với phái đoàn Bắc Việt trong ngày.

Kissinger giữ một thái độ thức tế, mực thước. Ông cho biết đại khái phiên họp trong ngày đã đuợc nhóm ỏ đâu, thảo luận những gì (nhưng rất là “chung chung”). Có một lằn không kiềm được nỗi bực mình, ông hỏi phe Việt Nam Cộng hòa là “tại sao lại cần đến những ba đại sứ để canh chửng tôi, hay có lẽ đế canh chừng lẫn nhau?”

Mấy đại sứ Việt Nam Cộng hòa có cảm tưởng là Kissinger đã chì cho họ hay những vấn đề ngoại vi, có tính cách kỹ thuật và trành thảo luận những vấn đề trọng tâm, thực chất. Sau này, Vương Văn Bắc kể lại: Xừ Kissinger “cứ nói vòng vo tam quốc” hoặc nhặt ra những chi tiết lặt vặt, châng hạn như mình sẽ ký ra sao, và cứ lải nhải mãi chuyện ấy, hoặc vấn đề nghi thức ngoại giao và cơ chế kiêm soát; còn thì rất là lơ mơ về các vấn đề then chốt như quân đội Bắc Việt ở lại miền Nam hay sự hình thành một chính phủ liên hiệp”. Kissinger còn cứ khăng khăng là sự hiện diện của các đơn vị chính quy Bắc Việt tại miền Nam “có thể kiềm ché được”. Ông ta còn muốn dụ Đại sứ Lâm về phe mình, nói là : “Việt Nam không có ai là bạn ở Washington hết, trừ tôi.’

Tướng Haig thì trực tiếp hơn và thâng thắn hơn. Khi Bắc Việt bắt đầu rút lại những nhượng bộ lúc trước họ đã đồng ý, Haig đổ lỗi cho phái đoàn Việt Nam Cộng hòa đã không mềm dẻo hơn. Đại sứ Phượng kể lại: “Vấn đề của chúng tôi hồi đó là liệu Mỹ có thực sự nêu lên những phản đối của Việt Nam Cộng hòa với Bắc Việt hay không. Chúng tôi thường yêu cầu Mỹ làm cái này, cái kia, thì họ cứ nói “chúng tôi đã làm rồi mà phe Bắc Việt không chấp nhận.” Làm thế nào mình biết được là họ có đưa ra phản đối hay không? Trong các thông cáo chung, người Mỹ luôn luôn nói rằng mình thủ vai chính trong các cuộc thương thảo, nhưng đâu có ! Mình theo dõi rất yếu các cuộc điều đình (mật), cho nên châng có cách nào kiểm soát được là Mỹ đã làm gì.”

Lâm trưởng phái đoàn Việt Nam Cộng hòa, nói rằng ông biết được nhiều hơn về những hoạt động bẻn trong phiên họp qua những nguồn tin tản mác khắp cộng đòng người Việt tại Paris. Những mối giây liên hệ và lòng trung thành với gia đình vẫn còn mạnh hơn cả ý thức hệ chính trị. Trong các quán ăn Việt Nam thơm phức và ngụt khói cũng như trong những quán cà phê vìa hè chung quanh khu Maubert-Mutualité ồ tả ngạn sông Seine, nơi người Việt đủ mầu sắc chính trị thường tụ họp, có tin là phe Bắc Việt lúc ấy đang bắt đàu cứng rắn lại trong lập trường hòa đàm của họ.

Paris có một sức quyến rũ đặc biệt với người Việt Nam; sự quyén rũ ấy bắt nguồn tử một liên hệ vừa yêu vừa ghét giữa người Việt và người Pháp dưới thời Pháp thuộc. Tại Việt Nam, Paris đã là chìa khóa mở cửa cho sự giầu sang, và quyền quí. Đối với thanh thiếu niên, Paris còn là một trung tâm quyến rũ và huy hoàng của văn hóa Pháp. Các nhà thơ lãng mạn Pháp đã có thời làm giới văn học Việt Nam từ Nam ra Bắc bị mê hoặc. Hưng vẫn còn thuộc lòng một trong những bài thơ bất hủ của Verlaine, bài nổi tiếng mở đầu với mấy câu: II Pleut sur la ville / Comme il pleure dans mon coeur (Mưa rơi trên thành phố Như mưa khóc trong hồn tôi). Không khí Paris xưa nay đã là nguồn cảm hứng vô tận cho một số thi sĩ và nhạc sĩ Việt Nam, thí dụ như một bài ca phổ biến kể chuyện buổi chia tay đẫm lệ giữa một sinh viên Việt và một thiếu nữ Pháp, dưới ánh đèn vàng của ga Lyon chẳng hạn. Vườn Lục Xâm Bảo, nơi lá mùa thu phủ vàng lộng lẫy và rơi rụng trên vai trần những tượng cẩm thạch trắng, cũng là nơi sinh viên Việt Nam thường tới tụ họp để thảo luận về luật, về chính trị, về cách mạng, và — tình ài. Mộtcăn bản học vẩn Pháp, từ thủ đô Paris đem về đã có một thời bảo đảm được địa vị xã hội trong giới thượng lưu, và một công việc với lương cao bổng hậu tại quê nhà.

Nền giáo dục Pháp đặt nặng khoa học nhân văn, nghệ thuật, luật và triết học; nó ít chú trọng đến khoa học và kỹ thuật. Trong thời Phàp thuộc, đa số người Việt thường ưa học “thuốc” : dược và y. Cựu ngoại trưởng Bắc giải thích: “Giống người Pháp, người Việt yêu mến một bản sonate hơn là một phát minh (khoa học).” Người Pháp đã để lại một di sản về quan niệm luật pháp và một hệ thống đại nghị, nhưng trong thực tế, những cái đó chưa hề được phép bắt rễ tại Việt Nam bao giờ.

Người Pháp cai trị Việt Nam trên tám mươi năm trời bằng cách chia lãnh thổ thành ba phần với ba tên gọi tách biệt: “Tonkin" ở miền Bắc, “Annam" ở miền Trung và “Cochin-Chine" ở miền Nam. Mỗi phần đã có một hệ thống pháp luật và hành chánh riêng rẽ, khién cho người Pháp đã có thể làm trầm trọng thêm những dị biệt địa dư và văn hóa giữa Bắc, Trung và Nam. Phương sách đó đẻ ra những dị biệt và lòng trung thành với địa phương, sau này đã gây ra biết bao nhiêu phiền nhiễu và cản trở cho Việt Nam Cộng Hòa.

Tại Paris, đám sinh viên Việt nghèo thường sống ở khu tả ngạn, trong những khách sạn nhỏ bé, rẻ tiền hay trong cư xá sinh viên, tại những ngõ hẻm gần Đại học Sorbonne. Họ thường tụ tập tại những quán ăn ít tốn kém như “Le Maubert”, gần công trường Maubert, trên phố Montagne Sainte-Genevièvre. Nhỏ bé và tối tăm, quán cơm này bán giá rẻ mạt cho sinh viên Việt Nam. Quán ăn đã được chính phủ Bắc Việt trợ cấp, coi như một hinh thức tuyên truyền để lấy cảm tình và hậu thuẫn của sinh viên, khiến họ chống lại chính phủ Việt Nam Cộng hòa và Hoa Kỳ. Là nơi hẹn hò để “đấu láo” và tung tin đồn, Le Maubert bán thức ăn đã rẻ, lại còn phát truyền đơn Cộng Sản.

Khỏi nói, trong những ngày Paris là nơi diễn ra hòa đàm, cộng đồng người Việt đã chia thành hai phe rõ rệt. Ngôi nhà thờ cổ, đổi tên là Maubert Mutualité, tại công trường Maưbert, đã là nơi tụ họp biểu tình và mít-tinh của cả hai bên. Mít-ting thường được tổ chức liên tiếp nhau, hết phe này, đến ngay phe kia, và các phe ủng hộ Bắc hay Nam thường hò hét chửi rủa nhau ngay trên đường phố; họ mang biể ngữ, hô khẩu hiệu, giơ đấm dọa nạt nhau, và ẩu đả đổ máu xẩy ra là chuyện thường.

Hưng ở khách sạn “Studia”, số 51 Đại lộ Saint- Germain, ngay trung tâm khu Đại học Sorbonne, để có thể bắt liên lạc với giới trẻ Việt Nam. Anh ở một căn phòng nhỏ, lầu thứ năm, có ban công nhìn ra những hàng cây xanh dưới phố với một cảnh trí cổ xưa in dấu trên những mái nhà màu xám và những ống khói lò sưởi bằng sành đã đen đi với thời gian. Ông chủ khách sạn có bà con làm việc cho cả hai chánh phủ, Bắc lẫn Nam, nên đã là một “ống dẫn” tin đồn tuyệt hảo. Hưng đã không thể nhịn cười khi nghe ông ta kể rằng ông có một “người bà con” làm việc cho phái đoàn Bắc Việt; khi trở về Hà Nội, anh này đã phải đánh bóng nhoáng đôi giày đang đi để trả lại cho chính phủ; người khác trong phái đoàn khi nào qua Paris sẽ được mượn lại.

Những ngày ở Paris, Hưng đã có dịp đi thu thập ý kiến và tin đồn. Lượm lặt đây đó những sự kiện và những mẫu chuyên tưởng như rời rạc và cô lập, anh đã có thể đem so sánh rồi đúc kết lại để đi tới một khái niêm tổng quát về những cuộc hòa đàm giữa Mỹ và Bắc Việt lúc đó.

Cứ cách một ngày anh và Tướng Đôn lại ăn trưa với Đại sứ Phạm Đàng Lâm tại quán ăn “Pieds de Cochon” ở khu Les Halles. Lâm thường gọi nửa tá oursins (sò gai) ăn sống, với một ly rượu vang trắng, “để lấy lại sức mà quần thảo với Kissinger”. Lâm cũng nói với anh và Đôn là “chẳng biết chuyện gì đang xẩy ra tại Gif-sur-Yvette ngoại trứ qua (những tin đồn) của cộng đòng Việt Nam”.

Hưng nhớ lại trong giới Việt kiều quốc gia tại Parĩs lúc đó, người ta bắt đầu thắc mắc là có phải Kissinger đã nhập phái đoàn Bắc Việt rồi không? Tâm trạng của họ là một tâm trạng bực dọc và tuyệt vọng: Ngay đến chính vận mạng của mình cũng không do mình nắm được! Kissinger thì đang mối mai giùm họ với Bắc Việt, thế nhưng họ lại chẵng có cách gì để cưỡng lại mà không bị mất sự ủng hộ của ‘‘đòng minh” Hoa Kỳ.

Đền ngày 24 tháng 11, sau bốn ngày họp, Kissinger đánh điện cho Nixon đề nghị hai lựa chọn: Hủy bỏ hòa đàm và tái oanh tạc, hoặc hòa giải với những sửa đổi đã được đồng ý. Trong tập hòi ký sau này, Kissinger giải thích: “Tất nhiên tôi đâu có cách nào biết đưọc là Hà Nội sẽ chấp nhận điều đó hay không ; tôi (chì) chắc chắn là Sài Gòn sẽ bác bỏ. Tôi đã không đưa ra một đề nghị nào giữa hai lựa chọn: đó là triệu chứng của một liên hệ giữ miếng nhau giữa Nixon và tôi.”

Nguyễn Phú Đức rời Sài Gòn đến Paris ngày 24 tháng 11, không mang theo chỉ thị nào mới, mà chì có nhiệm vụ theo dõi cuộc hòa đàm và sau đó mang thư của Thiệu tới gặp Nixon. Đức là một nhà ngoại giao lịch thiệp, trạc tứ tuần, con nhà giàu và độc thân. Đồng nghiệp ông ta còn nhớ là hồi còn làm ở tòa Đại sii Việt Nam tại v/ashington, ông đã nhất định không chịu lái xe hơi, và ngày ngày tử nhà đi bộ đến tòa Đại sứ, tay luôn luôn cầm theo chiếc dù. Sau khi tốt nghiệp luật ở Đại học Harvard, ông vào làm ồ Bộ ngoại giao và được cử làm đệ nhất tham vụ đặc trách chính trị tại toà Đại sứ Việt Nam Cộng hòa ở Mỹ, rồi trở về Sài Gòn giữa thập niên 60. Năm 1966, khi ông Thiệu được bằu làm Chủ tịch Hội đồng Quân nhân, và bắt đàu t ếp xúc với quan khách ngoại quốc, Đức được cử làm túy viên cho Thiệu. Đến khi ông Thiệu lên chức Tổng Thống, Đức được thăng lên chức Phụ tả ngoại giao. Đức là một nhà phân tích thận trọng và chính xác, nhưng khác với Kissinger, ông chì có một quyền hành giới hạn và chì phục vụ với tư cách một chuyên viên kiên trì, quả quyết và trung thành. Rất thận trọng trong việc đưa ra ý kiến, ông đã không có một cái nhìn lớn, rộng, ngoại giao và lý thuyết như Kissinger . Ông đã bằng lòng đóng vai trò một phụ tá cao cấp trong Dinh Độc Lập; Thiệu đã trông cậy vào ông và tin cẩn ông, nhưng không hề trao cho một trách nhiệir lớn nào.

\*

♦ ♦

Khi Đức từ Paris sửa soạn đi Hoa Thịnh Đốn đế gặp Nixon, thì qua tình báo, Kissinger đã biết được rằng ông Thiệu đang “cố tình làm bé tắc như xưa” Ngày 23 tháng 11, Nixon lại gdi cho Thiệu một thông điệp, cùng với con dấu TỐI MẬT / TÉ NHỊ, qua sự chuyển đạt của Đại sứ Bunker. Lá thư với lời lẽ hằn học và đe   
dọa:

Kính thưa Tổng Thống,

Tôi càng ngày càng kinh ngạc và e ngại về những vận động báo chí xuất phát từ Sài Gòn. Có những luận điệu vô căn cứ là cộng sự viên cứa tôi đã không thông báo cho tôi chỉnh xác vè quan điểm của Ngài, cho nên Ngài đã phải cử sang Washington một đặc sứ để hoàn thành công tác ấy. Nhùng lời chỉ trích vô căn cứ đối với bản dự thảo hiệp định lại vẫn còn đang tiếp tục và càng ngày càng gia tâng.

Thêm nữa, tôi còn kinh ngạc vè chiễn thuật trì hoãn mà phái đoàn của Việt Nam Cộng hòa đang áp dụng với chúng tôi tại Paris. Đã rõ ràng là đại diện của Ngài ở đó đã không tìm được kịp thời những câu trả lời mà chúng tôi càn phải cỏ nếu muốn ỉ rình bày đày đủ quan điềm của Ngài trong các cuộc thương thuyết, kể cả những Nghị định thư có liên quan đến bản dự thảo hiệp định, mà chúng tôi đã chuyển đến chính phủ Ngài tại Sài Gòn khoảng hai tuần lê trước đây.

Như tôi đã thưa với Ngài trong các lá thư của tôi để ngày 8, 14 và 18 tháng 1 ỉ, tói sẽ tiếp xúc mau lẹ để đi tới một giải pháp cuối cùng nếu chúng tôi có thể kết thúc được tại Paris một bản hiệp định chót, khả dì có thế chắp nhận được trong tuần này. Vì đã có những văn thư rõ ràng của tôi và những thông điệp do các đại diện tôi chuyển đến Ngài trong nhiêu tuần lễ qua, nên bất cứ sự trì hoãn nào nữa vè phía Ngài sẽ chỉ có thể giải thích như một nỗ lực của Ngài để hủy bỏ hiệp định. Sự việc này sẽ có một hậu quả hết sức tai hại tới khả năng của tôi trong việc tiếp lục yểm trợ Ngài và chính phủ Ngài.

Tôi mong được gặp quí sứ giả tại Washington ngay khi nào các phiên họp ở Paris đã kết thúc, nhưng trong lúc này, tôi phải khẩn khoản xin Ngài một làn chót này là chớ tự mình làm cho chúng ta nghịch nhau mà không có cách nào cứu vãn lại được. Nếu đường lối hành động hiện nay còn tiếp tục và nểu Ngài không cùng chúng tôi ký kết với Hà Nội một hiệp định thỏa đáng, thì Xin Ngài phải hiểu rằng tói sẽ cứ tiến hành với bất cứ giá nào.

Kinh thư

(kl) Richard Nixon

Vào ngày thứ Bẩy, ngày 25 tháng 11, Kissinger lại gặp Thọ lần nữa, và cuộc thương thảo đến chỗ bế tắc. Các phiên họp đã được hoãn lại đến mồng 4 tháng Chạp. Phía Việt Nam Cộng hòa mừng rỡ. Tại Hà Nội, tờ Nhân Dân , trong một bài xã luận ký tên “Người Bình luận” — bút hiệu của Bộ Chính trị — hỏi rằng có phải hành động của Kissinger tại Paris đã là “một đòi hỏi ta phải hoàn toàn xét lại vấn đề hay chàng ? Đây có phải là một mánh khóe để kéo dài các cuộc thảo luận với hy vọng che đậy những hành vi leo thang và keo dài chiến tranh để tiếp tục theo đuổi một thắng lợi quân sự ảo tưởng hay không?”

Kissinger trở về Washington. Nguyễn Phú Đức họp riêng với toán đặc nhiệm tại Paris để soạn thảo một là thư dài hai-mươi-lăm trang mang chữ ký của Thiệu, để gứi cho Nixon trong nỗ lực phà vỡ kế hoạch của Kissinger và lấy được thiện cảm của Nixon.

Ngày 29 tháng 11, Đức và Đại sứ Phượng được Kissinger đưa vào Bạch Cung để trình — như Kissinger mô tả — “một lá thư hết sức dài và hùng biện của Thiêu gửi Nixon”. Trong thư, Thiệu kể lại những nhượng bộ của Sài Gòn đã phải chấp nhận trong những năm qua với lời hứa hẹn của Hoa Kỳ là sẽ không bắt Sài Gòn phải nhận thêm một nhượng bộ nào nữa. Nhưng Mỹ đã bội ước. Thiệu còn nói ông có thể khiếu nại với dư luận thế giới nếu những đòi hỏi “chính đáng” của Việt Nam Cộng hòa không được thỏa mãn. . Trong hòi ký, Kissinger sau này nhận định rằng “tất nhiên, Thiêu nói đúng, điều bi thảm là những gì Thiệu coi là áp lực quá quắt của chúng tôi thì lại bị nhiều người chỉ trích là chưa đủ và còn coi ta là ngoan cố thô bĩ. Chúng tôi đã phải chèo lái trong cái vực biển chia cách đó : chấp nhận quan điểm của Thiệu vào giờ phút muộn màng lúc đó ắt sẽ bảo đảm sự sụp đổ của mọi ủng hộ còn lại tại quốc nội.” . Kissinger đã quên không viết là lúc ấy, ông đang muốn khuyến khích một cái nhìn tiêu cực về Thiệu trong các cuộc gặp gỡ riêng tư với giới báo chí Mỹ.

Nixon quyết tâm thuyết phục Thiệu là bản hiệp định cần phải đ JỢC ký két, không thể trì hoãn thêm nữa, và giữa ông ta với Kissinger không có một dị biệt nào hết. “Chúng tôi hồi ấy nghĩ rằng, nếu trình bầy thảng thắn một cách tàn bạo cho Đức biết (tình hình) thì Thiêu chắc chắn sẽ phỉi nhận thức được cái bấp bênh trong tư thế của ông ta và mối nguy cơ ông sẽ gặp phải nếu bị bỏ rơi. Tôi nói với ông Đức rằng không phải là vấn đề thiếu thông cảm với tình trạng khó khăn của Sài Gòn, nhưng ta phải đương đầu với thực tế của tình hình. Nếu ta không chấm dứt chiến tranh bằng cách ký kết hoà giải trong phiên họp tới ồ Paris, thì khi tài nhóm vào tháng Giêng, Quốc hội sẽ chấm dứt chiến tranh bằng cách cắt giảm viện trợ.”

Lấy giọng điệu tàn nhẫn, Nixon giải thách là không thể có con đường nào khác cho Hoa Kỳ lựa chọn. Ông nói là Hội đòng Hòa giải Dân tộc chẵng thể mô tả là một chính phủ liên hiệp được, bởi nó là một tổ chức được điều hành theo nguyên tắc nhất trí (nghĩa là bất cứ quyết định nào cũng cần phải có cả 3 bên đồng ý mới được), chì có vai trò tư vấn, được các phe đồng tuyển lựa, và có ríít ít nhiệm vụ đặc thù. Ông nói là Hoa Kỳ không thể quay trở lại được nữa, và dù thái độ của Sài Gòn thế nào đi chăng nữa, nó cũng không định đoạt được kết quả của các cuộc đàm phán, mà còn có thể ảnh hưởng đến khả năng của Hoa Kỳ cung ứng viện trợ cho Việt Nam Cộng hòa sau khi đình chiến, và khả năng của Hoa Kỳ bảo đảm cho hiệp định.

ông Đức nhất định bám chặt lấy những chỉ thị đã nhận được, ông ngồi nghe cẩn thận và khâng định là Việt Nam Cộng hòa không hề có ý muốn đương đầu, chống chọi. Sau đó, Nixon đề nghị Kissinger và Đức hội với nhau để tìm một “giải pháp thực tế”. Đức gặp Kissinger hai lần, và hội với Nixon một lần nữa. Nixon trấn an Đức rằng ông tin chắc Hoa Kỳ sẽ có đủ khả năng để phát giác nếu Bắc Việt còn xâm nhập xuống miền Nam. Rồi ông bàn đến nhvng kế hoạch để đối phó với những trường hợp Bắc Việt vi phạm đình chiến, kế hoạch đã được các tham mưu trưởng liên quân Hoa Kỳ soạn thảo để phòng hờ những vi phạm đó. Một lần nữa, Nixon lại cảnh cáo là néu thỏa hiệp không được ký kết,

Quốc Hội có thể sẽ cắt viện trợ vào khoảng giữa tháng Giêng.

Đó là lần đầu tiên Nixon và Kissinger phác họa cho Việt Nam Cộng hòa biết rnột kế hoạch quân sự tối mật nhằm theo dõi các đơn vị, căn cứ của quân Bắc Việt kể cả sau ngưng bắn. Nixon cho hay là sẽ có một hê thống liên lạc nối liền Đệ Thất Không lực Hoa Kỳ tại “NKP” (tiếng lóng của quân sự để gọi căn cứ không quân Nakorn Phanom ở Thái Lan) với Sài Gòn và bô tư lệnh bốn vùng chiến thuật ở miền Nam. Các tư lệnh q jân lực Việt Nam Cộng hòa sẽ có thể trực tiếp liên lạc với tư lệnh Đệ thất Không lựcHoa Kỳ là Tướng John w. Vogt, tại căn cứ Thái Lan và các mục tiêu sẽ được cập nhật hóa hàngtuần.

Kế hoạch mật này đã có một tác dụng lớn khiến Thiệu yên tâm là Hoa Kỳ thực sự cam kết bắt Bắc Việt tôn trọng hiệp định. Thiệu còn được thông báo rằng tử Thái Lan, mảy bay chiến thuật sẽ được phóng đi tấn công Bắc Việt và những cuộc oanh tạc bằng B-52 sẽ được phối hợp với Việt Nam Cộng hòa nếu Bắc Việt vi phạm thỏa hiệp. .

Trong các lá thư gửi cho Thiệu, rồi trong buổi họp với Đức, Ni xon đã lập đi lập lại hoài hoài rằng Hoa Kỳ cam kết sẽ quyết tâm bắt Bắc Việt phải tôn trọng đình chiến và trả đũa nhanh chóng và mạnh mẽ nếu Bắc Việt vi phạm hiệp định. Theo ông, thì việc này còn quan trọng hơn cả hiệp định nữa. Đường giây liên lạc nối với căn cứ Hoa Kỳ tại Thái Lan là một bảo đ ảm cụ thể dưới mắt Thiệu, và ông chắc chắn là nó sẽ được xử dụng.

Trở về sứ quán sau cuộc gặp gỡ với Nixon, Đức bảo Nhã là ông và Phượng có cảm tưởng Nixon đã ngạc nhiên về nội dung lá thư mới được chuyển tới. Dù Nixon đã không thay đổi lập trường, phía Việt Nam tin rằng mình đã chiếm được sự chú tâm của Tổng Thống Hoa Kỳ đến những mối quan tâm của Sài Gòn và đã đặt Kissinger vào thế thủ, ngoài ra, còn mua thêm được thời giờ trước khi ký kết hiệp định. Nói cách khác, Nixon đã bắt buộc phải lựa chọn giữa Hà Nội và Sài Gòn.

Đức bay về Sài Gòn phúc trinh cho Thiệu về chuyến đi Hoa Kỳ, nhưng Thiệu vẫn không đáp ứng gì. Phía Hoa Kỳ, Nixon bèn tham khảo với Kissinger và nói rằng óng tin Thiệu đang chơi trò “thi gan lì”, và Hoa Kỳ có lẽ không còn lựa chọn nào khác hơn là tấn công ông Thiệu.

Ngày mồng 4 tháng Chạp, hòa đàm tái nhóm tại Paris. Người ta nhận thấy ngay lậ Bắc Việt đang tự kìm hãm và sẽ khó mà đi tới được thỏa hiệp. Trong một phiên thảo luận riêng giữa Kissinger và Thọ, Thọ buộc tội Hoa Kỳ là đang cố gắng củng cố “chính quyền bù nhìn” ở Sài Gòn. Cứ thêm một nhượng bộ mới, hắn lại rút lại hai nhượng bộ cũ. Bắc Việt sợ rằng bản hiệp định đã bị tháo gỡ ra hết và họ nghi ngờ lòng thành thực của Mỹ. Kissinger bèn đânh điện cho Mạc-tư-khoa và thúc Liên Xô dùng uy thế để áp lực Hà Nội; Nga khuyên Hoa Thịnh Đốn nên kiên nhẫn. Phó Tổng Thống Agnew chực sẵn ở Washington ctợi tin mới từ Paris để bay quaSài Gòn, thảo luận về bản dự thảo hiệp định chót với Thiệu. Kissinger vẫn thúc bách mọi phe lấy ngày 22 tháng Chạp làm hạn chót.

Ngày 7 tháng Chạp, Kissinger và Thọ lại gặp nhau trong bốn tiếng đồng hồ nữa, và Kissinger cảm thấy là triển vọng thỏa hiệp dang xa mờ dằn. Dường như đã ý thức được lập trường của Nlxon sau khi gặp Đức là muốn có bảo đảm chắc chắn cho Việt Nam Cộng hòa với những cam kết sẽ trả đũa Bắc Việt nếu họ vi phạm đình chiến, Kissinger khôn khéo điện từ Paris về cho Nixon nói lại luận điệu cũ là tuy Hà Nội sẽ không bao giờ từ bỏ mộng thôn tính miền Nam nhưng họ sẽ đổi chiến lược từ quân sự sang chính trị và chỉ hướng về tranh đấu chính trị mà thôi. Điều này thì chắc là lọt tai Nixon: ông cho là Sài Gòn đủ sức tranh đấu chính trị, còn nếu Hà Nội đánh lớn, thì ông sẽ can thiệp. Điện tín của Kissinger như sau:

Sau khi thăm dò thêm ý định của Hà Nội, bây giờ ta đã thấy hiển nhiên là họ đã không hè từ bỏ những mục tiêu hay tham vọng của họ đối vái Nam Việt Nam. Điều họ đã làm là quyết định thay đồi chiến lược bằng cách chuyễn từ chiến tranh quy ước và chủ lực sang một chiến lược chính trị và nổi dậy trong khuôn khổ dự thảo hiệp định.

Cho nên, chúng ta không thể trông đợi một nền hòa bình trường cứu tiếp theo sau một hiệp định đã hoàn thành, mà chỉ là một sự chuyền hướng trong cách thức tranh đấu của Hà Nội mà thôi. Có lẽ chúng ta sẽ có ít cơ hội duy trì thỏa ước mà không có được một sự chuẩn bị mau nhậy rõ rệt vè phía Hoa Kỳ, để bắt tôn trọng các điểu khoản: sự chuẩn bị đó thực sự sẽ bị thử thách bất cứ lúc nào. Cho nên, chúng ta còn lại có câu hỏi tôi đã nêu lên hồi đàu, là: tiếp tục chiến đấu bằng cách hủy bỏ thỏa hiệp bây giờ có tốt hơn là bị bắt buộc phải có phản ứng sau này, một phản ứng được biện minh bằng sự vi phạm một hiệp định đã được long trọng ký kết hay không.

Tuy nói thế cho lọt tai Nixon, nhưng Kissinger lại dần dần đưa Nixon tới chỗ chấp nhận đề nghị của ông là cứ xúc tiến đi đến thỏa hiệp, và Nixonđã đồngý, nói rằngông muốn bất cứ một thoả hiệp nào hơn là đình hoãn, õng chỉ thị cho Kissinger cố t m cho được “đôi chút” tiến bộ trong bản dự thảo tháng Mười Theo lệnh Nixon, Kissinger trở lại thương lượng với Thọ để tới một thoả hiệp. Nixon đã ấn định thời hạn chót là Ngày Nhậm Chức, 20 tháng Giêng, 1973, để ký kẽt với Hà Nội Nixon muốn đi vào nhiệm kỳ thứ hai của mình trong ánh hào quang của hòa bình.

Sau vài phiên họp với Thọ, Kissinger đã đề nghị hai lựa chọn cho Nixon. Lựa chọn một: Hoa Kỳ sẽ đồng ỷ đi tới một thoả hiệp ngay tức thì với những điều kiện tốt nhất có thể thương lượng được. Lựa chọn hai: Hoa Kỳ sẽ bỏ Thiệu nhưng vẫn oanh tạc Bắc Việt cho tới khi nào Hà Nội đòng ý trả lại tù binh Mỹ đổi lầy sự rút quân hoàn toàn của Mỹ. Mới đầu, Nixon tán thành lựa chọn Một, nhưng rồi ông nghĩ lại, và gửi công điện báo ngay cho Kissinger và ông có thể gián đoạn cuộc hòa đàm, lấy cớ là cho các phe thương nghị thời giờ tham khảo chính phủ mỗi bên Được công điện đó, Kissinger dọa Thọ là “sẽ có những hành động mạnh như hành động ngày 8 tháng 5” — lúc Nixon đã cho lệnh oanh tạc Hà Nội và thả mìn bén Hải Phòng.

Trong mười ngày họp tối quan trọng này, vấn đề khó khăn nhất là tình trạng của vùng Phi Quân Sự phân cách Bắc-Nam. Thiệu nhất định đòi vùng Phi Quân Sự phải được thừa nhận là khu vực chia đôi Bắc-Nam, như thé để miền Nam ít nhất cũng có được một ranh giói và như vậy mới chính thức hóa sự phân biệt giữa hai miền. Đối với Bắc Việt, không công nhận vùng Phi Quân Sự làm ranh giới hai bên cũng là một điều hết sức quan trọng. Vi họ vẫn chủ trương là chì có một nước Việt Nam và như thế quân đội của họ muốn đóng ở đâu thì đóng, không có vấn đề rút quân ra khỏi miền Nam. Thiệu sợ rằng néu Bắc Việt không chịu thừa nhận tính bất khả xâm phạm của vùng Phi Quân Sự, chúng sẽ chuyển quân vào miền Nam đế tiép tay với những lực lượng đã có sẵn ở đó và mở một cuộc tấn công đại qui mô chinh phục miên Nam. Lo ngại của ông đúng vì Thọ nhất định không chịu công nhận vùng Phi Quân Sự và đòi quyên di chuyển dân và quân đội qua ngã đó.

Ngày 14 tháng Chạp, Thọ nói là phải trở về Hà Nội để tham khảo và lấy chỉ thị của Bộ Chính Trị về vấn đề này. Ngày 15-12, Kissinger bay trở về Washington, trong lòng rầu rĩ. Trước khi lên máy bay, ông nói với Đại sứ Phượng (ra phi trường tiễn chân) : “Tôi sẽ có hành động kịch liệt.” Phượng bay về   
Sài Gòn ngày 16-12 để phúc trình cho Thiệu. Đến đây, thì dường như Thiệu đã đạt được một thắng lợi chiến thuật.

Về đén nơi, Kissinger vào gặp Nixon và Haig tại văn phòng riêng của Tổng Thống, cả hai người này đang lưỡng lự và ưu tư về việc ký kết thoả ước trước những lời phản đối của Thiệu cũng như sự ngoan cố của Bắc Việt.

Vai trò của Haig thật khó mà xác định. Thiệu thấy ông ta là môt người phân tích tình hình rất sắc bén, lại cũng đòng ý với mình về hiểm họa cho Việt Nam Cộng hòa nếu vùng Phi Quân Sự bị bỏ ngõ. Haig đóng hai vai trò : Một vị tướng đã tùng phục vụ tại Việt Nam và sắp trở thành Tham mưu trưởng Lục Quân Hoa Kỳ, và một đặc sứ của Nixon phái sang Sài Gòn. Sau này, Thiêu nhận xét : “Khi đội mũ Tướng, Haig nghĩ như tôi. Khi đội mũ đặc sứ của Nixon, ông ta thi hành công việc của một đặc sứ.”

Ngày 14 tháng Chạp, tại tòa Bạch Ốc, Haigtán thành việc oanh tạc miền Bắc trên vỹ tuyến 20 bằng B-52, lập luận rằng ch'i có thể đấm một quả mạnh mới có thể kéo Hà Nội trở lại bàn hội nghi. Kissinger lý luận rằng có hai lựa chọn duy nhất : Hoặc oanh tạc ồ ạt miền Bắc, hoặc “đế cho sự việc dở dang, thương lượng không kết quả, chiến tranh kéo dài, chia rẽ trong nước, và sự tổn thất chòng chất thêm. Không còn lựa chọn nào khác nữa.” Thực ra, theo sự tính toán của   
Sài Gòn, Kissinger đã chỉ có hai lựa chọn : hoặc làm một cái gì quyết liệt tại Sài Gòn, hoặc dội bom Bắc Việt. Miền Nam e ngại sẽ có một vụ đảo chính chống Thiêu nếu ông vẫn không chịu ký bản hiệp định vào hạn chót mà Nixon đã ấn định là ngày nhậm chức Tổng Thống kỳ hai, tức ngày 20 tháng Giêng, 1973.

Ngày 16 tháng Chạp, 1972, Kissinger triệu tập một cuộc họp báo ở \Vashington, và công khai ra hiệu cho cả Hà Nội lẫn Sài Gòn biết rằng Tổng Thống Nixon đã quyết tâm đi tới thỏa hiệp. Hướng về phía Việt Nam Cộng hòa ông nói: “Đối với Sài Gòn, chúng tôi có sự thiện cảm và lòng trắc ẩn riêng với nỗi đau khổ của nhân dân họ cũng như với mối quan tâm của chính phủ họ. Nhưng nếu chúng tòi có thể đạt được một thỏa hiệp mà Tổng Thống xét thấy là công chính, thì chúng tôi sẽ tiến hành tới chỗ đó.” Hướng về Hà Nội, Kissinger nói: “Mục tiêu căn bản của chúng tôi đã được tuyên bố trong cuộc họp báo ngày 26 tháng 10. Chúng tôi muốn chấm dứt chiến tranh, một sự chấm dứt mang nhiều ý nghĩa hơn là một cuộc đình chiến. Chúng tôi muốn chuyển từ tình trạng thù địch sang tình trạng bình thường hóa, từ bình thường hóa sang cộng tác. Nhưng chúng tôi sẽ không đi đến một hòa giải nếu nó là một hình thức trá hình của sự tiếp tục chiến tranh và nếu nó gián tiếp mang tới những gì mà chúng tôi đã luôn luôn nói là sẽ không thể chấp nhận được.”

Trong phần giải đáp câu hỏi, có ký giả hỏi Kissinger là liệu có phải tình hình đã lại quay trở về như hồi đầu rồi không? Kissinger đáp: “Không phải. Chúng tôi có một thoả ước đã hoàn tầt được 99 phần trăm nếu nói về mặt bản văn.” Đây là một mánh khóe lừa bịp cổ điển của Kissinger: Tránh né sự thực mà không trực tiếp nói dối. Kissinger đã tránh né không xác định cái “một phần trăm” còn lại: chính là vần đề sinh tứ liên quan đến vùng Phi Quân Sự. Được hỏi một phần trăm còn lại đó là cái gì, Kissinger đáp: “À, mà quí vị biết đấy, tôi đã gặp nhiều rắc rối khi tôi dùng con số. Cho nên xin đừng bắt tôi đưa ra con số nữa. Nó là một bản hiệp định trong nội dung đã hoàn tất, nhưng tôi không thể nói ra được. Nhưng tự nó, nó không phải là một vấn đề. Vấn đề bây giờ là vấn đề như tôi đã trình bầy trong cuộc họp báo.”

Ngày 17 tháng Chạp, Nixon hạ lệnh cho mở chiến dịch “Linebacker II” cho B-52 tái tục oanh tạc Bắc Việt và thả mìn xuống hải cảng Hải Phòng. Trong vòng 24 giờ, 129 máy nay khổng lồ B-52 dội bom xuống những mục tiêu quân sự quanh Hà Nội, trong khi đó, các oanh tạc cơ B- 111 tấn công các căn cứ phi cơ MIG.

Cùng lúc làm áp lực quân sự với Bắc Việt, Nixon thảo cho “Thiệu một lá thư với lời lẽ nặng nề nhất tử xưa tới nay”. Lá thư do chính Nixon đọc cho thư ký riêng của minh đành máy, đề ngày 17 tháng Chạp, và được đưa cho Tướng Haig đích thân trao đến tay Thiệu ở Sài Gòn. Mới đầu, Nixon định cử Phó Tổng Thống Agnevv, hoặc Bộ Trưởng Quốc Phòng Laird, hoặc nguyên Bộ trưởng Ngân khố Connally qua Sài Gòn, nhưng sau cùng quyết định “Haig vẫn là kẻ có nhiệm vụ đưa thông điệp tới tay Garcia”. (“Garcia” là tên lóng đặt cho Thiệu). Haig điện báo   
Sài Gòn trước khi đi, yêu cằu được họp riêng với Thiệu, chứ không muốn gặp tắt cả Hội đồng An ninh Quốc gia. Sứ mạng của Haig là thông báo cho Thiệu biết về việc dội bom   
Bắc Việt như một yếu tố khích lệ để ông ta ký kết hiệp định.

Trong lá thư, Nixon dùng những lời lẽ mạnh nhất từ trước tới nay:

Sứ mạng của Tướng Haig lúc này là biểu hiệu cho sự cố gắng cuối cùng của tôi để giải thích cho Ngài vè nhu càu phải có một hành động chung giữa chúng ta và truyền đạt đến Ngài ý định không thể thay đổi được của tôi là sẽ cứ tiến hành. Hay hơn cả là được sụ cộng tác của Ngài, nhưng nếu cắn thiết, tôi sẽ tiến hành một mình. Tôi đã yêu cầu Tướng Haig phải lấy bằng được câu trả lời của Ngài vè đê nghị của tôi, một đề nghị tuyệt đối tối hậu vê phía tôi, đê chúng ta chung sức cố tìm cho được một cuộc dàn xếp theo những đường lối mà tôi đã chắp thuận, còn không thì chúng ta sẽ mỗi người đi theo đường lối riêng của mình. Để kết luận tôi xin nhẩn mạnh rằng: Tướng Haig qua Sài Gòn không phải với mục đích thương hrq-ng với Ngài nữa đâu. Đã đến lúc chúng ta phải biểu dương một mặt trận đoàn kết trong ỉủc thương lượng với kẻ địch, vaNgài phải quyết định ngay bây giờ là có còn muốn tiếp tục liên minh với chúng tôi nữa hay không, hay Ngài muốn tôi đi tìm một thỏa hiệp riêng rẽ với kẻ địch, để chỉ phục vụ quyền lợi cho Hoa Kỳ mà thôi

Thiệu đọc lá thư hai làn, rồi ngẩng lên nhìn Haig. Quả không còn nghi ngờ gì dụng ý của lá thư nữa Haig không tới đây để điều đình, mặc cả, mà rõ ràng là để bắt buộc ông ký vào bản hiệp định. Ông nói với Haig: “Như vậy, tôi nghĩ rằng Tổng thống Nixon đã yêu càu tôi ký một thoả hiệp theo đó, Hoa Kỳ tiếp tục yểm trợ Việt Nam Cộng hòa chứ không phải chỉ ký vào một hiệp định đình chiến?” Haig cảm động và đáp lại rằng: “là một quân nhân và là người vốn quen thuộc với mánh khóe xảo trá của Cộng sản, tôi đồng ý với sự nhận định của Ngài.”

Thiệu soạn thảo lá thư trả lởi Nixon để đưa Haig cầm về Washington, vẫn nhất mức thách thức “ớề nghị tuyệt đối tối hậu” của Nixon. Trong thư, ông lại phát biểu mối quan tâm sâu xa của Việt Nam Cộng hòa về sự hiện diện tiếp tục của quân đội Bắc Việt tại miền Nam và yêu cầu Mỹ cam kết bảo đảm một làn nữa.

Thiệu trao cho Haig lá thư đã dán kín, đế biểu lộ lòng bất mãn của mình với Haig, vì người quân nhân này tuy đã hiểu được sự xảo quyệt của Cộng Sản, nhưng đã không có hành động nào giúp nói lên những lời ông cảnh cáo về ý định thực sự của Bắc Việt. (Thông thường, thư của Thiệu trao cho Haig vẫn để ngỏ, để Haig có thể truyền ngay về Washington từ phòng mật mã của sứ quán Mỹ.).

Trong thư, Thiệu đã khôn khéo không nói thảng là sẽ tử khước việc ký kết thỏa hiệp, ông vẫn muổn tranh thủ thêm thời giờ và thêm những điều kiện thuận lợi hơn. Khi trở về tới Washington, Haig báo cáo với Nixon là dường như Thiệu đã tuyệt vọng.

Vụ dội bom khởi sự ngày 18 tháng Chạp, 1972 xẩy ra giữa lúc Quốc Hội Hoa Kỳ nghi lễ Giáng Sinh, cho nên đã không có một phản ứng chính thức nào từ phía “Đòi Capitol”. Nixon thì đang ở Key Biscane, Florida, quyết tâm tiếp tục dội bom bắt chẩp sự công phẫn trong nước và ở ngoại quốc.

Khi nghe được tin này, Hưng cảm thẩy nhẹ người: dường như bất ngờ mà cuộc họp giữa Nguyễn Phú Đức và Nixon đã thành công trong việc giải thích lập trường và quan điểm của Việt Nam Cộng hòa với Hoa Kỳ. Như thế, Nixon sẽ bắt buộc Bắc Việt phải rút lui khỏi miền Nam. Trong một thoáng qua, dường như Hoa Kỳ đã quyết tâm làm thay đổi chiều hướng chiến tranh để giành thắng lợi cho Sài Gòn.

Vụ dội bom chì tạm ngưng 1 ngày duy nhất: lễ Giáng Sinh. Trong suốt thời gian oanh tạc, được chấm dứt vào ngày 30 tháng Chạp, Hoa Kỳ mất ba mươi phi cơ, kể cả 15 chiéc B-52, lất cả đều bị hạ bởi những dàn hỏa tiễn địa- không (SAM) của Cộng sản. Đó là lần thứ nhất mà Bắc Việt đã hạ được nhiều B-52 đến thế. Chì sau ba ngày dội bom, sáu chiếc B-52 đã bị bắn rớt trong một đêm. Tướng John c. Meyer, lúc đó điều khiển Bộ Tư lệnh Không quân Chiến lược (SAC), bèn gọi cho Tướng Vogt ở Thái Lan nói: “Ta phải làm một cái gì mới được! Bọn này đang lấy hỏa tiễn đánh mình, mình phải làm một cái gì chứ!” Vogt và Meyer đòng ý rằng vấn đề cần phải làm là tiêu hủy khả năng ráp hỏa tiễn của Bắc Việt. Hỏa tiễn đã được bốc lên từ tầu Nga, đậu ngoài khơi chuyển xuống sà-lan, rồi từ sà-lan chở lên bộ. Sau đó, ban ngày chúng được chở bằng xe vận tải tới một xưởng ráp nhổ ở phía đông-nam Hà Nội, và ban đêm chuyển tới các vị trí đặt giàn SAM để phóng lên khi có B- 52 tần công. Vogt sau này kể lại: “Mọi khả náng điện tử của ta cũng không thề làm cho phi-cơ B-52 loại được những hỏa tiễn ấy. Chúng cứ chày đỏ lên rừng rực và phóng thảng tới phi cơ.”

Tướng Meyer xin Washington chấp nhận cho B-52 phá xưởng ráp SAM, nhưng không được phép, vì lẽ xưởng đó ở ngay trong một khu đông dân cư, và phi cơ B- 52 lại phải dội bom từ độ cao, vào lúc thời tiét xẩu. Chắc chắn sẽ gây nhiều tổn thất dân sự và chưa chác xưởng rạp có thể bị dội trúng. Sau Vogt được cho phép tấn công bằng F-4, oanh tạc chính xác hơn, và lập tức xưởng ráp đã bị phá hủy. Sau loạt dội bom ấy, khả năng phòng không bằng hỏa tiễn đã giảm xuống rõ ràng, và có báo cáo cho biết Bắc Việt đã cạn hết nguồn tiếp liệu hỏa tiễn SAM và đang xuống tinh thần rất nhanh. Các nguồn hỏa 'ực khác của Hà Nội thì không hiệu quả, và Bắc Việt loan báo sổ tổn thất lên tới 1,318 thường dân.

Nixon ngồi lì chịu trận, mặc cho dư luận chì trích vụ tài oanh tạc. Ông tin rằng, một cuộc biểu dương lực lượng lúc đó rất cần thiết để bắt Bắc Việt phải dàn hòa. Không khí thủ đô Washington mù mịt, đằy bất trắc và lo ngại rằng diễn trình hòa bình đã bị tiêu hủy. David Broder, viết trong The Washington Post nhắc lại một câu nói của Kissinger trong một bữa ăn sáng với báo chí vào mấy ngày dầu nhiệm kỳ thứ nhất của Nixon: “Việt Nam có lẽ sẽ là một trong những vấn đề bi thảm mà ai đụng tới nó cũng bị tiêu.”

Ký giả đoàn tại Tòa Bạch Ốc đã được mệnh danh là “đoàn âm binh tận thế” (gloom and doom brigade), và Kissinger thì luôn luôn bị nhân viên văn phòng đổng lý, thân cận với Bob Haldeman, bắn tìa. Nixon quyét định “lì lợm”, và các phụ tá quanh ông được giao phó nhiệm vụ phóng chiếu một hình ảnh vững tin và quyết tâm. Tùy viên báo chi của Nixon, Ron Ziegler, tâm sự với ĩtám ký giả là “cứ khi nào tình thé gay go, Nixon lại càng bình tĩnh và tự tin”, và còn nhắc lại sự tiên đoán sai lầm trưó cđây của họ cho rằng vụ thả mìn Hải Phòng và dội bom Hà Nội hồi tháng 5, đã có thể khiến Liên-Xô hủy bỏ cuộc họp thượng đỉnh.

Sau khi Sài Gòn sụp đổ, người Bắc vô Nam kể lại rằng tinh thần miên Bắc đã xuống kinh khủng khi B-52 dội bom dịp lễ Giáng Sinh, và Hà Nội đã thực sự hết hỏa tiễn để phòng không. Một số người quen biết, hoặc thân thích của các thành viên MTGP sau này đã nói với Châu Kim Nhân, cựu Tổng trưởng Tài chánh trong chính phủ Thiệu là giá như vụ dội bom chì tiép tục thêm một tuần lễ nữa thì Hà Nội chắc chắn sẽ phải quỵ và hiệp định hòa bình đã có nhiều thay đổi lớn. Có người có bà con ngoài Bắc bảo rằng, họ đã chuẩn bị sẵn cờ trắng để đầu hàng, vì tin rằng chiều hướng chiến tranh đã bất chợt đảo ngược. Chính viên Tư lệnh cuộc oanh tạc, tướng John Vogt cũng mô tả các cuộc dội bom đó là “một thắng lợi rất quan trọng”, khiến   
Bắc Việt bắt buộc phải trở lại bàn hội nghị. Ỡng nói: “Chính Kissinger đã bảo với tôi rằng chúng đang quỵ và rất muốn dàn xếp.” . Nhưng vào lúc Bắc Việt gần đầu hàng, thì Kissinger lại muốn ngưng dội bom, vì ông chì muốn họ ký hiệp định mà thôi. Quả vậy, vụ dội bom đã có một tác dụng lớn đối với thái độ của Bắc Việt về việc sắp đặt thời gian dàn xếp.

Ngày 18 tháng Chạp, Kissinger đã đánh điện cho Hà Nội than phiền rằng chính phủ họ đâ “trì hoãn hòa đàm một cách cố ý và không đứng đắn”, và đề nghị một ngày để họp lại. Trong lúc B-52 còn đang dội bom, ngày 22 tháng Chạp Kissinger lại đề nghị hai bên tái nhóm ngày 3-1-1973. Nếu Hà Nộ) đồng ý, Hoa Kỳ sẽ ngưng oanh tạc vào ngày 31 tháng Chạp và trong suốt thời gian hội nghị. Ngày 26 tháng Chạp sau một vụ dội bom dữ dội nhất, Hà Nội đồng ý gặp lại phái đoàn Hoa Kỳ vào ngày 8 tháng Giêng tại Paris “với một thái độ thương thuyết nghiêm chình ... để dàn xếp nhiíng vấn đề còn lại với phe Hoa Kỳ”. Trong Tòa Bạch Ốc và toàn thể nội càc Nixon, trừ tướng Haig, không một ai khác muốn Nixon tiếp tục dội bom. Sau này Haig nhận định: “Tôi không nghi ngờ một mảy may nào hết là giá như hồi đó toàn dân Mỹ đã có được ý chí và đồng tâm để tiếp tục dội bom, thì chúng tôi đã có thể quy định được những điều kiện khiến quân Bắc Việt phải rút lui khỏi miền Nam. Tôi tin là chúng tôi sẽ đòi được khoản đó. ” Haig nói rằng ông đã là người duy nhất trong số các cổ vấn của Nixon giục phải tiếp tục oanh tạc: “Trong cái giai đoạn vô cùng khó khăn đó, sự chống đối kịch liệt đến cái độ mà tất cả mọi người cố vấn cho Tổng Thống trừ AI Haig này ra, kể cả những tay lúc trước kia đã luôn luôn tình táo tán thành hành động mạnh khi cần đến, ai ai cũng gọi cho Tổng Thống, hàng ngày, hàng giờ, khuyên chấm dứt oanh tạc. Những lời khuyến cáo đó còn được dựa trên những nhận định rằng chừng nào Quốc Hội tái nhóm, rất có thê họ sẽ đưa ra nhiều hạn chế về quyền hạn của Tổng Thống; những hạn chế ấy sẽ làm cho việc dàn xếp được một cuộc hòa giải trở nên như một cuộc tự sát quốc gia.”

Có dấu hiệu cho thấy là một khi Quốc Hội tái nhóm, Nixon sẽ gặp phải nhiều chống đối không cho tiếp tục oanh tạc nữa. Ngày 6 tháng Giêng, Nixon hội với Kissinger ở Trại David để thảo luận về chiến lược thương thuyết ở Paris. Vì nhiều áp lực, Nixon không còn muốn tái tục oanh tạc nữa. Trong hồi ký, ông viết rằng một khi thương thuyết tái nhóm, “tất nhiên Henry sẽ tiếp tục thủ vai cứng rắn, ra hiệu cho phe bên kia biết là tôi có thễ ra lệnh ném bom trở lại ở khu vực Hà Nội, mặc dù tôi có bảo với ông ta rằng về mặt hoạch định nội bộ ta không thể coi đó là một lựa chọn có thể thành tựu được.”

Giữa lúc chuẩn bị dàn xếp với Hà Nội, Nixon vẫn tiếp tục thuyết phục cho Thiêu đổi ý kiến. Ông đã dùng vụ dội bom để bào cho cả Sài Gòn lẫn Hà Nội biết là giai đoạn dàn xếp đã tới.

Ngày 5 tháng Giêng, 1973, Nixon lại viết thư cho Thiệu, và một lần nữa cam kết với Việt Nam Cộng hòa bằng ngôn ngữ rõ ràng, không còn dè dặt gì nữa.

Thưa Tổng Thống,

Thư này đê hời âm lá thư đề ngày 20 tháng Chạp, 1972 của Ngài.

Không cỏ điều gì quan trọng hiện nay mà tôi có thề thêm vào thông điệp trước đây của tôi, kể cả lá thư đè ngày 17 tháng Chạp, trong đó, ý kiến và ỷ định của tôi đã được phát biểu rỗ ràng, về vấn đè quân đội Bắc Việt, chúng tôi sẽ lại cố trĩnh bay quan điềm của Ngài với phe Cộng sản như chúng tôi đã mạnh mẽ trình bày trong bất cứ dịp nào khác. Kết quả chẳc chắn là họ sẽ bác bỏ đè nghị của Ngài một làn nữa. Chúng tôi đã giải thích cùng Ngài rắt nhiều làn lý do tại sao chúng tôi tin rằng vấn đề quân đội Bắc Việt có thể kiểm chế được theo (các điều khoản của) hiệp định, và tôi không thấy càn phải nhắc lại tất cả mọi lý luận ở đây.

Chúng tôi sẽ tiến hành ờ Paris tuàn tới, theo những đường hướng mà Tướng Haig đã giải thích cùng Ngài. Do đó, nếu Bắc Việt thỏa mãn được những điều quan tâm của chúng tôi vè hai vấn đề còn lại trong hiệp định liên quan đến vùng Phi Quân Sự và phương pháp ký kết, và nếu chủng ta có thể dàn xếp một guồng mảy kiểm soát đình đình chiến kltẩ dĩ chấp nhận được, thì chúng tôi sẽ xúc tiến việc ký kết hiệp định. Nhưng hậu quả tràm trọng nhất sẽ xẩy ra nếu như chính phủ Ngài tự ý bác bỏ hiệp định và tách rời khỏ' Hoa Kỳ. Như tôi đã thưa trong thư đè ngày 17 thảng Chạp của tôi, tôi tin chắc sự từ khước tiếp tay với chúng tôi của Ngài sẽ là một sự chuốc láy thảm họa — nó sẽ phá hủy tât cả những gì mà chúng ta đã cùng nhau tranh đấu để đạt đưọ-c trong mười năm qua. Nhất là nó sẽ không thể báo chữa được, bời lẽ chủng ta sẽ mất đi một lựa chọn khác công chính và danh dự.

Vào lúc chúng tôi bước vào luẩn thảo luận mới này, tôi hy vọng rằng hai quốc gia chúng ta sẽ biểu dương một mặt trận đoàn kết. Điều khẩn thiết nhất cho các mục tiêu chung của chúng ta là chính phủ Ngài đừng có thêm hành động nào khiến công tác của chúng ta phức tạp thêm và khiến khó giành được sự chấp thuận của mọi phe vè cuộc dàn xếp. Chúng tôi sẽ thông báo với Ngài vè các cuộc thương thảo qua những cuộc lược trình hàng ngày với Đại sứ Lâm.

Tôi chỉ có thể nhắc lại ở đây những gì tôicỉãrất thường viết cho Ngài: Bảo đảm tốt nhất cho sự tờn tại của miền Nam Việt Nam là sự đoàn kết của hai quốc gia chúng ta, sự đoàn kết đó sẽ bị nguy hại tràm trọng nếu Ngài cứ nhất định đi theo con đường hiện nay của Ngài. Hành động của Quốc Hội kề từ khi tái nhóm hiển nhiên đã chứng minh được phẩn nào lời chúng tói đã báo trước.

Nếu Ngài quyết định, và tôi tin tưởng Ngài sẽ quyết định, tiếp tay vói chúng tôi, tôi xin bảo đảm với Ngài ràng tôi sẽ tiếp tục yểm trự Ngài trong giai đoạn hậu chiến, và chúng tôi sẽ đáp ứng bằng toàn thể sức mạnh củaHoa Kỳ nếu như Bắc Việt vi phạm hiệp định. Cho nên, một lần nữa tôi xỉn kết thúc thư này bằng lời kêu gọi Ngài hãy sát cánh với chúng tôi.

Kính thư

(kt) Richard Nixon.

Như vậy, đối với Việt Nam Cộng hòa, Nixon đã nhàn danh Hoa Kỳ long trọng tuyên bố là sẽ trả đũa Bắc Việt với toàn thể sức mạnh của mình, néu họ tấn công miền Nam. Bảo đảm đó được thành hình khi Tổng Thống ở vào cương vị rrạnh mẽ nhất Nixon vừa đại thắng cuộc tổng tuyển cử, ông lại vừa cho B-52 ném bom xuống Hà Nội.

Bởi vậy, Việt Nam Cộng hòa đã chấp nhận lời hứa bảo đảm của Nixon rất nghiêm chình. Sau vụ dội bom dịp lễ Giáng Sinh, Sài Gòn tin rằng Nixon đã sẵn sàng dùng B-52để bắt Bắc Việt tôn trọng hiệp định Paris. Sau này, trước khi miền Nam sụp đổ, Hưng còn nhớ rõ các viên chức Việt Nam Cộng hòa nói lại là họ đã rất phấn khởi vì hứa hẹn của Nixon hồi đó. “Toàn thể sức mạnh” ắt phải có nghĩa là dùng B-52 oanh tạc Hà Nội, Ngoại trưởng Trằn Văn Lắm đã giải thích: “Ta không còn lời định nghĩa hay giải đoán nào khác nữa, ‘Toàn thể sức mạnh’ chẳng thể có nghĩa là dùng bom nguyên tứ trong trường hợp Bắc Việt được. Chính là B52 đó!” “Toàn thể sức mạnh” là hành động tương tự như các vụ dội bom hồi tháng Năm (Linebacker 1) và hồi Giáng Sinh (Linebacker II)” cả phó Tổng thổng Hương lẫn Thủ tướng Khiêm cũng thường hay nhắc đến lời cam kết của Nixon như lời hứa được phát biểu lúc Nixon đã tới đình cao của quyền lực, vì vừa mới đắc cử lớn nhiệm kỳ hai —lớn nhất kể tử cuộc bằu cử Eisenhower lăm 1952. Ngoại trưởng Bắc thì khẵng định rằng phe Việt Nam Cộng hòa không có cách nào biết được là Nixon đã không còn muốn dùng B-52 nữa. Sau này ông cho rằng “vụ ném bom hồi Giáng Sinh đã được coi như hành động làm hậu thuẫn cho lởi cam kết của Nixon là sẽ“trả đũa mau lẹ và nghiêm khắc” và phản ứng với ‘toàn thể sức mạnh’ nếu Hà Nội vi phạm hiệp định.”   
Việt Nam Cộng hòa nhận thức rằng Nixon đã nhân dam chính phủ và nhân dân Mỹ khi làm cam kết đó. “Đó là vĩín đề giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa, chớ đâu phải là lời cam kết giữa cá nhân ông Nixon và cá nhân ông Thiệu đâu”. Phó Tổng thống Hương đã nhận xét như thế khi Thiệu đưa cho ông đọc lá thư ngày 5 tháng Giêng của Nixon.

Riêng Thiệu, tuy vẫn không hài lòng với những điều khoản trong hiệp định, nhưng ông cũng đã phấn khởi về những lời bâo đảm của Nixon. Ông nói với Hội đồng An ninh Quốc gia: “Hoa Kỳ đâu có cho ta một lựa chọn nào khác, ngoại trừ nếu ta ký, thì viện trợ sẽ tiếp tục, và có lời cam đoan sẽ trả đũa nếu hiệp định bị ví phạm. Nếu không, họ sẽ bỏ kệ cho hai bên muốn làm gì nhau thì làm. Kissinger đối xử với cả hai nước Việt Nam như thù nghịch, ông tự coi ông là người ngoại cuộc trong càc vụ thương thảo ấy, và không phân biệt giữa Nam Việt là đòng minh, và Bắc Việtlà kẻ địch. Người Mỹ đã để cho cuộc chiến trở thành chiến tranh của họ; khi họ thích chiến tranh, họ đẩy nỏ đi tới. “Khi họ muốn ngưng chiến, họ bắt cả hai bên phải ngưng. Khi người Mỹ muốn nhẩy vô, mình không có lựa chọn, và bây giờ, họ sẵn sàng bỏ đi, mình cũng không níu áo họ lại được.” Sau vụ dội bom dịp lễ Giáng Sinh, "hiệu tâm sự với Hội đồng An ninh Quốc gia bằng một câu khôi hài đầy cay đắng: “Giá như Kissinger có được cái quyền dội bom Dinh Độc Lập để bắt tôi ký hiệp định, chắc ông ta sẽ không ngần ngại gì mà không làm.”

# CHƯƠNG IX - MẬT ƯỚC RIÊNG

Sau lần dội bom Giảng Sinh, Kissinger gặp Thọ bốn tiếng rưỡi đồng hồ ở Paris ngày 8 tháng Giêng, 1973. Dường như Hà Nội đã sẵn sàng thỏa hiệp. Thọ chấp nhận sự mặc cả của Kissinger về khoản vùng Phi Quân Sự và việc ký bản hiệp định. Bắc Việt thật ra chấp nhận cùng một bản văn mà họ đã tử chối hồi tháng mười một'. Nhưng dù Hà Nội đang ở thế yếu, Kissinger cũng không đòi phải thay đổi về điều khoản cho phép quân Bắc Việtở lại miền Nam Việt Nam. John Negroponte chuyên viên của Kissinger về Việt Nam, lý luận với ông rằng vụ dội bom Giáng Sinh đã tạo nên một thực tại quân sự và chiến thuật mói. Hoa Kỳ phải đòi cho được những điêu kiện có lợi hơn cho bản thỏa hiệp, nhất là vấn đề then chốt là quânBắc Việt phải rút khỏi miền Nam Việt Nam. Negroponte đề nghị với Kissinger không nên điều đình vội vã với Bắc Việt và phải biết lợi dụng tình hình mới. Nhưng Kissinger trả lời rằng Tổng Thống Nixon đã ra lệnh phải kết thúc bản hiệp định trước ngày 20 tháng Giêng. Nixon muốn bắt đầu nhiệm kỳ mới không còn chiến tranh nữa. Negroponte thổ lộ với bạn bè rằng: “Ta đã dội bom Bắc Việt để bắt họ phải chấp nhận những nhượng bộ của ta.”

Trong khi đó, ở Washington, Hưng thấy phía Việt Nam Cộng hòa hầu như khóng còn được ai giúp đỡ nữa. Chiều hướng chung là ký bản hiệp định, và cho phép quân Bắc Việt ở lại miền Nam Việt Nam . Tuyệt vọng, anh tổ chức một cuộc biểụ tình ở trước tòa Bạch Ốc với một nhóm nhỏ người Việt, kế cả gia đình của anh, chưng khẩu hiệu đòi hỏi “Xin đừng bán đứng Việt Nam” và “Hãy hồi hương cả quân đội Bắc Việt nữa !” Không có sự đáp ứng của phái bảo thủ xưa nay thường vẫn ủng hộ Việt Nam Cộng hòa. Khi đi qua tòa nhà cạnh tòa Bạch Ốc, tòa nhà mà Hưng cho là có văn phòng của Kissinger, lòng căm giận vô cùng của anh nổi lên đối với con người mà anh cho là đã sẵn sàng bán đứng đất nước của mình. Lòng anh bị dầy vò bởi cái giọng Đức nặng chịch của Kissinger trên máy truyền hình, và cái lối ông ta nói tiếng “Vuy”(We, chúng tôi) cố tính cách đé quốc, bao gồm cả Hoa Kỳ lẫn miền Nam Việt Nam . Hưng cực kỳ phẫn nộ khi nghe Kissinger tuyên bố Việt Nam Cộng hòa đã đồng ý về khoản cho quân Bắc Việt ở lại miền Nam Việt Nam . Anh cảm thấy phải làm một câi gì để đối phó Kissinger. Anh sứa soạn một bảr phân tách tất cả những đề nghị của Hoa Kỳ từ trước tới nay, nhấn mạnh đến việc cùng triệt thoái cả quân Mỹ lẫn quân Bắc Việt ra khỏi miền Nam Việt Nam . Anh đến gặp dân btéu John R. Rarick đê xin đăng bản văn của anh vào Công Báo Quốc Hội. Hưng cũng tìm cách cho đăng bài trình bầy quan điểm của mình trên tờ The Washington Post, nhưng họ cho rằng anh vừa có bài trên số chủ nhật, có bài nữa thì hơi sớm . Rarick, còn chút thiện cảm, bèn cho đăng bài của anh “Vấn Đề Then Chốt của cuộc Hoà Đàm” vào Công Bào Quốc Hội ngày 15-1-1973.

Hưng tới gặp nghj sĩ Zablocki, chủ tịch ủy Ban Ngoại Giao Hạ viện, là ngườiđã ủng hộ Tổng thống Diệm rất nhiều, để xin giúp đỡ. Ồng 1 hổ lộ với Zablocki về nỗi tuyệt vọng của mình cho rằng Nixon và Kissinger đã nói lảo về việc mang lại “hòa bình trong danh dự” cho Miền nam Việt Nam. Anh không có cách gì để trình bày quan điểm nầy với công luận Hoa Kỳ cả. Hai người thảo luận về bài của Hưng vừa đăng trong Công Báo và một bài khác đăng trên tờ Washington Post ‘‘Settling the War on Hanoi’s Terms” (ChắìTi dứt chiến tranh bằng những điều kiện do Bắc Việtđè ra.) Zablocki tỏ vẻ thông cãm với lập trường của Việt Nam Cộng hòa. Nhưng đến khi H ưng nhờ giúp đỡ, ông ta nói: “Phần đông dân chúng H oa Kỳ cho rằng chiến tranh Việt Nam là một lầm lẫn của chính phủ Hoa Kỳ.” Anh đáp: “Thật ra đó không hẵn là một lầm lẫn. Các ông vào Việt Nam đê cầm chân Trung Cộng trong hai thập niên 50 và 60, và các ông đã thành công. Và giả dụ như đây là một lầm lẫn thật, thì ta không làm một sự lầm lỗi rồi vác chân bỏ chạy. Ta phải chấp nhận hậu quả về những lỗi lầm của mình. Ví như ông không làm người phụ nữ mang thai rồi cuốn dù.” Zablocki tránh né không trả lời trực tiếp. Ông ta cười và hứa sẽ nêu mối quan tâm của Hưng với các bạn đòng viện. Hưng kinh ngạc vì không có ai làm sáng tỏ trường hợp Miền Nam Việt Nam với báo chí Hoa Kỳ cả.

Khi anh yêu cằu tòa Đại sứ Việt Nam Cộng hòa ở XVashington, cho đăng bài của mình trên những tờ báo lớn của Hoa Kỳ bằng cách trả tiền họ như đăng quảng cáo vậy, để trình bày lập trường của Việt Nam Cộng hòa, thì anh đượctrảlời là tòa Đại sứ không có ngân qũy để làm việc này. Khác với trướng hợp của Trung Hoa Dân Quốc hay Đại Hàn, Việt Nam Cộng hòa không có phương tiên và không có ai ở \Vashington đíỉ biện hộ lập trường của mình. Hưng nghĩ lại thầm phục khi nhìn thấy hình chụp những khuôn mặt chính trị lớn treo trên tường trong gian phòng thanh lịch của bà Chennault ở khách sạn XVatergate. Hình bà chụp chung với những Tổng Thống Nixon, Johnson, Kennedy và những nhân vật khác như Kissinger, bộ trưởng tư pháp John Mitchell, chủ tịch Hạ Viện Tip O’NeilL Ông Thiệu không có ai đế đóng vai trò nầy cho ông, và bây giờ thì muộn rồi. Hưng cảm thấy cay đắng và uất ức vô cùng khi nghe Kissinger nhấn mạnh việc Việt Nam Cộng hòa đã đòng ý với bản hiệp định mà ông đang thương lượng với Bắc Việt. Bây giờ thì muộn rồi. Nixon đã quyết định bắt buộc ông Thiệu kỷ bản Hiệp Định Paris.

Ngày 14 tháng Giêng, trước khi ngưng tất cả các cuộc dội bom và thả mìn Bắc Việtvô thòi hạn, Nixon viết cho ông Thiệu. Ông ra lệnh cho Tướng Haig sang Sài Gòn trao lá thư của ông, buộc Thiệu ký bản thỏa ước. Trước khi Haig lên đường, Nixon nói với Kissinger về quyết định của ông bắt ông Thiệu phải đồng ỳ. Nixon nói: “Nếu nói đến phũ phàng, thì anh chưa thấy đâu, nếu tên chó đẻ đó (son of a bitch) không chịu theo ta, anh cứ tin đi.”

Sáng ngày 14, tháng Giêng, Haig gặp Thiệu ở Dinh Độc Lập và trinh lá thư của Nixon hăm dọa sẽ ký bản Hiệp Định Paris vào ngày 27, tháng Giêng, dù phải ký một mình nếu cần. Nixon đe dọa nhưng một lần nữa, tóm lược mật ước của Hoa Kỳ đối với Việt Nam Cộng hòa :

Tôi nhẩt quyết cho phê chuẩn bản Hiệp Định vào ngày 23 tháng Giêng, sẽ ký vào ngày 27, tháng Giêng, 1973 ở Paris. Tôi sẽ làm việc đó dù phải làm một mĩnh. Trong trường họp đó, tôi sẽ công khai tố cáo chính phủ của Ngài làm cản trở cho công cuộc vàn hời hòa bình ở Việt Nam. Két quả khóng tránh khỏi sè là việc cúp viện trọ- quân sự và kinh tế ngay lập tức, mà dù có sự thay đổi vè nhân sự trong chính phủ của Ngài cũng không thể cứu vãn được. Tuy nhiên, tôi hy vọng rằng sau tắt cả nhũng gì cả hai quốc gia chúng ta đã cùng chia sẻ và chịu đựng trong cuộc chiến này, chúng ta sẽ cùng đứng lại với nhau để tạo dựng và gật hái kết quả của hòa bình.

Đễ theo đuổi mục tiêu này, tôi muốn nhắc lại những cam kết của ĩôi đã trình bày với Ngài nhiêu lăn. Khi ký kết bản Hiệp Định, tôi sẽ nhấn mạnh rằng chính phủ Hoa Kỳ sẽ chỉ công nhận chỉnh phủ của Ngài là chính phủ hợp pháp ở Miên Nam Việt Nam. Chúng tôi sẽ không nhìn nhận quyên có mặt của bất cứ quân đội ngoại quốc nào trên mảnh đất miền Nam. Chúng tôi sẽ phản ứng mãnh liệt trong trường họp bản Hiệp định bị vi phạm. Cuối cùng, tôi muốn nhổn mạnh đến những cam kết tiếp tục của chính phủ Hoa Kỳ đối với tự do và tiến bộ của nước Việt Nam Cộng hòa. Tôi quyết định sẽ tiếp tục viện trợ đày đủ kinh tế và quăn sự cho Việt Nam Cộng hòa.

Qua bức thư này, ta thấy Nixon nói với Thiệu rằng, Hoa Kỳ không chấp nhận sự có mặt của quân Bắc Việtở Miền Nam, nhưng thực ra đó chì là trên nguyê n tắc, vì trên thực tế Hoa Kỳ chủ lờ mở kêu gọi việc triệt thoái những “lực lựơng ngoại bang” và Điều Một của Hiệp Định đã nói rõ : Việt Nam là một quốc gia thống nhất. . Nixon vừa dọa dẫm, vừa hứa hẹn với Thiệu. Nếu không chịu kỷ thì sẽ cắt viện trợ. Nhưng Nixon lại tóm lược những cam kết hết sức rõ ràng sẽ không công nhận sự có mặt của quân đội ngoại quốc ở miền Nam, sẽ phản ứng mạnh trong trường hợp Hiệp Định bị vi phạm, và sẽ tiếp tục viện trợ kinh tế và quân sự đầy đủ cho Việt Nam Cộng hòa. Ông Thiệu ghi nhận cẩn thận lời lẽ của Nixon trong bức thư này vì nó nhắc đến việc "thay đổi nhãn sự”. Trong “tự điển chính trị” về mối bang giao Hoa Kỳ-Việt Nam Cộng hòa, “thay đổi nhân sự” là lời nói nhẹ trùng nghĩa với việc lật đổ chính phủ. Năm 1963, khi việc chuẩn bị lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm đang tiến hành ráo riết, Tổng thống Kennedy, trong buổi phỏng vắn của Walter Cronkite, đài CBS, có nhắc đến sự cần thiết phải "thay đổi nhân sự” trong chính phủ Việt Nam Cộng hòa

Ông Thiệu quan tâm đến số phận của minh sẽ tương tự như vậy. Ông cho nhóm Hội Đồng An Ninh Quốc Gia để thảo luận lá thư của Nixon và bàn phưo ng cảch đối phó. Ông liếc mắt một vòng quanh Phòng Tình Hình trong Dinh Độc Lập để thăm dò ý kiến; quan điểm chung là “Ồ, nếu Mỹ họ muốn vậy, ta nên ký.” Họ ca ngợi lòng can đảm của ông Thiệu. Thủ Tướng Khiêm nói: “Tổng Thống quyết định như thé nào đi nữa, chúng tôi cũng ủng hộ Tổng Thống”. Tướng Viên, Tổng Tham Mưu Trưởng: “Thưa Tổng Thống, Quân Đội sẵn sàng đợi lệnh.” Những người mà ông Thiệu chọn để lãnh đạo quốc gia này đều chấp nhận ý kién của ông. Họ thiéu sáng kiến, viễn tượng và can đảm để công khai thách thức ông. Có lẽ đây là một Irong những dịp hiém hoi để Thiệu tự hỏi tại sao mình lại chọn những người như thế này vào địa vị lãnh đạo trong chính phủ. Như Nhã đã kể lại, có cả một mớ nhưng câu trả lời “mũ ni che tai”, nhưng không một ai đưa ra ý kiến phải hành động ra sao cả. “Ông nào cũng so vòi cả”

Từ ngày gặp Kissinger ở Sài Gòn tháng mười nàm ngoái, ông Thiệu đã nhận được nhiều đề nghị từ nhiều giới ở Saigòn và thư của Hưng là ta nên đánh đổi việc đòi triệt thoái quân Bắc Việtra khỏi miền Nam lấy sự cam kết của Hoa Kỳ bảo vệ hòa bình ồ Việt Nam. Mặc dầu lời lẽ cứng rắn và dọa dẫm thẳng thừng trong lá thư của Nixon, nhất là việc đòi hỏi phải trả lời trong đêm ngày 17 tháng giêng, Thiệu không chịu nhường bước. Thay vì phải trả lời Haig ngày hôm sau, ông gửi một lá thư niêm phong cho Nixon, đòi hỏi một số thay đổi trong bản Hiệp Định sắp ký. Haig quay lại tòa Đại sứ Mỹ, mở lá thư xem và chuyển về tòa Bạch Ốc ngay bằng đường vô tuyén. Haig mô tả lá thư là “cứng nhắc và không nhượng bộ.”

Không còn chần chừ được nữa. Nixon và Kissinger trả lời ngay cùng ngày. Haig và Bunker chuyển đến cho Thiệu ngay. Nixon quyết định tranh thế thượng thủ, nhưng ông ta vẫn muốn trấn an Thiệu. Mặt khác, tiếp tục dọa dẫm về hậu quả nếu ông Thiệu không chịu ký. Bức thư đó có r ội dung như sau:

Kính thưa Tổng Thống,

Tôi đã nhận được lá thư của Ngài đè ngày 17, tháng Giêng, 1973 và tôi đã nghiên cứu kỹ lưỡng lá thư ấy.

Tôi phải lập lại với Ngài những gì tôi đã nói với Ngài trước đây. Tụ do và độc lập của nước Việt Nam Cộng hòa vẫn luôn luôn là mục tiêu trọng đại trong chính sách ngoại giao Hoa Kỳ. Tôi đã theo đuổi mục tiêu này trong suốt cuộc đời chính trị của tôi và trong bốn năm trời nay, '.ôi đã lãnh nhiểu hậu quả tràm trọng trong nước cũng như ngoài nước, vì theo đuổi những mục tiêu này. Chính vì để bảo vệ những mục tiêu chung của chúng ta mà tôi phải nhất quvết chọn đường lối hành động này. Tôi cả quyết rằng việc từ chối ký bản Hiệp Định này sẽ đưa đến việc cắt đứt mọi viện trợ cho Việt Nam Cộng hòa. Do đó, tôi sẽ cho tiến hành việc phê chuẩn vào ngày 23 tháng giêng và sẽ ký kết vào ngày 27, thảng giêng, 1973 bản Hiệp Định mà Tưởng Haig đã trình lên Ngài. Như vậy, chỉ còn có một lựa chọn trước mắt : chúng ta muốn hay không muốn tiếp tục mối bang giao gắn bó đã giúp chúng ta nhiêu trong suốt thời chiến ...

Để làm cho bản Hiệp Định được chặt chẽ thêm, như đã đè cập đến trong bức thư của tôi đè ngày 14, thảng giêng, chinh phủ của Ngài sẽ được tăng cường vè phương diện an ninh và chính trị đê chuẩn bị cho việc ngưng bắn ...

Như tôi đã có dịp thưa với Ngài nhiều làn, vắn đ'ê chinh yếu ở đây không còn là vấn đè chơi chừ trong bán văn, mà là vấn đè cộng tác giữa hai nước chủng ta trong thời kỳ hậu chiến và nhu càu tiếp tục yểm trợ cho Việt Nam Cộng hòa của Hoa Kỳ. Tôi đang phải tranh đấu cho sự yểm trợ đó. Nếu Ngài khước từ ký vào bản Hiệp Định, tòi sẽ không còn cách nào giúp đỡ chính phủ Việt Nam Cộng hòa nữa. Quốc Hội và dư luận Hoa Kỳ sẽ trói chặt tay tôi. Vì thế, đây là lúc chúng ta phải đoàn kết để bảo vệ quyèn lợi chung của hai quốc gia chúng ta.

Như Tướng Haig đã trình với Ngài, tôi đang chuẩn bị gởi phó Tổng Thống Agnew qua Saỉgon đễ thảo luận với Ngài vè mối quan hệ giữa hai nước chúng ta trong thời hậu chiến. Ổng Agnew sẽ rời Washington vào ngày 28, tháng giêng, một ngày sau khi bản Thoả Hiệp ký kết. Trong chuyến công du này, Phó Tổng Thống Agnew sẽ công khai cam kết những gì tôi đã trình với Ngài. Tôi xin nhắc lại những cam kết đó như sau:

— Trước hết, Hoa Kỳ công nhận chính phủ của Ngài là chính phủ duy nhất hợp pháp ờ miên Nam Việt Nam ;

— Thứ hai, Hoa Kỳ không công nhận quyên có mặt của quân ngoại quốc trên lãnh thổ miên Nam;

— Thứ ba, Hoa Kỳ sẽ phản ứng mãnh liệt nếu bản Hiệp định bị vi phạm.

Hơn nữa, tôi muốn được hội kiến riêng với Ngài ba hay bốn tuân sau â tại San Clements, California, đễ chúng ta có dịp công khai nhắc lại mối hợp tác giữa hai nước và sự cam kết của Hoa Kỳ. Dựa vào những cam kết đó, tôi hy vọng Ngài sẽ vui lòng cùng chúng tồi ký bản Hiệp Định. Vì tính cách trọng đại của vấn đè này và những hậu quả của nó trong tương lai, tôi đã chỉ thị cho Tướng Haigphải trở lại Sài Gòn vào sảng ngày thứ bầy, 20 tháng giêng, 1973. Đây có lẽ là dịp chót để chúng tôi được biết lập trường của Ngài và để xem chúng tôi có tiến hành cùng với Ngài được không. Chương trình diễn tiến đã định, không thê thay đổi được nữa. Tiến sĩ Kissinger sẽ phê chuẩn bản Thỏa Hiệp (ỷ Paris ngày 23, thảng giêng. Tôi sẽ thông bảo cho dân chúng Hoa Kỳ ngay buổi chièu hôm đó và lễ ký kết sẽ nhằm ngày 27 tháng giêng, 1973. Nếu Ngài không chịu hợp tác, chính phủ Việt Nam Cộng hòa sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn vê những hậu quả của nó.

Để kếì thúc, tôi xin thưa rằng tôi rất thán phục tinh thần bảo vệ quyền lợi quốc gia của Ngài. Tôi cóng nhận rằng bản Hiệp Định này không được hoàn hảo, nhưng trong trường hợp hiện tại, đây là cơ hội tốt nhất ta nắm được. Tôi đã giải thích tại sao ta phải ký lúc này.

Tôi cho rằng Ngài có hai lựa chọn chinh yếu ; một là, tiếp tục cản trở việc ký kết, đó là hành động cô vẻ lẫm liệt nhưng thiển cận ; hai là , dùng bản Hiệp Định như một phương tiện để xây dựng một căn bản mới cho nển bang giao Hoa Kỳ- Việt Nam Cộng hòa. Tôi không càn phải nói Ngài cũng biết rõ đây là con đường duy nhất để bảo vệ mục tiêu chung của chúng ta.

Trân trọng

(kt) Richard Nixon

Ông Thiệu đọc lá thư kỹ càng, góp nhặt cả những đe dọa và hứa hẹn, cố tìm ra căn bản những cam kết của người Hoa Kỳ. Ông ta hài lòng vì câu của Nixon: “Tự do và độc lập của Việt Nam Cộng hòa vẫn luôn luôn là mục tiêu trọng đại trong chính sách ngoại giao Hoa Kỳ.’’ Với đà triệt thoái quân đội Hoa Kỳ từ hơn nửa triệu xuống còn hai mươi ngàn vào ngày 1, tháng 12, 1972, ông Thiệu muốn được bảo đảm bằng những lời cam kết chắc chắn là Hoa Kỳ không thay đổi lập trường về Việt Nam Cộng hòa. Thì đây, đày đủ cả. Nixon hứa hẹn đủ điều, về việc “cắt đứt mọi viện trợ”, Thiệu nhớ lại hòi năm 1963, khi ông còn là Tư lệnh Sư đoàn 5 ở Biên Hòa, Mỹ cắt viện trợ để làm áp lực với ông Diệm, sư đoàn ông bị ảnh hưởng nặng nề. Đó cũng là một trong những lý do ông theo phe lật đổ ông Diệm. Cái trớ trêu cùng một cảnh ngộ, Thiệu chưa quên.

Tuy nhiên, Thiệu vẫn không chịu ký, trả lời Bunker rằng ông ta muốn suy nghĩ thêm về lá thư Nixon. Bunker và Haig cảm thấy Thiệu muốn chần chừ cho đến ngày lễ nhậm chức nhiệm kỳ hai của Nixon, nhằm ngày 20, tháng giêng. Nixon cũng tiên đoán như vậy.

Thiệu nhân ra rằng lời lẽ cứng rắn trong lá thư ngày 17, tháng giêng của Nixon là một tối hậu thư. Đến ngày hẹn của Nixon, ông ta vẫn cho tiến hành lễ thành hôn của cọn gái ông là Tuấn Anh ở ngay Dinh Độc Lập. Ngày 19, tháng giêng, vì lễ cưới dài dòng nên ông Thiệu có cớ để nói là không có thì giờ gặp đại sứ Bunker. Buổi lè được cử hành ở trong Dinh, rồi cả gia đình ra nhà thờ Đức Bà làm lễ chính thrrc công giáo. Trước khi đó, Nhã được gọi ra để nói chuyện với Đại sứ Bunker bằng điện thoại. Bunker muốn được Thiệu trả lời ngay. Nhã trách Bunker về sự thiếu tế nhị này. “Đây là một ngày vô cùng trọng đại của Tổng Thống Thiệu. Õng có thể đợi cho đến khi buổi lễ xong xuôi được không? Đây là ngày lễ thành hôn người con gái độc nhất của ông mà ông cũng không được một vài giờ yên tĩnh. Tôi sẽ gọi lại Đại sứ.”

ông Thiệu gặp Bunker một rrùnh nửa giờ đòng hò ngay buổi tối hôm đó. Khi gặp Thiệu một mình, Bunker đác lực hơn là khi có mặt những người khác. Sau buổi họp, Thiệu nói với Nhã rằng: “Họ làm áp lực mình hơn, nhưng cũng hứa hẹn nhiều hơn.” Bunker đưa ra những lý lẽ hùng hồn để ông Thiệu có thể giúp Nixon thuyét phục Quốc Hội Hoa Kỳ. Bunker nhắc lại tất cả những hứa hẹn của Nixon nếu Thiệu chịu ký bản Hiệp Định Paris

Sau buổi họp với Bunker, Thiệu bảo Nhã ở lại ăn cơm chiều một mình với ông. Trong tư thái suy tư, Thiệu nói: “Họ không để mình có hra chọn nào khác hơn: hoặc ký, hoặc cắt viện trợ. Mặt khác, ta cũng được Nixon hứa hẹn quyết bảo vệ Miền Nam Việt Nam. Ta sẽ thuận ký, và sẽ không để Nixon nuốt lời hứa được.”

Nhã hdi : “Liệu mình có thể tin Nixon được không?” “ông ta là người biết giữ danh dự. Ta nên tin ông ấy.” Sau đó, hai người bàn kế hoạch buộc Nixon phải tỏ thái độ về vụ triệt thoái quân Bắc Việtra khỏi miền Nam.

Haig trở lại Sài Gòn ngày 20, tháng giêng, sau khi ghé Hán Thành và Bankok. Ông Thiệu vẫn chưa chịu ký. Ông ta lại giao cho Haig càm lá thư về cho Nixon, bày tỏ sự nguy hiểm của việc để quân Bắc Việtở lại miền Nam. Ông đề nghị thay lời lẽ trong bản văn, ghi rõ việc triệt thoái cả quân Bắc Việtlẫn quân đội các nước khác ra khỏi miền Nam. Haig thuyết phục Thiệu là bản văn sẽ đuợc hiểu như vậy, nhưng bây giờ thay đổi lời lẽ thì muộn quá rồi. Ông Thiệu nhất định bắt Haig cầm lá thư về cho Nixon. Nixon trả lời ngay trong ngày. Bunker đưa lá thư cho Thiệu, trong đó, Nixon cố gắng thuyết phục Thiệu một lần nữa như sau:

“Mặc dàu không có điều khoản nào riêng biệt trong bản văn về vấn đè này, nhưng bản Hiệp Định có rát nhiêu đoạn liên quan đến việc rút quân củaBắc Việt. Sự tiếp tục có mặt của quân Bắc Việt (ỷ miền Nam là bắt họp pháp, và nếuBắc Việt mang quăn thêm vào là vi phạm bản Hiệp định Paris. ”

Nixon dẫn ra nhiều đoạn văn rải rác trong bản thỏa hiệp để chứng tỏ điều này. Khi hồi tưởng lại chuyện này, ông Thiệu có nói: “Đối với Cộng Sản, giấy trắng mực đen còn chưa ăn thua gì, huống chi bây giờ ông Nixon bảo tôi tin vào sự hiểu ngầm của các điều khoản lặt vặt, rải rác trong bản văn.” Bên phía   
Việt Nam, nhận thấy lối giải thích của Nixon có phần mù mờ khúc mắc. Ngôn ngữ không có nghĩa gì đối với Cộng Sản, ngoại trừ lối diễn kịch của họ. Bắc Việtnhất định nắm lấy Điều Một của bản Thỏa Hiệp, cho rằng Hoa Kỳ đã tôn trọng sir thống nhất lãnh thổ Việt Nam ; có nghĩa là Bắc và Nam là một quốc gia duy nhất, và như thế, quân Bắc Việtcó quyền ở lại miền Nam. Lúc đó chì còn một ngày trời, không còn thì giờ đế bàn cãi điều này nữa. Thiệu thất vọng, cố bàm víu cho đến phút cuối, tức là ngày lễ nhậm chức của Nixon, ngày 20 thảng giêng.

Trong buổi họp ngày hôm đó với các cố vấn thân cận, ông Thiệu nói ớã đến lúc phải quyết định có công nhận bản Thỏa Hiệp nay không. Mọi người im lặng. Ỏng nói: “Hãy triệu tập Hội Đòng An Ninh Quốc Gia ngay tối nay để tôi thông báo tình thế này cho họ.” Theo chương trình của Nixon. Ngoại trưởng Tràn Văn Lắm sẽ phải đi Paris ngay ngày hôm sau. Trong buổi họp Hội Đòng An Ninh, mọi người đều sốt sắng đòng ý với ông Thiệu. Ông cho họ biết một là ông từ chối ký, để nhất đán trở thành một thứ anh hùng dân tộc ; hai là, ký và sẽ tìm cách cứu nguy quốc gia sau. Mặc dàu vẫn còn bất đồng ý sâu xa, Thiệu cảm thấy Nixon có phần nói rõ ràng hơn về những cam kết của Mỹ đối với Việt Nam. Ông biết rằng, không có cách chi có thể tóm đuôi và bắt Mỹ kéo dài trận chiến mãi . Thiệu chì còn mong chờ vào danh dự lời nói của Nixon. Vì chữ tín của người trị quốc, lời nói của họ phải như đinh đóng cột mới được. Trong những lá thư viết cho Thiệu, Nixon luôn luôn nhắc đến những cam kết một cách kỹ lưỡng. Thiệu thu thập tất cả những lá thư và coi đó như là nền tảng của cuộc bang giao Việt-Mỹ. Thiệu hy vọng rằng phương châm của K hổng Tử “Quân Tử Nhất Ngôn” áp dụng cho cả vị Tổng Thống Hoa Kỳ nữa.

Nixon đã nhiều lần viết cho ông để quả quyết rằng những hy sinh xương máu của chiến sĩ Việt-Mỹ không thể trở thành vô ích được. Lời cam kết của Nixon cũng làm cho Thiệu tin rằng, vì danh dự Nixon không nỗi nào vỗ về rồi bỏ chạy. Thiệu cho rằng ông phải tin vào vị Tổng Thống của Hoa Kỳ vì không còn trông chờ vào đâu được nữa ; ông cũng đã tranh đấu cho được sự nhượng bộ về khu Phi Quân Sự. Nixon hứa sẽ tuyên bố công khai về điều khoản này. Thiệu còn nghĩ khi vị Tổng Thống Hoa Kỳ đã công bố điều gi thì không thể rút lòi được nữa. Như Khổng Tứ đã nói: “Nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy”.

Thiệu cất những lá thư đó trong phòng n]ỊỦ và giữ gìn rất cẩn thận. Đối với ông, nó là một thứ vương mệnh tượng trưng cho quyền lực, là sợi dây liên lạc chính thức của ông với Mỹ, nói tóm lại, nó là một mật ước riêng, giữa ông và Nixon, giữa Việt Nam Cộng hòa và chính phủ Hoa Kỳ, bên ngoài khuôn khổ Hiệp Định Paris.

Thiệu tưởng Tổng Thống Hoa Kỳ cũng cai trị nước Mỹ như ông cai trị nước Việt Nam vậy. Tổng Thống Hoa Kỳ là vị lãnh tụ tối cao. Mặc dầu được dân bằu, chứ không phải nhận lãnh Thiên Mệnh, ông ta cũng vẫn phải chịu trách nhiệm cho mọi cam kết của mình. Thiệu có biết tới sự phân quyền giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp của Hoa Kỳ. Thế nhưng, như phàn lớn người Việt Nam, Thiệu không hiểu rõ trên thực tế, hệ thống dân chủ phức tạp đó làm việc ra sao. ông tiếp tục trông cậy vào Nixon như một vị tư lệnh tối cao không có gì ràng buộc cả. .

Ngày 20, tháng giêng, Nixon gởi tối hậu thư cho Thiệu, bắt trả lời trước 12 giờ trưa ngày 21, tháng giêng, giờ Washington. Trong thư, Nixon nói sẽ gặp các nhà lãnh Đạo Quốc hội Hoa Kỳ vào tối ngày 21, thá ng giêng để trình bầy đường lối hành động. Néu ôngThiẹu không trả lời đúng giờ đã ấn định, Nixon sẽ ra lệnh cho K issingerđơn phương phê chuẩn bản Thỏa Hiệp. Trong trường hợp đó, dù ông Thiệu có theo sau, vấn đề viện trợ cũr g sẽ bị giảm bớt nhiều.

Cũng như lần trước, lá thư lại mang tính chất vừa dọa dẫm vừa hứa hẹn. Lần này, Bạch Ốc đã vận động hai nghị sĩ Barry Goldvvater và John Stennis, từ lâu vẫn ủng hộ Việt Nam, công khai dọa cắt viện trợ néu Sài Gòn không chịu đi theo đường lối Nixon. Trong những phiếu trình cho Thiệu, Hưng đã liệt nghị sĩ Golvvater vào hàng ủng hộ Việt Nam hăng hái nhất. Hưng đã nói với ông Thiệu là chính anh đã giúp Warren Nutter cố vấn cho Goldwater về chính sách Hoa Kỳ ở Việt Nam tử cuộc tranh cứ Tổng Thống 1963. Nixon nghĩ rầng mang tên Goldwater trong lá thư gửi Thiệu sẽ làm cho Thiệu hiểu rằng cả những người ủng hộ Việt Nam hăng hái nhất cũng đã quay lưng đi rồi.

Cuối cùng, ông Thiệu chịu nhượng bộ. Ngày 21 tháng giêng, ông gọi đại sứ Bunker và nói: “Tôi đã làm hét mình. Tôi đã làm tất cả những gi có thể làm được cho xứ sở tôi.” Nixon trong tập hồi ký có ca ngợi lòng can đảm của ông : “Mặc dầu hành động của ông ta đã gây nhiều điều khó khăn nhưng tôi phải ngưỡng mộ tinh thần của ông ta.”( 15) Tuy Nixon đã lỡ dịp công bố mở đầu nhiệm kỳ hai của ông vào ngày 20 tháng 1, 1973 bằng hòa bình, nhưng kết liễu cuộc chiến Việt Nam cũng gần kề. ông có thể thu xếp xong chiến tranh Việt Nam và trong nhiệm kỳ hai, chú trọng vào việc bang giao với Trung Cộng, ông có thề xây dựng hòa bình thực sự ở Trung Đông. Ưu tiên chính sách ngoại giao Nixon sẽ đặt trọng tâm vào giai đoạn hai của hội đàm tài giảm vũ khí hạch nhân, hỗ tương giảm quân tại Trung Âu, và chú trọng vào hội nghị An Ninh Âu Châu. Những chia rẽ nội bộ và xích mích về vấn đề Việt Nam sẽ qua đi. Lúc đó, chưa có dấu hiệu gì về vụ Watergate cả.

Ngày 22, tháng giêng, Nixon viết cho Thiệu khen ngợi “Với lòng can đảm và kiên trì, Ngài đã bảo vệ được quyền lợi của dân tộc Việt Nam trong công cuộc theo đuổi mục tiêu duyủrì tụ do và độc lập." Mọi việc đều êm đẹp cả. Nixon cho biết sẽ thông báo cho Quốc Hội biết về lập trường của Việt Nam Cộng hòa và hứa sẽ gửi thư cam kết trên giấy tờ như Thiệu yêu cầu. Nixon tuyên bố Hoa Kỳ sẽ chấp nhận quan điểm của ông Thiệu về việc quân Bắc Việtở lại miền Nam là không hợp pháp. Nixon sẽ lên đài truyền hình ngày 23 khẵng định sự đoàn kết thiết yếu giữa Việt Nam Cộng hòa và Hoa Kỳ, và tuyên bố về việc Ngoại Truởng Việt Nam Cộng hòa Trần Văn Lắm sẽ đích thân tham dụ vào giai đoạn chót của cuộc hòa đàm. Thật ra, ông Lắm châng bao giờ đuợc tham khảo gì cả, ngoại trừ nhũng chi tiết kỹ thuật. Lời rao đó tuy khôi hài, nhung bề ngoài vẫn quan trọng cho việc Nixon tuyên bố có hòa bình trong danh dự. Nixon chỉ thị thêm rằng Kissinger sẽ hội ý tham khảo chặt chẽ với Lắm ỏ Paris.

Trong bằu trời xám ngắt lạnh lẽo và mua sụt sùi của buổi chiều ngày thứ Ba 23 tháng giêng, hồi 12 giờ 45, Kissinger và Lê Đức Thọ phê chuẩn Hiệp Định Paris tại Trung Tâm Hội Nghị Quốc Tế, khách sạn Ma.jectic, đại lộ Kleber. Hai bên giằng co về số trang và so sánh bản văn rồi phê chuẩn vào 36 chỗ trong bản Thỏa Hiệp và phụ bản. Kissinger ký bằng hai chữ Hoa Kỳ nối liền và Lê Đúc Thọ ký vỏn vẹn “Thọ”. Kissinger dùng một số bút mực và tặng cho bộ tham muu của ông mỗi nguời một cái. Thọ đưa bút của mình cho Kissinger “để nhắc Hoa Kỳ về việc thi hành nghiêm chình bản Hiệp Định này” . Cả Kissinger và Lê Đức Thọ đứng ra đọc bài diễn văn có tinh cách hòa giải. Chiến tranh đã chính thức chấm dứt. Trong lần họp cuối, Lê Đức Thọ có nêu vấn đề Mỹ tái thiết Việt Nam, nhưng Kissinger nhấn mạnh rằng vẩn đề đó còn tùy thuộc vào sự tôn trọng Hiệp Định và phải được Quốc Hội Hoa Kỳ chẩp nhận. Lê Đức Thọ nói với Kissinger là phi cơ Mỹ có thể bay ra Hà Nội để nhận lãnh tù binh.

Ngày ký kết chính thức bản Hiệp Định, 27 tháng Giêng, là lúc cả hai bên tranh thế lợi điểm khi lệnh ngừng bắn có hiệu lực. Không ai tin là có hòa bình thực sự cả, chỉ là ngưng bắn tạm thời và bắt đàu đi vào giai đoạn tranh đầu mới.

Như Kissinger giải thích cho phóng viên Schecter trước lúc ký kết:

“Nếu muốn có một bản thỏa hiệp minh bạch và khít khao thì ta phải chiến đấu thêm một hay hai năm nữa. Ta càn nhẫn nại, khoan ngoan, và rộng lượng. Tất cả những thứ đó không phải là sẵn có”. Một nhân viên trong phái đoàn Bắc Việtở Paris tuyên bố: “Chúng tôi sẽ tôn trọng bản Thỏa Hiệp. Nhưng khác với nàm 1954, lần này chúng tôi sẽ ở lại Miền Nam Việt Nam”.

Đối với những người Việt miền Nam, bốn năm trời chiến đấu từ 1969 đến 1973 châng được đền bù gì cả, nếu căn cứ vào két quả cuối cùng của cuộc thương thuyết này. Bản Hiệp Định Paris, trên căn bản, đã khôn khéo chứa đựng những điều khoản giống hệt bản đề nghị của Bắc Việttừ tháng 5, 1969. (Xem phụ bản B để so sánh chi tiết.) Thế nhưng, quan điểm của Tòa Bạch Ôc được quảng bá ra là cuộc thương thuyết trường kỳ này đã làm cho Việt Nam Cộng hòa vững mạnh hơn. Thiệu có đủ thời giờ để huy động sự ủng hộ của dân chúng miền Nam và củng cố địa vị của mình, không có áp lực của Hoa Kỳ. về mặt quân sự, Việt Nam Cộng hòa chiếm lợi điểm. Tình báo Mỹ báo cáo rằng khi ngừng chiến, “Cộng sản không là một đe dọa lớn cho Việt Nam Cộng hòa và không ở vị thế chiếm nhiều đất đai. Đó là điểm rất đáng chú ý trước và sau khi ngưng chiến.”

Đa số người Việt lại cho rằng ngừng chiến chì có nghĩa là bước sang giai đoạn mới của cuộc chiến tranh khủng bố và xâm nhập chính trị. Đối với ông Thiệu và chính phủ Việt Nam Cộng hòa, bản thỏa hiệp thực sự không phải là việc ký kết với Cộng sản nhưng chính là những cam kết riêng của Nixon đối với Việt Nam Cộng hòa.

Khác với lần chấm dứt chiến tranh Triều Tiên, khi Hoa Kỳ còn để lại 60,000 quân đóng tại vùng Phi Quân sự, ở đây, Việt Nam phải trông cậy vào chính mình. Những cuộc tiếp liêu 0 ạt của Mỹ cho Sài Gòn trong chương trình Enhance và Enhance Plus chì là phô diễn có mục đích chính trị, chứ không có ảnh hưởng quân sự thực sự, vì phần lớn đều là quân dụng cũ và cần được thay thế. Những quân dụng đó được chuyển giao để sau này được đổi mới mà không vi phạm thỏa hiệp ngưng chiến. Tuy thế, hành động này cũng làm dân chúng có cảm tưởng là Việt Nam Cộng hòa không cần viện trợ thêm nữa.

Ông Thiệu nhận thấy vấn đề đó như một khuyến khích để ký bản Hiệp Định, Kissinger nci với đại sứ Việt Nam Cộng hòa ở Paris: “Chúng tôi đã viện trợ cho các ông cả tỷ đô la vũ khí. Một là các ông ký, hai là chúng tôi phải cắt viện trợ.” Ông Thiệu cho rằng chương trình Enhance và Enhance Plus   
chỉ làm cho Việt Nam Cộng hòa lệ thuộc thêm vào Hoa Kỳ bởi vì phần lớn các quân dụng chuyển giao phải cần yểm trợ bảo trì mới sử dụng được. Thí dụ như phi cơ F-5A và C123 cũ kỹ và bất khiển dụng. Để nó đấy để sau này được thay thé “một-đổi-một” sau khi ngưng chiến. Nếu Hoa Kỳ không tiếp tục yểm trợ cơ phận và ngân sách bảo trì thì chương trình Enhance và Enhance Plus không hơn gì một cử chỉ rỗng tuếch.

Tướng John E. Murray, đứng đầu cơ quan DAO (Cơ Quan Tùy Viên Quốc Phòng) coi hai chương trình trên như một sự “trá hình”. Tất cả quân dụng chuyển giao đáng giá 750 triệu đô la chì là để bù cho quân dụng tổn thất trong vụ tổng tấn công Mùa Xuân 1972, và để tính thêm vào sổ sách cho việc “một-đổi-một” thời hâu chiến.

Murray kể lại: “Ai cũng lầm tưởng về vụ chuyển giao quân dụng cho quân đội Việt Nam Cộng hòa. Thật ra, đó chì là những quân dụng đã hư hỏng hoặc cũ kỹ, lỗi thời. Phần lớn là đò thặng dư, đòi hỏi phải bảo trì quá nhiều”. Trong khi quân dụng chuyển giao tràn ngập hệ thống tiếp liệu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, những quân dụng đó phần lớn là những loại cần có thêm bộ phận này, bộ phận kia, sứa sang lại thì mới đem ra sử dụng được, nhưng các bộ phận cần thiết thì đã xài hét trong trận giặc rồi. Những phụ tùng thiết yếu đều mất mát, và về sau, những đơn tôi xin tiếp liệu các đồ phụ tùng cho Việt Nam Cộng hòa đều bị Ngũ Giác Đài từ chối. Quân đội Việt Nam Cộng hòa phải khư khư ôm lấy những quân dụng bất khiển dụng ăy như của nợ.

Trong những lá thư gửi Thiệu và những cố vấn thân cận của ông. Nixon nhấn mạnh về điểm Hiệp Định Paris sẽ được cả Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa cùng chấp hành. Đó mới là bản Hiệp Định Paris thực sự. Trong thâm tâm, ông Thiệu cho rằng, Hoa Kỳ đã cam kết bảo đảm cho hòa bình tại Việt Nam rrột cách hết sức vững vàng (\*)

Thế nhưng, bề ngoài, Kissinger tiếp tục nhấn mạnh vấn đề là phải thiết lập một bộ phận kiểm soát quốc tế để lo việc thi hành nghiêm chình Hiệp Định Paris. Ông lại còn vận động để có một hội nghị gồm mười hai quốc gia triệu tập ở Paris sau khi ngưng chiến, để “bảo đảm việc chấm dứt chiến tranh và duy trì hoà binh ở Việt Nam”. Hội nghị kết thúc ngày 2, tháng ba, 1973 bằng một văn kiện cỏ chữ ký của tất cả các quốc gia tham dự kể cả Nga Xô, Trung Cộng, Pháp, Anh và Hoa Kỳ .

Tất cả những trò đó chì là đóng kịch. Thực ra, cả Hoa Kỳ lẫn Việt Nam Cộng hòa đều biết rằng cả ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát Đình ('hiến lẫn Hội Nghị Quốc Tế Giám Sát Đình Chiến đều sẽ chảng làm được gì để duy trì hoà bình cả. Trên thực té, chỉ có Hoa Kỳ mới làm được việc đó thôi. Trong lá thu gởi Thiệu ngày 14, tháng 11, 1972, Nixon xác nhận : Dù sao đi nữa thì ta cũng phải nhận rằng vấn để giám sát không quan trọng bằng sự nhất quyết của chúng ta thi hành bản thỏa hiệp cho kỳ được, và nhất là cảnh giác của chúng ta về những vi phạm.”

Bên phía Hoa Kỳ, từ Nixon xuống Kisíinger, đại sứ Bunker và các giới chức, ai nấy đều cam két với phía Việt Nam rằng “điều quan trọng không phải là những gì chúng tôi đã ký két, nhưng là phản ứng của chúng tôi néu Bắc Việttái gây hấn ở miền Nam.” Thiệu tin Hoa Kỳ đã tự lĩnh nhận trọng trách và ký riêng với Việt Nam Cộng hòa một mật ước, theo đó chính Hoa Kỳ sẽ làm giám sát viên cuối cùng của cuộc đình chiến nầy vậy.”

# CHUƠNG X - SAN CLEMENTE VÀ VVATERGATE

Phó Tổng Thống Agnew tới viếng Sài Gòn ngay sau khi ký kết Hiệp Định Paris như Nixon đã hứa, nhưng ông ta chì cam kết một phần những lời hứa hẹn của Nixon mà thôi. Nhắc lại rằng trong lá thư gửi Thiệu ngày 17, tháng Giêng 1973, Nixon nói sẽ gởi Phó Tổng thống Agnew sang Sài Gòn để công khai hóa những cam két của Hoa Kỳ, gồm ba điều. Một là Hoa Kỳ công nhận chính phủ Việt Nam Cộng hòa là chính phủ duy nhất hợp pháp tại Miền Nam Việt Nam. Hai, Hoa Kỳ không chấp nhận bất cứ một quân đội ngoại quốc nào ở lại Miền Nam Việt Nam; và điều ba, quan trọng hơn hết, Hoa Kỳ sẽ phản ứng mãnh liệt nếu có vi phạm đình chiến. Ngoài ra, Hoa Kỳ sẽ tiếp tục viện trợ quân sự và kinh tế cho Việt Nam Cộng hòa.

Khi đếr phi trường Tân Sơn Nhất, ngày 30 tháng giêng, 1973, Agnew nhắc lại việc Hoa Kỳ tiếp tục ủng hộ Việt Nam Cộng hòa, nhưng đã cẩn thận tránh nói đến phản ứng của Hoa Kỳ một khi Bắc Việt tiếp tục gây hấn. Agnew ba hoa về những cam kết tổng quát của Hoa Kỳ và hết lòng tàn dương Thiệu; nhưng cả ngoài công khai lẫn trong những buổi họp riêng đã không đả động đến mói quan tâm hay phản ứng của Hoa Kỳ đối với việc tái gây hấn của Bắc Việt. Agnew chì nói đến những điểm đã được Kissinger và bộ tham mưu soạn sẵn để trành tuyên bố công khai về việc tái dội bom trong trường hợp Bấc Việt vi phạm đình chiến.

Trên thực tế, chì trong một tuần lễ sau ngày đình chiến, Bắc Việtđã trắng trợn vi phạm bằng cách đưa quân và tiếp liệu vào miền Nam qua đường mòn Hồ Chí Minh. Không ảnh và điện tín khẩn của Đệ Thất Không Đoàn của Tướng John Vogt đã tới tấp gởi về Washington từ căn cứ Nakorn Phanom Thái Lan.

Thiệu kể lại : “Khi Agnew tới, ông ta chì nói đến hai điều cam ké; đầu và không đả động đến điều ba là điều quan trọng nhất. Tôi đã bắt đầu nghi ngờ Hoa Kỳ từ lúc đó.” Thiệu muốn gặpNixon ngay đễ buộc ông này phải công bố nhũng bảo đảm của   
Hoa Kỳ như đã hứa trong những bức riật thư gởi cho ông. Thiệu biết phải tìm cách huy động sự ủng hộ của Hoa Kỳ sau khi bản Hiệp Định đã được ký kết. John Negroponte, cố vấn của Kissinger về vấn đề Việt Nam, tháp tùng Agnew qua Sài Gòn. Trong một buổi họp, Negroponte kéo Nhã ra ngoài nói nhỏ : “Tôi lấy làm tiếc vì những điều xẩy ra mấy tháng trước đây. Chúng tôi biết không thể gây áp lực với các ông được, và bây giờ phải làm tất cả những gì có thể làm được để giữ lời hứa.”

♦

Tiếp tục công việc chống đối với phong tr ìo phản chiến Mỹ, Hưng viết một phiếu trinh dài gởi Tổng thống Thiệu, nêu lên tầm quan trọng của việc phải gây thiện cảm với dư luận và báo chí Hoa Kỳ, sau khi Hoa Kỳ đã rút hết quân ra khỏi miền Nam. Anh cũng báo động cho Thiệu biet rằng sự ủng hộ Việt Nam Cộng hòa ở Hoa Kỳ đang nhạt dần nhất là khi tù binh Mỹ được thả. Hưng đề nghị lập một phòng thông tin ở Washington để trình bày quan điểm của Việt Nam Cộng hòa. Anh cũng giải thích rằng, phần đông người Hoa Kỳ coi Mặt Trận Giải Phóng và Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời của Việt Cộng như là một phong trào thuần túy miền Nam, chứ không phải bù nhìn của Hà Nội. Đa số người Hoa Kỳ coi chiến tranh Việt Nam là một cuộc nội chiến chứ không phải là cuộc xâm lăng từ ngoài vào. Do đó, họ cho giải pháp liên hiệp là giải pháp công bằng nhất để giải quyết những dị biệt của đôi bên. Hưng lý luận : “Nếu đảng Cộng Hòa và Dân Chủ ở Mỹ liên hiệp với nhau về một vấn đề chia rẽ nội bộ thì là một điều tốt, dân chúng Hoa Kỳ không hiểu rằng ở Việt Nam , liên hiệp với cs là một bản án tử hình”. Hưng cũng nhắc Thiệu rằng Hồ Chí Minh tuy đã chết từ năm 1969, vẫn còn được nhiều người Mỹ coi như một lãnh tụ quốc gia sau thời hậu chiến, chứ không phải là một lãnh tụ cs với âm mưu thôn tính Đông Dương . Quan điểm của Mỹ là muốn thấy Việt Nam trở thành một quốc gia theo kiểu Yugoslavia, vá Hồ được ví như Thống Chế Titô của Nam Tư, một lãnh tụ cs có tinh thần độc lập. Ngay sau khi Hồ chết, người ta vẫn cho rằng Bắc Việtsẽ giữ được thế quân bình giữa Nga Xô và Trung Cộng.

Hưng cũng nhắc cho Thiệu nhớ rằng: “Ở Hoa Kỳ, công luận là quyền hành của nhân dân. Công luận có thể làm thay đổi chính sách quốc gia. Ta không thể để dư luận hiểu lầm mãi về vấn đề Việt Nam. Nếu để vậy, kể là mất hết”.

Thiệu đòng ý cho Hưng lựa chọn nhân viên và địa điểm để thành lập một Phòng Thông Tin của Việt Nam Cộng hòa tại Washington và điều hành cơ quan này với hàng Phó Đại Sứ. Hưng tiến hành chương trình đã định như thuyết trình và tranh luận với giới đại học và báo chí, đưa ra những lập luận bác bỏ những phê bình không có lợi cho Việt Nam Cộng hòa. Văn phòng này đặt ở Roslyn, Virginia, trông ra phía sông Potomac và Đài Kỷ Niệm Lyncoln.

Ưu tiên số một của Hưng lúc bấy giờ là thách thức nhóm phản chiến đang rêu rao rằng chiến tranh Việt Nam là một cuộc nội chiến và Mặt Trận Giải Phóng là phong trào thuần túy Việt Nam và độc lập đối với Bắc Việt. Một tháng sau khi kỷ Hiệp Định, Hưng hay tin ông Thiệu sắp sang Hoa Kỳ đê gặp Nixon, và Hưng có dịp gặp ông ta.

Phần thưởng thực sự của Thiệu khi bằng lòng ký bản Hiệp Định là lời hứa của Nixon mời Thiệu sang San Clemente đề có dịp công khai công nhận sự hợp tâc và cam kết của Hoa Kỳ đối với Việt Nam Cộng hòa. Lời hứa đã lâu nhưng Thiệu chính thức được mời vào ngày 3 tháng 4. Thiệu ra chỉ thị cho Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng hòa phải coi chuyến công du này thật quan trọng. Thiệu cử một phái đoàn tiền phong sang XVashington đê hoạch định chương trình cho ông ở San Clemen:e và thủ đô \Vashington. Hàng Không Việt Nam phải thuê một chiếc máy bay Boeing 707 của Pan American, sơn cờ Việt Nam, đê tăng gia uy tín và chủ quyền quốc gia.

Hưng thắc mắc tại sao ông Thiệu lại đi gặp Nixon ở San Clemente thay vì Washington. Quốc khách phải đến thủ đô, nhưng Thiêu sau khi lưỡng lự đã cho rằng việc gặp được Nixon mới là chính yếu. Khi Đại sứ Bunker đến gặp Thiệu với đề nghị coi San Clemente là nơi thăm viếng chính thức, Thiệu lúc đầu từ chối. Là nguyên thủ quốc gia, ông ta muốn thăm viếng Hoa Kỳ với đầy đủ nghi lễ quốc khách, chứ không muốn chỉ coi đây là một hội nghị thượng đính hay cuộc thăm viếng có tính cách riêng tư.

Nghi lễ quốc khách rất phức tạp. Tiện nghi ở San Clemente không cách gì bằng thủ đô được. Thiệu sẽ không được đón tiếp trọng thể như ở Washington. Tuy nhiên, Đại sứ Phượng cũng điều đình để Tổng Thống Thiệu được đón tiếp như một vị quốc khách ở San Clemente. Một hàng dàn danh dự Thủy Quân Lục Chiến đón chào khi Thiệu tới. Bữa tiệc do Nixon khoản đãi ở tư dinh Casa Paciíìca được coi là quốc tiệc, mặc dầu chỉ vẻn vẹn có mười hai người tham dự. Lý do đưa ra là “không đủ chỗ ngồi”. Phái đoàn Việt Nam muốn khoản đã lại một bữa tiệc ở khách sạn Century Plaza tại Los Angeles nhưng bị từ chối vì lý do an ninh. Thực ra, Kissinger có viết trong hòi ký của ông là trên thực tế, họ sợ biểu tình và “không đủ sổ người dự tiệc”.

Khi ngày thăm viếng gần kề, vụ Watergate vỡ lở lớn hơn. Washington tăng gia bối rối vì phát giác có nhiều nhân vật cao cấp trong chính quyền nhúng tay vào việc che chở cho vụ ăn cắp tài liệu của Hội Đòng Trung Ương Đảng Dân Chủ ở khách sạn Watergate. Ngày 29 tháng ba, Nixon buộc phải bãi bỏ đặc quyền hành pháp cho vụ điều tra này.

Tối hôm đó, Nixon lên đài truyền hình ngỏ lời đón mừng toán tù binh Mỹ cuối cùng được thả về. Đây là lần đầu tiên sau mười hai năm không còn bóng dáng người lính Mỹ trên giải đất Việt Nam. vấn đề hơn hai ngàn người Mỹ mất tích ở Đông Dương vẫn chưa giải quyét xong. Cùng dịp đó, Nixon khuyến cáo   
Bắc Việtvề những vụ vi phạm, nhưng tuyệt nhiên không đả động đến việc trả đũa.

Ngày hôm sau, trước khi Nixon rời Washington đi San Clemente, phát ngôn viên Ziegler công bố danh sách những nhân vật tòa Bạch Ốc sẵn sàng cộng tàc trong vụ điều tra Watergate nếu được gọi tới.

Chuyến công du của Thiệu có thể được ví như một đoạn phim ngừng lại giây lát trước khi những biến cố chính xẩy ra. Những xúc động vì cuộc chiến tranh Việt Nam chưa dịu xuống hân lại trổi dậy mạnh mẽ hơn vì vụ Watergate. Chuyến viếng thăm của Thiệu chì làm Nixon bối rối thêm. Trong cuốn hồi ký, Nixon chì ghi cuộc thăm viếng này vẻn vẹn có tám dòng, ghi nhận mối quan tâm của Thiệu về nhưng vi phạm trắng trợn của Cộng sản. Ông viết : “Tôi chia sẻ hoàn toàn với ông Thiệu về mối lo ngại đó, và tôi cam đoan với ông là chúng ta sẽ không tha thứ mọi hành động đe dọa Việt Nam Cộng hòa, ông ta ngỏ ỳ biết ơn, và tôi biết là ông te. lo ngại vụ Watergate sẽ không cho tôi hành động đắc lực ở ngoại quốc nữa.”

Lễ đón tiếp Thiệu được diễn ra ở trong khu vực biệt lập của Tư dinh Casa Paciíìca. An ninh được bảo đảm chu toàn vì tư d:nh của Nixon cách xa lộ chính và chì có một ngã đi vào đã được canh phòng cẩn mật.

Hai giô đòng hò sau khi Thiệu đến San Clemente, Ziegler và Haldeman nói với Nhã là sẽ không có bản tuyên cáo chung giữa Thiêu và Nixon. Nhã nói lại cho Thiệu biết, ông nổi giận. “Họ đối xử với đòng minh như vậy hả ? Nói với họ raoi sẵn sàng trở về Sài Gòn, và chuẩn bị phi cơ đi.” Kissinger được thông báo về vụ đổ bể này và quả quyết với Nhã đó chì là sự hiểu lầm. Sẽ có bản tuyên cáo chung.

Ngay buổi chiều hôm Thiệu tới, Nixon mở buổi tiếp tân quanh hồ bơi tại tư dinh. Khi khách tới đông đủ, Kissinger nhìn thấy Nhã, kéo Nhã ra một bên để nói chuyên. Sau lời chào hỏi, nụ cười của Kissinger biến mất trên môi, nhìn thẳng vào mắt Nhã và nói: “Quá khứ đã ở sau lưng chúng ta. Tôi thấy rằng trong việc điều đình với Bắc Việt, tôi đi quá nhanh, và đó là một sự nhàm lẫn.” Nhã ngạc nhiên vì lời nói mềm dẻo của Kissinger sau nhiều lần gặp gỡ gay go ở Sài Gòn. Nhã trả lời: “Tôi có thể có một số tiền lớn lao nếu tôi tiết lộ cho báo chí biết rằng Kissinger đã làm lỗi lầm hòi tháng mười năm ngoái.” Kissinger cười lớn: “Tôi biết là ông sẽ không làm như vậy.”

Kissinger có vẻ đã thay đổi ; tất cả những vẻ ác cảm, phẫn nộ trong những lần họp ở Sài Gòn hồi tháng mười năm ngoái hình như đã biến mất. Ông Thiêu đã chịu ký vào bản Hiệp Định, và bây giờ, Kissinger chì muốn buổi họp giữa Nixon và Thiệu được êm đẹp.

Trong buổi tiếp tân, Thiệu và Ngoại Trưởng William Rogers đang trò chuyện thì Kíssinger đến. Rcgers nói đùa : “Bây giờ thì bản Hiệp Định đã ký rồi, anh Henry có thể lại hôn một người đàn bà nổi tiếng nữa ở Paris bà Bình đó.” Rogers muốn nói đến Nguyễn Thi Bình, người đàn bà ngoại trưởng ương ngạnh của Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Việt Cộng. Kissinger biến sắc mặt, lẵng lặng quay đi.

Trong bữa cơm chiều, ông Thiệu cố nhá miếng bít-tết dầy cộm khó tiêu, nhưng cũng cố ăn hết để khỏi phụ lòng chủ nhân, về sau này, Thiệu nghe được chuyện Nixon bị báo chí chì trích vì đãi Thiệu bít-tét trong khi giá thịt bò leo thang. Thiệu phàn nàn riêng với những người thân cận về bữa ăn, và nói rằng ông ta muốn ăn cá ciứ đâu muốn ăn thịt mà rồi còn bị chì trích. Tuy nhiên, phái đoàn tiên phong của Sài Gòn đã không được hỏi ý kiến trước về thực đơn trong bữa tiệc, về sau có câu chuyên khôi hài đen về bữa ăn này là Nixon vừa mới ra lệnh không cho lên giá thịt thì lại bắt Thiệu ăn một bữa cơm thịt đắt tiền mà không đếm xìa gì đến khẩu vị của ông này cả. Một lần nữachứng tỏ người Hoa Kỳ muốn làm gì thì cứ làm. Đây là câu chuyện nhỏ nhặt nhưng cũng làm cho Thiệu phiền lòng không ít.

Trong những buổi họp riêng, Nixon nhắc lại những lời cam kết trong thư, và hứa hẹn về phản ứng của Hoa Kỳ một khi bản Hiệp Định bị vi phạm. Ông cựu đại sứ Bùi Diễm, người có mặt ở San Clemente, có nhớ lại lời nói của Nixon hòi đó. Bản tuyên cáo chung sau lần họp này nhấn mạnh đến viện trợ của Hoa Kỳ và phát triển kinh tế của Việt Nam Cộng hòa và chì nói là sẽ “phản ứng mạnh mẽ” chống vi phạm đình chiến. Chữ phản ứng(reaction) có thể hiểu là phản ứng ngoại giao, bằng lời nói v.v... Nixon đã không nhắc đến một cách công khai những lời lẽ đã viết trong hai lá thư ngày 14 tháng một, 1972 và ngày 5, tháng giêng, 1973, cam ket Hoa Kỳ sẽ “mang toàn lực trả đũa một cách mau lẹ và ác liệt.”

Thiệu chông hiểu nổi tầm quan trọng của vụ \Vatergate vỉ ông ta cho rằng đó là những vấn đề nhỏ nhoi không thể vì đó mà Nixon tử chức được. Thiệu tuy lo ngại nhưng vẫn tin tưởng. Ông ta kể như sau: “Lẽ dĩ nhiên là ông Nixon có lời cam kết với tôi và có tuyên cáo chung. Nhưng trong những buổi họp, ông ta có vẻ lo ngại và lơ là. Tôi cho là vị Tổng Thống Hoa Kỳ có toàn quyền xử dụng không lực để làm tròn những cam kết của Hoa Kỳ. Đó là điều tổi thiểu tôi yêu càu và là điều dễ làm nhất cho Nixon. Luật “Quyền Lâm Chiến” là cấm dội bom mãi sau này mới có. Nếu nó có trước thi tôi đã nghi ngờ lời hứa hẹn của Nixon. Tôi chì yêu cầu những điều tối thiểu chứ không đòi hói Hoa Kỳ phải dội bom nguyên tứ xuống Hà Nội.”

Điểm đàc biệt của lằn viếng thăm này là buổi tiếp tân của Ronald Reagan, Thống Đốc Caliíornia, ở khách sạn Beverly Wilshire. Ông Thiệu tiếp đãi Reagan nồng hậu khi ông này thăm viếng Sài Gòn. ông Thiệu tặng Reagan một cái ngà voi và nói đuà với Reagan là một ngày nào đó Reagan sẽ lên voi, mặc dầu hồi đó Thiệu không ngờ Reagan có thể lên nắm ghé Tổng Thống Hoa Kỳ. Nixon và Kissinger có vẻ mập mờ và ngượng ngập, còn Reagan thì vòn vã và thẵng thắn. Thiệu nhớ lại: “Tôi cảm thấy ông ta thành thật và có thiện cảm với Việt Nam Cộng hòa.”

Buổi tiệc hôm đó, có mặt hai tài tử Zsa Zsa Gabor và John Wayne. John Waynecócảm tình ngay với Thiệu, và cố làm cho ông này dễ chịu mặc dầu biểu tình phản chiến ở ngay trước cửa khách sạn. John Wayne vừa nói đùa với ông Thiệu vừa lấy tay làm cử chì như người nắm lấy hai tên biểu tình, giơ cao lên và đập đầu vào nhau : “Ông có biết tôi sẽ làm gì không? Tôi sẽ tóm cổ tụ nó và xách đi như ở trong phim xi-nê vậy.”

Sau buổi họp riêng, Thiệu nhắc lại nhữrg lời hứa hẹn của Nixon với những cố vấn thân cận. Ông nhắc lại lời hứa của Nixon và nói: “Họ sẽ bay từ ngả Thái Lan qua và tấn công Cộng sản.”

Mặc dầu những hứa hẹn và bề ngoài có vẻ đoàn két, bản Tuyên Cáo Chung của Nixon và Thiệu vẫn có vẻ bối rối, Nhã hòi tưởng lại : “Chúng tôi phải chiến đấu từng gang tấc cho bản Tuyên Cáo này.” John Holdridge thuộc bộ tham mưu Hội Đòng cố vấn An Ninh và H.R. Haldeman cố gắng thuyết phục Việt Nam Cộng hòa một vài chi tiết về việc viện trợ kinh tế. HọchorằngTổngThống Hoa Kỳ không thể đặt Quốc hội trước những việc đã rồi được. Nhưng bên phía Việt Nam Cộng hòa muốn Nixon phải hứa hẹn trước. Cuối cùng còn vài phút trước khi trinh bầy với sáo chí, phía Hoa Kỳ nhượng bộ.

Đến giờ ông Thiệu khởi hành đi Washington, Nixon đưa tiên ra sân bay trực thăng để ra phi trường. Thiệu nhớ lại hôm đó hòn vía Nixon như đế ở đâu đâu. Trực thăng vừa Cất cánh, Nixon đã quay gót trở lại và vội vã đi vào nhà. Thiệu nhớ lại những lằn trước gặp Nixon ở Sài Gòn nàm 1969 hoặc ở Midvvay, lễ nghi tiễn biệt dài lê thê.

Trên máy bay đi Washington, Thiệu có vẻ hài lòng về cuộc thăm viííng San Clamente ; lộ vẻ vui mừng nhất là khi trưởng ban nghi lễ Henry Cato rót sâm banh và tặng bánh sinh nhật cho Thiệu. Thiệu được Phó Tổng Thống Agnew đón tiếp ở phi trường Andrew. Chì có một nhân viên chính phủ là Tổng trưởng Lao Động Tháp tùng Agnew. Ai cííng tìm cớ thoái thác. Kissinger mô tả buổi thăm viếng của Thiệu   
như sau: Buổi lê chảng có gì đáng hãnh diện cả. Đó là một kinh nghiệm thật sượng sùng.”

Thiệu được mời ngụ tại Blair House. Tòa Đại sứ Việt Nam mở tiếp tân trọng thể ở \Vashington Hilton. Tổng Trướng Tài ("hành Hà Xuân Trừng trình bày những vấn đề kinh tế cho Hưng nghe. Thiệu có mang theo một mớ những bài ng-iiên cứu và mô thức kinh tế để chứng tỏ rằng chính phủ Việt Nam Cộng hòa cũng sẵn sàng tổ chức thiết kế những chương trình kinh tế, cải cách thuế khóa, xuất cảng, lao động v.v... Dự phóng đến 1980 sẽ tiết giảm viện trợ kinh tế Hoa Kỳ xuốrg 100 triệu mỗi năm. Hưng cảm thấy khích lệ vì những chương trình này và tự hổi biết đâu hội nghị San Clemente chẳng mở đằu cho một kỷ nguyên mới. Hưng nóng lòng gặp Thiệu để dò phản ứng về buổi gặp gỡ với Nixon.

Anh gặp Thiệu trong buổi tiếp tân của tòa Đại sứ. Thiệu đón tiếp vòn vã và nói muốn gặp Hưng. Nhưng anh đợi mãi không thấy có điện thoại. Cho đến ngày cuối cùng vẫn không nhận được tin tức gì. Hưng tĩnh dậy lúc nứa đêm, nghĩ rằng có lẽ ông Tổng Thống quá bận không tiếp được mình và hôm sau ông đã phải lên đường trở về nước. Sáng hôm sau, Hưng dậy chạy bộ như thường lệ. Bẩy giờ rưỡi sáng, sau bữa điểm tâm, anh mang con đi gởi trước khi đi làm. Ra tới xe, anh lại quên chìa khóa; lúc chạy vô nhà lấy chìa khóa thì anh nghe thấy tiếng chuông điện thoại reo. Người sĩ quan tùy viên của ôngThiẹu nói: “Tổng thống muốn gặp ông hồi 7g45 tại Blair House.”

Trước cảnh kẹt xe, anh đi gởi con và chạy đến Blair House ngay, may mà đúng giờ hẹn. Anh được dẫn lên lầu hai. Thiệu đang ngồi uống trà ở bên cạnh lò sưởi. Ông ta có vê bình tĩnh và suy tư. Hưng chưa gặp Thiệu ứêngkểtừ khi công cuộc tranh đắu cho bản Hiệp Định Paris bị thất bại. Hai người bàn về ý định của Hoa Kỳ và :ương lai của Việt Nam Cộng hòa trong bầu không khí xúc động. Thiệu cho biết sở dĩ ông chưa chấp thuận ngân qũy cho phòng thông tin ở Washington vì Bộ Thông Tin, Ngoại Giao và Văn Phòng Thủ Tướng đang tranh nhau quyền kiểm soát cơ quan này. Thiệu hay có tính chần chừ mỗi khi gặp phải những tranh chấp trong nội bộ.

Thiệu cảm ơn Hưng về công tác đối ngoại ở \Vashington. Thiệu hỏi Hưng đã nghe bản Tuyên Cáo chưa. Hưng gật đầu. Thiệu lắc đầu suy tư tỏ vẻ không mấy hài lòng về hứa hẹn của Hoa Kỳ trong vấn đề viện trợ kinh tế và quân sự. Thiệu nói: “Đã liến lúc phải Vietnamization (Việt Nam hóa) cả về kinh tế nữa.”

Hưng hỏi: “Tương lai của chúng ta sẽ ra sao?”

Thiệu đáp: “Tình thế khó khăn nhưng cũng chưa hẵn là tuyệt vọng. Anh có thể làm gì giúp được không?”

Hưng đáp: “Thưa Tổng Thống, mặt trậư Washington sẽ quan trọng vô cùng cho chúng ta trong những năm sắp tới. Tôi nhận thấy có hai trường hợp : một là, Cộng Sản sẽ buộc ta phải liên hiệp; hai là, chúng sẽ tấn công,lấy cớ là ta vi phạm đình chiến, và lần này thì không có quân đội Hoa Kỳ ở bên cạnh nữa. Dù trong trường hợp nào, thì dư luận Hoa Kỳ cũng quan trọng cho việc chính phủ Hoa Kỳ tiếp tục ủng hộ Việt Nam Cộng hòa, và hiện giờ sự ủng hộ này có vẻ lung lay. Dân chúng Hoa Kỳ rất nhậy cảm về hành động của chính phủ Việt Nam Cộng hòa, nhất là vấn đề tù nhân chính trị và vụ ChuôngCọpở Côn Sơn, hai vấn đề sôi động lúc này. Ta chưa bao giờ giải thích cho đúng cách cả.”

Thiệu giải thích những Chuông Cọp ở Côn Sơn là do Pháp xây lên từ nửa thế kỷ nay để giam những phạm nhân trọng tội. “Khi nào trở về Việt Nam, anh đến xem tận mắt để so sánh với những lời tố cáo của tụi phản chiến ở đây. Côn Sơn không phải chì là nơi giam giữ tụi Cộng sản khủng bố mà còn cả những tù nhân phạm pháp chung thân nữa. Ngoại trử những trường hợp giam riêng, tù nhân có quyền làm đò thủ công nghệ và ban ngày có thể ra khỏi hầm giam.”

Hưng hứa sẽ có ngày đi thăm, nhưng việc tức thời phải làm lúc này là trả lời về vụ tù nhân đối lập chính trị dính líu đến chuồng cọp, đang được thổi phòng lên.

Thiệu phàn nàn về những phong trào phản chiến ở Mỹ đã lầm lẫn những tên Cộng Sản khủng bố phá hoại với tù nhân chính trị. “Ta không bỏ tù những người chống đối chính phủ. Nhưng anh biết là minh phải giam bọn tình nghi Việt Cộng. Chúng ta ở trong thời chiến. Ta không thể để bọn khủng bố chạy rông được. Chúng là tù nhân chiến tranh.”

Hưng hi!u vấn đề nhưng khó mà cãi với báo chí và bọn sinh viên ỗ Đại Học được. Hưng đã nói chuyện với viên chức chính phủ Việt Nam về chương trình Phượng Hoàng có mục đích tiêu diệt hạ tầng Cộng Sản ở địa phương. Nhưng đôi khi cán bộ địa phương đã quá tay và nhiều người vô tội đã bị giết hoặc bị cầm tù.

Bắc Việt đã nêu vấn đề tù nhân chính trị một cách hữu hiệu trong chiến dịch tuyên truyền của họ để phá ngầm chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Tháng chạp, 1971, tờ Viemam Courier phát hành ở Hà Nội, quả quyết rằng hơn 200,000 người miền Nam ái quốc đã bị chết dần trong khám. Sau khi ký Hiệp Định Paris năm 1973, Nguyễn Khắc Viên, chủ bút tờ báo này, đã tuyên bố trong một cuộc phỏng vấn là đã có 300,000 tù nhân chính trị ở miền Nam. Ớ   
Sài Gòn, cha Chân Tín, “người tu sĩ Công Giáo theo phe tả, hoạt động trong địa bàn từ chống đối công khai đến cách mạng ngấm ngầm” quả quyết là có 202,000 tù nhân chính trị. Arnold R. Isaacs, người luôn luôn chì trích chính phủ Thiệu nặng nề cho rằng, “con số 200,000 chưa bao giờ được kiểm tra bằng những cuộc điều tra đứng đắn, nhưng đã đưọ c Hội Ân Xá Quốc Tế và các nhóm nhân quyền và phẩn chiến ở Hoa Kỳ và Âu Châu nhắc đến luôn.”

Hưng trình bày với Thiệu rằng Bắc Việtđã vô cùng khéo lêo dựng lên một vấn đề như một nguyền rủa cho những giá trị nhân quyền và tự do căn bản của người Mỹ; dân chúng Hoa Kỳ không hiểu rằng Việt cộng không phải là một đảng phái chính trị đối lập, mà chỉ là một công cụ võ trang của Bắc Việt. Tháng Chạp, 1960, Bắc Việtthành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, chúng đã thành công trong việc làm cho mặt trận này có vẻ như là một phong trào thuần túy miền Nam. Phongtràođó có bao gòm luật sư, bác sĩ và giới trí thức chống đối ông Diệm và sau này chống đối ông Thiệu. Một số những ngi ời này chỉ vì ngây thơ nên cho rằng họ là thành phần của một mặt trận dân tộc đoàn kết không Cộng sản, thường gọi là Lực Lượng Thứ Ba ; nhưng trên thực tế, họ hoàn toàn bị chi phối bởi Hà Nội. (Khi Bắc Việtchiếm được miền Nam, Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời thoát thai từ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, bị giải tán trong vòng sáu tháng.)

Hưng nói với ông Thiệu rằng, mặc dù Mặt Trận Giải Phóng là con cờ của Hà Nội ; nhưng ở Hos Kỳ, nó vẫn được coi là một đoàn thể chống đối chính trị hợp pháp. Do đó, khi một tên Việt Cộng bị bắt, dưới con mắt thế giới, hắn là một tù nhân chính trị. Đổi với Việt Nam Cộng hòa, vì hiến pháp đã đặt đảng Cộng Sản ra ngoài pháp luật, tên Việt Cộng đó là một tội phạm. Trên dư luận quổc tế, vấn đề tù nhân chính trị đã được Bắc Việtnêu lên để gán tội cho Thiệu là một tay độc tài áp chế.

Đối với người Việt, Chuông Cọp gợi lại trong kỳ ức những năm sống dưới ché độ thuộc địa. Côn Sơn là nơi ngục tù của kháng chiến quân chống Pháp. Đó là đề tài những bài ca mà má Hưng đã hát hồi 1945 khi Việt Minh lên nắm chính quyền : “Kìa xa xa nơi Côn Đảo ơ hờ ! Sóng nước muôn trùng ...” Câu ca nói tới đoàn tù bị xiềng đem lên tầu ra đáo. Họ nhìn theo những đàn chim bay về cố hương và ước mong được như chúng bay trở về với tự do. Đoàn tù nhán đàn chim mang thông điệp đén nhân dân.

Hưng nhận thấy rằng, trong thời kỳ đình chiến, Bắc Việtsẽ hết sức khai thác vấn đề tù nhân chính trị. Hưng trình bầy với ông Thiệu một kế hoạch để đả phá luận điệu đó qua Phòng Thông Tin của Việt Nam Cộng hòa ở \Vashington. Lúc trước, Thiệu đã đồng ý, nhưng nay ông lại đề nghi Hưng có thể làm việc đó ở Sài Gòn và đòng thời giúp vào việc tái thiết kinh tế ở quê nhà. về Sài Gòn có nghĩa là phải bỏ gia đình ở lại \Vashington và về làm việc một mình. Ngay lúc đó, người sĩ quan tùy viên vào nhắc ông Thiệu về việc ăn điểm tâm với báo chí và chuẩn bị lên đường. Thiệu nói: “Tôi phải lên đường đi Âu Châu ngay, nhưng khi về tới Sài Gòn, tôi se mời anh về để tham khảo ý kiến và bàn luận vấn đề này sau.”

Khi Hưng trở lại chỗ đậu xe, xe vẫn còn đó không bị kêo đi, và cũng không có giấy phạt, mặc dằu xe đậu trái phép. Anh cho đó là một điềm lành. Đây là lằn đầu tiên trong nhiều tháng qua, anh cảm thấy dẽ chịu, vẻ quả quyết của ông Thiệu làm anh lên tinh thần. Thiệu đã không có vẻ tuyệt vọng như anh đoán. Hưng nghĩ thầm : “Nếu ông ta không tuyệt vọng, tại sao minh lại tuyệt vọng.”

Thiêu tiếp các nhà báo và phóng viên ngoại giao ở phòng ăn điểm tâm Blair House. Luật chung là nhà báo có thể viết phỏng theo chứ không được dẫn chứng thảng những lời tuyên bố của ông Thiệu. Đại khái thông điệp của ông Thiệu như sau: Ngày nào quân Bắc Việtở Lào và Cam Bốt tiếp tục vi phạm thỏa ước đình chiến và không chịu triệt thoái, Hoa Kỳ nên tiếp tục dội bom. ông Thiệu mặc bộ đồ xám nhạt, sơ mi trắng, cà vạt lụa sọc, trông có vẻ đúng nghi thức, vẻ mặt bình tĩnh, ông chc biết quân đội Việt Nam Cộng hòa đủ mạnh để chặn đường tiếp vận của chúng từ Bắc vô Nam, Sài Gòn có thể đảm trách công việc còn lại được. Thiệu không đòi hỏi binh sĩ hay không lực Hoa Kỳ phải chiến đấu ở trong lãnh thổ Việt Nam Cộng hòa, nhưng ông hy vọng Hoa Kỳ sẽ dội bom đường tiếp vận ở Lào và Cam Bốt để Cộng Sản không có cơ hội mở cuộc tổng tắn công ở miền Nam Việt Nam. ông Thiệu cho biết, ông có 1 hể chặn Cộng Sản ở trong nước, nhưng không thể cằm chân chúng ở Lào và Cam Bốt nếu không có yểm trợ của không lực Hoa Kỳ. Thiệu đã cẩn thận không gài Nixon vào một hành động nào. Ông cũng cho biết thêm là giữa ông và Tổng Thống Nixon chưa có sự thỏa thuận trong trường hợp nào thì cần đến không trợ Hoa Kỳ.

Ông Thiệu nhấn mạnh vào việc viện trợ kinh tế Hoa Kỳ. Từ con số hơn một tỷ đô la năm 1975, viện trợ sẽ giảm xuống tới 100 triệu vào năm 1980. Ông trình bày chương trình kinh té tự cường của Việt Nam Cộng hòa một cách lạc quan, và cho rằng viện trợ Hoa Kỳ sẽ chấm dứt sau năm 1980.

Nhưng khi cuộc thảo luận đi vào chi tiết của chương trình phát triển kinh tế dài hạn vượt khỏi ngân qũy quốc gia, Thiệu trở nên mập mờ. Rõ ràng là ông ta chưa nhận được cam kết chắc chắn của Nixon hay của Ngân Hàng Quốc Tế.

Cảm tưởng chung mà ông Thiệu muốn gieo vào đằu báo chí là Việt Nam Cộng hòa mạnh hơn Cộng sản, và Cộng sản đã mắc lầy trong cuộc thương thuyết giữa hai phe ở Paris. Ông ta muốn tổ chức bầu cử ở Miền Nam Việt Nam nội trong hai hoậc ba tháng, nhưng Cộng sản từ chối không muốn thảo hiận chi tiết ở Paris. Ông cho biết, với viên trợ kinh tế Mỹ tiếp tục, ông không phải chia quyền với Cộng Sản. Bắc Việtđang ra sức củng cố vị trí ở Lào và Cam Bốt ngay khi Hca Ký rút khỏi Miền Nam Việt Nam.

Đó là một cuộc họp báo gọi là thành công. Thiệu không chịu nhường bước nào. Ông không chịu chia quyền với Chính Piủ Cách Mạng Lâm Thời của Việt Cộng và tìm cách mở rộng cơ sở chính trị cho chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Khi được hỏi về vai trò của Sô Viết và Trung Cộng, ông ta nói Kissinger am hiểu vấn đề này hơn, Thiệu được Kissinger cho biết là cả Sô Viết lẫn Trung Cộng đều không khuyến khích Bắc Việttheo đuổi mục tiêu ở miền Nam và sẽ không tiếp tế vũ khí cho chúng. Thiệu giải thích: “Chúng tôi không có gậy mà cũng không có cà rốt. Hoa Kỳ họa chăng có ảnh hưởng đối với họ.” Dưới nhãn quan của ông, Bắc Việtlà tín đò tôn sùng chủ nghĩa Cộng sản nhắt thế giới hơn cả Nga, hơn cả Tằu, hơn cả Cộng Sản chính tông. Chì có Hoa Kỳ mới có thể duy trì bản Hiệp Định Paris ưià thôi. Hoa Kỳ phải bắt buộc Cộng Sản tôn trọng hiệp định này. Sự tòn tại của Việt Nam Cộng hòa tùy thuộc vào viện trợ kinh tế của Hoa Kỳ và sự dội bom của Hoa Kỳ để ngăn làn sóng xâm lăng của địch.

Điều mà ông Thiệu không nói với báo chí và cũng do lời yêu cầu của Nixon là tuy rằng đã có Hiệp Định đình chiến, Bộ Chì Huy Không Đoàn 7 Hoa Kỳ (ỷ Nakorn Phanom, Thái Lãn vẫn cứ tiếp tục cập nhật hóa những mục tiêu oanh tạc cơ sở tiếp liệu của Bắc Việt. Tướng Tư lệnh John Vogt lại được phép của Bộ Tổng Tham Mưu Liên Quân đi thăm các tướng tư lệnh Vùng của Việt Nam thường xuyên, ông trình là : “Mối lo ngại của tôi là đường mòn HÒ Chí Minh đã được xử dụng với một nhịp độ càng ngày càng gia tăng ... Sau khi Hoa Kỳ chấm dứt hành động chiến tranh ở Lào và chấm dứt dội bom con đường tiếp vận này, hàng trăm xe vận tải chen nhau chạy trên trục này. Tôi đã gởi những không ảnh thám sát và công điện khẩn về Washington, nhưng không nhận đưọc hồi âm. Lý do là ở tại Washington không có ai muốn nghĩ đén chuyện tái oanh tạc cả.”

Tướng John Vogt báo cáo lên theo hệ thống quân giai và cuối cùng ông được Đại sứ Martin cho hay là ông không được phép đi thăm các tư lệnh Vùng của Việt Nam nữa. Tướng Vogt cho biết vào mùa hè 1973, Đại sứ Martin nói với ông : “Tôi không nghĩ rằng sự hiện diện của một vị tướng 4 sao, người phụ trách chiến dịch không tạc của chiến trường này, có lợi cho việc ổn định tình hình tại đây. Do đó, ông chì được trở lại xứ này nếu có lệnh của tôi.” Vogt tiếp tục mời các tướng lãnh Việt Nam sa ng gặp ông ở Tổng hành dinh Thái Lan đễ cập nhật hóa tình hình và trấn an phía Việt Nam “là Vogt còn ở đây và ké hoạch dội bom vẫn được tu chình hàng ngày và sẵn sàr g đem ra thi hành khi cằn.” Một trong những người hay được mời đi đến tổng hành dinh của Tướng Vogt là tướng Trưởng. Tất cả những tư lệnh vùng, khi thấy Vogt nó. thế, đều tin tưởng là Mỹ vẫn còn sẵn sàng yềm trợ   
Việt Nam Cộng hòa bằng không lực. Tuy ông Thiệu bắt đàu nhận thấy rằng sự ủng hộ cho Việt Nam Cộng hòa ở Hoa Kỳ đã phai nhạt dàn vì sự chán ngán chiến tranh là hậu quả của Watergate, nhưng trong thâm tâm, ông vẫn tin rằng cho dù dư luận có chống đối đến đâu, một người Tổng thống Hoa Kỳ vẫn có thể tìm cách qua mặt Quốc Hội.

Sau này, Thiệu nói riêng với Hưng là lúc đó ông ta cảm thấy Nixon có thể vượt qua được những khó khăn và và sẽ giữ lời hứa. Hành động của năm vị tổng thống ké tiếp chứng tỏ rằng Hoa Kỳ nói và giữ lời hứa. Ngay sau cuộc đại biểu tình ngày 15, 1969 qui tập cả nứa triệu người để chống chiến tranh mà Nixon vẫn có thể tiến hành việc xâm nhập Cam Bốt hồi tháng tư và tháng năm, 1970. Mặc dầu với bản tu chính Cooper-Church cấm việc xử dụng ngân sách đ'ĩ đem quân chiến đấu Hoa Kỳ vào Cam-bốt, kể cả cố vấn, mà Nixon vẫn tiếp tục dội bom ở đó. Nixon đã cho thả r.iìn ở Hải Phòng mà không sợ làm tan vỡ hội thượng đỉnh với Brezhnev. Lần dội bom vào dịp lễ Giáng Sinh đã bị dư luận quốc tế lên án gắt gao, thế mà Nixon nhất quyết làm cho đến khi Bắc Việtchịu ngồi vào bàn hội nghị.

Phía Việt Nam vẫn cho rằng Nixon là Tổng Tư Lệnh quân đội Hoa Kỳ nên có thể lấy quyết định một khi tình hình quân sự đòi hỏi phải dùng quân đội mặc dù có sự phản đối của quốc hội và nhân dân.

Tuy nh ên, điều nhận thức của Thiệu khác hân với thực tại ở Washington. Một khi tù binh Mỹ đã được phóng thích, Việt Nam không còn ở danh sách ưu tiên của chính sách ngoại giao Hoa Kỳ nữa. Cả nước đều muốn quên cơn ác mộng chiến tranh và hình ảnh Việt Nam mờ nhạt dần. Phụ Tá Thứ Trưởng Ngoại Giao William Sullivan tóm tắt quan điểm của chính quyền Mỹ một cách nửa đùa nứa thật như sau: “Chúng tôi hy vọng rằng Đông Dương sẽ lui vào chỗ của nó trong bóng tối, và nó xứng đáng được như vậy.

San Clemente là trạm dừng chân của ông Thiệu trước khi ông rời khỏi trọng tâm chú ý của Hoa Kỳ. Kissinger thì bận rộn với chương trình “Năm của Âu Chàu” (tức năm 1973) và những ké hoạch mới để đem hòa bình đến cho Trung Đông. Ở nhiệm kỳ hai, Kissinger nhất quyét phục hưng lại thế quân bình giữa các cường quổc. Thế quân bình trước đây đã bị rung chuyển bởi chiến tranh Việt Nam.Trong một làn phỏng vấn của Marvin Kalb đài CBS, ngày 1, tháng hai, 1973. Kissinger đã giải thích chiến lược của nhiệm kỳ hai Nixon như sau:

Bảy giờ đây, chính quyền này không còn áp dụng thế quần bình chiến lược phức tạp như ở thế kỷ thứ J9 nữa, nhưng cố gắng loại bỏ những dấu vết thù nghịch còn dư âm sau trận chiến tranh (ngụ ý Việt Nam) và giải quyết những vấn đ'ê hiện tại. Mặc dầu Hoa Kỳ, Nga Sô, và Trung Quốc là những quốc gia đối nghịch về ý thức hệ, nhưng cùng bị trói buộc bởi một thực tế căn bản. Đó là, không quốc gia nào có thê sống sót sau trận chiến tranh nguyên tử và do đó, vì quyên lợi chung mà chúng ta phải giảm bớt những mối thù nghịch chẳng qua gây ra bởi guồng máy thư lại chứ không phải bởi những lo ngại thực sự của các quốc gia.

Trên đường về, Thiệu ghè qua La Mã để yết kiến Đức Giáo Hoàng. Trong cuộc hội kién, Đức Giáo Hoàng có khuyên ông Thiệu nên tìm cách hòa giải với Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời của Việt Cộng. Thiệu sững sở kinh ngạc. Ông ta tưởng là Đức Giáo Hoàng John sẽ lên án Cộng Sản vì đàn áp Thiên Chúa Giáo ở miền Bắc. VỊ Giảo Hoàng Paul VI trước đây có nói với Nixon là Cộng sản giết hại giáo dân và đàn áp Công Giáo khi họ lên nắm chính quyền ở Bắc Việthòi năm 1954. Trong cuốn hồi ký, Nixon có viết lại về cuộc hội kiến đó như sau: “Với giọng nói đằy xúc cảm, Đức Giáo Hoàng Paul đòng ý là Hoa Kỳ phải ở lại miền Nam Việt Nam để ngàn chặn Cộng sản.”

Vị tân giáo hoàng này lại có tư tưởng tự do hơn, và dường như ít thiện cảm với chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Vị này muốn coi cuộc chiến tranh Việt Nam là một cuộc nội chiến và khuyên Thiệu nên tiếp xúc với Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời. Trước đó, Nguyễn Thị Bình, ngoại trưởng của tổ chức này, cũng đã xin gặp Đức Giáo Hoàng trong chiến dịch vận động ủng hộ. Giờ đây, Thiệu nghĩ, ngay cả đến Giáo Hội cũng ngoảnh mặt đi và rơi vào cạm bẫy tuyên truyền của Cộng sản.

Ông Thiệu về Sài Gòn vào khoảng cuổi tháng tư, 1973 và được đón tiếp linh đình, trọng thể. Thế nhưng, dường như ông đã bắt đằu nao núng. Theo lời nhận xét của một cố vấn ở trong Dinh Độc Lập, thì “ông Thiệu đã là một con người khác, kể từ khi ông đi họp San Clemente về và Watergate bừng nổ.”

# CHƯƠNG XI - HỒI HUƠNG

Vào khoảng giữa tháng Năm, 1973, Hưng được tòa Đại sứ Việt Nam Cộng hòa cho biết Tổng Thống muốn mời anh về Sài Gòn để tham khảo ý kiến. Trên đường về, anh ghé qua Paris để thăm người anh cả là Cha Phong, một học giả của Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Gia Pháp. Cha Phong đã trở thành gia trưởng, kể từ khi ông thân sinh Hưng mất vào năm 1954. Theo truyền thống Việt Nam, mọi người phải tham khảo với người gia trưởng về những quyết định quan trọng như việc học hành, hôn nhân, nghề nghiệp hay buôn bàn.

Cha Phong đưa anh đi dự thánh lễ ban mai để tìm chút nguồn ỈOĨ sáng. Hưng quì gối một giờ trước bàn thờ tại một thánh đường nhỏ ở Ivry-sur-Seine, ngoại ô Paris, trong khi Cha Phong làm lễ bằng tiếng La-Tinh. Anh bàn với cha về ntiững khó khăn mình sẽ gặp nếu quyết định trở về Sài Gòn giúp nước. Gia đình anh sẽ phải ở lại Washington vì Christine, người con gái đầu bị suyễn nặng cần được chăm sóc thuốc men cần thận. Mấy đứa con của anh-còn quá nhỏ, lại còn bị chứng suyễn. Cha Phong khuyên Hưng nên hy sinh những chuyện cá nhân và về Sài Gòn để phục vụ đất nước.

Hưng tuân theo lời khuyên nhủ của người anh cả. Hòi tháng Chín, 1945, khi Cha Phong còn là một sinh viên ở Đại Chủng Viện Hà Nội, vì giỏi nhất lớp, ông đã được cử đứng lên đại diện Công Giáo ủng hộ cuộc Cách Mạng tháng 8 tại nhà thờ Chính Tòa. Tháng 9 năm đó, Hò Chí Minh và nhím viên chính phủ đã đến nhà thờ này để đăng quang nền độc lập vừa mới giành lại của Việt Nam và nghe Cha Phong hùng hồn ca ngợi chánh nghĩa ; cha đã nói lên vai trò của Giáo hội đối với nền độc lập của Việt Nam. Nhìn thảng vào mặt Hồ, Phong nói: “Dân Công giáo chúng tôi sẽ cùng toàn thể nhân dân ủng hộ và theo đuổi cuộc tranh đ ấu chống thực dân.” Vài tháng sau, Cộng Sản thảng tay đàn áp Giáo hội và giải tán chủng viện khiến Cha Phong phải trốn về vùng quê. ông trở về Hà Nội năm 1949 khi Pháp chiếm lại thành phố này. Nàm 1952, ông quyết định sang Pháp để tiếp tục học lấy bằng tiến sĩ.

Hai người tưởng nhớ tới một người anh nữa là Nguyễn Hữu Chĩnh, một người đã ủng hộ phong trào Việt Minh ngay từ đầu. Sau Cách MạngThángTám 1945, Chinh lúc đó là chủ tịch sinh viên của một trường học Công giáo nổi danh, đã hướng dẫn sinh viên biểu tình trước Tòa Giám Mục Thanh Hóa để đòi Giám mục người Bì và những giáo sĩ người Pháp “phải trả lại Giáo Hội Việt Nam cho người Việt Nam”. Chình bị trục xuất khỏi trường, và cha ông thất vọng vô cùng. Năm 1946, Cộng sản tịch thu đất đai của nhà thờ, khởi sự phong trào “cải cách ruộng đất” và bắt giam những nhà lãnh tụ quốc gia. Cái vỏ bên ngoài của phong trào quốc gia đoàn kết chống Pháp bị xé rách tan và Cộng sản nắm trọn chính quyền. Vào năm 1949, Chình cùng người anh họ là Trần Kim Tuyến đi thuyền trốn về Hà Nội, nhưng chảng may chiếc thuyền bị bão đánh gần chìm. Họ chèo lái được vào bờ và gặp ngay một toán tuần tiêu Cộng Sản địa phương ; hai người vội đào lỗ rồi chui trốn xuống bãi cát chì để ló hai lỗ mũi để thở. Gia đình Hưng giúp họ mua một chiếc thuyền khác chèo ra biển và họ được một chiếc tầu Pháp cứu đem về Hà Nội. Ông Tuyến, người bé nhỏ nhưng đầy khả năng với đôi mắt tinh anh đã trở thành người đứng đầu cơ quan tình báo dưới thời Ngô Đình Diệm.

Chình, một giáo sư văn chương Pháp, về dạy tại trường Khải Định và Đồng Khánh Huế, sau đó, vào Sài Gòn năm 1952. Khi ông Diệm lên nắm chính quyền. Chỉnh được bổ làm Đổng Lý Bộ Giáo Dục. Sau đó, ông được bầu vào chức vụ dân biểu và giữ một vai trò quan trọng tại Quốc Hội đầu tiên của Việt Nam Cộng hòa. Tháng Hai, 1963, Tổng Thống Diệm, trong ý hướng muốn trở lại với Pháp và dàn dần lánh xa Mỹ, đã cử ông tham gia phái đoàn Trương Vĩnh Lễ sang Pháp để điều đình “hợp’ tác” kinh tế và văn hóa. Cảc ông đã gặp riêng Tổng Thống De Gaulle, Thủ Tướng Pompidou và Ngoại Trưởng Couve de Murville rất lâu, và đạt nhiều kết quả. Nhưng chuyến đi của ông đã đổ thêm dầu vào lửa bất mãn của Mỹ đối với chính phủ Diệm! Ông phục vụ tại Quốc Hội cho tới năm 1963, khi Tổng thống Diệm bị lật đổ. Sau đó, ông sang Pháp, với sự trợ cấp 100 đô la một tháng của Hưng, học lấy bằng Tiến sĩ Chính Trị học tại Sorbonne năm 1971. Ông về Sài Gòn năm 1972 và được ông Thiệu bổ nhiệm thứ trưởng bộ Giáo Dục.

Về lại Bộ, Chình phàn nàn với một người bạn về nạn tham nhũng lan tràn trong ngành giáo dục. Muốn nhập học một trường trung học công lập, hoặc muốn đi du học thướng phải đút lót tiền bạc. Đi học ngoại quốc không những đã đoạt được bằng cấp trọng dụng mà còn được trắn lính nữa. Chình muốn chống lại nạn tham nhũng đó bảng cách thành lập một hội đồng hàng tháng họp để duyệt xét đơn xin du học. Mỗi đơn xin phải niêm phong và chi được mở trước hội đồng. Sự chấp thuận dựa vào khả năng sinh viên thay vì uy thế giađình hay tiền bạc. Hệ thống đó chạy đều được ba tháng đầu. Một hôm, tổng thư ký bộ Giáo Dục vắng mặt, và Chình vào văn phòng ông này để tìm một hồ sơ cần xem. Thay vì tìm được hồ sơ đó, Chĩnh lại thấy một hồ sơ khác gồm gần một trăm đơn xin du học, tất cả đều được “duyệt xét” thâng bởi ông Tổng Thư Ký, không qua hội đồng. Chình trình lên ông Bộ trưởng và đòi đuổi ông tổng thư ký vì tội tham nhũng. Ông Bộ trưỏ ng cười và nói: “Khi ta có một chỗ ngồit rên ghế, ta nên nhắc chân lên, khoanh chân lại và đừng nhìn xuống dưới, để mặc cho lũ chuột nó chạy.” Chình thất vọng vô cùng. Mùa thu năm 1972, ông qua đời sau một trận cúm trầm trọng. Nhiều người, kể cả gia đình ông đã đặt nghi vấn về cái chết của ông.

Hưng vê Sài Gòn cuối tháng 5, 1973. Thành phố trông có vẻ yên t.'nh khác thường. Phi trường Tân Sơn Nhất không còn rộn rịp máy bay lên xuống yểm trợ cho chiến tranh như những làn trước Hưng về Sài Gòn. Không còn đại bác chớp sáng trong đêm, không khí có vẻ bớt căng thâng và đành cam chịu vì tin đồn Việt Cộng sẽ đặt bộ chì huy ở ngay phi trường Tân Sơn Nhất. Báo chí đăng hình Việt Cộng đang sắp xếp văn phòng ở phi trường và loan tin chúng từ nay có thể lái xe tự do quanh thành phố ! Đó là lần đầu tiên dân chúng Sài Gòn nhìn thấy Việt Cộng kê từ trận tổng tấn công hòi Tết Mậu Thân 1968 Hồi đó Việt Cộng xâm nhập thành phố đem súng AK.-47 bắn bừa bãi, đốt nhà cửa và vận động dân chúng “tổng nổ; dậy”. Sự có mặt của Việt Cộng ở đây khiến bà thân sinh Hưng hỏi anh có phải họ sẽ vào chiếm thành phố khi quân Mỹ đi rồi chăng ?

Bà cụ làm cỗ để mừng Hưng trở về. Bà chọn con gà mập nhất trong số sáu con bà nuôi lấy, đem nấu và luộc tiết gà cho Hưng nhắm nháp. Bà cũng đem ra hai chai rượu Whiskey Haig and Haig của một người Mỹ thuê nhà biếu mà bà đỉ dành mãi : “Bây giờ thì Mỹ cfi rồi, những thứ này không còn nữa.” Cô vợ hờ của người Mỹ thường sang thăm bà và hỏi xem có tin tức gì của chòng cô hay không?

Má Hưng thường nói chuyện gia đình và lấy làm tiếc đã không đế lại nhiều tiền bạc cho con cài ! Cha Hưng mất ở Sài Gòn và cả gia sản của ông, kể cả hàng trăm mẫu ruộng, còn để lại ngoài Bắc. Gia đình bàn đến chuyện Hưng về hẵn Sài Gòn, và gợi ỷ có lẽ Hưng nên thình thoảng về Sài Gòn để chính phủ tham khảo ý kiến hơn là nhận một chức vụ thường xuyên trong chính phủ. Ai sống ở Sài Gòn cũng sợ Việt Cộng pháo kích ban đêm. Mỹ đi rồi và nhiều phòng trà đã đóng cửa gợi lại quang cảnh hòi năm 1954, khi Hưng mới ở Bắc vào Sài Gòn. vẻ yên tĩnh và trang nghiêm của thành phố đã vãn hồi, nhung nỗi lo âu vẫn còn đó !

Hôm sau, Hưng gởi phiếu trình lên ông Thiệu là mình đã về, nhưng ba tuàn sau vẫn không nhận được tin tức gì. Trong khi chờ đợi, Hưng đến gặp Nguyễn Vàn Ngân, phụ tá chính trị của ông Thiệu. Ngân là một người hoạt động chính trị có nhiều mưu mô, giúp Thiệu trong vấn đề liên lạc với quốc hội. Ngoài ra, Ngân còn là động cơ chính của Đảng Dân Chủ, một bộ máy chính trị do Thiệu lập lên với sự ủng hộ của Hoa Kỳ để đương đầu với ý thức hệ Cộng sản. Ngân và Hưng so sánh đảng Dân Chủ này với đảng cằn Lao Nhân V. của Tổng thống Diệm. Hai người đồng ý rằng thông điệp của đảng cần Lao quá trừu tượng và bí ẩn, không được quần chúng thiết tha mấy. Thiệu muốn phát triển một ý thức hệ chính trị, lấy dân chủ làm căn bản, có tác dụng hơn là tuyên truyền của Cộng sản. Đảng Dân Chủ còn là một phương tiện để Thiệu củng cố quyền hành, thế nhưng đảng đó chưa bao giờ phát triển thành một tổ chức sâu rộng, cố sự ủng hộ của đa số quần chúng. Thay vào đó, đảng này ch? có tính cách tượng trưng và một phần nào, đã trở thành một thứ dụng cụ để che chở và vay trả chính trị. Tiền đór g góp vào đảng thường có mục đích trục lợi; một trong những mối lợi to nhất là xin được giấy phép nhập cảng tài trợ bằng ngoại tệ. Mặt khác những chức vụ như tình trưởng, quận trưởng, quản trị viên những hãng công quản, giám đốc quan thuế, quận trưởng Quận Năm cảnh sát ở Chợ Lớn lại thường được dàn xếp qua Văn phòng Thủ Tướng. Khi gặp Ngân, Hưng thấy ông có vẻ hỄ.ng say trong việc chống tham nhũng. Có lần, Hưng nghe thấy Ngân đặt vấn đề với ông Thiệu trên điện thoại về cách thức diệt trừ tham nhũng ở các tình, có vẻ như ông muốn biểu diễn với Hưng. Ngân nói với anh về chỉ thị của Tổng Thống cho quyền ông cách chức những ông quận trưởng và tỉnh trưởng tham nhũng. Ngân thực sự có cách chức vài quận trưởng, nhưng chì loại “hạm nhỏ", còn loại “hạm bự” thì ông khó mà dớ tới được ! Một trong những hành động tham nhũng tai hại nhất là vấn đề “lính ma”, “lính kiểng”. “Lính kiểng” là loại lính trả tiền cho cấp trên để được ở nhà khỏi ra mặt trận. “Lính ma” là loại lính có tên trong sổ lương sau khi họ đã chết hay thuyên chuyển đi nơi khác và tiền lương của họ đã vào túi cấp chì huy.

Trong khi Ngân phàn nàn với Hưng về nỗ lực bị giới hạn của Đảng Dân Chủ trong việc tiểu trừ tham nhũng thì Ngân lại cố gắng thuyết phục anh gia nhậpi đảng này ... Ngân nói: “Ta cần những người hăng say và có đầu óc mới để xây dựng đất nước này”, và thérn rằng ông cần thêm đồng chí đê cùng nhau thuyết phục ông Thiệu thay đổi đường lối lãnh đạo. Việt Nam Cộng hòa đang ở trong tình thế mới vì đình chiến và sự giảm bớt ảnh hưởng của Hoa Kỳ. Chinh phủ không còn có thể nhờ ngươi Mỹ lo dùm mọi chuyện như trước nữa. Trong khi đó theo Nhã, thì an nh cũng đang cố gắng thuyết phục ông Thiệu phải thay n.é Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm và Tổng Tham Mưu trưởng Cao Văn Viên “vì họ bất lực, nhưng ông Thiệu do dự không muốn làm. Cả hai ông đều là Đạ: Tướng và là những phần tử trung thành. Nếu thay họ, Thiêu sợ có thề mất chỗ đứng”. Nhã phàn nàn với Thiệu vì chính phủ bị bao vây bởi “tinh thần quan lại mới” nên không làm được gì cả. Lại nữa, từ bao năm qua, lớp người lãnh đạo cũ đã quả quen thói ỷ lại vào Mỹ, để Mỹ làm hết từ vấn đề dân sự, tới kinh tế, quân sự.

Ngân tin tưởng rằng Đảng Dân Chủ se nắm vai trò quan trọng trong việc xây dựng một lớp cán 3Ộ mới. Ngân giải thích với Hưng “Miền Nam Việt Nam cần một tổ chức chính trị mạnh mẽ để đương đầu với Cộng sản Bắc Việt. Dân Chủ Hoa Kỳ là một khái niệm mù mờ chẳng ai hiểu được cả. Ta phải xây dựng Đảng Dân Chủ đe truyền bá tư tưởng và định ché dân chủ một cách bình dân, mong quần chúng có thể thông hiểu được.”

Thấy Ngân tha thiết, Hưng phát biểu : “Tôi đồng ý với anh. Từ lâu, tôi vẫn nghĩ rằng phải Việt Nam hoa nền dân chủ. Phải trả lại quyền hành cho dân chúng, bằng cách là đẩy mạnh ý tướng “Phép vua thua lệ làng”. Ta có thể xây dựng dân chủ bằng cách đặt nặng việc dân chúng tham gia vào chính trị ở cẩp làng, xã và phải làm cả hai mặt : vừa chống cộng, vừa xây dựng dân chủ ; vì néu chì chống cộng không thôi thì không hữu hiệu : người miền Nam không có kính nghiệm cay đắng về Cộng sản như người Bắc, nên không nhìn thấy hiểm họa Cộng sản như mình chiếu phóng.” Ngân thuyết phục : “Anh là một giáo sư và một lý thuyết gia tõt. Anh nên tham gia”. Hưng cãi lại, mình là một chuyên viên chứ không phải chính trị gia. Nhưng sau nhiều làn thả o luận với Ngân, Hưng ngả theo ý ông. Ngân lỷ luận : “Bây giờ anh đã về Sài Gòn làm việc cho chính phủ thì anh phải là một phần tử của một cơ ché chính trị để có hậu thuẫn và có thể làm việc đắc lực ...”

Hưng cổ liên kết tinh thần dân chủ Hoa Kỳ với văn hóa Việt Nam. Sau nhiều ,năm ở Hoa Kỳ, anh đã hiểu được phần nào guồng máy dân chủ phức tạp. Bây giờ, đến lúc phải phối hợp những điểm tốt của dân chủ với truyền thống Việt Nam. Hưng nói chuyện với Ngân về kinh nghiệm của mình hồi năm 1955 khi còn là một sinh viên. Hồi đó Chình, là anh ruột Hưng đang làm việc cho Tổng thống Diệm. Trong cuộc trưng càu dân ý lựa chọn giữa Ngô Đình Diệm và Cựu Hoàng Bảo Đại, Hưng đã được cử tới khu định cư đồng bào công giáo di cư ở phía Bắc Sài Gòn để cố động bầu phiéu cho Ngô Đình Diệm. Công tác đầu tiên là phải thuyết phục dân chúng tham gia bầu cứ. Hưng đã mượn hai cuốn phim tài liệu về canh nông và đời sống Mỹ ở phòng thông tin Hoa Kỳ để chiếu “làm mồi” cho dân chúng tới xem và vận động họ. Hưng mượn tiền để dành tét của người chị, thuê một cái máy điện để chiếu phim. Dân khu định cư này ở cách Sài Gòn ba mươi dậm về phía Bắc, chưa bao giờ được xem phim có âm thanh cả, vì khu này không có điện. Chiếc máy điện nổ vang rền thắp sáng trưng ba bóng đèn làm sân nhà thờ thêm tưng bừng và cung cấp điên cho chiếc máy phóng thanh cầm tay đã có tác dụng mạnh. Dân làng tụ tập để xem phim trong bầu không khí vui vè, nhộn nhịp, và Hưng cất tiếng : “Trước khi chiếu phim, tôi xin thông báo một việc quan trọng để cả làng cùng rõ : Chúng ta sẽ bầu vị Tổng Thống đỉ thay thế Hoàng Đế Bảo ĐạiDân chúng dường như không hiểu lời nói đó. Một bà già kính cẩn nói với Hưng : “Thưa ông, Tổng Thống là gì vậy ?”

Đối với đám dân này, Bảo Đại vẫn là vị hoàng đế. Họ ngạc nhiên khi nghe Hưng nói đến “Tổng Thổng”, danh tử mới chì người lãnh đạo Việt Nam. Bà già nói tiếp với vẻ ngạc nhiên : “Tôi mà làm sao chọn Hoàng Để được? Ngày xưa chỉ nhìn mặt Ngài, ta đã có thể bị phạt rồi !”

Hưng tiếp tục giải thích rằng dưới chế dộ Ngô Đình Diêm ta có quyền chọn một nhân vật cai trị mới gọi là “Tổng Thống”. Bằng lối giải thích 'giản dị, Hưng cố nói cho dân làng biết phân biệt chế độ cũ và chế độ mói. Ngày xưa, quyền vua là Thiên Mệnh, ở trên trời ban xuống, ngày nay quyền là của nhân dân. Và cứ thế, Hưng đã lái buổi nói chuyên vào việc phân biệt Ngô Đình Diệm không phải với Bảo Đại mà là với Hò Chí Minh. Dân làng cho là nếu bầu cho Ngô Đình Diệm là được ở lại miền Nam và hưởng sự trù phú của “Thế Giới Tự Do” như cuốn phim mô tả : gạo Louisiana, khoai tây Idaho, lợn gà Kansas, trâu bò Texas. Phiếu cụ Diệm mầu đỏ, tượng trưng cho sự may mắn, đã thắng thế rõ ràng ; lá phiếu mầu xanh lá cây của Bảo Đại, tượng trưng cho sự bất hạnh.

Trên đường xây dựng dân chủ, Hưng nghĩ rằng Bắc Việt có lợi điểm hơn. Họ giải thích rằng chủ nghĩa Cộng Sản sẽ loại trừ địa chủ và tư bản để giúp người nghèo : lấy ruộng đắt của người giàu cho người nghèo, ai nghe cũng có thể hiểu được. Hưng nghĩ cách làm sao để chủ nghĩa dân chủ trở nên hấp dẫn hơn đối với người Việt Nam. Làm sao có thể giải thích được rằng quyền hành là từ dưới đi lên, từ sự thỏa thuận của người bị trị trao cho người trị nước ở bên trên ? Anh nghĩ tư tưởng dân chủ Hoa Kỳ có thể cũng phù hợp với truyền thống Việt Nam. Nhưng quan niệm rằng quyền hành là do một “khé ước xã hội” như kiểu Rousseau là một quan niệm xa lạ đối với người Việt. Có lẽ dân chủ hiểu theo nghĩa “binh quyền trước pháp luật” sẽ hấp dẫn hơn. Nó phù hợp với quan niệm “tứ hải giai huynh đệ” của Phật giáo, và quan niệm “mọi người đều là con Chúa” của Công giáo.

Người dân phải thay đổi lối suy nghĩ cũ và áp dụng lối mới : “Trên dưới, không ai có quyền vi phạm luật lệ cả.” Theo truyền thống Việt Nam, người có tiền thường hay có đặc quyền, và có thể mua được luật lệ. Nhiều khi chì nhắc tới tên của một thượng cấp cũng đã có thể gây ảnh hưởng được rồi. Một trong những câu chuyện pha trò ưng ỷ của ông Thiệu trong lúc trà dư tửu hậu với các Tổng bộ trưởng là câu chuyên một mệnh phụ lái xe quá tốc độ bị cảnh sát chận lại; bà ta vội vã nói: phải vô dinh gấp để ăn trưa với Tổng Thống và được thả cho đi. Lẽ dĩ nhiên bà này châng 3ao giờ đến Dinh Độc Lập cả.

Một buổi chiều chủ nhật, ngay khi vừa được bổ nhiệm Tổng Trưởng, Hưng lái xe Toyota riêng của anh để đưa gia đình ra vùng quê chơi. Người cận vệ đi xe Honda theo sau. Khi đến cầu, cảnh sát thấy xe tư nhân, chận lại để thu thuế cầu. Anh đang móc túi trả tiền thì người cận vệ phóng xe tới hỏi cảnh sát : “Anh làm gì đó ?” “Tôi thu thuế cho chính phủ”. Người cận vệ chì vô xe : “Chính phủ đây chứ còn đâu nữa : ổng đó, ổng đó !” Người cảnh sát đứng thâng người chào và làm hiệu để xe đi qua. Nhưng Hưng vẫn cứ nộp thuế và chào lại người cảnh sát. về tới nhà, anh phải khéo léo giải thích cho lính cận vệ biết rằng: “tất cả mọi người đều phải nạp tiền thuế qua cầu : mọi người đều bình đảng trước pháp luật.” Hàng ngàn năm bị Tầu đô hộ, và 80 năm dưới ché độ Tây, đã làm cho người Việt Nam bị đè ép, và bị gài vô những hệ thống đặc ân và đặc quyền.

Nền dân chủ Mỹ nhấn mạnh vào quyền cá nhân, nhưng Hưng nghĩ phải nhấn mạnh cả bổn phận công dân nữa. Quan niệm về bổn phận quân thần phu phụ, phụ tiỉ là căn bản cho giá trị Việt Nam bắt nguòn tử truyền thống Khổng Tử.

Quyền công dàn là một quan niệm xa lạ đối với người Việt Nam. Người Việt ngạc nhiên tại sao người Mỹ quá xúc động trước câu nói của Tổng Thống Kennedy trong ngày lễ nhậm chức : “Đừng hỏi những gì quốc gia làm được cho mình ; phải hỏi mình làm gì được cho quốc gia.” Theo anh, câu nói đó hàm ý đừng hỏi về quyên lợi cá nhân của mình mà phải nghĩ đến bổn phận công dân trước đã. Đó châng qua là tiêu chuẩn thông thường ở Á Đông.

Ngân tân thành ý tưởng của Hưng và hứa cho Hưng một tương lai sáng lạn trong Đảng Dân Chủ. Hoạt động đảng phái chính trị đã bị ngừng trệ từ ngày Ngô Đình Diệm mất đi. Bây giờ, trong giai đoạn đình chiến, miền Nam phải có một ý thức hệ vững chãi hơn để đương đầu với Cộng Sản. Ngân yêu cầu Hưng khai vào phiếu gia nhập Đảng. Ngân cho biết hiện giờ ông Thiệu đang bận và không được vui, nhưng cũng cố gắng dàn xếp buổi lê chấp nhận Hưng gia nhập Đảng Dân Chủ.

Cuối cùng, Ngân đưa Hưng vào văn phòng ông Thiệu. Cờ Đảng nền vàng ngôi sao đỏ, cắm sau bàn giấy đã sẵn sàng cho buổi lê. Thấy Hưng, Thiệu xin lỗi đã không thể gặp anh sớm hơn được. Hưng lấy làm lạ : trước khi hội kiến với Thiệu, anh đã phải ký giấy gia nhập đảng.

Rõ ràng anh đã được tuyển dụng không phải chì là một chuyên viên kỹ thuật mà thôi. Ngân yêu cầu Hưng đứng nghiêm và b;ít đằu trịnh trọng lên tiếng : “Kính thưa ông Chủ tịch, tói xin bắt đàu buổi lỗ tuyên thệ.”

Hưng đứng thẵng người ; Ngân với giọng nói trang nghiêm : “K nh thưa ông Chủ tịch, tôi xin trân trọng giới thiệu đòng chí Nguyễn Tiến Hưng, xin gia nhập Đảng.” Thiệu yêu cầu Hưng tuyên đọc lời thề trung thành với quốc gia và Đảng và triệt để chống Cộng, Hưng chấp nhận. Thiệu nói: “Tôi chính thức chấp nhận đòng chí gia nhập Đảng.”

Ngay sau buổi 1B, ông Thiệu đã nhận bào cáo đầy đủ về tin tức cuối cùng từ Paris. Thiệu tỏ vẻ lo ngại về những khó khăn của đại sứ Việt Nam đối với Kissinger. Bốn tháng sau khi ký hiệp định Paris, Sài Gòn và Washington vẫn còn tranh chấp về những điêu khoản trong bản hiệp định đó.

\*

\* \*

Từ cuối tháng Năm, Việt Nam Cộng hòa đã gặp nhiều khó khăn ở Paris với Kissinger, và tại Dinh Độc Lập, nhiều người đã nhạo báng Kissinger là ông “Tiến sĩ Do Thái” với giọng bài trừ Do Thái, lẩy Kissinger là một mẫu người tiêu biểu.

Ngày 5 tháng Sáu, Thiêu gọi Hưng vào văn phòng đế bàn luận về vai trò của Hưng trong chính phủ. Vê lạc quan của Thiệu khi Hưng gặp ông ở nhà khách “Blair House”, Washington đã biến mắt. Thiệu tỏ vẻ ưu tư, lo ngại khi Hưng trình bày ké hoạch thông tin ở Washington. Thiệu nói: “Hãy xỉp chuyện phòng Thông Tin lại, tôi cần một kinh té gia ngay. Vì anh chưa quen với guồng máy chính trị ở Sài Gòn, tốt hơn hét là tôi cử anh vào chức vụ Phụ tá Đặc trảch về Tái thiết Kinh tế cho tôi.”

Thiệu nói có được nghe Ngân kể lại ý kiến của Hưng về việc xây dựng lại guồng máy chính quyền tại miền Nam.

Hưng cảm thấy tinh thần trách nhiệm nặng nề và nói với Thiệu tuy anh sẵn sàng phục vụ quốc gia, nhưng anh cần vài ngày để bàn chuyện này với gia đình. Khi anh đề cập vấn đề thì gia đình lại khuyên anh đừng về Việt Nam ! Người anh rể nói: “Nếu chú ở Hoa Kỳ, có ngày chú còn cứu được gia đình. Nếu chú ở đây, có ngày gia đình phải cứu chú !” Hưng nghĩ ngợi về quyết định của mình: “Nếu đất nước còn có Cữ hội tồn tại, ta phải làm tất cả những gì có thí? làm được để cứu vãn. Nếu chì có một hay hai năm nữa, thì đây là một cơ hội cuối cùng để phục vụ xứ sở. Dù trường hợp nào đi chăng nữa, thì đây cũng là cơ hội hiếm hoi đ ược trực tiếp phục vụ bên cạnh tổng thống trong việc kiến thiết lại nền kinh tế quốc gia.

Hai ngày sau, Hưng trở lại Dinh Độc Lập bằng lòng nhận việc sau khi trở về Hoa Kỳ để thu xếp g: a đình. Thiệu đòng ý và ký nghị định bổ nhiệm anh.vào chức vụ Phụ Tá về Tái Thiết và Phát Triển.

Thiệu mời Hưng ở lại Dinh dùng cơm buổi tối và tỏ vẻ rất cảm kích về lòng yêu nước và những đóng góp của anh trong mấy năm qua cũng như những kế hoạch phục hồi kinh tế. Anh được xếp vào hàng đại sứ trong chuyến trở về \Vashington và quay về lại Sài Gòn. Vì trong chức vụ mới, lương anh chỉ tương đương với 250 đô-la một tháng, không có cách nào có tiền gởi sang giúp đỡ gia đình được, nên anh sắp xếp để gia đình từ bỏ căn nhà 5 phòng ngủ và rời về ở với vợ chòng người em Hưng là Nguyễn Hữu Tri trong một căn nhà khiêm nhượng tại quận Arlington. Tri đã hăng hái giúp đỡ để anh về giúp nước. Hưng không dám đem người con gái về Sài Gòn, sợ rằng khí hậu ẩm thấp sẽ làm cho bệnh suyễn trầm trọng thêm. Hưng nói với hai trẻ nhỏ rằng cha chúng phải về xứ để phục vụ. Christine lúc đó 6 tuổi và Daniel lên 3 không cách nào hiểu nổi tình cảnh.

Tại tòa đại sứ Việt Nam Cộng hòa, ông Đại sứ mở một cuộc tiếp tân thịnh soạn tiễn đưa Hưng hồi hương. Chiếc xe Mercedes mầu đen có tài xế lái đi thăm viếng Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, Cơ quan Phát triễn Quốc té, và Ngũ Giác Đài trước khi trở về Sài Gòn vào giữa tháng Tám.

Ở Sài Gòn, Hưng được dành một văn phòng trong Dinh Gia Long cạnh Dinh Độc Lập, trước đây là phòng làm việc của ông Ngô Đình Nhu, sau đó là bàn giấy của ông Thiệu lúc ông này làm Chủ tịch Hội đồng Quân nhân hòi 1965. Hưng đã được chọn chỗ cho văn phòng làm vièc và bạn bè anh khuyên nên lấy một phòng nhỏ trong Dinh Độc Lập cạnh Thiêu. Tuy nhiên, anh lại thích lối kiến trúc nghệ thuật cổ xưa của Dinh Gia Long, do người Pháp xây, đồ đạc 1 oàn bằng gỗ mun hay sơn mài và những chiéc bình sứ cổ, nhiều bình còn hằn vết đạn trong cuộc tấn công lật đổ ông Diệm. Chiếc bàn giấy bằng gỗ trắc,trước của viên toàn quyền Pháp, cần đến mười hai người lính mới khiêng nổi.

Thiệu chỉ thị cho Hưng phải phối hợp viện trợ tái thiết và toàn bộ chính sách kinh té và tài chánh. Hưng có nhiệm vụ trình giải pháp lên cho Thiệu. Anh giải thích hoạt động cí a Hội Đòng cố vần kinh té của Tổng Thống Hoa Kỳ. Thiệu chỉ thị thành lập một hội đòng tương tự cho Việt Nam. Ưu tiên thứ nhắt của anh là chống nạn thất nghiệp trầm trọng gây ra bởi sự ra đi của người Mỹ. Gần hai triệu người không có công ăn việc làm, tương đương với 30 phàn trăm của tổng số lao động. Tất cả những người làm việc trực ttép hoặc gián ttép với các cơ sở Hoa Kỳ, nay đã bị sa thải và mất lợi tức. Trong thời kỳ chiến tranh, dân số Sài Gòn đã từ 500,000 tăng lèn bốn triệu. Một khi dân đã định cư ở Sài Gòn, đa sổ không muốn trở về nguyên quản nữa dù bị thất nghiệp. Khi quân đội Hoa Kỳ còn ở Việt Nam, nền kinh tế đã có một mức thịnh vượng quá sức tướng tượng. Chính Hưng đã nhìn thấy những tờ giấy bạc 100 đô-la lằn đằu tiên vào nàm 1971 trên chuyến máy bay từ Mỹ về Sài Gòn, do một hành khách ngồi bên cạnh mang ra đếm. Ở Sài Gòn, giấy 100 đô-la hồi đó đã không hiếm. Người Mỹ dùng nó để cho gái và trả tiền thuê nhà. Hơn nửa triệu người Mỹ, mồi người trung bình tiêu 400 hoặc 500 đô-la một năm cho những dịch vụ hằng ngày của họ. Bỗng trong chốc lát những đồng đô-la đó biến mất. Là một kinh tế gia, Hưng nhìn thấy ảnh hưởng kinh tế trầm trọng của việc này : mỗi đồng đô-la của Mỹ không tiêu nữa, làm lợi tức bị mất mát đi tới hai, ba đồng !

♦

\* \*

Hưng hết sức ủng hộ và thúc đẩy các chương trình canh nông của các bạn đồng nghiệp, nhằm thu hút nhân công mà không phải đầu tư lớn. Khẩu hiệu “Người cằy Có Ruộng” được đẩy mạnh. Tuy nhiên, chương trinh tái thiết vừa khởi sự thì Cộng sản đã bắt đầu hoành hành khắp nơi đề phá hủy. Chúng bắt đầu đặt mìn trên nhừng trục lộ chính và gây rối loạn tại những khu vực vựa gạo của Việt Nam. Để cản trở việc tiếp tế gạo cho Sài Gòn, chúng đặt mìn và bắn sẻ xe vận tải trên quốc lộ 4, với mục đích cô lập Sài Gòn. Giá gạo bắt đầu tăng vọt từ mùa Thu 1973 vì khan hiếm. Chính phủ phải dòn hét nỗ lực đễ tiếp tế gạo cho quân đội và dân chúng đô thị trong thời gian này. Vấn đề gạo trở nên đề tài số một trong các buổi họp nội các, chiếm hét bao nhiêu thời giờ cần thiết cho các vấn đề quan trọng khác !

Hưng được nếm mùi vị “hành chánh” khi định bổ nhiệm một người bạn học thời trung học là Cung Tiến vào bộ tham mưu của anh. Cung Tiến đã du học về ngành kinh tế từ Úc và Anh. Tién cũng là một nhà soạn nhạc và chuyển ngữ nhiều tác phẩm nổi tiếng ngoại quốc sang tiếng Việt. Đề nghi bổ nhiệm bị Văn Phòng Phụ tá An ninh Phủ Tổng Thống khước từ với lý do Tiến là “phần tứ thiên tả”. Hưng phản đối và trinh lên Tổng Thống Thiệu. Thiệu quyét định ngược lại phòng An Ninh. Sau này, Hưng dò hỏi mới biết rằng đề nghị bổ nhiệm bị khước từ vì trong hồ sơ cũ của Tiín có ghi là Tiến đã “dịch sách Nga”. Đó là cuốn “Một Ngày Trong Cuộc Đời của Ivan Denisovich” của Solzhenitsyn mà anh dịch tử tiếng Anh sang tiếng Việt, Quyền truyện mô tả đời sống trong trại cải tạo Xô Viết, nói lèn một cách hùng hòn và cảm động sự thắng thế của tâm hòn con người trước chủ nghĩa Cộng sản ; nhưng phòng An Ninh chỉ biết đó là cuốn sách của người Nga và tác giả hiện sống tại Nga (Solzhenitsyn bị trục xuất khỏi Nga năm 1974). Viên Phụ tá An Ninh, tướng Đặng Văn Quang, nhớ mãi câu chuyện qua mặt của Hưng và bắtđằu bóng gió gọi Hưng là “ông Giáo Sư Hoa Kỳ” trước mật Thiệu, ám chi Hưng là nhân viên CIA. Thật là mìa mai vì Thiệu thừa biết Quang là thông tín viên của CIA nằm vùng trong Dinh Dộc Lập.

Hưng bắt đầu tham dự những buổi họp trong Dinh. Anh nhận ra rằng những vấn đề kinh tế, tuy khẩn cấp, nhưng không ưu tiên bằng vấn đề Bắc Việtvi phạm lệnh ngưng chiến.

Hưng soạn phiếu trình thẫng lên ông Thiệu. Phiếu trình có ba loại ưu tiên : thượng khẩn, khẩn và thường. Nếu thượng khẩn, ông Thiệu sẽ gặp hoặc xét nội trong 24 giờ, khẩn thì vài ba ngày, nếu thường thì trong vòng hai tuần lễ.

Mỗi thứ tư có buổi họp nội càc với Thủ Tướng, thường kéo dài cả ngày. Trong gần hai năm trời, Hưng tham dự hội đồng nội các, anh không thấy có lấy một buổi nào được hoàn toàn dành ra đế bàn định ch ến lược quốc phòng, mặc dầu ông Khiêm kiêm nhiệm cả Thủ Tướng lẫn Tổng trưởng Quóc phòng và có khi thêm câ Nội vụ nữa. Không khí những buổi họp thật lạ lùng. Các Tổng trưởng phải bỏ rất nhiều thì giờ để bàn đến những chuyện hành chánh vụn vặt, thí dụ như việc giải tư của công ty giấy hay quản trị xi-măng Hà Tiên, hay nghiên cứu đơn xin mua đất của Mỹ để xây khách sạn Hyatt và Hilton, hoặc tìm phương cách thu hút du lịch, không có gì tiêu biểu cho cố gắng phác họa một sách lược quốc gia cứu nước cả. Dường như Thủ tướng lẫn Tổng Tham Mưu trưởng quân đội đều đã quen với lối làm việc để cho Mỹ vẽ kế hoạch, rồi thi hành một cách thụ động.

Thiệu thường nói kín đáo đến chuyện thay thế mấy ông này nhưng cảm thấy khó lòng làm được. Thiệu sợ mất điểm tựa và cố giữ những người mà ông biết sẽ không phản ông. Sau này, khi hòi tưởng lại, có lần Hưng hỏi thẳng thì Thiệu nói: “Ở trong quân đội cỏn có vấn đề thâm niên ; ngoài ra còn có vấn đề Nam Bắc, và vắn đề tôn giáo nữa. Tôi đã là người Trung và Công Giáo thì mấy ông kia phải là người Nam và Phật giáo.”

Để cho công việc chạy hơn. Thiệu quyết định chủ tọa hội đồng Tổng trưởng hai tuằn một lần. Hưng trình lên Thiệu những biện pháp kinh tễ và chuẩn bị chương trình cho buổi họp. Vấn đề cấp bách nhất là làm sao duy trì một triệu quân tại ngũ trong một nền kinh tế suy thoái và viện trợ bị cắt giảm rất nhiều. Chính phủ lâm vào một thế lưỡng nan. Quân đội cần quân số đông ma nền kinh tế không đài thọ nổi. Việt Nam Cộng hòa cần gia tăng sản xuất nhanh chóng để đền bù cho nguồn lợi chính yếu mất đi vì Mỹ rút quân và giảm viện trợ. Trong khi đó, những “khoảng da beo” do quân Bắc Việt chiếm đóng đ miền Nam lại làm tăng nhu cầu của quân đội. Những khoảng da beo” này gây áp lực lớn lao trên phương diên kinh tế, vì không có nơi nào trên đất nưóc được hoàn toàn an ninh để tính chuyên trùng tu kinh tế, nhất là vùng châu thổ Cửu Long. Giá như quân đội Bắc Việt dược dồn lại từng khu một thì đã đỡ hơn cho vấn đề an ninh ! Đàng này, hiệp định Paris để chúng được trấn đóng rải rác khắp nơi, Việt Cộng được tự do đi lại, tha hò mà gây rối loạn và phá phách. Bộ Tổng tham mưu nhất quyết duy trì quân số nguyên vẹn trong khi các Bộ Kinh tế, Tài chánh và Kế hoạch tính chuyện giảm quân để gia tăng sản xuất và tiết giảm ngân sách quốc gia. Các bộ cho rằng hậu cần quân đội có thể chiết giảm trước. Quân đội Hoa Kỳ tnường bị chì trích là đã có một cài đuôi dài : cứ một người lính đánh giặc thì có năm người yểm trợ. Quân đội Việt Nam Cộng hòa đã theo hệt công thức đó ; bởi vậy nên phải giảm số quân yểm trợ xuống. Thiệu bị chẹt ở thế đứng giữa. Bô Tổng Tham Mưu phê bình các ông kinh tế, cho rằng các ông này quá ngây thơ. Hưng cố chứng minh rằng giảm một số quân không thực sự cần thiết ở hậu cần là điều bắt buộc trong tình trạng kinh tế hiện nay. Thiệu phải lựa chọn giữa súng và gạo. Trong vòng vài tuần lê, ông lẵng lặng đồng ý cho giải ngũ một trăm ngàn quân thuộc một số đơn vị Địa phương quân và Nghĩa quân. Đây cũng là á bài để ông nói với Kissinger rằng Việt Nam Cộng hòa tuân theo hiệp định và đang giải ngũ, để đòi Bắc Việt cũng “giải ngũ”. Thiệu chỉ thị cho bộ tham mưu nghiên cứu lợi hại giữa tăng gia sản xuất và duy trì an ninh. Làm sao có thể xứ dụng quân đội trong việc tăng gia sản xuất được ? Tướng Đôn được cử sang Do Thái để nghiên cứu về những nông trại võ trang Ki-bút của họ, giống như những ấp chiến lược. Quan niệm này hay nhưng rất khó áp dụng tại Việt Nam. Chiếu theo thỏa ước đình chiến, hơn ba trăm ngàn quân chính quy Bắc Việt, cộng với Cộng sản miền Nam đã ở lại rải rác trên khắp lãnh thổ, bây giờ chúng áp dụng sách lược “chiến tranh trong hòa bình” để làm tê liệt mọi hoạt động của chính phủ Việt Nam Cộng hòa, trong tình thế đó, không thể nào xây dựng được Ki-bút kiểu Do Thái.

Những “khoảng da beo” càng ngày càng lan tràn gấp bội. Lời hứa hẹn sống chết của Mỹ là sẽ phản ứng những vi phạm đình chiến của Bắc Việtchảng thấy có động tĩnh gì cả. Trên thực tế, Cộng Sản tiếp tục tăng cường ở Lào và Cam-Bốt chứ không rút đi 15 ngày sau khi đình chiến như Mỹ nói. Chì vài tuần sau khi ký hiệp định, từng đoàn xe vận tải đã bắt đầu thay dầu mỡ ở Vinh và Thanh Hóa để sửa soạn trực chì hướng Nam.

# CHƯƠNG XII - NHƯỢNG THÊM ĐIỂM CHÓT

Chì một tháng trời sau khi ký kết Hiệp định, những vi phạm của Bắc Việtđã tăng lên gấp bội, kể cả những vụ thiết lập công sự cho hỏa tiễn địa không ở phía Nam vùng Phi Quân Sụ. Bắc Việt tranh thủ thời gian, tiếp tục xâm nhập miền Nam trước mùa mưa. Binh sĩ và quân dụng được chuyên chở vào miền Nam qua ngã Lào, Cam Bốt, và vùng Phi Quân Sự. Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ ước tính vào mùa Thu 1973, quân Bắc Việt ở miền Nam ít nhất cũng mạnh bằng lực lượng của họ trước trận tổng tấn công 1972. Dường như Nixon và Kissinger chưa bằng lòng cho Bắc Việt thôn tính miền Nam ngay lúc đó, để cho uy tín của Mỹ khỏi bị tổn thương, nên họ đã muốn ngăn chận Bắc Việt để đừng đi lẹ quá. Bởi vậy Nixon gởi một loạt khuyến cáo cho Bắc Việt về sự xâm nhập của họ và đe dọa hậu quả “vô cùng trầm trọng” nếu cứ tiếp tục những hành động quân sự ấy ?

Ủy ban Đặc nhiệm Washington (Washington Special Action Group —WSAG) một ủy-ban liên-bộ ở cấp thứ trưởng, họp tại phòng Tình Hình tòa Bạch ốc để nghiên cứu vấn đề này. Uy ban đề nghị dội bom con đường tiếp vận ở Lào ngay khi nhóm tù binh thứ ba được thả về, và có thể dội bom ngay cả vùng Phi Quân Sự để duy trì lệnh ngưng chiến. Theo Kissinger thì ông đã tỉm đủ cách thuyết phục Nixon rằng việc dội bom là cần thiết và “tương lai Hiệp Định Paris tùy thuộc vào hành động tức thời” của Hoa Kỳ. Đại sứ Việt Nam Cộng hòa Trần Kim Phượng được Tướng Haig, lúc đó là Phó Tham Mưu Trưởng Lục quân, mời vào Ngũ Giác Đài hồi tháng Ba để cho ông biết là Hoa Kỳ sẵn sàng tái oanh tạc khi có lệnh. Đại sứ Phượng hỏi: “Khi nào thì có lệnh ?” Tướng Haig cho biết lệnh sẽ được ban hành một ngày rất gần đây. Ông Phượng vội vàng báo cáo về Sài Gòn, nhưng rồi chẳng bao giờ có lệnh này cà.

Tổng Thống Nixon đã bị liên miên àm ảnh về vụ Watergate. Trong hồi ký, ông viết: “Tôi rất muốn nghĩ đến chuyện khác. Hoa Kỳ đang ở tình trạng có thể tái oanh tạc Lào để trả đũa Bắc Việt vi phạm thỏa hiệp đình chiến” . Nhưng Nixon không quyết định dội bom lại. Vụ Watergate đã thay, thế Việt Nam trên trang nhất của báo chí. Tướng Haig cho là : ‘ Nọc độc Watergate bắt nguồn từ những uẩn ức về chiến tranh Việt Nam ”. Nixon hoàn toàn bị cô lập trong vụ này. Kissinger nghĩ lại : “ Ông Nixon lúc đó thay đổi hoàn toàn. Ông ta không chịu giải quyết vấn đề   
Bắc Việt vi phạm một cách nhất quyết : ông chỉ nói mà không làm. Nghĩ lại, ta thấy, vụ Watergate đã bắt đầu nung nấu tử tháng Ba.”

Trong thời gian này, Kissinger đề cử Sven Kramer thuộc bộ tham mưu Hội-đồng An-ninh Quổc-Gia, sang Sài Gòn nghiêr cứu tình hình để xem Hoa Kỳ có nên can thiệp không. Trong buổi họp với Nhã, lúc đó là cố vấn không chính thức cho Thiệu, Kramer bàn đến câu hỏi của Nhã về vấn đề Hoa Kỳ có nhất quyết sẽ đem phi cơ oanh tạc trở lại chiến trường không? Kramer cả quyết rằng có.

Thực té thì khác hẳn. Ngày 17 tháng 4, Kissinger đ'ê nghị với WSAG cứ tiếp tục đặt kế hoạch để đợi đến khi Bắc Việt khiêu khích trắng trợn là đem ra thi hành. Kissinger hòi tưởng lại : “Tôi không biết phải làm thií nào nữa, để thôi thúc Tổng Thống Nixon dội bom trở lại vì tình thế đòi hỏi, trong khi uy tín của ông ta đang giảm dần vì Watergate. Vào khoảng cuối tháng Tư, thì chính sách Hoa Kỳ về Việt Nam đã tan rã.”

Bắc Việt tiếp tục tăng cường lực lượng vào khoảng giữa tháng Tư, đem 35 ngàn quân lính mới đổ vào miền Nam, Lào và Cam-bốt. Tổng số quân chiến đấu và vật dụng của họ hơn cả hòi trước trận tổng tấn công 1972. Nixon không đả động gì đến chuyện tái oanh tạc cả. Kissinger viết trong hồi ký : “Nếu ta quyết định tái oanh tạc thì mục tiêu sẽ là đường mòn Hồ Chí Minh và Vinh. Cuộc oanh tạc sẽ giống như đi săn gà tây vậy, vì các trục lộ đều đầy xe vận tải chở quân dụng vô Nam. Nixon không muốn dội bom vì Bắc Việt còn giữ một số tù binh Mỹ. ông ta muốn dơi cho tù binh được thả hết rồi mới hành động, và thời điếm được định vào khoảng giữa tháng Tư. Sau khi dội bom, Hoa Kỳ sẽ gặp Bắc Việt vào tháng Năm. Chúng tôi muốn tỏ sự quyết tâm duy trì Hiệp định và biểu dương lực lượng để Bắc Việt hiểu. Chúng tôi muốn thật lòng duy trì bản Hiệp Định, nhưng vụ Watergate đã làm cản trở. Lúc John Dear đi trình tòa cũng là lúc chấm dứt kế hoạch dội bom. Uy thế của Nixon bị giảm đến độ ông không còn quyết định được nữa.” Cộng sản   
Bắc Việt đã lượng định tình hình Hoa Kỳ khá chính xàc vì thường có những ông trùm chuyên về Hoa Kỳ của Nga và Đông Âu chì bảo. Bắc Việtchấp nhận đề nghị của Hoa Kỳ là trở lại bàn họp ở Paris ngày 17, tháng Năm. Một lần nữa;

Sài Gòn không được thông báo về kế hoạch này của Kissingei.

\*

♦ ♦

Tử ngày Hoa Kỳ rút hết quân lực khỏi Việt Nam vào tháng Ba, 1973, thài độ chung ở Washington là để mặc cho Sài Gòn tự lực cánh sinh. Phía Việt Nam cũng cảm thắy điều đó : Khi giã từ tướng Weyand,tổng tư lệnh cuối cùng của Hoa Kỳ tại Việt Nam, lúc ông bước lên máy bay trở về nước, tướng Trưởng lòng hoang mang ! Ông ghi nhận với cộng sự viên “Từ trước đến nay, việc triệt thoái quân Hoa Kỳ chì là lý thuyết, bây giờ thì mới thực sự là ta chì còn lại có ta. Từ nay, mình không thể xin không yểm cho những cuộc hành quân được nữa !”

Câu hỏi thường xuyên ở Dinh Độc Lập và của giới chính trị Sài Gòn là : “Nước cờ sắp tới của Mỹ là gì ? Chuyến đi Hà Nội của Kissinger hồi tháng Hai, một tháng sau khi ký hiệp định, đã làm Thiệu băn khoăn. Theo loan báo chính thức thì Kissinger đi để “tìm giải pháp thi hành Hiệp định, đế Bắc Việt rút quân khỏi Lào và Cam-bốt, và thảo luận về vấn đe viện trợ kinh tế để hàn gắn vết thương chiến tranh Việt Nam.” Việt Nam Cộng hòa có thể chấp nhận việc viện trợ kinh tế cho EiV nếu Bắc Việt không xâm nhập miền Nam. . Bây giờ thì Kissinger lại trở lại Paris. Mỗi lần Kissingerđi đâu là chính giới ở Sài Gòn cảm thấy lo lắng đến đó.

Thế rồi bỗng nhiên, Bắc Việt chuyển quân chính quy ồ ạt tấn công cửa biển Sa Huỳnh, gằn vùng Phi Quân Sự. Tin quan trọng này liền được cấp báo tới những cấp lãnh đạo cao nhất của chính phủ Hoa Kỳ. Nhưng vẫn không thấy có phản ứng gì. Cộng sản lại thửa thắng xông lên, chiếm luôn quận Hồng Ngự gần biên giới Cam-bốt hồi tháng Ba. Cả hai biến cố này đều bị cố ý nhận chim.

Tình hình ở miền Nam vào cuối 1973 và đầu 1974 bên ngoài coi bộ như yên tĩnh; nhưng thật ra nó đang che dấu một sự tàng cường sôi bỏng của Bắc Việt trên khắp lãnh thổ. Tại Sài Gòn, dân chúng tạm gác mọi nỗi âu lo, thưởng thức hương vj của hòa bình. Không khí ỏ những quán cà phê trở nên nhộn nhịp. Lệnh giới nghiêm vào lúc nửa đèm chì được thi hành một cách lơ là, và phòng trà dã bắt đầu mở cửa lại. Đôi khi, Hưng cũng cảm thấy thoải mái khi anh ngồi uống bia với bạn bè trong tiệm ăn nổi Mỹ Cảnh ở bờ sông Sài Gòn vào lúc chiều tối, sau một ngày làm việc căng thẳng. Giòng sông lặng lẽ trôi; không còn tiếng đại bác và hỏa châu trong đêm tối nữa. Tiếng nói ồn ào của những người dưới thuyền xen lẫn tiếng chuông rung của những chiếc xe bán đồ rong trên bến ; mùi khô mục nướng, mùi thơm hoa nhài, và mùi nước mía vừa ép, quyện lẫn nhau làm cho không khí thêm mời mọc, hấp dẫn. Nha Du Lịch đã sửa lại khách sạn Majestic, làm thêm một quán cà phê vìa hè quay ra bờ sông, trông hết sức thơ mộng. Giới phong lưu cũng như ái-nữ của các vị đại sứ đang ngả mình trên những võng mây mới mắc, uống chanh soda và nước dừa trong quả dừa tươi, trông như một cảnh ở Hạ-uy-di. Ra-di-ô phóng thanh om xòm, tuòng cải lương và những bài hát bỉnh dân Mỹ lời Việt, thay nhau làm náo động bầu không khí lúc hoàng hôn.

Đài phát thanh Sài Gòn khi giải thích Hiệp định Paris đã nhấn mạnh đến tính cách độc lập của Việt Nam Cộng hòa và đòi Bắc Việt phải tôn trọng vùng Phi Quân Sự. Những thông báo vi phạm đình chiến đều kèm theo nhữuig tin tức qưân đội Việt Nam Cộng hòa đẩy lui Bắc Việt. Ngoài mặt, tất cả đều tốt dẹp. Đài tiếng nói Hoa Kỳ hằng ngày vẫn còn phóng tin “hòa bình trong danh dự”. Không còn đánh nhau ở chung quanh Sài Gòn nữa. Phố xá yên lặng. Hình ảnh những người lính Mỹ ngòi trên xe xích lô máy với tình nhân, nay đã xa vắng.

Một ngày trước khi Kissinger tới Paris, Đại sứ Bunker thông báo cho Tổng Thống Thiệu kế hoạch của Mỹ dự định họp lại với Bắc Việt. Mục đích là đê điều đình việc Bắc Việt thi hành đứng đắn Hiệp định Paris. Thiêu phàn nàn với Bunker rằng Hoa Kỳ đã làm ngược lại lời cam két ở San Clemente : “Trước đây các ông hứa nếu chúng không tôn trọng đình chién thì Hoa Kỳ sẽ trả đũa, bây giờ các ông lại nói tới điều đình.” Bunker nói là buổi họp chi để cải thiện việc thi hành lệnh ngưng chiến mà thôi. Thiệu tự hỏi, nếu thế thì tại sao Kissinger lại phải có mặt ở Paris ? Tại sao không giao cho một người cấp nhỏ hơn, thí dụ như \Villiam Sullivan, Phụ tá Thứ trưởng Ngoại giao, đặc trách về Đông Á và Thái-bình-dương chảng hạn ? Mỗi khi có Kissinger nháng tay vào là Việt Nam Cộng hòa bị thiệt thòi. Bây giờ, không có lẽ Kissinger đi gặp Lê Đức Thọ để lại nhượng bộ thêm nưa hay sao? Thiệu bèn đoán là hồi tháng Giêng, có lẽ Kissinger ctã đề nghị với Bắc Việt là cứ ký thỏa ước cho xong chuyện rồi co gì sẽ điều đình sau. Đối với Thiệu, bản hiệp định nguyên thủy ký kết ở Paris đã là tệ lắm, bây giờ, không lẽ Hoa Kỳ lại bắt Việt Nam Cộng hòa nhượng bộ thêm ! Phát ngôn viên chính phủ bèn được lệnh công bố : “Việt Nam Cộng hòa sẽ không nhượng bộ một ly nào nữa !”

Kissinger ở Paris từ 17 tháng Năm, đến 13 tháng 6, với lỳ do là họp với Lê Đức Thọ để cải thiện việc thi hành Hiệp định nhằm chấm dứt những vụ tài chiến ở Việt Nam và Cam-Bốt ; nhưng thực ra ông ta đang nhúng tay vào những nhượng bộ chung kết tai hại. Đến lúc này có lẽ Kissinger chi nghĩ đến sự sống còn của chính ông ta.

Lê Đức Thọ biét rằng Nixon không thể ra lệnh tái chiến được r ữa. Thọ chì cằn đọc tờ New York Times hay nghe Kissinger tuyên bố trên đài truyền hình Mỹ thì cũng biết Nixon đa què chân què tay rồi. Ngày 8 tháng 4, James Reston viết trên tờ Times là Nixon chì còn nói chứ không thể tái diên chiến tranh Việt Nam được nữa. Trong buổi họp báo ngày 15 tháng 3, Nixon chì dùng lời nói nhẹ nhàng khi bị hỏi về những vi phạm đình chiến : “Tôi hy vọng rằng những vụ này không xảy ra, vì chứng có thể dẫn tới hậu quả trầm trọng ... Tôi chì có thể nói rằng, căn cứ vào những hành động của tôi trong bốn năm vừa qua, Bắc Việt không nên coi nhẹ những khuyến cáo của Hoa Kỳ về vi phạm đình chiến.” Bản thông cáo chung San Clemente có nói về những vụ vi phạm như sau: “Những hành động nào đe dọa càn bản của bản Hiệp định, sẽ được ăáp úng mạnh mẽ”.

Tuy ở đàng sau hậu trường, Kissinger cỏ hứa riêng với Thiệu và các viên chức cao cấp của Việt Nam Cộng hòa là : “Nếu có chứng cớ về việc Bắc Việt thiếu thiện chí thi hành bản Hiệp định, Hoa Kỳ sẽ trả đũa một cách “mạnh mẽ và tàn nhẫn” . Nhưng ở trước công chúng thì Kissinger lại tránh né. Không bao giờ những câu như : “dùng toàn lực” hay “trả thù một cách ác liệt” được tuyên bố công khai cả. Ngược lại, trong một buổi phỏng vấn với Marvin Kalb, Kissinger lại nói ỡm ờ : “Hoa Kỳ không chấm dứt cuộc chiến này để rồi lại tìm cớ tái lâm chiến. Nhưng lúc này ta sẽ tỏ ra vô trách nhiệm nếu ta cho những kẻ gây hấn biết những gì họ có thể làm được một cách an toàn, những cái gì không.”

Cái chính sách thương thuyết bí mật của Kissinger, hứa hẹn với cả hai bên (cả Thọ lẫn Thiệu) đôi khi trái ngược nhau, đang sắp bật mí vì không còn được yễm trợ bằng sự sứ dụng quyền lực nữa.

Có lằn nói chuyện với Warren Nutter về sách lược ngoại giao của Kissinger, ông này cho Hưng biết đường lối ngoại giao bí mật kiểu Kissinger không thể nảo thành công ở Mỹ ; bởi lẽ, những mật ước sớm muộn gì cũng phải được yểm trợ bằng những biện pháp quân sự hoặc kinh tế, những biện pháp này thế nào cũng có lúc bị đưa ra áng sáng. Một lý do cụ thể là khi bộ Quốc phòng trình ngân sách lên Quốc hội thì chắc chắn Quốc hội sẽ cố tìm ra những khoản dấu diếm, che đậy. Hoặc nếu không thì nó cũng sẽ bị tiỉt lộ ra cho người này hay người kia, hoặc sẽ do chính phía quốc gia thu nhận những quân cụ đó nói ra. Bởi vậy, nếu Tổng Thống Hoa Kỳ không cho ít nhất một sổ dân biểu lãnh đạo biết và vận động sự đòng ý của họ thì những thỏa hiệp đó sẽ bị khước từ, và quốc gia sẽ phải trả một giá rất đắt. Phải biết vận động dư luận quằn chúng để yểm trợ chính sách ngoại giao, chứ không phải cứ bí mật tiến hành rồi hy vọng rằng những chính sách đó sẽ được tiếp tục yểm trợ. (Nhận định này quả là xác đáng, nếu ta phân tích cuộc khủng hoảng mới đây của chính phủ Reagan trong việc bán khí giới cho Iran và yểm trợ nghĩa quân Contras ở Nicaragua.)

\*

\* \*

Sự thất bại của Kissinger được minh chứng qua những lằn họp cuối cùng với Lê Đức Thọ ở Paris trong hai tháng 5 và 6, 1973. Bắc Việt đã biết hết tủ của ông. Kissinger thì tin rằng chỉ có sự thương thuyết bí mật mới có thể chấm dứt chiến tranh được. Khi đường lối này không đi đến đâu thì vì tự ái, ông vẫn cứ phải tiếp tục mặc dầu cơ hội thành công rất mong manh. Trong những năm tử 1969 tới 1973, Kissinger tự trói mình trong lối thương thuyết bí mật này và cố tìm lấy một cái gì cụ thể, mặc dù nhỏ nhoi đến đâu, nhất là khi nó đã kèo dài gần bốn năm trời với sự tổn thất về nhân mạng và vật dụng tăng lên gấp bội, kèm theo số tù binh càng ngày càng nhiều. Ông ta bị rơi vào cạm bẫy : hoặc phải chứng tỏ rằng thương thuyết mật là đường lối đúng và thành công, hoặc là ông ta sẽ mất hết uy tín và quyền hành. Bởi vậy, Ổng ta phải sản xuất ra một thứ hiệp định ; nếu không, ông sẽ bị chịu về những thỄ.t bại. Cái khó khăn cho ông là Hà Nội sau nhiều lần họp kín với ông, đã hiểu rõ được yếu điểm đó. Biét được như vậy, họ sẽ xiết ông và không nương tay, để khi nào ông nhượng hết mới cho ông một chữ ký, một bản hiệp định.

Giờ đây, một lằn nữa, Kissinger lại phải giáp mặt Thọ. Hoa Kỳ dự định dội bom một tháng trời trước hội nghị nhưng vụ Watergate đã không cho phép làn như vậy, và cuối cùng, Hoa Kỳ. không có phản ứng gì cụ thể đối với những vi phạm của Bắc Việt. Vì lẽ đó, Kissinger ở vào một vị thế không thể chống chế được nữa. Kissinger viết : “Sang Paris hòi tháng 5 là một thảm bại, vì nó phơi bầy cái nhược điểm của ta. Ta không có chién lược nào yểm trợ cuộc thương thuyết đó cả. Hoa Kỳ. đã định dội bom một tháng trước khi thương thuyết. Trong trường hợp đó, nếu Lê Đức Thọ cứ đi họp thì đó là dấu hiệu yếu của Bắc Việt. Nếu Thọ không đi họp, ta cứ tiếp tục dội bom. Ta muốn tái diễn lại kinh nghiệm hồi tháng Giêng. Trong điều kiện đó, một hiệp định mới sẽ mang nhiêu ý nghĩa hơn. Nhưng rồi, đã đề nghị họ, Hoa Kỳ không thể hủy bỏ được vì lý do không dội bom. Bắc Việt không biết đó là chiến lược của Hoa Kỳ Thế là ta bắt buộc phải họp, một buổi họp mà ta không muốn nữa.”

Kissinger tin rằng, nếu Hoa Kỳ dội bom trước lúc thương thuyết, ông sẽ gặp “một tay Thọ khác ở bàn hội nghị. Một là hắn không tới dự và nói chỉ tới khi Hoa Kỳ. ngưng dội bonì. Hai là hắn cứ lại. Đằng nào thì cũng là dấu yếu thế của Bắc Việt. Trong điều kiện đó, ta sẽ gặt hài được kết quả có ý nghĩa hơn. Nhưng rồi không được như ỳ muốn, tôi ngồi vào bàn hội nghị tay không; và Thọ tiếp tục đọc cho tôi nghe những tài liệu ghi nhận những yếu điểm của Hoa Kỳ. Mặt khác, vì yếu điểm nội bộ, tôi không thề để cuộc họp thắt bại được. Đó là trường hợp khó khăn của ta hồi tháng 5” . Kissinger không còn đất để dụng vô nữa. Nixon thì bị khóa chặt tay vì vụ Watergate và không thể có phản ứng gì đối phó với những vi phạm của Bắc Việt cả.

Hưng nìớ lại khi có tin Kissinger đi Paris, có nhiều người hỏi anh : “Tại sao cái ông Tiến sĩ ấy lại đi gặp Thọ nữa ? Cái gì đã xẩy ra cho Hiệp định Paris ? Kissinger đang trù tính việc gì ?”

Thực ra, Kissinger cần một văn kiện để tỏ ra mọi sự đều tiến hàn -1 tốt đẹp ở Việt Nam , và vì thế ông cần có chữ ký của Lê Đức Thọ. Cho đến bấy giờ, Kissinger vẫn tin rằng có thể tìm thấy căn bản đề thương thuyết với Hà Nội. ông ta nhấn mạnh rằng: “Ngay đến ở Việt Nam cũng có thể có những thực :ại vượt lên trên những mối quan tâm vị kỷ, thiển cận của những người trong cuộc; và ta cũng có thể đi đến một giải pháp ổn thỏa dựa trên thế quân bình của những đ'ê nghị rộng lượng và nhìn xa trông rộng.” Nhưng vì Kissinger không thể bắt Hà Nội thay đổi lập trường được, ông ta quay về bắt đồng minh của Hoa Kỳ là Việt Nam Cộng hòa phải thay đổi lập trường. Miền Nam   
Việt Nam thì khôngđủ mạnh để bắt Hà Nội thay đổi thái độ và cũng không thể chống lại áp lực của Hoa Kỳ.

Alan Gcodman, trong một tài liệu nghiên cứu về sách lược điều đình của Hoa Kỳ, có kể lại lời nhận xét của một cộng sự viên của Kissinger như sau: “Kissinger vô cùng thất vọng khi Bắc Việt đã xứ dụng cuộc những cuộc họp mật như một dụng cụ để dò xem Hoa Kỳ có thể nhượng bộ đến mức nào.”

\*

\* \*

Vào lúc ký kết Hiệp định Paris, quốc hội và dân chúng Hoa Kỳ không còn tin tưởng và khả năng của Nixon là ông có thể giữ lời hứa về vấn đề Việt Nam nữa. Đén tháng Giêng 1973, là đã đúng 4 năm Nixon tìm cách giải quyết vấn đề Việt Nam nhưng không đi đến đâu cả. Trong 4 năm trời đó. 15,000 lính Mỹ tứ trận, 10,000 bị thương, cùr g với 100,000 lính Việt tử trận và 307,000 bị thương. Ttó rồi bây giờ “Hoà bình trong danh dự” lại bị tổn thương. Nhớ lại việc Hà Nội trắng trợn vi phạm Hiệp định ngay sau khi ký, Kissinger viết trong hồi ký của ông : “Những người lãnh đạo Bắc Việtđã chứng tỏ rằng đình chiến chì là trạm dừng chân có tính cách chiến thuật trên con đường tiến tới mục tiêu cuối cùng là thanh toán cả Đông Dương bằng vố lực. Bản Hiệp định Paris chưa râo mực thì họ đã bắt đầu quên trách nhiệm của họ ... Sự thật, thì họ châng bao giờ muốn giã từ vũ khí cả ... Vào khoảng tháng 3 (1973) ta đã nhận thấy đình chiến chỉ là cái dù che đậy việc chuyển quân và vũ khí vào miền Nam để mưu toan tổng tấn công.” . Thật là trớ trêu. Trước khi ký hiệp định hòi tháng Giêng, Việt Nam Cộng hòa đã la lối lên đúng y như vậy. Bằng phản khàng, bằng thư tín, bầng bào chí v.v..., Sài Gòn đã nói thẵng rằng Hà Nội chì muốn dùng hiệp định làm bàn đạp để tiến đến thôn tính toàn cõi Đông Dương. Lúc Kissinger đang làm áp lực với Thiệu hồi tháng 10, 1972, chính Hưng cũng đã viết một bài trên mục Quan Điểm tờ IVashinglon Posl (29- 10-1972) với đề tài “Hòa bình chỉ là tạm nghĩ ngơi”(Peace as a Pause). Nhưng Nixon và Kissinger đã gạt phắt đi, viết bao nhiêu là thư cho Thiệu nói nào là Hiệp định có lợi cho Việt Nam Cộng hòa, nào nó phản ảnh một sự thắng trận, nào Bắc Việt sẽ và phải hoàn toàn tôn trọng , nào Nga và Tằu cũng sẽ bắt chúng tôn trọng V.V.... và néu chúng vi phạm thì ... khỏi nói !

Thế rồi, làm đủ mọi ảp lực bắt Việt Nam Cộng hòa phải ký; ký xong mất nưác, rồi Kissinger mới phàn nàn rằng hiệp định chưa kịp ráo mực thì Bắc Việt đã quên trách nhiệm !

Trở lại cuộc điều đình của Kissinger-Thọ hòi tháng 5 và 6, 1973 tại Paris. Lần này, lời đi tiếng lại giữa Thiệu và Nixon về cuôc điều đình còn gay gắt hơn hồi tháng Giêng khi Hiệp định chưa ký. Việt Nam Cộng hòa không còn bám víu vào đâu được nữa. Quân đội Mỹ đã rút hết, tù binh đã được phóng thích, và Kissinger đã chì muốn phủi tay. Không còn bụng dạ nào để kéo dài cuộc thương thuyết hay tái diễn cảnh thả bom nữa, Nixon và Kissinger muốn lôi kéo Thiệu vào việc ký một bản gọi là “Tuyên cáo” (Communiqué), để thay đổi vài điều khoãn (có lợi cho Bắc Việt) nhưng với lý do là “để thực thi hiệp định Paris.”

Những buổi họp ở Paris lần này được diễn ra ở hai nơi thay đổi nhau, biệt thự Léger của Bắc Việt ở Gif-Sur-Yvette và trụ sở của phái đoàn Hoa Kỳ ở St. Nom La Bretèche. Những buổi họp đó dài và rất tì mỉ, bàn cãi từng điểm, mọi điểm đều bàn đén những vi phạm và biện pháp ngăn ngừa .

Bắc Việt bây giờ đòi hỏi vấn đề tù nhân chính trị ở miền Nam và việc bảo đảm vai trò chính trị của chính phủ Cách Mạng Lâm Thời phải được ghi vào bản tuyên cáo đang điều đình với Kissinger. Hai tay Kissinger-Thọ đi tới một “bản tuyên cáo”.

Ngày 21 tháng 5, Tổng Thống Nixon phái William Sullivan sang Sài Gòn đem lá thư riêng cho Thiệu, kèm theo bản thảo của bản tuyên cáo nói trên. Nixon viết :

“Trong các thư từ chúng ta trao đổi trước ngày ký kết Hiệp định Pcris, và ngay trong buổi họp tại San Clemente, tôi đã bày tỏ rõ ràng quyết tâm của tôi ủng hộ Việt Nam Cộng hòa và thi hành bản Hiệp định. Đây là một nỗ lực thực thi điều đó.

Tiến sĩ Kissinger đang ở Paris thương thuyết với Bắc Việt đề tìm cách cải thiện việc thi hành bản Hiệp định. ”

Lần này, Nixon không đả động đến việc Hoa Kỳ xử dụng võ lực nữa mà lại phàn nàn về thài độ cứng, rắn của phải đoàn Việt Nam Cộng hòa ở Paris, và khuyến cáo Thiệu không nên vi phạm những cam kết của chính phủ Việt Nam Cộng hòa trong bản Hiệp định. Nixon vẫn không để lộ ra ông ta dang bị rắc rối bởi vụ Watergate :

“Tôi không cắn nhắn mạnh thêm tăm quan trọng của việc này trước công luận Hoa Kỳ hiện nay. Như Ngài rõ, tôi đã công khai tuyên bổ nhất quyết thi hành bủn Hiệp định Paris với tất cả uy tín và thiện chí của Hoa Kỳ. Ở Hoa Kỳ sẽ không ai hiểu nổi vấn đề này nếu bây giờ sự thương thuyết bị thất bại vì những trở ngại ta có thể tránh được.’’

Nixon dọa dẫm Thiệu một cách thẳng thừng rằng Việt Nam Cộng hòa muốn nhận viện trợ thì phải ký vào bản thỏa ước mới. Lời dọa dẫm đó như sau:

“Tôi xin lập lại rằng ước vọng duy nhất "ủa chúng tôi là muốn thấy bản Hiệp Định được thi hành nghiêm chỉnh và thắt chặt tình liên đới với Việt Nam Cộng hòa. Tôi khổng tin rằng. Ngài muốn tôi phải ra trước dân chủng Hoa Kỳ để giải thích sự bế tắc của cuộc thương thuyết hiện nay ở Paris. Điêu này chắc chắn sẽ đưa tới sự cắt đứt ngân khoản cho Lào và Cam-bốt và cuối cùng là mièn Nam Việt Nam.

Khi ở San Clemente, tôi đã nói với Ngài vè việc xin Quốc Hội Hoa Kỳ viện trợ đầy đủ khó khăn như thế nào. Tuy nhiên, tôi cũng đã trĩnh với Ngài rầng chúng tôi sẽ dồn mọi nỗ lực không những xin đày đủ viện trợ cho những nhu càu hiện tại của Việt Nam Cộng hòa, mà còn yểm trợ cho những ké hoạch kinh tế dài hạn Ngài vừa cóng bổ ! Nỗ lực này đang tiến hành tốt đẹp và được đặt vào hàng ưu tiên đẩu. Nhưng tôi thẳng thắn khuyến cáo Ngài rằng chỉ một mối bất đồng nhỏ nhoi của chúng ta trong tình thê này cũng đủ làm tiêu tan nỗ lực trên. Tôi tin chắc rằng Ngài sẽ cân nhắc kỹ lưỡng điều trên khi đọc lá thư này. ”

Thiệu không chịu chấp nhận ; không có lý do gì bắt Việt Nam Cộng hòa ký vao bản Hiệp định Paris hồi tháng Giêng, hứa hẹn đủ điều để bảo đảm ngưng chiến; bây giờ Hà Nội vi phạm, lại bắi Việt Nam Cộng hòa phải điều đình lại và nhượng bộ thêm ! Dùng mưu cũ, ông đề nghị một số sửa đổi cần thiết trước khi ký. Điều khoản làm Thiêu lo nhất là vụ Kissinger chịu nhượng bộ với Thọ quyền di chuyển quân qua vùng Phi Quân Sự (DMZ). Theo ý Thiệu, trong suốt thời, gian thương thuyết hồi tháng Giêng và sau vụ dội bom vào dịp lễ Giáng Sinh, Cộng sản chì nhượng bộ một điểm chính yếu là không được chuyển quân qua vùng này. Giờ đây, chì bốn tháng sau, Kissinger lại qua Paris và muốn nhượng bộ thêm cho chúng điểm chót ! Đối với Việt Nam Cộng hòa, vùng Phi Quân Sự phải được coi như một linh vật tượng trưng cho ranh giới giữa hai miền Bắc và Nam và coi như biên giới giữa hai lãnh thổ.

Sau khi chuẩn phê Hiệp định Paris vào ngày 24 tháng Giêng, 1973 hồi đó Kissinger trở về Washington tổ chức họp báo, và để làm Thiệu hài lòng, đã tuyên bố là những điều khoản của bản Hiệp định “triệt để cấm việc di chuyển quân qua vùng Phi Quân Sự trong mọi trường hợp.” Giờ đây, Bắc Việt nhất định đòi cho được việc di chuyển “quân dụng” qua khu giới tuyến. Thiệu cười chua chát và nói với các cố vấn thân cận : “Làm sao quân dụng như xe tăng, tằu bò có thể đi qua vùng Phi Quân Sự mà không có “tài xế” và “nhân viên” bảo trì đi theo ?” Như vậy là thực ra chúng đang đòi hỏi hủy bỏ đoạn cấm việc chuyển quân qua biên giới.

Ở Dinh Độc Lập, Thiệu và bộ tham mưu của ông đã đánh hơi thấy Sự mặc cả bí mật giữa Kissinger và Thọ. (M à thật đú ng, vì Kissinger đã hứa với Thọ là Hoa Kỳ sẽ chấm dứt những phi vụ không thám trên không phân Bắc Việt và triệt thoái những chuyên viên kỹ thuật ra khỏi miền Nam Việt Nam trong vòng 1 năm, nếu Hà Nội chịu thí hành bản Hiệp định đã được ký hồi tháng Giêng.) .

Thiệu không hiêu nổi lý do tại sao Kissinger lại nhượng bộ về điều khoản cỏ tầm quan trọng sống chét cho Việt Nam Cộng hòa. Nó đã đê quân ở lại miền Nam, bây giờ lại đòi quyền tiếp viện ! Ông nói với Hưng điều khoản đó chắc phải là một phần trong toàn bộ thỏa ước đã xếp đặt từ trước giữa Kissinger và Lê Đức Thọ. Khi quằn đội Hoa Kỳ đã rút khỏi rồi, mọi hành động của Hoa Kỳ đều bị nghi ngờ và được phân tách để tìm lý do thầm kín tại sao họ lại làm như vậy. Thái độ đố kỵ của Kissinger đối với chính phủ Việt Nam Cộng hòa và tính kiêu ngạo của ông ta làm Thiệu và các cộng sự viên bất mãn vô cùng. Tiếng đòn cho rằng Kissinger muốn cắt viện trợ cho Việt Nam Cộng hòa để tăng thêm viện trợ cho Do Thái, trong nỗ lực ổn định tình hình Trung Đông. (Sau khi Việt Nam Cộng hòa sụp đổ, quân viên cho Do Thái quả thực có tăng lên ngang như số viện trợ cũ cho Sài Gòn). Kissinger còn viện cớ là phải điều đình để cs khỏi tấn công, nhưng Thiệu vẫn không tin rằng cs có thể mở cuộc tổng tấn công trong năm 1973. Hồi tháng 5, 1973, Thiệu nói với Hội đồng nội các là Cộng sản sẽ có lợi thế hơn nếu đợi đến cuối nhiệm kỳ của Nixon. Ông tin rằng nếu làm gì sớm hơn, chúng sẽ sợ Nixon can thiệp trở lại vào miền Nam .

Ngày 30 tháng 5, Nixon lại viết một thu nữa, lá thư này do Charles s. \Vhitehouse, phó đại sứ Hoa Kỳ trao cho Thiệu. Một lần nữa Nixon đòi hỏi Thiệt; ký vào bản tuyên cáo. Lần này Nixon nói với Thiệu rằng ông đã chỉ thị cho Kissinger phải trinh bầy những đề nghị của Việt Nam Cộng hòa cho Bắc Việt; nhưng néu họ không chịu chấp nhận thì Thiệu cũng nên ký vì vàn kiện này “có ích lợi” cho Việt Nam Cộng hòa và “hữu dụng” cho cả hai chính phủ. Nixon báo hiệu cho Thiệu biết nếu không chịu ký thì viện-trợ sẽ bị cắt đứt. Lá thư được trích ra một phần như sau:

Tuy nhiên, trong diễn trình của cuộc thương thuyết hiện tại, tôi tin rằng điều tốt đẹp nhắt chúng ta đạt được là bản tuyên cáo đó không có điều khoản nào đi ngược lại nguyện vọng của chinh phủ Việt Nam Cộng hòa. Một bản tuyên cáo có chữ ký của đại diện Việt Nam Cộng hòa bên cạnh chữ ký của Tiến sĩ Kissinger, sẽ giúp ích cho tôi vô cùng. Chúng tôi càn một cử chỉ như vậy để xin quốc hội thông qua những chương trình tái lập hòa bình và ổn định tình thế như chúng ta đã bàn đến ở San Clemente.

Vì vậy, tôi mong Ngài chấp thuận bẩn Tuyên Cảo và xin Ngài chỉ định đại diện của Việt Nam Cộng hòa họp với ba phe kia tại Paris ngay 7 tháng 6. Văn kiện sẽ ký kết vào ngày 8.

Trân trọng

(kt) Richard M. Nixon

Quốc Hội Hoa Kỳ đã được dùng như một cây chùy; Thiệu vẫn khăng khăng từ chối. Ông viết một lá thư gởi Nixon ngày 2, tháng 6 trong đó ông lập lại những phản đối của chính phủ Việt Nam Cộng hòa và yêu cầu cho xem bản thảo Tuyên Cáo cuối cùng. Nixon trả lời ngay vào ngày 5 tháng 6 bằng công điện do phó đại sứ Whitehouse chuyển đến ; một lằn nữa Nixon lại trấn an Thiệu. Bây giờ Bắc Việt lại lờ chuyện bầu cử đi mà lại chì đòi những gì có lợi cho chúng như vấn đê đòi Lộc Ninh với ẩn ý làm thủ đô cho Việt Cộng và việc cs trú đóng tại các vùng đông dân cư.

Kính thưa Tổng Thống,

Xin cảm tạ lá thư của Ngài đè ngày 2 tháng 6, trong đó Ngài đã bày tỏ mối quan tâm của chính phủ Việt Nam Cộng hòa về hai điểm trong bản thảo Tuyên Cáo mà T.s. Kissinger và Lê Đức Thọ đang thương thảo ở Paris. Điềm thứ nhất liên quan đến việc Ngài muốn có tham chiếu minh bạch vè cuộc bàu cứ. Điếm thứ hai là chống đối nỗ lực chiếm đất với mưu đò chính trị của Cộng Sản như vụ gọi vùng đắt chiếni của họ là "lãnh thổ” và thiết lập "thủ đô" trẽn miền Nam Việt Nam. Nếu Ngài đọc bản thảo mới đây, sẽ thấy chúng tôi đã thêm một câu văn đề làm sáng tỏ vấn dề bầu cử, và vấn đ'ê lãnh thổ không còn rõ rệt như trong bún thảo trước đây. v'ê địa danh Lộc Ninh, chúng tôi không thể hủy bỏ trên bản Tuyên Cáo được vì đại diện của Việt Nam Cộng hòa trong ủy- ban Hỗn-hợp Quân-sự Hai Phe đã nhác tới tên đó trong bản thông cáo với báo chỉ ngày 16, tháng 5. Tuy nhiên địa danh đò, chỉ được nhắc đến trong bản văn liên quan đến Uy-ban Hỗn hợp Quân sự Hai phe và tách biệt với việc nêu danh Hà Nội đễ tránh sự hiểu lầm vè danh xưng "thủ đô”.

Cán cứ vào những thay đổi đó trong bản văn, tôi trân trọng yêu càu Ngài chỉ thị cho Đại diện của Việt Nam Cộng hòa hãy cùng T.s. Kissinger đến Paris ngày 7 và 8 tháng 6 đễ ký tên bản Tuyên Cáo chung đã được hai chính phủ chúng ta thỏa thuận.

Trân trọng (kt) Richard M. Nixon.

Thiệu viết nhiều dấu hỏi trên lá thư câa Nixon và duyệt bản Tuyên Câo chung (xin xem phần phụ lục ỏ cuối sách). Õng viết ở bên lề : “Có lợi cho Cộng sản nhiều quá.” và “tại sao chì nhắc lại những gì có lợi cho Cộng sản và không nói gì đến việc đổi chác cho Việt Nam Cộng hòa ?” Những gì Cộng sản không chiếm đoạt được vì những nguyên tắc của Hiệp định Paris, họ tìm cách chiếm đoạt trong chi tiết của bản Tuyên Cáo chung này. Bây giờ họ có thể chuyển quân qua khu giới tuyến và đóng quân ở hai bên lằn ranh giới chia đôi Bắc Nam. Thiệu phản đối quy ché này, nhất là việc cho phép Bắc Việt về trú ngụ ở Sài Gòn. Tham chiếu về bầu cử có vẻ mập mờ hơn trong tài liệu mới, nhưng không có điều khoản nào ngăn ngừa sự xâm nhập của Bắc Việt vào miền Nam qua ngã Lào và Cam-bốt.

Sau khi duyệt xét bản văn đáng lẽ được ký vào 8 tháng 6, Thiệu viết cho Nixon ngày 6 tháng 6 như sau: “Chúng tôi ỉà nạn nhân của xâm lăng. Cộng sản xâm lăng đã trắng trọn vi phạm bản Hiệp định. Tuy nhiên, vì chúng không bị “trừng phạt nặng nề” bởi phía ta như chúng đã được báo động trước, giờ đầy, chủng muốn đơn phương thu đoạt chiến lợi phẩm bằng bản Tuyên Cáo này.”

Cả Nixon và Kissinger nổi giận đùng đùng về chiến thuật trì hoãn của Thiệu. Nixon bèn viết cho Thiệu cùng ngày hôm đó :

Kính thưa Tổng Thống,

Tôi vô cùng ngạc nhiên khi nhận được thư Ngài đề ngày 6 tháng Sáu. Như vậy, có nghĩa là Ngài từ chối ký vào bản Tuyên Cảo Chung đó T.s Kissinger và Lê Đức Thọ đã thương thuyết ở Paris. Như tôi đã nói rõ trong thư đề ngày 5 tháng Sáu, bản văn đã được soạn xong và không thể sửa đổi nữa. Đê nghị như Ngài trong thư là việc làm không thực lể chút nào, khi ta phải duyệt xét và thay đồi lời văn trong rất nhiêu điều khoản của bản Tuyên Cáo. Tôi xin nhắc Ngài rằng tất cả những đề nghị sửa đổi trước đâv của Ngài đã được bằng cách này hay cách khác, lổng vào bản vàn mới đây. Hơn nữa, những đè nghị mới đây của Ngài không phản ảnh những sự kiện căn bản đã được trình bằy rô cho phái đoàn Việt Nam Cộng hòa.

Chẵng itạn như việc Ngài muốn dùng đ'ê nghị của Lê Đức Thọ cấm đoán việc tải binh sỉ và vật dụng chiến tranh vào miền Nam Việt Nam. Như vậy, thì đè nghị đó cấm luôn cả việc hoàn đồi quần dụng đã ghi trong điều 7 của bản Hiệp định. Nếu la chắp nhận lời ván đó, thì viên trơ cho Việt Nam Cộng hòa lập tức bị cật đứt.

Tôi cẩm thấy phải trình với Ngài rõ ràng đã đến lúc bản văn phải được coi là chung kết. Mặc dù một vài hồ nghi nhỏ Ngài nêu lên, Ngài nên chỉ thị cho phái đoàn Việt Nam Cộng hòa hãy cùng Tiến sỹ Kissinger ký bản Tuyên Cáo như hiện trạng. Nếu Ngài từ chối thì hậu quả vô cùng tai hại sẽ là không được Quốc hội Hoa Kỳ tiếp tục ủng hộ nữa. Đó là sự nhận định tình hình trung thực của tôi. Không còn lý do gì đê Ngài từ chối nữa. Chúng ta đã cùng nhau đi quá xa, không thề để công cuộc này đổ vỡ trong điểu kiện hiện tại. Tôi tin tưởng ở sự hiểu biết bao quát của Ngài vè những quyên lợi chung của chủng ta và sẵn sàng trả lời thuận trước 12 giờ trưa ngày 7 tháng 6, giờ Sài Gòn.

Trân trọng.

(kt) Richard M. Nixon

Một lần nữa Nixon đe dọa cắt viện trợ, và lần này, có vẻ gần sự thực hơn. Nhưng lá thư này vản không làm Thiệu xao xuyến, ông tiếp tục tử chối ký vao bản vàn và viết thư bầy tỏ những phản đối của ông. Đòng thời cho báo chí ở Sài Gòn nêu lên những phản đối của Việt Nam Cộng hòa về bản Tuyên Cáo Kissinger đang hình thành ỏ- Paris. Cùng ngày 7 tháng 6, Nixon trả lời Thiệu nói sẽ đơn phương ký bản văn không có chữ ký của Việt Nam Cộng hòa :

Kính thưa Tổng Thống,

Trước khi tôi nhận được thư Ngài đé ngày 7 tháng Sáu, và trước khi tôi cỏ dịp duyệt xét những điểm Ngài nêu lên trong thư và trong khi phái đoàn Hoa Kỳ chuẩn bị buổi họp với Bắc Việt, tôi rất kinh ngạc khi được báo cáo rằng chính phủ Ngài đã lên tiếng ở Sài Gòn từ chối ký vào bản vàn do Tiến sỹ Kissinger và Lê Đức Thọ đang thảo luận ở Paris.

Đọc thư Ngài, tôi lại càng phiền lòng hơn như thể Ngài lố cáo chúng tôi điêu đĩnh một cách VỘI vã nông nỗi. Sự thật là chúng tôi đã tham khảo với Ngai từ tháng 4.

Chúng tôi thuyết trình với phái đoàn Việt Nam Cộng hòa ở Paris hằng ngày trong suốt tháng 5, chúng tôi đã gởi Đại sứ Sullivan đến Sài Gòn hội kiến với Ngài khi hội nghị bị bế tắc, và chúng tôi đã trao đổi thư tín với Ngài gàn như hằng ngày khi hội nghị được khai thông. Tất cả những quan điểm của Ngài đã được nghiên cứu và nêu lên trong vàn kiện mà bất cứ người quan sát vô tư nào cũng phải nhận thấy có lợi cho chính phủ Việt Nam Cộng hòa.

Tuy nhiên, quyết định của Ngài đã không để cho tôi có lựa chọn nào hơn là tiếp tục đường lối hành động như sau. Tôi đã chỉ thị cho Tiến sỹ Kissinger đè nghị với Lê Đức Thọ và họ se ký vào bản Tuyên Cáo như hiện trạng, và Hoa Kỳ và Bác Việt sẽ công bố bản kêu gọi hai thành viên ở miên Nam Việt Nam thi hành những thỏa thuận trên. Nếu Lê Đức Thọ từ chối, chúng tôi sẽ chấm dứt hội nghị Paris bằng sự thất bại: gồm một bản văn ghi rổ sự thất bại cùng hồ sơ những ván kiện trong suốt hội nghị, và hờ sơ những tham kháo của chúng tôi với Ngài.

Nểu Lê Đức Thọ chấp nhận (tôi cho rằng Thọ sẽ chấp nhận) thì cả thế giới sẽ nhìn về phía Việt Nam Cộng hòa để đòi phải khai lệnh ngưng chiến và chấp hành những điều khoản ghi trong bản Truyền Cáo vừa được Hoa Kỳ và Bắc Việtký kết. Và như vậy thì tất cả hành động của Ngài sẽ được phán xét không phải như những bước tự ý đi tìm hòa bình mà chỉ là những nhượng bộ gắng gượng. Đó là một lập trường bất lọi mà Ngài đã chọn cho chính bản thân và cho chính phủ Việt Nam Cộng hòa.

Tôi lấy làm tiếc để thông báo cho Ngài biết là quyết định của Ngài đã phá vỡ hy vọng về sự thỏa thuận liên quan đến Cam-bốt. Lập trường của Ngài đã khiến Bắc Việtkhông còn lý do nào để thỏa thuận với Hoa Kỳ vè vấn đè then chốt đó nữa.

Tôi không thể lường đoán nổi hậu quả quyết định của Ngài trước Quốc hội và công luận Hoa Kỳ. Hậu quả đó chác chắn sẽ bất lợi cho Việt Nam Cộng hòa và có thề gây tai họa. Tôi rắt tiếc và buờn phiền khi thấy công cuộc mà chúng ta đã cùng nhau chia xẻ rát nhiêu nay bị xụp đổ như thế này.

Xin Ngài trả lời cho chúng tôi trước 8 giờ sáng ngày 8 tháng 6, giờ Paris, để tiện tiến hành.

Trân trọng, (kt) Richard M. Nixon

Thiệu phê ở ngoài lề bức thư là : “Chúng ta phải chuẩn bị cẩn thận cho biến cố này.”

Trong lá thư gởi cho Nixon ngày 8 tháng 6, Thiệu lại tránh né và báo cho Nixon hay rằng ông đòng ý trên nguyên tắc để Hoa Kỳ và Bắc Việtký bản Tuyên Cáo rồi kêu gọi Chính phủ Việt Nam Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng Lâm thời chấp hành những điều khoản của bản tuyên cáo đó. Nixon vội vàng trả lời ngay, dùng đến hết mọi thứ áp lực . Quốc hội, dư luận, báo chí, viện trợ. Nixon còn đe là ông sẽ công khai đối chất với Thiệu :

Nếu cuộc thương thuyết này thát bại thì sẽ có sự đối chất giữa chúng ta. Tôi sẽ bác bỏ lý do khô ng chịu ký kết của Ngài và tôi sẽ công khai tố cáo Ngài đã cản trở việc đi tìm giải pháp cho hòa bình. Trong lả thư Ngài có nói đến việc giải thích lập trường của Ngài trước công luận. Tôi xin nhắc Ngài nhớ rằng lập trường đó đã chống lại bản văn kiện chúng ta đã đồng ý. Không như làn trước, hồi tháng 10, 1972, làn này chúng tôi sẽ chống đổi và không ủng hộ lập trường của Ngài nữa đâu.

Xin Ngài nhớ cho rằng ủy ban Thượng và Hạ viện sẽ bỏ phiếu vào ngày thứ Hai, ngăn cấm việc dùng ngân khoản viện trợ cho những cuộc hành quân ở Cam-bốt và Lào kể cả trên không lẫn dưới bộ. Sự kiện này sẽ có ảnh hưởng đến Việt Nam Cộng hòa, và sự ngăn cấm này có 'hể nới rộng ra toàn lãnh thổ Đông Dư ong. Quyết định không ký vào bản Tuyên Cáo sẽ dẫn tới những biến cố trên và sẽ gây thảm họa cho chính Ngài và chỉnh phủ của Ngài. Trong chiều hướng dư luạn hiện nay ở Hoa Kỳ, tắt cả những gì sai lầm, bất kề lý, do dường như đều qui lỗi cho chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Hà Nội sẽ đòi hỏi tôi buộc Ngài ký. Quốc Hội và báo chí Hoa Kỳ sẽ tiếp theo. Rất có thề Quốc Hội sẽ ngưng viện trợ quân sự và kinh tế cho đến khi Ngài chịu ký. Do đó, tôi phải tha thiết lập lại rằng chúng tôi căn chữ ký của phải đoàn Việt Nam Cộng hòa trên bản Tuyên Cảo nếu chủng ta muốn thảm họa kia không xẩy ra cho Ngài và chính phủ Việt Nam Cộng hòa — V'a cho tất cả những gì chúng ta đã cùng nhau tìm cách hoàn thành trong mười năm qua. Tôi càn sự chấp thuận của Ngài để kịp chỉ thị cho phái đoàn Hoa Kỳ ở Paris trước 7 giờ sáng ngày 9 tháng 6, giờ Paris ... Tôi mong Ngài nên suy nghĩ về cáu trả lỏi của Ngài cho lá thư này xem có phải thực sự Ngài cảm thấy rằng sự chối bỏ đường lối này vì những lý do Ngài đã trình bày có đáng đề làm thỏa mãn những kẻ đã chống đối tất cả những gì chủng ta đã cùng chung sức theo đuồi, và hàng ngàn đong bào ta đã gục ngã vì công cuộc đó không !

Trân trọng

(kt) Richard M. Nixon

Thiệu đọc lá thư cẩn thận, gạch dưới những đoạn ông ta không đồng ý. Ông viết bằng Anh Ngữ trên phiếu chuyển của ông VVhitehouse : “Unbalanced and unjust” (không quân Tinh và bất công), và viết thêm bằng nét bút chì đậm “Mỹ không đế ta có lựa chọn nào khác hơn. Chấp nhận những điêu khoản có lợi nhất và đừng trả lời “không” một cách “thẳng thừng”. Ở bên lề câu văn của Nixon : “Tôi sẽ bác bỏ lý do không chịu ký kết của Ngài và tôi sẽ công khai tố cáo Ngài đã cản trở việc đi tìm giải pháp cho hòa bình.” Ông Thiệu phê “Tại sao??” với hai dấu hỏi lớn khi Nixon viết “bản thảo được thỏa thuận,” và tiếp rằng “Lần này Hoa Kỳ sẽ chống đối và không ủng hộ lập trường của Việt Nam Cộng hòa nữa”, ông Thiệu viết bằng tiếng Anh : “Agree betvveen who and who ?” (Thỏa thuận giữa ai và ai) và tiếp theo bằng tiếng Việt : “Hồi tháng Mười, Hoa Kỳ ủng hộ lập trường Việt Nam Cộng hòa hòi nào ?”

Whitehouse nhân danh Tổng Thống Nixon nói với Ngoại trưởng Trần Văn Lắm : “Tôi được lênh nhắc nhở Ngài rằng sẽ không còn có sự thay đổi nào trong bản vãn của bản Tuyên Cáo nữa, và sự lựa chọn của chúng ta bây giờ đã được vạch rõ trong lá thư của Tổng Thống Nixon gởi Tổng Thống Thiệu”. Sự cách biệt về giờ giấc — 12 giờ đòng hồ giữa Sài Gòn và Paris — làm chương trình làm việc rối bời. Thiệu có thể viết cho Nixon vàc buổi chiều ở Sài Gòn và Nixon nhận được thư buổi sáng sớm khi ông đến văn phòng và sẽ trả lời cùng ngày hôm đó. Thư trả lời của Nixon sẽ đến Sài Gòn vào khoảng từ nửa đêm đến rạng sáng. Whitehouse ở gần nhà Ngoại trưởng Lắm, trao thư cho ông chuyển lên cho ông Thiệu rồi theo sát ông Lắm ở nhà riêng, ở sân quần vợt hay ở tiệm ăn, để đường dây liên lạc không bị đứt quãng. Công điện mật mã được chuyển thẳng tới Whitehouse, không qua hệ thống Sứ quán Hoa Kỳ. Thơ Thiệu nhận được mã hóa và chuyển thảng tới tòa Bạch Ốc bằng đường dây cửa hậu, ngõ hầu chì để những người trong cuộc được đọc những lá thư này mà thôi.

Thiệu báo cho Whitehouse biết ông sẽ họp Hội đồng An Ninh Quốc gia sáng sớm ngày 9 tháng 6 để trả lời thư của Nixon. Whitehouse lập tức báo cho Washington biết Thiệu muốn nhóm một buổi họp nữa trước khi trả lời. Nixon liền tống ngay một công điện khẩn giục ông hãy đọc trước khi bước vào phòng họp, nhằm ảnh hưởng ctén những tính toán của Thiệu :

Thưa Tổng Thống,

Tôi mong Ngài hiểu cho rằng tôi rất thông cảm với quyết định khó khăn của Ngài đối với những diễn tiến của cuộc thương thuyết ở Parts hiện nay. Tôi được biết rằng Ngài sẽ họp với các cố vấn đẽ bàn về vẩn đề nàv vào buổi sáng ngày 9 thảng 6. Trước buổi họp, tôi xin Ngài để ý đến một vài khía cạnh sau đây :

Vân đê thứ nhất liên quan đến Quốc Hội và cóng luận Hoa Kỳ; như tôi đã trinh bày với Ngài từ nhiều lần trước. Tôi muôn nhắc lại một làn nữa ở đây rằng dù quí vị cố vắn cỏ thông cảm với mối quan tâm của Ngài đến đâu đi chăng nữa thì họ cũng không nên so sánh nó với tăm quan trọng của hậu quả từ chối không ký vào bản Tuyên Cáo. Theo chiều hướng hiện nay ở Hoa Kỳ, tôi có thể tiên đoán trước rằng hậu quả đó sẽ vô cùng quan trọng.

Van để lưu tâm thứ hai tôi muốn báo tin riêng với Ngài là chúng tôi đã dàn xếp với Bắc Việt về việc triệt thoái quân của họ ra khỏi Lào trong vòng 60 ngày kệ từ ngày l tháng 7. Tôi cho đây là sự kiện vô cùng quan trọng cho Việt Nam Cộng hòa. Cơ hội này sẽ mất nếu bản Tuyên Cáo không được ký kết

Cuối cùng, lôi muốn thông báo với Ngài chúng tôi đang tiến hành công việc thương thuyết ba chiều rất phức tạp ơ Cam-bôt. Đã có tien bộ trong nỗ lực nà\; và chúng tôi mong sẽ khai thác yếu tố này để chặn trước hành động thiển cận của Quốc Hội đối với vấn đề Cam-bốt. Bản Tuyên Cáo này sẽ cho chúng tôi có thì giờ đề xúc tiến cuộc thương thuyệt đó.

Kính thưa Tổng Thống,

Đó là một vài ý nghĩ tói muốn chuyền đạt lới Ngài sáng nay, một buổi sáng định đoạt tình giao hữu giữa hai quốc gia chúng ta. Tôi mong nó sẽ giúp ích cho sự thảo luận của qui vị.

Trân trọng (kt) Richcrd M. Nixon

Thiệu trả lời ngay, hứa sẽ ký nếu có vài thay đổi trong bản vàn. Ngày 10 tháng 6, Whitehouse lại mang thư khác tới :

Kính thưa Tổng Thống,

Trong lá thư đế ngày 9 tháng 6, Ngài đã thông báo với chúng tói bằng lòng ký kết nếu có vài thay đổi trong bản văn. Để thỏa mãn ý muốn đó, phái đoàn Hoa Kỳ ở Paris đã đ'é nghị những thay đổi đó với Bắc Việt. Trong một buổi họp dài và vô cùng gay gắt, những đề nghị đó đã bị bác bỏ. Trong thư trước, tôi đã nói rất thảng thắn với Ngài rằng nếu cuộc thương thuyết này thất bại thì hậu quả sẽ vô cùng trầm trọng không những cho Việt Nam Cộng hòa mà còn Hên quan cả đến Lào và Cam-bốt. Để tránh sự đổ vỡ đó, tôi đã chỉ thị cho Tiến sỹ Kissinger trì hoãn 48 giờ để trở về Mashington tham khảo ý kiến. Ổng Kissừtger sẽ trở lại Parts vào ngày thứ Ba để ký kết. Đến lúc này, chúng tôi không thề trì hoãn được nữa.

Trong thời gian này, Ngài có dịp để duyệt xét lại lập trường, tôi tin rằng Ngài sẽ cân nhắc kỹ lưỡng yếu tố tôi đã trình bày với Ngài trong những lá thư trước, cùng những yếu tố mới tôi nêu lên trong lá thư này.

Tì như vấn đề Nga Sô và Trung Quốc hạn chế cung cấp vũ khí cho Bắc Việt. Sự hạn chế này chì có hiệu lực nếu chúng ta có chung một đường lối hành động và cùng đánh giá tình hình như nhau. Nếu chúng la công khai chia rẽ, cơ hội này sẽ không còn nữa.

Cũng tương tự như vậy, khả nàng của chúng tôi đi vận động các quốc gia để tảng hộ lập trường Việt Nam Cộng hòa cũng yếu đi, ngay cả trong việc chọn lựa đại diện trong ửy ban Quốc Tế Kiễm soát Đĩnh chiến. Nhóm viện trợ kinh tế đi vận động cho các quốc gia bạn giúp đỡ những chương trình kinh tê của Việt Nam Cộng hòa cũng không còn đắc lực nữa.

Tất cả những hậu quả đó đều sẽ bắt nguồn từ sự từ chối ký kết của quí chỉnh phủ, nhắt là khi lời văn của bản Tuyên Cáo không thêm bớt gì vào Hiệp định đã được ký kết từ ngày 27, tháng Giêng. Thật ra, những điêu khoản chinh của bản Tuyên Cảo đã được rút tỉa lừ bản Hiệp định nẽu trên.

Tôi nhát quyết bác bỏ lập luận của chính phủ Việt Nam Cộng hòa cho ràng bản Tuyên Cáo sẽ gáy “thảm họa” cho quí quốc. Tôi coi đó là một phì báng vô căn cứ đối với công cuộc thưcmg thuyết dưới sự chì đạo của tôi và bao gom cả những đê nghị của Ngài. Nếu luận điệu đó được nhắc lại một cách công khai, tôi sẽ thẳng tay bác bỏ những vu cảo của Ngài.

Do đó, .(in Ngài quyết định. Ngài có thê lựa chọn sự đổ bễ do sự chia rẽ giữa chúng ta gây ra, hoặc chỉ thị cho đại diện Việt Nam Cộng hòa ký vào bản Tuyên Cảo ngày thứ Ba, 12 tháng 6. Tôi tin tưởng là Ngài sẽ không nông nổi và coi nhẹ hậu quả của nó đối với mối bang giao giữa chúng ta. Chúng tôi đa đong ý thông báo với Bắc Việtquyết định của Ngài vào ngày thứ Hai, 11 tháng 6. Tôi tin rằng quyết định của Ngái sẽ không đem lại chiến thắng vẻ vang cho Hà Nội là thấy chúng ta chia rẽ nhau một cách công khai.

Trân trọng

(kt) Richard M. Nixon

Bên lề lá thư đó Thiệu ghi những diễn tiến đáng lẽ phải theo để thi hành thỏa ước đình chiến. Nếu những bước đó đảo lộn sẽ cho lợi cho Bắc Việt. Ông viết. “Phải là : Ngưng chiến thực sự, tới án binh bất động, rồi chia ranh giới vùng kiếm soát. Tại sao thứ tự này bị đảo lộn ngược như vậy ?”

Trong thư trả lời cho Nixonđề ngày 12 tháng 6, Thiệu phàn nàn về vụ Kissinger điều đình để chia hai miền Nam Việt Nam ra thành “hai lãnh thổ dưới hai chính phủ”. Thiệu nhắc lại lời cam kết của Hoa Kỳ khi truớc là chì công nhận chính phủ Việt Nam Cộng hòa là chính phủ duy nhất hợp pháp tại miền Nam Việt Nam (thư ngày 17-1-1973). Theo ông, bản Tuyên Cáo sẽ cho phép Bắc Việt và chính phủ Cách mạng Lâm thời lập thêm một chính quyền nữa ở miền Nam.

Nixon bèn tống đạt ngay cho ông Thiệu lá thư đề ngày 13 tháng 6, với lời lẽ hết sức cứng rắn nghe như một mệnh lệnh sau cùng :

Kính thưa Tổng Thống :

Lá thư của Ngài đè ngày 12 tháng 6, là một đòn giáng mạnh vào tình bằng hữu, sự tương kính và quyèn lợi chung của chúng ta. Căn cứ vào những hy sinh và rủi ro của Hoa Kỳ phải gánh chịu vì Ngài, tôi không thể ngờ Ngài có thể trá lời một cách tiêu cực như vậy. Tôi chang càn dấu diếm sự căng thăng trong mối bang giao giữa chúng ta vì Ngài đã hoàn toàn phủ nhận những cam kết của tôi trong việc ký kết bản Tuyên Cáo này.

Tuy nhiên, vì hậu quả trầm trọng của sự việc này, có thể coi đó như một nhạo báng đối với nhũng cử chỉ anh hùng và tinh thăn chịu đựng của hai quốc gia — lôi đã chỉ thị cho T.s Kissinger, một lăn nữa, trì hoãn phê chuẩn bản văn và tìm cách thỏa mãn những điêu kiện “lối thiểu”của Ngài đề ra, mặc dầu lôi coi những điều kiện đó, lự nó, không đủ giá trị đễ biện minh những rủi ro cho lôi hay cho thái độ của Ngài với chỉnh phủ Hoa Ký.

Tiếp đó, Nixon thông báo về “phiên họp dài và gay cấn với Lê Đức Thọ vừa qua” và lý do tại sao Kissinger đã thất bại trong việc đòi hỏi thay đổi điều khoản liên quan đến vị trí của những toán giám sát trorig ủy-ban Hỗn hợp Quân-sự Hai Phe. Tuy nhiên Nixon cũng nói đến việc Kissinger đã thành công trong việc đòi hỏi một thay đổi quan trọng lién quan đến quyền tự quyết của dân chúng miền Nam Việt Nam. Đây là chung kết, Nixon viết tiếp :

Thưa Tổng Thống, thành thực mà nói, chúng tôi đã đòi hỏi được cho Ngài nhiều hơn là tôi tưởng. Nhưng được như vậy, tôi đã mang danh dự cả nhân để hứa với Bắc Việtđây là lần đ'ê nghị thay đổi chót. Nếu Ngài tiếp tục từ chối thì coi như Ngài khước lừ toàn bộ chính sách của tôi vẫn hằng ủng hộ Ngài, quí chính phủ và quí quốc.

Nếu Ngà, lựa chọn đường lối tiêu cực này, thì chinh Ngài đã vạch ra chính sách tương lai của Hoa Kỳ đối với Việt Nam. Tôi sẽ bắt buộc phải chiều ý Quốc hội và công luận Hoa Kỳ chỉ yểm trợ vừa đủ những nhu cầu có lính cách nhân đạo cho nhân dân miên Nam và bỏ qua những quyết định và nhiệm vụ khó khăn để viện trợ kinh tế và quân sự cho Việt Nam Cộng hòa như ta đã thảo luận ở San Clemente. Chảng cần phải nói dài dòng, nỗ lực của chúng tôi trên toàn cõi Đông Dương sẽ chấm dứt. Tôi coi sự lựa chọn của Ngài như chống đối sự phán đoán và cam kết của chính bản thân tôi.

Đây không còn là vấn đè của người đi thương thuyết hay của luật sư và chuyên viên. Đây là ván đê giữa tôi và Ngài. Sự lựa chọn là do Ngài. Xin Ngài trả lời tôi một cách dứt khoát minh bạch, trước Ị giờ sáng ngày 13 tháng 6, giờ Kashirgton. để tôi chỉ thị cho phái đoàn Hoa Kỳ ở Paris.^ Tôi đa chỉ thị cho T.s. Kissinger sẽ cùng B.s. Nguyên Lưu Viên ky kêt lúc 4 giờ chiêu ngày 13, giờ Paris và trở về \Vashington cùng ngày. Trước khi đó, ông Kissmger phai chuân bị văn kiện để phê chuẩn cùng với Lê Đức Thọ.

Xin Ngài hiểu cho rằng tôi sẽ coi tát cả những hành động của Ngai tỉ như đề nghị giải thích, sửa đổi bàn văn này nọ, trì hoãn, hay những xoay sở khác của Ngài là một quyết định của Ngài cố tình chấm dứt mối bang giao hiện hữu giữa hai chính phủ Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa.

T.s. Kissinger đã nhận chỉ thị trở về Washington chiêu mai. Tôi không chấp nhận sự trì hoãn hay thoái thác hắt cứ vì lý do gì. Tôi muốn Ngài ra chỉ thị dầy đủ cho phái đoàn Việt Nam Cộng hòa ở Paris sáng ngày 13 tháng 6, giờ Paris.

Trân trọng (kt) Richurd M. Nixon.

Thiệu lo âu v'ê bức thư trên, nhất là về câu Nixon nói ông ta coi sự trì hoãn như một “quyết định cố tình để chấm dứt mọi bang giao hiện hữu giữa hai chính phủ Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa”. Miền Nam Việt Nam trở thành cô lập trước những vi phạm đại qui mô của Bắc Việt.

\*

\* \*

Ngày 10 thảng 5, 1973 Hạ viện bỏ phiếi 219-188 chấm dứt việc dội bom của Hoa KỳỞ Cam-bốt. Nixon phủ quyết dự luật đó ! Bề ngoài, Melvin Laird, cố-vấn Tổng Thống, tuyên bố Nixon sẽ phủ quyết bất cứ dự luật lào của QH đệ trình mà có kèm theo vấn đề dội bom Cam-bốt. Bên trong, Laird gởi phiếu trình lèn Nixon báo động QH sẽ có thể vượt quá sự phủ quyết của ông.

Thế rồi Thượng-viện lại nới rộng việc cấm dội bom ở Cam-bốt ra, bao gồm cả lãnh thổ Lào và cho kèm điêu khoản này vào tất cả những dự luật gởi đến Tổng Thống để quyền phủ quyét gặp phải khó khăn. Lãr.h tri phe đa số Dân Chủ Thượng-viện, Mike Mansíield nổi giận tuyên bố Thượng-viện sẽ kèm tu chinh này vào tắt cả các dự luật : “Nếu Tổng Thống không muốn ngưng dội bom nhưng muốn ngưng mọi hoạt động trong chính phủ thì cứ việc làm” . Ngày 29 tháng 6, bất chợt Hạ-viện lại thông qua một tu chính kèm vào dự luật cấp thêm ngân khoản cho tài khóa hiện tại của ngân sách quốc gia. Tu chính này cấm mọi hoạt động hành quân của Hoa Kỳ không những ở Cam- bốt và Lào má còn trên cả toàn thể lãnh thổ Đông Nam Ả nữa. Thật là nguy to, bây giờ QH lại cấm thêm cả oanh tạc ở Đông Nam Á, tức gồm toàn cõi Việt Nam ! Lo ngại, Tổng Thống Nixon điều đình với Quốc hội bỏ tu chính đó đi và ông bằrg lòng cắt đứt mọi oanh tạc trên Cam-bốt trước ngày 15 tháng 8. Nhưng bất hạnh thay ! Lập trường của Nixon lại do Chủ tịch Cộng-hòa Hạ-viện, ông già Gerald Ford lẩm cẩm trình bày trước Quốc-hội ; Nixon lúc đó lại đang nghi ở San Clemente cùng với Kissinger, Haig, và Laird.

ông Ford viết lại về chuyện này như sau: “Buổi tối, trước ngày bó phiếu về vụ dội bom Cam-bốt, tôi viết ba điểm chính của Hành pháp đệ trình trước Quốc hội xuống một miếng giày. Thứ nhất, Nixon sẽ chấp thuận ngày 15 tháng 8 là ngày chấm dứt oanh tạc. Thứ hai , việc cấm những hoạt động quân sự Hoa Kỳ bao gòm tất cả Đông-Nam- Á, Thứ ba, Nixon sẽ phủ quyết mọi dự luật ngưng dội bom trước ngày 15, tháng 8”. Cái chết là không hiểu tại sao, Ford lại dùng chữ Đông-Nam-Á, thay vì chữ Cam- bốt và Lào ! Ford nói là ông có đọc lại những điểm đó cho hai nhân viên tham mưu tòa Bạch Ốc và nhân viên liên lạc Quốc Hội của Ngũ Giác Đài để xác nhận. Sáng hôm sau, Ford lập lại những điểm đó cho họ “vì nghĩ rằng họ không thấu triệt ý nghĩa của ‘toàn thể Đông-Nam-Á’; câu này đã viết rõ vào rrảnh giấy tôi còn giữ lại đây.”

Ngày hôm sau, sau khi nghe bài diễn văn của ông Ford đọc trước Quốc Hội, nhân viên của tòa Bạch Ốc là Max Friedersdorf và nhân viên liên lạc Quốc hội của Ngũ Giác Đài là John o. Marsh giật mình, họ gọi ngay cho ông Ford và nói: “Không được, đàng lẽ ông không nên nói “toàn thể Đông-Nam-Á” mà chì nên giới hạn ở Cam-bốt mà thôi.” Ông Ford trả lời: “Tôi đã lỡ nói như vậy trước Quốc Hội rồi ! Tôi đã xác nhận và tái xác nhận với các anh, không thể nói lại được nữa ! Chấm dứt!” Các nhân viên đó đôi co với ông Ford và nhấn mạnh “Không thể để như vậy được.” Ford đáp: “Chịu phiền vậy.”

Khi cuộc tranh luận ồ Quốc hội bắt đầu, câu hỏi đặt ra là có thật sự ông Ford đã tham khảo ý kiến của Nixon về việc này không? Được điện thoại, ông Nixon từ San Clemente gọi lại cho Ford. Theo Ford, thì ông đã nói chuyện với Nixon chừng mười phút và lập lại cho Nixon ba điểm vừa trình bày trước nghị trường Hạ Viện, ông Ford cho biết, ông Nixon đáp: “Được rồi !”. ông Ford quay lại nghị trường tái xác nhận những đièu vừa nói và tuyên bố Tổng Thống đã chấp thuận.

Ông Ford viết thêm : “Độ năm phút sau, Tướng Haig gọi cho tôi và nói: “ông không thể làm thíS được, Tổng Thống sẽ không chấp thuận điều này.” Tôi trả lời: “Tôi đã nói rồi. Rầt tiếc không cải chính được nữa. Sau cuộc điện đàm với Tổng Thống vừa rồi, tôi hiều là Tổng Thống Nixon đã chấp thuận như vậy.” Ford nhớ lại giọng thất vọng của Haig và nghe ông ta nói: “Tôi có ngồi ngay trong văn phòng Tổng Thống Nixon khi ông nói chuyện với Tổng Thống bằng điện thoại. Điều mà ông vừa trình bày với Quốc hội không phải là điều mà Tổng Thống hiểu ông nói như vậy.” ông Ford trả lời: “Rất tiếc, nhưng đó là điều phải làm.” Vài phút sau, Mel Laird gọi lại cho Ford và nói: “Tất cả mọi chuyện đều tốt đẹp. Đừng lo chuyện này nữa.” Haig vô cùng kinh ngạc cho rằng Laird và Ford âm mưu xuyên tạc “vì những giao động nội tình đất nước ... lối chơi làu cà này không thể diễn tả nổ  
i.” Sau khi Quốc Hội bò phiếu chấp thuận việc cấm oanh tạc Haig thất vọng và than với Nixon : “Thưa Tổng Thống, chúng ta đã mất toàn thể Đông-Nam-Á rồi !”

Nixon trả lời: “Tôi nghĩ là ông đã nói đúng !”

# CHUƠNG XIII - MỘT KHOẢNG THỜI GIAN COI ĐUỢC!

Ngày 24 tháng Giêng, 1973, chì một ngày sau khi Kissinger ký tay đôi với Lê Đức Thọ vào bản Hiệp

định Paris, Phụ tá Tổng Thống Nixon, John Ehrlichman có hỏi ông rằng: Theo ông, miền Nam Việt Nam còn có thể tồn tại được bao lâu nữa. “Tôi nghĩ rằng nếu họ may mắn, thì được một năm rưỡi,” Kissinger đáp lại. Lờ  
i tiên tri đó quả là chính xác. Tuy bề ngoài, chính ông và Tổng thống Nixon thường nói là bản Hiệp định đã cung ứng cho chính phủ Hoa Kỳ một khí cụ pháp lý, một càn bản mới đế tiếp tục yểm trợ miền Nam Việt Nam cũng như cho miên Nam một cơ hội “để họ chứng tỏ sức mạnh cố hữu của họ”, nhưng đằng sau hậu trường, Kissinger chì nghĩ tới một thời gian tạm thỏa đáng, “một khoảng thời gian coi được” (a decent interval) giữa việc triệt thoái quân đội Hoa Kỳ và việc sụp đổ tất hữu của Miền Nam.

Quan niêm này ông đã bắt đầu nuôi dưỡng ngay từ 1967 khi ông mói chỉ bắt đầu sờ nhẹ tay vào Việt Nam với tư cách là mệt cố vấn không chính thức của Tổng thống Johnson. Hòi đó, ông đã cố bí mật liên lạc với Hà Nội qua sự trung gian của hai người Pháp tên Hervert Marcovich và Raymond Atbrac. Lập trường của ông là chiến tranh ở Việt Nam chì có thể giải quyết được bằng giải pháp “một khoảng thời gian coi được.” Theo tác giả David Landau người đã nghiên cứu kỹ và theo sát Kissinger, thì :

“Kissinger cho rằng giải pháp duy nhất của Hoa Kỳ năm 1967 là dùng chính sách "một khoảng thời gian coi được". Nói cho đơn giản hơn, chính sách đó có nghĩa là sự sụp đổ của chính phủ miền Nam — điều mà ông cho là rất có thể xảy ra nếu không phải là bắt buộc sẽ xảy ra — phải được trĩ hoãn lại trong một thời gian kể từ lúc Hoa Kỳ triệt thoái đề cho Hoa Thịnh Đốn khỏi bị chỉ trích là đã không bảo vệ đồng minh của mình. Như vậy, điêu quan trọng chính yốu của cuộc chiến — vấn đè phe nào sẽ cai trị ở miền Nam — thực ra chỉ là một điểm không đáng để ý... Điều quan trọng không phải là cỏ nên hay không nên triệt thoái mà là triệt thoái như thế nào và bao giờ. ”

\*

\* \*

Xem nhu vậy, thì kể cả thời hạn của “khoảng thời gian coi được” đó cũng đã được tiên đoán ngay trong khi Hoa Kỳ còn đổ xô quân vào miền Nam và chiến tranh còn đang ở mức độ cao nhất.

“Khoảng thời gian coi được” đã bắt đầu vào cuối tháng 3, 1975 khi toán binh sĩ Mỹ cuối cùng lên mày bay rời Việt Nam. Trong khoảng thời gian đó, hai trong những yếu tố quan trọng nhất đã đưa tới việc sụp đổ mau lẹ của miền Nam là : kinh tế và quân sự.

Dù ảnh hưởng kinh tế về việc triệt thoái đã quá lớn lao, nhưng ảnh hưởng của tình hình thiếu an ninh do giải pháp “da beo” của hiệp định Paris lại còn trâm trọng hơn nhiều.

Quân đội Hoa Kỳ ra đi, mang theo với họ những khoản chi tiêu tới cả nửa tỷ đô la một năm. Lúc đó, miền Nam phải chấp nhận một hiện tượng co rút bi thảm của nền kinh tế. Vợ con binh sĩ không còn có thế đi giặt ủi hay bán thuốc lá cho lính Mỹ quanh doanh trại để thêm thắt vào đòng lương. Nạn thất nghiệp gia tăng vì đô la biến mất trên thị trường tiêu thụ. Chương trình tái thiết kinh tế, nhằm vào canh nông để giải quyết nạn thất nghiệp và gia tăng sản xuất với những kế hoạch khai thông kinh rạch, dẫn thủy nhập điền đều gặp trở ngại không thể vượt qua. Ảnh hưởng của những khoảng đốmda beo đã bắt đầu hiện ra rõ ràng vì nó rải rác khắp nơi trong nước. Sự hiện diện của quân đội Cộng sản lan tràn, đã chận đứng lại những chương trình phát triển từ nhỏ tới lớn. Một thí dụ nhỏ là trường hợp côngtyĐườngvàXi-măngHàTiên, dưới quyền kiểm soát của Bộ Kế hoạch. Sau ngày ngưng chiến, việc cung cấp mía cho công ty đường ở Phan Rang bị gián đoạn. Dân quê giao mía bị Việt cộng chận lại dọc đường và tịch thu. Xưởng xi-màng Hà Tiên bị pháo kích, nhân viên bị hăm dọa, sản xuất sụt xuống 70 phần trăm. Gạo từ miền Tây không tới được Sài Gòn vì quốc lộ 4 bị min và xe vận tải bị bắn nổ lốp. Trà và cà phê từ cao nguyên không chở xuống Sài Gòn được vì quốc lộ 14 và 20 thường bị Việt Cộng đặt min gây rối.

\*

\* \*

Vì viện trợ của Hoa Kỳ bị cắt giảm sau Hiệp định Paris, chính phủ Việt Nam Cộng hòa phải mở chiến dịch xin viện trợ của các cơ quan quốc tế và các quốc gia khác. Trước hết, sứt mẻ hồi 1966 khi tướng Nguyễn Cao Kỳ còn làm Thủ tướng. Ông Thiệu muốn cải thiện mối bang giao này. Pháp cử Jean-Marie Mérillon tới Sài Gòn nhậm chức đại-sứ đằu tiên sau 7 nám. Ngoài ra, để bày tỏ thiện chí và đánh dấu mối bang giao mới, Pháp đ'ê nghị cho Việt Nam Cộng hòa vay tiền dài hạn với lãi suất thấp để tái thiết xứ sở. Vì kinh nghiệm của Hưng làm Việc tại Qũy Tiền tệ Quốc tế, anh được chọn để hướng dẫn một phái đoàn của Việt Nam Cộng hòa sang thương lượng với Pháp. Đễ chứng tỏ cho chính phủ về khả năng chuyên môn cũng như tư cách của lớp người mới, Hưng hướng dẫn bảy chuyên viên xuất sắc đã từng theo học tại cácđại học lớn với đầy đủ kiến thức để thương lượng với những nhân viên cao cấp của Pháp, chỉ sau một ngày làm việc tại Paris, anh đa nhận ngay ra rằng thể thức viện trợ Pháp rất khó khăn. £'i’êu kiện của Pháp là mỗi đòng quan viện trợ của chính phủ phải kèm theo một đòng của ngân hàng tư. Thoạt nghe I.hì có vẻ hợp lý vì có sự tham gia của giới tư nhân. Nhưng có bắt tay vào việc mới thấy đây là một trở ngại lớn cho quốc gia nhận viện trợ. Người Pháp hãnh diện vì họ đă đóng góp 1 phần trăm tổng số sản lượng quốc gia cho ngoại viện, chiếu theo tiêu chuẩn Liên Hiệp Quốc ấn định cho các quốc gia đã được kỹ nghệ hóa. Nhưng trẽn thực tế, một trở ngại đối với viện trợ Pháp là : tiền của chính phủ thì cho mượn dài hạn và lãi xuất thấp, nhưng số tiền tương đương của ngân hàng tư thì lại ngắn hạn và lãi xuất cao. Cho nên, xét kỹ ra thì điều kiện này không hấp dẫn như ta tưởng. Một điều kiện nữa của viện trợ Pháp là quốc gia nhận viện trợ phải dùng tiền để mua hàng của Phap. Bởi vậy, nhìn kỹ vào thì thấy rằng: chính mấy ông chủ các ngân hàng tư mới thực sự là người chấp hành những chương trình viện trợ trên thực tế.

Hưng họp với các viên chức thuộc bộ Tài chánh Pháp và sau một tuần lễ điều đình khó khăn, Phá p bằng lòng trợ cấp 130 triệu quan. Anh muốn dùng tiền này cho các chương trình canh nông để giải quyết nạn thất nghiệp. Chương trinh này cằn những dụng cụ để khai thông kinh rạch và dẫn thủy nhập điền, nhưng người Pháp lại muốn bán mày truyền hình mằu và điện thoại cho Hưng. Họ còn muốn bán cả những nhà máy nhiệt điện, hệ thống phát tuyến cho vô tuyến truyền hình mằu, và xe đạp Peugeot của Pháp nữa. Có một món hàng mà họ cố gắng dụ Hưng mua là dụng cụ điện thoại. Trong một buổi họp, anh phải nói thẳng : “Thưa quí vị, hẹ thống điện thoại ở Sài Gòn còn tối tân hơn cả hệ thống ở một vài khu vực ngay tại Paris ! Hôm trước, cái ống nghe bằng sứ ở kh ách sạn tôi bị bề. Ở Sài Gòn, chúng tôi dùng ống nghe điện thoại bằng plastic.” Người Phápcũng như nhiều quốc gia khác đều cố gắng phát triển kỹ nghệ của họ qua chương trình viện trợ kinh tế.

Các ông chủ ngân hàng mời Hưng đi ăn riêng ở nhà hàng Maxim và Tour d’Argent “để thảo luận” nhưng anh từ chối, nhất định đòi mang cả phái đoàn Việt Nam Cộng hòa đi theo và cho họ hay rằng anh chì nhận sự khoản đãi sau khi chi tiết những dự án viện trợ đã được thỏa thuận. Các ông này tim được một người bạn học của Hưng ở đại học Virginia trước đây tên Jérôme. Anh này gọi cho Hưng ở khách sạn. Claridge trên đại lộ Champs-Enlysêe, và đề nghị đi một vòng phòng trà ở Paris để gặp những cô gái mỹ miêu ở đây. Hưng trả lời: “cả anh và tôi đã gập nhiều gái đẹp ở Mỹ rồi, bây giờ không phải lúc thuận tiện.”

Thay vì đê họ mời, Hưng yêu cằu Đại sứ Việt Nam ở Pháp mở tiệc tiếp tân để khoản đãi các viên chức chính phủ và chủ ngân hàng. Trong số quan khách có cựu Tổng trưởng Ngoại giao Maurice Schumann đại diện một ngân hàng tư nhân. Ông này cố gợi chuyện để gạ “tài trợ dự án”, nhưng Hưng đã tìm cách tránh ông ta vì trước đây, trong thời gian hòa đàm Paris, ông đã tỏ ra thiện cảm với Bắc Việtvà Việt cộng hơn là Việt Nam Cộng hòa. Cuối cùng, Hưng không thoả thuận được với người Pháp về khoản xử dụng tiền viện trợ và đồng ý là sự thảo luận sẽ được tiếp tục ở Sài Gòn

Bài học thực tế của ngoại viện là mỗi quốc gia.viện trợ đều có những dự án riêng của họ nhằm tăng cường kỹ nghệ trong nước và nới rộng thị trường thế giới . Nhật Bản muốn bán nhà máy thủy điện, ngân khoản viện trợ Nhật phải được dùng để mua hàng Nhật. Trong những năm trước khi Hưng về nước, Việt Nam Cộng hòa đã nhập cảng cả triệu xe gắn máy Honda, làm Sài Gòn có cái tên cả thế giới biết là Hondaville. Bây giờ, Nhật muốn dùng một phần của tiền viện trợ để tài trợ “nhập cảng thương mại”; nói trắng ra là gĩ3m cả nhập cảng phụ tùng xe gắn máy. Bởi vậy, riêng về viện trợ thì nhìn đâu cũng thấy kẹt ; không thể linh động tiền viện trợ hay tìm ngân khoản để giải quyết những khan hiếm quan trọng của Sài Gòn. v'ê kinh tế, Việt Nam Cộng hòa đa hoàn toàn lệ thuộc vào Hoa Kỳ .

Tinh thần và thực trạng lệ thuộc là một thứ ma túy ăn sâu vào guồng máy chính trị Sài Gòn. Khi Mỹ đi rồi, Sài Gòn như người bị thiếu thuốc, bất thình lình phải vật vã ! Triệu chứng này đau đớn cả thể xác lẫn tinh thần, cố vấn Mỹ đi rồi ; căn cứ Mỹ, Đại Hàn, úc bỏ trống như những khu phố ma. Xe vận tải cho lính Mỹ v'ê Sài Gòn nghi phép không còn xuất hiện nữa. Không còn trông đợi ở đâu ... chì còn nhìn lại chính mình ; nhưng mình thì lại gầy yếu, hom hem. Đất nước đã nghèo lại bao nhiêu năm chiến tranh tàn phá, chẵng còn gi mà tự lực cánh sinh.

Vào mùa hè năm 1973, nền kinh tế của miền Nam đã kiệt quệ, không còn đủ sức đương đầu với nạn thất nghiệp trầm trọng ở Sài Gòn cũng như tiếp tế cho đoàn người di cư từ những vùng Cộng sản về càng ngày càng đông.

Trong khi kinh tế chới với thi lại xảy ra một biến cố lớn trên thế giới : Chiến tranh Do Thái — Ai Cập trong trận Yom-Kippur vào mùa thu năm 1973. Ảnh hưởng tức thi của Yom -Kippur làm giá dầu hỏa tăng vọt gấp 4 làn. Đòng bạc Việt Nam bỗng bị hạ giá quá nhanh. Trong những năm chiến tranh, phải nhập cảng hơn 800 triệu đô la một năm đề nuôi dưỡng nền kinh tế. Thêm vào đó đủ loại vật dụng tiêu thụ do hệ thống hợp tác xã quân đội Hoa Kỳ (PX) tẩu tán ra khắp nước tạo thành một hệ thống chợ đen rất phồn thịnh. Đến năm 1973, hàng nhập cảng bị cắt đi một nửa ; nguồn lợi tức chính yéu cúa chính phủ do thuế nhập cảng cũng bị cắt đi một nửa. K hông còn cách gì để bù đắp cho sự thâm thủng của ngân sách nữa. Thuế lợi tức không bao giờ thâu được một cách hữu hiệu ; lợi tức quốc gia bị thụt xuống trong khi nạn thất nghiệp gia tăng. Đòng lương nhỏ nhoi của người lính thay vì được tăng lên lại thực sự bị giảm đi vì nạn lạm phát. M ột người lính trung binh được lãnh 20 ngàn đồng mót tháng trong khi một bao gạo 50 ký giá 14 ngàn đồng hồi mùa hè 1973. Sau khi mua bao gạo có lẽ chì đủ cho gia đình năm người àn một tháng, chẳng còn lại bao nhiêu để trả tiền nhà, thức ăn và thuốc men. Khi người Mỹ còn đó, vợ con binh sĩ có thể đi kiếm thêm bằng cách bán thuốc lá, đánh giầy, chùi nhà, giặt giũ cho họ. Bây giờ, tất cả những dịch vụ đó đã hết. Để bù đắp lại phần nào cho tinh thần binh sĩ, chinh phủ cho phép họ được mang gia đình đi theo và ở trong những trại gia binh. Họ phải trả tiền nhà nếu ăn trong câu lạc bộ; nếu ãn ở nhà với vợ con thì dành dụm được chút ít. Mang gia đình theo cũng an ủi phần nào cho nỗi thống khổ của anh em quân đội. (Nhưng đến khi Cộng sản tấn công, cái giá của việc để cho gia đình binh sĩ đi theo họ còn cao hơn cả giá của sự lạm phát).

Hưng được một người bạn là Chu Xuân Viên kể tình trạng của một người bà con anh làm huãn luyện viên của trường Bộ Binh Thủ Đức. Nhiệm vụ của anh ta là hàng ngày dẫn sinh viên sĩ quan ra bãi tập huấn luyện về tác chiến, nhưng mỗi ngày anh ta chì có một nắm xôi để ăn. Nắm xôi đượ c chia ra làm ba phần cho ba bữa, chấm muối vừng và uống nước lạnh. Tinh thằn binh sĩ suy sụp hân trong những năm 1973 và 1974.

Gánh nặng quốc phòng tăng dằn vì Bắc Việt tiếp tục duy tri áp lực qua chính sách “chiến tranh trong hòa bình”, tấn công du kích để kiềm chế hoạt độngcủachính phủ. Thí dụ, để phá hoại kỹ nghệ xuất cảng cao su, cs bắt cỡ90o/onhân công của đồn điên Michelin và công ty phải ngưng hoạt động. Đôi khi, chúng còn bắn súng cối vào các trại định cư để làm mất tinh thần dân tỵ nạn; dân chúng đã hết sức nổi giận khi chúng câu đạn 61 ly vào trường tiểu học Nhị Qúy ớ Cai Lậy, fmh Định Tường, làm thiệt mạng bao nhiêu trẻ em. Ở làng khác, cs lại phao tin đồn là chinh phủ bỏ thuốc độc xuống giếng nước để dân hoảng sợ và bỏ đi. Chính phủ găp rất nhiêu khó khăn khi dự định áp dụng chính sách kinh tế thời bình trong tình trạng thiếu an ninh. Giải ngũ thì không được mà tài nguyên kinh tế thì lại không cho phép chinh phủ duy trì một quân đội trên một triệu người.

Nội các tranh luận nhiều về ưu tiên quốc phòng và khả năng của nên kinh tế. Hưng đ'ê nghị âm thầm giải ngũ một số nhỏ thuộc thành phần không thiết yếu của Địa phương quân và nghĩa quân : chuyển một số nhân lực cần thiết vào những chương trình canh nông thay vì tăng nạn thất nghiệp ớ thành thị.

Tháng 10, 1973, quân đội bắt đầu thành lập những toán sản xuất để đóng góp vào nền kinh tế như trồng trọt ở khu vực chung quanh đơn vị hoặc nuôi gà, heo ngay trong trại. Ông Thiệu âm thầm cho giả ngũ 100,000 địa phtrơng quân và chuyển họ về quê quán để cằy cấy ! Khẩu hiệu “Tay Súng Tay cày” bắt đầu được đẩy mạnh.

\*

\* \*

Vào cuối năm 1973. nhịp độ tấn công của Bắc Việt bắt đầu gia tăng. Tình báo cho hay Bắc Việt đang tăng cường lực lượng ở dọc giới tuyến và biên giới Cam-bốt. Hà Nội lại vừa hoàn thành hệ thống dẫn dầu dọc theo đường mòn Hò Chí Minh để tiếp tế cho chiến xa và vận tải sẵn sàng cho quân đội của chúng tham chiến bất cứ lúc nào.

Một điểm chói sáng trong nền kinh tế của Việt Nam Cộng hòa lúc đó là hy vọng vào dầu hỏa. Khi giá dầu tăng vọt từ tháng 10, 1973, chính phủ nghĩ đến chuyện gấp rút cho khai thác những giếng dầu ở ngoài khơi. Các công ty Hoa Kỳ và các nước khác xin đấu thầu vào cuối năm 1973; và đến tháng 10, 1974 công ty Pecten Việt-Nam, một chi nhánh của hãng Shell công bố giếng dầu trắc nghiệm đã sản xuất với nhịp độ 1514 thùng dău thô một ngày. Một chương trình ngũ niên được thiết lập để khai thác thương mại. Hình ảnh về giếng dầu Pioneer của hãng Pecten được chiếu trên đài truyền hình Việt Nam cùng với báo cáo đấJ thằu của 15 công ty ngoại quốc làm cho người dân Việt Nam lên tinh thần. Họ có cảm tưởng là một ngày trong tương lai, Việt Nam Cộng hòa sẽ không còn phụ thuộc vào dầu nhập cảng và Hoa Kỳ nữa. Việt Nam có thể quyết định một mình không cần tham khảo người Hoa Kỳ và trút được gánh nặng của lệ thuộc.

“Người Hoa Kỳ sẽ phải trở lại vì dầu 1 da”. Đó là lý thuyết đầu tư mới. Trước đây, người Hoa Kỳ đầu tư xương máu và quân dụng ở Việt Nam, ngày nay họ sẽ đầu tư những món tiền đô la khổng lồ đ£ khai thác dầu hỏa.

Trong một buổi họp của nội các, Hưng được nghe có ông bạn đòng liêu nói: “Trước đây, Hoa Kỳ đi tìm những nguồn lợi chiến lược trong vùng nầy. Bây giờ là nguồn lợi về tiền bạc. Có lẽ đây là một cách buộc chặt chân người Hoa Kỳ”

Nhân cơ hội này, Hưng tìm cách nói khéo với các bạn đòng liêu về sự khác biệt trong việc buôn bán làm ăn giữa người Mỹ và người Việt. “Người Mỹ luôn luôn nghĩ tới lợi hại. H ọ sấn sàng tử bỏ việc đầu tư nếu nó không mang lại lợi tức.” Các bạn đồng liêu nhìn thấy Hoa Kỳ bỏ cả mấy trăm tỷ đô la vào Việt Nam, cho rằng họ phải tính toán cẩn thận để bảo vệ sự đằu tư của họ; và nếu bỏ quá nhiều tiền vô thì họ không thể bỏ đi được nữa. Hưng giải thích rằng Hoa Kỳ không đặt tình cảm hay lòng trung thành vào các công cuộc đằu tư. Anh lấy chuyện ông hàng phở để làm 1 hí dụ. Ở Việt Nam, một quán phở có thể là của cha truyền con nối; nếu có nhiều lợi thì người con sung sướng, nếu châng may lỗ lã, người con đành gánh chịu và vẫn có thể tiếp tục “nghề nhà”, vì đây là một phần gia tài của ông cha để lại. Lời lãi không chắc luôn luôn phải là mối quan tâm chính của thành công về thương mại ở Việt Nam. Hoa Kỳ thì không thế, lời lãi là chủ đích và là giá trị của tTương mại. Một người Mỹ điều hành một trạm xăng, cho dù trạm này do ông cha để lại, nếu không có lời trong ba tháng, anh sẽ tìm cách bán đi ngay. Trung bình, tiểu thương ở Mỹ chì thọ có năm nám thôi. Hưng giải thích thêm: “Không có chuyện “trọng nghĩa khinh tài” ở Mỹ.” Tất cả đều được đo lường bằng tiền bạc. Nhưng càng ở   
Sài Gòn lâu anh càng nhận thấy rõ hơn quan điểm chung của người Việt là Hoa Kỳ không thể để mất miền Nam Việt Nam được. Mặc dù đã rút quân đi nhưng đằu tư của Hoa Kỳ vẫn còn bền bì và lâu dài, nhất là những đằu tư về uy tín và danh dự của quốc gia này.

Kissinger có lần nói với Đại sứ Việt Nam Cộng hòa ở Paris: “Mối quan tâm chính yéu của Hoa Kỳ là thấy Việt Nam Cộng hòa tờn tại trong tự do. Mặc dù rút quân ra nhưng chúng tôi sẽ không rút khỏi địa bàn hoạt động chính trị ở miền Nam Việt Nam đâu.”.

Bây giờ đầu tư bằng đô la của tư nhàn Mỹ lại đổ vào Việt Nam. Có lẽ câu phương châm của Mỹ có lý: Đành một cắc, theo một đồng” Hưng nghĩ có lẽ anh đã lầm khi nghĩ rằng Mỹ sẽ bỏ Việt Nam, và lý thuyết đầu tư cửa những bạn đòng liêu của anh vẫn còn có giá trị. Có lẽ những người bạn của anh vì đã làm việc và chiến đấu bên cạnh người Mỹ nhiều năm trong thời chiến đã hiểu ý định của họ ở Việt Nam rõ hơn anh, mặc dù anh đã ở Mỹ lâu năm.

Sau khi tỉm thấy dầu ở ngoài khơi, công ty Hilton lại đề nghị xây một trung tâm khách sạn và hội nghị quốc té tại Sài Gòn. Công ty đòi mua tòa nhà Phủ Thủ Tướng ở gần Dinh Độc Lập. Đ'ê nghị đó có vẻ như một chuyện khôi hài, nhưng ông Thiệu nói: “Cứ để Mỹ họ và 3. Cho họ dễ dãi không phải trả thué và nhượng đất cho họ. Cứ để họ vào.” Công ty Hyatt thì đã hoàn thành chương trình và đò án để xây một khách sạn tối tân, 22 tầng, 553 phòng trên khoảng đất 5,673 thước vuông, ở góc đường Hàm Nghi và bến Chưong Dương. Du khách có thể nhìn khung cảnh ngoạn mục của sông Sài Gòn và phong cảnh hang chục cây số ở xa.

Trong một chuyến đi trực thăng ra ngoỀi khơi thăm giếng dằu, Hưng hỏi người phi công Mỹ rằng anh có nghĩ Việt Nam có dầu không. Anh ta trả lời: “Tôi không phải là một chuyên viên dầu hỏa, nhưng tôi đã bay ở ngoài khơi hai mươi năm nay. Hễ xứ nào có nhiều tòm lớn là xứ đó có dằu hổa”. Tôm thi sông ngòi miền Nam khỏi nói. Vào cuối năm 1974, một công ty dằu đề nghị với Hưng xin đào giếng dằu ngay ở Cần Thơ, và yêu cầu anh nói với chính phủ cho họ bắt đầu ngay khỏi phải qua thủ tục đấu thầu. Họ bằng lòng trả ngay cho chính phủ 15 triệu đô la khi ký giao kèo và sau đó tiền lời thì chia đôi với chính phủ. Hưng đề nghị với ông Thiệu và được chấp thuận trên nguyên tắc. Công ty này thành lập hồ sơ và quyết định sẽ nạp đơn vào hè 75. Đó cũng là một điều bí mật khác của quốc gia: Ngay ở trên đất liền cũng có dầu hỏa.

Từ khi có vụ đấu thầu dầu hỏa vào tháng 7, 1973 và chính phủ đa thực sự thu được gần 50 triệu đô la dò các hãng đóng khi nạp đơn và được chia lô, cơn sốt dầu hỏa đã lan ra khắp miền Nam. Các vị chì huy ở ngoài chiến trường nhìn thấy giàn khoan dầu “Hoa Hồng số 9“trên TV, do hãng Pecten thực hiện (4,500 feet dưới lòng biển) đã có lý do để nói với binh sĩ là họ chì còn phải chịu đựng ít lâu nữa thời. Việt Nam sẽ có dầu hỏa và sẽ giầu có sung túc hơn, vì giả dầu đang lên vùn vụt. Trong những buổi họp nội các hàng tuần, trong giờ cơm trưa, câu chuyện dầu hỏa là câu chuyện phổ thông nhất. Dầu hỏa như là thứ thuốc bổ mới, là thuốc giải độc cho tinh thần đang bị cô lập và tuyệt vọng, là một nguồn an ủi cho sự phiền muộn phải ngửa tay đi xin. Tuy nhiên, Hưng khuyến cáo các bạn đòng liêu rằng dầu hỏa có thể như con dao hai lưỡi: Đầu tư dầu hỏa của Mỹ có thể kích thích Bắc Việttiến chiếm miền Nam lẹ hơn!

Vào mùa hè 1974, giữa lúc vụ Watergate đang bùng nổ lớn, Hưng đến Washington, được cơ quan AID bảo nên nói với õng Thiệu đừng la lối về những vụ vi phạm của Bắc Việtkẻo những người đầu tư sợ không dám bỏ vốn vào. Thật là khó xử. Một mặt, những nhà quân sự nói với Hưng phải trình bày những vụ vi phạm của Bắc Việt, mặt khác, những nhà kinh tế của Bộ Ngoại Giao và AID Mỹ khuyên đừng la hoáng, kẻo đuổi những đầu tư đi.

\*

Đại sứ Bunker rời Sài Gòn vào tháng 5, J973 và Graham Martin đến thay, tháng 7, 1973. Martin đã nổi tiếng từ khi còn là Đại sứ ở Thái Lan (1963-67). ông là loại người ưa hành động, tính cương trực và rất thân cận với Nixon. Nixon biết Martin từ những năm trong thập niên 50 khi ông này còn làm tham mưu trưởng cho Thứ Trưởng Ngoại Giao Douglas Dillon, khi Nixon là Phó Tổng Thống. Năm 1967, khi Nixon đi thăm Nhật Bản và Đông Nam Ă với tư cách là luật sư đại diện hãng Pepsi Cola, lúc đó ông đã để ý đến cuộc tranh cử Tổng Thống 1968 — ông đã được Martin đón tiếp niềm nở ở Thái Lan và bàn luận rất nhiều đến những diễn biến ở Đông Dương. Nixon kính nể Martin vì ông này là một nhà ngoại giao chuyên nghiệp nhưng hành động của ông lại khác hân truyền thống của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ. Níxon thông báo việc bổ nhiệm này cho ông Thiệu ở San Clemente. Martin tháp tùng Kissinger trong những phiên họp chung kết của bản Tuyên Cáo với Lê Đức Thọ ở Pai is. Martin kể lại : “Tôi không chịu đi dự buổi ký bản Tuyên Cáo đó ; không biết cái gì dở hơn : Hoặc là nội dung của nó, hay là việc Kissinger đơn phương đi điều đình qua mặt Việt Nam Cộng hòa.”

Ở Sài Gòn, tên Martin trùng với tên nhãn hiệu cà phê của Pháp, vì thế ông Thiệu đặt cho người đại sứ này cái tên hiệu là “ông Cà Phê”. Thiệu chì dùng cái biệt hiệu này trong giới thân cận mà thôi. Ông có lần hỏi Hưng: “Anh có biết gì về ông già Cà Phê đó không?” Hưng nghĩ là anh có thể nói chuyện với Martin được, vì ông là người ở North Carolina, còn Hưng thì cũng bắt đằu đi dạy học ở North Carolina, chắc có nhiều chuyện đế nói. Hưng đoán có lẽ Martin cũng cùng mẫu người với Bunker, nhưng sẽ không hết lòng giúp đỡ như Bunker. Có lẽ ông ta se giữ đúng lề lối của một nhà ngoại giao chuyên nghiệp mà thôi.

Nhưng ít lâu sau khi Martin tới Sài Gòn, anh đã nhận thấy ngay rằng ông khác hản với những gì anh đã dự đoán. Martin là một người rất hăng say trong công việc vận động cho những chương trình viện trợ; ông ta hứa sẽ trình bày vói báo chí và đích thân vận động với Quốc hội. Ông ta rất mừng khi biết Hưng học ở Đại học Virginia dưới trướng của James Schlesinger là đương kim Bộ Trưởng Quốc Phòng, và anh đã dậy học ở North Carolina. Martin còn ngạc nhiên vì Hưng là hội viên của hội Newma, một tổ chức sinh viên công giáo cùng với Nghị sĩ Ted Kennedy, khi ông này còn là sinh viên của Đại học Virginia hòi 1958.

Martin hỏi ngay khi mới gặp Hưng: “Anh có biết Thượng nghị sĩ Kennedy đối xử với xứ anh ra sao không T'

“Thưa ông Đại sứ, lẽ dĩ nhiên tôi biết. Thoạt đầu là ông John Kennedy dẹp bỏ ông Diệm, rồi bây giờ đến ông em, tìm mọi cách cắt viện trợ cho Việt Nam Cộng hòa.”

Cuối năm đó, Hưng mời ông Martin đi ăn cơm ở nhà hàng La Paix đường Đinh Tiên Hoàng. Khi nói đến Kennedy, Hưng có phàn nàn là Kennedy đã vạch lá tim sâu, đi tiên phong trong việc đòi lại 226 triệu Mỹ kim mà Bộ Quốc Phòng đã chi cho Việt Nam Cộng hòa trong năm cũ, bây giờ bắt phải lấy tiền tài khóa này để trả lại, và hỏi Martin: “Làm như vậy, có lẽ ông ta đã không nhận thức được rằng nếu Cộng sản chiếm được miên Nam thì dân Công giáo sẽ ra sao?”

Marin nói: “Tôi không dám chắc là anh nghĩ đúng!”

Hưng nghĩ đến chuyện Kennedy ở Charlottesville và nói với ông Martin rằng ông rất lo ngại Kennedy có ngày sẽ trở thành Tổng Thống Hoa Kỳ. Martin đáp: “Dân Mỹ không đến nỗi khờ đến thế đâu!”

\*

Sau khi gặp gỡ xã giao vói Đại sứ Marán, Hưng trở lại Washington vào tháng 7 đ€ nghe ngóng tình hình viện trợ và để xem tòa Bạch ốc, Quốc Hội, cơ quan AID, và bộ Quốc Phòng đánh giá Sài Gòn ra sao. Anh gặp Warren Nutter là thằy đỡ đầu cũ vừa từ bỏ Quốc Phòng trở về đời sống giáo sư tại Đại học Virginia. Ông Nutter khuyên Hưng nên gặp Melvin Laird. Là cha đẻ của kế hoạch Vietnamization — Việt Nam hóa chiến tranh — Laird được gọi vào làm cố vấn cho Nixon khi vụ Watergate nổ lớn. Hưng hy vọng rằng Laird có thể là một đối thủ của Kissinger và ở ngay tòa Bạch Ốc.

Ngoài ra, Nutter còn hy vọng rằng vì đa khai sinh ra chương trình “Vietnamization”, Laird sẽ muốn theo dõi nó ở Việt Nam. Thực ra, chương trình này đã gày nhiều thắc mắc lớn. Trong khi chương trình này nói là để trang bị quân đội Việt Nam, nhưng trong thực tế, nó là một lối “chạy làng trang trọng” của Hoa Kỳ khỏi miền Nam. Hưng theo dõi gần gũi hoạt động của Laird trong nhiệm kỳ thứ nhất của Nixon. Anh nhận thấy rằng chủ đích của ông này là triệt thoái quân đội Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam càng mau càng tốt. Ông ta không quan tâm đến vấn đê Việt Nam mà chì chú trọng theo dối ảnh hưởng của chiến tranh đối với hiện tình nội bộ của Hoa Kỳ và tư thế chính trị của đảng Cộng Hòa.

Hưng và Nutter đến gặp Laird tại vãn phòng đặt ở cánh Tây của tòa Bạch Ốc. Laird tươi cười, n nã nhận, đặc biệt có vầng trán rất cao và rộng. Đối với ngươi Việt thì đó là tướng rất thông minh và nhiều thủ đoạn chính trị.

Nutter đã nói trước với Hưng là Laird rất khôn ngoan và khéo léo, biết tránh và rất giỏi khi phải lựa đường đi đén mục tiêu. Hưng yêu càu Laird cho tiếp tục kế hoạch “Vietnamization” giai đoạn II, là yểrr trợ những chương trình phát triển kinh tế và đòng thời tiếp tục trang bị quân sự cho miền Nam trên căn bản “một đổi một” của hiệp định Paris. Như vậy, miền Nam dần dần sẽ bớt lệ thuộc vào Hoa Kỳ. Laird đáp: “Lẽ dĩ nhiên, lẽ dĩ nhiên rồi”. Thoạt đầu Hưng thấy có thể tin tưởng ở ông này một phần nào. Nhưng càng nói chuyện lâu, Hưng càng thấy ngạc nhiên vì Laird không hiểu thấu đáo về vấn đề Việt Nam hiện tại. Laird lắng nghe kỹ càng và bầy tỏ thiện cảm với Việt Nam Cộng hòa, nhưng Hưng khó đoán ông ta nghĩ ra sao về vấn đề tiếp tục chương trình “Vietnamization”. Hưng xin ngân khoản và quân dụng để trang bị cho hai sư đoàn tổng trừ bị, thêm vào số mười ba sư đoàn đã có sẵn của Việt Nam Cộng hòa.

Laird nói lảng sang những chuyện đại cương, tì như ca ngợi lòng dũng cảm của quân đội miền Nam và quyết tâm của nhân dân miền Nam chống Bắc Việt. Mặc dầu Laird ra chiêu có thiện cảm, Hưng cảm thấy ông ta đã chỉ muốn rút hế t quân ra khỏi Việt Nam. Giờ đây, công việc đã hoàn thành, Laird chỉ muốn phủi tay. Tuy nhiên, ông vẫn hứa hẹn là hét sức tiếp tục yểm trợ Việt Nam Cộng hòa về mọi mặt.

Laird biét rõ về Hưng và nhớ cả chuyện Hưng là học trò của Bộ Trưởng Quốc Phòng Schlesinger. Laird ca tụng Schlesinger và nói ông này sẽ giúp được nhiều việc trong chương trình canh tân quân đội Việt Nam Cộng hòa. Hưng thấy ngay là Laird muò'n chuyển trách nhiệm cho người kế vị ông ta ở Bộ Quốc Phòng. Sau buổi họp, Hưng hỏi Nutter xem ông nghĩ sac về Laird? Nutter mĩm cười đáp: “Bây giờ thì anh đã hiểu hơn rồi !”

Trước khi rời XVashington, Hưng yêu cầu một buổi họp với Schlesinger, với tư cách là phụ tá đặc biệt của Tổng Thống Việt Nam Cộng hòa. Anh có cảm tưởng vừa tốt vừa xấu với Schlesinger; khi còn ở đại học Virginia, anh thấy ông này phách lôi vô cùng. Và vì cái tính cằn cọc nóng nảy của ông thầy này, Hưng cho rằng ông không ưa người Á Đông. Anh không coi Schlesinger là người bạn của Việt Nam Cộng hòa nhưng so với Kissinger, Schlesinger ít ra cũng ít thủ đoạn, cởi mở và chân thật hơn.

Trên đường đi đến Ngũ Giác Đài trong chiếc xe có tài xé lái của toà Đại sứ, Hưng nghĩ lại chuyện hồi năm 1958, anh và người bạn Nhật Bản của anh, Yoshio Hara, là hai sinh viên Á Đông độc nhất ở phân khoa kinh tế có tiếng của Đại học Virginia, Hưng và Hara cùng cảm thấy lạc loài, nhớ nhà, và chia xẻ với nhau những chuyên ly kỳ và những nỗi khó khăn phải thích nghi với đời sống Mỹ. Hai người đã vi phạm luật cấm nấu ăn ở trong pliòng vì đêm đêm đã lên lút thổi cơm ăn với nhau. Một buổi chiều oi bức tháng 7, Hara trở về phòng với dáng ủ rũ khác thường: Schlesinger đã nói với Hara là anh khó có thể lấy bằng tiến sĩ ở Virginia được. Hưng hỏi tại sao? Hara đáp: “Õng ấy nói. đối với các anh thì bằng cao học (M.A) là đủ rồi.” Hưng tức giận vô cùng, không những tức cho anh bạn mà còn cho mình nữa. Nếu bằng cao học đã đủ cho anh Nhật Bản rồi, thì đối với anh Mít này thì sao? Anh có lẽ cũng sẽ bị loại ra khỏi chương trình tiến sĩ. Hưng đã gặp khó khăn với Schlesinger trong môn học về lý thuyết tiền tệ. Anh đén gặp Warren Nutter lúc đó cũng dậy ở khoa Kinh tế. Nutter không ưa thích gì Schlesinger, khuyên anh cố gắng theo đuổi chương trinh này. Hưng thức đến 3 giờ sàng đễ học bài mấy tuần lê liền, cố gắng qua môn của Schlesinger với điểm B là đủ rồi. Cuối cùng Schlesinger cho anh B với 3 dấu trừ kèm theo. Thế là anh đã thỏa mãn.

Hưng còn nhớ rõ năm 1960, buổi tối ngày bầu cử tại Mỹ, các sinh viên cao học kinh tế được mời đến nhà Schlesinger để xem kết quả. Bà vợ tóc đỏ khả ái của Schlesinger nấu nướng cho mọi người ăn uống nhậu nhẹt để đợi kết quả đầu phiếu. Khi các đài TV bắt đàu ước đoán là Kennedy có chiều thắng, Hưng tỏ vẻ thất vọng nhưng Schlesinger thì vui vẻ vô cùng, Hưng tự hỏi Schlesinger là đảng Cộng Hòa mà sao lại vui mừng khi thấy Nixon thua, đó là hòi 1960, thế mà bây giờ (1973) ông lại ở trong chính quyền Nixon, làm sao ông có thể phục vụ Nixon đắc lực được?

Khi chiếc Mercedes tới cổng Ngũ Giác Đài, Hưng quyết định phải thay đổi lối xử sự thày trò với Schlesinger. Anh ôn lại trong đàu cách lập luận của anh, và anh sẽ nói một cách chậm chạp và khúc chiết. Anh nhớ lại lối giảng bài của Schlesinger, không bao giờ giở sách vở, đi đi lại lại trong lớp để làm sinh viên chú ý, mồm ngậm ống điếu, áo sơ mi lòi ra ớ sau lưng, thường mở đầu câu nói bằng : “Tôi thấy hình như rất rõ ràng rằng ...” hoặc “Hãy để tôi thử trình bày vớ các anh, các chị rằng ...” Hưng nhớ kỹ những điếm đặc thù đó cùng với sự khôn ngoan anh học được, và những giờ học dài dặc còn in rõ trong tâm trí. Bây giờ anh ngồi đối diện với Schlesinger, không phải là một sinh viên nữa, mà là viên chức của một nước bạn phải lệ thuộc vào Mỹ để tòn lại. Một lần nữa, Schlesinger lại được quyết định để ảnh hưởng đến đời anh.

Hưng ngồi đợi ở phòng ngoài đến mười phút. Anh nói với tướng Wickham, sĩ quan phụ tá của Schlesinger rằng lần sau anh muốn được bâo trước nếu buổi họp bị chậm trễ. Schlesinger đứng dậy khỏi bàn giấy để đón Hưng. Trông ông ta không có gì thay đổi cả : sơ mi trần, cà vạt bỏ thòng, sơ mi lòi ra ở sau lưng, răng ngậm chặt ống điếu. Tóc ông bạc và trông già trước tuổi. Lúc đó, ông mới 43 tuổi. “Hãy đế tôi trình bày với anh rằng tình hình ...” Schlesinger ngửng lại đây, phì phào khói thuốc mấy lần rồi mới nói tiếp “biến chuyển rất mau.” Thật là bí hiểm. Cung cách và dáng điệu vẫn như năm nào ở giảng đường khi Schlesinger bắt đầu giáo điều cho một anh sinh viên còn bỡ ngỡ. Hưng chuyển lại lời Melvin Laird nói Schlesinger sẽ rất giúp ích cho Việt Nam. Ông đáp lễ bằng : “Lẽ dĩ nhiên” và hỏi v'ê trọng trách của Hưng ở trong chính phủ.

“Nhiệm vụ của tôi là giúp Tổng Thống Việt Nam Cộng hòa chấn hưng nền kinh tế, không những là tái thiết vật chất mà còn yểm trợ bằng những biện pháp tiền tệ và ngân sách nữa. Để thi hành những biện pháp về tiền tệ, tôi hy vọng có thể áp dụng một số nguyên tắc đã học được của ông như việc thiết lập lãi suất và hối suất một cách cho thực tế.” Hưng cố gắng nói chậm chạp để giữ được vẻ trang nghiêm .

Schlesinger cười và trả lời: “Có vẻ thích hợp đấy.” Dù anh cố gắng, nhưng vẫn nhận ra rằng rrình lại trở lại vai vé sinh viên khó lòng mà đập vỡ cái vỏ Schlesinger được. Schlesinger nói tiếp ; “Tôi thấy hình nnư rất rõ ràng rằng trách nhiệm của anh ...” , nhưng lại nghĩ ngợi, thở khói, rồi mới dứt câu : “... nặng nề đấy.”

Hưng cũng trình bầy thêm một phần trách nhiệm của anh là giúp Tổng Thống trên địa hạt quân viện. Anh muốn nói đến chương trình Enhance Plus tiếp tế quân dụng cho Sài Gòn trước khi ngưng chiến. Chương trình có vẻ bề ngoài hơn là nội dung vì Hoa Kỳ chuyển đến cho quân đội Việt Nam Cộng hòa những quân dụng không thích hợp. Thí dụ phi cơ F-5A loại cũ cánh bị thủng lỗ mượn của Đài Loan, không thích hợp với không quân Việt Nam. Hưng yêu cầu Schlesinger yểm trợ. Ngoài ra Hưng cũng xin huấn luyện thèm phi công Việt Nam.

Hưng nói tiếp : “Giờ đây quân Bắc Viẹt rải rác trên khắp lãnh thổ miền Nam. Sự kiện này làm cho những chương trình tái thiết và phòng thủ của chúng tôi gặp nhiêu khó khăn.” Anh cũng nhắc đến việc Quốc Hội Hoa Kỳ muốn cắt đứt những cuộc oanh tạc ở Cam-bốt và nhất là thái độ chống chiến tranh ở Quốc hội. Schlesinger bày tỏ cảm tình. “Tôi tin chắc là các anh cằm cự được, nhưng nếu tình hình khó khăn Tổng Thống Nixon sẽ ra trước Quốc hội và nhân dân Hoa Kỳ xin yểm trợ cho các anh.” Hưng cảm ơn Schlesinger và hứa hẹn sẽ báo cáo với ông Thiệu.

Hưng nhắc nhở Schlesinger rằng ông là người Bộ trưởng Quốc phòng duy nhất của Nixon đã chưa hê thăm viếng Việt Nam Cộng hòa lằn nào. Schlesinger hứa sẽ đi thăm và Hưng hứa sẽ đón tiếp ông nồng hậu.

Hưng càng đến thăm Robert Hill, Phụ tâ Bộ trưởng Quốc phòng đặc trách về An Ninh Quốc Tế, Thượng nghị sĩ Ted Kennedy, dân biểu Otto Passman thuộc ủy-ban Ngân sách Hạ viện, và dân biểu Zablocki thuộc ủy ban Bang giao Quốc Tế Hạ viện. Hưng nhận thấy có sự khác biệt. Một mật các viên chức trong chính quyền Nixon ai cũng cho rằr g xin viện trợ cho Việt Nam Cộng hòa tất sẽ gặp nhiều khó khăn nhưng cuối cùng thế nào cũng xin được. Ở Quốc hội thì khác hẵn ít ai còn cảm tình với Việt Nam Cộng hòa ; mấy ông nghị đều cho rằng quân viện thì khó khăn nhưng viện trợ kinh tế thì có thể kéo dài vài năm nữa. Hưng cũng đến gặp bà Anna Chennault người vận động cho Trung Hoa Dân Quốc. Bà Chennault nói: “Anh đừng lo, Kissinger sắp xuống dốc rồi.”

Khi về tới Sài Gòn, Hưng hy vọng rằng Schlesinger có thể là đồng minh của Việt Nam Cộng hòa ở Hoa Thịnh Đốn vì lúcđóđã thật rõ ràng rằng Kissinger đang muốn chôn hẵn Việt Nam vào dĩ vãng. Hưng đề nghị ông Thiệu chính thức mời Schlesinger thăm viếng Sài Gòn. Anh dự định sẽ đưa Schlesinger di thăm vùng thực sự có những vi phạm đình chiến của B V và sẽ mượn trực thăng của ông Thiệu đưa ông đi thăm đảo Hòn Yến ở ngoài khơi Nha Trang một ngày. Chắc chắn là Schlesinger sẽ thích lắm vì ông ta có cái thú thích ngắm và nghe chim hót; đôi khi ông ngồi dưới gốc cày cả nứa buổi để ngắm vài con chim làm tổ.

Hưng hỏi ý kiến Eric Von Marbod, Đệ nhất Phó phụ tà Bộ trưởng Quốc phòng đặc trách về An N inh Quốc Tế, người coi về tiếp vận cho Việt Nam Cộng hòa. Nutter giới thiệu Von Marbod cho Hưng, và ông này rất hiểu biết những vấn đề liên quan đến Việt Nam. Anh gặp Von Marbod nhiều lần khi anh đến thăm Nutter. Bây giờ Von Marbod là người thân cận của Schlesinger. Hưng thảo một lá thư đề ông Thiệu gởi cám ơn Schlesinger về những “nỗ lực cao quí của ông nhằm thi hành những cam kết của CTÍnh phủ Hoa Kỳ đối với sự ổn định tình hình quân sự, chính trị, và kinh tế của Việt Nam.”

Hưng đề nghị với ông Thiệu gởi lá thư cho Schlesinger nhưng ông lưỡng lự vì sợ làm phật lòng Kissinger. Ông Thiệu dặn Hưng nên gởi công điện cho Schlesinger qua Von Marbod, cảm ơn ông ta và hứa sẽ gửi thư chính thức mời một tuần lễ trước khi ông sẵn sàng sang Sài Gòn. Thiệu không muốn gởi thư chính thức vì ông muốn ăn chắc, ông sợ lời mời bị tử chối ; ông đã không biết rằng vì tình hình chính trị nội bộ ở Wash ngton lúc đó, lời mời của Việt Nam Cộng hòa sẽ làm Schlesinger mạnh hơn đễ đương đầu với Kissinger. Nếu chì mời miệng thôi, thì rất khó cho Schlesinger có thể tránh được sự phản đối của Kissinger. Kissinger không muốn ai khác trong chính phủ đóng vai trò chính yếu trong chính sách Hoa Kỳ ở Việt Nam.

Von Marbod cho Hưng biết Schlesinger nhận lời mời và dự tính sang thăm Việt Nam vào năm 1974. Tuy nhiên, cứ mỗi lần Hưng đề nghị hành trình thăm viếng thì cuộc thăm viếng lại bị hoãn lại. Ông Thiệu tin ráng Kissinger cản trở việc này. Sau lần hoãn thứ ha, Hưng nói với Thiệu : “Tử khi Agnevv sang đây, tôi đoán VVashington không muốn cho nhân vật cao cấp nào trong chính phủ liên lạc với chúng ta nữa.” Ông Thiệu khôrg trả lời, lấy điếu xì-gà Schimmelpennick ra hút, thở khói, và mìm cười như ra chiều muốn nói: “Anh thấy chưa? Tôi đã bảo đừng gởi thơ mời chính thức.”

\*

\* \*

Ngày 30, tháng 8, 1973 Thiệu nhóm họp Hội đòng Ch’1 đạo Tối cao tại Dinh Độc Lập. Ông phân tích tình hình quân sự và liên đoán rằng trong năm 1973 và 1974, mục tiêu của cs sẽ ch’1 là phá hoại chương trình tái thiết kinh tế và mở một chiến dịch “tấn công toàn diện” chứ không phải một cuộc “tổng tấn công”. Chúng sẽ đánh phá khắp nơi nhưng không đánh lớn đủ để kích thích sự trả đũa của Mỹ. “Chúng sẽ đợi cho đến khi sắp có bằu cử Tổng Thống Hoa Kỳ năm 1976 mới tấn công đại quy mô. Chắc chắn như vậy rồi.” Thiệu kể lại những cuộc tổng tấn công của Cộng sản thường xẩy vào những năm tổng tuyển cử tại Mỹ như nărr 1964, Tết Mậu Thân 1968, và mùa hè đỏ lửa 1972. Thiệu cho rằng có thể năm 1975 chúng sẽ bắt đầu cuộc tấn công và sẽ lên tới nhịp độ cao nhất vào nãm 1976 là năm Ford ra ứng cử. Tiên đoàn khá trúng về chiến dịch của Bắc Việt, ông Thiệu và các tướng lãnh cao cấp bắt đằu hết sức lo ngại vì bỗng nhiên Quốc Hội Hoa Kỳ đã bắt Tổng Thống Nixon phải ngưng dội bom tại Cam-bốt kể tử ngày 15 tháng 8, 1973. Trong khi đó thì Thượng nghị sĩ Kennedy đổ dòn nỗ lực vào việc cắt viện trợ quân sự và kinh tế. Không khí khó thở đang bao trùm Sài Gòn, và vụ Watergate đang làm yếu dằn uy thế Nixon. Không ai xét đến nhu cầu của Việt Nam Cộng hòa khi quân Mỹ đã rút khỏi miền Nam. Ngày 8 tháng 3, Nixon viết thư cho Chủ tịch Hạ viện và lãnh tụ phe đa số ở Thượng viện để kháng cự việc bắt ngưng oanh tạc Cam-bốt như sau:

“Tôi ch’1 có thể hy vọng rằng Bắc Việtkhông đi đến kết luận nhầm lẫn là vì hành động này của Quốc hội mà họ có thể mở những cuộc tấn công trên những vùng đất khác ở Đông Dương. Bắc Việtsẽ mắc phải lỗi lầm vô cùng nguy hiểm nếu họ cho rằng cuộc ngưng oanh tạc ở Cam-bốt là lời mời gọi để họ vi phạm Hiệp định Paris. Nhân dân Hoa Kỳ sẽ trả đũa những cuộc xâm lăng đó một cách thích đáng.

Trong một bữa ăn trưa của phiên họp nội các, một tổng trưởng hỏi Hưng : “Tại sao Nixon lại viết ‘tôi chì có thề hy vọng rằng Bắc Việtkhông đi đến kết luận nhầm lẫn ?’ Ý ông ta muốn nói gì ? Tại sao lại chì có thể hy vọng’ ? Thật là lạ lùng như thể ông ta viết cho Sài Gòn chứ không phải cho Quốc hội. Lá thư Nixon viết cho Quốc hội Mỹ thì chẳng có nghĩa gi. Ông ta nói ‘Nhân dân Hoa Kỳ sẽ trả đũa’ nhưng còn ông Tổng Thống mà họ bầu ra thì sao? Tại sao không trả đũa ?”

♦

♦ \*

Khi Hưng bắt đầu tham dự những buổi họp cao cấp, anh thấy ngay rằng tinh thần tướng lãnh và quân đội bắt đằu suy sụt quá lẹ kể từ khi có tin rằng viện trợ Mỹ bắt đằu đổi chiều. Dư luận thế giới thường chì trích Việt Nam Cộng hòa là có trên một triệu quân mà không đánh được Cộng sản. Nhưng nhìn vào con số trên một triệu quân tại ngũ, đa số lại là lực lượng địa phương thuộc Nghĩa Quân và Địa Phương Quân. Ta thường có cảm tưởng la Việt Nam Cộng hòa có ít nhất cũng có nửa triệu quân chiến đấu, như ng thực sự lực lượng chiến đấu chì có 13 sư đoàn, vào khoảng 150,000 quân trong đó phải kể khoảng 20,000 lính ma, lính kiểng. Nếu kể cả 62,000 không quân và 39,000 Hải quân thì quân đội Việt Nam Cộng hòa tác chiến với tỷ sô 1 trên 5 : một người đánh giặc, năm người yểm trợ, giống hệt như quân đội Hoa Kỳ vậy. Công tác yểm trợ bao gòm an ninh lãnh thổ, tiếp liệu, truyền tin, tinh báo, y tế, trọng pháo và công binh. Lực lượng yểm trợ này rất nặng nề. Nhược điểm này càng bộc lộ kể từ ngày ngưng chién.

Lực lưọng 150,000 quân chiến đấu này rất nhỏ bé so với 230,000 quân chính quy Bắc Việtđã có mặt tại miền Nam. Bởi vậy, theo nghĩa kế toán thì đúng là ta có trên một triệu quân, nhưng nói về khả năng chiến đấu thì số đó quá ít ỏi.

Đa số lực lượng lãnh thổ chì dùng để chống du kích và giữ an ninh địa phương, chứ không được huấn luyện và trang bị để €ương đàu với cấp sư đoàn của Bắc Việtcó chiến xa Nga yểm trợ.

Nhìn lại lịch sử thì yếu điểm của quân lực Việt Nam Cộng hòa đã nằm ngay trong càch tổ chức và phân chia trách nhiệm tử hòi đầu khi Mỹ mới tham dự vào chiến trường miền Nam : quân đội Việt Nam CH chỉ được trao cho trách nhiệm phòng thủ d iện địa hơn 1 à tấn công hay lưu động tác chiến. Trong nhiều năm, nhiệm vụ chiến đấu đã được quân đội Hoa Kỳ tự nhận lãnh. Mãi tới năm 1969, chương trình Việt Nam hóa (Vietnamization) mới được thực hiện để thực sự võ trang và xây dựng quân đội Việt Nam Cộng hòa. Ngoài ra, công thức “Vietnamization” lại được tổ chức rập khuôn theo kiểu Hoa Kỳ : dựỉi vào hai yếu tố cơ bản là hỏa lực và lưu động tính.

\*

\* \*

Ngày 8 tháng 3, 1965 khi đơn vị đàu tiên của Thủy Quân Lục chiến Hoa Kỳ gồm 3,500 binh sĩ đổ bộ lên Đà Năng, nhiêm vụ chính của họ là để giữ an-ninh cho phi trường Đà Năng. Thế rồi Tướng Westmoreland đòi thêm quân và được Washington chấp thuận. Lúc đó, các nhà lãnh đạo dân và quân sự mói bàn cãi đến nhiệm vụ của Thủy Quân Lục Chiến tại Việt Nam : họ nên được xử dụng để đương đầu với quân chính quy Bắc Việthay chì để giữ an ninh Đà Năng và các vùng duyên hải, gọi là các cứ địa (enclaves) ? Chiến lược dùng TQLC đíỉ chí phòng vệ các cứ địa được tướng Maxwell Taylor — lúc đó là đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn — đề ra, chủ trương giới hạn hoạt động của quân Mỹ vào việc phòng vệ vùng duyên hải nhằm hạn chế sự can thiệp, và đễ giữ cho con số tổn thất nhân mạng của Mỹ ở mức độ thầp, đồng thời vẫn chứng tỏ quyết tâm của Hoa Kỳ. Theo chiến lược này, quân đội Việt Nam Cộng hòa sẽ được trang bị và lãnh nhận trách nhiệm chính yếu tại chiến trường.

Chiến lược này được tướng James Ga vin cải thiện hồi 1966. Tướng Gavin cho rằng nếu Hoa Kỳ muốn bảo vệ toàn cõi miền Nam thi phải xử dụng rất nhiều quân và tiếp tục oanh tạc Bắc Việt. Sự can thiệp đại qui mô như vậy, có thể sẽ lôi Trung Cộng vào vòng chiến. Gavin đề nghj quân đội Mỹ chì phòng vệ một số những cứ địa duyên hải, ngưng oanh tạc Bắc Việtvà tìm giải pháp thương thuyết.

Nếu kế hoạch Taylor được áp dụng thì đã có lợi cho Việt Nam Cộng hòa rất nhiều. Quân đội Việt Nam Cộng hòa đã được võ trang, huấn luyện để đương đầu với quân Bắc Việtở vùng Cao nguyên và dọc khu giới tuyến. Như vậy, Quân lực Việt Nam Cộng hòa đương nhiên trở thành lực lượng chiến đấu ngay từ những năm đầu của cuộc chiến. Có rất nhiều người ủng hộ chiếr lược này, kể cả XVilliam Bundy, Phụ tá Tổng Trưởng Ngoại Giao đặc trách về Viễn đông vụ. về phía Việt Nam có tướng Trần Văn Đôn và Tướng Cao Văn Viên.

Nhưng rủi ro thay ! Giới quân sự Mỹ thi lại muốn xứ dụng quân đội của họ crê đương đầu thâng với quân Bắc Việt và vc. Chiến lược điều quân này được các tướng Westmoreland, tư lệnh chiến trường, tướng Earl Wheeler, Tổng tham mưu trưởng Liên quân, và tướng Harold Johnson, Tham mưu trưởng Lục quân, hưởng ứng. Các tướng lãnh này cho rằng muốn chiến đấu hữu hiệu, người lính Mỹ phải biết quân địch ở chỗ nào.

Năm 1964, khi mới được bổ nhiệm vào chức vụ Tư lệnh Bộ tư lệnh Quân viện Hoa Kỳ tại Việt Nam (COMUSMACV), tướng Westmoreland tuyên bố : “Căn bản đề nghị của tôi là quân đội Hoa Kỳ phải được xử dụng trong những cuộc hành quân tấn công. Đứng trên phương diện chiến lược, nhiệm vụ chúng ta là bảo vệ Việt Nam Cộng hòa. Câu phương châm : “tần công cho mạnh là cách phòng thủ tốt nhất” (A good offense is the best deíense) phải được áp dụng tại Việt Nam cũng như nó đã được áp dụng tại các nơi khác, trong suốt lịch sứ- chiến tranh.”

Để giải quyết vấn đề tranh chấp giữa hai bên một buổi họp cao cấp được tổ chức tại Honolulu ngày 20 tháng 4, 1965 để bàn định, về phía dân sự có Bộ trưởng quốc phòng McNamara, John McNaughton, Phụ tá Tổng trưởng về An Ninh Quốc Tế, và XVilliam Bundy, Phụ tá Bộ trưởng Ngoại giao Đặc trách Đông Á và Thái Bình Dương. Vế phía quân sự có mặt Đại sứ Maxvvell Taylor, tướng Westmorelad, tướng Wheeler, và Đô đốc Sharp, Tư lệnh Thái Bnh Dương. Nhóm này đề nghị với Tổng Thống Johnson gởi thêm 82,000 quân sang Việt Nam, đóng ở vùng duyên hải. Thế rồi, chưa đầy hai tháng, sau nhiều cuộc thất trận của quân đội Việt Nam Cộng hòa ở miền Cao nguyên Trung phần, vào ngày 13 tháng 6, Tổng Thống dohnson chấp thuận đề nghi này. William Bundy gởi công điện cho Đại sứ Taylor ở Sài Gòn để thông báo quyền hạn mới của tướng Westmoreland : ông sẽ được quyền điều động quàn đội Hoa Kỳ “tùy theo tình hình đòi hỏi, theo lời yêu ciìu của cấp chì huy hữu quyền Việt Nam Cộng hòa, và khi Bộ Tư lệnh Quân viện Hoa Kỳ nhận thấy cần thiết để tăng cường cho quân đội Việt Nam Cộng hòa.”

Công điện lịch sử này của Bundy đánh dấu một giai đoạn mới của cuộc chiến và những cam két mới của Hoa Kỳ ở Việt Nam . Ảnh hưởng tức thời của quyết định này là dư luận Hoa Kỳ bắt đầu có phản ứng chống đối vì số thương vong của quân đội Hoa Kỳ ở Việt Nam bắt đàu lên cao. Quyết định đó cho phép tướng Westmoreland điều động quân đội tác chiến ở miền Nam. Chiến lược “bùng và Diệt Địch” được khai sinh tử đó.

Quân đội Hoa Kỳ bắt đầu nắm vai trò chủ động trong trận chiến, đi lùng những đơn vị lớn của địch để tấn công tiêu diệt. Chiến lược này đương nhiên làm giảm vai trò của quân đội Việt Nam Cộng hòa xuống hàng thứ yếu là chì để bảo vệ an ninh và chống du kích lẻ tẻ ở địa phương. Một sự phân chia rõ ràng về nhiệm vụ được thi hành : Quân Hoa Kỳ đương đằu với lực lượng chủ lực của Bắc Việtở Cao nguyên trong khi quân đội Việt Nam Cộng hòa giữ an ninh lãnh thổ ở vùng duyên hải, các thành thị và vùng châu thổ. Cho nên từ đó mới có chuyện khôi hài mìa mai của người Mỹ đi “Lùng và Diệt Địch” (Search and Destroy) trong khi quân đội Việt Nam Cộng hòa đi “lùng và lẩn địch” (Search and Avoid).

Chiến lược “Lùng và Diệt Địch” lệ thuộc nặng nề vào sự di động bằng trực thăng và hoả lực yểm trợ của đại pháo và phi cơ oanh tạc; các đơn vị Việt Nam đôi khi được dự trận cùng với người Mỹ rất khâm phục lối đánh trận kiểu Mỹ này. Từ tướng lãnh tới binh sĩ học ngay được ba câu thằn chú: Trực thăng, không yểm, và hỏa lực.

Công điện của Bundy lập tức gia tăng đà lệ thuộc của người Việt. Hễ có chuyện gì là các đơn vị trưởng chiến trường gọi ngay oanh tạc Mỹ tới để cứu nguy, và khi quân đội di chuyển thì cũng có đằy đủ trực thăng của Mỹ.

Thái độ lệ thuộc này phát triển rất mau và kéo dài suốt cuộc chiến, rồi cuối cùng không bỏ được nữa. (Khi triệt thoái khỏi Pleiku và Kontum, tướng Phú xin thêm trực thăng, nhưng hơn một nứa số trực tháng đã bị tê liệt vì đã bị hư hỏng hoặc bị bắn rơi, khiến quân của ông bị kẹt cứng trên trục lộ 7B) Ngoài ra, quyết định không thành lập Bộ chì huy hỗn hợp Việt-Mỹ (như ở Đại Hàn hay Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương — NATO) cùng với lối phân nhiệm chiến lược này cũng đã thu gọn vai trò của quân đội Việt Nam Cộng hòa Irong nhiệm vụ an ninh lãnh thổ thụ động. Quân đội không có cơ hội phát triển khả năng tác chiến linh động để thay thế quân đội Hoa Kỳ khi họ rút lui. Kinh nghiệm chiến trường của người Việt đều rút tìa từ kinh nghiệm của người Mỹ: di động bằng trực thăng, yểm trợ tiếp cận của không quân, và hỏa lực vô tận. Đến khi Mỹ rút đi, quân đội chới với, không có chiến lược khác để thay thế. Rồi đến khi quân viện bị cúp, thì lại hết cả di dộng tính lẫn hỏa lực.

Chương trinh Việt Nam Hóa (Vietnamization) bắt đầu từ 1969, nhằm mục đích rút quân Hoa Kỳ ra khỏi chiến trường Việt Nam, đòng thời trang bị quân đội Việt Nam Cộng hòa để thay thế, ngõ hầu để, theo lời Nixon, tạo cho Việt Nam Cộng hòa “một cơ hội tạm đủ để tự cứu”. Trước thời Nixon, một danh từ vụng về khác được dùng là “de- Americanization of the war” (giải kết vai trò Mỹ trong cuộc chiến). Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ Melvin Laird là cha đẻ của kế hoạch “Vietnamization”. ông ta phổ thông hóa danh từ này hồi tháng ba, 1969 khi nói tới chương trình “canh tân quân đội Việt Nam Cộng hòa trên căn bản thực tiễn” do ông đề xướng.

Ông Thiệu nói rằng từ đầu ông đã đả phá danh từ “Vietnamization”. Ông cho rằng danh từ này có nghĩa là Mỹ đánh giặc, bây giờ Việt Nam mới đánh; nó phủ nhận vai trò của Việt Nam Cộng hòa trong trận chiến này. Người Việt như đi đánh giặc mướn thay vì chiến đấu để bảo vệ xứ sở của mình. Hồi 1950, người Pháp cũng dùng danh từ “Vietnamisation” để chì những nỗ lực của họ xây dựng chinh quyền và quân đội Quốc gia Việt Nam. Nhưng sau danh từ đó bị loại bỏ và thay thế bằng danh từ “canh tân hóa” (modernisation).

Ngày 15 tháng 11, 1973, ông Thiệu công, khai yêu cầu báo chí Việt ngữ không được dùng danh từ “Vietnamization” vì không muốn để Bắc Việtcó cớ tuyên truyền tố cáo Hoa Kỳ đã chuyển cuộc chiến này sang tay “bù nhìn đánh giặc mướn”. Thiệu muốn dùng danh từ “canh tân hóa” hay “trang bị quân đội Việt Nam Cộng hòa”, nhưng tiếng “Vietnamization” đã quá thông dụng.

Mặc dù sự hăngháicủa Bộ trưởng Laird, phía Việt Nam cho rằng chương trình này đã bắt đầu quá trễ. Nếu chương trình “Vietnamization” bắt đầu từ năm 1965, thì quân đội Việt Nam đã có thể lợi dụng sự hiện diện của H oa Kỳ để phát triền, sẵn sàng đảm nhiệm trách nhiệm phòng thủ miền Nam khi Hoa Kỳ rút đi. Nhưng chương trình này chí bắt đầu năm 1969, trong khi đó thì quân đội Mỹ lại triệt thoái với nhịp độ quá nhanh đến độ chỉ trong vòng hơn một năm trời mà quân đội Việt Nam đã phải huấn luyện và trr.ng bị để lãnh hoàn toàn trách vụ trên. Eric Von Marbod phê bình chương trình này như chuyện làm chín người đàn bà có bầu cùng một lúc để có thể sinh ra một đứa trẻ trong 1 tháng.

Ngay khi sự trang bị quân đội vừa có đôi chút tiến bộ thì Cộng sản lại mở trận tổng tắn công mùa Xuân 1972, nhằm tiêu diệt nỗ lực đó. Mặc dù từ cuôi năm 1972, hai chương trình Enhance và Enhance Plus đổ gằn một tỷ đô la quân dụng và võ khí vào miền Nam, nhưng chưa bao giờ Hoa Kỳ cung cấp khả năng tiếp vận cho quân đội Việt Nam Cộng hòa cả. Nhiệm vụ tối quan trọng nhưng phức tạp này bao gồm việc tồn trữ quân dụng, sửa chữa, phân phối, kiểm kê, chuyển vận khi tác chiến và nhất là quản tri và bảo trì quân dụng. Bảo trì phi cơ hay ra-da là cả một vấn đề.

Khi người Hoa Kỳ còn ở Việt Nam, nhiệm vụ này do Bộ tư lệnh quân sự của họ đảm nhiệm với sự yểm trợ do khé ước với các công ty tư nhân Mỹ. Khi quân đội Hoa Kỳ triệt thoái, các công ty này cũng ra đi luôn! Châng hạn như công ty Page Communications, chi nhánh của Northrop Corp. bảo trì hệ thống ra-đa và các hệ thống truyền tin khác. Vào mùa hè năm 1974, khi tình trạng quân dụng đã hư hỏng nhiều, Hưng điều đình với công ty Page Communications để họ bảo trì ra-đa và các phi cảng quân sự, nhưng chính phủ không có ngân khoản để trả họ. Do đó, phần lớn hệ thổng ra-đa ở Cao nguyên và dọc theo duyên hải đã bất khiến dụng, kể cả các dàn ra-đa đặt trên các chiến hạm nữa.

Cũng trong mùa hè 1974, Hưng đi thăm một khu trục hạm HQ ở Pnú Quốc. Bề ngoài chiến hạm này trôngcòncó vẻ rất tốt, nhưng người hạm trưởng cho biết nó đã hỏng máy ra-đa và anh ta có xin cơ phận để sửa từ sáu tháng nay mà không có. Đại tá HQ Phạm Gia Luật, chỉ huy trưởng lực lượng phòng vệ duyên hải Vùng 4 Chiến Thuật phàn nàn: “Chúng tôi như những chiếc thuyền nổi vậy. Đạn dược hạn chế, dầu nhớt khan hiếm, và không có ra- đa ..: Tinh thần thủy thủ đoàn rất thấp, phần ăn kém cỏi đến độ khi rượt tàu của cộng sản chạy về hướng hải phận Cam-bốt, tôi đã phải nhắm mắt lại để lính cặp tàu vào bờ, lùa một số bò lên tàu để nhậu.”

Kết quả thật sự của chương trình “Vietnamization”, thay vì làm cho Việt Nam dần dần tự túc, lại làm cho ta lệ thuộc vào Mỹ nhiều hơn về tiếp liệu. Thí dụ như miền Nam đã khôrg có khả năng sản xuất đạn dược. Hưng có lần hỏi Thiệu tại sao miền Nam không có xưởng làm đạn M-16, nhưng ông nói: “Người Mỹ nhất định cho rằng mang đạn từ Mỹ sang rẻ hơn.” Khả năng tự túc cũng được tính theo kiểu lời lãi ! Càng lệ thuộc bao nhiêu, khi họ buông tay ra mình càng chóng chét bấy nhiêu.

Năm 1974, quân đội Việt Nam tính ra có 127,000 món hàng phải xin tiếp liệu của Mỹ cho bộ Binh, 192,000 món cho không quân và 62,000 cho hải quân. Hầu hét những món này lại đang ở trong tình trạng khan hrêm vì chiến tranh Do Thái. Nhịp đô chậm chạp của chương trình “Vietnamization” đã đưa tới sự thiếu sót của việc thành lập một hệ thống tiếp vận cho Việt Nam. Trong thời chiến quân đội Việt Nam Cộng hòa lại kém quân Bắc Việtvề irang bị. Điển hình là khẩu tiểu liên xung phong AK-47 là trang bị tiêu chuẩn của người lính Bắc Việt. Mãi đến 1968, sau ba năm kém cỏi về hỏa lực, người lính Việt Nam Cộng hòa mới được trang bị M-16, là khẩu súng tương đương với AK-47. Một thí dụ khác là chiến xa M-48 và trọng pháo cơ động 175 ly được trang bị cho quân đội Việt Nam Cộng hòa sau khi Bắc Việtđã tung hoành với chiến xa T-54 và đại pháo 13C ly. Hỏa tiễn chống chiến xa chỉ được trang bị sau khi địch quân đã nhiều lần điều động chiến xa trên chiến trường. Tướng Nguyên Duy Hình, Tư lệnh Sư đoàn 3 Bộ binh giải thích: “Địch quân bao giờ cũng làm ta bất ngờ vì sụ chênh lệch về trang bị này.”

Bộ Tổng tham mưu tìm cách xin trang bị cho hai sư đoàn bộ binh mới vì Việt Nam Cộng hòa không còn quân trừ bị lưu động trong khi Bắc Việt có 7 sư đoàn trừ bị có thể ném vào chiến trường miền Nam bất cứ lúc nào. Từ năm 1969 trở đi, Hoa Kỳ liên tục tử chối yêu cầu này. MACV (Bộ Tư Lệnh Quân viện Hoa Kỳ tại Việt Nam) khước từ đơn xin với lý do tốn kém. Thay vào đó, họ đề nghị tăng cường đơn vị địa phương quân và nghĩa quân cho đỡ tốn kém. Lý do chính vẫn là vì sự phân nhiệm lúc ban đầu: quân Mỹ đuơng đầu với quân chính quy Bắc Việt trong khi quân Việt chỉ bảo vệ an ninh lãnh thổ và bình định nên không cần vê trang tối tân. Khi quân Mỹ rút đi, Việt Nam Cộng hòa chì có 2 sư đoàn quân trù bị là Dù và TQLC ; cả hai đều bj càm chân ở phía Bắc đễ phòng thủ khu giới tuyến và Vùng 1 chiến thuật.

Tháng 4, 1972, ông Thiệu chỉ thị cho Hưng đề nghị với Hoa Kỳ xin thành lập hai sư đoàn mới. Anh đi gặp các viên chức của Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ. Khi quân đội Hoa Kỳ còn ở Việt Nam thì câu trả lời là : “Các anh khóng cần đến hai sư đoàn đó.” Khi họ rút đi rồi thì câu trả lời là : “Việc đó quá tốn kém.” (Vì vậy, khi Bắc Việt mang thêm 7 sư đoàn trừ bị vô để mở cuộc tổng tấn công 1975 thì cán cân lực lượng đã quà chênh lệch.)

Chương trình “Vietnamization” còn tạo ra một vấn đề về tổ chức CC' cầu nữa. Trước kia, cơ quan MACV hùng hậu, với hơn 6,000 nhân viên điều hành là đầu não của cả hệ thống chỉ huy, kiểm soát, phối hợp và điều quân với các phương tiện tình báo tối tân, thiết kế, và tiếp vận tinh vi. Cả hệ thống nhân viên và điện toán này đã biến mất sau Hiệp định Paris. Cơ quan DAO thay thế MACV chì để phối hợp nhu cầu viện trợ mà thôi. Bộ Tổng tham mưu quân lực Việt Nam Cộng hòa đúng ra là phải thay thế MACV để làm những công việc đó, nhưng một đàng thì không có phương tiện, một đàng lại vẫn thụ động như xưa nên không thích nghi được với hoàn cảnh mới. Bộ Tổng tham mưu vì không có kinh nghiệm thiét ké nèn vắn đề điêu hành cũng không có gì thay đổi khác lúc MACV còn hoạt động. Quyền hành quân nằm trong tay bốn Tướng Vùng và không được phối hợp từ trung ương.

Mùa hè 1973, Hưng đi thăm Bộ Tư Lệnh Thái Bình Dương của Hoa Kỳ (CINCPAC) được Đô đốc Noel Gaylor thuyếl trình về tổ chức này. Anh biết rõ và khâm phục cách tổ chức của họ trong phòng Tinh Hình. Các biểu đồ trình bày rõ ràng tổ chức và tình trạng các lực lượng ở Việt Nam. Đô đốc Gaylor chỉ trên tấm bản đồ khổng lò căng trên tường những căn cứ quân sự Bắc Việt và những nơi tập trung quân của họ cả ở Bắc lăn Nam. Hưng nhận thấy người Mỹ vẫn còn nhật tu tình hình, và Gaylor cho biết họ vẫn còn theo dõi ráo riết các hoạt động quân sự của Bắc Việt.

Hưng nói: “Tôi chắc là Bộ Tổng tham mưu của chúng tôi cũng có hệ thống để theo dõi địch quân và phối hợp những hoạt động quân sự hàng ngày với cảc chì huy trưởng chiến trường.” Gaylor mìm cười và đòng ý ! Lúc đầu Hưng trành tham dự vấn đề thiết kế quân sự, tưởng răng các tướng lãnh Việt Nam cũng đang tiíín tới tự túc tự cường về quân sự. Nhưng anh đã lầm. Trên thực tế, mỗi vị tư lệnh Vùng là một hòn đảo và ông Thiệu giữ đường dây liên lạc với họ. Bộ Quốc phòng Việt Nam Cộng hòa không có guồng máy hữu hiệu để điều khiển chiến tranh. Đó chỉ là một cơ quan hành chành do một ông Phụ Tá Tổng Trưởng điều khiển. (Chức Tổng trưởng QP do Thủ tướng Khiêm giữ).

Thoạt đầu, Hưng có cảm tưởng rất tót đối với Đại tướng Viên. Ông có vẻ chân thật, lại là người yêu nước, tận tụy với công vụ, và đã liều mạng trưng thành với Tổng Thống Diệm trong những năm 60 cho đến phút chót. Ông trông người tráng kiện và có dáng dấp chì huy . Lúc nào Hưng cũng tưởng tướng Viên và bộ tham mưu của ông kiểm soát được mọi vấn đề quân sự. Mỗi khi thấy hàng rào dây kẽm gai chắn ngang Đại lộ Công Lý để xe của tướng Viên chạy vô Dinh, Hưng lại thấy người lên tinh thần. Mỗi khi thấy hàng xe jeep đậu dưới rặng me cao ở trước Dinh Độc Lập, Hưng cho rằng các vị chì huy đang thảo luận những vấn đề quân sự cao xa ngoà i tầm hiểu biết của mình. Cho mãi đến cuối năm 1974 và đầu năm 1975, khi Hưng dự những buổi họp quân sự để ghi chép cho ông Thiệu, anh mới nhận ra rằng Đại tướng Viên đôi khi trả lời ông Thiệu một cách lờ mờ và có vẻ như không nắm vững tinh hình. Thế nhưng, trong tập hòi ký, Đại tướng Viên lại đi đến két luận là ông Thiệu đã quyết định lấy một mình và Bộ Tổng tham mưu chỉ đóng vai trò cố vấn theo như hiến pháp. Hưng bắt đầu lo ngại vì thấy các nhà lãnh đạo quân sự không có nghiên cứu kỹ càng hoặc có kế hoạch rõ ràng do trung ương thực hiện, theo dõi và điều hành. Theo tướng Trưởng thì mỗi khi lấy quyết định quân sự, ông Thiệt, thường quay sang Đại tướng Viên và   
hỏi: “Đại tướng nghĩ sao?” Chì khi Đại tướng Viên gật đầu và tán đồng thì ông Thiệu mới quyết định .

\*

\* \*

Mặc dù với tất cả những yếu điểm trên, trong năm 1973, quân đội Việt Nam Cộng hòa cũng đã chiến đấu một cách khả quan với hy vọng có thể vượt qua được những khó khăn của chương trình “Vietnamization”. Ngay tới mùa xuân 1974, việc phòng thủ miền Nam cũng đã tiến hành một cách tốt đẹp. Lý do chỉnh của sự thành công đó là sự viện trợ Hoa Kỳ tuy đã bị giảm sút nhưng vẫn còn tiếp tục và càc căn cứ tiếp liệu của Bắc Việt ở Cam-bốt đã bị oanh tạc liên miên cho mãi đến tháng 8, 1973. Trong năm 1973, có ba trận tấn công lớn của Bắc Việt. Mục đích của những cuộc tấn công này là để giữ an ninh cho những ngả xâm nhập của đường dây tiếp vận yểm trợ cho cuộc tấn công đại qui mô vào miền Nam. Trong mỗi trận đánh đó, các sư đoàn Việt Nam đều chiến đấu hăng say và đẩy lui được địch quân. Quan điểm chung là khi chạm trán nhau, sư đoàn với sư ứoàn, quân lực   
Việt Nam Cộng hòa vẫn có thể cầm chân được quân Bắc Việt nếu có hỏa lực và di động tính.

Dù đã lập được nhiều chiến công, quân đội cũng đã phải gánh chịu một mức tổn thất hết sức nặng nề. Tới tháng 6, 1974, số tổn thất này đã lên tới 160,000 người, trong đó có 42,000 tử thương, 109,000 trọng thương và 10,000 mất tích. Mức này rất cao, khi so sanh với số tổn thất trong những năm trước : trong khoảng 1965-1967 khi quân đội Hoa Kỳ còn chiến đấu, số tổn thất của Việt Nam Cộng hòa trung bình chì có 17,000 một năm. Trong những năm “Vietnamization", số đó tăng lên 76,000 một năm, trừ năm 1972, vì cuộc chiến mùa hè đỏ lửa, tổn thất đã lên tới 150,000 người. Thế mà mức độ này vẫn còn thấp hơn là mức thiệt hại của những năm Hoà Bình Danh Dự, 1973- 1974.

Với nền kinh tế bj suy sụp, với tổ chưc quốc phòng lỏng lẻo, và với mức chiến tranh càng ngày càng gia tăng, trước mức quân viện và kinh viện ngày mội sụt giảm, tình hình chính trị lại bắt đầu chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn của chống đối và bất an bắt đằu từ mùa hè 1974. Tất cả những yếu tố đó, đã đưa tới một cơn khủng hoảng, dường như báo hiệu giờ phút chót của “Khoảng thời gian coi được” đã gần kề.

# CHƯƠNG XIV - NHƯ MỘT GIẤC MƠ

Vào lúc đêm đình chiến (27 tháng 1, 1973), 6chiếc tàu chở đầy đạn dược đang thuận buồm xuôi gió trên Thái Bình Dương tiến vào hải phận Việt Nam, bỗng được lệnh quay trở về Hoa Kỳ. số đạn dược dự trữ kể như vẫn còn tòn kho theo sổ sách cũ, nhưng thật ra đã không tới nơi. Thế là 55,000 tấn đạn vô cùng cần thiết cho Quân lực Việt Nam Cộng hòa đã bị mất đi một cách quá máy móc. Bí mật này, do tướng Murray tiết lộ, cho tới nay cũng ít ai hay. Thế rồi, ngày 19 tháng 12, 1973, tướr g Murray lại nhận được công điện từ Bộ Quốc Phòng cho hay Quốc Hội sẽ cắt rất nhiều viện trợ cho Đông Dương cho 6 tháng còn lại của tài khóa 1974. Tài khóa này chấm dứt ngày 30 tháng 6, 1974. Bộ Quốc Phòng cũng yêu cầu tướng Murray đề nghị những chương trình nào phải cắt giảm để phù hợp với ngân khoản mới. Đồng thời, Bộ Lục quân, chẳng đợi Qvốc hội hành động, đã bắt đầu cắt ngay ngân khoản điều hành và bảo trì cho Việt Nam trong cả tài khóa 1974. Họ muốn dùng ngân khoản này cho những mục tiêu khác. Lúc đó, chiến tranh Do Thái - Ai Cập đang tién diễn; tài nguyên của Quốc phòng cần phải dồn về Trung Đông! Khi tướng Murray nhận được tin này, ông báo ngay cho Đại sứ Martin và nhờ ông Đại sứ thông báo cho phía Việt Nam biết. Nhưng Martin không bằng lòng, bảo Murray phải giữ kín tin này, vì nó có thể gây ra nhiều xao động về mặt chính trị.

Ngày 26 vháng 12, Đại sứ Martin kêu gọi trực tiếp tòa Bạch Ốc can thiệp về việc cắt giảm này. Quốc hội đã cắt ngân khoản từ 1,126 triệu xuống còn 900 triệu Mỹ kim. Ông Martin trình xin giữ ngân khoản cũ, và còn xin thêm 494 triệu. Tổng số ngân khoản đề nghị là 1,620 triệu; theo ông, đó là mức viện trợ khả dĩ giữ đúng lời cam kết của Hoa Kỳ. Trong đơn xin này, ông Martin đã khôn khéo dùng lời lẽ nhắc tới những cam két và hứa hẹn của Hoa Kỳ, cùng chi tiết về cách xử dụng ngân khoản.

Trong khi Washington cân nhắc những con số, tướng Murray bắt đỉu báo động cho phía Việt Nam biết từ đằu tháng giêng, 1974 là phải tiết kiệm đồ tiếp liệu, nhất là đạn dược. Murray họp với các tướng Cao Văn Viên và Đồng Văn Khuyên, Tổng tham mưu phó tiếp vận về vấn đề này và tuy không đi vào chi tiét, nhưng Murray cũng muốn cho phía Việt Nam nhận thức được sự cắt giảm. Tử trước đến nay, ông vẫn nói với Bộ Tổng tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa là “các ông sẽ được liếp tế đầy đủ như chúng tôi đã hứa”, và sẽ nhận được quân dụng theo tinh thần một-đổi-một của Hiệp định Paris. Tướng Murray phàn nàn: “Từ trước đến nay, chẳng ai aói cho tôi hoặc Tổng Thống Thiệu, hay Đại tướng Viên biết về chuyện cắt ngân khoản cả. Tôi đã hứa rồi, bây giờ nói lại, thật là một sự đau khổ.” Ngày 13 tháng hai, 1974, Đại tướng Viên ra lệnh hạn chế việc xử dụng vũ khí các loại. Vì từ lúc gởi đơn xin đến lúc nhận được viện trợ phải mất một thời gian là bốn tháng nên nguồn tiếp liệu đã cạn khô trước tháng tư. Từ đó “hệ thống tiếp vận này không bao giờ hòi sinh nữa.”

Đơn xin tiếp liệu từ các quân khu gởi v'ê Tổng tham mưu càng ngày càng nhiều, gồm những t lứ khan hiếm khẩn cấp như đạn dược, tiếp liệu quân y, và ngân khoản nuôi ăn binh sĩ. Người lính bộ binh thường vẫn mang 6 lựu đạn, bây giờ chì được phát có 2 cái. Súng cối và trọng pháo bảo vệ tiền đồn chì được phát 4 quả đạn mỗi ngày và mọi cuộc pháo kích khuấy rối địch quân đ'éu phải ngưng để tiết kiệm đạn dược. Nửa số thiết giáp xa bị nằm ụ, hai mươi phần trăm phi cơ không bay được. Lối đánh nhau kiểu Mỹ, đem hỏa lực độ cho thân người không thể đem dùng được nữa. Vào khoảng mùa xuân 1974, phía Việt Nam nhận thấy rằng “máu người Việt đã thay thế cho đạn dược của Mỹ” Tỷ số thương vong nhẩy vọt. tính đến cuối tháng 6, 1974, trong giai đoạn Bắc Việt tăng gia vi phạm lệnh ngưng chiến, con số tử thương đã lên đến 19,000 và bị thương 70,000. Tiếp liệu quân y bị hạn chế đến nỗi băng buộc vết thương nhiều khi phải giặt đi dùng lại!

Những cuộc bàn cãi ở Quốc hội Hoa Kỳ. về việc cắt giảm ngân khoản và tình trạng khan hiếm đạn dược ở chiến trưỏ-ng đã có ảnh hưởng tức thời đến tinh thần quân sĩ. Việt cộng gia tăng nhịp độ tuyên truyền và có chứng tỏ cho binh sĩ địa phương và dân chúng biết rằng lục lượng chính phủ không còn đủ đạn dược để chiến đắu nữa. Cộng sản mở những cuộc tấn công thàm dò kéo dài nhiều ngày đế dân làng thấy rằng quân đội Việt Nam Cộng hòa thiắu đạn dược. Những toán tuyên truyền và xách động Việt Cộng gieo tin đồn ớ chợ rằng giếng nước đã bị bỏ thuốc độc và quân đội Việt Nam Cộng hòa sắp rút lui. Cán bộ Việt cộng còn xâm nhập vào trại gia binh kêu gọi bỏ đồn bót. Việt cộng cũng giả dạng cả thầy bói và sư vải gieo tin thiên tai và coi đó là điềm báo trước sự sụp đổ của miền Nam.

Trong cuốn hồi ký, Tướng Viên kết luận rằng:

Trong những năm 1974-1975, người lính Việt Nam Cộng hòa ra trận mà lòng lo sợ rằng đạn không tiếp tế kịp và nếu bị thương thì sư tải thương sẽ chậm trễ hơn. Thời vàng son tiếp liệu thừa thãi và trực thăng vận mau lẹ đã qua rồi... Việc cắt viện trợ quá nhiêu và quá đột ngột đã tiêu hủy mọi cơ hội thành công và làm cho dân chủng cũng như quân đội miên Nam hốt hoảng, đồng thời khuyến khích cs gia tăng nhịp độ thanh toán miên Nam bằng vỗ lực.

Năm I974 là năm định đoạt cuộc chiến ở Việt Nam . Vào cuối năm 1973, ông Thiệu nhận ra rằng Quốc hội Hoa Kỳ đã chán ngấy chiến tranh rồi. Những lời hứa hẹn của Hoa Kỳ để dụ ông ký vào bản Hiệp định Paris và bản Tuyên Cáo thảng Sáu khó lòng mà chuộc lại được.

Đ'én tháng 4, 1974, thì tình hình tiếp liệu đã khá nguy ngập. Do sự khuyến khích của Martin, ông Thiệu cử tướng Viên sang gập Tổng trưởng Quốc phòng James Schlesinger đẻ nhờ ông này giúp đỡ xin tăng viện. Martin cho răng lời hứa hẹn của Nixon ở San Clemente vẫn còn giá trị và ông Thiệu có thể trình bầy thẳng với Schlesinger để ông này ủrig hộ. Thiệu nghĩ rằng vai trò của tướng Viên sẽ thích hợp ớ Ngũ Giác Đài vì sự liên hệ lâu năm với các tướng lãnh Hoa Kỳ. Ông Viên nhờ Murray giúp trong vấn đề thủ tục xin tiắp viện. Hai người chuẩn bị một danh sách quân dụng — trọng pháo 105 ly và 155 ly, đạn dược, dụng cụ truyền tin — và ngân khoản để duy trì khả năng chiến đấu của quân đội miền Nam. Sau đó, Murray đánh điện về bộ để xin gặp Schlesinger, kèm theo cái danh sách quân dụng mà Việt Nam Cộng hòa mong muốn. Thay vì trả lời cho Murray hay rằng ông sẽ làm gì để xin tiếp viện, Schlesinger lại cho tướng John Wickham, phụ tá quân sự của ông đánh điện sang Sài Gòn yêu càu Murray cho biết “phải trả lời đơn xin của Việt Nam ra sao?” Murray thuộc loại nJa quân nhân nửa thư lại, nhân cơ hội này bèn nói cho phía Việt Nam biết rằng Đại sứ Martin đã không thiết thực chút nào khi khuyến khích ông Thiệu xin thêm viện trợ. Murray đánh ngay điện về \Vashington đ'ê nghị Schlesinger trả lời tướng Viên rằng tình hình chiến trường đã sáng sủa, do đó không cần quân dụng mới, nhất là khi Quốc hội đă hạn chế việc này. Ông tướng đi hàng hai này cho rằng m nh đã hiểu rõ tình hình hơn Đại sứ Martin, và câu trả lời đó là cách tốt nhất để thuyết phục phía Việt Nam là viễn tượng tăng viện rất mong manh.

Khi hai tướng Murray và Cao Văn Viên tới \Vashington và đến bộ Quốc Phòng, Murray gặp Wickham và được Wickham cho biết đề nghị của Murray đã được trình lên Schlesinger rồi. Trước đó, tướng Viên đã đến gặp tướng Abrams, lúc đó là Tham-mưu-trưởng Lục-quân. Abrams cho biết vấn đề viện trợ khó khăn không phải do Ngũ Giác đài mà là do Quốc Hội. Sau đó tướng Viên vào gặp Tổng trưởng Quốc Pnòng và trình bằy nhu cằu của quân đội Việt Nam Cộng hòa trước ba mươi sĩ quan cao cấp, kể cả các tướng lãnh thuộc Bộ-tham-mưu Liên- quân.

Schlesinger ngồi dựa lưng vào ghế, thở khói thuốc píp nặng nề và trình bầy quan điểm do Murray đã soạn trước. Ông ta hứa ủng hộ tướng Viên nhưng giải th ch quyết định cuối cùng là do Quốc hội. Sau buổi họp, Schlesinger hỏi Murray: “Ông thấy cách tôi trả lời được không?” Murray đáp: “Thưa ông Tổng trưởng, được lắm.’'

Về tới khách sạn, ông Viên tỏ vẻ bối rối và tâm sự với Murray rằng ông ta “không hiểu ông Tổng trưởng muốn nói gì. Ông ấy nói tiếng Anh khó hiểu quá và bây giờ tôi phải phúc trình với Tổng Thống Thiệu ngay.” Murray móc túi lấy ra bản sao những câu trả lời mà ông ta đã soạn trước cho Schlesinger rồi đưa cho ông Viên. Tướng Viên cám ơn rối rít, ghi chép, và về phúc trinh cho Tổng thống Thiệu.

Schlesinger thật sự có hứa sẽ giúp đỡ ở Quốc Hội, nhưng lúc đó tình hình ở Washington đã đổi mới. Chuyến công du của tướng Viên nếu đã không làm nên chuyên gì thì ít ra cũng đánh dấu được sự xoay chiều ở Washington.

Ở Sài Gòn, Đại sứ Martin tiếp tục trấn an ông Thiệu là viện trợ tuy khó nhưng cuối cùng thì cũng sẽ có như đã hứa. Thiệu càng ngày càng nghi ngờ và cử thêm người sang Washington đế thăm dò. Sau ông Viên là tới phiên Hưng được cử sang để nhận định tình hình viện trợ kinh tế và quân sự. Khi đến phi trường Dulles, anh nóng lòng muốn gặp tướng Viên ngay để xem chuyến công du của ông ta kết quả ra sao. ông Thiệu đã chỉ thị cho anh phải cộng tác với Viên theo dõi quyết định của Quốc hội Hoa Kỳ Khi bước xuống phi trường, Hưng thẩy một đám đông nhân viên tòa Đại sứ ở đó. Anh nghĩ là họ ra đón anh, nhưng rồi thấy tướng Viên xuất hiện nên anh tưởng cả tướng Viên cũng ra đón mình. Hưng nói với ông: “Rất mừng được gặp Đại tướng ở đây. Tôi định sẽ gọi Đại tướng ngay khi về đến sứ quán”. Tướng Viên trả lời: “Tôi về Việt Nam bây giờ đây.” Hưng ngạc nhiên, kéo Viên ra một chỗ nói riêng : “Đại tướng về thật à ? Có thể nán lại ít lâu được không?”.“Tôi phải về ngay. Tôi đã làm xong nhiệm vụ. Tôi đã thuyết trình cho họ. Cả Schlesinger và Abrams đều hứa sẽ giúp. Họ chì sợ Quốc hội.”

Hưng hơi thất vọng. Anh cằn tướng Viên để vận động Quốc Hội, nhưng ông lại cho ràng nhiệm vụ của ông chì ở Ngũ Giác Đài mà thôi và ra về ngay. Viên ra máy bay nói vọng : “Chúc anh Tổng Trưởng may mắn.”

Hưng được chỉ thị cố năn nì TNS Kennedy, người lãnh đạo phong trào cắt viện trợ Việt Nam. Kennedy quan niệm là Nixon đã “thất bại trong việc thay đổi tính chất và mục đích của viện trợ và cả chính sách của Hoa Kỳ đối với các nước Đông Dương.” Ông ta cho rằng viện trợ đã được dùng để kèo dài cuộc chiến. Theo Kennedy “Nếu không đặt trọng tâm vào việc thi hành những mục tiêu chính trị của thỏa ước ngưng chiến (có nghĩa là thành lập Hội đồng Hòa-giải và Hòa-hợp Dân-tộc và tổ chức Tổng tuyển cử dưới sự giám sát của Quốc tế) thì mục đích của những món tiền chi tiêu khổng lồ ở Việt Nam không phải là để ... cứu nạn nhân chiến tranh, hay kiến thiết xứ sở mà chì để cho chính phủ Thiệu kéo dài chiến tranh.”

Ngày 6, tháng 5, 1974, Thượng viện bó phiếu thuận 43-38 kèm theo tu chính Kennedy và Dự-luật Phủ-định Ngân-sách Quốc-phòng. Tu chính này cấm xử dụng ngân khoản để chi dụng tại, cho, hay nhân danh, các quốc gia Đông Nam Á. Vì Kennedy chống Thiệu và chống chiến tranh Việt Nam nên Hưng rất miễn cưỡng phải đi gặp ông này. Ngày 15 tháng 5, Hưng đến vãn phòng Kennedy ở Thượng viện. Anh được Jerry Tinker, phụ tá của Kennedy tiếp đón và nói rằng ông Thượng-nghị-sĩ rất bận rộn. Tinker tỏ vẻ thông cảm khi Hưng nói tới những vi phạm của Bắc Việt và trình bằy những nhu cầu kinh té và quân sự khẩn cấp của Việt Nam Cộng hòa. Cuối cùng, Hưng gặp Kennedy được một chốc lát. Khi gặp mặt, Kennedy bằy tỏ thiện cảm, ông nhắc lại thời sinh viên xưa kia cùng với Hưng ở đại học Virginia, và mối quan tâm của ông về trách vụ mới của Hưng trong chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Ông tỏ vẻ vội vã, nói là không đủ thời giờ để nói chuyện lâu, và không chú ý đến lời Hưng trinh bày về số phận của dân Công giáo Việt Nam nếu Cộng sản thanh toán miền Nam.

Kennedy người có vẻ nặng nề, mái tóc hoa dâm và trông già đi hơn nhiều so với thời còn là sinh viên ở Virginia. Ông nói với Hưng là ông phải đi họp ngay một phiên họp khác. Hưng xin đi theo một quãng để trình bầy nốt câu chuyện. Khi họ rảo bước qua hành lang của Thượng viện, Hưng cảm thấy thân phận mình như một tên hành khất lêo đẽo theo một anh nhà giàu, nhưng anh cố gắng trình bằy cho Kennedy rõ sự thật về cuộc chiến Việt Nam vì ông này đã bị bọn phản chiến tuyên truyền. Kennedy rảo bước và Hưng cố bước theo đề giải thích: “Viện trợ Hoa Kỳ không phải là đề kéo dài chiến tranh nhưng là chc chúng tôi phương tiện đế tự bảo vệ lấy mình và ngăn chận một cuộc xâm chiếm của Bắc Việtmà thôi.”

Kennedy vẫn giữ vững lập trường, ông ta nói là rất thông cảm với Hưng nhưng: “Tôi không nghĩ rằng các anh có thể trông cậy vào Quốc hội về quân viện được. Tôi rất có cảm tình với nhân dân miền Nam Việt Nam và sẽ cố gắng xem có thế giúp đỡ họ bằng viện trợ nhân đạo được không” Hưng cuối cùng kêu gọi Kennedy với tư cách là một người Công giáo “Xin Thượng-nghị-sĩ nghĩ đến thân phận giáo dân néu Cộng sản chiếm được miền Nam Việt Nam.” Kennedy dừng bước và hỏi Hưng: “Công giáo thì sao?” “Néu Thượng-nghị-sĩ theo dõi Lịch sử chiến tranh Việt Nam thì sẽ thấy Cộng sản đi đến đâu thì giáo dân bị hành hạ đến đẩy, bao giở giáo dân cũng đứng đầu danh sách nạn nhân. Tôi là người Công giáo và có kinh nghiêm bản thân.” Kennedy vẫn khăng khăng cho rằng: “Quân viện không g ải quyết được vấn đê gì cả.” Hưng cảm thấy chán ngán va thất vọng vô cùng khi từ giã Kennedy ở trước cửa phòng họp Thượng-viện.

Hưng đến gặp Eric Von Marbod lúc đó là Phụ tá Tồng trưởng Quốc phòng về An Ninh Quốc tế ! Von Marbod có rất nhiều kinh nghiệm về tiếp vận và được kính nể ở Bộ quốc phòng. Von Marbod được giao trọng trách cứu xét nhu cầu quân viện cho Việt Nam , sau nhiều lần ủy ban Quân sự Thượng viện phàn nàn về vấn đ'ê này với Bộ Quốc phòng. Ông rất có cảm tình và cởi mở với Hưng. Ngòi trong phòng một mình với Von Marbod, Hưng yêu cầu ông cho biết rõ một cách thảng thắn tình hình quân viện còn lại của năm 1974: “Chúng tôi thắc mắc về sự cắt giảm và khấu trừ ở tài khóa này. Chúng tôi muốn biết rõ để xem anh có thể xoay xở cách nào đưọc không?”

Von Marbod trả lời: “Tôi rất buồn phải nói thật với anh rằng quân viện năm nay cho Việt Nam Cộng hòa thực sự chỉ có 625 triệu, và có thể chí có 500 triệu, chứ không phải hơn một tỷ như đã được loan báo và như Việt Nam Cộng hòa tưởng. Hưng coi chiều bỡ ngỡ. Von Marbod xé tờ giấy trong cuốn sổ tay, viết vội xuống cho anh coi :

Việt Nam - Lào        
1,126 triệu

Phần Lào        
- 11C triệu

Khấu trừ nội chi năm trước -266 triệu

Phi cơ F-5E        
-125 triệu

Còn lại :        
625 triệu

Có thể chì còn 500 triệu sau khi trừ ngân khoản chi phí cho cơ quan DAO Sài Gòn.

Hưng sửng sốt vì con số này, vội hỏi: “Như vậy thì đâu còn gì nữa. Chúng tôi phải làm gì bây giờ?”

Von Marbod nói ngân khoản đã đưọc phân phối, châtg còn làm gì khác được nữa. Hưng hiểu số tiền 226 trội chi năm ngoái là do Kennedy khởi xướng đòi lại, nhưng còn 125 triệu cho chương trình F-5E có thể di du sang những khoản chi thiết yếu khác như đạn dược, xăng nhớt được không? Von Marbod cho biết không được vì đã chuẩn chi từ lâu rồi. Hưng chưa bao giờ nghe thấy vụ này, không biết ai quyết định vụ này, và không biết Việt Nam có được Mỹ tham khảo ý kiến không? Năm 1973, quân viện là 2.2 tỷ, bây giờ chỉ có 500 triệu mỹ kim!

Tuy nhiên, Von Marbod nói ông vẫn còn chưa chịu đầu hàng trong vụ này, đòng thời ông khuyến khích Hưng gặp Schlesinger ờể xin ông này giúp vận động với Quốc Hội, còn Kissinger thì không thể nhờ vả gì được rồi, đừng gặp cho mất thì giờ, chỉ thêm chán nản hơn.

Hưng phúc trình lên ông Thiệu ngay khi về tới Sài Gòn. Thật đau khổ cho Hưng phải trình bày những con số Von Marbod đã đưa cho anh xem. Nếu thực vậy thì khả năng tác chién của quân đội Việt Nam Cộng hòa đã bị giảm xuống chừng 60 phần trăm trong năm 74. Sau khi nghe Hưng phúc trình, Thiệu lặng thinh và suy tư. Ông mím môi, chắp tay sau lưng và bước ra khỏi phòng, thủng thảng đi về phía căn lầu riêng của gia đình ông, cặp mắt mơ hồ, lơ đãng.

Còn lại một minh trong phòng Tình Hình, Hưng nhìn quanh và thấy trên bàn có tập hò sơ đỏ có hình ông Thiệu. Tò mò mở ra xem, Hưng thấy đó là tài liệu phân tích các mức độ quân viện d o tướng M urray soạn và Bộ Tổng Tham Mưu trình lên. Có bốn mức độ quân viện tương đương với bốn giới tuyến hay khả năng phòng thủ của Việt Nam Cộng hòa. Nếu mức độ quân viện là 1.4 tỷ thì có thể giữ được tất cả những khu đông dân cư của cả bốn Vùng Chiến Thuật. Nếu 1.1 tỷ thì Vùng 1 phải bỏ. Nếu 900 triệu thì khó lòng giữ được Vùng I và Vùng 2 hoặc khó đương đầu với cuộc tổng tấn công của Bắc Việt. Nếu 750 triệu thì chì phòng thủ được một vài khu vực chọn lọc và khó lòng điêu đình với Bắc Việt được. Nếu quân viện dưới 600 triệu thì chính phủ Việt Nam Cộng hòa chì còn giữ được Sài Gòn và miền châu thổ sông Cửu Long. Đó là bốn tuyến phòng thủ tương đương với bốn mức độ quân viện. Murray kết luận rằng: “Ta có thể ví sự cắt quân viện này như mất tài sản vậy.” (Xem phụ lục c : Bản phân tích của cơ quan DAO về ảnh hưởng quân viện cho Việt Nam Cộng hòa trong tài khóa 1975.)

Ông Thiệu lo lắng và muốn công bố tình trạng thực sự về quân viện Mỹ, nhưng khốn nỗi há miệng mắc quai. Nếu biết được tình trạng này, quân sĩ sẽ xuống tinh thần và cs lại càng hăng lên; nếu không nói ra thì Quốc hội Mỹ sẽ tiếp tục cắt nữa. vả lại, nếu nói ra ông Thiệu có thể bị yếu thế chính trị vì việc chứng tỏ ông không thành cóng trong việc thuyết phục Hoa Kỳ bảo vê miền Nam.

Tử 1967 đến 1970, lúc Hoa Kỳ còn đang dấn thân sâu đậm ở chiến trường Việt Nam, mỗi năm chiến cuộc đã tốn kém tới 25 tỷ mỹ kim. Trong hai năm 1970 và 1971, chi phí mỗi năm giảm xuống còn 12 tỷ. Giờ đây, sau khi quân đội Hoa Kỳ triệt thoái, Việt Nam Cộng hòa phải tiếp tục đảm nhiệm cuộc chiến một mình và với ngân khoản 500 triệu viện trợ, trong khi đó thì cuộc khủng hoảng dầu lửa đã làrn giá xăng nhớt tăng lẽn gấp bốn lần.

Ngoài việc cắt viện trợ, Quốc hội Hoa Kỳ còn tiếp tục có những hành động làm nao núng miền Nam bằng cách đặt rất nhiều giới hạn trong việc xứ dụng viện trợ kinh tế. Dưới áp lực nặng nề của những nhóm phản chiến dẫn đầu bởi nhóm Indochina Resource Center (Trung tâm Tài nguyên Đông Dương). Quốc hội ban hành lệnh cấm luôn cả việc xứ dụng ngân khoản viện trợ để trả lương lính. Điều này có tác dụng nặng nề đến tinh thần quân đội vì ở   
Việt Nam, binh sĩ phải dùng một phần lương để trả tiền nuôi ăn. Trước kia, 75 phần trăm sự thiếu hụt ngân sách được tài trợ bằng qũy đối giá do các dịch vụ nhập cảng cung ứng. Qũy đối giá là một ngân khoân bằng đòng bạc Việt Nam thu hồi được khi bán đồ nhập cảng do viện trợ Mỹ tài trợ. Đến nay, không những viện trợ đã bị cắt giảm, mà qũy đối giá lại không còn được dùng vào chi tiêu qiốc phòng nữa. Chính phủ phải nhờ đến những viên chức Hoa Kỳ ở Sài Gòn áp dụng một cách lỏng lẽo và linh động đạo luật trên : Thuế khóa trong nirớc thì dùng cho quốc phòng, còn ngân qũy nhập cảng thì dùng cho các chương mụ: khác. Đến mùa hè, Quốc hội Hoa Kỳ lại thắt chặt thêm: Không cho dùng tiền trong qũy đối giá đế trả lương cho cảnh sát quốc gia nữa. Ngoài ra, viên trợ thực phẩm không còn tính cách cho không nữa mà sẽ là cho vay dài hạn. Tất cả những hành động thắt cổ này, chính phủ không muốn phổ biến rộng rãi vì e ngại ảnh hưởng tới tinh thần binh sĩ và cũng như khích lệ cho Cộng sản.

Thế rồi, ngày 11 tháng 7, 1974, Thượng-nghị-sĩ Kennedy lạ:i đòi cắt thêm viện trợ kinh tế 50 phần tràm nữa, từ 943 triệu xuống 475 triệu.

Vài ngày sau, trong một phiên họp nội các , Thủ tướng Khiêm chỉ thi cho các bộ phối hợp với Đại sứ Martin đế ông này vận động cho Việt Nam Cộng hòa một chương trình viện trợ dài hạn 5 năm mong đối phó với cơn khủng hoảng kinh tế hiện hữu. Ngay từ 1973, ở San Clemente, ông Thiệu đã trinh bầy với Nixon một kế hoạch nhằm giảm viện trợ xuống còn 100 triệu mỹ kim vào năm 1980. Nixon trước đây đã hàng hái ủng hộ chương trình này, nhưng ông đã không thực hiện được : Việt Nam Cộng hòa cũng trở thành nạn nhân của vụ \Vatergate luôn.

Sau một ngày dài làm việc, Thiệu biểu lộ sự bối rối của ông qua ly rượu: “Thật khó tin được. Thoạt tiên ở Midway, họ nói với tôi sẽ rút vài ngàn quân, nhưng còn duy trì nửa triệu quân chiến đấu ở Việt Nam; sau đó, họ rút thêm quân, và nói sẽ trang bị cho quân đội Việt Nam Cộng hòa để đền bù cho sự triệt thoái này. Đến năm 1972, khi triệt thoái tiến nhanh hơn, họ nói với tôi tuy lục quân rút đi, nhưng Mỹ sẽ tăng cường yểm trợ không lực. Đến khi họ rút lui toàn bộ, cả lục quân lẫn không quân, họ hứa sẽ tàng viện trợ và tiếp tục duy trì sự có mặt của Đệ Thất Hạm Đội cùng các căn cứ không quân ở Thái Lan để yểm trợ khi cần. Bây giờ, anh nói với tôi viện trợ Mỹ bị cắt 60 phần trăm. Vậy ta còn gì nữa ?”

Hưng chảng biết nói gì hơn đế trả lời Thiệu. Tuy nhiên anh nhớ ra còn 75 chiếc phi cơ F-5E nằm trong ngân khoản 1974 nhưng chưa giao cho Việt Nam Cộng hòa. Thiệu ngạc nhiên ; Hưng đề nghị nên xúc tiến ngay việc này.

Hưng trớ lại Washington cuối tháng 7, 1974 để thúc đẩy việc gởi máy bay và duyệt lại tình hình viện trợ kinh tế. Anh làm việc với cơ quan AID để xin thêm ngân khoản nhập cảng và tái thiết. Anh cũng được chỉ thị theo dõi tình hình quân viện và tình trạng của Nixon trong vụ Watergate.

Hưng tới Washington giữa lúc chiến clịch buộc tội Nixon đang sôi nổi. Trời XVashington nóng đến bốc hơi không kém gì ở Sài Gòn. Ở Ngũ Giác Đài không khí làm việc khác hẳn với những lần trước Hưng đến đây. Quốc hội còn châng làm được việc gì khác huống hồ vấn đề viện trợ cho Việt Nam Cộng hòa. Tất cả đều xoay quanh XVatergate. Nixon có thế bị bất buộc từ chức. Agnew đã rời nhiệm sở. Gerald Ford, mới được bổ nhiệm Phó Tổng Thống, không phải là một nhân vật đáng kê đối với người Việt. Quốc hội chưa bỏ phiếu về viện trợ cho Việt Nam . Ngân khoản viện trợ tạm thời dựa vào mức độ ngân sách của tài khóa năm trước; vì vậy không có gì chắc chắn cả.

Không còn mong đợi gì ở nơi chính phủ, Hưng nghĩ đến chuyên gặp Robert McNamara, nguyên Bộ trưởng Quốc phòng, hiện là chủ tịch Ngân-hàng Quốc-tế (The World Bank). McNamara không còn dính dáng gì đến vấn đề Việt Nam nữa, nhưng có lẽ ông còn chút thông cảm với Việt Nam Cộng hòa. Ông là người có trách nhiệm đem nda triệu quân Mỹ vào Việt Nam và dự phần vào việc lec thang chiến tranh ở đó. Văn phòng rộng thênh thang của ông ở trên tầng lầu thứ mười hai của trụ sở Ngân-hàng Quốc-tế. McNamara đón Hưng bằng nụ cười cởi mở và cái nhìn thông suốt. Hưng đã thấy ông qua truyền hình, đi đi về về tại Việt Nam; ông là người hăng hái cổ võ việc áp dụng các phương pháp khoa học như lợi phí và định lượng vào chiến tranh Việt Nam. Chính ông là người đã cho trắc nghiệm chương trình khai quang bằng thuốc hóa học Agent Orange ở Việt Nam, gây ra không biết bao nhiêu tai hại! Rồi chương trình tiêu diệt hạ tầng cơ sở Việt Cộng mang tên Phượng Hoàng cũng được thi hành dưới thời McNamara. Cũng dưới thời này, chiến thắng của quân đội Hoa Kỳ được đo lường bằng xác địch quân và những bảng liệt kê vũ khí chiếm được. Tóm lại, chính ông là kẻ mang một món nơ tinh thần khá nặng rìê đối với Việt Nam.

Hưng muốn có một buổi họp cởi mở với McNamara, nhưng ông này lại tiếp đón anh với một thái độ tránh né, giữ đúng nghi thức, ông bắt đàu bằng câu hỏi: “Thưa ông Tổng trưởng, tôi có thể làm gì để giúp ông được?” Và không đả động đến vấn đề kinh tế khó khăn mà Việt Nam đang gặp phải. Vì tin rằngMcNamara có thế còn nhậy cảm và không muốn nghe tới chiến tranh Việt Nam, Hưng chì trình bầy nhu cầu ngân khoản để tài trợ cho những chương trình canh nông xây dựng lại nền kinh tế “hậu chiến”.

McNamara không hứa hẹn gi mà lại còn phàn nàn về việc Quốc hội không tăng ngân khoản cho Ngân-hàng Quốc-tế: “Tôi muốn giúp xứ ông, nhưng nếu Quốc Hội không chấp thuận ngân khoản cho Chương trinh Phát Triển Quốc-tế thì cũng đành chịu bó tay.” Hưng nhắc McNamara rằng Việt Nam Cộng hòa là một trong những thành viên kỳ cựu nhất của Ngân-hàng Quốc-tế và chưa hề mượn tiền của cơ quan này bao giờ. Hưng nói: “Khi Hoa Kỳ còn ở Việt Nam, chúng tôi có rất nhiều ngoại tệ. Tôi nhìn thấy tờ giấy 100 đồng mỹ kim lần đầu tiên ở Sài Gòn.” McNamara không cười vì câu nói này.

Hưng tiếp tục trình bầy những nhu cầu canh nông của Việt Nam Cộng hòa. McNamara trả lời: “Vắn đề canh nông bao giờ cũng hấp dẫn đối với tôi. Ngân-hàng đang có một vài dự án quan trọng, về gạo Thần Nông. Ông đứng dậy, lấy cục pha lê đựng gạo mẫu ở trên bàn và đưa cho Hưng xem. Hưng đáp: “Vâng, thưa ông Chủ tịch, canh nông cũng hấp dẫn tôi. Nhân dân Việt Nam Cộng hòa đang trông cậy vào sự giúp đỡ của Ngân-hàng, vì chúng tôi cho rằng định chế này không phải chỉ làm công việc của một ngân hàng, tê 1 thật của nó là “Ngân Hàng Tái Thiết Phát Triển.” Theo chỗ chúng tôi biết, hiện nay, Việt Nam Cộng hòa là quốc gia duy nhất trên thế giới càn đển chương trình tái thiết thời hậu chiến.” McNamara lại xoay câu chuyện vào gạo Thần Nông phong phú ở miền Nam và ông nói ông đang cho trắc nghiệm loại gạo này. ông ta cầm gạo mẫu lên và nói: “Đây là gạo Thằn Nông IR-3”. Đến đây, Hưng hết chịu nổi, anh nói: ‘Cám ơn ông Chủ tịch, tôi đã nhìn thấy ở Việt Nam loại gạo IR-8 còn tốt hơn loại này.” Nói xong, Hưng đứng dậy chào từ biệt McNamara và ra về. Anh nhận thấy rằng không thể nhờ vả McNamara gi được nữa.

Khi đứng đợi thang máy ở ngoài hành lang, Hưng tự hỏi tại sao McNamara lại có thể thờ ơ với vấn đề Việt Nam như vậy, một vấn đề chính ông ta gây ra. Tại sao con người có nhiều trách nhiệm về Việt Nam như thế mà có thể xử sự một cách lạnh lùng như vậy. Hưng còn nhớ ngày trước, anh cười thằm ông này vì ông phát âm “  
Việt Nam” thành “Vịt nằm”. Anh thấy lòng mình chùng hẵn xuống. Chính McNamaralàngườicóthẩmquyềnđểyểmtrợ công cuộc tái thiết kinh tế của một quốc gia bị tàn phá bởi chiến tranh, một cuộc chiến tranh mà chính ông đã leo thang, thế mà lúc này, ông lại chỉ đổ dòn tiền bạc của Ngân-hàng vào những nước như Trung Cộng, Ấn Độ, Pakistan. Mặc dầu Việt Nam Cộng hòa có đủ tư cách và tài nguyên kinh tế bảo đảm, McNamara vẫn lạnh nhạt và thờ ơ.

Trước <hi về Sài Gòn, Hưng đến gặp Von Marbod về vụ 75 chiếc phi cơ F-5E dành cho không quân Việt Nam. Hưng hỏi Von Marbod : “Ông đã trích 125 triệu khỏi ngân khoản viện trợ năm 1974 cho phản lực F-5E. Vậy máy bay đâu ?” Von Marbod giải thích rằng tiền còn để phòng hờ. Hãng Northrop càn có thời gian để sản xuất ; sau đó các bộ phận sẽ được mang sang ráp ở Phi Luật Tân rồi mới giao cho Saìgon. “Cả Đài Loan và Iran đều xin F-5E. Họ có thể có quyền ưu tiên hơn Việt Nam Cộng hòa.” Hưng kinh ngạc vô cùng. Cuộc ngưng bắn bị xâm phạm, Việt Nam Cộng hòa cần mày bay, không những để bù đắp một phần nào cho không lực của Hoa Kỳ nay đã mất, mà còn để hỗ trợ tinh thần cho quân đội. Hưng nhất định đòi Von Marbod xếp đặt để anh gặp Thomas Jones, Chủ tịch hãng sản xuất máy bay Northrop. Von Marbod ngạc nhiên vì thắy lần đầu tiên có anh chàng Việt Nam muốn xía vào công việc tiếp liệu của Hoa Kỳ, nhưng sau khi Hưng khẩn khoản yêu cầu, ông cũng cố xếp đặt cho anh gặp Chử tịch Jones. Trước khi về Sài Gòn, Hưng được một máy bay riêng do bộ Quốc phòng xử dụng chở đi để gặp Chủ tịch Northrop ở gần Los Angeles. Anh giải thích rằng quân đội Việt Nam Cộng hòa đã tổn thất nặng nề vì thiếu không lực yí m trợ. Jones cho biết Northrop sản xuất máy bay đúng hạn kỳ “nhưng vì có nhiều khách hàng, tôi đã phải xét lại nhu cầu của ông.” Trong gần một giờ, Hưng cố thuyết phục Jones, yêu cầu giao ba phi đoàn — 36 chiếc — trước Giáng Sinh 1974.

Johns thắc mắc: “Tại sao các ông càn trước Giáng Sinh T’

Hưng trả lời: “Chúng tôi ước đoán năm 1975 sẽ là năm gay go nên chúng tôi cần phương tiện chtén đấu ; lại nữa tôi cũng cần những máy bay đó để bay trên trời Sài Gòn cho dân chúng lên tinh thần chút đỉnh.”

Hưng hứa với Jones rằng, nếu cần, anh sẽ trình ông Thiệu xin bộ Quốc Phòng trả tiền ngay cho Northrop khi Việt Nam Cộng hòa nhận được máy bay.

Nghe thấy vậy, Jones tỏ vẻ thoải mái và hứa: “Tôi sẽ cố gắng giúp ông và xứ ông.”

Để tránh mọi sự hiểu lầm, Hưng nói tiếp: “Khi Sài Gòn nhận được máy bay, tôi sẽ mời ông sang Sài Gòn khánh thành. VẾ phần tôi, chì xin ông cho tôi một chai côca côla để uống chơi với ông, cũng đủ hả dạ lắm rồi.”

Jones gởi Hưng về biếu Tổng Thống Thiệu một chiếc F-5E mẫu bằng plastic. Thiệu vui mừng nhận chiếc máy bay mẫu và để nó ngay đằng sau bàn họp trong phòng Tình Hình, cạnh chiếc điện thoại khẩn cấp đằng sau ghế ông (xem hình họp với phái đoàn Weyand).

Niềm hy vọng duy nhất hé ra ở chân trời là nhận được F-5E sớm hơn hạn định, về đến Sài Gòn đầu t làng 8, Hưng báo cáo với ông Thiệu, N ixon có thể bị khởi tô hay bắt buộc từ chức trong vài hôm. Đằng nào đi nữa thì cuộc đời chính trị của Nixon cũng kể như chấm dứt. Không khí ở XVashington đằng đằng hiềm thù, và Hoa Kỳ không làm gì hơn ngoài sự chú tâm vào Watergate. Kissinger được giao trách nhiệm tập trung nỗ lực vào chính sách ngoại giao Hoa Kỳ vì không liên quan gì đến cuộc khủng hoảng nội bộ. Trong những ngày cuối của nhiệm kỳ Nixon, Kissinger thực ra đã trở thành một thứ Tổng Thống ve Ngoại Giao.

\*

♦ ♦

Hưng cho ông Thiệu hay rằng anh vẫn chưa dự đoán được rõ về ông Ford, người sẽ kế vị Nixon. Ông này thuộc phái bảo thủ, nếu muốn, ông ta có thể giúp ích cho Việt Nam Cộng hòa vì ông sẽ có lợi thế hơn Nixon. Truyền thống của Mỹ là Quốc hội thường cho một vị tân tổng thống hưởng sự dễ dãi “trăng mật”. Thiệu chàm chú nghe Hưng. Trong đằu óc người Việt Nam, trăng mật chì kéo dài một tuần lể — tuần trăng mật — nhưng ở Hoa Kỳ, nghĩa bóng của trăng mật chì sự liên lac dễ dãi giữa Quốc hội và Tổng Thống. Nó có thể kéo dài cả trăm ngày nếu Tổng Thống tỏ ra hữu hiệu và khéo léo ! Mặc dầu bà Chennault tiên đoán sự xuống dốc của KỊssinger, Hưng báo động với Thiệu là thế lực của Kissinger còn đang lên và Ford sẽ giữ Kissinger lại ở chức vụ Bộ trưỏng Ngoại giao. Việc này không có lợi cho Việt Nam Cộng hòa.

Ngày 9 tháng 8, 1974, khi Hưng vào gặp Thiệu, anh thấy ông ngòi một mình trong văn phòng, mắt nhắm lại, cắn môi và xoa mạnh nắm tay mặt vào lòng tay trái. Tin Nixon từ chức đã được loan đi khắp thế giới. Tinh thần ông căng tháng <hi nghe tin này. Thiệu ở vào thế lưỡng nan. Sự cắt giảm viện trợ sẽ đưa ông vào thế kẹt là phải cắt giảm đất đai. Thay vì “rút lui”, Thiệu bắt đằu dùng tử ngữ “tái phối trí lực lượng”.

Dựa vào bản phân tích của tướng Murray, trước ngày ông rồi nhiệm sở DAO Sài Gòn.do Bộ Tổng Tham Mưu trinh lén đã rõ ràng là mức viện trợ hiện hữu đòi hỏi phải cứu xét kế hoạch cắt bỏ miền Trung và củng cố lãnh thổ Việt Nam Cộng hòa dọc theo tuyến phòng thủ bao gồm thủ đô Sài Gòn và châu thổ sông cửu Long.

Bốn ngáy trước khi từ chức, Nixon đã bắt buộc phải ký đạo luật do Quốc hội soạn thảo, giảm viện trợ 1975 cho Việt Nam XLống đúng I tỷ thay vi 1 tỷ 600 triệu như đã xin trước. Không những ngân khoản bị giảm xuống, mà cách xử dụng ngân khoản cũng phải giới hạn, khiến cho số tiền thực sự dùng được chì bằng một phần ba năm trước. Đây là cách Quốc hội trả thù, đập thâng vào mặt Nixon. Trong tình trạng suy nhược chính trị hiện tại của ông, Nixon đành thúc thủ.

Thiệu nói với Hưng tránh bàn đến vấn đề viện trợ một cách quá bi quan để cố giữ vững tinh thần dân chúng và ổn định chính trị ở miền Nam. Nhưng Thiệu nói lờ mờ tới việc thiếu phương tiện để bảo vệ tất cả lãnh thổ, ngụ ý phải cắt đất. Việt Nam Cộng hòa không thể duy trì hơn một triệu quân với tình trạng viện trợ hiện tại. Ông phải nghĩ cách cắt đẩt làm sao mà không gây nguy hiểm cho công cuộc phòng thủ và tái thiết kinh tế ! Thiệu chỉ thị Bộ Tổng Tham Mưu phân tách ảnh hưởng của viện trợ đối với khả năng tâc chién của quân đội. ông cũng cân nhắc khả năng của quân đội phải giữ cả bốn Vùng Chiến Thuật của miền Nam Việt Nam

Biết được ý Thiệu, Hưng soạn sẵn một bản phân tích về ảnh hưởng kinh tế nếu phải bỏ Vùng 1 và Vùng 2, nhưng giữ những thành phố và căn cứ lớn ở dọc duyên hải như Huế, Đà Năng, Qui Nhơn, Tuy Hòa, Nha Trang, Cam Ranh, Phan Rang, Phan Thiết.

Hưng kết luận rằng tình hình kinh tế không đến nỗi nào nếu phải bỏ Vùng 1 và Vùng 2. Tổng sổ dân cư dưới quyền kiểm soát của chính phủ sẽ mất đi vào khoảng sáu triệu tức dưới ba mươi phần trăm. Trong sổ đó có thể hai triệu sẽ di tản xuống miền Nam. Bản nghiên cứu đó không đánh giá ảnh hưởng chính trị do cuộc “tài phối trí” này gây nên, và cũng không xêt đến ảnh hưởng tinh thần khi phải nhượng bốn triệu dân cho Cộng Sản.

Mặt khác tích cực hơn, còn hơn một triệu mẫu đất có thể khai khẩn được ở đòng bằng miền Nam để định cư dân tỵ nạn từ cao nguyên và miền duyên hải phía Bắc đổ về. Tổng sản lượng quốc gia có thể sẽ sụt giảm 20 phàn trăm và sự mất mát này phàn lớn do kỹ nghệ chăn nuôi và lâm sản. Kỹ nghệ mỏ giảm xuống 65 phằn tràm vì mất than, nhưng những hoạt động chế tạo chỉ sút giảm 7 phần trăm. Bản ước tính thực tế về tình trạng quân sự và kinh tế này đi đến kết luân là sự cắt đắt có thể thực hiện được. Thiệu dường như đang tính toán đế bỏ đi một “không” trong số “bốn không” của ông : Không nhượng lãnh-thổ ; không liên-hiệp ; không công nhận đảng Cộng sản ; và, không trung-lập-hóa miền Nam Việt Nam.

Trong những buổi họp với bộ tham mưu của ông, Thiêu bắt đằu nói đến chuyên : “Từng chiến lược cho từng mức độ viên 1 rợ.” Ông không bao giờ cắt nghĩa rổ ràng kế hoạch cắt lãnh thổ ; nhưng Hưng cảm thấy ông đang cứu xét một quyỉt định rắt quan trọng.

Theo Hưng, quyết định đó không thể tránh được. Anh đã duyệl lại những bản ước tính tình hình mà Thiêu cho là rõ ràng, chính xác, và gọn ghẽ, — phù hợp với thể thức tham mưu, theo lời Thiệu. Không còn nghi ngờ gì nữa, sự cắt giảm viện trợ trong tài khóa 1975 sẽ đưa tới sự cắt đất ở miền Nam. Thiệu làm mọi người trong bộ tham mưu ngạc nhiên khi ông mô tả chiến lược của ông bằng bốn tiếng mộc mạc “Đằu Bé Đít To” (Vùng 1 và Vùng 2 là đầu).

Chiến lược cắt đất này cũng không mới mẻ gì. Hồi năm 1961, chính Tổng Thống Diêm cũng đã viết một lá thư cho Tổng Thống Kennedy (Ngày 9 tháng 6, 1961) và khuyến cáo râng nếu không đủ viện trợ để trang bị hai sư đoàn mới thì ‘chúng tôi không còn cách nào hơn là rút lui khỏi vùng Phi Quân Sự về phía Nam và hy sinh một phần lớn lãnh thổ cho Cộng sản.”

Ông Thiệu đang suy nghĩ làm sao linh động hóa chính sách “Bốn Không” của ông. Một buổi tối, Hưng thảo luận vấn đề “Bốn Không” này với Thiệu. Hưng tò mò muốn biết Thiệu sẽ nhượng bộ bằng cách nào. Thiệu nói với Hưng đừng dùng tiếng “Liên Hiệp” ở ngoài công cộng. “Đối với Cộng sản mình phải hành động một cách cứng rắn. Mình phãi bắt chúng trả giá đắt. Đén khi nào nhượng bộ mới hạ giá xuống được.” Thiệu cắt nghĩa cho Hưng là chính sách “Bốn Không” có thể áp dụng một cách uyên chuyển được, châng hạn như 80 phần trăm cho một cái “Không” thứ nhất và 60 phần trăm cho một cái “Không” thứ hai. Đến một lúc nào đó có thể tất cả bốn cái “Không” sẽ không còn là 100 phần trăm “Không” nữa. Ông nói: “Tôi có nói nhất định cái “Không” nào cũng phải 100 phần trăm bao giờ đâu.” Hưng chắc chắn là ông Thiệu đang suy nghĩ về chiến lược “Tái Phối Trí Lực Lượng” hay Đầu Bé Đít To”.

Việc Nixon từ chức càng làm cho tình hình căng thẳng. Ông Thiệu sợ rằng Tổng Thống mói sề bỏ qua lời hứa của Nixon cam kết với Việt Nam Cộng hòa, và sẽ lờ đi làm như không biết gì cả. Mặt khác lại không có cách nào dễ dàng bỏ Cao nguyên mà không gây xáo trộn và khủng hoảng tinh thần nhân dân. Thiêu tự nhốt mình vào văn phòng làm việc của ông để suy nghĩ.

Bất thình lình ngày 10 tháng 8, như một giấc mơ, Thiêu nhận được một lá thư mật của Ford clo Phó Đại sứ Hoa Kỳ mang tới Dinh trao tận tay, vì lúc ổó ông Martin còn ở Washington vận động viện trợ. Lá thư đọc như sau:

Kính thưa Tổng Thống,

Khi tôi lên đảm nhiệm chức vụ Tổng Tiìống Hoa Kỳ, ý tưởng đàu tiên của tôi là nghĩ tới những cuộc tấn công tàn bạo mà quân đội của quí quốc đã đẫy lui một cách can trường và đầy quả cảm. Có lẽ tôi không cằn phải thông bảo cho Ngài rõ rằng chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ luôn luôn được dựa trên căn bản liên tục và sự ủng hộ của lưãng đảng. Lúc này dãy, những tính chất đó lại càng rô ràng hoit nữa và tắt cả những cam kết mà nước chúng tôi đã hứa hẹn vói quí quốc trong quá khứ nó vẫn còn hiệu lực và sẽ được hoàn toàn tôn trọng trong nhiệm kỳ của tôi.

Những cam két này của tôi lại đặc biệt thích ứng với Việt Nam Cộng Hòa trong đièu kiện hiện tại. Chủng ta đã cùng nhau đi trên con đường dài và đày chông gai. Tôi đã nghe những tường trình của Đại sứ Martin vè những tiến bộ đáng ghi nhận của qúy quốc dưới sự lãnh đạo của Ngài. Kể từ lúc ký kết hiệp định Paris, qua bản báo cáo của ông Đại sứ, tôi rất khích lệ vè sự quyết tâm của Ngài trong công cuộc cải tổ chính phủ để có thể xử dụng viện trợ Hoa Kỳ và của các quốc gia bạn khác một cách hữu hiệu ho-n, ngõ hầu đem lại nền kinh tế tự lúc cho Việt Nam Cộng hòa trong vài năm tới đây. Quân đội Việt Nam Cộng hòa với tinh thần cao và chiến đấu hữu hiệu sẽ là một bằng cớ hiển nhiên để các nhà lãnh đạo Hà Nội phải nhận ra rằng đã đến lúc phải tham dự vào việc duy trĩ bản Hiệp định Paris và nghiêm chỉnh cộng tác với Ngài trong việc thi hành bản Hiệp định như ý muốn của Ngài.

Tôi biết rằng Ngài đang lo ngại vè những bước đàu của Quốc hội trong việc chuẩn chi viện trợ quân sự và kinh tế cho Việt Nam Cộng hòa. Thủ tục của Quốc hội chúng tôi phức tạp, rườm rà nhưng chưa phải là kết thúc. Tuy còn phải đợi một thời gian nữa, nhưng tôi muốn nói đề Ngài yên tâm rằng cuối cùng viện trọ- sẽ được đày đủ cả về quân sự lẫn kình tế.

Trước thtỉ thách quan trọng này, tôi nhờ đến sự giúp đỡ của Tiến sỹ Kỉssinger tham dự chính phủ mới với tư cách Bộ trưđng Ngoại Giao như cũ. cả Tiến sỹ Kissinger và Đại sứ Martin đểu dược tôi tín nhiệm hoàn toàn.

Trăn trọng (kt) Gerald R. Ford

Ông Thiêu rất mừng rỡ, vì tân Tổng Thống đã xác nhận lại những cam két của Hoa Kỳ đối với Việt Nam Cộng hòa. Ông nhoẻn một nụ cười — nụ cười đã lâu Hưng không thấy — và bất thình lình thay đổi khí sắc. Lúc đó, Hưng chưa biết đến những lá thư Nixon và cam kết mật của Hoa Kỳ. Đối với Thiệu, những lá thư đó tượng trưng cho sự liên tục của chính sách ngoại giao Hoa Kỳ, và ông cho rằng Ford, do Nixon đưa lên làm người kế vị, sẽ thi hành những cam kết của vị Tổng Thống tiền nhiệm.

Mấy ngày sau khi nhận được thư của Ford, sau một buổi họp càc Tổng trưởng, ông Thiệu bao Hưng ở lại uống rượu chơi. Hai người nhấm nháp ly rượu Black Label pha với Soda. Thiệu nói tới việc ông tin tưởng rằng Ford sẽ tiếp tục chính sách của Nixon, Hưng giải thích thêm cài thông lệ của Mỹ về thời gian tràng mật dành cho tân Tổng Thống và giục ông Thiệu phải có lợi dụng thời gian đó. Để bắn tin cho Washington biết, ngày 10 tháng 8, Thiệu cho Bộ Ngoại Giao công bố lập trướng chính thức của Việt Nam Cộng hòa về Nixon, cho rằng vụ VVatergate là “vấn đề nội bộ của Hoa Kỳ ... Chính phủ Việt Nam Cộng hòa hoàn toàn tin tưởng vào chính phủ và nhân dân Hoa Kỳ sẽ tiếp tục đường lối ngoại giao đã được năm vị Tổng Thống Hoa Kỳ theo duổi và được cả được cả lưỡng đảng chấp thuận, và sẽ tiếp t ục cộng tác với chính phủ và nhân dân Việt Nam để thực hiện hòa bình trên căn bản Hiệp định Paris”. Thiệu tạm xếp kế hoạch “Tái Phối Trí” lại một bên.

♦

\* ♦

Ngày 16 tháng 8, trong buổi họp cuối cùng với các tướng lãnh Việt Nam trước khi về nước, tướng Murray khuyên họ nên suy nghĩ kỹ về việc cắt giảm viện trợ và nên thu gọn tuyến phòng thủ lại, tập trung quân đội và đạn dược để phòng thủ vùng đông dân cư dọc bờ biên, cả Murray và Quốc hội Hoa Kỳ đều không biết gì về lá thư của Ford gởi Thiệu

Nhưng thật là trớ trêu, chì vài ngày sau khi Ford viết thư cho ông Thiệu và bảo ông đừng có lo vì viên trợ “sau cùng sẽ được đầy đủ cả về quân viện lẫn kinh tế” thi Quốc hội lại hạ quân viện xuống chì còn có 700 triệu thay vì một tỷ như Nìxon đã ký. Ở mức 1 tỷ, thì Việt Nam Cộng hòa cũng đẫ phải khốn đốn rồi. Giắc mơ đã qua đi mau lẹ! Thiệu bối rối vô cùng. Quốc hôi hình như đã ly dị với Ford trước khi thời kỳ tuần trăng mật bắt đầu. Hưng mời Warren Nutter, cựu Phụ tá Bộ trưởng Quốc phòng tới Sài Gòn để tham khâo ỷ kiến và tìm cách vận động với Washington. Nutter dự điểm tâm với Thiệu và Hưng ngày 23 tháng 8 ở trong Dinh. Thiệu bầy tỏ sự lo ngại về viện trợ. “Mới vài ngày trước đây là 1 tỷ, bây giờ còn 700 triệu, tôi làm gì được với số viện trợ như vậy. Như là chuyện cho tôi 12 đô la và bắt tôi mua vé máy bay hạng nhắt từ Sài Gòn đi Tokyo.”

Nutter là người ủng hộ Thiêu từ lâu, cũng rất bối rối khó chịu. Ông cảm thấy khó khăn khi giải thích hành động của Quốc hội: “Quốc hội Hoa Kỳ đôi khi hành động vô trách nhiêm như vậy ... Cái Trung Tâm Tài Nguyên Đông Dương (Indochina Resource Center) đang hết sức tìm cách tiêu diệt nước các ông.” Nutter hứa khi về tới Washington se cố gắng trình lên Tổng Thống Ford tình trạng nguy ngập ở Việt Nam. ông ta than phiền: “Không có nhân vật cao cấp nào trong chính phủ để ý đến vấn đề Việt Nam nữa.” Câu nói của Nutter làm Thiêu bỏ dở tô hủ tiếu.

Khi về tó'i Washington, Nutter viết phiếu trình lèn John o. Marsh, cố vấn của Ford, kêu gọi ủng hộ Việt Nam Cộng hòa. Nutter nhắt quyết rằng miền Nam sẽ tòn tại được nếu quốc gia này có phương tiện để chống trả những cuộc tấn công của quân chính quy Bắc Việt. Nhưng nếu Hoa Kỳ ngưng viên trợ thì sẽ gây hậu quả trầm trọng cả về vật chầt lẫn tinh thần. Nutter viết cho March như sau:

Tôi chưa ì hấy ông Thiệu và các tướng lãnh Việt Nam có khí sắc u sằu như vậy bao giờ. Họ sẽ càng mất tinh thàn nỉu Bắc Việt tiếp tục gây ảp lực ... Tôi tin rằng hành động của Quốc hội và hậu quả tai hại của việc cắt viện trợ là đàu mối cứa những cuộc xáo trộn chính trị và biểu tình trong vài tuàn lễ gàn đây (tại Saigòn). Tình hình sẽ bất ổn vè cả chỉnh trị lẫn quân sự, và mọi sự có thê đổ vỡ nếu không xoay ngược được chiều hướng này. Nếu phải lựa chọn, ta nên viện trợ quân sự trước, rời kinh tế sau, đê đương đàu với những đe dọa quân sự trước mất ...

Bỏ rơi miền Nam Việt Nam cho đổ vỡ thảm sát chỉ vì hơn kém nứa tỷ đô la sẽ cỏ hậu quả còn sâu xa hơn là xé nát lương tâm cứa Hoa Kỳ. Nó sẽ là ngọn gió thổi bay ảnh hưởng của Hoa Kỳ tuy còn mạnh nhưng đang yếu dàn, trên chính trường quốc tế. Ô  
ng nói với các bạn ông ở Bộ quốc phong : “Thật là bi thảm, ông Thiệu gần như muốn khóc với tôi.”

Viện trợ quần sự bị cắt còn 700 triệu (và đây chì là con số lý thuyết) và viên trợ kinh té từ 800 triệu xuống 400 triệu khiến Sài Gòn lại phải xét lại lập trưởng và đặt dấu hồi về sự cam kết của Hoa Kỳ.

Thế nhưng \Vashington lại trấn an. Mặ.c dù sự thật đã quá phũ phàng, Tổng thống Ford vẫn tiếp tục an ủi Thiệu. Lần này, thay vì viết thư, ông gứi một phái đoàn do Thứ trưởng Quốc phòng Clements cầm đầu tới Sài Gòn. Clement là một giám đốc công ty dầu hỏa ở Texas, mới tham gia chính phủ, nổi tiếng là cổ tính cưo ng trực và ủng hộ lập trường Việt Nam từ lâu.

Clements mang theo cái bộ tịch huênh hoang và tự tin của người hùng Texas, tính tình dễ dãi, bình dân, dễ được lòng người Việt. Trong một buổi họp, ông lại hứa với Thiêu rằng chính phủ Hoa Kỳ đang tìm mọi cách đề viên trợ quân sự cho Việt Nam. “Xin Tổng Thống đừng lo. Chúng tôi đang tìm mọi cách thuyết phục Quốc hội. Tôi tin chắc rằng cuối cùng Quốc hội sẽ chấp thuận ngân khoản”   
Hoa Kỳ cố gắng làm như không có chuyên gì xẩy ra. Clements được cử sang trấn an ông Thiệu, ông ta nói đến chiến lược mới của chính phủ để xin Quốc hội viên trợ thêm cho Việt Nam Cộng hòa. Cử chỉ thành thực của Clements dê làm mọi người xiêu lòng. Ông ta làm như chuyên gì rồi cũng xong hết.

Thiệu chàm chú nghe và gật đàu nhưng với một vẻ mặt mà sau này một nhân viên trong phái đoàn Mỹ tại buổi họp đã mô tả là “Bi quan sâu đậm” . Ông Thiệu như bị bủa vây tứ phía. Thật là khó cho Clements có thể trấn an được ông trong lúc này.

Trong buẩi họp sau cùng trước khi trở về, phái đoàn Hoa Kỳ đã taảo luận đến vấn đề “thời gian tính” của quân viện và làm sao du di qũy phát triển để đáp ứng nhu cầu hiện tại. Họ nghĩ đén việc xin Quốc hội 300 triệu thêm cho quân viện Đại sứ Martin, lúc nào cũng lạc quan, trấn an ông Thiệu rằng: “Cánh cửa viện trợ chưa đóng hẳn.” và “ta chưa khai thác hết mọi cách”. Martin chế diễu những “tay đĩ điếm tiền bạc” ở Ngũ Giác Đài và Quốc Hội không chịu xuất tiền và ngăn chận viện trợ cho chính phủ Sài Gòn. Clements hứa sẽ bắt tay vào việc ngay khi về tới Washington.

\*

\* \*

Nhưng mùa hè nàm ấy, một mùa hè đầy thảm thương, và là mùa hè cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa, cả tình hình quân sự lẫn kinh tế đều đi vào chỗ bế tắc. Con số thương vong ở chiến 1 rường lại vùn vụt gia tăng. Bắc Việt bắt đầu pháo kích Hué và chiếm những cao địa dọc Quốc lộ 1 ở Vùng 1 Chiến Thuật. Ở các vùng khác, chúng bắt đầu mở những cuộc tấn công thăm dò để phân tán mỏng quân đội Việt Nam Cộng hòa. Trước tình thế đó, ông Thiệu muốn có dịp gặp thẳng tân Tổng Thống Ford để cầu cứu và xem thái độ của ông ta ra sao. Ông bèn cử Ngoại Trưởng Vương Văn Bắc đi Washington mang theo một lá thư riêng của ông gởi Tổng Thống Ford. Ồng Bắc vừa thay ông Lắm trong chức vụ Ngoại Trưởng ngày 8 tháng 11, 1973, và ông Lắm giữ chức Chủ tịch Thượng Viện. Ông Bắc đã từng ở Washington trong chín tháng hồi 1956 dưới thời Tổng Thống Eisenhower để nghiên cứu guồng máy chính quyền   
Hoa Kỳ . Ỡng đã từng là Đại sứ Việt Nam Cộng hòa ở Luân Đôn là là Cố vấn của phái đoàn Việt Nam Cộng hòa trong cuộc hội đàm Paris hòi 1968 và 1972. Bắc gặp Kissinger lần đầu tiên ở Sài Gòn năm 1965 trong một bữa àn sáng khi Kissinger còn là giáo sư trường Đại học Harvard sang Việt Nam nghiên cứu tình hình. Kissinger đưa Bắc và Đại sứ Phượng vào gặp Tổng Thống Ford ở tòa Bạch Ốc. Buổi họp kéo dài chừng 30 phút. Bắc trình lá thư của Thiệu và nói rõ từng điểm trong lá thư. Bắc quả quyết với Ford rằng Việt Nam Cộng hòa sẽ nói chuyện với Bắc Việt nếu họ tôn trọng Hiệp định Paris. Ông lập lại quan điểm của Việt Nam Cộng hòa về vụ Watergate, coi đó là “việc nội bộ của Hoa Kỳ, nhưng thật ra nó đã ảnh hưởng đến dư luận quần chúng và tinh thần quân sĩ ở Việt Nam không ít. Chính phủ Việt Nam Cộng hòa muốn biết chắc chắn rằng việc thay đổi nhân sự trong chính phủ Hoa Kỳ không ảnh hưởng trên vấn đề viên trợ.”

Ford tỏ vẻ thân mật và không ngần ngại ca ngợi Kissinger trước mặt Bắc và Phượng. Ông Ford nói: “Các ông có thể tin rằng chúng tôi bao giờ cũng hành động như một người bạn tốt và là cộng sự vièn của Việt Nam Cộng hòa.” Buổi họp bàn đến vấn đề tôn trọng bản Hiệp định và phương cách để đối phó với những vi phạn của   
Bắc Việt. Tuy Ford chỉ tỏ ý tiép tục ủng hộ và tránh không nói tới cam kết về bắt cứ một điều riêng biệt nào, Bắc đã hài lòng về lời tuyên bố tích cực của Ford là Hoa Kỳ sẽ là “cộng sự viên” của Việt Nam Cộng hòa.

Ở Quốc hội, Bắc gặp nhiều chống đối và nghi kỵ hơn. Các nghi sĩ kêu gọi Việt Nam Cộng hòa phải thích nghi với Việt Cộng. Thượng-nghị-sĩ Adlai Stevenson đòi ông Thiệu phải từ chức, “sau đô, nếu Bắc Việt tiếp tục gây hấn thì Hoa Kỳ sẽ can thiệp.” Bắc trả lời: “Thưa Thượng-nghj-sĩ, chúng tôi chì còn có một chính phủ hợp hién là một bằng chứng duy nhắt tượng trưng cho sự hợp phàp và ổn định của Việt Nam Cộng hòa. Nếu bây giờ chúng tôi bỏ nó đi thì còn gì nữa?” .

Về phía Hành pháp thì vẫn còn nhiều hứa hẹn yểm trợ. Họ nói cho Bắc yên tâm rằng không được Quốc hội chấp thuận thủ cuối cùng họ cũng tìm cách giúp được. Khi Bắc tới Bộ Quốc phòng, Schlesinger nói: “Dù Quốc hội định sao đi chăng nữa thì tôi cũng đứng về phía các ông.” Bắc nhớ lại cách phát biêu khác thường của Schlesinger và cho rằng ông này sê ủng hộ Việt Nam Cộng hòa kêu gọi Quốc hội tăng viện.

Bắc nói vái Schlesinger: “Tôi tin vào lời hứa của ông Bộ trưởng, nhưng chúng tôi không hiểu rõ thủ tục phức tạp ở Quốc Hội về việc cung cấp ngân khoản ngoại viện. Tôi nghĩ rằng những lời hứa hẹn của Tổng Thống đã được đưa ra trước lúc Quốc hội hạn chế quân viên cho Việt Nam Cộng hòa. Hoa Kỳ có nghĩa vụ long trọng với Việt Nam Cộng hòa kể từ lúc ký kết Hiệp định Paris.”

Tuy Bắc đã phải ưu phiền vi không thể thuyết phục Ford gặp ông Thiệu, ông đã lại một lần nữa nhận được những trấn an từ phía Hoa Kỳ rằng, lập trường của Hoa Kỳ về Việt Nam Cộng hòa không có gì thay đổi, và tân Tổng Thống lại cam két sẽ tìm mọi cách để thỏa mãn nhu cầu viện trợ. Ngày 24 tháng 10, Ford viết cho Thiệu:

Kính thưa Tổng Thống,

Tôi rất hân hạnh được gặp Ngoại Trưởng Bắc và nhận được lá thư của Ngài đề ngày 19 tháng 9. Chính sách của Hoa Kỳ đổi vói Việt Nam v&n không có gì thay đổi dưới chính phủ do tôi lãnh đạo. Chúng tôi tiếp tục ủng hộ những nỗ lực của quí chỉnh phủ để bảo vệ và phát triển nền độc lập và hạnh phúc của nhân dân Việt Nam. Chúng tôi bao giờ cũng tin tưởng vào sự can đảm, quyết tâm, và tài khéo léo của nhân dân và quân đội Việt Nam Cộng hòa.

Tôi hoàn toàn thông hiểu và chia xẻ mối quan tâm của Ngài về tình hình hiện tại ở Việt Nam, nhất là khi Bắc Việttiếp tục gây hấn. Tôi cũng biết được sự thiết yếu cuả viện trợ quân sự và kinh tế của Hoa Kỳ cho quí quốc lúc này. Tôi xin cam đoan rằng chính phủ của tôi sẽ làm đủ mọi cách để có thê thỏa mãn nhu càu của Việt Nam Cộng hòa.

Mặc dù tôi muốn có dịp được gặp Ngài để thảo luận những biện pháp để duy trì hòa bình cho Việt Nam, nhưng rắt tiếc buổi họp không thực hiện được trong lúc này vì những bận rộn đã ký thác từ trước của tôi. Nhưng tôi hy vọng sẽ được gặp Ngài trong tương lai.

Tôi đờng ý với Ngài rằng chính phủ tôi phải làm sáng tỏ vắn đè là sẽ ủng hộ chỉnh phủ Ngài và nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Paris. Nhưng tôi nghĩ rằng lời tuyên bố cống khai của tôi ngày 9 tháng 10, buổi họp của tôi với Ngoại trưởng Bắc, và sự thăm viếng của Thứ trưởng Quốc Phòng Clements đều đã nói lên những cam kết cửa Hoa Kỳ đối với Việt Nam Cộng hòa. Chúng tôi cũng đã thông bảo cho các quốc gia khác quan tâm đến Việt Nam biết rằng Hoa Kỳ tiếp tục ủng hộ Việt Nam Cộng hòa và mong muốn thi hành đúng dấn Hiệp định Paris. Tôi muốn sẽ có nhiều dịp khác để bày tỏ sự ủng hộ của tôi đối với Ngài và cho nền hòa bình mà chúng ta đã cùng nhau xây dựng.

Hai quốc gia chủng ta cùng nhau trải qua rất nhiều khó khán cả trong quá khứ lẫn tưcmg lai. Tôi tin chắc rằng chủng ta sẽ vượt qua được những khó khăn đó nếu chúng ta cùng nhau đối phó bằng sức mạnh và quyết tâm.

Kính chúc Ngài và nhân dân anh dũng miền Nam Việt Nam được mọi sự tốt đẹp.

Trân trọng

(kt) Gerald R. Ford

Nhận được thư Ford, Thiệu thấy thất vọng. Ford đã tránh né không dám công khai tuyên bố ủng hộ Việt Nam Cộng hòa và đòi Bắc Việt phải 1 hi hành hiệp định Paris. ông cho rằng ông tiếp ông Bắc và gửi Thứ trưởng Clements sang Sài Gòn thế là đủ tỏ ra ủng hộ rồi. Niềm hy vọng khi nhận được thư đầu tiên của Ford đã dần dần tan biến như một giấc mơ.

Ngoài chiến trường, đạn dược và xăng nhớt đã sắp cạn. Từ tháng 7, 1974, 2 sư đoàn chính quy của Bắc Việt —SĐ 304 và SĐ 2 đã tung hoành ở vùng đòi núi 2 quận Đức Dục và Thường Đức phía Tây Nam Đà Năng. Tháng 9, sư đoàn 324 lại c^n tiếp viện, chiếm trọn quận Thường Đức, và vùng đòi núi cao phía Nam Thừa Thiên, làm cản trở việc xử dụng phi trường Phú Bài để tiếp liệu cho Huế. Tướng Trưởng cho SĐ1 với sự tăng cường của Biệt Động Quân, phản công để lấy lại đất đai bị chiếm. Chiến dịch phản công két quả tốt và QĐViệt Nam Cộng hòa đã chiếm lại được hầu hết đất đai đã mất. Tuy nhiên, bao nhiêu kho đạn dự trữ tại vùng 1 đã bắt đầu cạn và số binh sĩ tử thương bỗng nhiên vụt lên cao : mùa hè năm đó đã biến thành một mùa mùa hè đỏ lửa thứ hai, trước một mùa thu đông đầy sôi động và đẫm máu.

# CHUƠNG XV - HOÀNG HÔN CỦA NỀN CỘNG HÒA

Tháng 10-1974, trời cuối thu đã bắt đầu lạnh, gợi cho cán bộ quân sự chúng tôi nhớ đến mùa chiến dịch sấp tới,” Văn Tién Dũng, nguyên Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội Bắc Việt, đã viết như thế trong tập hồi ký Đại thắng mùa Xuân. Động cơ thúc đấy Hà Nội lấy quyết định cuối cùng mở cuộc tấn công xâm chiếm miền Nam năm 1975, như Dũng đã thú thực, là nhận xét thấy rầng “Nguyễn Văn Thiêu phải kêu gọi quân đội chuyển sang cung cách tác chiến “kiểu nhà nghèo!”. Dũng cũng đã ỷ thức được rõ ảnh hưởng của sự giảm quân viên Mỹ đối với khả năng chiến đấu của Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Như hắn nhận xét: “Mỹ giảm viện trợ làm cho kế hoạch tác chiến và xây dựng lực lượng” của Quân lực Việt Nam Cộng hòa “không thể thực hiện theo ý muốn. Dường như Cộng sản đã nắm được những bản nhận định tình hình mật, nên Dũng cũng đã ước tính khá đúng khả năng chiến đấu sút giảm gủa Quân lực Việt Nam Cộng hòa: “chi viên hỏa lực sút giảm gần 6O0/0 vì thiéu bori, đạn, sức cơ động cũng sút giảm 5O0/0VÌ thiếu máy bay, thiếu xe, thiếu cả nhiên liệu.”

Sau khi Quốc hội Hoa Kỳ giảm viện nặng nề vào tháng 8-1974, Cộng sản liền gia tăng vi phạm Hiệp định. Hưng thúc dục Thiệu bắt đầu tuyên bố công khai về những nguy cơ sắp tới mặc dù phía Hoa Kỳ khuyên cáo ngược lại. Tuy nhiên, từ phía Washington đã không có phản ứng gì: giới chức Hoa Kỳ đã bác bỏ luận cứ cho rằng cuộc tấn công đại quy mô của địch có thê xẩy ra vào năm 1975. Thiệu cho chỉ thị duyệt lại toàn bộ tình hình viện trợ. Bộ Tổng thống M được lệnh ước tính cho thật sát khả năng chiến đắu thật sự của Quân lực Việt Nam Cộng hòa về mặt quân số và đạn dược ngoài mặt trận. Theo dự tính, đạn dược đã xuống tới một mức thấp kém nguy hiểm, vá ngay cả phòng Tùy viên Quốc phòng Hoa Kỳ ở Sài Gòn (DAO) cũng lo ngại rằng, nếu xử dụng theo nhịp độ tác chiến tập trung, thì “hệ thống tiếp liêu có thể gặp nguy cơ bất cứ lúc nào.”

Thiệu chỉ thị Bộ Tổng thống M không được dùng lối ước tính lý thuyết cũ, nghĩa là chì căn cứ vào những bản cầu viện hoặc số tiếp liệu sắp tới, mà phải ước tính theo số tồn kho hiện có : bao nhiêu khẩu đại bác, bao nhiêu tấn đạn, bao nhiêu phi cơ Irực thăng, v.v... Hưng được lệnh phúc trình về mức độ, cơ cấu và mô thức quân và kinh viên trong quá khứ, hiện tại và tương lai, tính ra thành số mỹ kim. Kết luận phúc trình của Hưng: Mức viên trợ có thực cho tài khóa 1975 chí còn bằng một phàn ba mức viện trợ trung bình hàng năm, từ 1970 đến 1973, mà thôi. Hưng viết: “Quân viện, và do đỏ, khả năng chiến đấu của ta, đã bị giảní sút 60 phần trăm, và kinh viện 66 phần trăm.” Trong hồi ký, Văn Tiến Dũng cũng dùng đúng những con số đã ghi Ưong phúc trình của Hưng, kể cả chữ “tài khóa” là một quan niệm còn xa lạ ngay cả đối với các tướng lãnh Việt Nam Cộng hòa đã tửng làm việc sát cánh người Mỹ bao nhiêu năm, chứ đừng nói là đối với một tên tướng Cộng Sản trử khi hắn đã có được tài liêu cụ thề đê mà trích dân.

Kết quả nghiên cứu về tình hình viện trợ và tácdụngcủa nó đối với khả năng chiến đấu của mỗi quân, binh chủng đã được đúc kết vào bản ước tính tỉnh báo về cuộc tẩn công của Bắc Việt, và được dự đoán sẽ xẩy ra trong năm 1975. Phúc trình mật này đã được xử dụng để báo động chính quyền Ford và Quốc Hội Hoa Kỳ về sự sụp đổ khôngthể tránh được của Việt Nam Cộng hòa trừ khi Hoa Kỳ tăng quân viện. Đề ngày 9 tháng Giêng 1975, tài liệu được dịch sang Anh ngữ để Đại tướng Cao Văn Viên dùng trong khi lược trình tình hình quân sự chc các viên chức chính phủ và thành viên Quốc hội Hoa Kỳ sắp sang Sài Gòn công du. Viên trình bày chi tiết những vụ vi phạm Hiệp định của Bắc Việt, và việc chủng đưa thêm nhiều quân và trang bị vào Nam kể từ khi ngưng bắn. Rò i ông liệt kê “nhiều dẩu hiệu cho thấy địch đang chuẩn bị tấn công đại qui mô năm 1975”. Cùng với việc thay đổi cơ cấu chì huy và sự thành lập cũng như trang bị các sư đoàn mới, Cộng sản còn tái điều động nhiều Sư đoàn vào miền Nam và chuẩn bị di chuyển các lực lượng trừ bị chién lược vào Nam. Rõ ràng là đang có những chuẩn bị cho một chiến cuộc tăng cường vào năm 1975. Hoặclà quân đội Bắc Việt sẽ cố tỉm cách đẩy mạnh diễn trình suy thoái của miền Nam bằng một cuộc tổng tấn công, hoặc chúng sẽ tiếp tục vi phạm ngưng bắn “đòng thời chuẩn bị nắm lấy cái mà chúng gọi là “thời cơ chiến lược” để tung ra một cuộc tẩn công lớn giống như hồi nám 1972.” (Xin xem thêm phụ lục D).

Trái với điều mọi người tưởng, Sài Gòn và Washington đã không hề ngạc nhiên khi cuộc tấn công mùa Xuân 1975 xảy ra. Một loạt tài liệu tịch thu được của Trung ương cục miền Nam (cơ quan lãnh đạo của Cộng sản) đã tiết lộ chi tiết về chiến lược của đjch.

Ngay sau ngày ngưng bắn, Cộng sàn đã áp dụng một đường lối hành động “nửa chiến, nửa hòa”. Đến tháng Tư, 1973, chúng lại áp dụng chiến lược “hòa bỉnh trong chiến tranh” ; thế rồi, bắt đằu từ tháng Mười 1973, chúng chỉ thị “tấn công trong hòa bình”. Tháng Giêng 1975, trong số báo đầu tiên trong năm, một bài xã luận của tờ Học Tập, Tạp chí của Đảng Cộng sản Bắc Việt, cho biết là Hội nghị Khoáng đại thứ 23 của Trung ương Đảng Lao động đã nhóm họp, và hàm ý rằng một cuộc tổng công kích sẽ được thực hiên tại miền Nam. Nghị quyết số 23 đã hạ lệnh tổng tấn công.

Ngay cả trước khi có Hội nghị Trung ương Đảng thứ 23 của cs, các tài liệu tình báo tịch thu được và những khẩu cung cáa tù binh Bắc Việt cũng đều trỏ tới một cuộc tấn công Đông-Xuân 1975. Phiên họp mật tại Dinh Độc Lập ngày 6-12-1974, về tình hình quân sự cuối năm đã đưa đến két luận là năm 1975 sẽ đánh dấu một cuộc tổng công kích của Bắc Việt ở mức độ tương đương với hòi Lễ Phục Sinh 1972. Việt Nam Cộng hòa dự đoán Bắc Việt sẽ mở cuộc tấn công cùng thời với kỳ bằu cử Tổng Thống ờ miền Nam vào tháng 10- 1975, rồi kéo dài cho tới cuộc bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ năm 1976 — giống như chúng đã làm hòi 1968 và 1972.

Lời cảnh cáo được chuyển sang Washington sau đó đã thật rõ ràng : Một cuộc tấn công sấp bắt đầu, và vùng cao nguyên Trung phần sẽ là mục tiêu thứ nhất.

Qua Đại sứ Martin, Thiệu viết cho Ford trình bằy ước đoán về ý định của Bắc Việt. Đòng thời ông chỉ thị cho Tướng Viên lược trình với Tùy viên Quốc phòng Mỹ, Tướng Homer Smith, và với mỗi viên chức Mỹ qua thăm Sài Gòn hòi đó. Tướng Đôn, hòi ấy là Phó Thủ tướng đã bay qua Wasliington vào mùa đông 1974, gặp Thứ trưởng Quốc phòng William Clements đề cố thuyết phục về mối nguy cơ sắp tới đó. Đôn sau này kể lại phản ứng của Clements : “Dừng có lo, sẽ không có tấn công đâu. vả lại, chúng tôi còíi đây.”

Cuối tháng Chạp 1974, sau khi tình Phước Long gần biên giới Việt-Miên thất thủ, Hưng lại có cơ hội báo động trước cho các viên chức Hoa Kỳ, kể cả Bộ trưởng Quốc phòng James Schlesinger, biết về cuộc tấn công sắp xẩy ra. Phước Long là tỉnh lỵ đã mất về tay quân đội chính quy Bắc Việt trước nhất. Đây là một vi phạm ngưng bắn rõ ràng. Hưng được cứ sang Washington để cầu thêm viện trợ và nhận định về viễn ảnh cho năm tới. Chĩ có Eric Von Marbod là chú ý đén lời cảnh cáo của Hưng, và hứa sẽ phúc trình cho Schlesinger biết. Nhưng các lời cảnh cáo đã bị làm ngơ: Phản ứng chính thức của Hoa Kỳ đủ mọi giới là sẽ không có tấn công đại qui mô vào năm 1975.

Sự làm ngơ và không tin ấy thực ra là cố tình. Nó xuất phát từ sự nhất trí trong giới cố vấn mà Ford đã đưa vào tòa Bạch Ốc là : Quốc hội và dân chúng Hoa Kỳ sẽ không ủng hộ một cuộc tái can thiệp vào cuộc chiín dù chì bằng cách gia tăng quân viện và tái tục oanh tạc. Dù những người ủng hộ   
Việt Nam Cộng hòa kiên quyét như Đại sứ Martin và Thứ trưởng Quốc phòng Clements luôn luôn trấn an chính phủ Thiệu, tại Hoa Kỳ quàn chúng đã chống đói “chiến tranh của Nixon”. Khi Nixon từ chức, thì ý chí chiến đấu cũng theo ông đi mất. Các viên chức bộ ngoại g ao Mỹ và Cơ quan Phát triển Quốc tế (AID) khuyên Hưng nên về cố vấn cho ông Thiệu đừng công khai báo trước mối đe dọa của cs, sợ rằng nó có thể ảnh hưởng bất lọi đối với công cuộc đàu tư của người Mỹ tại Việt Nam. Họ bảo rằng, nếu cứ la lối là Bắc Việt sắp xâm nhập thì giới đầu tư Mỹ sẽ chạy đi hét, với hậu quả là sẽ không có ngoại tê vô cùng cần thiết để thay thế tiền viện trợ Hoa Kỳ. Các chương trình đầu tư như xây cất khách sạn Hyatt Regency 550 phòng, cao hai- mươi-hai tầng, với một trung tâm hội nghị có tiêu chuẩn quốc tế, tại bờ sông Sài Gòn, với một chi phí ước tính là 15 triệu rưỡi mỹ kim châng hạn, sẽ bị hủy bỏ ngay tức khắc. Nhưng Hưng cho rằng các lập luận ấy không thực tế, và cãi với họ : “Néu không có viện trợ quân sự, thì đâu còn lãnh thổ và đàu còn du khách ! Quân viện trong thời gian này còn quan trọng hon cả kinh viên hay đầu tư.” Anh khuyên ông ITiiêu cứ việc phản kháng cs vi phạm Hiệp định.

Vì Washington vô tỉnh hay cố ý đặt nhẹ mối đe dọa của Hà Nội niìn nhiều loại tin đòn đã loan truyền trong các cấp viên chức chính phủ Sài Gòn là người Mỹ chắc đã có đổi chảc gì đây với Liên Xô và Trung Cộng về vấn đề Việt Nam. Có lẽ là chửng nào Sài Gòn sụp đổ thi “đêm canh xác sẽ ngắn đi giảm thiểu tối đa những hậu quả bất lợi cho Hoa Kỳ trên sân khấu quốc tế.”

Ngày 2 thảng 1, 1975, Thiêu chủ tọa một phiên họp khẩn cấp tại Phòng Ước Đoán Tình Hình Dinh Độc Lập. Với sự có mặt của đông đủ các cấp chì huy, ông quyết định không tăng cvờng Phước Long hoặc cố chiếm lại tỉnh lỵ đó, vì giả phải trả sẽ quá cao; không có phi cơ thay thế và không có quân trừ bị. Nếu đổ các đơn vị tổng trử bị vào Phước Long, thì sẽ phải rút khỏi những nơi quan trọng trong khi theo tin tình báo của ta cho biết, Bắc Việt đang chuẩn bi cho cuộc tấn công 1975. Đối với cs, thắng lợi Phước Long chẳng phải là chiếm được một tính lỵ nghèo nàn, mà chính là như Tướng Viên sau này nhận định: “Những gì chúng đã đạt được về mặt tâm lý và chính trị còn quan trọng hơn. Đó là bước lớn đầu tiên của chúng để đi tới sự chinh phục quân sự hoàn toàn, ngang nhiên mà"không sợ Hoa Kỳ sẽ phản ứng. Phước Long mất, Hoa Kỳ làm thinh. Thứ hỏi có sự khích lệ nào lớn hơn nữa cho cs ?”

Cho đến ngày 14 tháng Giêng, 1975 sau khi Phước Long đã mất, Bộ trưởng Quốc phòng James Schlesinger vẫn còn đánh giá thấp ý đồ của Bắc Việt. Trong một cuộc họp báo tiếp theo sau cuộc tấn công Phước Long, ông nói:

Hiện nay tình hình ở Nam Việt Nam có vẻ như là Bắc Việtcó thể sẽ không mở một cuộc tấn công ờ ạt, toàn quốc. Điều mà chúng đang cố gắng, là làm suy yếu khả năng kiểm soát của chế độ Việt Nam Cộng hòa, nhắt là đảo ngược những tiến triển của (chương trình) bình định mà tới nay đã vô cùng thành công. Cho nên, mấy tháng sắp tới, chắc là ta sẽ thấy một số cao điêm vè phía B V. Chứ lúc này thì tôi không thấy có thể xẩy ra một cuộc tổng tấn công lớn, toàn quốc, giống như loại tấn công hỏi năm 1972.

Được hỏi dựa vào đâu mà ước đoán răng Hà Nội sẽ không tấn công đại qui mô vào năm 1975, Schlesinger đáp “Dựa vào sự chuyển quân của chúng, theo chúng tôi biết.”

Hưng rất kinh ngạc. Trong chuyến đi Washington vừa qua anh đã được cho coi những không ảnh trinh sát về sự xây dựng lực lượng của Bắc Việt, với nhiều ví khí Nga mới tiếp tế. Trở về Sài Gòn, Hưng cũng đưa cho Thiệu coi những tấm không ảnh đó, và Thiệu đã vê cùng lo âu.

Lời bình luận của Schlesinger đến với Hưng như một gáo nước lạnh. Hưng vẫn thường quí trọng Schlesinger như một người thây và một người bạn. Anh nói với Thiêu: “Tôi đã đích thân giải thích tình hình cho ông ta hòi tháng Chạp 1974, và yêu cầu Eric Von Marbod theo dõi tiếp. Trong những lần nói chuyên với Schlesinger tôi luôn luôn thấy ông ta có thiện cảm với Việt Nam Cộng hòa. Ông có một đức tính không thấy ở Kissinger, là lòng chính trực. Tôi không thể tưởng tượng được rằng Schlesinger đã không biết gì về những tin tức tình báo cho biết trước các kế hoạch tấn công của Bắc Việt.” Những lời nhận xét của Schlesinger sau đó được chính phủ Sài Gòn phân tích và thảo luận. Chĩ có mỗi một kết luận : các viên chức cao cấp Mỹ đã quyết định cố tình coi nhẹ những cuộc vi phạm đình chién của Bắc Việt. Hưng đã nhận định : “Dường như chính quyền Ford đã quyết định bỏ rơi miền Nam Việt Nam, và đoạn cuối của “thời gian trông được” — nói theo kiểu Kissinger — đã đến.

Dưới mắt chúng tôi thì dường như Hoa Kỳ đã không muốn mang tiếng là không giúp đồng minh của mình, bởi lẽ như vậy sẽ có một ảnh hưởng bất lợi cho hình ảnh một đại cường qt ân sự. Đúng hơn, họ đã cố tạo ra một ấn tượng sai lầm là ta đã không thể đối phó được với mức độ tấn công thông thường của Cộng sản.”

Ý định của Schlesinger là cố tìm cách ngăn giữ Hà Nội bằng cách nói bóng gió là Hoa Kỳ có thể tái oanh tạc. Trong một cuộc họp báo, Schlesinger đã nhận định : “Tôi nghĩ rằng Bắc Việt vẫn còn tôn trọng sức mạnh của Mỹ, họ không coi nhẹ sức mạnh của Mỹ, và miễn cưỡng lắm họ mới lấy những biện pháp mà họ có thể khiến Hoa Kỳ lại dùng đén sức mạnh ấy.”

Khi nghe được những lời bình luận ấy của Schlesinger, tướng Dũng và Bộ Chính trị Bắc Việt chắc không khỏi mừng thầm trong bụng. Sự thiếu phản ứng của Mỹ đối với những vi phạm ngưng bắn đã là một yéu tố lớn khiến Bắc Việt cứ :iến hành đường lối của chúng. Bình luận về phản ứng của Hoa Kỳ về vụ Phước Long, tình lỵ thứ nhất của miền Nam Viẹt Nam bị cs chiếm đứt, Dũng sau này viết:

Lúc đău, Mỹ hùng hổ cho hàng không mỗu hạm nguyên tử Em erprise, dẫn một lực lượng đặc biệt của Hạm đội 7 từ Phi Luật Tân tiến vè phía bờ biển Việt Nam : ra lệnh đặt sư đoàn 3 Thủy quân lục chiến Mỹ ở Okinawa trong tĩnh trạng báo động khẩn cắp. Bọn hiếu chiến ở Ngũ Giác Đài dọa ném bom trở lại miền Bắc ... nhưng rồi cuối cùng Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Schlesinger muốn bỏ qua sự kiện Phước Long và tuyên bố: “Đây chưa phải là một cuộc tấn công ổ ạt của Bắc Việt. ” Hắn phớt lờ lời kêu gọi thảm thiết của Thiệu. Đại sứ Mỹ Martin ở Sài Gòn nói với Thiệu : “Việc yểm trợ của Mỹ lúc này chưa được phép”. Rõ ràng là Mỹ đang ở cái thế một khi đã ra khỏi Việt Nam thì khó mà trở lại được.”

Những lời tuyên bố của Schlesinger được đưa ra trong khi các lực lượng trừ bị của Hà Nội — sư đoàn 312, 316, 341, và 308 — đang trên đường vào Nam. Các cuộc chuyển quân Bắc Việt đã có thể quan sát thấy giữa ban ngày ban mặt theo hai hành lang vô Nam là đường mòn Hồ Chí Minh qua ngã Lào, và hành lang Trường Sơn, con đường dài 600 dặm Anh tử vùng Phi Quân Sự tới Tây Ninh.

Ý định của Schlesinger cố tình làm giảm tầm quan trọng của vụ tấn công Phước Long đã khiến ông Thiệu lo ngại. Một kỳ giả phụ trách theo dõi tin tức từ Ngũ Giác Đài hồi đó mô tả lời tuyên bố của Schlesinger là “tối nghĩa như lời sấm Apollon”. Thiệu bèn quyết định viết thư thẳng cho Ford. Ngày 24 và 25 tháng Giêng 1975, ông báo trước những hoạt động và ý định của địch, và kêu gọi quân viện mau lẹ để duy trì Hiệp định Paris. Thiệt cũng đề nghị thương thuyết trở lại với Bắc Việt.

Không ai còn nói đến vấn đề xua đuổi giới đầu tư Mỹ ra khỏi Việt Nam nữa. Tại Sài Gòn, các chuyên V)ên kinh tế vẫn tiếp tục thảo luận với đại diện của hai hệ thống khách sạn Hilton và Hyatt để xây cất trung tâm hội nghị quốc tế và cơ sở du lịch. Các đại công ty dầu hỏa quốc tế vẫn đấu thầu để đặt giàn khoan tìm dầu ngoài khơi Nam Việt Nam . Nhưng, tất cả sẽ mất hết nếu không đủ quân viện để chặn đứng cuộc tấn công của cộng sản.

Hưng thúc giục ông Thiệu cho một loạt phỏng vấn trên đài truyền hình Mỹ đê tố cáo Cộng sản và yêu càu Hoa Kỳ bắt Bắc Việtphải thi hành hiệp định đ' nh chiến trước khi quá muộn. Ngày 28 tháng Giêng, ngày mà Ford yêu cằu Quốc hội Hoa Kỳ chuẩn chi ngân khoản 300 triệu mỹ kim viện trợ quân sự bổ túc cho Việt Nam, Thiệu đòng ý cho Philip A. McCombs, đặc phái viên của nhật báo The Washington Post, đến phỏng vấn.

Trong cuộc phỏng vần lâu hơn một tiếng đồng hồ. Thiệu đã không hề đả đông tới những mật thư mà chỉ kêu gọi Quốc hội Hoa Kỳ chấp thuận “ngân khoản tối thiểu 300 triệu mỹ kim quân viên cầp thời”. Khi được hỏi là ông có cảm thấy bị H oa Kỳ phản bội không, Thiệu đáp: “Chưa, vì tôi rất tin tưởng Hoa Kỳ, một nước chưa hề thua một cuộc chiến tranh nào, và chưa hề từ chối giúp đỡ một dần tộc nào có ý chí bâo tòn nền độc lập của họ, sẽ yểm trợ chính phủ Sài Gòn.” Thiệu cũng nhận định rằng kể từ khi ký hiệp định đình chiến đến lúc đó, 149,000 người Việt đã bị chết, và 1 triệu 400 ngàn người đã lâm cảnh màn trời chiếu đẳt.

Cũng vào khoảng thời gian đó, Thiệu nhờ cậy đến sự giúp đỡ của Tướng Haig, lúc bấy giờ đã được giao phó chức vụ tư lênn các lực lượng thuộc tổ chức Hiệp ước Bắc Đại-tây-dương ở Âu Châu. Thiêu phái Nguyễn Phú Đức đi gặp Haig — lúc ấy, Đức cũng đã là Đại sứ tại Bỉ. Khi gặp lại Haig, người mà Đức đã quen biết nhiều qua những phiên họp đầy sóng gió ở Sài Gòn mấy năm trước, Đức duyệt lại tình hình đang suy sụp tại Việt Nam. Đức hỏi Haig : “Tổng Thống Thiệu đã yêu cầu tôi hỏi ông một câu hỏi duy nhứt. Nếu như hòi đó ông đã biết những gì mà hiện giờ ông chứng kiến, thì liệu ông có đòi chúng tôi ký Hiệp định Paris không?” Cuộc gặp gỡ làm Haig vô cùng xúc động. Tháng Hai ông trở về Washington xin được gặp riêng Tổrg Thống Ford. Ông bất mãn về việc Hoa Kỳ thiếu phản ứng đối với những vi phạm của Bắc Việt đến độ toan từ chức. Haig vào gặp Ford riêng và nói: “Thưa Tổng Thống, 13V đã vi phạm Hiệp định Paris trắng trợn như thế, Ngài phải có một lập trường mạnh và dội bom trở lại, dù là Quốc hội cố lấy quyền lập pháp bãi bỏ quyết định đó.” Ford đáp: “Tôi không thể làm như thé được. Nước này đã chản ngấy chiến tranh rồi.” Haig vẫn một mực thôi thúc Ford, vì uy tín quốc gia vá vì tương lai chính trị của bản thân mình, nên nghĩ lại : “Ngài phải xắn tay áo lên như Harry Truman trước kia và lấy một lập trường có nguyên tắc. Chĩ như vậy, Ngài mới sẽ đắc cử Tổng Thống. Nếu không, Ngài sẽ không bao giờ được trở lại tòa Bạch Ốc một làn nữa. Ngài phải chưng tỏ tài lãnh đạo của Ngài trong lúc này, trước khi quá muộn.”

Để duyệt xét thình cầu của Ford xin chuẩn chi ngân khoản 300 triệu MK viện trợ bổ túc cho Việt Nam Cộng hòa, Thượng và Hạ viện Hoa Kỳ thành lập một phái đoàn luỡng đảng gứi qua Sài Gòn. Hai người trong phái đoàn tới Sài Gòn ngày 24 tháng 2, ba ngày trước nhóm chính, là thượng nghị sĩ Devvey F. Bartlett (Cộng hòa, Oklahoma) và Dân biểu Paul McCloskey (CH-California). Những thành vièn còn lại là các Dân biểu XVilliam V. Chappell (Dân chủ - Florida), Donald N. Fraser (DC - Minnesota), Bella Abzug (DC - New York), Millicent Fenwick (CH - New Jersey), John p. Murtha (DC - Pennsylvania) và John J. Flynt (DC - Georgia). Tháp tùng phái đoàn còn có Philip c. Habib, Phụ tá Ngoại trưởng đặc trách Đòng Nam Á và Thái-bình-dương Sự vụ, Eric Von Marbod, Phó phụ tá Bộ trưởng Quốc phòng và trên mười chuyên viên.

Lá thư của Ford hòi âm cho Thiệu tới ngày 26 tháng 2, một ngày trước khi phái đoàn lập pháp đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất. Ford trấn an Thiệu là Hoa Kỳ. sẽ tiếp tục đòi hỏi thực thi hoàn toàn. ” Hiệp định Paris. Ông viết: “Chúng tôi cực lực ủng hộ nỗ lục cứa Ngài n hằm tái nhóm thưong thuyết, và chúng tôi sẽ làm mọi cố gắng để cung ứng sự yểm trợ thật là cần thiết cho cuộc tranh đáu của (Việt Nam Cộng hòa) cho tới khi nào có được hòa bình.”

Giọng điệu lá thư nói chung rắt thận trọng và dè dặt:

Các lá thư ân cần của Ngài đề ngày 24 và 25 tháng Giêng đến đúng vào lúc Việt Nam đang ở trong tăm trí tôi cũng như tâm trí những người khác tại nước này và khắp nơi trên thế giới. Tôi xin được chia xẻ mối quan tâm của Ngài vè việc ẼV không làm tròn nhiệm vụ tôn trọng những điều khoản co bản nhất của Hiệp định Paris, và về mức độ gia tăng của áp lực quân sự Bắc Việt. Tôi xin Ngài an tâm là chính phủ chúng tôi sẽ tiếp tục thúc bách đòi thực thi Hiệp định đó.

Một làn nữa nhân dân và quân lực Nam Việt Nam đang chứng tỏ một cách hữu hiệu quyết tâm chống lại các cuộc tấn công của Hà Nội bất chấp những giới hạn hiện có của (quí chính phủ) vè đạn dược và các đờ tiếp liệu khác. Tôi rất khâm phục thành tích (chiến đấu) của các lực lượng (Việt Nam Cộng hòa) tại tinh Phước Long và tại núi Bà Đen, nơi mà họ đã bị tràn ngập bởi số quân đông đảo hơn gắp bội sau khi bị cắt mãt nguồn tiếp liệu và tăng viện.

Mặc dù những đè nghị của Ngài muốn tải lập thương thuyết cho đen nay đã bị từ khước, chủng hiển nhiên chứng minh ràng chính phe Cộng sản — chứ không phải Việt Nam Cộng Hòa — là phe đang kéo dài chiến tranh. Chúng tôi tiếp tục tin tưởng rằng việc thực thi Hiệp định Paris, cùng vói các cuộc đièu đình trực tiếp giữa các phe phái Việt Nam, là con đường nhanh nhắt, hữu hiệu nhắt để chấm dứt cuộc đổ máu tại Việt Nam. Nhưng tôi vẫn còn hy vọng rằng nếu ta kiên trì, ta sẽ đạt được mục tiêu của ta là một nền hòa bình công chính, một nền hòa bình trường cửu, và một r ền hòa bình phù hợp với nguyện vọng của nhân dân Nam Việt Nam. Có thế, ta mới biện minh được những sự hy sinh của hai dân tộc Việt Nam và Hoa Kỳ.

Kỉnh thư

(kt) Gerald R. Ford

Thiệu nhậ n thức rằng lúc này là lúc Quốc hội Hoa Kỳ thủ vai then chốt, và Đại sứ Martin nhấn mạnh cho ông thấy việc cân phải 1 huyết phục phái đoàn lập pháp chắp thuận ngân khoản bổ túc 300 triệu MK khi trở về Hoa Kỳ sau chuyến viếng thăm này. Sau bao nhiêu tỷ MK, số phận miền Nam Việt Nam bây giờ dường như lệ thuộc vào ngân khoản bổ túc đó : Nó như là một lá bùa hộ mệnh. Chiếm được Phước Long rồi, Cộng sản bắt đàu tái tập trung quân và chờ đợi một phản ứng trả đũa nào đó của Mỹ. về phía Tổng Thống Ford, thì bởi lẽ đã không quyết định dội bom trở lại, nên việc thinh cầu Quốc hội chấp thuận số viện trợ này sẽ là một thử thách về ý định của Mỹ.

Trong suốt thời kỳ chiến tranh, dường như không mấy ai để ý đến sự đi hay đến của các vị đại diện dân cử. Tổng Thống là người quyết định và là người mà Thiệu cần phải đối phó. Giờ đây, Quốc hội dường như đậ nắm được quyền “sinh sát” trong tay. Tướng Viên trước kia thường ví những cuộc oanh tạc bằng B-52 của Mỹ như “thanh gươm của Damocles” treo trên đầu Bắc Việt. Giờ dây thì thanh gươm đó lại do chính Quốc hội Mỹ treo trên dầu nhân dân miền Nam. Sự thực thì lúc này cả hai chánh quyền miền Nam và miền Bắc đều đang chờ đợi xem hành động và lời tuyên bố của Quốc hội Hoa Kỳ. ra sao ; một bên thì lo sợ và một bên thì hy vọng.

Hà Nội theo dõi hoạt động của phái đoàn lập pháp Mỹ tại Sài Gòn với hy vọng rằng Mỹ sẽ cắt viện :rợ cho miền Nam. Sài Gòn thì lại sợ rằng, bằng lời nói hay cứ chì nào đó, phái đoàn có thê cho kẻ thù của mình một tín hiệu để giải đoán như là một khuyến khích để chúng thực hiện giai đoạn hai của cuộc tấn công sau khi đã chiêm Phước Long.

Kề từ khi hòi hương 1973, Hưng nhớ dã không có một biến cố nào lại chiếm được nhiều sự chú tâm của toàn thể bộ máy và nhân viên chính quyền Sài Gòn bằng việc sang thăm của phái đoàn này. Hội họp đã được tổ chức liên miên để xem phải tiếp đãi họ ra sao. Thiệu còn nghĩ cả đến khía cạnh “con người” nữa. Làm cách nào để đối phó với nữ dân biểu phản chiến Bella Abzug ? Ỡng bèn giao nhiệm vụ trông nom bà này cho Ngoại trưởng Bắc. Trong một phiên họp hội đòng An Ninh Quốc Gia, ông đề nghị : “Anh Bắc này, anh là người trông sêduisant (có sức quyén rũ). Anh nên săn sóc bà Abzug giùm tôi đi.” Mọi người đều cười lớn.

Có hai lập luận khác nhau : Một phe cho rằng chính phủ Sài Gòn phải để cho phái đoàn hoàn toàn tự do, muốn đi đâu cũng được, kể cả các nhà giam chính trị phạm, và muốn gặp ai cũng được, kể cả Việt cộng. Phe kia lại cho rằng chính phủ nên hạn chế tối đa những vụ tiếp xúc của phái đoàn, và tập trung cuộc thăm viếng vào tình hình quân sự và kinh tế, hơn là vào những vấn đề chính trị. Họ cũng đề nghị đưa phái đoàn đi thàm các khu mặt trận để gặp các cấp chì huy quân sự và được giải thích về tính cách trầm trọng của tình hình.

Hưng ủng hộ quan điểm cho rằng một cuộc thăm viếng được sắp đặt kỹ, tổ chức kỹ, và có kiểm soát, sẽ có lợi cho Sài Gòn hơn cả. Cứ để cho họ tự do đi lại nhiều nơi sẽ chỉ làm cho họ bối rối thêm, không biết rõ đâu là vấn đề nghiêm trọng mà Sài Gòn đang phải đương đàu. Nhưng sau cùng Thiệu quyết định, đề cho phái đoàn muốn làm gì thì làm, “thích gặp ai thi gặp.”

Giới chirc Sài Gòn sợ rằng một thái độ tiêu cực về phía phái đoàn síỉ có nghĩa là hết viện trợ cho Việt Nam Cộng hòa, thế nhưng nếu theo chỉ thị của Thiệu là để cho họ hoàn toàn tự do tiếp xúc, thăm viếng thì rắt có thể họ sẽ khám phá thẩy những vấn đề chính trị khó khàn nhất của Sài Gòn lúc bấy giờ. Hưng biết là ông Thiệu rất “nhậy cảm” đối với những sự phê bình, chỉ trích và rất sốt ruột với những ai coi thường mối đe dọa của cs. Thé nên anh lo ngại cho ồng Thiệu khi ông sẽ phải chạm trán trực tiếp với nhân viên phái đoán. Đây có thể là cơ hội cuối cùng cho Sài Gòn.

Một khi phái đoàn trở về nước, họ sẽ quyết định chính sách về Việt Nam. Sẽ không còn cơ hội thứ hai hay thứ ba nữa. Hưng biết rằng Bắc Việt đang theo dõi rất sát phản ứng của phái đoàn lập pháp Mỹ. Nếu phái đoàn bác bỏ sự cầu viên của chính phủ Sài Gòn, thì Hà Nội sẽ giải đoán là Mỹ đã nhất định bỏ rơi Việt Nam Cộng hòa rồi, và chúng sẽ hoàn toàn tự do thao túng.

Tinh thần của Sài Gòn cũng sẽ bị suy sụp néu bị Quốc hội Mỹ khước bác viện trợ. Cho tới lúc đó, Thiệu đã chỉ phải đối phó với các vị Tổng Thống Mỹ, là những người có quyết tâm, khôn ngoan về mặt chính trị, và có những đòi hỏi khó khăn nhưng thường giữ lời hứa. Bây giờ, thình lình, ông phải đương đầu với một nhóm dân biếu vô kỷ luật, vô trật tự, và không thân thiện. Cái kẹt là ỷ muổn bất chợt của nhóm này lại rất có thể quyết định số phận của miền Nam.

Điều tệ hại hơn nữa là cuộc tấn công của Bắc Việt đã thực sự bắt đằu. Thiêu bảo Hưng : “Tôi sẽ không van xin họ.” Ông quyết định sẽ xứ sự trang nghiêm, đúng; mức, và ôn hòa điềm đạm. Thiệu nói: “Mình phải dò xem liên hệ Việt- Mỹ còn chút gì không hay là đã cạn tàu ráo máng rồi.” Câu tục ngữ này cũng đã được ông nhắc lại nhiều lần trong các buổi họp Hội đòng An Ninh Quóc Gia. Ông cũng băn khoăn không biết có nên công bố những lời cam kết của Mỹ với Việt Nam Cộng hòa hay không. Làm như thế có nghĩa là công khai két án Mỹ phản bội. Đã quen VỚI nếp sống và lối súy tưởng Mỹ, với ý nghĩa của chữ fair play (chơi thẳng, chơi đẹp) của xã hội Mỹ, Hưng đã khuyên ông Thiệu là cứ tiết lộ công khai kêu gọi nhân dân Hoa Kỳ. Mấy người thân cận khác của Thiệu, như Ngoại trướng Bắc, và Chủ tịch Thượng viện Trần Văn Lấm, thì khuyên ông nên lấy thái độ thận trọng hơn, vì hai quổc gia đã sát cánh nhau lâu quá rồi, đi với nhau một đoạn đường dài quá rồi, nên chắc vẫn còn hy vọng . Thiệu đồng ý. Quyết định của ông là “lúc này chưa nên”. Ông sẽ cố tìm cách liên lạc riêng với Ford, hoặc gián tiếp qua ngả trung gian, hoặc trực tiếp bằng thư từ.

Chính phủ Việt Nam Cộng hòa tìm mọi cách để tỏ lòng hiếu khách đối với phái đoàn dân biểu Hoa Kỳ. Cả một Lịch trình linh động đã được sắp xếp: Thăm viếng bắt cứ nơi nào tại miền Nam, cơ sở quân sự, khám Chí Hòa, kể cả những cái mà báo chí mệnh danh là “chuông cọp” ở đảo Côn Sơn. Nhưng thẩy đều vô ích. Vừa tới Sài Gòn, nhiều người trong phái đoàn đã tự ý đi riêng, tìm tới những phe phái lãnh đạo chính trị chống đối, những cảm tình viên Cộng sản, và giới báo chí Sài Gòn, với mục đích lấy bằng chứng về nạn tham nhũng và lạm quyền của chính phủ Thiệu. Họ đòi gặp cho bằng được những người như Huỳnh Tấn Mẫm, Ngô Bá Thành, Cha Thanh v.v... Bella Abzug, Don Fraser và Paul McLoskey đã hăng hái nhắt trong việc đi tiếp xúc với các lãnh tụ đối lập và phỏng vấn tù nhân. Họ đã gặp đại diên Việt cộng tại phi trườngTânSơn Nhất để thảo luận về sự đàn áp của chính phủ Sài Gòn và những vi phạm đình chiến của Việt Nam Cộng hòa.

Trước khi phái đoàn tới, chính phủ Sài Gòn đã hy vọng rằng họ sẽ xác nhận mối đe dọa tấn công của CSBắc Việt trầm trọng tới mức nào để dự liêu sẽ phải phản ứng ra sao. Đâu ngờ năng lực của họ đã chì xài vào việc chứng minh tính chất đàn áp và tham nhũng của chế độ Thiệu. Abzug và Fraser đỉi đặc biệt thiếu khéo léo ngoại giao và công khai bằy tỏ thái độ thù nghịch với chính phủ Sài Gòn. Dân biểu McCloskey cũng thế, cho đến khi Hưng giới thiệu cho ông một nữ dân biêu duyên dáng và nói sõi tiếng Anh của Việt Nam Cộng hòa, bà Trương Thị Bích Diệp, đí ông bắt tay thì ông lại quèn hét chỉ trích mà chỉ xun xoe trò chuyên tót sức là mềm dẻo! Trong một buổi tiếp tân do Thủ tướng Khiêm khoản đãi, Abzug, bà nữ dân biểu có óc phản chiến cỡ Jane Fonda đã công khai bày tỏ lòng thù nghịch với Việt Nam Cộng hòa bằng cách không nâng ly chúc mừng. Hưng nhìn bà ghê tdm, con người ục ịch thô lỗ với cái mũ bự trên đầu. Vương Văn Bắc cố gắng thu phục cảm tình của bà, nào cười nói, nào khen các nghiệp đoàn lao công Mỹ (vì bà đại diên cho hội đoàn phụ nữ may vá). Bắc sau này kể lại : “Mình hết cả đề tài nói chuyện để chinh phục bà.” Tưởng cũng nên thêm là, bà Abzug đã tự coi minh là “chuyên viên” về   
Việt Nam: Bà ta đã qua thăm Lào một dịp trước đây, và đã có thành tích không bao giờ tỏ ra một thiên chí nào đối với những gì chính phủ Sài Gòn hoặc vièn chức hành pháp Mỹ đề nghị.

Vẩn đề phạm nhân chính trị vẫn là một điều bất lợi Ị lớn cho Thiệu. Phái đoàn đòi trả tự do cho mười tám ký giả đã bị nhà cầm quyền câu lưu vì công khai chủ trương chính phủ liên hiệp hoặc vi phạm luật kiểm duyệt. Dân biêu McCloskey và Thượng nghị sĩ Bartlett đòi được gặp các ký giả bị bắt. Báo chí Mỹ đã đăng những hàng tít lớn khi hai người này tường trình rằng họ đã gặp một thiếu nữ mười-chín-tuổi khai là cô “đã bị đánh đập nhiều lắm.” về sau, khi phái đoàn hỏi ông Thiệu về lý do câu lưu các ký giả ấy, thì Thiệu bào chữa cho hành động của một chính phủ thời chiến, nhiều kẻ thù trong cũng như giặc ngoài. Sau này, ông đã ra lênh trả tự do cho nhóm ký giả, nhưng không thể đảo ngược được ấn tượng mà các câu chuyện VÊ bắt bớ và đánh đập nhà báo đã gây cho phái đoàn lập pháp. Phái đoàn tiếp tục điều tra về những lôi tố cáo chính phủ Sài Gòn bắt giữ nhân viên tình báo Việt cộng sau khi ngưng chiến. Trường hợp được nêu lên sôi nổi là Huỳnh Tắn Mẫm, một trong những tay sách động đíìu xỏ của giới sinh viên. Tự xưng là chủ hòa và trung lập, Mỉm đã lãnh đạo cảc cuộc biÊu tình chống chính phủ Thiệu và sự can thiệp của Mỹ vào chiến tranh Việt Nam. Phái đoàn Quốc hội Hoa Kỳ đòi thả Mẫm, và ông Thiệu đã nhượng bộ. Ngày mòng 1 tháng 5, 1975, một ngày sau khi Sài Gòn thất thủ, Mẫm xuất hiện trên đài truyền hình Sài Gòn, ca tụng Bắc Việt, rồi sau đó được tuyên dương và ban thưởng về những công trạng đà làm cho chính nghĩa Cộng sản.

Trong khi báo chí Mỹ, dựa theo tuyên truyền của cs, kết tội là Sài Gòn đã giam trên 200,000 tù binh chính trị, thì sứ quán Hoa Kỳ. ước tính là đến năm 1973, Việt Nam Cộng hòa đã câu lưu khoảng 35,000 tù nhân đủ loại. Tại Chí Hòa, nhà giam lớn nhất ở Sài Gòn, sứ quán ước lượng có lối 7,911 người. Báo chí Mỹ cho la xạo ! (Sau khi Sài Gòn thất thủ, cs chỉ thấy có 7,000 người ở nhà giam này và họ đã được trả tự do). Người lãnh đạo chiến dịch đòi trả tự do cho chính trị phạm là Cha Chân Tín, một linh mục Công giáo tả khuynh ở miền Trung. Nhà báo cũng như những người Mỹ viếng thảm Sài Gòn đã mô tả cha Chân Tín “là một người quan tâm sâu xa đến sự đau khổ của loài người”, Trung tâm phản chiến “Tài liệu Đông dương” (Indochina Resoure Center) đã mô tả ông linh mục này như một vị anh hùng và đưa ra những lời tố cáo của ông cho Quốc hội Mỹ như bằng chứng về sự đàn áp của chính phủ Thiệu. Sau khi Sài Gòn thất thủ, người ta mới tiết lộ rằng Chân Tín và nhiều linh mục Công giáo khác nữa đã thuộc thành phần Cộng sản nằm vùng. Theo Tiziano Terzani, một nhà báo thiên tả Âu Châu đã chứng kiến vụ Sài Gòn thất thủ và ở lại sau đó, 1 hì các linh mục đó “đã tự cho mình là người chủ trương Lực Lượng Thứ Ba, nhưng thực ra đã nằm trong một cuộc điều động có mục đích hỗ trợ cuộc đấu tranh của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam”.

Tình thế đã đổi mới. Những hoạt động của phái đoàn Quốc hội Hoa Kỳ, những lời tuyên bố cũng như những hành vi của họ, đã được theo dõi từng chi tiết bởi chính phủ Sài Gòn, báo chí quốc té cũng như cán bộ lình báo Cộng Sản. Phái đoàn Quốc hội Mỹ vừa đóng vai quan tòa vừa đóng vai bồi thẩm đoàn.

Sau khi thăm viếng các tình miền Nam đang bị Cộng sản đe dọa tấn công, phái đoàn trở về Sài Gòn họp với Thiệu ở Dinh Độc Lập để kiểm điểm tình hình. Hưng ngồi bên Thiệu để ghi chép và giúp ông về Anh Ngữ. Buổi họp đã biến thành một cuộc tra vấn hằn học. Ai cũng hỏi: Tại sao Việt Nam Cộng hòa đã vi phạm ngưng bắn ? Không ai hỏi tại sao Cộng sản đã vi phạm Hiệp định Paris . Cả gánh nặng đã trút lên vai Thiệu. “Ông đã đật điều kiện là Bắc Việtphải thi hành Hiệp định Paris; ông đã đòi Bắc Việtrút quân như một điều kiện để điều đình. Thiệu còn muốn quân viện và kinh viện mãi sao, chừng bao lâu nữa?” Hưng sửng sốt về không khí quá thù nghịeh lúc ấy. Đã không còn một sự chia xẻ mục tiêu chung giữa đồng minh nữa. Hưng đã ghi lại lời cảnh cáo của một dân biểu Mỹ vào loại chống đối trong cuốn sổ tay: “Chúng tôi nghĩ rằng viện trợ Hoa Kỳ sẽ tùy thuộc vào một số yếu tố, tỷ như việcthẩ chính trị phạm, việc chống tham những, việc thành lập một Lực Lượng Thứ Ba, và tự do của nhà báo. Quí vị đã làm gì cho các vấn đê này? Chúng tôi vô cùng quan tám.”

K hông mấy ai thảo luận về thực chất sự táng cường lực lượng quân sự của Bắc Việt tại miền Nam. Được hỏi chừng nào cuộc tổng tấn công Bắc Việt sẽ khởi sự, Thiệu đáp thẳng thừng: “Còn tùy xem chúng (Bắc Việt) có cơ hội hay không. Chúng nói năm 1975 đem lại cho chúng một thời cơ tốt đẹp nhất, bởi lẽ cán cân lực lượng đã nghiêng v'ê phía chúng. Chúng đang chờ đợi quí vị ở XVashington cắt viện trợ và ở miền Nam xẩy ra những biến chuyển chính trị.’

Trong lúc ngồi nghe Thiệu bị chất vấn về những hành vi của mình, Hưng e ngại cho ông, anh nhẩm tính sổ “thành, bại” của Thiệu. Thành tích lớn nhất của ông phải kể là cải cách ruộng đất, chương trình “Người cầy có Ruộng”, và công cuộc bình định nông thôn. Công cuộc nầy đã thành công cho tới khi Bắc Việt tăng gia vi phạm Hiệp định trong mùa hè 1974. Phằn lãnh thổ mất về tay cs trong dịp lễ Phục Sinh 1972 đã được tái chiếm. Ngay cả trong thời gian sau khi quân đội Mỹ rút khỏi năm 1973, Việt Nam Cộng hòa đã kiêm ché được nỗ lực bành trướng kiềm soảt của Bắc Việt tại vùng châu thổ sông Cửu Long và vùng biên giới Cao Miên. Chừng nào còn viện trợ, Quân lực Việt Nam Cộng hòa vẫn còn có thề cố thủ. Thiệu vẫn còn có thể đương đầu được với người Mỹ như hồi ông đã kiên trì chống đối việc ký kết Hiệp định Paris. Người Việt miền Nam đã khâm phục hành động đó.

Thiệu thuộc loại độc tài nào? Tại Sài Gòn giữa hồi chiến tranh ởã có hai-mươi-hai tờ báo hằng ngày, rất nhiều tờ công khai chì trích Thiệu. Sự chống đối chính trị đã phần nào được khoan nhượng. Còn yếu điểm của ông? Thiệu thường bị gọi là một kẻ tham nhũng. Dân chúng chì trích ông đã dung túng tham nhũng và cho phép gia đình và bà con lạm dụng chức vị của mình. Đối với Thiệu trung thành đã là một tiêu chuẩn tối quan trọng khi chọn người cộng tác. Ông đã dung túng sự tham nhũng trong chính phủ trung ương và cả ở địa phương để đổi lấy lòng trung thành. Ông nghĩ rằng lạm dụng quyền thế là một hệ thống đã có từ lâu, và ông không tin là có thể thay đổi được giữa lúc chiến tranh. Đối ông ông, thà rằng những người dưới quyền trung ihành và làm việc chăm chì còn hơn là họ trong sạch mà lại phản bội, người Việt thường có lối cư xử người dưới trọng vọng người tiên, và điều đó áp dụng cho cả vần đề ngoại giao: cho mãi đén thế kỷ XIX, Việt Nam cũng như các nước chư hầu khác đã phải hàng năm triều cống Hoàng Đế ở Bắc Kinh.

Khi người Phàp lần đầu tiên tới Việt Nam, họ đã ngạc nhiên thắy rằng trong dịp Tết, cha mẹ các em đã phải tới biếu xén thầy giáo trong làng, gọi là tiền d 5u đèn (1’huile pour la lampe). Họ không hiểu rằng giới thầy đò trong làng xã Việt Nam xưa kia nghèo túng, chỉ đợi có quà cáp hàng năm mới sống được. Hối lộ giới công quyền, đối với Pháp cũng như Việt Nam, đã là một thói quen. Thế nhưng, tại Việt Nam trong thời chiến, tham nhũng đã trở thành một vấn đề quả trầm trọng và không có giới hạn. Guenter Lewy, một tác giả có thiện cảm với Việt Nam Cộng hòa cũng đã phải nhận định trong cuốn America in Vietnam: “Ăn hối lộ và cho hối lộ dần dà vượt quá những giới hạn phải chăng và được phơi bày ra ngay trước mắt công chúng: lối sống phô trương chứng tỏ một sự thiếu phong cách. Trong tình thế mới đó, sự kiện viên chức chính phủ lợi dụng và khuynh đảo nỗ lực chiến tranh để thủ lợi cá nhân bắt đầu làm dân chúng xa lánh và trd nên cay đắng, cho nên tham nhũng đã trở thành một trở ngại quan trọng cho chiến thắng.”

Giữa lúc sự sống còn của quốc gia đang ở giai đoạn kịch liệt nhất, nạn tham nhũng đã trở nên một vũ khí chính trị rất lợi hại để chống lại chính phủ Thiệu. Đồ đạc Mỹ đổ vào Việt Nam thật nhiều, cùng với mọi vật dụng trang bị, nhưng lại thiếu một hê thống kiểm soát hữu hiệu về trách nhiệm của từng cơ quan. Trong một môi trường lờ mờ như vậy, khó mà quy trách một cách rõ ràng cho kẻ can phạm. Ưu tiên của Thiệu lúc đó là vấn đề sống còn, nhưng ông đã lầm khi cho rằng phải chấp nhận tham nhũng để tiến hành cuộc chiến tranh chống Cộng, vấn đề tham nhũng (lã bêu xấu hình ảnh chính trị của ông, của chính phủ, và làm giảm khả năng của Việt Nam Cộng hòa. Mùa thu 1973, Thiệu thi hành một loạt biện pháp cải tổ hành chánh, cách chức ba trong bốn tư lệnh vùng và rất nhiều tình trưởng và quận trưởng về tội hối mại quyền thế. Nhưng đã quá muộn, và tình hình quân sự suy sụp đã đẩy ông vào những công tác ưu tiên khác.

Khi đã quen biết Thiệu hơn, và trong lúc tình hình đang dần dà suy sụp, Hưng thảo luận với Thiệu về cách đối phó với van đề tham nhũng. Thiệu than phiền: “Người Mỹ đâu có giúp mình (về vấn đề này). Hệ thống PX (trạm bán hàng cho quân đội Mỹ) đã đổ vào miền Nam biết bao nhiêu là máy thu thanh, truyền hình, tủ lạnh, máy điều hòa không khí, nrợu Whisky, Bourbon, thuốc lá. Toàn là đồ Mỹ làm ra cả nếu Mỹ không đưa ở PX ra thì ai mà vô lấy được?”

Có người Việt làm việc tại căn cứ tiếp liệu Long Bình, một cơ sở đồ sộ gần Biên Hòa, kể với Hưng về sự thông đồng Việt-Mỹ để nạnán cắp vặt xảy ra thường xuyên tại đó. Xe hốt rác của công ty Việt chở ra khỏi trại đầy nhóc vật dụng do nhân viên PX Mỹ ăn cắp rồi bàn lại. Xe đi qua cổng êm ru vì Quân Cảnh Mỹ ăn tiền làm ngơ. Anh chàng nhân viên Quân cảnh Mỹ thường báo cho người bạn gái Việt của mình biết trước giờ hắn gác cổng và như vậy, xe rác ra, vô dẽ dàng. Tắt nhiên, tiền kiếm được đã chia đều cho mọi phía.

Rồi cả giới nhà báo Mỹ, cũng không hơn gì ! Bất chấp hệ thống tiền tệ riêng được lập ra cho nhân viên Mỹ tại Việt Nam tiêu dùng, Mỹ kim vẫn tiếp tục được mua, bán qua chợ đen. Biết bao nhiêu nhà báo Mỹ thuộc hạng “best and brightest” (giỏi nhất, bảnh nhất) cũng đã cộng thêm được hàng ngàn Mỹ Kim vào lương của mình bằng cách khai báo chi tiêu tính theo giá hối đoái chính thức, rồi đổi Mỹ kim theo giá chợ đen. Những chi tiêu của họ gồm cả phí tổn để đánh điện bài tường thuật tham nhũng về Mỹ. Rất ít nhân viên Mỹ nào, sau khi làm việc một thời gian tại Việt Nam mà đã không dễ dàng tậu được một ngôi nhà riêng ở vùng mắc tiền tại bản xứ, trả bằng tiền mặt, nhờ ở những vụ đổi chác chợ đen ấy.

Nhập cảng thương mại đò viên trợ do Mỹ tài trợ trong thời chiến đã lên tới khoảng từ 700 triệu đến 800 triệu M K. mỗi năm. Những hàng không thiết yếu như phấn son, xe máy dầu, xe hơi, tiêu thụ phẩm v.v... chì được nhập cảng theo cách chia phần “cô-ta”. Vì vậy giấy phép nhập cảng đã có giá trị như một món hàng mua bán và trở thành “giấy phép cho ăn cắp”. Có ông Tổng Trưởng Kinh té (sau đổi thành Bộ Thương mại) đã được mệnh danh là “Tổng trưởng Mười phần trăm”, vì đó là số “hoa hòng” mà người ta đòn là ông nhận được sau mỗi djch vụ cho phép nhập cảng, tất nhiên bằng Mỹ Kim.

Sau khi đình chiến, nền phồn thịnh giả tạo do viện trợ Mỹ mang lại đã biến mất và được thay thế bằng một tình trạng “thắt lưng buộc bụng” khiến sinh ra nhiều bất mãn và bối rối. Giá xăng tăng vọt sau khi các nước Ả Rập đình vận dàu hỏa năm 1973, cộng thêm với viên trợ sút giảm, đã bắt dân Sài Gòn phải thay đổi phong thái sinh hoạt. Ắnh hưởng của việc nhập cảng Honda bây giờ mái tới. Giới đi Honda thấy xăng đắt phải quay về đạp xe máy, không ngớt chửi thề. Xăng dành cho giới ngư phủ hay nông gia đã quen xài máy cũng thiếu hụt làm thêm bất mãn. Miền Nam Việt Nam muốn “cai thuốc Mỹ viện” nhưng bị nó hành vật vã. Triệu chứng đó, quả đã là một kinh nghiệm đau đớn.

Nhận thấy nạn tham nhũng quá bành trướng, có làn Hưng đã đề nghj thẳng với Thiêu phải xét việc thay thế những tĩnh trưởng tham nhũng bằng một loạt thanh niên trẻ tuổi có thiện chí. Thiệu thớ dài, và ví von vấn đề của mình như câu chuyện một vị Giám Mục cử một linh mục trẻ tuổi kia về rr ột xứ đạo ngay sau khi vửa ra khỏi chủng viện . Trước khi ra đi, linh mục trẻ tuổi này thề thốt nào là sẽ chung thủy với Giáo hội, nào sẽ noi gương sáng v.v... Sáu tháng sau, Giám mục nhận được tin là linh mục trẻ tuổi đó không những đã lười biếng lại còn hay tán tình nữ tu và nữ giáo dân, Giám mục triệu về và quở trách, ông phản kháng, cho mình là vô tội: “Chắc Đức cha đã được báo cáo làm lẫn thế nào đấy. Bọn họ ác miệng muốn phá hoại Giáo hộ đấy thôi!” Giám mục bèn cho linh mục trở lại giáo khu; sáu tháng sau, ngài lại nhận được các báo cáo tương tự. Thiệu kết luận: “Gởi một linh mục khác tới đó, chưa chắc là sáu tháng sau sẽ không có báo cáo”. Rồi ra vẻ thách thức, Thiệu nói: “Anh cho tôi tên bất cứ người nào anh muốn tôi bổ nhiêm làm tình trưởng. Anh phải cam đoan về hạnh kiểm của người đó, tôi sẽ bổ nhiệm ngay tức thì.”

Hưng ngạc nhiên, vì đâu phải anh đến gặp Thiêu về việc đó, và đâu có một danh sách ứng viên tỉnh trưởng nào trong tay. Thiệu cười và giải thích: “Vu tiên của ta lúc này là sống còn. Ta sẽ giải quyết vấn đề tham nhũng sau. Trong nhiêm kỳ tới nhất định phải mổ xẻ vắn đề đó. Anh chuẩn bị sẵn một sổ cán bộ đi.”

Tháng 10, 1974, Thiệu xét đến việc bổ nhiêm Hưng vào chức vụ Phó thủ tướng đặc trách kinh tế. Sau khi bàn thảo, Thiệu hỏi Hưng là có đủ người thay thế thành phàn cũ hay không. Anh đáp: “Hiện giờ thì chưa, nhưng một năm nữa tôi sẽ có thể tuyên đủ số người trong giới chuyên viên trẻ tuổi để lãnh trách nhiệm.” Thiêu còn bảo Hưng “dùng tiền trong Bộ mà tuyên dụng những người đó vào làm việc để sau khi bàu cử (1975) anh sẽ có toàn quyền phụ tràch lãnh vực kinh té.”

Hồi đó, Hưng tin rằng sức mạnh của Thiệu là lập trường chống Cộng bất thỏa hiêp, và sự khéo lèo đương đầu với Johnson, Kissinger, Haig, và Nixon. Thiệu tin rằng việc ông tử chối không tham dự hòa đàm Paris năm 1968 đã ngàn cản được viêc thành lập một cliính phủ liên hiệp mà liên hiệp chắc chắn sẽ đưa tới sự sụp đổ của miền Nam chì ít lâu sau đó.

Thất bại lớn nhắt của Thiệu có lẽ là tính đa nghi: nó đã trở thành một bản chắt thứ hai của ông kế từ khi ông được chứng kiến xảc chết của hai anh em nhà Ngô nằm trên vũng máu trong chiếc xe bọc sắt. Tính đa nghi của ông đã không cho phép ông trao quyền hành cho những tướng trẻ, hăng say và có tài ba ; nó đã làm ông mất đi sự tham gia của nhiều người có khả năng vào nội các, mất đi những cố vấn biết phân tích tốt, tham khảo đúng, và phối trí kịp thời. Vào lúc chót, bản tính đa nghi của Thiệu đã làm các cấp tướng lãnh của ông không biết được rõ là ông muốn gì. Thiêu đã không cho các tướng lãnh tại các quân đoàn biết được đâu là giải phảp và vi trí rút lui của mình cho tới khi Bắc Việt đã bắt đằu tấn công. Lúc đó thì quả muộn để tải tập trung lực lượng, cũng như để có thời giờ phát triển kế hoạch hành quân tốt đẹp. ông đã đặt “người hiền” chứ không đặt “người tài” vào những chức vụ quan trọng.

Có lần, trong một dịp nói chuyên riêng tư, Hưng hỏi Thiêu tại sao lại đa nghi như thế. Thiệu nổi nóng đáp: “Đó là việc của tôi, không phải là việc của anh.”. Một hôm, trước khi Thiệu ra trước Quốc hội thuyết trinh, Hưng còn nhớ ông đã đòi anh đưa thêm một bản diẽn văn nữa. Anh nói: “Đã có một bản để sẵn trên kệ rồi, và trong hồ sơ còn một bản nữa.” Thiêu vẫn khư khư đòi cỏ thêm một bản. Hưng phải vội về lắy thêm một bản khác. Sau đó vài tuằn, một hôm đề cập tới việc làm chính trị ở Sài Gòn,

Thiệu nhìn Hưng nói: “Hôm trước anh có vẻ ngạc nhiên khi tôi xin thêm một bản diễn văn ?”

— Vâng, tôi không hiểu! Hưng đáp.

— Như anh biết, trước khi tôi ra Quốc hội, nào radio, nào truyền hình, nào báo chí, đi ra đi vô lộn xộn đỂ xếp đặt máy móc. Lúc đó, nếu có tay nào chơi xỏ, giả bộ đi cầu, hắn lướt qu J cái kệ, lấy tay đỡ nhẹ cái bài diễn văn đi; rồi trước máy truyền hình, trước dân chúng, sau khì giới thiệu Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa, chả nhẽ tôi lại bảo đi gọi ông Hưng lấy bản diễn văn hay sao T' Thấy Hưng có vẻ hoài nghi, Thiêu cười đắc chí và tiếp: “Tôi đã bị như thế hai lần rồi!” Ngẫm nghĩ một phút, Thiệu tiếp: “Làm chính trị tại Việt Nam anh phải hét sức cẩn thận, cả từ dấu chấm, dấu phẩy. Tôi chắc là hôm đó, tay nào chơi xỏ tôi, nó phải xét lại, vì tôi móc ngay ra bản khác trong túi!”

Thiệu ít khi tham khảo ỳ kiến các tướng lãnh hay nhân viên cao cấp trong nội các mình. Thản hoặc néu có, thì cũng không bao giờ làm theo kiểu có hệ thống hoặc tổ chức trước. Ông thường suy ngẫm, rồi lo lắng, và ít khi trực tiếp ra lệnh, mà thường chì gợi ý, hoặc thủ thĩ tâm sự, nên làm thé nào. Vương văn Bắc sau này kể lại rẳng Thiêu “ít khi nào cho lệnh rõ ràng, trực tiếp. Ông ta hay gợi ỳ mơ hò, như “anh liệu lấy mà làm”. Ra khỏi phòng họp rồi, mình chảng bao giờ rõ là ông ta có đứng đằng sau những gì đã quyét định hay không.” Đó là những cách thế Thiệu đề phòng dễ khỏi lãnh trách nhiệm nếu như kế hoạch không được thực hiện theo ý muổn. Khi bàn đến những vấn đề quân sự, ông chì tin cẩn có ba   
tướng: Viên, Khiêm và Quang.

Thường thường, ông ít khi mời các tướng vùng về họp trong các giai đoạn soạn thảo kế hoạch quân sự mà chỉ thông báo cho họ biết quyết định. Giới tình thành tại Việt Nam hồi đó đã giải thích việc Thiệu gạt ra ngoài những vị chì huy quân sự trẻ tuổi tài giỏi là do sự ông lo ngại bị đảo chính. Dân vùng nông thôn thì ít chì trích Thiêu hơn có lẽ là do sự thành công của chương trình cải cách điền đja. Ông đã lưu giữ tướng Viên trong chức Tổng tham mưu trưởng và tướng Khiêm trong chức vụ Thủ tướng, hai người cột trụ về quân sự và dân sự, suốt tám năm bởi họ trung thành và ông cần có sự ủng hộ của họ. Trong tất cả các tướng lãnh Việt Nam Cộng hòa, họ dường như đã một thời trung thành nhất mực với cựu Tổng Thống Diệm, cho nên, Thiêu tin rằng họ sẽ là những người ít gây rủi ro nhất cho mình. Nói khảc đi, họ không phải là những người sẽ đảo chính chống lại mình. Thiệu chì là Tổng Thống trên danh vị, còn thực quyền phải tùy thuộc vào sự ủng hộ của các tướng lãnh. Cho nên việc Tổng Thổng Nixon ủng hộ ông rắt là quan trọng để ông đương đầu với chính trị nội bộ.

Tuy nhiên, dù cho Thiệu có hiểu Nixon đến mắy, ông vẫn không thề lường nổi vụ Watergale, mà chính người Việt hồi đó cũng không cho là quan trọng bao nhiêu: đó chì là những lời tố cáo, buộc tội quá tầưi thường đối với vị Tổng Thống của một đại cường quốc như Hoa Kỳ. Khi Nixon đã từ chức và vụ Watergate được đem ra thảo luận trong giới chính quyền Sài Gòn, phản ứng thông thường như Phó Tổng Thống Trần Văn Hương, là “tại sao không có một Lê Lai liều mình cứu chúa?”. Nói cách khảc, tại sao đã không có một người nào trung thành với Nixon đến độ đứng ra nhận tội giùm cho Nixon về vụ Watergate, lãnh một án tù, rồi được trả tự do sau đó; anh ta sẽ trở lại sống cuộc đời làm dân bình thường, nhưng lại được tiếng “liều mình cứu chúa”? Một nhân viên nội các lớn tuổi, cao niên, còn nhận xêt: “Giá như có được một Lê Lai trong Tòa Bạch Ốc, thì Nixon đã được cứu thoát và có lẽ Việt Nam cũng được cứu thoát, chưa biết chừng.” Thiệu nói đùa: “Tôi không chắc là ngay ồ xứ mình còn cỏ một Lê Lai thứ hai nữa không! Thời buổi này, nếu như Lê Lợi trao áo cẩm bào cho Lê Lai, thì chắc tay này đã vội khoác vô, nhẩy lên ngai ngồi chễm chệ làm vua thật rồi!” .

Quan sát cuộc đối chất giữa phái đoàn lập pháp Mỹ và Thiêu đến đoạn chót, Hung thấy rõ rằng ông đã tuyệt vọng không còn hy vọng có được ngân khoản “thần diệu” 300 triệu MK nữa. Trong suốt buổi họp, nữ dân biểu Fenwick đã phì phèo hút ống điếu — một hình ảnh thật gai mắt đối với người Việt chưa hề thấy đàn bà hút píp bao giờ, nhất là trong Dinh Độc Lập. Đã không hề có một dắu hiệu thông cảm nào từ phía phái đoàn Mỹ, và khi họ về nước rồi, phía Việt Nam Cộng hòa cảm thấy phần thì chán nản, phần thì bị sì nhục. Một nhân viên nội các nhận xét: “Đại diện Quốc hội Mỹ đã xoay lưng vỉ phía ta.” Một sự việc khôi hài khác đã xẩy ra trong cuộc viếng thăm lần cuối này của đoàn đại biểu nhân dân Hoa Kỳ : Đũng quần của dân biểu Flynt, không biết vì lẽ gì, đã rách toạc phơi cả quần lót của ông ta ra cho mọi người thấy. Von Marbod, một nhân viên hành pháp tháp tùng, vì quá bực dọc với thái độ của phái đoàn, đã không buồn nói cho Flynt biết cái tình huống lố bịch đó.

Sáng hòm, sau khi họp với phái đoàn, Thiệu điện thoại cho Hưng. Giọng ông cất lớn và đầy tức giận : “Mấy người phách, lối này qua đây, không có ngay đén cả một lịch sự tối thiểu đối với nước mình, một nước đòng minh của họ ! Anh soạn ngay cho tôi một bài diễn văn để tôi đọc trong bữa tiíỉp tân tối nay.” Thiệu còn căn dặn thêm điều cần nhắn mạnh : “Cung cách viện trợ còn quan trọng hơn viên trợ.”

Tối ngày 1-3, Thiệu mở tiệc trong Dinh khoản đãi những vị “quốc khách”, bởi ngày hôm sau họ ra về. Ông cổ giữ thái độ bình tĩnh và tự tin. Khách đến đúng giở, dù có tin đòn là một số có thể bỏ cuộc, hoặc làm reo không tới dự tiệc. Họ không để lộ một xúc cảm nào hét. Trừ Thượng nghị sĩ Bartlett và dân biểu Flynt (đồng trường phái đoàn) là dường như còn quan tâm phần nào đến số phận của Việt Nam Cộng hòa, các thành viên khác trong phái đoán hầu như đã lãnh đạm với tình trạng nguy khốn của miền Nam Việt Nam .

Nữ dân biểu phản chiến Abzug mang theo cái mũ bự, ngòi đối diện với Hưng, cảm thấy có một sự căng thâng rõ ràng giữa bà này và ông Thiệu, Hưng cố gắng trổ tài ngoại giao và làm duyên dáng để bà ta tự nhiên. Nhưng vô ích, CỐ gắng của anh cứ như một cuộc độc thoại. Hưng kể chuyện về những lần thăm Brooklyn (nơi sinh trưởng của Abzug, gốc Do Thái, tại vùng phụ cận New York) ra sao, nơi Hưng đã được hưởng những bữa cơm Tàu ngon như thế nào tại Flatbrush, V.V.... Bà Abzug cứ ngồi yên, không nói không rằng, và còn làm bộ như không nghe Hưng nỏi, chì chực đứng dậy ra về nếu bữa tiệc đã xong ngay lúc đó.

Sau một vài ly rượu vang, lấy lại được bình tĩnh, ông Thiệu đứng lên đọc bài diễn từ:

Trong hai mưoi năm qua, nhân dân miền Nam Việt Nam đã được nghe đi nghe lại lời nói của năm vị Tổng Thống Hoa Kỳ, thuộc cả hai đảng. Lời nói ẩã được các vị dân biểu nước Mỹ liên tiếp ủng hộ, là Hoa Kỳ quyết tâm cung ứng cho Việt Nam Cộng hòa đày đủ trợ giúp chừng nào họ còn sẵn sàng chống lại sự xâm lăng của Cộng sản để bảo vệ tự do của họ. Lời cam kết long trọng đó đã được nhắc lại một làn nữa trong dịp kỷ kết Hiệp Định Parừ. vấn đè giản dị chỉ là thế này : Liệu những lời cam kết của Hoa Kỳ có còn giá trị nào không? Liệu lời nói của Hoa Kỳ còn tin cậy được không? Đó là thông điệp tôi muốn nhờ quí vị chuyển lại cho Đại hội thứ 94 của Quốc Hội Hoa Kỳ.

Rồi dường như không kiềm chế nổi lòng bực tức của mình với đám “quốc khách”, Thiệu đi ra ngoài bản vàn viết sẵn, và nói: “Tôi xin phép được ngợi khen những người bạn đích thực ở đây về sự khôn ngoan và tầm nhìn xa của họ ; tôi xin phép được nhắc lại ở đây ý nghĩa của một câu ngạn ngữ Việt Nam : “Quà tặng đã quan trọng, nhưng cách tặng quà còn quan trọng hơn nhiều.”

Hưng không chắc là câu nói của Thiêu có đến tai nữ dân biểu Abzug hay không, vì lúc đó bà ta dường như đã ngủ say, cái cầm đằy thịt mỡ của bà cúi xuống chạm tới vú, và mặt bà đã đờ đẫn. Thiêu cố ý không nhìn bà ta và quay sang phía bà Fenwick, người mà ông nghĩ là còn có thiện cảm với Việt Nam Cộng hòa. Không khí buổi tiệc căng thâng. Bỗng một cơn gió mạnh thổi thốc qua lớp cửa kính mở ngỏ vào phòng tiệc. Các ngọn nến trên các chúc đài cao bằng bạc phụt tắt gần hét, khiến nén rớt vung vãi xuống bàn tiệc, và gió thổi cuốn những màn cứa mầu trắng tung bay lất phất, trông như những lá cờ đầu hàng. Hưng ngoảnh sang Philip Habib nói thầm : “Một điềm gở đấy.” Habib gật đầu như đồng ý.

' Bữa tiệc tháng ba 1975 đã là bữa tiệc chót của Cộng Ị Hòa Việt Nam, bữa tiệc chót tại Dinh Độc Lập, và bữa ị tiệc chót của ông Thiệu khoản đãi quan khách ngoại quốc ; trong mười năm tại chức. Ta cũng có thể hiểu đó là một cử ■ chỉ trang trọng của nước Việt Nam Cộng Hòa để đánh dấu hai mươi năm người Mỹ “Bảo trợ” xứ này vậy.

# CHƯƠNG XVI - CỨ ĐỊA CUỐI CÙNG

Phái đoàn Quốc Hội vừa rời khỏi Sài Gòn thì Cộng sản Bắc Việttấn công Ban Mê Thuột, hồi 2 giờ sáng ngày 10 tháng Ba, 1975. Từ hòi chiến tranh Việt-Pháp, các chiến lược gia Việt Nam cả Bắc lẫn Nam, đều tin rằng: “Ai kiểm soát được Ban Mê Thuật, sẽ kiểm soàt cả miền Nam Việt Nam.” Ban Mê Thuật là trung tâm sản xuất cao su, trà, cà phê cho người Pháp khi xưa. Thành phố này ở Cao Nguyên Trung Phần, cách Sài Gòn chừng 150 dặm chim bay về phía Bắc Đông Bắc, nằm trong khu đồi núi đất đỏ giáp giới Trường Sơn, dẫy núi ngăn cách Cao Nguyên Trung Phần với Lào. Dân Thượng ở đây phần lớn thuộc bộ lạc Rhadé và Jarai, rát khố c với người Việt về dòng giống và ngôn ngữ. Dân số của họ vào khoảng 700 ngàn người ở rải rác dọc biên giới Lào và đường mòn Hồ Chí Minh. Trên con đường Nam tiến trong lịch sử, người Việt đã chinh phục đảm dân này; vì thế mà liên lạc giữa người Việt và người Thượng không được tốt đẹp. Mối tương giao này đã được hàn gắn lại phàn nào tứ năm 1960 khi CIA (Cơ quan Tình Báo Trung ương Hoa Kỳ) và Lực Lượng Đặc Biệt Hoa Kỳ gởi người lên Cao nguyên tổ chức và võ trang dân Thượng chống cs Bắc Việt. Người Mỹ cung cấp dược phẩm, súng đạn, thực phẩm và xử sự như giới trung gian giữa người Việt và người Thượng. Danh từ “Đồng bào Thượng” bắt đầu có từ đó. Sự căng thâng giữa người Thượng và người Việt vẫn còn gay go ngay cả khi người Thượng được tuyển vào địa phương quân trong Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Khi người   
Hoa Kỳ rời khỏi Việt Nam, năm 1973, mối giao hảo đó suy giảm dần. Người Việt không để ý đến đám dân Thượng nữa, nhất là khi tiếp liệu trđ nên khan hiếm, mối hiềm thù xưa lại có chiều sôi bỏng.

Thiếu tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân đoàn II đã được sĩ quan tình báo của ông và cả Bộ Tổng tham mưu/ Quân lực Việt Nam Cộng hòa báo động về trận đánh Ban Mê Thuột nhưng ông không chịu tăng cường phòng thủ thành phố này. Phú tưởng rằng địch có ý đánh lạc hướng để tấn công Pleiku, bản doanh của Bộ Tư lệnh Quân đoàn II. Toàn bộ Sư đoàn 23 Bộ binh đã được điều động về Pleiku; việc phòng thủ Ban Mê Thuột giao lại cho một liên đoàn Biệt động quân và địa phương quân, phần lớn gồm dân Thượng. . Tướng Phú ở lại Pleiku, cách Ban MêThuột 94 dặm về phía Bắc. Khi địch tấn công Ban Mê Thuột ông ta bị cô lập hoàn toàn và không thể điều động SĐ23BB để chiếm lại thế thượng thjỉ được nữa!

Đã nhiều tháng nay, kể từ khi viện trợ Mỹ cắt giẩm vào mùa hè 1974, ông Thiệu đã có ý định phối trí lực lượng quân lực Việt Nam Cộng hòa lại để tiết kiệm ngân sách và nhân lực. Ngày 11, tháng ba, sau khi Cộng sản chiếm Ban Mê Thuột, ông m('rí ba vị cố vấn quân sự thân cận nhất của ông tới dùng điểm tâm ở Dinh Độc Lập để bàn về vụ này. Đó là Thủ tướng Trần Thiệm Khiêm, Đại tướng Cao Văn Viên và Trung tướng Đặng Văn Quang. Ông Thiêu thường tiếp các giới thân cận của ông tại hành lang lầu ba Dinh Độc Lập. ông cho rằng, nơi đây không bị nghe trộm bằng máy điện tứ, vì tiếng ồn ào của xe gắn máy chạy dưới đường thường lấn át tiếng người nói chuyện. Sau khi dọn đồ ăn sáng, chì còn lại ba người, ông Thiệu mở tắm bản đò miền Nam để kiểm điểm tình hình quân sự hiện tại. Ông trình bày quan điểm chiến lược mới của ông một cách xúc động : “Với thực lực và khả năng hiện tại của ta, ta chắc chắn không thề giữ và bảo vệ toàn lãnh thổ được. Ta chỉ có thể phối trí quân để giữ vững những vùng đông dân cư và trù phú mà thôi.”

Thiêu vung tay vạch nhanh những khu vực ưu tiên phòng thủ mới trên bản đồ gồm có : Vùng 3, Vùng 4 và một số cứ địa ở ven biển vùng 1 và 2 chiến thuật. Ưu tiên một bao gồm châu thổ sông Cửu Long là một khu vực canh nông trù phú và đông dân cư ở miền Nam. Ưu tiên thứ hai dành cho vùng bờ biển thuộc Vùng 1 và Vùng 2 Chiến Thuật. Thiệu vạch một số những tuyến phòng thủ giai đoạn cắt ngang Vùng I Chién Thuật tại nhiều địa diêm khác nhau ở vùng bờ biển, từ Bắc xuống Nam (xin xem bản đò ở đầu sách). Ông nói với các cố vắn quân sự là tùy theo khả năng, ta có thể giữ một số lãnh thổ, đủ đỂ tòn tại và sinh hoạt như một quốc gia. Thiệu nhắc nhở rằng đó là một kế hoạch hét sức bí mật, không nên đí người Mỹ biết.

Đày là một khúc rẽ của chiến lược phòng thủ miền Nam Việt Nam. Tử trước đến nay, Thiệu không bao giờ công bổ nhường đất cho Cộng sản. Chiến lược mới mà ông đặt tên là “Chiến Lược Đằu Bé Đít to” có nghĩa là phải bỏ lại sáu triệu dân nếu cả Vùng 1 và Vùng 2 Chiến thuật bị cắt đứt. Căn cứ vào những diễn tiến thực tế trước ảp lực của quân Bắc Việtđược Nga tăng cường mọi mặt tử lúc ngưng chiến, việc cắt đứt như vậy có phần hợp lý. Nhưng trong thực tế, chiến lược đó là cơn ác mộng về phương diên tỉim lý, chính trị và tiếp vận.

Cái “đít to” ảm chỉ vùng Châu Thổ sông Cửu Long; đó là miền trù phú, canh nông ba mùa có thỉ sản xuất đủ để tiếp tế gạo thóc, ngư phẩm và rau cỏ trái cây cho 75 phần trăm dân chúng miền Nam Việt Nam. “Đàu bé” là vùng kinh tế nghèo nàn và dễ bị xâm nhập của Quân khu 1 và 2. Trẽn lý thuyết, kế hoạch này cần thiết, nhưng làm sao thi hành được trước tình thế hiện tại?

Chiến lược mới này của ông Thiệu đưa ra không gây một sự tranh luận nào trong số những người có mặt hôm đó. Tướng Viên chỉ bình luận: “Sự phối trí lực lượng này thật ra cần thiết. Tôi đã có ý định này từ lâu, nhưng không dám nói ra, sợ rằng đi trái với đường lối quốc gia, và sợ bị hiểu lầm là có linh thần chủ bại.” Tướng Viên không bao giờ muốn làm trái ý ông Thiệu. Sau này, ông viên có nhận xét lại rằng: “Dó là ý định mà ông Thiệu không muốn ai tranh luận cả. Xét cho cùng, ông Thiệu là Tổng tư lệnh quân đội. ông ta là người có trách nhiêm phác họa chiến lược quốc gia. Ông phải biết chắc chắn việc ông muốn làm.” Có lẽ vì nghĩ như vậy nên sau cuộc họp,  
 Bộ tham mưu / Quân lực Việt Nam Cộng hòa không hề gấp rút thảo một kế hoạch chi tiết và hữu hiệu nào đê thi hành chiến lược mới của ông Thiệu cả.

Vấn đề trước tiên là phải làm sao đối phó với việc mất Ban Mê Thuột. Thiệu muốn gập tướng Phú, Tư lệnh Vùng 2 Chiến Thuật ớ Pleiku. Phú đã ở trong quân đội Việt Nam Cộng hòa từ năm 1954, và đã bị cầm tù khi Pháp thất thủ Điện Biên Phủ. Ông ta bị lao phổi lúc ở trong tù. Nhiều người cho rằng ông rất sợ bị Cộng sản bắt được một lần nữa. Thiệu biết Phú vì đã cùng chiến đấu với nhau. Khi Thiệu lên nắm chính quyền tlủ binh nghiệp của Phú cũng thăng tiến dần.

Khi Phó Tổng Thống Trần Văn Hương nhất định đòi thay thế tướng Nguyễn Văn Toàn vì tội tham nhũng, Thiệu miễn cưỡng bồ nhiệm tướng Phú làm Tư lệnh Quân đoàn II. Phú không được tướng Viên ưa chuộng. Viên từ chối không chịu gặp Phú trước khi Phú đi nhận nhiệm vụ mới! ông cho sĩ quan tùy viên, Thiếu tá Lý Thanh Tâm nói với Phú rằng: “Nếu ông Phú làm việc tốt, Đại tướng sẽ lên thăm sau.”

Thiệu muốn kiểm điểm tình hình với Phú để tìm cách lấy lại Ban Mê Thuật. Ngày họp được ấn định là Thứ Sáu, 14 tháng 3 tại Pleiku. Thiệu chỉ thị Phú đừng cho cố vấn Mỹ đi theo dự phiên họp. Phú trình với Thiệu vì Pleiku thiếu an ninh nên xin họp ở Cam Ranh. Cho đến lúc đó, Ban Mê Thuật đã hoàn toàn rơi vào tay Cộng sản, và mọi nỗ lực tái chiếm đã thất bại.

Buổi họp diễn ra ở Cam Ranh trong khu nhà cất lên năm 1966, nhân dịp Tổng Thống -lohnson tới thăm căn cứ này. Thiệu cùng đi với ba vị cố vấn quân sự có mặt trong phiên họp ở Dinh Độc Lập ngày 11 tháng ba — Khiêm, Viên và Quang. Phú báo cáo tình trạng Quân khu 2, mọi trục giao thông chính đã bị cắt đứt, quân tăng cường không thể di chuyển bằng đường bộ được nữa. ông Thiệu hỏi tướng Phú liệu có lấy lại Ban Mê Thuật được không. Phú không trả lời dứt khoát, ông ta xin thêm quân tàng cường và trực thăng, nhưng được Viên cho biét quân trừ bị đã xứ dụng hết rổi. Không quân có chừng 400 trực thăng thì hơn 200 chiếc hoặc đã bị bắn rơi bởi hỏa tiễn Strella mới của Nga, hoặc bất khiển dụng vì không có cơ phận thay thế- Thiệu ra lệnh cho Phú rút lui khỏi Pleikuvà Kontum để tái chiếm Ban Mê Thuột. Thiệu cũng ra lệnh cho Bộ Tổng tham mưu phải “theo dõi và giám sát” cuộc hành quân   
triệt thoái này. Sau đó, ông Thiệu vạch trên bản đồ những khu vực mà Phú phải cổ thủ. Lực lượng Quân -

Đoàn II sẽ triệt thoái khỏi Pleiku và Kontum, tập trung lại tại Tuy Hòa rồi tiến đánh lấy lại Ban Mê Thuột.   
Sau này, khi Hưng hỏi ông Thiệu về lệnh rút khỏi Pleiku và Kontum, ông giải đáp như sau: Việc rút quân đi từ Pleiku đề lấy lại Ban Mê Thuột dựa vào ba yếu tố : Một, nếu lấy lại được Ban Mê Thuột, thì việc tái chiém Pleiku và Kontum sẽ dễ dàng. Ban Mê Thuột như là một nút chặn đường quân Bắc Việt đổ xuống miền bờ biển và Sài Gòn. Ban Mê Thuột là điểm then chốt nối liền con đường ngắn nhiít từ biên giới Lào tới vùng bờ biển Việt Nam. Thiệu nhớ tới kinh nghiệm của Pháp ngày xưa hồi tháng Giêng, 1951, khi Đại tá Vanuxem cố thủ Vĩnh Yên để chận đường tiến quân của Việt Minh vào Hà Nội . ông cũng lấy thí dụ việc quân đội Đồng Minh đã cố chiếm một quả đòi gần Normandy để làm đầu cầu và bàn đạp tiến vào Âu Châu.

Thứ hai, Thiệu muốn dùng Sư đoàn 23 Bộ binh để tiêu diệt Sư đoàn 320 Bắc Việt đang chiếm giữ Ban Mê Thuột. Sư đoàn này là lực lượng chính quy của Cộng sản; “Nếu ta đập tan nó, cuộc tổng tấn công của Cộng sản có thê bị chậm lại.” ông Thiệu kể lại: “Năm 1972, sở dĩ ta chiếm lại được Quảng Tn là nhờ ở tướng Trưởng tiêu diệt được chủ lực quân của địch. Đánh với du kích lẻ tè không quan trọng bằng có khả năng tiêu diệt những sư đoàn thiện chiến của Hà Nội.”

Thứ ba, ông Thiệu cho rằng phải tiết kiệm quân lính của các sư đoàn 22 và 23 là các sư đoàn tinh nhuệ, bằng cách rút những sư đoàn này ra khỏi những vùng hiếm trở ở Cao nguyên. Nếu không làm như vậy, mấy sư đoàn này sẽ bị tiêu vì không quân không còn đủ sức đế tiếp liệu và yểm trợ tiếp cận cho họ nữa. “Tập trung lại để tái chiếm Ban Mê ITiuột xong rồi, tùy hoàn cảnh, ta có thể quyết định : một là lấy lại Pleiku, Kontum ; hai là tăng viên cho tướng Trưởng ở Vùng 1”. Thiêu không ngờ rằng tình hình biến chuyển quá mau lẹ!

Vì Bắc Việtđã phong tỏa tất cả các trục lộ chính, Phú đề nghị xứ dụng con đường liên tĩnh số 7B để rút khỏi Pleiku như một yếu tố bất ngờ. Con đường này trước đây đã bị gài nhiều mìn và bỏ không xứ dụng đã lâu, cầu đã bị sập hết. Muốn di chuyển quân ta cần rất nhiều đến những phương tiện vượt sông. Hành trình sẽ kéo dài trên 160 dặm với rất nhiều khó khăn phải xuyên núi băng rừng đầy cheo leo bất trắc.

Thay vì gọi Phú về Sài Gòn để cùng Bộ Tổng tham mưu thiết kế chương trình triệt thoái, Tướng Viên chì lưu ý cảnh giác Phú về những nguy hiểm của cuộc di chuyển này ; ông đưa ra thí dụ của quân đội Pháp năm 1954 : Quân đội Việt Minh đã tiêu diệt Chiến đoàn Lưu động 100 (GM100) của Pháp hồi tháng 6 năm đó khi họ rút lui cũng trên con đường này.

Phú đề nghị thêm một điều nữa, xin thăng chức cho Đại tá Biệt động quân Phạm Văn Tất lên Chuẩn tướng để ông ta chì huy toàn bộ cuộc hành quân triệt thoái. Ông Thiệu đồng ý. Tướng Phú trở về Pleiku và ngày hôm sau rời về Nha Trang bằng trực thăng, đễ mặc tướng Tất và quân của ông lo liêu lấy một mình.

Châng có kế hoạch hay phối hợp nào với Bộ Tổng tham mưu cả. Để bảo vệ an ninh cho cuộc rút lui này, ông Thiệu ra lệnh bảo mật tối đa, để các lực lượng địa phương, phần lớn gòm dân Thượng, không biết trước về vụ này.

Ngay khi 200 chiếc xe vận tải đầu tiên rời khỏi Pleiku vào ngày 16 tháng ba, tin đồn về vụ bỏ Pleiku đã được tung ra khắp tình. Đám người Thượng tháy mình bị bỏ rơi bèn quay mũi súng về đoàn quân đang tháo lui. Dân chúng, phần lớn là gia đình quân nhân, chạy tán loạn khỏi thành phố đế thoát thân theo sau đoàn quân bằng đủ mọi phương tiện. Sau hai ngày đường, đoàn lữ hành này phải dừng lại ở bờ sông Ea Pa vì công binh Việt Nam không làm kịp chiếc cầu nổi như đã dự tính. Quân lính và dân chúng bị khựng lại, ngồi xép hàng bên bờ sông làm bia đố đạn súng cổi và trọng pháo của Sư đoàn 320 Bắc Việt. Địch đã đuổi kịp và bắt đầu tấn công. Từ đó, đoàn quân di chuyển phải liên tục chiến đấu để thoát thân trong suổt cuộc hành trình dài trên trăm dặm. Khi không quân được gởi đến để yểm trợ, bom lại rơi lầm ngay trên đầu quân mình, gây tổn thất nặng nề. Cho mãi đén đêm 27 tháng 3, chtéc xe đầu đoàn mới về trên Tuy Hòa.

Đứng về nhương diên quân sự, cuộc điều quân triệt ythoái này là một thất bại thê thảm. Đoàn quân, gòm bầy /trung đoàn bộ binh và một lữ đoàn thiết giáp, không còn / khả nàng chiến đấu nữa. Việc chiếm lại Ban Mê Thuột. phải hủy bỏ hoàn toàn . Người Mỹ đã không hay biết gì về chiến lược điều quân mới này của ông Thiệu cho đến tận ngày 17 tháng ba, khi một nhân viên CIA ở ngay trong chính phủ tiết lộ cho họ biết về chiến lược “đầu bé, đít to” này.

\*

\* \*

Cuộc triệt thoái đã bộc lộ rõ những nhược điểm trong hê thống chỉ hv y của Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Hệ thống tiếp vận yếu ớt, và không có một tổ chức hữu hiệu nào về thiết kế và phối hợp các cuộc hành quân. Trong những năm trước đố, cơ quan MACV (Bộ tư lệnh Viện trợ quân sự Hoa Kỳ tại Việt Nam ) thường trực tiếp đặt kế hoạch phối hợp và tiếp vận cho cả quân đội Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa ngoài chiến trường. Không hề có bộ chì huy hỗn hợp Việt-Mỹ nào làm công tác này. Bốn tướng vùng lo việc kiểm soát những hoạt độ  
ng quân sự và hành chánh trong vùng, và rất ít khi tham dự vào công việc thiết kế chiến trận. Mối quan tâm chính của các ông này là công việc duy trì an ninh và phòng thủ thụ động trong vùng của mình.

Khi người Mỹ rút đi, bộ Tổng thống M/ Quân lực Việt Nam Cộng hòa đã không chuẩn bị đễ khai triển những khả năng thiết kế và điều khiển chiến trận thay thế cho “MACV”. Tướng Viên chỉ đóng vai trò cố vấn. Bộ Tổng tham mưu không có đường lối   
chỉ đạo trung ương mà chì có tính cách một “hộp thư”. Thường thường là tướng Vùng khi cần thì gọi ông Viên, nhưng Viên lại yêu cầu họ gọi ông Thiệu. Khi ông Thiệu gọi ông Viên, ông Viên chuyển lệnh lại cho tướng Vùng. Tướng Trưởng có lần than phiền rằng: “Đôi khi mất cả một hai tiếng đòng hồ, tôi mới gọi được Đại tướng Tổng tham mưu trưởng.” Khi có biến động, bộ Tổng tham mưu thường không có hành động một cách cắp thời để đương đầu với địch làm như là đã từ chối nhận lãnh trách nhiệm chiì huy. Khi Phụ tá Bộ trưởng Quốc Phòng   
Hoa Kỳ Eric Von Marbod, gọi điện thoại cho bộ Tổng tham mưu lúc 4 giờ 30 ngày 1 tháng 4 tử nhà riêng của Hưng sau khi Đà Nàng thất thủ, không có ai trả lời, Von Marbod chửi thề, và Hưng phải nói chữa : “Cỏ lẽ điện thoại hỏng !”

Khi Vùng 2 chiến thuật lung lay thì Vùng 1 cũng tan rã dần. Ngày 13, tháng ba, ông Thiệu mời tướng Trưởng về Sài Gòn họp chiến lược mới.

Trong buổi họp ở Dinh Độc Lập có cả tướng Toàn, Tư lệnh Vùng 3, ông Thiệu tâm sự : “Từ trước tới nay tôi đã yêu cầu anh em làm những việc không thể làm được !” Thiệu phân tách tình hình và giải bầy những nổi khó khăn của ông trong việc xin viện trợ Mỹ. Đây là làn đầu tiên ông Thiệu nhìn nhận với các tướng lãnh là khó mà Hoa Kỳ có thể dội bom lại khi miền Nam bị Bắc Việt tổng tấn công, ông Thiệu két luận là lúc này không thể làm gì khác hơn là r thay đổi chiến lược. Ông giải thích việc tái phối trí quân và cắt đất. Ông cho rằng, thà mất khu rừng núi về tay Cộng sản còn hơn là phải sống liên hiệp với chúng.

' Trong buổi họp, ông Thiệu ra lệnh cho tướng Trưởng bỏ Hué và rút quân về Đà Năng. Trong thâm tâm, ông

1 Thiệu nghĩ đến một cứ địa cuối cùng, một thứ đầu cằu \ dùng làm nơi đổ bộ trong trường hợp Hoa Kỳ quyết định trở lại để giúp Việt Nam Cộng hòa phản công Bắc Việt. Lúc đó, ông không k bộc lộ mối hy vọng đó cho Tướng Trưdng hoặc các tướng lãnh khác biết. Ông Thiệu vẫn không hay thổ lộ tâm tình dù đối với cộng sự viên thân cận nhất của ông.

— Từ trước đến nay, chính ông cũng như Viên, đã nhiều lần xin Hoa Kỳ cho phương tiên thành lập thêm 2 sư đoàn (Dù và Thủy Quân Lục Chiến) để làm lực lượng tổng trừ bị, nhưng đề nghị đều bị bác bỏ. Bây giờ, Cộng sản tấn công mà Việt Nam Cộng hòa không còn trừ bị. Bởi vậy Thiệu cần ngay một số quân mà ông gọi là “lực lượng \4ung kích” đế thi hành kế hoạch tái phối trí. Ông muốn rút

Sưđoàn Dù và Sư đoànTQLC từ Vùng 1 về Sài Gònđể xử dụng trong việc tiếp cứu các địa điểm quan trọng khác, nếu “điều đó không làm cho việc phòng thủ Vùng 1 quá khó khăn”. Thé nhưng, ông Thiệu chỉ cho tướng Trưởng hay là ông muốn rút Sư đoàn Dù về mà không nói gì cho Trưởng biết vìỉ việc rút Sư đoàn TQLC cả. Mãi sau buổi họp, tướng Trưởng mới biết điều này trong bữa cơm trưa với Thủ tướng Khiêm. Trưởng đã hò nghi, nên hỏi Khiêm về vụ này. Ông Khiêm chậm chạp đáp: “Điều đó đúng, sở dĩ anh biết được vi Phòng Ba tiết lộ việc này.” Tướng Trưởng bỡ ngỡ. Ông khó tin rằng cả đến tướng Tư lệnh Vùng mà cũng không được biết ý định thật của Tổng Thống và Thủ tướng . Việc Thiệu quyết định rút hai sư đoàn ưu tú nàv về Sài Gòn đã gây ra dư luận là ông sợ đảo chánh ở Sài Gòn nên mang quân về đế bảo vệ ông.

Tướng Trường bay về Đà Nẵng nghĩ ngợi về điều ông Thiệu vừa nói với ông. Trong khi ông cùng với bộ tham mưu làm ké hoạcn để thi hành lênh của Tổng Thống, thì số dân tỵ nạn ờ Đà Nẳng đã vọt lên tới nửa triệu, và còn đang tiép tục gia tàng hết sức nhanh chóng. Cộng sản bèn tung ra những tin đòn gây hoang mang nhằm vào giới gia đình quân nhân rằng đã có sự mặc cả ở thượng cấp với Bắc Việt, và Cao Nguyên Trung Phần đã bị bỏ rơi Quân lính lo lắng cho sự an ninh của gia đình họ đem theo, và kỷ luật sụp đổ. Việc cho gia đình đi theo đỉ nâng cao tinh thần quân sĩ bỗng nhiên trở thành cơn ác mộng. Không có cách gì tản cư gia đình quân nhân được ngoại trừ việc cho họ đi theo đoàn quân rút lui. Hình ảnh triệt thoái khỏi Pleiku và Kontum là nỗi kinh hoàng còn ám ảnh tất cả mọi người.

Đài phát thanh BBC loan báo đầy đủ chi tiết về cuộc triệt thoái Pleiku và tiên đoán quân cs sS tới vùng phụ cận Sài Gòn trong vòng hai hay ba tuần lễ, vì con đường quốc lộ 14 từ Ban Mê Thuột đã mở rộng cho Bắc Việt đưa quân vào. Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ thì tường trình về vụ Nhóm Dân Chủ Hạ Viện đã bỏ phiếu chống viện trợ bổ túc cho Việt Nam và Cam-bốt ngày 12 tháng ba, với số phiếu 189-49. Ngày 13, tháng Ba, nhóm Dân Chủ Thượng Viên cũng theo gương với số phiếu 34-6, chống tăng viện trợ trong tài khóa 1975. Tin này loan nhanh trong hàng ngũ quân sĩ. Tử trước đến giờ, họ vẫn tưởng rằng viện trợ Mỹ sẽ đến. Hưng hồi tưổ ng : “Tin bỏ phiếu chống tăng viện trợ trong lúc địch đang thao túng đã như một mũi dao đâm vào lòng binh sĩ !”

Đơn xin tiếp liệu về thực phẩm, dược phẩm và nhà tạm trú tới tấp bay về chính phủ. Nhưng chính phủ trung ương đã hầu như tê liệt ! Trật tự ở Đà Nẵng không còn nữa. Đã đến lúc cần phải có một chính sách quyét liệt và mạnh mẽ từ chính phủ trung ương. Hưng liồn gặp riêng Ông Thiệu và đề nghị để Nhã, lúc đó đã thôi chức Tổng trưởng Dân vận vì áp lực chính trị, ra Đà Năng tâ trực tiếp giải quyết vấn đề dân tỵ nạn. Nhưng Thiệu gạt đi và nói: “Mình cìĩn có một chuyên viên tiếp vận như Tướng Đòng Văn Khuyên (Tổng tham mưu phó Tiép vận / Quân lực Việt Nam Cộng hòa) thi mới lo được.” Hưng đáp: “Nhưng Tướng Khuyên đang ở Nhật để lo chữa chạy cho cha ông đang bị bệnh ung thư Đã không ai nói với ông Khuyên rằng tình hình khẩn truơng và ông không nên đi Nhật, và cũng chảng có ai đảnh điện tín gọi ông về. Là Tổng tham mưu phó Tiếp vận, ông Khuyên nắm giữ tất cả vấn đề tiếp liệu cho quân đội và cũng là người biết rành rõi hơn ai hết về hệ thống tiếp vận do Hoa Kỳ để lại. Sau cùng, khi ông Khuyên trở về thì Đà Năng đã mất ! Trước nghịch cảnh đó, Khuyên đã bậl lên khóc. Là nhân vật chủ chốt, đáng lẽ ông đã phải rõ tình hình và có mặt tại Tổng thống M.

ông Thiệu quyết định gởi phái đoàn chính phủ do Thủ tướng Khiêm cằm đàu ra Đà Nẵng. Sáng ngày 18 tháng ba, phái đoàn tụ tập tại phòng khánh tiết phi trường Tân Sơn Nhấn đễ đi Đà Nẵng. Hưng gặp Bứu Viên, Bộ trưởng Phủ Thủ tướng, ở trong nhà cầu. Bứu Viên hỏi Hưng về tin túc trên miền Cao Nguyên : “Anh có nghe tin gì ở trên Pleiku không?” Hưng lắc đầu. ổng nói tiếp : “Tôi nghe tin quân đội đã rút khỏi Pleiku và Kontum. Tình hình trên đó híỉt sức nguy ngập.” Đây là lần đầu tiên Hưng nghe nói đến việc tái phối trí quân thực sự. Anh bàng hoàng, lo sợ.

Ở Đà Nẵng, trước khi bàn đến vấn đề dân tỵ nạn, tướng Trưởng mời riêng Thủ tướng Khiêm vào phòng thuyết trình để trình bày kế hoạch rút lui. Khiêm vẫn còn ở hàng tướng 4 sao, và ông Thiệu tôn trọng ý kién của ông. Trưởng báo động về cuộc tấn công của Bắc Việt vào Huế và Đà Năng và nỗi khó khăn của ông trong vấn đề kiểm soát đám dân tỵ nạn đang lan tràn vào Đà Năng càn đường tiến quân của quân đội. Khiêm thấy tình hình khẩn trương và chỉ thị Trưởng bay về Sài Gòn ngay ngày hôm sau “để báo cáo với Tổng Thống”.

Buổi họp về dân tỵ nạn ở Đà Nẵng báo hiệu thảm họa đã gằn kề. Ồng Khiêm hứa về Sài Gòn sẽ tm giải pháp. Lệnh “quyết định tại chỗ” của ông Thiệu châng ai thi hành cả. Khiêm đã không làm gì để phối hợp giao thông chuyển vận và cung cấp gạo nước cho đàm dân tỵ nạn cả, mà chi truyền việc cho người khác. Sự xao động đã bùng nổ biến thành hoảng hốt. Khi về Sài Gòn, Khiêm đề nghị gởi một số tiền ra giúp đám dân tỵ nạn ! Chính phủ trung ương đã thất bại một cách thảm hại trong việc cứu giúp dân chúng ở đây.

Ngay buổi tối hôm trở về Sài Gòn, Khiêm gặp Thiêu và nói không thê giữ cả Đà Nàng và Huề được. Phó Tổng Thống Hương cũng đề nghị như vậy.

Hòi 11 giờ sáng ngày 19 tháng ba, tướng Trưởng từ Đà Nẵng bay vào Sài Gòn để trình bày kế hoạch rút lui lên ông Thiệu, có sự hiện diện của cả cụ Hương. Sự hiện diện của cụ Hương là việc bất thường, vì xưa nay khi bàn chuyện quân sự ông Thiệu thường chỉ mời có ông Khiêm, Viên và Quang mà thôi. Chắc lúc đó, ông Thiệu phải nhờ đến sự ủng hộ của cụ Phó Tổng thống để thuyết phục tướng Trưởng nên bỏ Hué. Trưởng trình bày kế hoạch với hai giải pháp. Nếu quốc lộ 1 còn thông thương được, quân ông sẽ triệt thoái tử Huế và Chu Lai về Đà Nẳng. Nếu không, ta sẽ lập ba cứ địa phòng thủ là Huế, Đà Năng, và Chu Lai, và sẽ tìm cách rút quân về ba điểm này. Tướng Trưởng trinh với ông Thiệu giải pháp ưng ý của ông: Giải pháp đó là phòng thủ Huế, Chu Lai và Đà Năng bằng cách lợi dụng những căn cứ hỏa lực chung quanh những vùng này và nhắt là khu đồi núi chung quanh Hué. Huí và Chu Lai sẽ là nơi tập trung quân rồi từ đó nếu cần sẽ cho quân băng đường biển về Đà Năng trong giai đoạn cuối cùng của cuộc phối trí lực lượng. Đà Năng sẽ trở thành cứ địa cuối cùng được phòng thủ bởi 4 sư đoàn Bộ bính và 4 chiến đoàn Biệt Động.

Trưởng cho rằng việc mở quốc lộ 1, chì hao quân mà không có lợi gì. Kế hoạch của ông trình bày ở trên có nhiều ưu điểm hơn. Cuối cùng ông Thiệu miễn cưỡng chấp thuận kĩ’ hoạch này. ông nói: “Mặc dầu lịch sử có thể phán xét tôi như một thằng ngu (imbécile) nhưng vỉ lòng tôi đối với đất nước, tôi đồng ý.” Tướng Trưởng cho rằng ông có thể giữ nổi Huế và sẩn sàng về Đà Năng tính chuyên dàn quân đánh trận lịch sử này. Ông Thiệu tiên Trưởng ra khỏi Dinh Độc Lập, và   
nói: “Tôi đợi đền khi anh về đến Đà Năng rồi sẽ tuyên bố cố thủ Huế trên đài phát thanh”.

Thế nhưng khi về tới Đà Nàng, tướng Trưởng lại được ngay tưóng Lâm quang Thi, tư lệnh phó, bảo cảo rằng quân B V đã bát đầu nã đại bác 130 ly vào bộ chì huy của ông và đang chuẩn bị vượt tuyến phòng thủ đầu tiên tại bờ sông Thách Hãn. Nhận thấy tình hình khẩn trương, tướng Trưởng gọi tướng Viên đ£ xin điều động lữ đoàn 1 Nhảy dù. Như thường lệ, ông Viên yêu cầu ông Trưởng gọi thâng ông Thiệu. Trưởng lại yêu cầu ông Thiệu hoãn việc tuyên bố tử thủ Huế trên đài phát thanh “vì có thể ta không giữ nổi Huế”. Thắy Trưởng bắt đầu dè dặt về việc giữ Huế, Thiêu bèn tấn công; ông cho Trưởng bĩẽt là cả phó Tổng Thống và Thủ tướng đều chống lại việc giữ cả 2 nơi : Hué lẫn Đà Năng. Trưởng đã quen với cái lối cho lệnh có tính cảch đại cương của Thiệu đễ tướng lãnh tự quyền định đoạt chi tiết. Trưởng biết rằng giữ Huế là việc khó khàn, nhưng bỏ HuíS thì sẽ gây xảo trộn không lường được.

Mặc dù Thiệu tỏ ý dè dặt, Trưởng vẫn tiến hành kế hoạch giữ ba cứ địa Huế, Chu Lai và Đà Năng, vì ông cho rằng Sài Gòn chưa rút lại lệnh đó. Ngày hôm sau, 20 tháng ba, Trưởng bay ra bộ chỉ huy Tiền phương của Sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến cách sông Mỹ Chánh 5 dặm để hội thảo với các đơn vị trưởng. Ông nói với họ rằng Tổng Thống đã ra lệnh là phải giữ Huế “băng mọi giá”. Mặc dù thành Quảng Trị đã bị mất đêm trước, tinh thần và kỷ luật binh sĩ tương đối vẫn còn cao. Trưởng cho rằng có thể giữ nổi Huế và thi hành kế hoạch tái phối trí như đã dự định. Trên đường về, Trưởng dừng lại Huế để thanh tra quân ngũ và công tác phòng thủ tại cố đô. Hòi 1 giờ rưỡi chiều hôm đó, ông Thiệu tuyèn bố cố thủ Huế trên đài phát thanh. Tổng Thống đã công khai tuyên bố, nên Trưởng vẫn nghĩ rằng ta có thể ngăn chận địch được.

Khi tướng Trưởng trở về Bộ Tư Lệnh ở Đà Năng, hòi 7 giờ 30 tối, thì ông lại nhận được mật điện số 2238 của tướng Viên, chuyển lệnh của ông Thiệu về vụ Huế, trái hân với lời tuyên bố trên đài phát thanh. Thiệu đã nghe lời Khiêm và cụ Hương, quyét định bỏ Huế.

Công điên của ông Viên nói: “Vì không đủ khả năng để giữ cả ba nơi như đã định, Tư lệnh Vùng 1 được tùy nghi, tùy theo tình hình và áp lực địch, phối trí quân về để chỉ giữ Đà Năng mà thôi.” Đòng thời Lữ đoàn Dù tổng trừ bị được lệnh rút về   
Sài Gòn.

Tướng Trưởng kinh ngạc đến độ ông phải nhờ một sĩ quan hầu cận đọc giùm bức công điện. Trưởng gọi điện thoại cho Viên để xác nhận. Ông Viên yêu cầu Trưởng gọi điện thoại thâng cho ông Thiệu. Trưởng mở ra-di-ô nghe Đài   
Sài Gòn, vẫn còn đọc tuyèn cáo của Tổng Thống hứa bảo vê Hué “bằng mọi giá” . Không ai ở Phủ Tổng Thống buồn gọi Đài Phát Thanh Sài Gòn thôi đừng phóng thanh nữa. Sự thiếu phối hợp giữa chính phủ và Bộ Tổng tham mưu chì làm cho tình hình rối loạn thèm.

Tướng Trưởng thất vọng vô cùng. Mới sáng nay, ông ra lệnh tử thủ Huế. Giờ đây, chính ông Tổng Thống đã đòng ỷ việc giữ Huế, (tuy là đòng ý một cách miẽn cưỡng, nhưng vẫn là đồng ý), lại đổi ý. Trưởng cảm thấy danh dự bị tổn thương và như bị phản bội. Trong trường hợp thông thường, tướng Trưởng phải trẵ lời : “nhận, hiểu và thi hành” chỉ thị của Bộ Tổng tham mưu, nhưng lần này, ông đã viét công điên trả lời tướng Viên cách khác: “Tham chiếu công điện số 2238 của Đại tướng, tôi e ngại không thi hành nổi lệnh này. Xin Đại tướng tìm người thay thế tôi.” Ngày hôm sau, Trưởng nhận được công điên của Viên : “Tình hình hết sức khẩn trương, Trung tướng liệu mà làm.” Xưa nay, Trưởng vẫn nổi danh là một sĩ quan tuân lênh cấp trên, giờ đây ông lại phải tỏ lòng trung thành với Tổng Thống. Trưởng phải tùy cơ ứng biến vì cả Tổng Thống và Bộ Tổng tham mưu không còn giúp gì được cho ông nữa. Trách nhiệm nặng nề đặt lên vai người tướng lãnh gầy gò, khắc khổ này. Ông than thở:

“Trong những giờ phút nghiêm trọng, Bộ Tổng tham mưu hình như biến đâu mất.” Tuy nhiên, theo như lời phê bình của trùm CIA ở Sài Gòn là Thomas Polgar thì, “tướng lãnh Việt Nam, không có ai có kinh nghiệm để một mình chì huy đơn vị lớn trên chiến trường cả.”

\*

\* \*

Trong một buổi nói chuyện vào năm 1976, Thiệu khi kể lại biến cố này với Hưng đã cho biết: “lúc đầu ông có ý định giữ Huế bởi vì tướng Trưởng nói với ông rằng không còn đường th.io lui ra khỏi Hué nữa. Quốc lộ 1 đã bị chặn.

Nhưng khi nghe ông Trưởng gọi về báo cáo tình hình địch tiến nhanh và đề nghị hoãn việc tuyên bố cô thủ Huế trên đài phát thanh, ông lại càng cảm thấy lung lạc về việc cố thủ Huế ! Ông cảm thấy đề nghị của Thủ tướng Khiêm và Phó Tổng Thống Hương có phần hữu lý. Sau đó, ông lại nhận được báo cáo rằng có đơn ví thuộc Sư đoàn I Bộ binh có nhiệm vụ giữ Huế, đã bắt đầu rút lui mà tướng Trưởng không hay biết. Thiệu kể lại: “khi tô nghe tin này, tôi gọi Đại tướng Viên, Đại tướng Viên không biết gì về tin này. Tôi lại gọi Trung tướng Trưởng, Trung tướng Trưởng trả lời: “Họ đã rút lui, tôi không thể kêu họ trở lại được.” Lúc đó, ông Thiệu cảm thấy không còn giữ Hué được nữa. Ông kết luận với Hưng : “Ai cho lệnh tướng Điềm, Tư lệnh Sư đoàn 1 rút lui ? Tôi không biết.” Khi Hưng phối kiềm lại với tướng Trưởng, thì Trưởng nói rằng không có chuyên tướng Điềm rút quân mà ông lại không biết “vì tôi luôn theo sát anh em.”

Tình hình chiến thuật suy sụp từ mùa hè 74 cộng thêm với việc viện trợ Mỹ bất thình lình bị cắt giảm quá mau lẹ đã khiến Thiệu phải nghĩ đến chuyện cho tlii hành chiến lược mà ông đã nghiềm ngẫm cả gần năm nay. Ỏng tin rằng phải cắt bớt đất phòng thủ, nhưng ông, vẫn hy vọng giữ được Đà Năng như một “cứ địa cuối cùng”. Thiệu kể lại rằng, sở dĩ ông muốn giữ Đà Năng là vì “đứng về phương diện địa thế và quân sự, thành phố này có thể phòng thủ được.” và “giữ Đà Năng để hy vọng quân đội Hoa Kỳ có thể đổ bộ như kiểu Normandy. Tôi không muốn để người Mỹ sau này có cớ nói rằng ho muốn đổ bộ miền Trung nhưng không có một đầu càu đê đổ bộ 1”

Thiệu không bao giờ thổ lộ ý định này với các cố vấn dân sự của ông, nhưng Hưng nhớ trong nhiều lằn họp ở Dinh Độc Lập, ông đã coi Đà Nẳng như cứ địa cuối cùng. Có lần Thiệu nói: “Dù phải bỏ tất cả các căn cứ tại Vùng 1 và Vùng 2 Chiến Thuật, ta phải giữ Đà Năng bằng mọi giá”.

\*

\* \*

Đà Năng thất thủ vào Chủ Nhật Lễ Phục Sinh, 30 tháng ba. Ở nhà thờ Lutheran quận Arlington, Virginia; hôm đó, Tổng trưởng Quốc Phòng Mỹ, James Schlesinger, người đã có thái độ thờ ơ trong khi Bắc Việt mở cuộc tấn công, đã “rơi lệ” và “khóc” cho “Việt Nam”. Hôm đổ, Phó Giám cốc CIA, tướng Vernon \Valters có nói với ông rằng: Đại sứ Việt Nam Cộng hòa ở Washington vừa tuyên bố : “Màn đêm dài (tã phủ xuống đầu chúng tôi, và bình mình sẽ không còn hé rạng nữa !” Schlesinger ngậm ngùi: “Tôi nghĩ đến lời của cố Thủ tướng nước Anh, \Vinston Churchill, khi óng mô tả nước Pháp bại trận trong Đại chiến II. Cả hai đều cùng là một thảm cảnh dẫu không lớn lao như nhau. Tôi không trách người Việt Nam đã phải đặt chút hy vọng của họ vào Hoa Kỳ. Tôi chia xẻ nỗi đau thương với họ.”

Đối với Hca Kỳ, Đà Năng không còn là quan trọng nữa về phương diện chiến lược. Schlesinger trình với Tổng Thống Ford rằng, muốn chặn được quân Bắc Việt lúc này, Hoa Kỳ ph.ỉi dùng đến võ khí nguyên tử chiến thuật. Ông Ford không bao giờ mơ tưởng đến chuyên này. Việt Nam phải đương đầu một mình. T.T Ford quyết định không can thiệp bằng quân sự nữa.

Cách đỏ đúng 10 năm, vào cuối tháng 3, 1965, những chiến hạm lớn của Đệ Thất Hạm Đội Hoa Kỳ ở Thái Bình Dương đã rầm rộ áp giang cho các tầu chở quân đổ bộ trên bãi biển Đà Năng. Nhưng nay, vào cuối tháng ba, 1975 người ta chỉ thấy lác đác vài chiếc tàu buôn ra vô cửa biển để tiếp té thực phẩm cho đoàn người tỵ nạn.

Ba chiếc tàu có cờ Mỹ mang tên Transcolorado, Miller và Pioneer cũng cập bến, nhưng không phải để đổ bộ mà để cứu những người sống sót của “cứ địa cuối cùng”. Một trong số đó là tướng Ngô Quang Trưởng.

# 

# CHƯƠNG XVII - CẠN TẦU RÁO MÁNG

Mới đầu Hưng tưởng minh đang nằm mơ khi có tiếng điện thoại reo. Bên ngoài, trời còn tối; anh trở mình, bật đèn ngủ cạnh đàu giường và thấy đòng hò chì 6 giờ sáng ; hôm đó là ngày 20 tháng 3. Tiếng máy lạnh kêu rền rền lấn át những tiếng động bên ngoài đường phố, tạo thành một âm thanh đều đều khiến anh đèm qua đã lả mình vào được giấc ngủ. Càc cửa sổ đều đông chặt, màn cửa khép kín, trong phòng ngủ tại biệt thự của anh ở số 623 Phan Thanh Giản, đối diện bệnh viện Saint Paul. Hầu như kiệt sức và muốn được ngủ thêm, anh bấm một nút đễ chuyển đường điện thoại tới căn phòng nhân viên an ninh ở sau tòa nhà chính, để anh ta trả lòi.

Tuần vừa qua, ngày nào Hưng cũng làm việc tới quá nửa đêm, hết phiên họp này lại sang phiên họp khác, tại Bộ, tại Dinh Độc Lập, lại việc của liên bộ lo tiếp té cho trên nửa triệu đòng bào tỵ nạn, vì Ban Mê Thuột, Kontum và Pleiku đã rơi vào tay cs. Huế, Đà Năng, Tam Kỳ và Quảng Ngãi thì đang bị đe dọa trầm trọng. Dân tỵ nạn tháo chạy với gia đình binh sĩ, tạo nên những cảnh náo loạn, hoảng hốt. Tinh thần suy sụp thảm thương, mà sự kiểm soát cia chính quyền thì mỗi lúc mỗi yếu đi.

Hưng vừa chợp mắt trở lại, thì có tiếng gõ cửa mạnh. Người lính an nính nói lớn từ phía ngoài: “Thưa Tổng Trưởng, có Tổng Thống gọi.” Nửa mê nửa tinh, Hưng chợt nghi là chắc có chuyện gì gấp lắm. Ông Thiệu chưa hề gọi sớm như thế bao giờ. Hưng nhắc máy điện thoại lên nghe, lòng bồn chòn. Một sĩ quan tùy viên của Thiệu nhắc lại : “Dạ, có Tổng Thống muốn nói chuyện với ông Tổng Trưởng.” Để đoán xem ông Thiệu đang ở trong tâm trạng nào, Hưng hỏi người tùy viên là ôngThiệu đang dùng máy điện thoại số mấy. Tiéng trả lời tử đầu dây bên kia : “Số 9^04”, tức máy điện thoại trong phòng ngủ của ông. Hưng đoán ngay là có việc khẩn. Ông Thiệu hỏi: “Anh đến gập tôi lúc 8 giờ được không? Tới ân sáng luôn thể.”

Nhận thấy vẻ nghiêm nghi trong giọng nói của Thiệu, Hưng đoán là minh lại sắp chứng kiến chuyện gì quan trọng nữa đây. Anh được thông báo là sẽ gặp Thiệu àn sáng ở hành lang lầu ba, nơi Thiệu vẫn tin là không bị CIA đặt máy nghe lên.

Tới nơi, H L-ng thấy người bác sĩ riêng đang loay hoay sắp chích thuốc cho Thiệu. Hưng bèn hỏi: “Tổng Thống bệnh hay sao?’

Thiệu đáp: ‘Không. Tôi chi càn thêm vitamin mỗi khi phải đối phó vói Cộng sản và Mỹ cùng một lúc.” Hưng cười, nhưng ông bác sĩ kia không thấy câu nói là khôi hài, đáng cười, mà chì yên lặng chích ống thuổc sinh tố vào cánh tay Thiệu.

Bàn ăn bầy đúng hai chỗ ngồi. Một người bồi áo vét trắng, bưng tới những món điềm tâm điển hì nh Việt Nam : phở và bành cuốn. Khi người bồi đã đi xa khỏi tầm nghe, Thiệu nói: “Tôi nghĩ rằng nội vài ngày tới, tình hình sẽ trầm trọng hét sức mau lẹ.” Rồi ông giải thích tình hình mặt trận : năm trong bẩy sư đoàn trừ bị Bắc Việt đã vào tới miền Nam. Cùng với mười bốn sư đoàn bộ ninh đã có sẵn trong Nam, địch quân bây giờ đã có được mười chín sư đoàn trang bị đầy đủ, với gần một ngàn xe tăng và trọng pháo. Họ đã chiếm được ưu thế trong cán cân lực lượng và hỏa lực trên mọi chiến trường. Ngưng một lát để cho Hưng ghi chép, Thiệu nói tiếp. “Hôm qua, I 19-3) xe tăng cs đã vượt qua sông Thạch Hãn để đánh chiếm Quảng Trị, và chúng đã bắt đầu pháo kích Huế.”

Hưng đã được nghe nhiều tin đồn rằng cuộc rút lui khỏi Pleiku và Kontum đã trở thành một thảm họa, rằng các lực lượng Montagnard địa phương đã quay súng bắn lại quân đội Việt Nam Cộng hòa. Khi Paul Leandri, trưởng phòng thông tấn Agence Prance Presse ở Sài Gòn loan tin quân Montagnard đã nổi loạn chống lại quân đội chính quy miền Nam, cảnh sát đã mời ông ta đến trụ sở để thẩm vấn. Sau vài tiếng đòng hò bị giữ lại trong sở cảnh sát, Leandri bước ra, rồi lên xe lái vút đi, không chịu dừng lại khi cảnh sát ra lệnh. Họ liền rút súng bắn vào bánh xe hơi của Leandri, với mục đích giữ xe lại nhưng một viên đạn lạc trúng người làm Leandri gục ngay tại chỗ. Nghe tin, Hưng rất buồn và nản chí. Không những cuộc rút lui đã trở thành một tai họa khủng khiếp, mà câu ngạn ngữ : “họa vô đơn chí” bây giờ dường như đã ứng nghiêm. Việc bắn chét một phóng viên ngoại quốc lại càng bêu xấu them những hình ảnh đàn áp của chính phủ Sài Gòn.

Đoàn gia đình binh sĩ chạy theo cha, chồng, đã làm cho cuộc rút lui bị chậm lại, chì có một nửa số xe vận tải và quân đội tới được vùng bờ biển. Ngoài Trung, đoàn người tỵ nạn tiếp tục đổ vào Đà Năng. Không một ai muốn bị kẹt lại vì còn nhớ vụ Bắc Việt hành quyết và chôn sống 2,800 người ở Huế năm 1968 trong khoảng thời gian ngắn ngủi chúng chiếm đóng thành phố đó vào dịp Tết Mậu Thân.

Thiệu không nói gì đến mặt trận Cao Nguyên, cũng không nói cho Hưng biết những cuộc hội họp của ông với các cố vấn quân sự để soạn thảo kế hoạch phòng thủ Huế và Đà Năng. Thiêu đã quen với lối ngăn cách những quan hệ giữa minh và CẤLC phụ tá, ít khi cho họ biét ý nghĩ riêng hay chiến lược của mình.

Lúc Hưng bắt đầu ăn tô phở, thì Thiệu lấy bút ra viét lên một mảnh giấy. Như để thuyết phục mình, ông đọc ba hàng chữ vừa viết xuống :

Quyền lợi Quốc gia; Quyền lợi cá nhân; Địa vị chính trị.

Hưng hiểu ngay là Thiệu đang làm một tính toán chính trị để đi lới một đường lối hành động mới. Sàt cạnh hàng chữ ‘ Quyền lợi quốc gia”, Thiệu viết số “1”. cạnh hai hàng sau đó, ông đánh dấu chữ “0” (phi, ký hiệu toán học, mẫu tự Hy-Lạp có nghĩa là “vô hiệu”). Rồi ngước mắt lên, ông nói: “Sự sống còn của quốc gia đòi mình phải xỉ láng, vì thế mình phải đặt với Hoa Kỳ câu hỏi ouỉ ou non (có hay không), buộc họ phải dứt khoát còn muốn giúp hay không. Mình không thể chờ lâu hơn nữa. Rồi đây sẽ quá muộn. Giả thứ không còn một lý do nào khác hơn là sự sống còn của quốc gia, lúc này tôi sẽ phải làm gì để Hoa Kỳ không thể dùng cái lập luận là sự đã rồi để lấy cớ mà bảo tôi rằng: “Sorry, it is too late to intervene” ?” (Rất tiếc, can thiệp lúc này thì quá muộn rồi.)

Kể từ khi Kissinger sang Sài Gòn (tháng 10-1972) đua cho Thiệu bản dự thảo Hiệp định Paris đã được thỏa thuận với Bắc Việt mà không có sự chấp nhận của ông, Thiệu đã luôn luôn sợ rằng người Mỹ lại mang đến tặng mình một “việc đã rồi” nữa. Chuyến đi paris của Kissinger hòi tháng 6-1973, đã gây thêm một việc đã rồi, đó là ký kết vào bản Thông cáo chung. Giờ đây, Kissinger lại công du nữa, lần này ở vùng Trung Đông. Ông ta vừa qua Saudi Arabia. Ai mà biết được sau đó cái gì sẽ xẩy ra ? Một vụ đổi chàc nữa với Thọ ở Paris ... một cuộc đảo chính ở Sài Gòn ?

Trước đây, Hưng có được ông Thiệu cho xem một vài bức thư của Nixon và Ford. Trong lúc này anh cảm thấy dường như ông đang ở vào một tâm trạng tuyệt vọng, nên anh giục ông nên công bố vài lá thư mật đó. ông nên qua mặt Ford, kêu thảng Quốc hội và nhân dân Hoa Kỳ một lằn chót trợ giúp dưới hình thức quân-kinh-viện. Cứ theo mức độ tiêu thụ lúc đó thì miền Nam sẽ hết đạn dược và các đồ tiếp liệu khác vào cuối tháng 6-1975, nghĩa là chì còn 90 ngày nữa. Nếu được viện trợ tiếp tế thêm, Sài Gòn sẽ có thể ổn định được tiền tuyến. Nhưng quan trọng hơn cả, một thái độ tích cực tại Washington mới thật là cần thiết để nâng cao tinh thần quân đội Việt Nam Cộng hòa. Ưu tiên số một là chận đứng cuộc tấn công của Bắc Việt, sau đó ngưng bắn bằng phương tiện hoặc quân sự, hoặc chính trị.

Hưng đề nghị bỏ tiền mua giờ phát thanh của một hệ thống truyền hình Hoa Kỳ để ông Thiệu nói chuyện với nhân dân Hoa Kỳ với mục đích để tiết lộ những lời cam kết, hứa hẹn bí mật của Mỹ trước đó. Nhưng Thiệu không muốn bội ước bảo mật với các Tổng Thống Mỹ. Ông sợ có thể gây ra một phản ứng trái ngược khiến người Mỹ có thể trách ông là người bất tín. Để thuyết phục Thiệu, Hưng đề nghi ông dành cho phóng viên Frank Mariano của đài ABC một cuộc phông vắn. Anh sẽ mớm lời cho Mariano, người mà anh đã quen thân, để anh ta hỏi Thiệu về những cam kết mật đó — chứ ông khỏi cằn tự ý tiết lộ.

Hưng cữrig đề nghị rằng các điểm chính mà Thiệu cần đưa ra trong cuộc phỏng vấn là lúc Việt Nam Cộng hòa đòng ý tiến hành chương trình Việt Nam hóa và ký kết Hiệp định Paris, ông đã nhận được sự cam két vững chắc và liên tục của Tổng Thống Nixon, nhân danh một cường quóc. Cam kết đó chính là yểm trợ Việt Nam Cộng hòa trong trường hợp có cuộc tấn công của Bắc Việt. Lòn cam kết đó sau này đã được chính Tổng Thống Ford nhắc lại, và bây giờ là lúc Hoa Kỳ cần phải tôn trọng những điều đã hứa. Thiệu ngòi lắng nghe, rồi bảo sẽ gặp lại và thảo luận tiếp. Thiệu vẫn không cho lúc đó là lúc ông càn công khai tuyên bố. ông nói: “Tôi không muốn ngời Mỹ có prétexte (cớ) để trỏ ngón tay vào mặt tôi.”

Hưng nghĩ có lẽ Thiệu nên áp dụng một đường lối hành động hoàn toàn khác trước, châng hạn như ấn định một tuyến mới phân chia Nam-Bắc, hoặc thành lập chính phủ liên hiệp, dưới một công thức nào đó. “Liên hiệp” là một từ ngữ bị cấm chì không được nhắc đến trước mặt Thiệu ; không một ai trong chính phủ đã có gan dùng tứ ngữ ấy khi thảo luận trực tiếp với Thiệu. Nhưng trước tình hình khẩn trương lúc đó, Hưng thấy cần phải nêu vấn đề đỏ ra và hói ông Thiệu đã có nghĩ đến liên hiệp như một lập trương điều đình không? Thiệu từ chối, không muốn thảo luận vấn đề này. ông yên lặng và không trả lời câu hồi của Hưng : đó là lối Thiệu thường dùng để làm ngơ những vắn đồ mà ông không muốn đối diện, hoặc không thể đối phó.

Thiệu bảo Hưng, điều ông muốn nói truớc tiên là gứi một thông điệp “SOS” tới Ford : “Tôi vẫn cho là Ford có thế còn làm được một cái gì nếu như ông ta thực sự hiếu rõ tình hình.” Rồi ông chỉ thi cho Hưng thảo một “bức thư gây thật nhiều xúc động, đòng thời rõ ràng là Việt Nam Cộng hòa yêu cầu Mỹ giải cứu.” Nhưng Thiệu nói tiếp là ông cũng sẽ nghiên cứu thêm các đề nghi và biện pháp khác nữa.

Hai người bèn liệt kê một danh sách những gì Tổng Thống Hoa Kỳ. có thể thi hành lúc ấy để cứu vãn tình thế. Các biện pháp chọn lựa gồm : công khai tố cáo Bắc Việt xâm lược; một lời tuyên bố mạnh mẽ về sự yểm trợ của Hoa Kỳ đối với miền Nam Việt Nam , hoặc Hoa Kỳ có thề tái triệu tập hội nghị Paris, đòi ngưng bắn tức khắc, cung ứng quân viên hoặc can thiệp trực tiếp, và dội bom các lực lượng xâm lăng của Bắc Việt đang xuất hiện.

Thiêu không chắc là Ford sẽ hành động, nhưng ông nắm được lý do chính đáng, vả lại đâu còn lựa chọn nào khác ? Khi Hưng tỏ vẻ dè dặt, Thiệu bèn nói: “Vấn đề là mình có quyền đòi nợ. Tôi chỉ có thể đòi ông trả nợ thôi. Trách nhiệm là của ông ta.”

Tình thế đã quá muộn để mà thi hành hữu hiệu bất cứ biện pháp chính trị và kinh tế nào, ngoại trứ việc Hoa Kỳ can thiệp bằng không lực, Thiệu đã kết luận như thế. về mặt quân sự, nếu như Mỹ dội bom xuống những mục tiêu cs ở miền Nam, sẽ rất là hợp thời cơ. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh Đông dương, quân chính quy Bắc Việt hoàn toàn lộ diện ; những đoàn xe vận tải của chúng nối đuôi nhau trên các đường lộ tiến xuống miền Nam ngay giữa ban ngày ban mặt. Ban đêm, chúng sật đèn sáng trưng như đi giữa xa lộ Biên Hòa ! Vị trí đóng quân của chúng thấy rõ mòn một và lực lượng chúng tập trung đông đảo, như những mòi ngon cho không quân tấn công. Hệ thống phòng không của chúng tốt, nhưng B-52 của Mỹ bay cao, sẽ vượt xa tầm bắn của chúng. Không lực Việt Nam Cộng hòa lúc ấy đã bị kiệt quệ vì thiếu cơ phận thay thé, thiếu bom đạn, thiếu nhiên liệu, không thể nào đương đằu nổi với những giàn SAM hoặc Strella của Liên Xô cung cấp cho Bắc Việt

Hà Nội đã chuyển tử chiến lược du kích “tấn công trong hòa bình” sang chiến tranh đại quy mô với vũ khí quy ước. Lúc này, Hoa Kỳ có thề phải đáp ứng như đã hứa hẹn: bằng cách nào đó, B-52 phải được gởi tới để ngăn chận cuộc tấn công và nâng cao tinh thần quân đội Việt Nam Cộng hòa như họ đã làm hồi 1972. Xong bữa điểm tâm, Thiệu ra chỉ thị cho Hưng tiếp tay với một nhóm chuyên viên để nghiên cứu những han ché của Quốc hội Hoa Kỳ đặt ra cho Tổng Thống. Vắn đê cằn tìm hiều là liêu Ford có bị trói tay thật sự không, hay vẫn có thể hành động đi giữ lời hứa của mình cũng như của Nixon?

Sau một ngày ra công khảo cứu tìm hiểu quyền hạn của Tổng Thống Hoa Kỳ, nhóm chuyên viên của Thiệu — gồm cả Ngoại trưởng Vương Văn Bắc, một luật sư nổi tiếng, và Hưng — đi đến két luận là Tổng Thống Ford vẫn có thẩm quyền đê hạ lệnh oanh tạc mau lẹ, ngắn hạn, bên trong lãnh thổ Việt Nam Cộng hòa. Thực thế, như nhóm chuyên viên đã nêu ra: Tổng Thống Hoa Kỳ còn có bổn phận phải làm tròn trách nhiệm tinh thần của họ là khác. Sau này, ngoại trưởng Vương Văn Bắc bình luận : “Người Việt, sinh trưởng trong truyền thống Khổng học, nên không cổ một phân cách rõ rệt nào giữa pháp luật và luân lý ; đối với chúng ta, thì pháp luật và luân lý gắn liền với nhau, và ta không thấy pháp luật thắng được luân lý.” Hưng tóm lược bản nghiím cứu và lập luận để trình   
Thiệu:

— Với tư cách là nước đã ký kết, là động lực đầu tiên, và là tác giả chính yếu của Hiệp định Paris, Hoa Kỳ có bổn phận phải duy trì nó. Tổng Thống Nixon, Kissinger, và các đại sứ Mỹ đã lập đi lập lại rằng thỏa ước thực sự là thỏa ước giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa. Tất cả những vj này đều đã hứa hẹn rằng Hoa Kỳ sẽ bắt phải tôn trọng thỏa ước.

— Đã có những lời cam kết đặc trưng của Tổng Thống Nixon được viết thành văn và phár biểu rõ ràng trong nhiều lá thư và do Nixon, Kissinger, Bunker nói ra miệng; sau đó lại được Tổng Thống Ford tái xác nhận, là Hoa Kỳ sẽ trả đũa với “tất cả sức mạnh” trong trường hợp Hiệp định Paris bị vi phạm.

— Những bảo đảm ấy đã chưa hề bao giờ bị Hoa Kỳ hủy bỏ, công khai hay bí mật: Trái lại, đích thân Tổng Thống Ford đã tái xác nhận những bảo đảm ấy khi ông mới nhậm chức.

— Đạo luật về Quyền hạn Chiến tranh hòi tháng 11 năm 1973, được Quốc hội Hoa Kỳ thông qua sau khi cấm oanh tạc hồi tháng 6, 1973 vẫn còn cho Tổng Thống Hoa Kỳ cái quyền đơn phương đưa quân đội Mỹ đến bất cứ nơi nào trên thế giới trong sáu mươi đén chín mươi ngày để bảo vê sinh mạng người Mỹ. Hiện nay, có khoảng 6,000 sinh mạng Mỹ đang bị đe dọa ở khắp miền Nam Việt Nam, nhất là tại Huế và Đà Năng. Đó là những nhân viên và viên chức ngoại giao, viện trợ kỹ thuật, quốc phòng, cùng thân nhân của họ. Ford có thể vịn cớ này để can thiệp.

— Những hành động của Quốc hội Hoa Kỳ liên quan đến Việt Nam , bất kể hành động nào, kể cả cất viện trợ, cấm dội bom hồi tháng 6-1973, và Đạo Luật về Quyền hạn Chiến tranh, đều đã được quyết định và thông qua mà không ai hay biết gì về những lời cam kết, bảo đảm của Tổng Thống viết cho chính phủ Sài Gòn. Những cam kết của Nixon đã có từ trước khi Quốc hội lấy các quyết định đó, vì thế, z chúng vẫn còn hiệu lực. (Sau khi miền Nam sụp đổ, nhiều nghị sĩ trong số chủ trương cắt viện trợ hay làm những đạo luật cấm oanh tạc như Frank Church, John Stennis, đều phàn nàn là khi làm như vậy họ đã không biét gì đến mật ước Mỹ-Việt !)

Nhóm chuyên viên phúc trình cho Thiệu biết là, bởi thế, Tổng Thống Ford có thồ ra trước Quốc hội trình bày những điều cam két của chính quyền Hoa Kỳ đối với Việt Nam Cộng hòa và yêu cầu được quyền xử dụng không lực đề phô trương lực lượng một lần chót, với bất cứ điều kiên nào mà Quốc hội muốn đặt ra, kể cả cắt hẵn viên trợ sau này. Một cách khác có thể làm là Tổng Thống Ford cứ mặc nhiên xứ dụng quyền của mình trước rồi thông báo Quốc hội sau, như Đạo luật Quyền hạn Chiến tranh đòi hỏi. Với tư cách Tổng tư lệnh, Ford có tự do hành động trong sáu mươi ngày ; trong khi đó Sài Gòn chì cần 2 tuần lẽ B-52 dội bom để tiêu diệt lực lượng xâm lăng của Bắc Việt.

Để cho lập luận của minh vững chắc hơn, nhóm chuyên viên đã trích dẫn lời tuyên bổ của Bộ trưởng Quốc phòng Schlesinger trong cuộc họp báo ngày 30-11-1974 : “Nghị quyết về quyền hạn chiến tranh đã được Quốc hội thông qua có thể cho phép Tổng Thống Nixon hạ lệnh oanh tạc trớ lại Đông Dương trong trường hợp Bắc Việt md cuộc tấn công ồ miền Nam. “Với tư cách Tổng tư lệnh, tổng thống có quyền đưa quân Mỹ tới bất cứ nơi nào để bảo vệ người Mỹ. Theo Đạo luật nói ưên, được thông qua ngày 30-11 -19'73 bất chấp quyền phủ quyết của Nixon, thỉ Tổng Thống phải tham khảo Quốc hội trước khi lấy một hành động quân sự và phải thông báo đầy đủ chi tiết nội trong bốn-mươi-tám tiếng đòng hò. Trong trường hợp hành động khẩn cấp, dưới những điều kiện có đe dọa trầm trọng, đạo luật giới hạn quyền xử dụng quân lực không tham khảo trước trong một thời gian không lâu quá sáu- mươi ngày. Hít thời hạn đó, Tổng Thống phải chấm dứt hành động quíln sự ấy, trừ khi được Quốc hội minh thị cho phép tiếp tục. Trong khoảng sáu-mươi ngày, Quốc hội sẽ có thẩm quyền chấm dứt hành động quân sự nếu được cả Thượng lẫn Hạ viện biểu quyết đồng ỷ : Đó là một phương pháp lấy nghị quyết mà khỏi bị quyền phủ quyết của Tổng Thống áp đảo.

Thế nhưng Quốc hội đã không chấp nhận sự giải thích của Schlesinger và của Bộ Ngoại giao. Thượng nghị sĩ Frank Church(DC-Idaho) tuyên bố : “Oanh tạc trở lại, hay lấy bất cứ hành động gây chiến nào khác tại Đông Dương, mà không được sự chấp thuận trước của Quốc hội sẽ là vi phạm luật pháp và tạo nên một hoàn cảnh có thể đưa tói sự truy tố.”

Cho đén ngày hôm nay, vấn đề vẫn chưa được ai giải quyết là, khi thông qua Đạo luật Quyền hạn Chiến tranh, Quốc hội Mỹ đã có ý định gì ? Để trừng phạt Nixon về vụ Watergate? Nó nhắm vào chiến tranh Đông Dương hòi ầy, hay như các dân biểu thuộc cả hai phe bảo thủ và tự do thường khẳng định, là để đối phó với “những cuộc chiến tranh không tuyên chiến trong tương lai của Tổng Thống” chứ không phải là để riêng đối phó với tình trạng chiến tranh ỗ Đông Dương ? . Cả Nixon lẫn Ford đã đều quy trách cho Đạo luật ấy đã “đóng góp vào sự sụp đổ của các quốc gia được Hoa Kỳ yểm trợ trên bản đồ Đông Dương.” Riêng Tổng Thống Ford thì đã công nhận rằng mặc dù ông đã có vẻ tôn trọng đạo luật ấy, ông không bao giờ tin là ông bị nó trói tay.

Còn Thiêu thỉ đã chấp nhận lời giải đoán Đạo luật theo nhóm chuyên viên của ông, là nó không ngăn cấm Ford dùng B-52 oanh tạc cuộc xâm lăng của Bắc Việt. Căn cứ vào lập luận đó, ông đã bảo Hưng phải nói cho rõ khi dự thảo lá thư để ông gửi cho Ford và “yêu cầu cho B-52 tới oanh tạc trong một thời gian ngắn”, chừng hai tuần lễ, để ổn định mặt trận và mua thêm thời giờ cho quân đội Việt Nam Cộng hòa tái tập trung.

Khi tình bình quân sự suy sụp dần, Hưng nhận thấy ông Thiệu dường như sẵn sàng chấp nhận bất cứ điều kiện nào, kể cả phân chia lãnh thổ và từ chức Tổng Thống, để chì đổi lấy sự can thiệp của Hoa Kỳ chống lại cuộc tấn công của miền Bắc.

Muốn được sự cảm thông của người Mỹ, Thiệu biết rằng mình phái tiếp xúc cả với Quốc hội lẫn Tòa Bạch Ốc. Ngày 22 tháng 3, ông triệu tập một buổi họp chiến lược với Chủ tịch Thượng viện (cựu Ngoại trưởng Lắm) và Chủ tịch Hạ viện (Nguyễn Bá Cẩn). Bắc và Hưng cũng có mặt trong buổi họp đó. Ngoại trưởng Lắm hồi tháng Hai vừa gặp cấp liĩnh đạo Hạ viện Hoa Kỳ và Phó Tổng Thống Nelson Rockeíeller khi ông qua Washington cầu viên bổ túc, nên ông dề nghị gửi thư cả cho Carl Albert, lúc đó là Chủ Tịch Hạ viện, lẫn Rockeíeller, Phó Tổng thống kiêm chủ tịch Thượng viện.

Ông Thiệu đòng ý, rồi nói xen thêm là Đại sứ Martin hòi sáng có điín thăm và khuyên ông nên “vận động âm thầm” với Tổng Thống Ford. Martin còn cho Thiêu biết rằng tại Hoa Kỳ người ta có khuynh hướng đòng nhất hóa hoàn cảnh của Việt Nam với Cam-bốt, mà vào lúc bấy giờ, thì tình hình Cam-bốt đã tuyệt vọng, coi như đã mất rồi. Martin cũng khuyên Việt Nam Cộng hòa không nên đòi quá găng khoản viện trợ quân sự bổ túc 300 triệu MK nữa. Ngụ ý của lời khuyên là ngân khoản đó sẽ không được chuẩn chi đâu, đã trở thành vô nghĩa rồi — mà phải đòi thực hiện những biện pháp kịch liệt hơn. Bấy giờ là lúc Quốc hội Hoa Kỳ sắp nghi vao dịp lễ Phục Sinh, cho nên có yêu cầu viện trợ cũng sẽ không được cứu xét ngay. Thiệu nói, điều quan trọng hơn cả là lời cố vấn chót của Martin: “Từ đây tới đố, mình sẽ âm thầm làm việc với nhau.” Hưng bắt đầu nghi rằng chính vì anh đang thúc đẩy Thiệu la lốilên mà Martin đã hay được nên Martin đã khuyên ông phải âm thầm làm việc.

Vấn đề, như Thiệu hỏi, là “chúng ta đã tới cái chỗ cạn tàu ráo máng trong liên hệ giữa ta với Hoa Kỳ chưa? Bây giờ có phải là lúc la lối om xòm lên chưa T Đa số trong nhóm chuyên viên, trử Hưng ra, ai cũng đòng ý cho rằng chưa đến lúc phải dùng đến các phương sách cuối cùng. Việt Nam không nên công khai buộc tội Hoa Kỳ, nhưng trong những cuộc tiếp xúc riêng phải cố thúc bách viện trợ, phải đòi gắt gao, để sau này người Mỹ sẽ không thể nói được là quá muộn rồi, viện trợ cũng chẳng ích gì.

Ông Thiệu cũng vừa đọc xong một bài của Millicent Fenwick, (CH-New Jersey), đăng trên mục Xã luận nhật báo New York Times số ra ngày 12 tháng 3, cực lực phản đổi việc viện trợ Cam bốt và Việt Nam Cộng hòa. Điều này khiến Thiệu bực mình, bởi lẽ nữ dân biểu Fenwick, người hút ống điếu trong chuyến viếng thăm Sài Gòn mới đây cùng với phái đoàn lập pháp Hoa Kỳ, đã là một trong những người biết điều và có trách nhiệm hơn cả. Nguyên văn một đoạn bài xã luận ấy như sau:

Trong trường hợp của cả Cam Bốt lẫn Việt Nam, tôi nghĩ ta phải nhìn thảng sự thật là viện trợ quân sự gtỉi đi từ Mỹ sẽ không thành công nữa. Nó chỉ làm trì hoãn việc tiến đến một tình thế ổn định — dù dưới bắt cứ hĩnh thức nào — có thể tối thiểu làm ngưng được nỗi thống khổ của chiến tranh. Chúng ta không có chọn lựa nào khác. Những kẻ đã từng gửi vũ khỉ cho Bắc Việt và Khmer Đỏ rắt có thể sẽ tiếp tục làm như thế trong ba mưcri năm tới. Người dân Hoa Kỳ sẽ không làm. Chảng những vì chúng tôi cảm thấy ta có nhiều vắn đè trong nước càn được chú ý đến, mà còn vì cảm thấy ta không nên dính vào cải việc duy trì những cuộc chiến vô tận và vổ ích đó nữa.

Thiệu còn hỏi: “Còn nhân dân Mỹ thì sao? Có cách nào tới được họ ? Chính cá nhân tôi hay là cắp lãnh đạo Quốc hội phíii giải thích cho nhân dân Mỹ ?”

Ngoại trưởng Bắc đề nghi : “Nên làm kín đáo, không nên công khai. Mình đâu muốn bị buộc tội là can thiệp vào nội bộ Hoa Kỳ ”

Thiệu cãi: “Nhưng dân chúng Mỹ phải có cơ hội nghe mình nói sự thật chớ. Vẩn đề là dưới hình thức nào.”

Bắc nhắc cho ông Thiệu về trường hợp trước kia của Thị Bình, Ngoại trưởng Việt Cộng, cỏ lần đã nhân danh vc viết thư cho Quốc hội Hoa Kỳ. đòi họ khước bác chính sách của chính quyền Nixon. Lá thư của y thị đã gây một phản ứng chống đối Việt Cộng, vì y thị dám can thiệp vào tiến trình lập pháp nội bộ của Mỹ.

Thiệu vặn : “Mụ ấy là kẻ địch của Hoa Kỳ ; mình là bạn. Vả lại mình đâu có yêu cằu Quốc hội khước bác chính quyền ; minh chỉ nhắc nhở cho họ những nghĩa vụ mà hai tổng thống đỉ long trọng cam kết mà thôi.”

Chủ tịch Trần Văn Lắm được đề nghi viết cho cấp lãnh đạo lưỡng viện Quốc hội Hoa Kỳ. Là người bình thường rất điềm đạm, vui vẻ, ân cần, không hề đí lộ xúc cảm riêng tư, và luôn luồn cầu nguyện Chúa phù hộ độ trì trước khi họp, ông Lắm hôm ấy đứng lên kể lễ biết bao nhiêu lời hứa hẹn mà Kissinger đã lập đi lập lại với ông ở Paris. ông nói sẽ dùng nhiĩng lời bảo đảm và cam két thường xuyên đó của Kissinger làm nội dung chủ yếu của là thư : “Không thể tưởng tượng được ! Làm sao một đại cường quốc như Hoa Kỳ mà lại có thể cư XIÍ như vậy.” Rồi bằng giọng cảm động, nhưng vẫn với một dáng điệu trịnh trọng, ông kể ra năm hứa hẹn Kissinger đã nói riêng với ông trước khi đại diện Việt Nam Cộng hòa ký vào bàn Hiệp định Paris. Vừa xúc động, vừa bực mình, Lắm nói: “Thứ nhất, Kissinger đã nói với tôi rằng mười-lăm ngày sau khi ký kết các thỏa ước, Bắc Việt sẽ ngưng xâm nhập miền Nam từ ngã Lào, như vậy là chấm dứt được việc tăng cường lực lượng của chúng tại miền Nam. Vậy mà khoản này đã bị vi phạm trắng trợn, một cách có hệ thống.

Thứ hai, ông ta đã bảo đảm rằng Nga Xô và Trung Cộng sẽ dùng ảnh hưởng của họ để bắt Bắc Việtphải tôn trọng Hiệp định.

Thứ ba, ông ta thề sống, thề chết là nếu hiệp định bị vi phạm Hoa Kỳ sẽ đáp ứng dữ dội, với toàn krc chống Bắc Việt.

Thứ tư, khi thảo luận riêng tư, Kissinger đã hứa Hoa Kỳ sẽ thi hành việc thay thế đồ quân cụ theo tiêu chuẩn một- đổi-một như hiệp định cho phép. Cũng theo hứa hẹn đó, Kissinger nói Hoa Kỳ sẽ cung ứng quân viện đầy đủ để Việt Nam Cộng hòa tự vệ và xử dụng quyền tự quyết và ;

Thứ năm, cả Kissinger lẫn Nixon đã hứa hẹn viên trợ kinh tế đằy đủ để tái thiết.” Hiệp định Paris, như Kissinger đã thường nói với Lắm và phái đoàn Việt Nam Cộng hòa hòi trước tại Paris, trong nhiều dịp, “chì là một mảnh giáy. Điều đáng kể là quyền lực của vị Tổng Thống Hoa Kỳ ]àm hậu thuẫn cho nó.”

Chính là đế đi tìm cái quyền lực đó mà Hưng và các vị đại diện dân cử Việt Nam Cộng hòa bây giờ đang cùng nhau hội họp để dự thảo các lả thư sắp được gdi đi. Đây là lììn đằu tiên, và là làn duy nhất, Quốc hội Việt Nam kêu gọi trực tiếp Quốc hội Hoa Kỳ. Các lá thư được chuyển giao qua Sứ quàn Mỹ, nhưng chúng không hề được trả lời. Cho tới ngày hôm nay, Hưng vẫn chưa tìm được dấu vết nào là Quốc hội Mỹ đã nhận được những bức thư này. Hưng vẫn nghi là đã bị dấu đi và không được chuyển lỊĨao ! (Xin coi phụ lục E về nguyên văn các lá thư.)

Trong thời kỳ chiến tranh, đã có rẩt nhiều mênh lệnh chống đối nhau ỏ Washington, và nhiều màu thuẫn giừa các ngành khác nhau trong chính phủ Hoa Kỳ Những ngày chót của Việt Nam Cộng hòa lại mang đến một mâu thuãn, xung đột khác nữa. Giữa lúc Quốc hội Hoa Kỳ đưa ra một thông điệp công bố rõ ràng là họ đang chấm dứt mọi kinh và quân viện cho Sài Gòn, thì Tổng Thống Ford lại gửi một thông điệp tư cho Tổng Thống Thiêu, hứa hẹn viện trợ quân sự đày đủ, và trễ n an Thiệu là Mỹ quyết tâm đứng sau lưng Việt Nam Cộng hòa.

Ngày 22 tháng 3, Đại sứ Phượng từ Washington chuyển đạt một lá thư của Ford gởi cho Thiệu. Lá thư tới Sài Gòn ngày 23 tháng 3. Đó là liên lạc trực tiếp cuối cùng của Ford với Thiệu. Ford muốn nâng tinh thần Thiêu, nhưng lại rất mơ hồ về những hành động cụ thể. Đó cũng là lá thư đằu tiên, và duy nhất được gửi cho Thiệu qua tay sứ quán Việt Nam Cộng hòa ở Washington. Được gửi bằng mật mã từ Mỹ và giải mã ở   
Sài Gòn, lá thư như sau:

Kỉnh gửi Tổng Thống,

Cuộc công kích hiện nay của Bắc Việtchống lại Qúy quốc thật vô cùng xáo trộn khiến riêng cả nhân tôi lo âu. Theo quan đitm của tôi, thì cuộc tắn công của Hà Nội tượng trưng cho một sự việc không kém gì sự hủy bỏ Hiệp định Paris bằng vũ lực.

Biến chuyển này mang theo những hậu quả nghiêm trọng nhất cho cả hai dân tộc chúng ta. Đối vói Ngài và nhân dân Ngài thì đây là lúc hy sinh lớn nhắt, nó sẽ quyết định chính số phận Quí quốc. Tôi tin tưởng rằng dưới quyền lãnh đạo của Ngài, quân lực và nhân dân Việt Nam Cộng Hòa sẽ tiếp tục công cuộc bảo vệ kiên trì chổng lại vụ xâm lược mới này. Tôi cũng tin tưởng chắc chắn rằng nếu có được sự yểm trợ bổ túc từ bên ngoài vào thì Quí quốc sẽ thắng thế trong cuộc đắu tranh giành tự quyết của mình.

Riêng đối với Hoa Kỳ thì vắn đè cũng không kém phàn khẫn trương.

Khi hành động như thế này, Hà Nội đang tìm cách hủy diệt tắt cả những gì mà chúng ta đã chiến đẩu đễ thành đạt, với phí tổn vô cùng to lớn, suốt mười năm qua!

Sụ quyết tăm của Hoa Kỳ đê yểm trợ rnột ngưài bạn đang bị các lực lượng (Bắc Việt) với vũ khí hùng mạnh tắn công, hoàn toàn vi phạm một thỏa ước quốc tế (đã được ký kết) long trọng, là một điểu hết sức cần thiết.

Riêng tôi, tôi quyết tâm rằng Hoa Kỳ sẽ đứng vững sau lưng Việt Nam Cộng hòa trong giờ phút tối quan trọng này. Với mục đích tôn trọng những bổn phận của Hoa Kỳ trong tình thế này, tôi đang theo dõi những biến chuyển với chú tâm cao độ nhất và đang khẩn cấp tham khảo ý kiến các cổ vấn của tôi vè những hành động mà tình thế có thê đòi hỏi và pháp luật cho phép. vè vấn đế cung ứng viện trợ quân sự đầy đủ cho quân đội Ngài, xin Ngài yên tâm là tôi sẽ cố tìm nỗ lục để thỏa mãn những nhu càu quân viện của Ngài trên chiến trường.

Trước khi chấm dứt, tôi xin được nhác lại một làn nữa lòng cẩm phục liên tục của tôi đổi với quyểt tâm của Ngài và đối với lòng bền bĩ và sự anh dũng của nhãn dân Việt Nam Cộng hòa.

Kính thư, (kt); Gr R. Ford

Lá thư được Thiệu gạch dưới nhiều đaạn. Lần đầu được đọc, Hưng thấy nó mơ hò và không hứa hẹn hay cam kết gì cả ; nhưng sau khi đọc kỹ lại, và chú ý đến những chỗ Thiệu gạch dưới, Hưng thấy phấn khởi hơn. Ông Thiệu đã gạch dưới những câu như : “Quyét tâm của Hoa Kỳ ủng hộ một người bạn,” “Mỹ sẽ đứng vững sau Việt Nam Cộng hòa trong giờ phút tối quan trọng này,” “tôn trọng những bổn phận của Hoa Kỳ trong tình thế này”, “những hành động mà tình thế có thể đòi hỏi và pháp luật cho phép”,và “tôi sẽ CÓ tìm mọi nỗ lực để thỏa mãn những nhu cầu vật chất của Ngài trên chiến trường”. Lởi lẽ lá thư nói đến bổn phận của Hoa Kỳ làm Thiệu nhớ lại lá thư đàu tiên Ford gởi (ngày 10-8-74) : “Những cam kết mà dân tộc chúng tôi đã hứa hẹn trong quá khứ vẫn còn hiệu lực và sẽ được hoàn toàn tôn trọng trong nhiệm kỳ của tôi.”

Lúc thảo lá thư trả lời Ford, Hưng thấy có chút hy vọng ; nhưng mấy chữ lần đầu xuất hiện trong thư của Tổng Thống Mỹ, “và pháp luật cho phép” đã làm cho hy vọng đó tiêu tan đi. Lần thứ nhất dưới chính quyền Ford, có lẽ Kissinger đang giở ngón ; anh biết chắc chắn là thư đó Kissinger thảo, cho dấu hiệu là đang gặp khó khăn với Quốc hội. Như vậy là Mỹ đang né đi. Tuy nhiên đối với Thiêu, tất nhiên lá thư không có được văn phong mạnh mẽ, quyết liệt, của Nixon, nhưng lời lên án cuộc xâm lăng của Hà Nội là “hoàn toàn vi phạm một thỏa ước quốc tế” thì ý văn giống hệt như thông điệp Nixon gứi cho Thiệu năm 1972 trước hòi thả mìn Hải Phòng. Rồi đây, rốt cuộc bằng cách này hay cách khác, Mỹ sẽ tới cứu vãn đòng minh của mình. Khi Ford nói tới “bổn phận của Hoa Kỳ”, thì Thiệu còn nglũ tới những cam kết trong các lá thư của Nixon. Khi tuyệt vọng, ta thường bấu víu lấy ảo tưởng.

Suốt hai-mươi-bốn giờ sau đó, tại văn phòng của Thiệu, và phòng ngủ ở nhà riêng, Hưng dồn hết sức vào việc thảo mấy lá thư để gửi cho Ford và cấp lãnh đạo Quốc hội Mỹ. Trong lúc đang viết đi viết lại, thì Đại tá Đức, một sĩ quan tùy viên của Thiệu, tới tư thất Hưng, mang theo một phong bì lớn ngoại khổ, nặng, còng kềnh và dán kín. Bên trong phong bì là một tập giấy rời đựng trong bìa đen : đó là tập hồ sơ mật Dinh Độc Lập, gòm tất cả những thư tín trao đổi giữa Việt Nam Cộng hòa và Hoa Kỳ trong thời gian 6 năm qua. Hưng được chỉ thị dùng tập hồ sơ này tâ soạn thâo thư cho Thiệu. Hưng đã có dịp được coi phó bản của một vài lá thư lẻ tẻ, nhưng chưa bao giờ được đọc tất cả toàn bộ tập hò sơ, gồm có thư của Nixon, Ford và hàng chục lá thư của Thiêu, xép theo thứ tự thời gian. Thức khuya đề đọc hết tập thư từ đó, từ lá đầu tới lá cuổi, Hưng kinh ngạc nhận thấy chúng quả thực ăn khớp với nhau. Những lời cam kết của Hoa Kỳ, vì được lập đi lập lại dựa theo những đổi chác, còn mạnh mẽ hơn inh đã tưởng. Giá như Thiệu cho anh coi tập hò sơ này sớm hơn, năm 1973 hay 1974 châng hạn, chắc anh đã có thíỉ khai thác nó một cách hữu hiệu hơn, châng hạn anh đã đi Mỹ gặp thẳng Kissinger. Chắc đã có thể xảy ra một cuộc chạm trán, bình tĩnh thôi nhưng nhất định là đốp chát với Kissinger về những lời hứa hẹn ấy, và dọa sẽ thông báo cho Quốc hội Mỹ biết hét mọi sự việc nếu Kissinger không tích cực yểm trợ Việt Nam Cộng hòa. Anh cho rằng ngay sau khi ký kết Hiệp định Paris, lúc Hoa Kỳ vẫn còn đôi chút thiện cảm với miền Nam Việt Nam , néu ông Thiệu kêu gọi quân viện để bỉi đắp cho việc Mỹ rút quân và căn cứ trên sự công bình, sòng phâng — là những giá trị tối cao của người Mỹ — để yêu cầu Hoa Kỳ tôn trọng những đổi chác khi ký Hiệp định Paris, thì chắc đã được đáp ứng phàn nào.

Năm 1973 và 1974, đôi khi người bạncủa Hưng là Eric Von Marbod hỏi là có những bằng chứng nào về những lời hứa hẹn của Kissinger với Thiệu không, anh đã có nghĩ tới việc cố tìm dữ kiện, tin tức đưa cho Schlesinger để ông này khai thác trong các vụ xung đột nội bộ với Kissinger; nhưng anh đã không có một sự kiện nào trên giấy trắng mực đen để trao cho Schlesinger cả. Những lá thư này, giá hòi đo anh có trong tay, chắc đã có thể thay đổi nhiều thứ. Đêm hôm đó, Hưng để tập hồ sơ dưới gối, nầm ngủ. Anh suy nghĩ : tại sao Thiệu hoặc Nhã đã không xử dụng nó năm 1973 ? Bây giờ đã quá trễ ! Sau này có lần Hưng hỏi, thì Thiệu giải thích: “Néu họ (Kissinger) muốn giúp mình thi tự họ phải cho Quốc hội biết, nếu mình tiết lộ, họ sẽ vin vào đó mà nói: thấy chưa, chúng tôi đang cổ giúp các ông ớ đằng sau hậu trường mà các ông đã bội ước, tiết lộ ra để Quốc hội phản đối, làm hỏng mọi việc !”

Trong bản dự thảo thư giỉi cho Ford, thoạt đầu Hưng cố mô tả chi riết về tình hình suy sụp nhanh chóng ngoài mặt trận. Mục tiêu của lá thư là thuyết phục Ford phải lấy hành động khẩn cấp, vi tại XVashington lúc ấy, không ai cảm thấy là dang có một khủng hoảng quân sự ồ miền Nam Việt Nam cả ! Các giới viên chức cao cấp Mỹ cứ một mực nói rằng không có tổng tẩn công , và nhất định không chịu công khai vận động yểm trợ cho Sài Gòn.

Để chứng minh lập luận của mình, Hưng sơ lược giải thích tình hình quân sự tại khắp bổn quân khu, liệt kê số sư đoàn Bắc Việt và vị trí đống quân của ch úng,thật chi tiết, cứ như khi giảng bài cho sinh viên. Trong khoảng thời gian Hưng soạn thảo lá thư ẩy, thì mặt trận đã suy sụp nhanh chóng. Một bản thảo vừa viết xong, tình thế đã lại thay đổi, khiến nó trở thành lỗi thời trong phút chốci nhịp biến chuyến của thời gian dường như có thể trông thấy ngay trước mắt, và Hưng lại phải bắt đằu thảo một bức khác

Sau khi nhận được thư Ford viết ngày 22 tháng 3, Thiệu quyết định “xả láng”, đòi Mỹ yểm trợ cấp thời. Ông ra chỉ thị cho Hưng đừng báo cáo chi tiết về tình hình quân sự nữa mà đi thâng vào vấn đề, báo động tình trạng nguy khốn của Sài Gòn. Ông nói: “Dẹp hết mọi lời kêu gọi tổng quát; nói thảng, nói rõ, đòi B-52 đến oanh tạc và gửi gấp viện trợ quân sự.” Buổi chiều ngày 24 tháng 3, bản thảo chỏt được trình cho Thiệu, có đoạn mở đầu : “Thưa Tổng Thống : Lúc lá thư này tới tay Ngài, thành phố Huế có lẽ đã bị bỏ trống, và rất có thể chính Sài Gòn cũng sẽ đang bị đe dọa ...” Sáng hôm sau, 25-3, Huế bị bỏ ngõ thật, Thiệu xóa câu mở đỉìu đi, nói: “ Ta hãy đi thẵng vào vấn đề.”

Bản văn cuối cùng như sau:

Kính thưa Tổng Thống,

Xin cảm ơn Ngài về bức thư đề ngày 22 tháng 3, 1975 của Ngài.

Trong lúc tôi viết bức thư này cho Ngài, thì tình hình quân sự tại Nam Việt Nam đang hết sức khăn trương, và cứ mỗi giờ qua lại càng trầm trọng hơn.

Sự bất quân bình trong cán cân lực lượng của hai bên đã nghiêng hân về phía quân Bẳc Việt, cũng như những lợi điểm chiến lược mà chủng thu thập được ìrong hai năm qua, đã đưa tới tình trạng khủng hoảng hiện nay, nhất là tại Vùng ỉ và Vùng 2 Chiến thuật, như Ngài hân đã biết. Nhứng áp lực nặng nề đang đè xuống tất cả phằn còn lại của lãnh thổ quốc gia chúng tôi, và chính Sài Gòn cũng đang bị đe dọa.

Bởi vậy, nếu không có những biện pháp cực mạnh và mau chóng về phía Ngài để tái lập sự quân bình lực lượng thì chúng tôi sẽ khó mà ngàn chận được sự tiến quân của các lực lượng Cộng sản, để giữ vững phòng tuyến hàu đẩy lui lực lượng xâm lăng.

Ỹ đờ của Hà Nội là dùng Hiệp định Paris đê thôn tính miền Nam bằng quân sự thì chúng tôi đã biết rõ ngay từ lúc còn đang thương thảo Hiệp định này. Chắc Ngài còn nhớ chúng tôi đã ký (Hiệp định ấy) chảng phải vì chúng tôi đã ngây thơ tin ở thiện chí của kẻ thù, mà chỉ vì chúng tôi đã tin tưởng vào lời cam kết long trọng của Hoa Kỳ là sẽ bảo vệ hòa bình tại Việt Nam.

Theo những lời cam kết vững chắc lúc ấy, chúng tôi đã được hứa hẹn rằng Hoa Kỳ sẽ trả đũa nhanh chóng và mãnh liệt khi có bẫt cứ vụ vi phạm Hiệp định nào của kẻ thù.

Chúng tôi đã coi những lời cam kết đó là bảo đảm quan trọng nhất cho Hiệp định đình chiến. Chúng tôi tin lời cam kết đó là tối quan trọng cho sự sống còn của chúng tôi.

Thưa Tồng Thống,

Trong giò phút hết sức khẩn trương này, lúc mà sinh mệnh của miền Nam tự do đang lâm nguy và hòa bình đang bị đe dọa nghiêm trọng, tôi xin long trọng yêu càu Ngài thi hành hai biện pháp càn thiết sau đây:

— Ra lệnh cho phi cơ B-52 dội bom trong một thời gian ngẳn nhưng thật mãnh liệt xuống những nơi tập trung quân đội và căn cứ hậu càn của địch tại Nam Việt Nam, và

— Cung ứng khẩn cắp cho chúng tôi những phương tiện càn thiết đễ ngăn chận và đẩy lui cuộc tấn công.

Chỉ có hai hành động này mới có thê chặn đứng được kẻ thù khỏi xé nát những mảnh giấy còn lại của Hiệp định Paris.

Thưa Tổng Thống,

Một làn nữa, tôi muốn kêu gọi đến Ngài, đến uy tín của chính sách ngoại giao Hoa Kỳ, và nhất là khiếu nại tới lương tri của nhân dân Hoa Kỳ.

Tôi lấy làm phấn khởi khi thấy vào lúc mới nhiệm chức Tổng Thống, chính Ngài đã mau chóng tái xác nhận những bảo đảm cũng như tiếp tục chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ (đổi với Việt Nam) và minh định hiệu lực của những cam kêt hiện hữu. Tôi tri ân Ngài vè việc Ngài (đã nói, rằng sẽ) quyết tâm tôn trọng hoàn toàn những cam kết đỏ trong nhiệm kỳ của Ngài. Như Ngài đã nhộn định thật đủng, những bảo đảm này đặc biệt thích hợp với (trường họp) Việt Nam Cộng Hòa.

Biết bao thế hệ dân chúng Nam Việt Nam sau này được sống trong tự do không bị Bắc Việt thống trị sẽ mang ơn vè những hành động mau lẹ của Ngài và về lòng kiên trì của dãn tộc Hoa Kỳ vĩ đại.

Kính thư

(kí) Nguyễn Văn Thiệu Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa

Đây là lần thứ nhất ông Thiệu yêu cầu thẳng các phi vụ B-52 — chứng tỏ ông đã đến lúc tuyệt vọng. Thế nhưng ông đã thận trọng, không mô tả tình hình như là tuyệt vọng, và chỉ thúc giục Ford lấy hành động “mau lẹ” như vậy để khỏi bị phía Hoa Kỳ lắy cớ là ‘quá muộn, có giúp cũng vô ích”.

Thiệu triệu tập một buổi họp quân sự tại Dinh Độc Lập lúc 9 giờ 30 sáng ngày 25 tháng Ba. Khi mọi người đã tới đủ, yên lặng bao phủ Phòng Ước Đoân Tình-hình. Những điểm mầu đỏ đánh dấu vị trí Cộng sản trên các tấm bản đồ vĩ đại treo trên tường đã mọc lên như nấm, trông chẵng khác những đốm mụn trên da một bệnh nhân đang lên cơn sốt. Ngoài nhóm bốn người thường xuyên gặp hàng ngày là Thiệu, Khiêm, Viên và Quang còn có Phó Tổng thống Hương, tướng Đòng Văn Khuyên (chuyên viên tiếp vận, Phó Tổng tham mưu trưởng), Bắc và Hưng.

Cuộc duyệt xét tình hình quân sự vừ.1 bắt đầu, thì Thiệu nhấc máy điện thoại gọi tướng Trưởng, lúc đó đang ở Đà Năng. Những người có mặt trong phòng nghe thấy Thiệu hỏi Trưởng: “Trung Tướng có giữ được Huế không T' Rồi Thiệu lập lại câu trả lời từ đầu dây bên kia : “Nếu có lệnh, thì giữ.”

Thiệu bèn hỏi: “Liệu giữ được bao lâu ?”

— “Ngày một ngày hai”, Trưởng trả lời, và Thiệu lập lại câu này cho mọi người nghe.

— “Vậy không giữ được, phải quyết đinh ngay. Nếu quyết định (bỏ Huế), phải làm lẹ.”

Thiệu không nhắc lại thêm các câu trả lời của Trưởng nữa, mà đặt ống nói xuống, và nói: “Trưởng rất depressed” (thất vọng).

Sau khi tham khảo với viên, Thiệu ra chỉ thị cho ông này gửi công điện báo cho Trưởng, đưa ra ba lệnh: Thứ nhất, chính thức bỏ Huế. Thứ hai, phải làm lẹ. Thứ ba, tử thủ Đà Nàng. Thiệu thở dài : “Mình trông cậy vào ba cứ địa, mà bây giờ chì còn một ở Đà Năng.” Mặt mọi người đêu tái nhợt và mệt mỏi. Thế là không còn chuyện giữ Huế được nữa rồi.

Hưng tưởng tai mình nghe lằm. Anh đã cho rằng nhóm nhân vièn của Bộ Tổng tham mưu thế nào chẫng chuẩn bị sẵn một loạt kế hoạch, để đề phòng những biến chuyển kèm theo những sự lựa chọn trong việc tái phối trí quân. Chì có thế thôi ư ? Chỉ một vài mệnh lệnh truyền qua đường dây điện thoại như thế thôi, mà không có khả năng theo dõi những biển chuyển đó hay sao? Và mệnh lệnh cũng như trả lời lại còn mơ hồ thiếu chính xác nữa. Hưng quay sang ngó Bắc; cũng như Hưng, ông trước đây ít khi được dự các phiên họp quân sự. Mặt Bắc cũng tái đi và lộ vẻ kinh Ygạc. Đây là lần đầu tiên hai người được chứng kiến đầu não bộ Tổng Tham mưu ra lệnh cho chiến trường và họ cảm thấy choáng váng khi nhận ra đã châng có kế hoạch hũu hiệu chi tiết, thực sự nào cả. Sự yên lặng đè xuống trở lai căn phòng họp như muốn phản ảnh một nỗi tuyệt vọng. Hưng thấy như muốn xỉu đi, vì mệt, vì kinh hoàng.

Sau cùng, Thiệu bảo mọi người họp tiếp. Phần thời giờ còn lại dành cho việc tái tổ chức địa phương quân, cho họ sát nhập vào những đơn vị chính quy chủ lực để thay thế số quân đã mất. Kế hoạch lúc ấy là tạo gấp thêm hai sư đoàn với số quân cụ còn lại. Bắc Việt đã di chuyển hai-mươi sư đoàn vào Nam để chiến đấu với 13 sư đoàn Việt Nam Cộng hòa. Lực lựơng Bắc Việt có khả năng lưu động để tấn công ồ ạt trong khi quân đội Việt Nam Cộng hòa lại bị cầm chân trong nhiệm vụ phòng thủ thụ động tại khắp bốn vùng chiến thuật. Đã không còn lực lượng tổng trừ bị nào đ! phản công. Bao nhiêu lằn Việt Nam Cộng hòa yêu cầu Mỹ cấp cho quân viện để thành lập hai sư đoàn tổng trừ bị, nhưng đều bị bác bỏ.

Sau buổi họp, Hưng ở lại lấy thêm những chỉ thị chót của Tổng Thống về lá thư gửi Ford. Thiệu trở về bàn giấy ông, mở ngăn kéo lấy ra lá thư của Ford, (mà ông dùng bút chì màu xanh gạch dưới nhiều đoạn) trao cho Hưng.

Anh vội vã chạy sang văn phòng Đại tá cầm, Chánh văn phòng của Tổng Thống, và dặn : “Đây là ưu tiên số một. Xin Đại tá cho đánh máy ngay tức thì, rói mời Đại sứ Mỹ tới Dinh để Tổng Thống trao càng sớm càng hay.” Graham Martin lúc bấy giờ đang ở Mỹ vận động quân viện, nên người đại diện xử lý là Phó Đại sứ Wolfgang Lehmann đã sang nhận thư. Ông Thiệu nói chuyện sơ với ông Phó Đại sứ và trao cho ông xem bức thư cầu cứu cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa. Lehmann, một người trầm lặng với bộ mặt lạnh lùng, ngước nhìn Thiệu, nói vài câu qua loa giải nghĩa sự vắng mặt của Martin. Mắt dường như có hơi thấm ướt, ông đứng lên bắt tay từ giã Thiệu. Bằng một giọng như nghẹn ngào, ông hứa : “Tôi sẽ chuyển ngay thư này.” Ông vội vã trở về tòa Đại sứ và bằng một đường dây đặc biệt, đã đánh điện bức thư tới thẳng tòa Bạch Cung. Bức thư cầu cứu lần cuối cùng đã được gửi và Sài Gòn nóng lòng chờ phản ứng từ Washington.

# CHƯƠNG XVIII - TRƯỚC KHI SỤP ĐỔ

Khi nhận được thư ông Thiệu, Tổng Thống Ford CIỈ Tướng Frederick c. Weyand, Tham mưu trưởng Lục quân Hoa Kỳ, cũng là Tư lệnh Quân đội Hoa Kỳ ở Việt Nam trước đây, sang Sài Gòn ngày 28 tháng Ba, lúc Đà Năng gần thất thủ, đê thầm lượng tình hình, ông Ford biết rằng tình hình Việt Nam nghiêm trọng, nhưng như ông đã viết lại trong hòi ký, “ông không biết nghiêm trọng đến mức nào !” ông nghĩ rằng đế Tướng Weyand sang Sài Gòn một tuần lễ, ông sẽ được báo cáo đầy đủ hơn. Người Việt vui mừng hay tin phái đoàn Weyand được cử sangSài Gòn. Biết đâu ông tướng này chẳng là một thứ hiển thánh sang để đề nghị dội bom B-52 về tiếp tục viên trợ cho Việt Nam Cộng hòa ? Tướng Weyand người dong dỏng cao, có dáng dấp chì huy đã gây được tín nhiệm đói với các cấp chỉ huy quân đội Việt Nam Cộng hòa. Từ chức vụ một tư lệnh sư đoàn, ông được bổ nhiệm lên nắm chức vụ Tư lệnh quân đội Hoa Kỳ ở Việt Nam, thay thế tướng Abrams tháng Sáu, 1972. Chánh phủ Sài Gòn hy vọng rằng Weyand, người đã rời khỏi Việt Nam với binh sĩ cuối cùng của Hoa Kỳ vào tháng ba, 1973, vẫn còn có chút ảnh hưởng đối với Quốc hội và Tổng Thống Hoa Kỳ. Khác với phái đoàn Quốc hội Mỹ trước đó, phâi đoàn Weyand lần này sang đây đề thẩm lượng tình hìr.h quân sự chớ không phải chính trị. Nếu có vị tướng lãnh Mỹ nào sẽ đề nghị tái dội bom B-52 và tiếp tục viên trợ V iệt Nam, người đó không ai ngoài Tướng Weyand.

Hưng mừng thầm vì nghe tin có Eric von Marbod trong phái bộ Weyand. Hưng vẫn nghĩ rằng ông Ford chưa có dịp đọc những lá thư của Nixon gởi cho ông Thiệu. Vì nếu không đúng như vậy thì làm sao có thể hiểu được việc Ford đã từng viét cho ông Thiệu rằng: “những cam két của Hoa Kỳ trong quá khứ vẫn còn hiệu lực và nó sẽ được hoàn toàn tôn trọng trong nhiệm kỳ của tôi”? Có thể là chính ông cũng không biết mình đã hứa hẹn những gì. Hưng nghĩ rằng có lẽ Kissinger đã không trình hết những lá thư của Nixon gởi Thiệu lên ông Ford, mà chì trình lên Tổng Thống mới này theo kiểu mập mờ như kiểu Kissinger từơng trình cho ông Thiệu những diễn tiến của cuộc hòa đàm Paris. (Khi tác giả phỏng vấn Tổng thống Ford mới đây vào ngày 10 tháng 2, 1986, thì chính ông đã xác nhận răng ông có biết qua về những lá thư đó nhưng ông chưa có đọc những lá thư đó khi ông ký lá thư đầu tiên của người gởi cho ông Thiệu 1.

Trong lá thư cầu cứu với Tổng thống Ford gửi ngày 25 tháng ba, ông Thiệu chì nhắc đến những cam kết của Hoa Kỳ, một cách đại cương. Hưng tự hỏi không biết Ford có biết chi tiét không? Hưng đã có ý định gửi kèm theo một lá thư của Nixon viét cho ông Thiệu đề ngày 5 tháng Giêng, 1972 trong đó có hứa sẽ trả đũa với “toàn sức mạnh” nếu Bắc Việt vi phạm đình chiến, nhưng nghĩ rằng làm như vậy là thiếu ngoại giao và không lợi, vì thế nào cũng phải qua Kissinger trước khi đến tay ông Ford. Hưng bỏ ý định đó và nghĩ đến chuyện nhờ một người bạn là John Marsh (một phụ tá của Ford) trao riêng những lá thư của Nixon cho Ford. Nhưng néu như vậy thì Hưng phải đi Mỹ, mà thời gian không còn nữa.

Ông Ford đang đi nghi ở Palm Springs, gặp được cũng khó. Hưng quyết định hỏi ý kién Von Marbod là người Hưng cho là am hiểu lề lối làm việc trong chính phủ Hoa Kỳ hơn ai hết. Von Marbod là chỗ thân tình đã giúp Việt Nam Cộng hòa nhiều trong quá khứ, họa may ông có thể giúp được ý kiến gi chăng? Hưng bèn gọi Von Marbod ở Washington và dặn khi đến Sài Gòn với Weyand thì gọi điện thoại cho anh ngay.

Nhận rõ bản tính hay nghi ngờ của Thiệu, Hưng quyết định dùng bản tính đó đê nói lên mối quan tâm của mình trước khi Weynad tới Sài Gòn. Người Mỹ luôn luôn nói với Thiệu cái gì cũng phải giữ bí mật, nh ít là những lá thư của Nixon. (Ngay khi Kissinger đưa tập thảo bản Hiệp định Paris cho Thiệu hòi tháng 10, 1972, ông ta đã không quên dặn “phải giữ hết sức bí mật.” ông Thiệu trả lời thẵng là ít nhất ông cũng đưa cho Hội đòng An ninh Quốc Gia đọc) Tuy nhiên, Thiệu vẫn không muốn làm người Mỹ ngạc nhiên về điều gì, nhất là việc tiét lộ thư tín. Kễ cả chính Hưng, anh cũng chỉ được Thiệu đưa cho xem mới đây!

Hưng cố cắt nghĩa cho Thiệu việc anh định làm, trong bữa ăn sáng trước ngày Weyand tới Sài Gon : Thiêu thường cởi mớ đón nhận những ý kiến mới vào buổi sáng. Hưng cho Thiệu biết có lẽ chính ông Ford đã bị bưng bít không biết rõ mọi chuyện về Việt Nam. Anh biết Thiệu không muốn làm phật lòng Mỹ, nhưng cũng cứ nói dù Thiệu bực mình.

Trong lá thư mới nhất (ngày 22 tháng ba), mặc dù Ford vẫn nói lờ mờ, là ủng hộ Việt Nam Cộng hòa và tôn trọng trách nhiệm của Hoa Kỳ, nhưng trên thực tế lại không có phản ứng gì về vụ Bắc Việt tấn công. Không những thế, Hoa Kỳ lại còn có chiều hướng muốn làm giảm tầm quan trọng và mục tiêu của Bắc Việt. Hưng trình với Thiệu là Ford quá lơ là : ông ta đã đi nghĩ mát trong khi chúng ta đang chết dần, chết mòn. Hưng muốn gợi ỷ xem Thiệu nghĩ sao về Ford.

Thoạt đầu, Thiêu không có phản ứng, chỉ nhìn Hưng một cách đăm chiêu, dò hỏi. Hưng nói tiếp :

“Tổng Thống có thể cho là tôi ngây thơ, nhưng tôi vẫn nghĩ rằng ông Ford không hay chi hết về chuyện giữa Nixon với minh.”

Thiệu trả lôi :

“Sao anh lại nghĩ vậy? Làm sao một ông Tổng Thống mà lại không biết đén sự việc đó? ông ta vừa lập lại những cam kết của Hoa Kỳ với tôi.”

“Chính vì điểm đó mà tôi mới nghi.”

Trước khi để Thiệu hỏi “tại sao anh nghi”, Hưng nói tiếp: “Có lẽ Kissinger không trình ổng.”

Hưng đã gãi đúng chỗ ngứa của Thiêu, ông luôn luôn nghi ngờ Kissinger trước kia đã không tường trình cho Nixon đầy đủ những nhượng bộ mật với Lê Đức Thọ tại Paris.

Thiệu tỏ vẻ đăm chiêu, mắt ông chớp chớp. Được đà, Hưng tấn công thêm : “Tôi đề nghị Tổng Thống cho phép tôi tìm cách gửi những thư của Nixon tới Ford.” Thiệu vẫn không nói gì nhưng lại càng nhìn Hưng chấm chú hơn. Hưng cố thuyết phục: “Bây giờ mình đã tuyệt vọng, - không còn cái phao nào nữa mà bám đâu!” Thiệu lơ đãng, dựa vào lưng ghé, nhìn lên trần nhà rồi cau mày lại, suy tư. Bầu không khi nặng nề; Hưng cảm thấy dường như một nỗi chua xót đang dày xé tâm can ông. “Thôi tôi về để Tổng Thống làm việc.” Anh nhè nhẹ đứng dậy, không muốn thay đổi luồng tư tướng trong đầu óc Thiêu.

Thiệu vẫn tiếp tục ngồi, vòng tay xếp sau đầu, mình ngả vào thành ghế, nhin lên trần. Lòng buồn man mác, chính Hưng cũng bị xúc động. Lo ngại cho số phận đất nước, cảm thông cho một vị Tổng Thống cô đơn trong giờ phút khắc khoải. Anh tự hỏi: Tổng tham mưu đâu, tướng lãnh đâu, nội các đâu mà lúc này không đứng: vòng quanh ông để cùng bàn tính chiến lược, để mà hét lên tiếng hét của một hội nghi Diên Hồng? Thế nhưng, anh lại nghĩ có khi chính bản tính đa nghi và cô đơn của ông đã không cho phép họ lại gần. Và giờ đây những yếu điểm đó đã theo kịp với ông.

Rời bàn ăn, Hưng từ từ đi về phía cầu thang. Vừa đi được mấy bước, bỗng anh thấy Thiệu gọi giật : “Anh Hưng !” Hưng quay lại, Thiệu dặn: “Làm gì thì làm nhưng phải hết sức thận trọng đừng để Mỹ có cớ đổ tội cho là mình bội tín Hưng hiếu ngay là ông đã đòng ỳ cho anh tự do hành động, nhưng như thường lê, ông không nói rõ ràng ra. “Tổng Thống đừng ngại, có gì cứ đổ cho tôi.” Thiệu hấp tấp đi xuống văn phòng.

\*

♦ ♦

Tướng Weyand và phái đoàn của ống gòm có Eric Von Marbod và hai viên chức CIA chuyên về Việt Nam là Theodore Shackley và George Carver, đến Síiigon ngày 28 tháng Ba. Weyand có nhiệm vụ trấn an ông Thiệu bằng những lời hứa “triệt đ? ủng hộ” của Tổng Thống Ford, và nghiên cứu “những đường lối hoạt động khả hữu của Hoa Kỳ để giúp Việt Nam Cộng hòa.” . Vừa tới đêm hôm đó, Von Marbod đã gọi Hưng từ tòa Đại sứ Hoa Kỳ và muốn lại nhà Hưng “uống bia chơi và bàn chuyện.” Von Marbod có vẻ bồn chồn, lo ngại, trài với tư thái thông thường của ông ta. Hưng nghe đài Tiếng Nói Hoa Kỳ loan tin về vụ Tổng Thống Ford đi nghi lễ Phục Sinh ở Palm Springs, bèn hỏi Von Marbod xem có buổi họp nào ở Washington bàn về vụ mất Hué và àp lực địch ở Đà Năng không. Hưng muốn dò hỏi để ước lượng xem Washington phản ứng ra sao về thư cầu cứu cứa Thiệu gởi Ford. Nhưng Von Marbod tránh không trả lời trực tiếp, chì nói: “Tổng Thống gởi Tướng Weyand sang để trẩn an và xem các aih cần giúp gì.”

Hưng trả lời: “Tình hình Đà Năng quá nghiêm trọng và chúng tôi lo ngại Sài Gòn cũng sắp bị đe dọa.”

Von Marbod nói tiếp: “Tôi lo ngại an ninh của gia đình anh. Tôi nghĩ anh nên để bà cụ thân sinh anh đi đi.”

Hưng nói: “Tôi đã làm hầm trú ẩn ở nhà cho mẹ tôi, có sẵn cả gạo nước.”

Hưng chì cho Von Marbod thấy đống bao cát ngay trong phòng bèn cạnh bép. Von Marbod lắc đầu bi quan: “Trông được lắm, ngoại trừ bị pháo kính trúng thảng.”

Hưng nói phải chuẩn bị vì Việt cộng đã tiến gần kề. Chúng đã xuất hiện trên đường đi Vũng Tàu. Von Marbod nói một cách buồn rầu: “Không biết bao giờ ta lại được ản nghêu ở Vững Tàu nữa nhì ?” Hưng nói: “Tình hình trở nên nguy ngập từng giờ, tửng phút. Chúng tôi cần các ông giúp ngay.”

“Lẽ tắt nhiên rồi. Hay nhất là bây giờ chúng ta nên tuyên bố Cộng sản vi phạm Hiệp định Paris, và ta hủy bỏ Điều Bảy Hiệp định đi.” Hưng phấn khởi vì Điều Bảy của bản Hiệp định liên quan đến vấn đề cấm không được mang binh sĩ, súng ống, đạn dược và những vật dụng chiến tranh khác vào miền Nam Việt Nam. Nếu hủy điều này sẽ không còn những giới hạn pháp lý về viên trợ ồ ạt của Mỹ cho Việt Nam Cộng hòa nữa, Vii việc một-đổi-một sẽ không còn giá trị.

Nghe vậy, Hưng hỏi thẳng Von Marbod xem ông ta có hay biết gì về vụ lá thư cầu cứu của ông Thiệu gỏi Ford, và có phải phái đoàn XVeyand sang Việt Nam là để đáp ứng lá thư đó không? “Thư Tổng Thống Thiệu hả? Hồi nào?” Von Marbod hỏi. Té ra ông và cả phái đoàn không hay biết gì cả.

Hưng nhắc đến nội dung lá thư, đặc biệt về vụ ông Thiệu xin yểm trợ B-52. Von Marbod cho rằng việc đó lúc này quà khó.

Hưng nói: “Hoa Kỳ có hứa hẹn với chúng tôi mà.” Von Marbod tò mò hỏi tiếp : “Ai hứí. ?” Hưng tiếp thêm bia 33 vào cho ông uống.

“Tôi không biết ông hay Tổng trưởng Quốc phòng Schlesinger có biết rõ về sự cam kết quan trọng của Tổng Thống Hoa Kỳ đối với Việt Nam Cộng hòa không?”

Lúc đầu Von Marbod tưởng Hưng nói đến những cam kết theo nguyên tắc của các Tổng Thống Hoa Kỳ từ trước tới nay. Von Marbod cố an ủi Hưng rằng Hoa Kỳ có thiện chí nhưng bị báo chí, sinh viên đại học, và Quốc hội chống đối quá không làm gì được.

Hưng nói: “Tôi không nói đến những cam kết tổng quát của Hoa Kỳ mà đến những cam kết đặc biệt của Tổng Thống Nixon viết trên giấy trắng mực đen gởi cho ông Thiệu”

— “Anh nói gì vậy ? Tổng Thống Nixon thật sự có hứa hẹn à, hứa gì? bao giờ? bao giờ?” Von Marboddòndập hỏi.

— “Trước khi trả lời câu hỏi này, tôi muón hỏi ông vài điều : Weyand có quan trọng không? Ỏng ta được gởi sang đây bởi Tổng Thống Ford hay Schlesinger ? Khi trở về Washington, Tướng XVeyand sẽ báo cào cho ai ?

“Nhiệm vụ của Tướng XVeyand rất quan trọng. Chính Tổng Thống Ford đã lựa chọn và gởi ông sang ; khi về ông sẽ báo cáo thẳng cho Tổng thống Ford. Nhưng tại sao anh lại hỏi tôi như vậy ?”

“Còn nhớ, có lần ông hỏi tôi có biết gì về những điều Kissinger hứa mật với Tổng Thống Thiệu không, vì Schlesinger muốn biết. Hồi đó, tôi nói không biết vì thực sự là tôi không biết, nhưng bây giờ tôi có vài thứ muốn đưa ông coi.”

Hưng mở cặp da đưa cho Von Marbod coi lá thư Nixon đề ngày 16 tháng 10, 1972 gởi cho ông Thiệu. Nixon hứa mọi sự v; phạm của Cộng sản sẽ chju những hậu quả vô cùng trầm trọng. Nixon lại còn viết tay ở cuối lá thư rằng: “Việt Nam Cộng hòa phải được tòn tại như một quốc gia tự do.”

Von Marbod đọc lá thư nhiều lằn, chau mặt. Hưng tưởng tượng ông đang tự hỏi tại sao Nixon lại nói: “hậu quả vô cùng :rầm trọng”. Sau cùng, Von Marbod nói: “Tôi vô cùng ngạc nhiên, đúng là Nixon đã viết như vậy?”

Hưng đáp: “Đúng thế. õng nghĩ gì về câu nói của Nixon. ‘Vi phạm sẽ chịu hậu qủa vô cùng trầm trọng.’ ?”

Anh đưa cho Von Marbod xem một lá thư nữa của Nixon đề ngày 8 tháng mười một, 1972. Hưng ngòi đối diện với Von Marbod, để cặp da ở dưới sàn nhà, ngoài tầm mắt của ông này, có ý không cho ông biết những tài liệu trong tập h ồ sơ mà anh đang giữ. Đưa từng lá thư một cho Von Marbod, anh muốn dò xét phản ứng của một viên chức cao cấp Hoa Kỳ xem sao. Hưng không tài nào biết người Mỹ nghĩ gì về những lá thư ấy ! Anh biết Thiêu đánh giá những bức thư ấy rất cao và coi đó như một “thiên mệnh” lừ Washington. Nhưng vì nó chưa được mang ra ánh sáng công luận nên anh không biết ảnh hưởng của nó sẽ ra sao trong môi trường chính trị Hoa. Kỳ.

Hưng chỉ cho Von Marbod một câu đã được gạch dưới : “Tôi nhắc lại những bảo đảm của Hoa Kỳ về những vi phạm Hiệp định.”

Von Marbod chau mặt, chàm chú nhìn vào lá thư : “Thật là khó tin. Tại sao các ông lại dấu những tài liệu này?”

Hưng nghĩ có lẽ minh đã nhận xét đúng là ông Ford chưa đọc những lá thư ấy. Đây là một nhân vật cao cấp của Ngũ Giác Đài mà cũng chưa bao giờ nghe về nó, kể cả Schlesinger, Tổng trưởng Quốc phòng.

Hưng hỏi: “Ông có nghĩ là Tổng Thống Ford biết đến những lá thư này không?”

Von Marbod : “Tôi không biết. Tôi không đoán được.”

Hưng đọc lởn từng chữ cho Von Marbod nghe một lá thư nữa đề ngày 14 tháng 11, 1973 : “Tôi có thể cam đoan tuyệt đối với Ngài rằng nếu Hà Nội vi phạm bản thỏa ước, tôi sẽ trả đũa thật mau lẹ và nặng nề.”

Von Marbod vươn mình tới giựt lấy lá thư và nói: “Đưa tôi xem.” Hưng chưa chịu đưa, và nói: “Để tôi đọc nữa cho ông: “Tôi nhắc lại những lời cam kết chính của tôi rằng Hoa Kỳ sẽ phản ứng mạnh và nhanh chóng nếu Hiệp Ước bj vi phạm.”

Hưng trao lá thư đó cho ồng Von Marbod. Ông chăm chú đọc, tu cạn ly bia 33 và nói: “Tôi thật muốn ở lại đây với anh lâu hơn, nhưng tôi nghĩ cần gặp XVeyand ngay. Tôi có thể giữ những lá thư này được không?

“Nếu tôi đưa cho ông những lá thư này, liệu ông có thể giúp chúng tôi chuyển qua tướng Weyand đến Tổng Thống Ford được không? Tôi nghĩ rằng ông Ford chưa được đọc.”

Phản ứng tức thì của Von Marbod là tỏ vẻ khó chịu vì Hưng không đưa cho ông xem những lá thư đó sớm hơn. Ông nói với Hưng bằng giọng nói bị tổn thương: “Sau khi mình đã trải qua bao nhiêu chuyện như vậy, tại sao anh lại dấu tôi những lâ thư này? Anh không tin tôi hay sao? Lẽ dĩ nhiên tôi có thể lo việc này được. Nếu được tiết lộ sớm hơn chúng tôi đã có thể giúp cho Việt Nam Cộng hòa hơn nhiều!”

Thật khó khăn cho Hưng giải thích cho người bạn hiểu rằng chính anh đã phải thuyết phục ông Thiệu mới được xem tập hò sơ và sau cùng mới được sự đòng ý của ông để xứ dụng nó.

Hưng nói: “Tôi nhờ ông làm việc này vì tôi giả thiết rằng Tổng Thống Ford chưa được xem mớ tài liệu tôi đang giữ. Ta phải tiến hành cẩn thận. Trước hết phải xem Weyand có thiện cảm với Việt Nam không đã và liệu ông có sẵn lòng làm việc này không? Có lẽ tốt hơn hết là tôi ghi những câu. chính trong vài lá thư để ông bàn với tướng Weyand và dò xem phản ứng của ổng ra sao. Đây là vấn đề tế nhị, n£u ông không làm được thì tôi phải đi Washington tự làm lấy.”

Von Marbod nghĩ một lát rồi nói: “Thôi cũng được, anh đưa cho tôi mấy đoạn, như vậy tốt hơn,” ông hứa sẽ trả lời Hưng trước khi ông rời Sài Gòn. Hưng trích mấy đoạn thư rồi đưa cho người bạn. Von Marbod bổ vào túi vội vàng ra cưa xà người tài xế lái xe đi vút vào đêm tối ngột ngạt của Sài Gòn, qua ánh đèn néon nhợt nhạt của bệnh viện St. Paul.

Eric Von Marbod đã sang Sài Gòn nhiều lần từ năm 1973, nhưng chưa bao giờ ông thấy tình hình đen tối như vậy. Tướng Weyand đi thăm các tư lệnh quân đoàn để quan sát tình hình quân sự, Von Marbod tiếp xúc với các viên chức Việt-Mỹ, còn các nhân viên CIA trong phái đoàn làm việc trong hệ thống của họ. Đi tới đâu, họ đều nhận được một yêu càu chung: Chỉ có B-52 mới chận được làn sóng tiến quân của địch và làm “ổn định tiền tuyến”. Phải tiếp viện ò ạt tức thì để tránh sự sụp đổ của miền Nam. Theo tình hình hiện nay, đạn dược sẽ hết vào cuối tháng Sáu, và không có tiếp viện nữa. Von Marbod cho rằng cam két của Hoa Kỳ là một bổn phận tinh thần và danh dự quốc gia, nó phải được tôn trọng, ông cho rằng, chương trình Việt Nam hóa chién tranh (Vietnamization) không đáp ứng đúng nhu cầu của Việt Nam Cộng hòa. Ngay cái tên của nó, Vietnamization, đã mang một ý nghĩa ẹuan thầy và kiêu ngạo. Chương trình này lại tiếp diễn qúa mau lẹ, khi người Mỹ đi rồi, người Việt ở lại ôm một mớ quân dụng không đường tiếp vận. Von Marbod nói: “Chương trình Việt Nam hóa giống như chuyên làm cho chín người đàn bà mang bầu để có thể sinh được một đứa con trong một tháng.”

Sài Gòn phải dựa vào kỹ thuật chuyên môn của Hoa Kỳ đễ bảo trì quân dụng. Quân sĩ Việt Nam Cộng hòa vốn đã quen với lối đánh trận theo kiểu Mỹ bằng hỏa lực vô giới hạn, di động bằng trực thăng, và xin oanh tạc cơ Mỹ yểm trợ tiếp cận khi cần. ông tin rằng điều tối thiểu Hoa Kỳ phải làm, sau khi tù binh đã được phóng thích và quân đội của mình đã triệt thoái, là tạo dựng một cơ hội hữu hiệu thực sự' cho Việt Nam Cộng hòa tồn tại, “Tư cách và danh dự Hoa Kỳ buộc họ tối thiểu phải làm như vậy.”

Tối hôm đó, Hưng chờ cơm Von Marbod tại nhà riêng. Gằn giờ giới nghiêm mới thấy Von Marbod xuất hiện với bộ đồ lính nhẩy dù, mặt mũi lo âu, quần áo ướt sũng mò hôi, cây M-16 đeo vai còn đằy bụi. ông ta vừa đi thăm chiến trường cùng với tướng Weyand về.

\* ■ “Có tin tức gi không?” Hưng hỏi.

( “Tướng Trưởng đang gặp khó khăn nghiêm trọng ở Đà Nẳng. Chúng tôi đang tìm cách cứu vãn số binh sĩ còn sỏt lại. Tình hình lộn xộn lắm.”

Trên bàn đã dọn sẵn cháo cá, vịt quay, và bia 33, những món mà Von Marbod ưa thích, ông kể cho Hưng nghe về một ngày trồi đi cùng với Tướng Weyand . “Tôi có một vài tin tức cho anh : Weyand rất đỗi ngạc nhiên về những bức thư, và ông ta cũng đòng ý với anh là Tổng Thống Ford có lẽ không biết gì ! Trước khi lên đường Weyand đã họp mặt với Ford và không thấy Tổng Thống đả động gì đến những lá thư đó. Anh phải đưa cho tôi ngay. Weyand sẽ tìm cách trao riêng cho Tổng Tháng Ford.” .

Hưng lấy trong cặp ra ba lá thư đã đưa cho Von Marbod xem trước, và nói thêm : “Đây là lá thư thứ tư nữa đề ngày 5 tháng Giêng, 1973.”

Von Marbod vừa đọc lá thư, vừa lẩm bẩm : “Chuyện này thì hét nói, tôi phải trở về tòa Đại sứ ngay.” Hai người đồn£ Ỷ với nhau về ám hiệu điên thoại gọi tử Mỹ sang sau khi Weyand trao thư cho Tổng Thống Ford.

Lúc đó, đã vào giờ giới nghiêm, Hưng cho xe jeep có lính cận vệ vii ỉủng M-16 để hộ tống đưa bạn về Bộ Chì huy DAO ở pbi trường Tân Sơn Nhất. “Các anh phải bám chặt xe ông này,” Hưng dặn nhóm cận vê; anh gửi họ đi đ? bảo ựệ an ninh cho người bạn, nhưng quan trọng hơn : để bảo vệ cho tài liệu mật của quốc gia mà người bạn mang theo.

Sáng sớm ngày 1 tháng tư, dân Sài Gòn thức giấc nghe đài phát thanh loan tin vũ khí Hoa Kỳ đã đổ đến phi trường Tân Sơn Nhế.t. Đến trưa, đài truyền hình Việt Nam chiếu hình đại bác 105 ly, mười sáu cỗ cả thảy, được chuyển xuống từ phi cơ khổng lồ C-5. Cảnh tượng đó gợi lại những năm trước đây khi viện trợ Hoa Kỳ không ngớt đổ vào Việt Nam. Những tin tức này có tác dụng là làm êm dịu tin đòn đảo chính chống ông Thiệu đang được loan truyền.

Thật ra quân lực Việt Nam Cộng hòa cần đạn dưọc hơn là cần súng mới. Những cỗ đại bác đó chì có giá trị tượng trưng về tinh thần hơn là có già trị quân sự, nó chủ biểu dương một cách sai lầm việc Hoa Kỳ vẫn còn lưu ý đến Việt Nam, và có lẽ Weyand có thể giúp Việt Nam được thật sự !

Tướng Weyand bao giờ cũng có thái độ nhã nhặn mặc dầu ông mang 4 sao trên vai. Ông thông cảm với những nhu cầu của quân đội Việt Nam Cộng hòa. Ông chịu nghe và bao giờ cũng có thái độ khuyến khích cởi mở. Các tướng lãnh Việt Nam lúc bấy giờ đều nói với ông rằng, chì cỏ B-52 mới chận đứng được làn sóng tấn công của địch mà thôi. Quân đội Việt Nam Cộng hòa cần một thời gian để tập trung lại và đẩy lui địch. Không có viện trợ Mỹ, cuộc phản công không thể thực hiện được.

Ngày 3 tháng tư, trước khi về nước, Weyand đưa phái đoàn đến gặp ông Thiệu ở Dinh Độc Lập. Đêm hôm trước, ông Thiệu chỉ thị Hưng soạn một bản tóm tắt những đoạn quan trọng trong những lá thư của Nixon và Ford để ông sẽ khôn khéo xử dụng một cach bóng gió ■ trong buổi họp với Weyand.

Hưng trình bày với Thiệu rằng, ông khỏi phải nói đến những đoạn đó, vì anh đã làm việc đó rồi. “Anh gặp ông ta hồi nào?” Thiệu sửng sốt hỏi. Hưng đáp: “Tôi không gặp chính ông ta, nhưng nhờ một người bạn thân tín trao thơ dùm. Tướng Weyand rất ngạc nhiên và nghĩ rằng Tổng Thống Ford không biết đến chuyện này. vấn đề này rất té nhị, người bạn tôi và Tướng Weyand hứa sê tùy cơ ứng biến”. Hưng trấn an ông Thiệu : “Tôi sẽ chu hoàn toàn trách nhiệm về vụ này. Néu bị tiết lộ, và Mỹ phản kháng, Tổng Thống có thể đổ hết cho tôi đã lấy trộm hồ sơ mật Dinh Độc Lập và yêu cằu tôi từ chức, sau đó, yêu cầu tòa ân truy tố !” Nghe vậy, ông Thiệu có bề yên tâm.

Ngày 3 tháng Tư là ngày họp với Weyand, ông Thiệu tỏ ra rất ưu tư. Thủ tướng Khiêm vừa từ chức, ông Thủ tướng lằm lì này đã không điều khiển chính phủ hữu hiệu trong lúc bình thường, lại bỏ cuộc khi có bién! Sau này, Frank Snepp, một nhân viên C1A ở Sài Gòn, có phàn nàn rằng: “Vừa l ời khỏi chính phủ, ông Khiêm đã bắt đầu gửi đồ sang Đài Bắc và Paris.” Tin đòn đảo chánh bay khắp   
Sài Gòn. Đài Tiéng Nói Hoa Kỳ lại vừa loan tin Tổng Thống Ford — đang nghi lê — vừa chì trích ông Thiệu về vụ rút quân vội vã khỏi Cao nguyên Trung phần. Ford lại xác định việc ông đang lo nghiên cứu để di tản hơn sáu ngàn người Mỹ đang còn ở Việt Nam. Hưng lo ngại cho sự chia rẽ trcng nội bộ của chính phủ. Tại sao ông Khiêm lại từ chức giữa lúc này ? Việc đó hẵn làm tâm trí ông Thiệu rối bời.

Tin dữ thường hay tới dồn dập. Hưng nhận được tin tình báo nói “ằng Cộng sản đã gởi những toán ám sát võ trang bằng viĩ khí có ống hãm thanh trà trộn vào những toàn binh sĩ lẻ tẻ vừa trở về từ Đà Năng và vào số đồng bào tỵ nạn xàm nhập Sài Gòn. Hưng vô gặp Thiệu trước khi họp Weyand.

Hưng đề nghị với Thiệu nên có ngay giới nghiêm 24 giờ trên 24 giờ để có thể theo dõi những toán ám sát đó. Hơn nữa, lại đang có tin đảo chánh, nên Thiệu đòng ý và cho lệnh giới nghiêm ngay tối hôm đó kéo dài 24 giờ.

Buổi họp với XVeyand nhóm tại Phòng Tình Hình Dinh Độc Lập bắt đầu lúc 5 giờ chiều. Hai bên ngồi chung quanh chiếc bàn dài với những bảng tên mới được kẻ chữ. Mọi người giả bộ nói chuyện vòn vã và pha trò gượng gạo để cho đài truyền hình quay phim. Hưng cũng nhoẻn một nụ cười. Nhưng khi báo chí, điên ảnh vừa ra khỏi thì bằu không khí nặng nề đã bao trùm ngay xuống căn phòng nhỏ bé Đại sứ Martin bắt đầu nói. Ông yêu cầu những người Mỹ trong phái đoàn Weyand tường trình với Tổng Thống Thiệu những điều mắt thấy tai nghe của họ.

Trước tiên ông Martin gọi Ted Shackley, cựu trướng cơ quan CIA ỏ Sài Gòn (1968-72) vửa được rhăng lên làm trướng khối Á Đông Sự vụ của cơ quan này. Shackley là người đã có kinh nghiêm trước ở Lào, thường vẫn bất đòng ý với Martin khi ông này còn làm đại sứ Mỹ ờ Thái Lan. Martin phàn nàn rằng Shackley muốn những người Mỹ ở căn cứ Thái Lan sang hoạt đông cả bèn Lào, nhưng ông chì muốn vai trò của Mỹ nên giới hạn hơn.

Shackley ngòi ở cuối bàn. Đối với Shackley, buổi họp này đánh dấu những nỗ lực cuối cùng của ngu ời Hoa Kỳ ở Việt Nam. Buổi họp sẽ thẩm xét tình hình tại chỗ để xem có th€ cứu vãn được gì không hay là phải rút ống dưỡng khí ra khỏi con bệnh. Shackley còn cho rằng Việt Nam Cộng hòa vẫn còn cơ hội tự cứu và gây được sự ủng hộ ở Washington. Ông này đã thảo luận với Thiệu lúc trước về tình hình quân sự, bây giờ, ông bàn đến chuyện : Việt Nam phải làm ... gì đê dư luận thế giới trông vào. “Bây giờ là lúc chính phủ Việt Nam Cộng hòa phải giải quyét vấn đề dân tỵ nạn một cách đúng đắn để chứng tỏ cho nhân dân Việt Nam và thế giới biết mối quan tâm của chính phủ này dành cho đám người tỵ nạn.” Theo Shackley, vấn đề tỵ nạn có thể tạo ra thiên cảm của thế giới đối với Việt Nam.

Sau đó, Shackley bàn đến vần đề thông tin. “Chính phủ Việt Nam Cộng hòa phải cho dư luận Hoa Kỳ biết rằng; đây là một cuộc xâm lấn rõ ràng của Bắc Việt chứ không phải của Việt Cộng miền Nain chui trong bờ trong bụi ra.” ông cho rằng =1- “người dân Mỹ vẫn thưởng cho đây là cuộc nội chiến miền Nam. Người tỵ nạn đã bỏ phiếu bằng chân để bày tỏ nỗi lo ' w sợ Cộng sản của họ. Chính phủ Việt Nam Cộng hòa phải xin viện trợ để giúp đám dân này. Chính phủ cũng nên dập tắt ngay tin đòn cắt đất, hay tin đồn về các cường quốc đang mặc cả để phân chia miền Nam”. Shackley cứ thao thao bất tuyệt! Hưng đã nhận thấy sự thất vọng hiện trên mặt mọi người bên phía Việ. Nam, không ai mong đợi những bài diễn văn tràng giang dại hải như vậy khi nước đã đến chân. Phía Việt Nam đã am hiểu những khó khàn của họ. Họ đang chờ xem Hoa Kỳ làm được gì để giúp trong lúc này.

Hưng đ? bút xuống bàn không ghi thêm nữa, và nhìn thẵng vào mặt Shackley một hồi lâu, lộ vẻ chán chường mong rằng ông này nhận được dấu hiệu và đi thẳng vào vÊ n đề cùa buổi họp là những biện pháp cấp thời để ngăn chận cuộc tấn công của Bắc Việt. Dường như đã hiều, Shackley ngừng lại . Martin gọi đến George Carver. Õng này cũng lại nhấn mạnh đến vấn đề “thông tin và giải độc dư luận Hoa Kỳ”, và vấn đề chiến tranh tâm lý ở miền Nam, làm sao “dùng truyền đơn và máy phát thanh để làm xao xuyến lòng người lính Bắc Việt mới vô Nam khiến họ nhớ nhà.” Câu chuyện khó tin. Hưng nhìn thẵng vào Carver, thở dài, khá .0. Ông Thiệu cố làm ra vẻ bình tĩnh, không có phản ứng gi.

Martin cảm thấy bên phía Việt Nam bắt đầu nóng ruột về những chuyện trên trời dưới biền như vậy. Ông Đại sứ bèn bả qua, không hỏi người tới phiên là tướng Homer Smith vị chì huy mới của cơ quan DAO (MACV ngày trước, nay được đổi ra DAO — Deíense Attache Oíĩice hay PhòngTùy Viên Quốc Phòng). Vừa ở Việt Nam có một năm ai cũng nhận thấy ông này chì là một tướng chuyên về tiếp vận, không lấy gì làm sốt sắng hoặc tài ba như những tướng XVestmoreland, Abrams. õng thuộc vào loại “ba xí ba tú”. Thấy Martin không hỏi gì ông, Hưng bớt căng thẳng. Martin gọi tới Von Marbod; ông này phàn nàn về việc máy bay không quân Việt Nam thường bay quá cao để tránh hỏa tiễn tàm nhiệi của Cộng sản và vì vậy hay bỏ bom nhàm lên chính quân minh õng khuyến cáo phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa bộ binh và không quân để cứu vãn Vùng 3 Chiến Thuật. Martin bèn lấy bút ra, viết mấy chữ trên mảnh giấy nhỏ rồi luồn tờ giấy cho Von Marbod. Martin bảo ông: “Ông nói nhiều quá!” Thế nhưng Von Marbod lờ đi và vẫn tiếp tục.

Buổi họp chuyển sang chiều hướng khá hơn khi Von Marbod đề nghị đã đến lúc quân đội không cần tiết kiệm đạn dược như trước nữa mà có thể bắn xả láng. Martin nắm lấy cơ hội này để xen vào. Ông vẫn bình tĩnh và có vẻ tự tín: Ông vội vã hỏi Marbod: “Giả dụ như có viện trợ, bao lâu thi đạn dược mới cập bến được?”

Von Marbod đáp: “Nếu như được lệnh, việc tiếp liệu sẽ khởi sự ngay. Đạn dược đã có sẵn ở Okinavva và Đại Hàn.”

Carver lại giơ tay xin phát biểu ý kiến! Hưng đang viết, lại thôi không tiếp tục và nhìn Carver. Ông khuyên: “Việt Nam Cộng hòa phải học lấy bài học về trận Dunkirk của quân đội Anh trong Thế Chiến Thứ Hai.” Carver nói thêm: “Người dân Mỹ chưa biết rõ điều này, nhưng ta có thể làm sáng tỏ.” Martin cắt ngang lời Carver và gọi đến Tướng Weyand.

Weyand tường trình tình hình quân sự một cách đày đủ và vắn tắt. Ông chì trích nặng nề hành động của tướng Phú làm mất vùng Cao nguyên Trung Phàn và tướng Thuần, Chỉ Huy Trưởng trường Hạ sĩ quan Nha Trang; ông này đã bỏ chạy trước khi có lệnh rút lui. Tướng Weyand sau đó, hứa với Tổng Thống Thiệu: “Chúng tôi sẽ viện trợ theo nhu cầu của Việt Nam Cộng hòa và sẽ trình bày những nhu cầu này trước Quốc Hội.”

Bây giở đến lượt phía Việt Nam trình bầy. Tổng Thống Thiệu giới thiệu Tướng Viên bàn về chiến lược chặn đứng làn sóng xâm nhập của địch. Tướng Vièn kêu gọi người Mỹ giúp ông “ổn định tiền tuyến”. Nói như vậy có nghĩa là kèu gọi hỏa lực của B-52. Nghe vậy, Hưng bèn đỡ lời Viên: “Giả dụ như không xin được B-52, liệu Hoa Kỳ có thể giúp chúng tôi được bom hạng nặng loại Daisy Cutter không?” Tướng Viên nói xen   
vào: “Daisy Cutter sẽ rất là hữu ích!” Von Marbod nói được, và hứa sẽ gởi mấy quả bom hạng nặng tới ngay. Hưng tự hỏi tại sao ông Viên không nghĩ tới việc xin loại bom này từ trước? Sở dĩ anh hỏi là vì chì mấy hôm trước đó, khi nói chuyện với một ngươi bạn tướng lãnh, ông này đã giảng qua cho Hưng về loạ bom này.

Với lời hứa của Von Marbod, buổi họp biến thành cuộc thảo luận về chiến thuật thay vì chiến lược. Tướng Weyand chào giã từ ông Thiệu và hứa sẽ báo cái với Tổng Thống Ford ngay khi về tới Hoa Kỳ.

Sau khi mọi người ra về, Hưng nán lại để gặp riêng ông Thiệu. Người ông rã rời với vẻ mặt lo âu. Bên phía Việt Nam yêu càu B-52 oanh tạc nhưng người Mỹ không cam két gì cả. Hưng nói với ông: “Bây giờ mình châng còn gì nữa, phải đánh vàn bài liều, bây giờ đã đén lúc Tổng Thống phải kèu gọi trực tiếp nhân dân Hoa Kỳ xin tiếp viện.” Hưng đề nghi ông Thiệu nên lên đài vô tuyến truyền hình tiết lộ tất cả những lời hứa hẹn của Nixon, nhưng không đả độr g gì đến những bức thư của Tổng Thống Ford để không gây trở ngại cho ông này trước Quốc hội. ông Thiệu vẫn chưa biết phải hành động ra sao. “Để tôi tính lại.” ông nói với Hưng.

Trời đã vỉ khuya, Hưng rời Dinh Độc Lập qua cổng sau ; thấy đói bụng vì cả ngày chưa ăn, anh đi xe về phía đường Gia Long để ghé tiệm Thiên Hương ãn bánh cuốn. Đến nơi, thấy đóng cứa, anh mới sực nhớ là lệnh giới nghiêm 24/24 do chính anh đề nghị đã được ban hành. Anh cho quay xe về nhà bà cụ ở đường Phan Đình Phùng, để xin cụ nấu cháo gà. Nhưng cháo chưa xong thì anh đã ngủ thiép đi vì mệt lả và mọi người đê yên, không ai đánh thức anh dậy.

# CHƯƠNG XIX - SAO HỌ KHÔNG CHÉT LẸ ĐI CHO RỒI?

Sau khi tướng Weyand đã hứa hẹn vận dộng viện trợ khẩn cấp, nhưng trước khi ông rời Sài Gòn thì từ Washington lại thấy xuất phát một tín hiệu mâu thuẫn. Ngày mồng 2 tháng 4, sau khi Đà Nẵng mẩt, Bộ trưởng Quốc Phòng James Schlesinger, trong một cuộc họp báo, vẫn còn nói “tương đối ít có đành nhau lớn” tại Việt Nam. Thực ra, Schlesinger hồi đó đã cố tình muổn giảm thiểu tầm quan trọng của cuộc khủng hoảng. Õng tin rằng sau vụ thất thủ Đà Năng thì chuyên đã xong rồi, và mối quan tâm lởn của Hoa Kỳ bây giờ là làm sao triệt thoái an toàn 6,000 người Mỹ còn lại. Trước khi Weyand đi Sài Gòn, Kissinger đã dặn dò : “Fred, nên thận trọng. Đừng hứa hẹn quá nhiều. Đừng để mình bị vướng vào cái quan niệm rằng mình sẽ áp đảo ngược được ngọn triều. Triều nước đang xuống gần hết rồi.” Nói cách khác, Schlesinger và   
Morton Abramovitz, Phó Phụ tá Bộ trưởng Quốc Phòng đặc trách An ninh Quốc tế Sự vụ, đều tin rằng chiều hướng của cuộc chiến đã hoàn toàn bất lợi cho Việt Nam Cộng hòa, và chẳng còn cách nào đảo ngược nó được nữa.

Tại Sài Gòn Weyand để lại cảm tưởng rằng ông sẽ đề nghị tăng viện, nhưng không cam két gì về việc xử dụng phi cơ B-52 đề chận đứng cuộc tấn công của Bắc Việt. Nhưng trèn chuyên bay về Hoa Kỳ, ông đã đọc lại những bức mật thư và bàn với Von Marbod. Sau cùng, ông đã đổi ý.

Đang trên đường bay về Washington để báo cào cho Bộ trưởng Quốc phòng, thì Weyand được lệnh đổi hướng bay thảng tói Palm Springs, (Nevada) để phúc trình thẵng cho Tổng Thống Ford và Kissinger tại đó. Vì đã hứa với Hưng, nên trước khi Kissinger tới ăn sáng để họp cùng với Ford, Weyand đã đến sớm hơn, cố tranh thủ lấy riêng dăm phút với Ford để đưa cho ông coi một số lá thư của Nixon. Sau bữa ăn sáng, Weyand và Von Marbod gặp Ford và Kissinger trong phòng ngủ ngòi biệt thự nghĩ hè của Ford. Weyand trao cho Ford bản phúc trình, trong đó ông đưa ra những lập luận quân sự biện hộ cho việc ném bom trở lại bằng B-52, và yêu cằu chấp thuận 722 triệu Mỹ kim viên trợ quân sự cấp thời. Trong tờ phúc trình tóm lược bản báo cáo chi tiết cho Ford, Weyand viết:

Tình hình quân sự hiện nay đang nguy ngập ... chính phủ Việt Nam đang ở trên bờ vực thất bại quân sự hoàn toàn. Tuy nhiên, miền Nam đang làm kế hoạch tiếp tục chống giữ với những tài nguyên còn lại của họ và, nếu được một thời gian để lấy lại sức, họ sẽ xây dựng lại được những khả nàng của họ tới mức mà sự yểm trợ vật chắt của Hoa Kỳ sẽ cho phép. Tôi tin rằng chủng ta thiếu họ món nợ yểm trợ đó ....

Chúng ta đã giơ tay ra cho nhân dân Nam Việt Nam, và họ đã nắm lấy bàn tay ấy. Giờ đây, họ càn đến bàn tay giúp đỡ ấy nhiều hơn bao giờ hét ...

Mức yểm trợ hiện nay chắc chắn sẽ đưa Việt Nam Cộng hòa tới chỗ bại trận. Trong số 700 triệu Mỹ kim dành cho tài khóa 1975, 150 triệu Mỹ kim còn lại có thể dùng trong một thời gian ngắn vào một hoạt động quân nhu rộng lớn; tuy nhiên, nếu muốn có được một cơ hội thành công thực sự, thì một ngân khoản phụ bồ 722 triệu Mỹ kim sẽ là một nhu càu cấp thiết ngổ hàu đưa Việt Nam Cộng hòa tới đươc một tư thế phòng thủ tối thiêu để đương đàu với cuộc xâm lăng của Bắc Việt do Nga Xô và Trung Cộng yểm trợ. Viện trợ phụ bộ Hoa Kỳ lại nằm trong cà tinh thàn lăn ý định của Hiệp định Paris; Hiệp định này vẫn còn là khuôn khô thực tiễn cho một dàn xép hòa bình tại Việt Nam.

Việc xử dụng không lực quân sự Hoa Kỳ để tăng cường khả năng của Việt Nam, làm cùn nhụt đi cuộc xâm láng của Bắc Việt, sẽ cung hiến cho chính phủ Việt Nam một sự trợ giúp vừa vật chắt lẫn tâm lý và mang lại một sự tạm nghỉ căn thiết trên chiến trường. Tuy nhiên, tôi cung nhận thức được những tác dụng pháp lý và chính trị quan trọng chứa đựng trong việc thực thi giải pháp này ...

Uy tin của Hoa Kỳ, trong cương vị một nước đàng minh, hiện đang bị thứ thách tại Việt Nam. Để giữ vững được uy tín đó, ta phải làm một nỗ lực tối da để yểm trợ nhân dãn miền Nam Việt Nam trong lúc này.

Bản phân tích chi tiết hơn được trình bày trong phúc trình đính hậu.

Kính trình,

(kt) Fred c. Weyand

Trong phần chính của bản phúc trinh, Weyand biện hộ quân viện khắn cấp 722 triệu MK và oanh tạc bằng B- B-52. Weyand nhấn mạnh rằng “hành động của Hoa Kỳ vô cùng hệ trọng cho việc phục hồi tin tưởng.”

Hành động mà Hoa Kỳ có thể thực hiện ngay để đem tới một tác động lởn nhất tức thì đối với sự nhận thức của người Việt — cả Bắc lẫn Nam — là xử dụng không lực Hoa Kỳ để chặn đứng cuộc tấn công hiện nay của Bắc Việt. Cho dù việc dùng không lực đó chỉ hạn chế vào (lãnh thổ) miền Nam mà thôi và chỉ thực hiện trong một thời gian ngắn, nó cũng sẽ tiêu diệt một phần lớn số nhãn lực và tiếp liệu của lực lượng viễn chinh Bắc Việt; và sẽ gây ra một tác dụng mạnh mẽ làm nhụt tinh thần chúng. Những cuộc oanh tạc ấy cũng sẽ khiến cho hàng ngũ lãnh đạo Hà Nội phải tạm ngưng tay và suy nghĩ lại v'ê những rủi ro có thề xẩy ra — điều mà lúc này họ làm ngơ — khi họ vi phạm thoả ước chmh thực đã ký kết với Hoa Kỳ.

Giới lãnh đạo quân sự Nam Việt Nam thuộc mọi cấp đã rất nhiều làn nêu lên tàm quan trọng của những vụ tắn công bằng B-52 đối với việc thực hiện thành công một công cuộc phòng thủ chống lại lực lượng có ưu thế của địch quân, và quan điểm này có thể biện hộ họp lý về mặt quân sự.

Trong khi họp với Ford, theo Von Marbod, Weyand thúc giục ông giúp cho Sài Gòn một cơ hội cuối cùng bằng cách dùng trở lại không lực Mỹ, Nhưng Kissinger đã phản đối và nói với Ford : “Nếu Tổng Thống làm như thế, dân chúng Mỹ sẽ xuống đường nữa.” Điều này lọt vô tai Ford vì ông dang sửa soạn ra ứng cử năm sau,

Sau buổi họp, Kissinger tới Trung Tâm Báo chí tại Palm Springs đế lược trình cho đoàn phóng viên đi theo Tổng Thống, Cùng ngồi với ông trên xe đế tới đó là Ron Nessen, tùy viên báo chí của Ford. Trên đường đi, hai người thảo luận về sự tan rã của miền Nam Việt Nam. Kissinger bỗng thở dài và than vãn: “Tại sao họ không chết lẹ đi cho rồi ? Điều tệ nhất cỏ thể xẩy ra là họ cứ sống dai dâng hoài.”

Trong phòng Báo chí, Kissinger không nhắc tới khuyến nghi cảa Weyand về việc ném bom trở lại, mà chì biện hộ cho việc cứu xét viện trợ quân sự cho Việt Nam.

Kissinger chì muốn bảo vệ Ford và tìm cách để Quốc hội khước từ yêu cầu của Việt Nam Cộng hòa. Như vậy, ông có thể đổ lỗi hết cho Quốc Hội về việc mất miền Nam. Ông lý sự rằng:

Bất kễ hậu quả cuộc chiến sẽ ra sao, tôi cho đây là một van đè nghiêm trọng ... và tôi thực sự tin rằng, vào giờ phút này, sau khi đã trả giá quá nhiêu trong tĩnh đoàn kết quốc gia về đ'ê tài này, ta phải thực hiện cuộc thảo luận đó, chẳng phải bằng một thái độ là ai sẽ đổ lỗi cho ai, mà bằng một thái độ là ta đang đổi diện với một tắn thảm kịch trong đó có phằn nào liên lụy đến sự tín nhiệm của Mỹ, danh dự Mỹ, và đến cẩm tưởng của những dân tộc khác trên thế giói đối với chúng ta.

Sau cuộc họp bào này, Ford lại họp với Weyand, Von Marbod và Kissinger, rồi bay tới phi trường Quốc tế San Francisco giữa một trận mưa bảo lớn để đón tiếp đoàn trẻ em mò côi Việt Nam vừa được chở qua Hoa Kỳ trong “Operation Babyliít” (“Hành quân cưu Trẻ em”). Ford phụ một tay bế trẻ em tử máy bay ra xe cứu thương hoặc xe buýt. Đã bao nhiêu ngày nay rồi, trong lúc nghi mát, chơi golf, ông đã cố né tránh nhà bào. Có một hôm, ông còn thật sự chạy trốn các ký giả để khỏi phải bình luận về Việt Nam. Có tở báo viết khôi hài: “Ford chạy cũng lẹ như lính Việt Nam.” Chương trình tin tức trên đài truyền hình chiều nào cũng, chiếu những hình ảnh dân tỵ nạn hốt hoảng tranh giành nhau chạy trốn khỏi Đà Năng, hoặc quân đội Việt Nam Cộng hòa đang trong cảnh rối tung — mà Ford cứ điềm nhiên chơi golf.

Khi đọc báo về tin Ford thăm viéng đoàn trẻ em mồ côi, Hưng hy vọng Weyand đã gặp và đưa thư Nixon cho Ford nên ông này đã có thiện cảm hơn chúi đỉnh đối với Việt Nam Cộng hòa. Anh cố thử tìm xem báo chí Mỹ cớ nhắc gì đến • thái độ của Fordđén tình hình đang suy sụp tại Việt Nam không, thi châng thấy gi cả. Ngày 6 tháng 4, trên chương trình truyền hình hàng tuần. “Đối diện với Quốc dân” (“Face the Nation”), Schlesinger lại cố tình đặt nhẹ những nỗi thống khổ câa Việt Nam một lần nữa : “Thật rõ ràng là chữ đại tấn công là chữ có lẽ nên được đế trong ngoặc kèp. Những gì đã xẩy ra chì là một sự suy sụp một phần nào của các lực lượng Nam Việt Nam; vì thế đã rất ít có đánh nhau lớn kế từ trận đánh Ban MêThuột, và chính trận này cũng đã là một ngoại lệ”

Mới đầu Hưng không hiểu rõ những lời nhận xét này của Schlesinger. Tại sao ông Bộ trưởng Quốc phòng này lại nói rằng cuộc tổng tấn công hiện nay của Bắc Việt phải để trong ngặc kép ? Nhưng anh nhanh chóng nhận ra rằng, bằng cách cố tình đặt nhẹ tầm quan trọng của sự sụp đổ của Việt Nam Cộng hòa, Schlesinger đang bỏ rơi chính phủ Sài Gòn và giảm xuống đến mức tối thiểu nhu cầu can thiệp của Hoa Kỳ. Schlesinger đií không tin rằng miền Nam Việt Nam có một tầm quan trọng chiến lược đối với Hoa Kỳ; mất Nam Việt Nam cũng sẽ chảng làm thay đổi cán cân quân sự thế giới. Chính ông đã nói với Von Marbod rằng: “  
Hoa Kỳ không có một quyền lợi chiến lược nào tại Việt Nam cả.” Hưng bèn két luận là chừng nào Quốc hội thảo luận để cắt viện trợ và chấm dứt chiến tranh, quan điểm và ý kiến của Schlesinger chắc sẽ vô cùng bất lợi cho   
Việt Nam Cộng hòa.

Những lời bình luận của Schlesinger trên chương trình “Đối diện với Quốc dân” chl nội vài giờ đã loan khắp thế giới. Khi nghe vậy, Tướng Homer Smith, Trưởng Phòng Tùy Viên Quốc phòng tại Sài Gòn, bực mình đến độ ông đã đánh điện về Washington phủ nhận quan điểm của Schlesinger. Srnith nói: “Trái lại hiện thời đang có đánh nhau lớn dọc theo vùng duyên hải và tại những khu vực chân đồi từ phía Nam Phú Bài cho tới Khánh Dương tại tĩnh Khánh Hòa.” Ông liệt kê những mặt trận đang diễn ra lúc đó rồi kél luận: “Trân trọng đề nghị Tham-mưu trưởng Liên-quân cho ông Bộ trưởng học thuộc những sự kiện này để (ông ta) có thể trình bày cho (lân chúng Mỹ biết một cách chính xác những gi đã xẩy ra. Hiện nay quả đang có diên tiến một cuộc “đại tấn công!”.

Sài Gòn đầy tin đòn sắp có đảo chánh lật đổ Thiệu. Hưng vẫn ngồi đợi điện thoại của Von Marbod cho biết phản ứng của Ford về phúc trình của Weyand. Những lúc đi ra sở, thì Hưng nhờ bà chị là Kim Loan, tới nhà mình để ngòi đợi giùm.

Ngày hôm ấy, mồng 7 tháng 4, một chirèc xe gắn máy lái vào sân sở chỉ huy Trung-ương-cục miền Nam của Việt Cộng, trong rừng già gần biên giới Việt-Miên, và một người cao, ốm, đội nón sắt che mớ tóc đã hoa râm, bước xuổng. Vai hắn đeo lủng lâng một túi da màu đen, túi đó, đựng giấy tờ ghi chỉ thị của Bộ Chính trị ở Hà Nội, hạ lệnh hành quân tiến chiếm Sài Gòn. Hắn là Lê Đức Thọ, kẻ thương thuyết trước kia ở Paris, người đa cùng Henry Kissinger chiếm giải Nobel Hòa Bình; lúc Ểó y cỏ nhiệm vụ tổ chức “Chiến dịch Hồ Chí Minh” trước tuần lễ chót của tháng 4, 1975. Hà Nội đã quyết định dẩy mạnh tới toàn thắng.

Đến sáng ngày mòng 8 tháng 4 vẫn không có tin tức gì về VVashington, nhưng lúc Hưng vừa thức giấc thi anh nghe thấy có nhiều tiếng súng phòng không bắn lên và tiếng bom nổ tại vùng gằn nhà, nghe như từ k hu Dinh Độc 5 Lập. Hưng chờ điện thoại và không muốn đi đâu, cho đến lúc được tin là, đúng, Dinh Độc Lập đã bị ném bom, nhưng Thiệu an toàn và không có đảo chính. Một phi công lái chiếc khu trục F-5E đã đơn phương tấn công Dinh. Một trái bom đã phá hủy chỗ ăn sáng thường ngày của Thiệu ớ hành lang, nhưng lúc ấy, ông không có mặt ở đó, vì thế đã thoát nạn. Hưng lại thoáng nghĩ tới câu “họa vô ‘ đơn chí”. Kể từ khi phái đoàn Quốc Hội Hoa Kỳ rời Sài Gòn hòi cuối tháng Hai, cho đén nay đã có bao nhiêu biến cố !

Vụ tháo chạy khỏi Cao nguyên, máy bay Việt Nam Cộng hòa ném bom trúng quân minh ở Ban Mê Thuột và trên Liên tình lộ 7B, rồi Quốc Hộ Mỹ tiếp tục cắt xén viện trợ !

Vụ ném bom Dinh Độc Lập xẩy ra giữa lúc Sài Gòn đầy rẫy những tin đồn mê tín, dị đoan, coi bất cứ sự kiện, bién chuyển nào cũng là điềm gở.

Thế rồi lại có vụ ám sát vua Faisal ở Saudi Arabia ngày 25 tháng Ba nữa ! Vua Faisal từng có thiện cảm và ngưỡng mộ cuộc đấu tranh chống Cộng của miền Nam Việt Nam; ông đã ngỏ ý muốn giúp đỡ. Đầu năm 1975, Faisal đã bí mật đồng ý trên nguyên tắc cho vay hàng tràm triệu Mỹ kim. Số tiền vay sẽ được dùng để nâng đỡ nền kinh tế và cho phép chính phủ Sài Gòn mua thêm nhiên liệu, đạn dược bất cứ xuất xí- từ đâu. Một giải pháp vay mượn khác cũng đã được đề nghị với Faisal, theo đó, Saudi Arabia sẽ đứng ra bảo đảm cho Việt Nam Cộng hòa vay viện trợ quân sự của Mỹ. Theo Hưng, ké hoạch bảo đảm này tốt hơn, vì nó sẽ cho phép Việt Nam Cộng hòa mua đan dược Mỹ. Vì tất cả bộ máy chiên tranh tại miền Nam đã được chế tạo tại Mỹ, nó không thể thích ứng được với trang bị quân dụng của nước nào khác.

Sau này, suy gẫm lại, Hưng thấy rằng trong nỗ lực đi tìm quân viện, móc nối dầu lửa của Saudi Arabia với sự sống còn của miền Nam là chuyện nghe có vẻ kỳ quặc. Nhưng trong những ngày đen tối nhất của tháng 4, 1975, sự liên hệ ấy không lạ lùng chút nào: khi sắp chết đuối, ta nắm lấy bất cứ cái phao nào nổi.

Vừa đén lúc kế hoạch bảo đảm về vay quân viện Mỹ qua vua Faisal sắp được thực hiện thì bất hạnh thay ông vua lại bị chài mình àm sát! Việt Nam Cộng hòa chưng hửng. Thiệu gửi điện tín phân ưu với hoàng gia và giục chính phủ Saudi tiếp tục hoạch của Faisal. Cấp lãnh đạo Saudi trả lời rằng họ sê cứu xét đề nghị ấy, và Thiệu cử Ngoại trưởng Bắc bay qua Trung Đông.

Đêm hôm sau, ngày 9 tháng Tư, Von Marbod gọi cho Hưng bằng đường giây điện thoại trực tiếp giữa Ngũ Giác Đài với Sài Gòn, báo cáo rằng “bằng tay” đã được chuyển giao rồi. “Bằng tay” là mật hiệu hai người đã đòng ý trước với nhau, ám chi rằng bản sao các bức thư của Nixon gửi cho Thiệu hòi tháng trước đã thực sự cược Weyand chuyển tới Ford rồi. Không nhấc tên Ford, Von Marbod chì nói rằng “ông ta xúc động lấm”. Hưng thở phào, thấy giả thuyết của mình đã đúng, nghĩa là Ford không biết gl hết. Von Marbod cũng nói thêm “đò đạc nặng có hy vọng. Tôi lạc quan thêm đôi chút.” Hưng không rõ “đồ nặng” mà Von Marbod nói lóng có nghĩa là B-52 dội bom hay Mỹ sẽ chở sang thêm loại bom “Daisy Cưtter”, nhưng cũng thấy có phần phấn khởi. (Trong một CL ỘC phỏng vấn mới đây với tác giả trong năm 1986, Ford d ọc lại vài thư của Nixon một lần nữa do tác giả đưa. Ông vẫn còn xúc động, và nói: “Không còn một nghi ngờ nao hết, đây là những lời cam kết tuyệt đối.” Thật là oan uổng cho Việt Nam Cộng hòa!)

Trong bản văn sơ khởi của phúc trình Weyand được soạn thảo trước khi phái đoàn rời Sài Gòn, kế hoạch dội bom trở lại đã bị gạt bỏ. Bản sơ thảo ấy như sau:

Theo nhận xét của (chính phủ Sài Gòn), thì hành động mãnh liệt nhắt mà Hoa Kỳ có thể làm là dùng sức mạnh quân sự Hoa Kỳ, nhất là các oanh tạc cơ B-52 để chận đứng cuộc tắn công hiện nay của Quân lực Bắc Việt. Giới chỉ huy quân sự Việt Nam thuộc mọi cấp đã lập đi lập lại tàm quan trọng của sự oanh tạc bằng B-52 đối với sự thành công của công cuộc phòng thủ. Những vụ oanh tạc này chẵng những quan trọng v'ê mặt quân sự và có thể ngăn chận được vụ mất Huế, Đà Nẵng, và các trung tâm lớn khác, mà còn đã có thể có tác dụng tâm lý tốt đối với ỷ chí và quyết tâm kháng cự của giới quân sự lẫn dân sự Việt Nam . Thế nhưng tôi đã không cứu xét đến việc Hoa Kỳ tham dự quân sự giới hạn và chọn lựa như thế nữa vì ba lý do : Thứ nhầt, vì tôi tin rằng các đé nghị (tải oanh tạc) như vậy tự chủng sẽ có thể làm mất đi cơ hội đê Quổc hội cứu xét những yêu cău viên trợ vật chất quan trọng trong cuộc phòng thủ Nam Việt Nam ; thứ hai, phản ứng tiêu cực của Quốc hội đối với yêu cầu của Tồng Thống vè việc đó có thể sẽ có tác dụng tai hại đến tinh thăn của miền Nam Việt Nam ; và sau chót, bởi lẽ những hành động ấy sẽ hủy bỏ các Hiệp ước Paris, vẫn là khuôn khổ duy nhất cho một cuộc dàn xếp hòa bình tại Việt Nam .

Sau khi đọc các lá thư mật của Nixon gứi Thiệu, Weyand và Von Marbod nhất định đòi phải đưa vào phúc trình khuyến nghị về tầm quan trọng của sự dội bom bằng B-52 đỉ chặn đứng cuộc công kích của Cộng sản. Shackley và Carver không được coi các lá thư ấy, nhưng cũng đã đồng ý phải ghi vào phúc trình giải pháp (oanh tạc) này đề Tổng Thống Ford chọn lựa.

Ngày 8 tháng Tư, tại VVashington, Thượng-nghị-sĩ Henry Jackson (DC-Washington) công khai tố cáo đã có “những thỏa ước mật” giữa Hoa Kỳ và Việt Nam. Jackson nói ông đã “được nguSn tin đáng tin cậy cho biết” rằng những thỏa ước ấy Cíiưa bao giờ được tiết lộ và chính ngay cả Tổng Thống Ford cũng chì mới được nghe nói về những thỏa ước đó mấy hôm gần đây thôi. Jackson đã được Schlesinger lươc trình về những thư từ của Nixon: Chính Von Marbod đã trao cho Schlesinger bản sao bốn bức thư sau khi từ Sài Gòn trở về. Schlesinger khá thân cận với Jackson và thường có liên hệ tốt với Thượng-nghị-sĩ này cùng phụ tá của ông ta là Richard Perle. Đáp ứng lời tố cáo cửa Jackson, chính quyền Ford công khai phủ nhận là đã không hề có một mật ước nào hét. Tùy viên bảo chí tòa Bạch Ốc, Ron Nessen được lệnh công nhận là giữa Nixon và Thiệu đã có những trao đổi thư tín riêng, nhưng không có gì quan trọng cả, vì “những lời tuyên bố công khai hồi đó đã phản ảnh nội dung những liên lạc riêng tư ấy rồi.”

Henry Kissinger không chịu bình luận trực tiếp, nhưng cho phép một phát ngôn viên của Elộ Ngoại giao nhấc cho báo chí biết về một lời tuyên bố trước kia của Kissinger nói rằng Hoa Kỳ không có “cam kết hợp pháp” nào hết là sẽ tới giúp Việt Nam Cộng hòa và những nghĩa vụ của Hoa Kỳ chì là “cam kết tinh thần”. Giới báo chí xôn xao về lời tố cáo của Jackson, nhưng không một ai đưa ra được những chi tiết nào về những mật ước đó.

Schlesinger rất bực tức. Sau này, khi tác giả phỏng vấn ông (tháng 11, năm 1985), ông kể lại : “Tôi tin rằng Ford đã bị lửa bịp về những lá thư này. Hồi đó, tôi vô cùng sửng sốt khi được xem những lá thư đó. Tôi đã thật sự bối rối nhất, nhất là vì chính quyền hồi đó đang muốn tung ra chiến dịch tìm cách đổ lỗi cho Quốc hội về sự bại trận tại miền Nam Việt Nam. Dĩ nhiên là, như có Chúa làm chứng, Quốc hội cũng đã có trách nhiệm về việc này. Nhưng có điều chắc chắn là những luận điệu đâm sau lưng như vậy thì chảng có ích lợi gì, nhất là khi mấy lá thư đó đang được chuyền tay chứng tỏ rằng Quốc hội đã không được thông báo đầy đủ về bản chất những lời cam kết của Hoa Kỳ sau khi quân đội (Mỹ) đã rút khỏi Nam Việt Nam.

1        
Quốc hội không hề hay biết chút gì về mấy lá thư đó, khi họ bắt đầu chạy làng khỏi Việt Nam vào mùa hè 1973.”( I I)

Tại tòa Bạch Ốc có nhiều phiên họp I ên miên giữa Tổng thống Ford, Ngoại trưởig Kissinger, cổ vấn An Ninh Quốc Gia Brent Scowcroft, và Donald Rumsĩeld, đổng lý văn phòng của Ford, và là người đang hy vọng tranh cử Phó Tổng Thống trên cùng một liên danh với Ford trong kỳ bằu cử 1976. Sách lược của Ford là chấm dứt chiến tranh và hàn gắn quốc gia trước kỳ bầu cử. Tiếp tục viện trợ cho Nam Việt Nam sẽ có nghĩa là tự mình hứng lấy trách nhiệm, biến nó thành chiến tranh của mình thay vì của Nixon. Kissinger thì không coi cái việc “lấy tư thế chính trị” của Ford quan trọng bằng việc bảo vệ tư thế của chính ông và tín nhiệm của Hoa Kỳ. Ông chì lo ngại rằng nếu nhìn thấy thành tích của Hoa Kỳ tại Việt Nam, hai phe Ả Rập và Do Thái sẽ không chịu ký kết các hiệp ước mới mà ông đang dàn xếp căn cứ vào bảo đảm của Hoa Kỳ. Cho nên, ông đã có quyết định là không thảo luận chi tiết hoặc tiết lộ nội dung các lá thư mật đó.

Ron Nessen chì được Ford cho phép thừa nhận rằng Nixon và Ford đã có trao đổi thư tín riêng với Thiệu, nhưng phải bám riết lấy lập luận “Những lời tuyên bố công khai hòi đó đã phản ảnh nội dung của những liên lạc riêng tư ấy rồi ’ ủy ban Ngoại giao Thượng-viện cũng đòi đọc bản sao những thư tín Nixon-Thiệu ấy, nhưng Ford phản kháng, ông viết cho ủy ban nói: “Tôi đã duyệt lại hò sơ liên lạc ngoại giao riêng tư. Vì lẽ  
 chính sách và ý định chứa đựng trong các sự trao đổi này đã được công bố rồi, cho nên không có một điều bi mật nào phải giấu diếm Quốc hội hay dân chúng Mỹ cả.”

Trong hồ sơ của Hội đòng An-ninh Quốc-gia, theo Nessen, chì có bẩy lá thư Nìxon viết cho Thiệu. Trong hòi ký sau này, Nessen viét: “Thực ra, những lời đảm bảo riêng tư của Nixon hứa với Thiệu dường như đã đi xa hơn những lời tuyên bố yểm trợ (Việt Nam) hòi ấy.”

Là người đã từng chống chiến tranh từ ngày còn là phóng viên của hãng NBC tại Việt Nam, Nessen chống đối bất cứ hành đồng nào có thể kéo dài cuộc chiến. Ông tự hỏi: “Vậy thì làm sao Tòa Bạch Ốc dưới thời Ford lại tránh nê sự thật và giở trò chơi chữ đế trành tiết lộ nội dung, lúc ấy đíí lôi thôi, của những lá thư Nixon ?”

Và Nessen tự trả lời:

Lý do chính yếu là đề bảo vệ nguyên tắc kín đáo, khả năng căn thiết để một tổng thống liên lạc riêng tư được với các nhà lãnh đạo ngoại quốc. Nhưng cũng bâi vì các lá thư ấy có thể được dùng làm vũ khí nếu trong thời hậu chiến có những vụ buộc tội lẫn nhau vè việc ai đã có trách nhiệm vè thất trận. Thiệu và phe diều hâu Mỹ sẽ có thê rêu rao là Ford đã không làm tròn nhiệm vụ thực thi những lời cam kết của Nixon. Phe bồ câu trong Quốc hội sẽ rêu rao rằng họ đã chặn viện trợ lại bởi lẽ Ford đã không hè thông báo cho họ biết những lời hứa hẹn bí mật đó.

Nessen công nhận là Ford có viết riêng cho Thiệu, nhưng lại không chịu nhắc tới lá thư đề ngày 9 tháng 2, 1974, của Ford, một ngày sau khi nhậm chức, trong đó, ông lập lại những lời cam kết giữa Hoa Kỳ vá Việt Nam Cộng hòa của Nixon trước kia, và hứa rằng chúng sẽ đưọc “hoàn toàn tôn trọng trong nhiệm kỳ của tôi.” Chính Kissinger đã thảo lá thư ấy rồi đưa cho Ford, giục ông này ký vào để trấn an Thiệu. Sau này Ford kể lại rằng hòi đó ông “có biết qua về sự trao đổi thư từ giữa Nixon và Thiệu, nhưng tôi đã không được đọc hết.” Ngày 24-10-1974, chính Ford   
lại, trấn an Thiệu một lần nữa rằng không hề có thay đổi chính sách về Việt Nam. Nessen biện luận: Những lời trấn an của Ford trong mấy lá thư chót gứi Thiệu : “lã bị giới hạn chặt chẽ bới ý thức rõ được những hạn chế do Quốc hội đặt ra và sự chống đổi của dư luận.” Thế nhưng Ford đã không bao giờ tiết lộ mấy lá thư đó với nội các của minh hoặc với Quốc hội.

Hưng đã hy vọng rằng sự chú ý của di' luận và báo chí Mỹ đến những lá thư ấy, một hình thức r hắc khéo đến những cam kết của Nixon với chính phủ Sài Gòn, sẽ có thể thúc đẩy Quốc Hội chấp thuận viên trợ cho Việt Nam. Thực ra, lý do khiến Thượng-nghị-sĩ Jackson muốn phanh phui mật thư là để chứng minh rằng Nixon đã làm những cam kết mật với Thiệu mà không hề tham khảo Quốc hội.        
í<-

Jackson đã có một thời hết mình hỗ trợ cuộc chiến, nhưng sau khi quyết định vận động để được đảng Dân Chủ đề cử làm ứng viên Tổng Thống vào năm 1976, ông đã trở cờ và về hùa với phe chống đối chiến tranh.

Về phằn Ford, dường như ông không mấy quan tâm đến bài diễn văn ông sắp phải đọc về vấn đề Việt Nam: tại Palm Springs ông chì mải chơi golf và dự tiệc tùng, đén độ mà Rumsfeld, Đổng lý văn phòng của ông, đã phải lầm bầm than phiền: “Có lẽ tôi sẽ thôi không cố tìm cách làm ông ta trở thành một vi Tổng Thống theo quan niệm của tôi, và cứ đê mặc cho ông ta trở thành một thứ Tổng Thống theo ý muốn của ông.”

Lúc trở về Washington, Ford mới bắt đầu cặm cụi viết bài diẽn văn “Tình trạng thé giới” và quyết định xem phải đối phó như thế nào với bản phúc trinh của Weyand. Bản nháp căn bản của bài diễn văn đã được Kissinger và đám phụ tá soạn thảo. Sau này Ford ghi lại trong hồi ký: “Henry Kissinger đã thúc tôi phải nỏi với dân chúng Mỹ rằng Quốc hội Mỹ phải gánh chịu hoàn toàn trách nhiệm về tình hình tan rã tại Đông Nam Á. Quả thế, Henry đã thảo một bài diền văn thuộc loại “cháy nhà bình chân như vại” đế cho tôi đọc. Trực giác bảo cho tôi đó không phải là đường lối đúng cho lúc này.”

Buổi tối ngày 9 tháng Tư, một bức điện tín đánh đi tử Tòa Đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Washington đén tay Thiệu, với một nhân định rắt t i quan về tình hình cầu viện cả từ phía hành pháp lẫn lập pháp. Đại sứ Phượng không có một đề nghị nào để giải quyết, mà chỉ thông báo những gì Thiệu đã biết: Tướng Weyand đã yêu cầu 722 triệu MK quân viện; thình cầu một r gân khoản lớn như thế chắc sẽ “gây ra kinh hoảng và la ó” tại Quốc hội khi Ford loan báo. Phản ứng này đã có dự đoán trước rồi, nhưng hy vọng rằng nếu lời khuyến nghị đến từ một quân nhân chuyên nghiệp như Weyand, với truyền thống đặt nghĩa vụ tinh thần của Hoa Kỳ lên trên hết, thi chắc có thể cảm hóa được một số người và cứu vãn được phần nào. Ngay từ trước khi \Veyand rời Sài Gòn, Hưng đã biết ông này sẽ đề nghị số 722 triệu MK quân viện cấp thời, và anh cũng đã có báo cáo cho ông Thiệu chi tiết về ngân khoản này. Thiệu than: “Mình thật không hiểu nổi người Mỹ. Làm thế nào mà có được 722 triệu khi mà họ đã từ chối không cho mình 300 triệu bổ túc?”

Sài Gòn chỉ còn nước ngồi đợi xem Ford sẽ ăn nói thế nào với Quốc hội và hy vọng sẽ có được một phản ứng thuận lợi với lời cầu cứu của Thiệu. Hưng thắc mắc, liệu Ford có sẽ nói ra hết sự thật với Quốc hội về nghĩa vụ tinh thần của Hoa Kỳ đối với Việt Nam Cộng hòa hay không? Liệu ông có công bố những bức thư kêu cứu mới đây của Thiệu gứi Tổng Thống Hoa Kỳ và của Quốc hội Việt Nam Cộng hòa gửi Quốc hội Hoa Kỳ không? Trước hôm Ford ra Quốc hội đọc diễn văn, Hưng đã trằn trọc cả đêm. Sáng ngày 11 tháng Tư tại Sài Gòn (đêm mồng 10, giờ Washington), Hưng thấp thỏm đón nghe bài diễn văn đó của Ford, được phát thanh trực tiếp trên các làn sóng ngắn của đài VOA. Muốn nghe được rõ từng lời, từng câu diễn văn để thẩm đoan ý định của Ford, anh đã phải thay pin mới cho cái máy ra-di-ô Zenith Transoceanic của mình.

Mới đàu, Ford giải thích tại sao Hoa Kỳ đã không chịu phản ứng với những vụ Bắc Việt vi phạm Hiệp ước Paris:

Kì luật pháp, ta đã tự ngăn cấm ta xứ dụng khả năng để bẳt phải tôn trọng hiệp định — như vậy là cho Bắc Việt cái đảm bảo là họ có thê vi phạm hiệp định ẩy mà không bị trừng phạt. Kế đó, ta đã giảm viện trợ kinh té và vũ khí cho Nam Việt Nam. Sau hết, ta đã ra dấu hiệu cho biết càng ngày ta càng miễn cưỡng không muốn hỗ trợ dãn tộc ấy trong lúc họ đang tranh đấu đê sinh tồn.

Rồi Ford vạch ra một số giải pháp lựa chọn về Việt Nam. Hoa Kỳ có thể không làm gì hét, hoặc “Tôi có thể yêu càu Quốc hội cái thẩm quyền để bắt phải tôn trọng hiệp ước Paris bằng các xử dụng quân đội, xe tăng, máy bay, và trọng pháo của ta, để đầy chiến tranh về phía kẻ địch”. Nhưng rồi ông lại đưa ra hai lựa chọn “hạn hẹp hơn” : Hoặc giữ chặt lấy yêu cầu hồi tháng Giêng xin 300 triệu MK bổ túc, hoặc tàng số yêu cầu viện trợ quân sự và nhân đạo khẵn cắp. Ford lập luận rằng tăng viện với hai mục đích nói sau này “sẽ có thể làm cho Nam Việt Nam chận đứng và đẩy lu: được cuộc xâm làng đang tràn tới, ổn định tình hình quân sự, đem lại cơ hội hòa giải chính trị qua đường lối thương thuyết giữa Bắc và Nam Việt, và, nếu như tinh trạng tồi tệ nhất xẩy ra, ít nhất cũng di tản được trong vòng trậ: tự kiều dân Mỹ và dân chúng Nam Việt Nam lâm nguy tới chỗ an toàn.”

Ngồi nghe bài diễn văn, tim Hưng mỗi lúc đập một nhanh hơn. Tuy có nói sơ qua đến phúc trình Weyand nhưng không thấy Ford đả động gì đến khuyến nghị dùng B-52 oanh tạc. Ford chỉ yêu cầu chấp thuận ngân khoản 722 triệu Mỹ kim mà XVeyand đã đề nghị và ấn định ngày 19 tháng Tư là hạn chót cho Quốc hội phải quyết định. Hưng có cảm tưởng Ford vừa dàn xếp đưa ra thình cầu vừa mở đường cho Quốc hội từ chối. Ông đã trút lỗi Hoa Kỳ bẩt động ở Việt Nam lên vai Quốc hội. Việt Nam, trong giờ phút đang hấp hối như vậy, mà lại được nhắc đến giữa bao nhiêu vấn đề khác trong bài diễn văn kể cả chuyện viếng thăm sắp tới của Hoàng đế Nhật-bản, đạo luật ngoại thương 1974, clúnh sách hòa hoãn với Nga, đàm phán hạn chế vũ khí chiến lược, vấn đề năng lượng, và những tài nguyên vùng đại dương. Ford còn đọc một lá thư cầu cứu của quyền Tổng thống Cam-bốt, nhưng không thấy nhắc gì đén là thư kêu gọi của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa, cũng như những lá thư của Quốc hội Việt Nam gửi các Chủ tịch Thượng và Hạ viện Mỹ.

Tại Dinh Độc Lập, ông Thiệu và các phụ tá cũng bối rối và sững sờ về việc Ford làm thinh về các ki thư này. Họ tự hỏi không biết chúng có đến tay Quốc hội hay đã bị Bộ Ngoại giao Mỹ chận lại? Hưng nói đùa chua chát với ông Chủ tịch Lắm: “Lần sau, Cụ nên đích thân mang tới Quốc hội Mỹ thì có lẽ chắc ăn hơn.” Lắm không thấy câu pha trò này buồn cười. Hưng hôm trước đã ngõ ý với ông Thiệu là hy vọng Ford sẽ nhắc đến là thư đề ngày 25 tháng 3 của ông. Ford nói rất can trường để bao biện ý định của Mỹ: “Đối phương chớ vội tin rằng những nỗi khó khăn hay những lối bàn cãi của chúng tôi có nghĩa là ý chí của dân tộc chúng tôi đang nhụt dần. Chúng tôi sẽ đứng bên bằng hữu chúng tôi. Chúng tôi sẽ tôn trọng những cam kết của chúng tôi.” Những lời nói nghe rỗng tuếch là m sao? Như sau này Brent Scowcroft giải thích: “Thực ra, không một ai trong chúng tôi tin rằng sẽ xin Quóc hội được khoản . tiền ấy (722 triệu). Đó là một cách làm cho chúng tôi trông có vẻ như vẫn còn thật lòng về tất cả những cố gắng ấy. Chúng tôi chì quan tâm đến cách rút đi vi giải kết mà thôi.” .

Trước bài diễn vàn của Ford, ôngThiệu đã định ngay chiềụ hôm đó sẽ lên đài phát thanh nói chuyện và bình luận về những lời Ford phát biểu ủng hộ Việt Nam Cộng hòa, nhưng ông không tìm được một dữ kiện hay tin tức tốt đẹp nào để thông bào cho dân chúng miền Nam. Tệ hơn nữa, Ford đã đòi Quốc hội phải lắy một hành động nào đó “không muộn hơn ngày 19 tháng 4” về đê nghị viện t -Ợ- Thiệu hỏi tại sao Ford lại tự trói mình vào một thời hạn chót như vậy? Quốc hội mà bác đi, là hết. Thiệu bảo Hưng theo dõi những biến chuyển tại Washington rồi trình cho ông hay. < Một bức điện khác do Đại sứ Phượng ở Washington đánh về thông báo “phản ứng mau lẹ và tiêu cực” của cấp lãnh h, đạo Quốc hội đối với ngay cả thình cầu viện trợ khẩn cấp 722 triệu mỹ kim kìa. Tờ New York Times tường thuật tin trên một ngày sau Ford đọc diên văn, và đăng tải lởi tuyên bố của Thượng-nghị-sĩ Jackson: “Yêu cầu ấy chết rồi.

Không một ai trong phe mà tôi biết sẽ ủng hộ nó.”

Ông Thiệu đang lưỡng lự chưa biết phải nói gí với đồng bào, thì Đại sứ Martin tình nguyện đưa cho ông một bản liệt kê những điều Thiệu nèn trình bày, khai thác triệt đế bài diên vấn của Ford. Trong một bức giác thư gửi Thiệu, Martin đề nghị mấy điểm để Thiệu đưa vô bài diễn văn:

1/ Tổng Thống Ford đã nói với tư cách người lãnh đạo một đại cường quốc. Nhân dân Việt Nam nong nhiệt hoan nghênh những lời nói đày cảm thông ấy đối với Việt Nam.

2/ Tôi kêu gọi quân lực Việt Nam hãy tiếp tục chiển đấu hảo vệ xứ sở một cách anh dũng và can trường. Giờ đây Tổng Thống Ford đã vạch trăn những thực tế của cuộc xâm lăng Bắc Việtchống lại miền Nam, quân lực ta có thể tin tưởng rằng nhân dân Hoa Kỳ sẽ đáp ứng lời kêu gọi (của Ford) yêu càu gửi chiến cụ phòng thủ tới miền Nam Việt Nam.

3/ Sau hao nhiêu năm chiến tranh, nhân dân Nam Việt Nam khao khát hòa bình. Trong một hài diễn văn ngày 21 tháng ì Ị nám ngoái, tôi có nói rằng Việt Nam Cộng hòa sẵn sàng thảo luận, và thi hành tức thì, giải pháp chính trị mà i Hiệp định Parts đòi hỏi — kể cả việc thiết lập Hội-đờng Hòa-giải và Hoà hợp Dân tộc. Việt Nam Cộng hòa vẫn không hè thay đổi lập trường ấy. Việt Nam Cộng hòa vẫn yêu càu phe bên kia cùng ngời xuống đàm phán để thực thi những điều khoản chính trị của Hiệp định Paris.

4/ Chừng nào Quân đội Bắc Việt còn tiếp tục tráng trợn xâm lăng Nam Việt Nam, chúng ta không có lựa chọn nào khác hcm là chiến đấu. Chúng ta sẽ chiến đấu cho tới khi nào Bắc Việt chấp nhận lời chúng ta mời đàm phán trở lại vè việc giành lấy cho nhân dãn miền Nam quyền tự quyết, như đã quy định trong Hiệp ước Paris.

5/ Tôi kêu gọi nhân dân Việt Nam thuộc mọi đoàn nhóm chính trị, mọi tôn giáo, hãy gạt sang một bên những khác biệt cá nhân trong giờ phút quốc giũ đang cực kỳ lăm nguy này và đoàn kết sau lưng tân chính phủ đoàn kết quốc gia hiện đang được Thủ tướng Nguyễn Bá Căn thành lập. Trong cuộc khủng hoảng niện nay, nhu càu của quốc gia phải chiếm ưu thế tuyệt đối trên mọi quan tâm khác

Hưng khuyên Thiệu đừng để ý đến nhùng sự gợi ý, mớm lồi này của Martin nữa. Tối hôm đó, Thiệu quyết định không đọc diễn văn trên các hệ thống truyền thanh và truyền hình Sài Gòn. Ông nhận thấy những “điểm nói chuyện” của Martin chẳng những đã không thích hợp, lại còn có tính cách nhục mạ nữa. Lúc bấy giờ, Thiệu đã tuyệt vọng tới độ chuẩn bị ủy quyền cho tân nội các và tuyên bố sẵn sàng thương thuyết với cộng sản.

Trong thời gian hai năm qua, kể từ khi biết được Hoa Kỳ giảm dằn sự yểm trợ, Thiệu đã cố tìm cách xóa bỏ cái hình ảnh “bù nhìn Mỹ” của Việt Nam Cộng hòa và thiết lập một đường lối ngoại giao riêng. Những nỗ lực này của ông đã đi từ liều Enh đến khôn ngoan (như tiếp xúc và đổi chác với Trung Cộng).

Mùa thu năm 1974, Ngoại trưởng Vương Văn Bắc bắt đằu vào một chiến dịch nhằm tranh thủ sự ủng hộ của các quốc gia Phi Châu như Morocco, Ivory Coast, và Saudi Arabia. Vua Hassan của Morocco và Tổng Thống Felix Houphonet-Boigny của Ivory Coast rất có thiện cảm với Việt Nam Cộng hòa, nhưng cũng nhắc nhở Bắc là họ đang bị nhiều áp lực từ khối Tổ chức các nước Phi Châu, như Algeria, Lybia là các nước đã hoàn toàn ngả về phía Việt Nam Cộng hòa. Thiệu bắt đầu mời các nhà lãnh đạo Phi Châu sang thăm viếng Sài Gòn. Ngoại trưởng Gambia, một nước nhỏ xíu với dân số 400,000 cũng được tiếp đón trọng thể với đày đủ lễ nghi quân cách, và cuộc viếng thăm của ông này đã là một “thành công”. Đài truyền hình Sài Gòn không nói gì tới dân số Gambia, chỉ bình luận, cản cứ vào cuộc thăm viếng này là Việt Nam Cộng hòa đang được Phi Châu tăng ủng hộ. Chiến dịch ve vãn Phi-Châu này còn nhắm tới cả tướng Jean-Bedel Bokassa, nguời tự xưng là “Tổng Thống Trọn Đời” và sau này là Hoàng đế, người giữ ấn tín của Cộng Hòa Trung Phi.

Bokassa lên nắm chính quyền hồi tháng Giêng, 1966. Năm 1972, khi đã trở thành Tổng Thống Trọn đời, ông gửi vãn thư ngoại giao yêu cầu ông Thiệu cho tìm giùm người con gái của ông, tên Martine. Hòi đàu thập niên 1950, Bokassa đã từng đánh nhau ở Việt Nam trong đoàn quân viễn chinh Pháp với cấp trung sĩ, và ông đã được quen biết ông Thiệu, hồi đó còn là một sĩ quan trẻ tuổi. Bokassa đã tằng tịu với một thiếu nữ Việt Nam, và cô này đã sinh được một người con gái mà Bokassa vẫn hằng thương nhớ. Chính phủ Sài Gòn bèn cho đi lùng và kiếm được Martine ở một thị xã tại miền Tây. Người con gái được chở về Bangui, thủ đô Cộng-hòa Trung-Phi, và được chính thức thừa nhận làm ái nữ của Tổng Thống. Báo chí Việt Nam hằng ngày đãng tải và thêu dệt thêm phóng sự ly kỳ về cô gái bần nông tìm thấy cha là Tổng Thống. Câu chuyên “Con bé Lọ Lem” tân thời này mang lại cho dân chúng miền Nam hồi đó một dịp tạm quên đi những đau khổ của chiến tranh và theo dõi hằng ngày tin tức đầy vẻ hoang đường thần thoại ấy. Nhưng khoảng vài tháng sau, một thiếu nữ khác bỗng xuất hiện và cũng tự xưng với nhà bào là ái nữ của Bokassa, với đầy đủ giấy tờ hộ tịch chứng minh. Giấy tờ lại có vẻ xác thực. Chính phủ Sài Gòn vừa ngại ngùng vừa mẩt thể diện, nhưng cũng phải đành lòng thông báo cho Bokassa biết và xin lỗi. Vị Tổng Thống Trọn đời chẵng những không thấy có gì trở ngại trong việc đó, lại còn xin chính quyền Việt Nam cứ cho người con gài thứ hai này sang: ông nhận tuốt cả hai làm ái nữ.

Mời được Bokassa sang Sài Gòn đã không phải dễ. Đại sử Trung Hoa Quốc Gia (Đài Loan) đã báo trước cho Bộ Ngoại Giao Việt Nam Cộng hòa biết rằng Bokassa thuộc hàng “dê cụ”, đã mê người con gài nào thi khó mà cản: Sự việc này đã xẩy ra trong chuyến ông sang viếng thăm Đài Loan, khiến chính phủ Trung Hoa Dân quốc vô củng khó xử. Nhưng Thiệu nhất định cho tiến hành việc mời Bokassa sang vào dịp hè 1975, đề tảng uy tín Việt Nam Cộng hòa đối với Phi Châu. Vấn đê “máu dê” của ông cũng đã được mang ra thảo luận, ngay trong Dinh Độc Lập, vào tháng 11, 1974 với những đề nghị nửa đùa nửa thật là cho đi tìm mấy cô vũ nữ Văn cảnh và Maxim để dàn chào tiếp đón thượng khách.

Muà thu năm 1974, Bắc cũng đề nghị với Thiệu là Việt Nam Cộng hòa nên tiếp xúc mật với Trung Cộng để yêu cầu họ giảm bớt viện trợ cho Cộng sản Việt Nam và giúp mình chống lại Bắc Việt. Để đổi lại, Việt Nam Cộng hòa sẵn sàng dàn xếp thuận lợi cho việc Trung Cộng thăm dò dầu hỏa ngoài khơi ở những vùng "S biển còn đang tranh chấp tại Nam Hải, và sẽ áp dụng jnột đường lối ngoại giao âm thầm chấp nhận một phần nào ảnh hưởng của họ tại Đông Nam Á.

Trong thời gian làm Đại sứ tại London, từ 1972 đén 1973, Bắc đã làm quen thân thiết với một dân biểu Anh s, thuộc đảng Bảo thủ. Cuối 1974, dân biểu này dự định đi Bắc Kinh thám viếng cùng với một phái đoàn quốc-hội Anh. Tân Đại sứ Việt Nam Cộng hòa thay Bắc tại London được Bắc nhắn lời tiếp xúc với dân biếu đó, và nhở ông ta thăm dò giới chức Trung Cộng về việc nối lại tình hữu nghị với chính phủ Sài Gòn. Việt Nam Cộng hòa hy vọng khai thác được sự nghi kỵ giữa Trung Cộng và Bắc Việt sau chuyến viếng thăm Bắc Kinh của Nixon. VỊ dân biểu người Anh đến nói chuyện với Thứ trưởng Ngoại giao Kiều Quán-hoa. Nhưng họ Kiều nói là đỉ quá muộn, không thể khởi xướng một thay đổi chính sách với miền Nam Việt Nam được nữa, vì Trung Cộng đã hoàn toàn liên kết với chính phủ Cách mạng Lâm thời của Việt Cộng rồi. Bắc nhận định rằng Trung Cộng đang cố xây dựng chính phủ Cách mạng Lâm thời thành một lực lượng có thể cai trị miền Nam và chống lại ảnh hưởng cùng quyền lực của chế độ Hà Nội. ủng hộ chính phủ Cách mạng Lâm thời, Trung Cộng đã mong duy trì được ảnh hưởng của họ tại Đông Dương một khi ngưò i Mỹ rút đi. Trung Cộng đã dùng mọi cơ hội đề đề cao chính phủ   
Cách mạng Lâm thời: Lần nào trên đường từ Paris trở về Hà Nội, Thị Bình cũng được mời ghé Bắc Kinh, được khoản đãi linh đình, và gặp Mao hoặc Chu Ân Lai.

Cho nên, đề nghị kết giao của Việt Nam Cộng hòa đã bị hoàn toàn cự tuyệt. Bắc cũng ngạc nhiên thấy Trung Cộng đã liên kết với chính phủ Cách mạng Lâm thời chặt chẽ đ€n thế. Ông biết rằng Trung Cộng không có cơ ỉ ở quyền lực thực sự ở miền Nam, và ông tin rằng Bắc Việt sẽ không bao giờ cho phép chính phủ Cách mạng Lâm thời được độc lập hoặc ngay cả tự trị nữa, một khi chúng đã chiếm được miền Nam. Khi Bắc báo cáo cho Thiệu biết sự việc. Thiệu nối: “Trung Cộng chắc ăn quá rồi. Họ bảo với nhau là “tội gì phải giúp các anh lúc này ? Chúng tôi sắp được tất cả miền Nam kia mà.” Trung Cộng tin tướng rằng Bắc Việt sẽ để cho chính phủ Cách mạng Lâm thời cai trị miền Nam, cho nên đâu có lý do nào họ phải chia miếng bánh đó với Thiệu.”

Yếu tố căn bản của sự can thiệp của Mỹ tại Nam Việt Nam là “Thuyết Domino” và chính sách ngăn chặn Trung Cộng. Thoạt tiên là Ngô Đình Diệm, rồi hàng tướng lãnh của ông, rồi đến Thiệu và đạo quân Việt Nam Cộng hòa, đã cố thủ tại Đông Nam Á để ngàn cản không cho thuyết Domino tác động; nếu miền Nam đổ, thi nó sẽ trở thành quân Domino nạn nhân của Trung Cộng đầu tiên. Phàn Đông Nam Ấ cỏn lại sẽ đổ theo một loạt. Vậy mà, trớ trêu thay, vào lúc riàn chót sắp sửa khép lại thì Việt Nam Cộng hòa lại phải đi cầu cứu Trung Cộng. Trong tuyệt vọng, Thiệu đã hy vọng vai trò bá chủ cổ truyền của Trung - Quốc tại Đông Nam Á sẽ chiếm ưu thế trong đường lối đối ngoại của Bắc Kinh. Õng tin rằng Trung Cộng sợ ảnh hưởng của Hà Nội tại Đông Dương còn hơn là Sài Gòn, và vì thế may ra có thể sẵn sàng bỏ rơi Bắc Việt, là kẻ mà Trung Cộng xưa nay vẫn coi là đối thủ hàng đầu của họ tại Đông Dương. Luận cứ của Thiệu sau này đã được chứng tỏ là đúng (chảng hạn những xung đột tại vùng biên giới Việt-Hoa, và sự tranh chấp ảnh hưởng tại Cam-bốt), nhưng ông ta đã đi một bước quá chậm. Cách đó chỉ một năm, ông còn cho hải quân Việt Nam Cộng hòa ra Trường Sa nghênh chiến với Trung Cộng.

Cuối 1974, ông Thiệu còn cho Cựu Ngoại trưởng Trần Văn Đổ thẩm quyền thương thuyết mật với đại diện MTGP miền Nam tại Paris. Là người Nam, Dổ đã được các đại diện chính phủ Cách mạng Lâm thời tin cậy, vì ông đã từng quen biết họ hòi trước chiến tranh. Hoa Kỳ đã không chấp thuận những nỗ lực của ông, vả lại những nỗ lực này không tiến xa hơn giai đoạn tiếp xúc. Hà Nội cũng không muốn chính phủ Cách mạng Lâm thời điều đình thẵng với Sài Gòn cũng vì cùng một lý do mà Mỹ không muốn Sài Gòn trực tiép nói chuyện iị. với CPCách mạng Lâm thời. Cả hai bèn đều muốn kiểm soát hành động và kết quả.

Đàu năm 1975, tướng Trần Văn Đôn, hòi đó là đại sứ lưu động của Thiệu, đồng thời là chủ tịch Uy ban Quốc phòng Quốc hội, sang Paris gặp Nguyên Vàn Hiếu, trưởng phái đoàn CPCách mạng Lâm thời tại hội nghị Paris. Trước công chúng thì Hiéu theo đường lối cứng rắn, lên án chính phủ Thiệu có tà ý và không chịu thi hành Hiệp định Paris. Nhưng khi hai người gập nhau riêng, thì Hiếu thú thật với Đôn là “tụi \* tui bị kẹt vói bọn Bắc Việt rồi ! Đối phó với chúng nguy hiếm lắm ; tụi tui muốn bỏ hàng ngũ của chúng.” Hiếu nhờ Đôn nói giùm với Thiệu và thúc Thiệu đưa CPCách mạng Lâm thời vào chính phủ Sài Gòn như một thành phần liên hiệp để cùng chiến đấu c/iống lại sự thống trị của Hà Nội. Rất nhiều những gia đình Việt sống ở miền Nam đều có thân nhân trong hàng ngũ   
Bắc Việt hoặc MTGP. Cho nên cả Hiếu lẫn Đôn đều tin rằng liên hệ gia tộc và giá trị truyền thống miền Nam sẽ có thể giúp dàn xép được một hình thức liên \_ ' hiệp chính trị nào đó, hoậc liên két chia xẻ quyền lực.

Người liên lạc Mỹ của Đôn tại Paris hòi đó là Lee Williams thuộc cơ quan Trung Ương Tình Báo, đã báo cáo đầy đủ về những buổi họp riêng giữa Đôn và Hiếu. Theo Đôn, William đã không khuyến khích ông tiến hành công việc đó, nói rằng “Không đáng làm”. Đôn phúc trình lại cho Thiệu. Thiệu không mấy tin tưởng ở những người mà Đôn tiếp xúc, và bảo ông ta “thử hỏi Mỹ coi sao.” về sau Đôn được người Mỹ cho biết là họ không thích theo đuổi đề nghị của CPCách mạng Lâm thời. Thế là chẳng còn lối thoát đơn phương nào cả :   
Việt Nam Cộng hòa không thế vượt khỏi đường -■=> rằy Hoa Kỳ. (Sau cùng trước khi Sài Gòn mất, Kissinger còn đánh điện cho Đại sứ Martin nói là ông không muốn có thương thuyét giữa chính phủ Sài Gòn và CPCách mạng Lâm thời, nhưng chì muốn có dàn xép giữa Mỹ và CPCách mạng Lâm thời ở Paris mà thôi. (Xin xem chương 21)

♦

♦ ♦

Vào lúc liên hệ giữa Sài Gòn và Washington mỗi lúc một bi đát hơn, ông Thiệu bảo Hưng sửa soạn một kế hoạch cằu viện phòng hờ có tên là “kế hoạch vay Viện trợ” (Aid Loan Plan), mà Hưng đã nghiên cứu tử mùa hè 1974. Thiệu coi kế hoạch này như một cứ chì cuối t ùng của Mỹ đối với Việt Nam Cộng hòa. Ông bảo Hưng : “Bây giờ Việt Nam đã thành một tình nhân già, sắp bị thải đi rồi.”

Theo kế hoạch này, Việt Nam Cộng hòa sẽ đề nghị với Quốc hội Hoa Kỳ, thay vì viện trợ để mua đạn dược, thì cho vay ứng trước. Sài Gòn sẽ lấy lợi tức dầu hỏa ở ngoài khơi trong tương lai làm tiền ký qũy bảo đảm món nợ đó. Nếu được áp dụng, kế hoạch sẽ có thể chống đỡ được phần nào luận điệu phản chiến là “viện trợ thì như thùng chông đáy.” (Lời chỉ trích thường được Quốc hội phát biểu nhiều nhất là néu tiép tục, Hoa Kỳ sẽ không bao giờ có thể chắm dứt viện trợ quân sự cho Sài Gòn được — càng viện trọ, đánh nhau càng kêo dài.) về phía Sài Gòn, ông Thiệu tin rằng vụ vay mượn lần chót sẽ bó buộc quân đội, chính phủ lẫn nhân dân phải đối diện với thực trạng của một vận hội cuối cùng. Nó cũng sẽ giúp ích cho việc thiết kế q uân sự vì có thễ dựa vào những mức độ chắc chắn cũng như cơ cấu của mức viện trợ đó. Kế hoạch này sẽ giảm thiểu tối đa thời gian chờ đợi đáng sợ và những bất trắc ghè gớm hàng năm, có khi hàng tháng của diễn trình chuẩn chi viện trợ. Những cuộc thảo luận về viện trợ trong ngành lập pháp Hoa Kỳ qua từng chục tiểu ban, thường quá lâu la, quá phức tạp, đã gây nhiều rắc rối và hỗn loạn tại Sài Gòn. Hơn nữa, sự bàn cãi viện hàng năm lại còn có tính cách sì nhục và làm giảm tinh thần đồng minh nữa : mỗi ủy ban có liên hệ tới viện trợ (ngoại giao, quốc phòng, tình báo, an ninh, ngân sách v.v...) mỗi khi cứu xèt viện trợ cho Việt Nam Cộng hòa là lại mang chính phủ Sài Gòn ra chửi. Hết Hạ viện đến Thượng viện, rồi tới các ủy ban Chung Kết, đâu cũng vậy. Chửi xong là báo chí đăng tải, còn bình luận thêm. Rồi đến lượt các phe phản chiến trích dẫn nghị sĩ, dân biểu, báo chí !

Trong mấy tháng đầu 1975, Thiệu đồng ý cứu xét kế hoạch đi vay viện trợ của Hưng và khi ông trắc nghiệm ý niệm vay mượn này với nhiều nhà lập pháp Hoa Kỳ qua thăm Sài Gòn, thì thấy có phản ứng thuận lợi.

Hưng th úc ông Thiệu không nên giữ thể thủ quá đáng khi thảo luận viện trợ với người Mỹ : chảng hạn khi yêu cầu 300 triệu MK bổ túc, ông phải chứng tỏ lòng tin tưởng của mình vào khả nàng tự túc của Việt Nam Cộng hòa chỉ trong 5 năm nữa, nghĩa là vào năm 1980. Sau đó ông nên yêu cầu một khoản ứng trước trong thời hạn ba nàm để chuyên từ chiến tranh kiểu Mỹ sang chương trình Việt-Nam-hóa đích thực và “chiến tranh kiểu con nhà nghèo”. Người Mỹ có vẻ thích cái ý kiến này. Đại sứ Martin và Tùy viên Quốc phòng Mỹ đề nghi ông Thiệu xúc tiến và triển khai một ké hoạch chi tiĩĩt hơn. Thượng nghị sĩ Sam Nunn (DC- Georgia), mội: nhân vật có nhiều uy thế và là thành viên của ủy ban Quân vụ Thượng viện, khi gặp ông Thiệu đã có phản ứng tích cực. Nunn còn đưa ý kiến này ra trong một bài xã liận của tờ The Washington Post , lập luận rằng “thời gian chuyển tiếp hết sức cần thiết bởi lẽ ta đã khuyến khích miền Nam Việt Nam tiến hành một cuộc chiến tranh kiểu Mỹ với trang bị tinh vi và tiếp liệu ồ ạt. Họ cằn có thời gian dể biến cải quân lực phòng thủ xứ sở theo kiểu của họ, nhưng trong lúc biến cải, họ phải làm sao gạt sang bên được cuộc tấn công của Bắc Việt trước đã.”

Trở về Washington đễ vận đông viện trợ cho Việt Nam Cộng hòa, Đại sứ Martin đã cố gắng đưa ra lập luận “co hội chót” để thu phục sự hỗ trợ của các giới cho kế hoạch của Việt Nam Cộng hòa. . Ông đã đề nghị ý kiến này với Tổng Thống Ford, Kissinger và báo chí Mỹ. Trong một bữa ăn trưa với các chủ bút của tờ Washington Post, Martin đề cập ctén việc “chiêu hàng” ý kiến này, nên tờ Pỡst trong một bài xã luân của chính họ, đã kêu gọi “một quyết định vững chắc và cuối cùng giúp Sài Gòn thêm ba năm nữa rồi hãy chấp nhận những két quả, bất luận thế nào.” Nếu như hòi 1972 Việt Nam Cộng hòa đã thi hành chiến thuật này vào giữa lúc quân đội H K đang triệt thoái, Hưng tin chắc rằng Quốc hội Hoa Kỳ có thể đã nghe theo rồi.

Cuối cùng, khi Quốc hội Mỹ dần dần đi tới chỗ nhất định cắt viện trợ, Thiêu đành chấp nhận kiị hoạch của Hưng, “ đi vay viện trợ”. Đại sứ Martin sẵn sàng làm bất cứ gì cho Việt Nam Cộng hòa kế cả chương trình đi vay này. Theo Hưng, bất cứ người nào trong hàng ngũ lãnh đạo hồi đó cũng phải cảm phục sự công hiến và lóng tận tâm . của vị đại sứ này trong công cuộc cứu vãn nước Việt Nam tự do. Ngoài uy tín của Hoa Kỳ tại xứ này, còn có những cảm tình cá nhân trong sự công hiến đó nữa. Người con trai nuôi của Martin, một phi công trục thăng tên < Glen, đã chết ở Việt Nam khi máy bay của anh bị ró t. Cũng như hàng triệu dân Mỹ có thân quyến phục vụ tại Việt Nam , Martin nhất định không tin rằng cái chết của con minh đã vô ích. Thiên cảm của Martin gợi cho người Việt nhớ ctén tướng Jean de Lattre de Tassigny, tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp hồi xưa và quyết tâm của ông ta cứu vãn Đông Dương sau khi người con duy nhất, Trung úy Bernard de Lattre, đã bị Việt Minh giết hòi tháng Năm 1951 tại Ninh , Bình. Việt Minh đã chặt đầu Bernard, buộc xác trên lưng trâu, rồi mang thả trâu về đơn vị của anh.         
\*-

Nỗ lực vận động vay viện trợ quân sự của Việt Nam Cộng hòa khởi sự ngày mòng 5-3-1975, trong một phiên họp giữa Thiệu và dân biểu Steven Symms (CH-Idaho). Symms là một người trong số rất ít dân biểu bảo thủ vẫn còn lắng nghe lập luận xin vay mượn của Việt Nam Cộng hòa. Được Martin mớm trước, nên ông ta đáp ứng tích cực. Symms hỏi: “Liệu Ngài có sẵn sàng trả, thí dụ mười phần trăm số tiền chuẩn chi có không, nếu đào thấy dầu hỏa ?”        
3t

Thiệu đáp: “Tiềm năng dầu hỏa ngoài khơi Việt Nam rất tốt ; Hoa Kỳ có thê lấy đó làm thế chân.” Để chứng thực sự cam kết của mình, Thiệu hứa sẽ yêu cầu Quốc hội Việt Nam Cộng hòa biếu quyết cam két lấy dầu hỏa khai thác được’ trong tương lai làm khoân thế chân cho tín dụng. Hòi đó, giới chuyên viên của Việt Nam Cộng hòa ước tính lợi tức tương lai do dầu hỏa ngoài khơi mang lại sẽ vào khoẩng một tỷ mỹ kim - mỗi năm, căn cứ vào những kết luận kỹ thuật, tài chính và kinh tế của dự án “tiền khả thi” của công tác khoan mỏ dầu.

Nhưng giấc mơ về lợi tức dầu hỏa chỉ là một phần của huyền thoại, một phần của sự nhắm mắt trước thực tế, một thực tế đang chập chờn như bóng mặt trời sắp khuất. Chắc chắn sê có cái gì xẩy ra để cứu vãn Việt Nam. Người ta quay về với huyền thoại, giải thích những việc xẩy ra như bại trận, cẳt viện trợ, ném bom nhầm, đều không phải là những biên cố trằn tục, mà là những điềm gỡ tượng trưng cho sự liên kết nào đỏ của những lực lượng trong vũ trụ có mục đích trừng phạt dân tộc Việt Nam về một tội lỗi nào đó trong lịch sử ?        
J

Có thể lì Trời đang trừng phạt dân tộc Việt ở miền Nam vì đã hủy diệt dân tộc Chàm chăng ? Dân tộc này đã thịnh vượng ;rù phú tại miền Nam này từ khoảng năm 200 sau Công Nguyên cho tới khi bị người Việt chinh phục.

Trong gần năm trăm năm, từ 982 đén 1471, người Việt đã chiên tranh liên miên với dân Chàm, đê rồi tiêu diệt họ. Khi Đà Nẵng thất thủ, Hưng ngồi lắng nghe đòng nghiệp của anh kể lại Sự tích và số phận của dàn Chàm ; và trong một phút tuyệt vọng, yếu đuối, mỗi người tự hỏi không biết có phải Trời đang trừng phạt nhân dân miền Nam về cái tội lỗi tập thể đó hay không? Đâu có ai biết được rằng trong giờ phút đó, ở tận phươ rig xa, còn có kẻ đang rền ri than vãn : “Tại sao họ không chết lẹ đi cho   
rồi ?”

# CHƯƠNG XX - NHỮNG MẬT ĐIỆN CUỐI CÙNG

Sau bài diễn văn của Tổng Thống Ford, Thiệu ra chỉ thị cho tân Thủ tướng Nguyễn Bá cẩn thành lập một “nội các chiến tranh” với tính chất đoàn kết dân tộc bao gòm các lãnh tụ đối lập, tôn giáo và lao động. Thiêu muốn trao nhiều quyền cho nội các này với những nhân vật mới; ông Cẩn được bổ nhiệm thay thế ông Khiêm ngày 5 tháng 4. Ông Khiêm đã làm Thủ tướng từ 1969 và vừa từ chức, giữa lúc tình hình đang sôi động. Ông Cẩn trước đó là Chủ tịch Hạ viện, là người miền Nam trung thành với ông Thiệu, nổi danh là người hiền lành và biết điều trong giới chính trị Sài Gòn nhưng không được ngoại quốc biết tới. Ông Cẩn mời Hưng ở lại làm việc trong chính phủ mới với nguyên chức vụ nhưng với nhiều trọng trách hơn.

Ngày 11 thàng 4, Cẩn bắt đầu tiếp xúc với các nhân vật Sài Gòn ỏ nhà riêng để thành lập nội các. Cẩn bàn đến việc tổ chức lại Sài Gòn đế giải quyết vấn đề dân tỵ nạn và để phòng trường hợp Cộng sản tấn công. Những toán khủng bố Cộng sản đã trà trộn trong đàm dân tỵ nạn xâm nhập Sài Gòn để phá hoại và ám sát viên chức chính quyền. Trong lúc nghỉ giải lao, ông tân thủ tướng mời Hưng vào phòng riêng để hỏi về vấn đề mượn tiền Mỹ trong chương trình “Vay Viện trợ”; Hưng trả lời: “Như Thủ tướng biết, Tổng Thống Ford đã tự ý đưa ra ngày 19 thảng tư là hạn chót để Quốc hội dứt khoát về Việt Nam. Tôi chắc Quốc hội Hoa Kỳ sẽ bỏ phiếu chống việc viện trợ thêm! Vậy ta phải đề phòng trước vì ảnh hưởng tinh thần của nó sẽ k hông phải là nhỏ. Tối thiểu, ta có thề đưa ra một đề nghị khác đề Quốc hội hoãn vấn đề biểu quyết viện trợ.”

Nội các mới đòng ý xuất hiện trên đài truyền hình để trình bầy nhũng biện pháp cung cấp thực phẩm và giữ gìn an ninh cho dân Sài Gòn. Đó là một nỗ lực để gây tinh thần và trấn an dân chúng. Nhưng trước khi lên đài truyền hình, Cắn lại nói riêng với Hưng rằng rắt khó có thể trấn an dân chúng được! “Người Hoa Kỳ đã công khai bắt đầu xây bãi đáp trực thăng ở trên những nóc cao ốc; như vậy dân chúng đã thấy rõ ràng là họ chuẩn bị ra đi rồi. Nếu dân thấy Mỹ đi thì làm sao mà trấn an được?” Hưng nói nếu tình hình quá trầm trọng, ta cũng có thể nghĩ đến chuyện di tản ra đảo Phú Quốc và những đảo lân cận, ưu tiên dành cho quân nhân, cảnh sàt, công chức và gia đình, ít nhất cũng đến hai triệu người.

Buổi họp kéo dài đến đêm, và tài nhóm vào ngày nghi cuối tuần. Ngày thứ Hai, 14 tháng 4, tân thủ tướng trình diên nội các lên Tổng Thống. Trong suốt buổi lễ, ông Thiệu tỏ ra nghiêm nghị và căng thẵng, vẻ mặt xanh xao, dường như những biến cố vừa qua đã thu hút hết nghi lực của ông. Cộng sản đã tiến gằn đén Phan Rang, nơi sinh trưởng của Thiệu. Thông thường, lễ trình diện nội các như vậy phải chấm dứt bằng một bữa tiệc do Tổng Thống khoản đãi; nhưng lần này, không khí có vê nặng nề và ông Thiệu quay về văn phòng ngay sau buổi lễ. Thiệu có dặn Hưng là vô gặp ông ngay sau đó. ông Thiệu đưa Hưng xem một công điện đề ngày 14 tháng 4 do Ngoại trưởng Bắc gởi từ Luân Đôn về. Bắc vừa ở Saudi Arabia về Luân Đôn. Chuyến đi của ông có mục đích xin quốc vương Khalid vừa kế vị vua Faisal, đòng ý cho Việt Nam Cộng hòa vay tiền như phụ vương của ông đã hứa trước khi bị hạ sát.

Bắc cho biết Khalid đã thuận cho Việt Nam Cộng hòa vay tiền thâng hoặc bảo đảm để Hoa Kỳ tiếp tục viện trợ quân sự.

Thiệu e ngại rằng Quốc hội Hoa Kỳ sẽ bỏ phiếu chống số viện trợ 722 triệu cho Việt Nam, và phải tìm cách để trì hoãn việc này. Hưng nghĩ rằng việc thương thuyết mượn tiền của Saudi phải cần có thời gian ít ra cũng bốn tháng, cho nên lúc này, ông Thiệu phải xúc tién ngay kế hoạch “vay viện trợ” để tránh cái quyết định “không” của quốc hội Hoa Kỳ vào ngày 19 tới. Hưng đề nghị Việt Nam Cộng hòa nên thương thuyết với Hoa Kỳ. để vay tiền và dùng ngân khoản của Saudi làm tiền thế chân. “Trong tình trạng chống đối ở Hoa Kỳ hiện nay, ta có thể nói với người Mỹ là chì mượn tiền của họ thay vì viện trợ để họ khỏi tiép tục bỏ phiếu “không” ... Ta cũng cần phải làm một cái gì để giữ vững tinh thần quân dân của ta ở đây nữa.”

Thiệu chỉ thị cho Hưng thảo ngay một lá thư gởi cho Tổng Thống Ford đề nghị vay 3 tỷ trong khuôn khổ “vay viện trợ”, chia ra mỗi năm 1 tỷ, và Hưng sẽ phải lên đường đi Washington ngay để cho kịp thời.

Nhiệm vụ của Hưng là tìm cách trì hoãn việc bỏ phiếu của Quốc hội ngày 19 tới và đề nghị vay tiền. Thiệu dặn dò “Nếu Quốc hội bỏ phiếu không viện trợ cho Việt Nam Cộng hòa nữa thì sẽ )àm cho quân đội ta bỏ súng ngay. “Vay viện trợ” là cử chì cuối cùng của Hoa Kỳ trước khi họ bỏ rơi mình.”

Cùng lúc đó thì tại Washington ngày 14 tháng 4, ủy ban Ngoại g ao Thượng viện đã yêu càu gặp Tổng Thống Ford “để thảo luận về tình hình Đông Nam Ấ”. Đây là sự việc hạn hữu ít khi xảy ra. Phía hành pháp có Ford, Kissinger và Scowcroft (cố vấn an-ninh) tham dự. Buổi họp diãn ra trong bầu không khí nghiêm trọng. Theo ông Ford, ý định của các thượng nghị sĩ đã rõ ràng : “Chúng tôi bằng lòng chấp thuận một ngân khoản lớn để di tản, nhưng viện trợ quân sự thì một các bạc cũng không.” Nghị-sĩ Frank Church cho rằng Hoa Kỳ sẽ bị rắc rối lớn nếu định di tản tất cả người Việt thân Mỹ sang Hoa Kỳ. Nghị-sĩ Joseph Biden tuyên bố : “Tôi sẽ bỏ phiếu thuận để cấp bất cứ ngân khoản nào cho việc di tản người Mỹ ra khỏi Việt Nam, nhưng tôi không muốn số tiền đó dính líu đến việc di tản người Việt.”

Về tới văn phòng. Hưng cùng người phụ tá, Tiến-sĩ Nguyễn Mạnh Hùng, soạn lá thư của ông Thiệu định gởi cho Ford. Trước khi đưa cho người thư ký đánh máy, Hưng bắt cô ta thề không tiét lộ việc này. Lá thư đó đọc như sau:

Kính thưa Tổng Thống,

Những biến cố gàn đây đã làm tình hĩnh mièn Nam Việt Nam nghiêm trọng bội phàn. Mặc dù chúng tôi đã rút v'ê một phòng tuyến khả dì có thể phòng thủ cả về quân sự lăn kinh tế, chúng tôi vẫn phải đương đău với địch quân đang gia táng quân số và võ khí tối tân. Trong khi Cộng sân đang tập trung ở ngay trước ngưỡng cửa của vùng châu thổ mién Nam, quân dân Việt Nam Cộng hòa đã sẵn sàng và chuẩn bị mang toàn lực chiến đấu để bảo vệ lãnh thổ và tự do. Muốn làm được như vậy, chúng tôi rắt càn phương tiện để chiến đấu, nhất là vũ khí và đạn dược.

Vì vậy, chúng tôi nhiệt liệt cẩm tạ nỗ lực của Ngài đang kêu gọi Quốc hội Hoa Kỳ cấp thêm viện trợ quân sự cho Việt Nam Cộng hòa. Tuy nhiên, viện trợ quân sụ đã trở thanh một vấn đề khó khăn của chính phủ Hoa Kỳ trước công luận và có thể bị Quốc hội bác bỏ. Sự kiện này sẽ có ẩnh hưởng khốc hại đến linh thăn quân sĩ của chúng tôi trước trận chiến lịch sử. Chúng tôi không muốn việc này xảy ra

Chúng tôi ghi ơn tắt cả những hy sinh xương máu và vật chất của nhân dân Hoa Kỳ trong quá khứ để bảo vệ miền Nam Việt Nam tự do. Chủng lôi hoàn loàn thông cảm với các nhà lập pháp khi họ phải đương đầu với những vấn để chinh trị và những mối quan lâm của họ trong khi cứu xét viện trợ quân sự cho Việt Nam Cộng hòa. Trong trường hợp bất khả kháng, chúng tôi xin trình Ngài một giải pháp khác như sau đây.

Tôi trân trọng thỉnh càu Ngài kêu gọi Quốc hội cho Việt Nam Cộng hòa vay dài hạn 3 tỷ MK, chia làm ba năm, lãi xuất do Quốc Hội ấn định, và xin triển hạn 10 năm trước khi trả vốn và lời. Tài nguyên dầu hỏa và canh nông của Việt Nam Cộng hòa sẽ dùng làm ti 'én thế chân cho món nợ này. Món nợ giúp chúng tôi chống xâm lăng và cho chúng tôi cơ hội để tồn tại như một quốc gia tự do.

Chúng lôi kêu gọi lương tri và lòng trắc tỉn của nhân dân Hoa Kỳ hãy nghĩ đến một quốc gia đồng minh trung thành trong hai mươi năm sóng gió vừa qua, một dân tộc đã chịu rất nhiêu hy sinh thống khổ để dành một cõi sống tự do. Một dân tộc như vậy rất đáng được thiện cám và giúp đỡ.

Trong giờ phút khăn cấp này, tôi xin Ngài kêu gọi Quốc hội Hoa Kỳ hãy cứu xét ngay lời yêu cầu của Việt Nam Cộng hòa. Đây là một hành động cuối cùng của chúng tôi kêu gọi sự giúp đỡ của Hoa Kỳ như một nước đồng minh.

Trân trọng

(kt) Nguyễn Ván Thiệu

Ý định của Hưng là mang bản thảo của lá thư sang Washington để dò dẫm xem sao rồi đánh điện về Sài Gòn để ông Thiệu gỏ i lá thư đó cho Tổng Thống Ford qua Đại sứ Martin.

Đêm đó khi ở Dinh Độc Lập vè, Hưng gọi điện thoại cho Đại sứ Martin đề nói cho ông hay về chuyến đi của anh và việc ông Thiệu muốn vận động để hoãn việc bỏ phiếu ở Quốc hội bằng cách đưa ra một đề nghị mới là “vay viện trợ”. Hưng cần Martin giúp. Anh hỏi Martin xem có cơ hội may mắn gì không. Martin trả lời: “May ra”, nhưng dù ông ta có tử tốn khoan thai đến mấy cũng không dấu nỗi vẻ thiếu nhiệt thành và nghi ngờ của ông. Sau lời chúc Hưng thượng lộ bình an, Martin nói tiếp : “Nhân tiện tói muốn hỏi ông, bao giờ thì Tổng Thống của ông từ chức ?” Hưng ngạc nhiên, tự hỏi tại sao ông Đại sứ lại bất chợt hỏi anh câu hỏi chét người này giữa lúc tình thé như vậy. Hưng đáp lại là anh không hiểu ông Đại sứ muốn nói gì cả. Hưng để ý đây là lần đầu tiên Martin dùng từ ngữ “Tổng Thống của anh” thay vì “Tổng Thống” hay “Tổng Thống Thiệu” như mọi khi ông vẫn dùng. Hưng viết phúc trình ngay cho Thiệu về câu hổi trớ trêu này của Martin. Sau đó, vì quá mệt mỏi, anh phải lấy mấy viên thuốc ngủ ra uống, cố gắng nhằm mắt vài giờ đồng hò trước khi chuẩn bị lên đường.

\*

\* \*

Hưng được một số bạn đồng liêu trong nội các ra phi trường tiễn biệt. Lúc đó là 1 giờ 30 chiều ngày thứ tư 15 tháng 4, và là buổi sáng tinh sương cùng ngày ở Washington. Hưng có nhiệm vụ là phải hoàn tất sứ mạng trước ngày 19 thảng 4, là hạn chót Tổng Thống Ford muốn Quốc hội có thái độ về viên trợ cho Việt Nam. Anh chỉ có hai giờ đồng hò để bàn giao cho một rổng trưởng khác kiêm nhiệm chức vụ của anh ở trong hội đòng nội các mới. Các ban bè từ biệt anh ở dưới chân ẹhiỉc Boeing 747 của hãng Pan American. Anh cảm thấy bất trỉíc, bối rối, và lòng buòn vô kể. Từ mấy ngày nay đài BBC và tiếng nói Hoa Kỳ đều loan tin về vụ cắt viện trợ và tiên đoán miền Nam sẽ sụp đổ chì trong vài ngày tới đây. Những người cận vệ của anh trông thật là buòn bã, nước mắt quanh tròng khiến anh cũng không thể cằm lòng được nữa. Chưa bao giờ anh nghĩ rằng Cộng sản lại có thể diẽn binh ở Sài Gòn trong khi anh đang ở Washington. Anh nghĩ, nếu đường cùng thì Việt Nam Cộng hòa sẽ thương thuyết vói Hà Nội để hoặc cắt đất, hoặc khi tuyệt vọng thì sẽ thành lập chính phủ liên hiệp với Cộng sản miền Nam và như vậy, có thể sẽ mất nhưng cũng một vài năm sau: Nếu để Cộng sản kéo quân vào Sài Gòn với xe tăng của Nga, thì Hoa Kỳ sẽ mất hét thể diện trước quốc tế ! Tất cả kế hoạch triệt thoái của Hoa Kỳ là để bảo vê danh dự của họ. Việt Nam Cộng hòa không thể nào hiểu nổi tại sao Ford và Kissinger lại có thể để cho Hoa Kỳ bị nhục nhã đến thế. Ông Thiệu thường nói: “Vuốt mặt phải nể mũi, cho dàu Cộng sản có làm gì đi chăng nữa thì chúng cũng còn phải nể mặt Hoa Kỳ đôi chút.”

Sau khi Hưng đi rồi, Thiệu mời Đại sú Martin vào Dinh Độc Lập để nhờ ông yểm trợ cho chuyến đi của Hưng. Martin thông cảm và đánh điện ngay cho Kissinger:

“Tới báo cáo để Ngoại trưởng biết rằng ông Thiệu đề nghị nếu việc xin thêm 722 triệu quân viện có thề bị Quốc hội bác bỏ, ta nên tìm cách hoãn ngày bỏ phiếu lại. Mặc dàu ông Thiệu không muốn nói ra nhưng rõ ràng rằng cả ông ta lăn tất cả mọi người khác đều không biết rời sự việc sẽ ra sao (nếu Quốc hội bỏ phiếu chống) ? "

Mặc dầu không nói cho Martin hoặc tất cả những cộng Sự viên thân cận của ông biết, ông Thiệu đã có một kế hoạch khẩn cấp. Ông tin rằng vẫn còn có thể giữ được miền Tây nếu được Mỹ tiếp tục viện trợ. Theo ké hoạch đó, ông sẽ để một sư đoàn ở lại   
Sài Gòn cầm chân cs rồi rút toàn thể lực lượng và chính phủ về Vùng 4 Chiến Thuật. Tuyén đâu sẽ là Bén Lức ở phía Nam Sài Gòn và như vậy thì cái “đầu bé” đã mất rồi, chì còn lại cái “đít to” là hy vọng cuối cùng. Nếu Thiệu giữ được miền châu thổ này thì Việt Nam Cộng hòa vẫn giữ được đa số dân cư và mảnh đất phì nhiêu nhất của miền Nam. (Xem bản đò ở đầu sách)

Hưng bièt được ý định chiến lược của Thiệu nhưng anh cũng biếl rằng không thể nào thi hành được chiến lược đó nếu không có sự cam két viện trợ quân sự của Hoa Kỳ. Anh than thở với một người bạn Mỹ : “Chúng tôi đang ở cảnh huống thật đau khổ. Tôi đã biết thừa câu châm ngôn của Hoa Kỳ. : “Ai chi tiền thì người ấy chỉ huy.” Không những viện trợ hết, tất cả những thể thức và biện pháp du di sổ sách ở Bộ Quốc phòng cũng không còn hiệu nghiệm nữa. Quốc hội lại còn cấm không được dùng tiền viện trợ đế trá lương lính và cảnh sát ; tiền Việt Nam do việc bán đồ nhập cảng của qũy viện trợ Mỹ chì còn được dùng để trợ câp dân tỵ nạn mà thôi. Như vậy là hết mọi lỗ thở, tất cả đâ bị bóp nghẹt.

Từ ngày về nước làm việc, Hưng đã được các bạn đồng nghiệp, bạn bè, và chính trị gia ở Sài Gòn cho hay tất cả mọi việc kê cả việc bầu cử Tổng Thống, thăng chức một cấp tướng, lập một thứ thuế mới, hay hạ giá hối xuất của đồng bạc Việt Nam, đều phải được Mỹ gật đầu. Một chiếc cầu ở dưới vùng đòng bằng Cửu Long mang cái tên mía mai là cầu Mỹ Thuận ; không biết vì lý do gì, về kỹ thuật hay ngân khoản mà nó không bao giờ được hoàn thành cả, trông thật chướng mắt. Các viên chức ở bộ Công chánh nói đùa là mặc dầu cây cầu mang tên Mỹ Thuận nhưng Mỹ không bao giờ chấp thuận dự án làm cái cầu này cả.

Chưa bao giờ Hưng cảm thấy tủi nhục về vấn đề phải lệ thuộc vào Mỹ như bây giờ. Vừa bước váo trong lòng chiếc máy bay, anh cảm thấy bản khoăn vô cùng. Anh tự hỏi: “Phải vận đông ra sao để Quốc hội Hoa Kỳ đừng giáng nhát búa cuối cùng xuống nước mình ?” Nguồn hy vọng độc nhất của anh là tập thư của Nixon và Ford mà anh mang đi theo. Mặc dằu ông Thiệu miễn cuông trong việc tiết lộ những lá thư này với anh, nhưng anh quyết định sẽ dùng đến nó khi tới Washington vì chẵngcòn gì khác nữa. Anh hy vọng rằng khi những lời hứa bí mật của Nixon và Ford được mọi người biết đến thì may ra có chút hy vọng, dựa trên cái đức tính cận bản về công bình (íairness) và xòng phẵng của người Hoa Kỳ. Thiệu nói với Hưng rằng tiền cho vay trong khuôn khổ “vay viện trợ” sẽ là cử chì cuối cùng của Mỹ đối với một người tình xưa.

Lên máy bay, Hưng cất tập hò sơ mật trong cặp da Samsonite và ngồi đè lên trên ghế máy bay. Cô chiêu đãi viên hàng không tới đòi cất chiếc cặp đó lên trên chỗ dành cho hành khách, nhưng Hưng nhất định không chịu. Cuối cùng, Hưng bằng lòng để xuống sàn và lấy chân đè lên.

Anh nôn nao khi chiếc máy bay bắt đầu chuyển bánh để ra phi đạo. Chiếc máy bay gần như trống rỗng. Anh cảm thấy đau ê ẩm ở lồng ngực và chóng mặt. Bỗng nhiên anh thấy bàng hoàng và choáng vàng như linh cảm thấy rằng anh sẽ không được trở lại quê hương nữa, bỏ lại ở đây mẹ già, anh chị em và đòng bào của anh. Anh cố ngoái ra cửa sổ máy bay để nhìn xuống Sài Gòn lần chót, thành phố xinh đẹp với bao nhiêu kỷ niệm của anh. Tại sao thành phố này lại có thế lọt vào tay Cộng sản được ?

Như thông cảm với những suy tư của anh, chiếc máy bay lượn quanh Sài Gòn hai vòng. Hưng nhìn xuống nhà thờ Đức Bà é' công trường Kennedy. Anh còn nhớ vào mùa hè năm 1954, sau khi Điện Biên Phủ thất thủ, anh hướng dẫn ban thánh ca của người Công Giáo di cư đến ngôi thánh đường nguy nga hát lễ tạ ơn Thượng Đế cứu sống đoàn nguời tìm tự do. Hôm đó, là ngày đầu tiên anh đặt chân đến Sài Gòn sau khi chiếc tàu Pháp chở anh cặp bén. Anh còn nhớ cũng ở đây, năm 1955, anh run sợ biết mầy khi được chọn ra hát đơn ca trong đại thánh lê đón tiếp Đức Hồng Y Spellman đến thăm Sài Gòn. Đức Hồng Y là người ủng hộ Tổng Thống Ngô Đình Diệm, và cuộc viếng thăm của Ngài dường như là đí chứng tỏ cho giáo dân biết Hoa Kỳ thực sự ủng hộ Tổng thống Diệm.

Dưới kia là sông Sài Gòn, mầu nâu đục, có những hàng cây cau, cây dừa xanh tô điểm cho thêm phần thơ mộng. Làm sao quên được những ngày nghĩ đi câu cá, câu tôm ở trên dòng sông đó? Dinh Độc Lập thoáng qua ở đằng xa, và những biến cố dồn dập từ ba tháng nay hiện về rõ ràng trong óc anh. Chiếc máy bay lướt qua thành phố dọc con rạch Công Lý trên đường dẫn ra phi trường. Anh nghĩ tới một caương trình ưu tiên để khai thông con rạch bùn lầy nước đọng này trong năm tới và dùng nhà máy biến rác Sài Gòn thành phân bón do viện trợ anh vừa xin được của Hoà Lan. Rồi bỗng nhiên, anh thấy như có linh bào rằng châng còn mắy ngày nữa là Sài Gòn có thể bị tiêu hủy bởi pháo kích của địch. Đây là lần đầu tiên Sài Gòn có thể bị phi cơ oanh tạc vì phi trường Đà Năng vừa mầt. Cũng lần đàu tiên anh vừa mới được biết tháng trước đây rằng Sài Gòn hoàn toàn không có hệ thống phòng không!

Hưng lục lọi giấy tờ trong cặp và lôi ra bản thảo tình hình quân sự mới đây. Theo bản báo cáo đó, quân miền Nam còn lại chừng 53,000 là số tàn quân của 6 sư đoàn bộ binh ; trong khi quân Bắc Việt ước lượng hơn 200,000, gòm 22 sư đoàn kể cả 6 sư đoàn trừ bị mới ném vào chién trường miền Nam. Sau đó, anh lấy ra xem một bản báo cáo hàng ngày của tướng Quang trinh ông Thiệu. B.ỉn báo cáo đề ngày 12 tháng tư ; đọc xong anh thấy sao r ó rời rạc quá, không đúng với thực tế, gồm toàn những con số làm như thể quân ta đang thắng thế. Quang tham chiỉ u bản báo cáo của Bộ tổng tham mưu và trình rằng:

“— Quân khu 2

TK/ Bình thuận : địch tấn công Phan Thiết. Bạn: 9 tử thương và 20 bị thương. Địch ; 600 chết.

— Quân khu 3.

TK/ Long Khánh : địch có chiến xa tấn công. Bạn 33 tử thương, 178 bị thương. Địch : 837 chết, 5 bị bắt. Ta thu 275 vũ khí và 12 chiến xa T-54 bị phá hủy”

Bản bào cáo chẳng có phần phân tích chiến lược, chiến thuật hay dự đoán, ước đoán gì cả. Nó chì là một thứ “sao y bổn chính” không hơn không kém.

Chiếc phản lực cơ lướt nhẹ nhàng trên không phận biển Nam Hải và Hưng bắt đằu thiết kế tì nỉi chương trình làm việc khi đến Washington. Trước khi đi, anh đã yêu cầu Tổng trưởng Dân Vận đậc phái một người bạn anh là Nguyễn Ngọc Bích, Giám đốc Việt Tấn Xã đi theo để giúp anh chuần bị tài liệu kêu gọi lương tri Hoa Kỳ. Hai người bắt tay vào việc và chì mong máy bay chóng đáp xuống. Nhưng dù phải làm việc, anh thấy cuộc hành trình vẫn dường như kéo dài hơn mọi khi. Cuối cùng, Hưng ngủ thiếp đi trên vùng trời tối tăm và cô đơn của Thái-bình- dương. Anh chợt mơ thấy Sài Gòn đang bị tấn công bằng phi Cơ F-5E mà chính anh đã dàn xếp với hãng Northrop để giao cho Việt Nam Cộng hòa trước Giáng Sinh 1974.

Máy bay đáp xuống phi cảng San Francisco sáng sớm ngày thứ tư 16 tháng tư. Mặc dầu anh đâ sống ở Hoa Kỳ hơn 15 năm, dạy ở các đại học Hoa Kỳ và đã hòa mình vào đời sống với xe cộ, nhà cứa, đồ ăn chớp nhoáng McDonald, siêu thị Safeway, thế mà bây giờ anh lại cảm thấy như bước chân vào một vùng đất xa lạ. Mọi người chung quanh anh vội vã lên xuống mày bay đi tìm xe buýt và taxi, chảng ai để ý rằng Sài Gòn đang ở giờ phút ngắc ngoải. Châng ai thèm lưu tâm Việt Nam Cộng hòa còn có thề chống cự được bao ngày nữa. Một trận chiến mà Hoa Kỳ đã nhập cuộc trong hơn mười năm, sắp tàn cuộc và lùi vào quá khứ.

Hưng mang thông hành ngoại giao và được tháp tùng qua khu nhập cảnh và quan thuế dễ dàng. Nhân viên nhập cảnh chào anh một cách thân mật: “Xin chào ông và mong ông được thoải mải trong thời gian lưu lại Hoa Kỳ”. Thế rồi ông nói tiếp : “Tình hình bên Việt Nam có vẻ không được sáng sủa lắm phải không?’ Hưng nhìn ông và ngậm ngùi. Anh cảm ơn ông và chạy ngay ra xạp báo để xem những gì đã xẩy ra trong khi anh ở trên máy bay. Tin tức ở trang nhất nguy ngập vô cùng. Nhiều tĩnh miền Nam đã lọt vào tay Cộng sản, kể cả Phan Rang, nơi chôn nhau cắt rốn của ông Thiệu. Phan Rang cách Sài Gòn chừng 380km về phía Đông Bắc. Trước khi anh rời Việt Nam còn có hy vọng rằng có thể giữ được Phan Rang ít nhất một tháng nữa. Ở đó có phi trường lớn và 12 chiếc F-5E, với đầy đủ tiếp liệu và đạn dược.

Trong khi đợi máy bay đi Washington, Hưng mua một chiếc radiô nhỏ để nghe tin tức. Sau 20 phút nhạc Elvis Presley và Linda Ronstadt đến bản tường trình về buổi họp của Tổng Thống Ford với Hội các Nhà Báo Hoa Kỳ. Ford nói về những cam kết của Hoa Kỳ đối với miền Nam Việt Nam . Thoạt đầu nghe có vẻ khích lệ. Ông nói: “Tôi nghĩ rằng Nga Xô đã giữ những cam két của họ Rất tiếc là ta đã không làm như vậy. Tôi không nghĩ ta có thể trách Nga Xô hay Trung Cộng về vụ này. Nếu chúng ta giữ những hứa hẹn của chúng ta đối với đồng minh thì tôi nghĩ thảm họa này đã không xẩy ra.

Hưng nhận ra rằng, Ford vẫn không thay đổi ý kiến, mặc dàu ông đã đọc ít nhất bốn lá thư của Nixon do anh nhờ tướng Weyand chuyển, và Von Marbcd đã cho anh hay là đọc xong “Ford rất cảm động”. Nhưng bây giở đã rõ, dù có cảm động, Ford cũng sẽ chì đánh võ miệng. Hy vọng dù mong manh của Hưng nay đã tan bién đi khi anh tiếp tục nghe buổi nói chuyện của Ford lúc bị nhà báo vặn hỏi về tính chất của những cam kết của Hoa Kỳ. Ỡng Ford không ngần ngại trả lời thẳng thừng rằng đó là những “cam két về tinh thần chứ không phải pháp lý”. Thế là ông ta đã àn phải bả của Kissinger rồi.

Bản tin cũng cho hay Hoa Kỳ chỉ có thể cứu được 50 ngàn người tỵ nạn Việt Nam, trong khi chở đợi Quốc hội cho nhập cảnh khoan hòng. Tin đó làm cho Hưng mệt mỏi hơn là chuyến bay qua Thái-bình-dương. Anh chưa bao giờ cảm thấy thất thế đến như vậy. Anh mận thấy ông Ford nói về vấn đề viện trợ quân sự một cách lờ mờ như chỉ là để lấy lệ. Thực sự, ông ta không tin tưởng và cũng không muốn vận động gì thêm. Có lẽ ông chì muốn xin viện trợ để cho Quốc hội bác đi rồi đẩy trách nhiệm hoàn toàn cho Quốc hội. Hưng đã nghe thấy tin đòn ông Ford sẽ ra tranh cử năm 1976 và muốn dứt khoát với chiến tranh Việt Nam để tránh cái của nợ chính trị đó. Trống ngực đập mạnh, anh nhắm mắt lại và tự hỏi còn mấy ngày nữa thì   
Sài Gòn mất và quốc gia anh sẽ ra sao?

Hưng lên máy bay đi về Washington. Ngày trước, ở Washington, anh coi nó như một thành phố buồn, không có gì quan trọng đối với anh. Bây giờ hình ảnh XVashington đã trở nên chuyên chế, huyền bí và hãi hùng. Đã bao năm ỏ Hoa Kỳ, mà anh vẫn chưa hiểu nổi hành động và phản ưng thiếu khôn ngoan, thiếu chung thủy của những ông bự ở VVashington. Ngày hôm trước hứa hẹn đủ điều, ngày hôm sau đã thay đổi lòng dạ và không còn tha thiết nữa. Từ Eisenhower, Kennedy cho đến lohnson, tổng thống Hoa Kỳ nào cũng đã vẽ một tuyến của thế giới tự do ở tại Việt Nam . Nhung nay thì họ lại cho rằng dính dáng vào Việt Nam là một nhằm lẫn to lớn. Nhìn thắy những gì đã xảy ra ở Việt Nam, bây giờ Hưng nghĩ anh sẵn sàng nói thẵng với Hoa Kỳ rằng: “các ông không làm cho người đàn bà mang thai rồi cho đó là một nhầm lẫn và bỏ chạy. Các ông không nhúng tay vào đất nước chúng tôi làm cho tán loạn, rồi nói là nhầm lẫn, và cuốn dù.”

Trong lúc cùng đường, anh muốn loan báo chương trình vay tiền “Freedom Loan” trên đài Tiếng Nói Hoa Kỳ (VOA) để khích lệ quân dân bên nhà. Người bạn của anh, Lê Văn, đã sắp xếp giờ để phỏng vấn anh trên đài.

Hưng thức gằn suốt đêm để chuẩn bị cho những gì anh sẽ nói. Sáng ngày 18 tháng 4, vừa lúc sứa soạn phát thanh thì Lê Van đưa cho anh tin các hãng thông tấn đành đi cho hay ủy ban Quốc phòng Thượng viện vừa bỏ phiếu chống việc tăng quân viện cho Việt Nam Cộng hòa ! ủy ban Bang giao Quốc tế cũng vừa chấp thuận dự luật cho quyền Tổng Thống Ford xứ dụng quân đội Hoa Kỳ để di tản người Mỹ ra khỏi Việt Nam.

Thế là kế hoạch của Hưng tan ra mây khói. Không còn ai để kêu cứu nữa. Ông Ford đã quyết định bỏ Việt Nam. Henry Kissinger tuyên bố : “Cuộc bàn cãi về Việt Nam nay đã chim dứt. Ngành hành pháp Hoa Kỳ đã chấp nhận bản án của Quốc Hội, không hiềm thù, không biện minh và cũng không kháng cáo.” Mối lo ngại của Hoa Kỳ bây giờ là vắn đề di tản. Tổng Thống Ford bổ nhiệm Dean Brown thuộc Bộ Ngoại giao đứng đầu Lực lượng Đặc nhiệm Di-tản.

Ngày 17 tháng 4, Kissinger gởi công điện lối mật cho Đại sứ Martin ra lệnh xúc tiến ngay việc di tản người Mỹ ra khỏi Sài Gòn.

Công điện đó đọc như sau:

Người nhận : Martin

Độ mật : Tối mật, xem xong hủy liền.

ủy ban Liên bộ vừa duyèt xét xong tình hình miền Nam Vi.èt Nam. Báo tin cho Đại sứ hay rằng hầu như chẵng có ai muốn di tản người Vi.èt Nam cả, và quan điểm chung của các giới quân sự Bộ Quốc Phòng, và CIA là phải đi ra thật mau và ngay bây g iờ. Nhiệm vụ của chúng ta — ông và tôi — lúc này là tránh đừng để sự hoảng hốt xảy ra cả ở Sài Gòn lẫn Washington, và tôi biết ông hiểu rõ đièu này hơn ai hết ...

Tôi yêu cầu Đại sứ thi hành ngay và Bộ sẽ làm tất cả những gì có thể làm được để yểm trợ. Đại sứ sẽ nhận được một công điện nữa theo đường giây thông thường để xác nhận công điện này cùng một số những câu hỏi và chỉ thị liên quan đến vấn đ'ể di tản.

Kissinger

Như vậy, chỉ thị tối cao đã rõ : không di tản người Việt Nam, mà chì rút số nhân viên Hoa Kỳ ra khỏi Sài Gòn gấp (Ai trong chúng ta di tản được thực đã do số mệnh run rủi.)

\*

\* ♦

Ở Sài Gòn, Đại sứ Martin nhận được công điên nhưng vẫn chưa chịu thua cuộc. Đêm hôm đó (17/4), ông gởi cho Kissinger một công điện mật theo hệ thống đặc biêt về Toà Bạch Ốc. Bảr công điện này quan trọng và mật đến độ Martin phải đánh máy lấy và giao thâng cho nhân viên mật mã. Martin trinh bày kế hoạch ngăn chận khủng hoảng ở Sài Gòn và nêu lên một vài chi tiết về tương lai của ông Thiệu :

... Nếu Quốc Hội bỏ phiếu khước từ việc táng ngân khoản cho Việt Nam, thì tôi hy vọng rằng cả ông và Tổng Thống Ford sẽ bình tĩnh tuyên bố rằng Hành pháp sẽ ra sức tranh đấu cho ngân khoản năm 1976. Nghe có vẻ không thực tế, nhưng ảnh hưởng việc đó không phải là nhỏ ờ đây... Điều tối quan trọng là Washington đừng hoảng hốt... Lệnh di tản (người Mỹ) bắt chợt có thể gây bạo động ở Sài Gòn ... Nếu không giữ bình tĩnh và vội vàng đưa Thủy quân lục chiến vào đây thì (việc di tản) có thê gãy sự nổi giận vói kết quà không lường được.

.... Quân đội Việt Nam Cộng hòa còn có thể chận các ngả tiến quân (của CS) vào Sài Gòn trong một thời gian ; và tôi không nghĩ rằng Hà Nội muốn tấn công dữ dội ngay vào Sài Gòn vì nhiều lý do ... Phắn lớn những người Mỹ nào có thái độ hoảng hốt thì đã được di tản rồi, và những ai còn ờ lại đây đểu rất bĩnh lĩnh và can đâm.

Tôi nhắc lại làn nữa là sẽ có náo động lớn nếu gởi quân đội Mỹ vào Sài Gòn (đê di tản), ngoại trừ một số ít và không quá lộ liễu. Tất cả những tin tức nhận được đèu xác nhận điêu này. Người Việt Nam sẽ cho rằng Hoa Kỳ mang Thủy Quân Lục Chiến vào đê di tản người Mỹ và mặc kệ số phận người Việt ở đây. Đó là một hành động phản bội trắng trọn của Hoa Kỳ, và họ sẽ có phản ứng mạnh. Cứ để như tình trạng hiện tại, chúng tôi sẽ gây được cảm tình với người Việt Nem vì họ cho rằng người Mỹ còn ở lại đây cũng chịu chung số phận với họ ...

Martin vẫn còn hy vọng có thể thương thuyết với Bắc Việt để đi đến một giải pháp cuối cùng. Nhưng ông ta nghĩ rằng nếu muốn được như thế thì Thiệu phải rút lui. Martin còn nghĩ rằng ở Sài Gòn, cựu đại sứ Bùi Diễm và tướng Trăn Văn Đôn, người vừa được cứ làm Tổng vưởng Quốc phòng trong nội các mới, lại đang muốn thương thuyết với Bắc Việt được xúc tiến ngay. Martin nói ông có thể gặp Diẽm và Đôn để bàn chuyện này. Ông đề nghị với Kissinger để ông thuyết phục ông Thiệu từ chức. Martin tiếp tục công điện tối mật:

Tôi vẫn có thể nói với ông Bùi Diễm và tướng Tràn Văn Đôn rằng việc thay đổi nhân sụ là việc làm của họ, nhưng tôi nhận thấy vấn đề thương thuyết không thể tiến hành được nếu Thiệu còn ngời đây. Nếu được Washington cho phép tôi sẽ cổ gắng thuyết phục Thiệu và cho ông ta biết rõ rằng đây chỉ là ý kiến cá nhân của tôi với tư cách là một người bạn chân thật. Sau khi suy nghĩ mọi đàng tôi đì đến kết luận là chỗ đứng của ông ta trong lịch sử sẽ được bảo đảm hơn nếu xét tất cả những gì ông ta đã làm cho đất nước này. Nếu ông ta không chịu mà cố tham quyền cố vị, thì cơ hội cuối cùng để cứu vãn miền Nam Viẹt Nam, như một quốc gia còn chút tự do, sẽ không còn nữa.

Tôi sẽ cho ông Thiệu rõ tôi đã đi đến một kết luận vô tư là nếu ông ta không chịu xuống thì các tướng lãnh dưới quyền ông sẽ bắt buộc ông làm điếu này. Có một cách rút lui êm đẹp và trang trọng nhắt là tự ý ông từ chức, và nói cho đồng bào của ông biết rằng ông phải làm như vậy để bảo vệ hiến pháp và để chính phủ kế vị có thể dễ dàng điểu đình cứu vãn nước Việt Nam tự do. Đó là hành động của một người vô cùng can đảm đã để quyền lợi quốc gia lên trên hết. Tôi sẽ cố nói cho ông ta biết rằng đay là thiển ý của tôi chứ không phải của ông Bộ trưởng Ngcại giao hay Tổng Thống Hoa Kỳ ; và tôi cho rằng những vị này vẫn một lòng ủng hộ chính phủ và nhân dân Việt Nam Cộng hòa. ,

Đây là công điện tôi tự đảnh mày lây, không có bản sao, ngoại trừ hò sơ ở Washington. Tôi tin rằng Thiệu sẽ nghe lời tôi. Tôi biết như vậy vì Thiệu tin những điều tôi nói là sự thực, và ông ta biết những điều tôi nói từ trước đến nay đều thành sự thực.

Đổng thỏ i tôi cũng nghĩ rằng chúng ta phải trả một giá nhỏ cho sự hòa hoãn này. May ra ta có thể thuyết phục Nga Xô và Trung Cộng vì quyèn lợi của họ trong sự giao thiệp với Hoa Kỳ trong tương lai, nên ngăn cản Hà Nội đừng vội vào Sài Gòn và tiếp tục con đường thương thuyết với miền Nam.

Có một đỉểu tôi cam đoan chắc chắn là nếu đưa quân đội Hoa Kỳ vào đây (để lo di tản người Mỹ) trong tình hình hiện tại, thì họ sẽ phải chiến đấu với quần dân miên Nam để tìm đường chạy ra. Nếu ta hành động một cách bĩnh tĩnh thì ta cỏ thê rút khỏi một cách êm đẹp — tôi nhắc lợi'— sẽ không làm một lỗi lắm ghê gớm nữa trong trăm ngàn lỗi lầm người Mỹ đã làm ở Việt Nam và về vấn đè Việt Nam. Trân trọng. Martin.

Kissinger gởi ngay công điện trả lời Martin cùng ngày:

Tôi đã bàn với Tồng Thống vè công điện Sài Gòn 710 của Đại sứ. Không có gì trở ngại trong đề nghị ông nêu lên ở đoạn 9. Ống sẽ nhận được báo cáo đàv đủ của ủy ban Đặc Nhiệm Washington (WSAG) hôm nay với những chỉ thị càn thiết dỉ giải quyết một sổ vấn đ'é liên hệ.”

Kissinger và Ford đã chấp thuận để Đại sứ Martin thuyết phục ông Thiệu từ chức. Còn ủy ban Đặc nhiệm sẽ phụ trách việc di tản người   
Hoa Kỳ ra khỏi Sài Gòn.

♦

♦ \*

Hôm đó là ngày nghĩ cuối tuần. Những hạt mưa cuối Xuân đầu Hè tiếp tục rơi trên các đường phố \Vashington. Từng toán khách du lịch vẫn còn đổ ra phía bờ hò để xem một vài cụm hoa anh đào còn sót lại; không ai biết đến những âm mưu bí mật trong những công điện đang xẹt qua, xẹt lại giữa XVashington và Sài Gòn. Bvổi chiều chủ nhật, ngày 20 tháng tư, Martin đã đến gặp ông Thiệu “với tư cách một người bạn” và ông đã lập lại những điều nói trong bức mật điện kia. Theo Đại tá cằm. Chánh Văn Phòng Tổng Thống, Martin đã đưa cho ông Thiệu xem những bản đò về tình hình quân sự rất bi quan do CIA soạn để khuyến dụ ông Thiệu.

Thiệu hỏi Martin : “Nếu tôi từ chức thì liệu viện trợ Mỹ có đến không?”

Martin trả lời: “Tôi không dám hứa chắc nhưng cũng có thể.”

Trước khi ông Đại sứ ra về, Thiệu hứa : “Tôi sẽ làm điều gì có lợi nhất cho nước tôi.”

Thế rồi, thay vì đợi các tướng lãnh đến (í? yêu cầu ông tử chức, Thiệu mời họ đến Dinh Độc Lập ngày hôm sau. Trong buổi họp, Thiệu kê lại cho họ những gì Đại sứ Martin đã nói với ông. Thiệu nói nếu các tướng lãnh cho ông là một chướng ngại vật cho hòa bình của đất nước thì ông sẽ từ chức. Thiệu kể lại rằng không có gì nói một lời và như vậy là đã rõ là họ không muốn ông ngồi lại ghế tổng thống nữa. Giữa lúc đó Thiệu tuyên bố từ chức và để Phó Tổng Thống Trằn Văn Hương lên nắm quyền Tổng Thống. Tướng Cao Văn Viên theo Thiệu ve vấn phòng, nước mắt chảy quanh và nói: “Thưa Tổng Thống, tôi không bao giờ nghĩ sẽ có ngày hôm nay.”

\*

Mọi việc dàn xếp vừa xong, Martin lại nhận được một mật điện khấc do Kissinger đánh cho ông. Bây giờ Kissinger lại muốn hoãn việc Thiệu từ chức, có lẽ để dùng việc này làm một con cờ đánh Nga xô và để lấy điềm là chính ông là người bắt Thiệu đi xuống. Nhưng Martin không chịu chơi cái trò bì ổi ấy nữa. Đọc xong công điện, ông bực tức va gấp ngay nó lại. Martin kể: “Công điện đó được xếp ngay vào hò sơ và tôi lở đi, không thi hành.”

Thiệu chính thức từ chức ngày hôm sau. Trước đài truyền hình, ông đọc một bài diễn văn dài hơn ba giờ đồng hồ tuy rời rạc, thiếu mạch lạc, nhưng căng thâng và xúc động. Nhiều người cho rằng đó là bài diễn văn hay nhất của Thiệu trong suốt mười năm trời chấp hành. Ông tuyên bố :

Người Mỹ đã bắt chúng ta làm một việc đội trời. Do đó, tôi có nói với họ : các ông bắt chúng tôi làm một việc mà các ông đã không làm nổi với nứa triệu binh hùng tướng mạnh và chi phi cả 300 tỷ mỹ kim trong sáu năm trời. Nếu tôi không nói rằng các ông đã bị Cộng sản đảnh bại ở Việt Nam thì tôi cũng xin thưa rằng các ông cũng không thẳng được họ. Nhưng các ông đã tìm được một lối tháo lui trong danh dự. Và bây giờ, khi quân đội chúng tôi thiếu súng ống, đạn dược, trực thăng, phi cơ, và B-52, các ông lại bất chúng tôi làm một việc như lấp cạn bể Đông, tỉ như trường họp các ông cho tôi 3 đòng bạc và bắt chúng tôi lấy vé máy bay hạng nhắt, thuê phòng ngủ 30 đong một ngày, ăn bốn năm miếng bỉt-tết và uổng bảy tám ly rượu vang một ngày. Thật là chuyện phi lý.

Các ông đ<? chiến sĩ của chúng tôi chết đuổi dưới làn mưa đạn của địch. Đó là một hành động vô nhân đạo của một đỏng minh vô nhân đạo. Đỏ là một lý do tại sao, khi phái đoàn Quốc Hội Hoa Kỳ đến đây, tôi nổi với họ rằng đây không phải là vắn đè 300 triệu nữa mà là vấn đẻ Hoa Kỳ có còn giữ lời hứa giúp đỡ nhân dân Việt Nam trong công cuộc bảo vệ nền độc lập và tự do cứa họ hay không. Chính vì lý tưđng tự do này mà người Hoa Kỳ đã chiến đấu sát cảnh cùng chúng tôi và cũng vì đó mà 50 ngàn người Hoa Kỳ đã hy sinh xương máu ờ đây.

Hoa Kỳ hãnh diện là một quốc gia bảo vệ đến cùng chánh nghĩa và lý tưởng tự do trên thế giới và sẽ ăn mừng lễ độc lập năm thứ 200 vào năm tới đây. Tôi hỏi họ rằng: Lời nói của Hoa Kỳ có giá trị gì không? Những cam kết của Hoa Kỳ có còn hiệu lực không? Ba trăm triệu không phải là món tiên lớn đối với các ông. So sánh với món tiền khổng lò các ông chi phí vào đây trong mười năm qua, món tièn này chỉ đủ để các ông đánh trận trong mười ngày. Từ chối món tiền này, các ông còn muốn chúng tôi thắng Cộng sản hay ngán chận làn sóng xâm lăng của Cộng sản — đó là công việc mà các ông đã không làm nổi trong suốt sáu năm trường với quân đội và chi phí khổng lồ của Hoa Kỳ. Thật là phi lý !

Sau khi được trao quyền Tổng Thống, Cụ Trần Văn Hương nói với Đại sứ Martin nên khuyên ông Thiệu ra ngoại quốc và dàn xếp giùm chuyến đi này. Martin đòng ý. Sau đó, cụ Hương gọi giây nói cho Thiệu khuyên ông sớm rời khỏi Việt Nam để công việc của Cụ được dễ dàng hơn. Cụ Hương nói: “Nếu không, Cộng sản sẽ nói tôi đang điều khiển một chính phủ Thiệu, không có Thiệu”. Để cho sự ra đi của Thiệu hợp pháp, ông Hương ký nghị đị:ih đề cứ ông Thiệu làm Đặc sứ của Việt Nam Cộng hòa đi Đài Bắc đỉ phúng điếu Tổng Thống Tưởng Giới Thạch vừa từ trần ngày 5 tháng Tư.

Theo chỉ thị của Đại sứ Martin, Thomas Polgar, trùm CIA ở Saigor đứng ra sắp xếp chuyến đi của ông Thiệu. Thiệu nói với Polgar xin cho Thủ tướng Khiêm và một số cộng sự viên đi cùng. Chiếc máy bay DC6 dưới quyền xứ dụng của Đại sứ Hoa Kỳ từ Thái Lan bay đến Sài Gòn trong đêm 25 tháng 4. Polgar và Tướng Charles Times gặp Thiệu và đoàn tùy tùng ở nhà ông Khiêm trong Bộ Tổng tham mưu. Polgar chuẩn bị ba chiếc công xa màu đen, tài xé đều của C1A. Khiêm đã xếp đặt ở cổng Bộ Tổng tham mưu để cho những chiếc xe này vào không gặp khó khăn gì. Thiệu và những người đi theo, mỗi người chì được mang theo mộ  
t hành lý xách tay. Bà Thiệu và các con lúc đó đã đi trước rồi.

Trong khi Thiệu và đoàn tùy tùng nâng ly chia tay ở nhà Khiêm, Polgar chuẩn bị giấy tờ cho mọi người. Sau đó, họ lên xe di thẳng ra phi trường. Đoàn xe lướt qua đài tưởng niệm chiến sĩ trận vong của đòng minh với ba hàng chữ nổi bật trên bảng “Những hy sinh cao quí của các chiến sĩ Đòng minh sẽ không bao giờ bị quên lãng.” Thiệu ngồi giữa Polgar và Timmes ở ghế sau trong xe, như vậy, lính gác cổng chì nhìn thấy mặt người Hoa Kỳ khi xe đi ngang qua. Đoàn xe Hoa Kỳ chạy vút về phía sân bay của hãng Air America. Đại sứ Martin đã đợi sẵn ở đó để tiễn ông Thiệu lên máy bay. Dù trông buồn thảm và cam chịu số phận, ông Thiệu vẫn đi thủng thẳng, cố giữ phong độ. Ông quay lại càm ơn Martin đã dàn xếp chuyến đi này. Ông Đại sứ vó i một giọng xúc động đáp lễ : “Thưa Tổng Thống, đó là điều tối thiểu tôi có thể làm. Xin tạm biệt và chúc Ngài may mắn.”

Sau khi Thiệu lên đường, Martin và Polgar trở về, đến dự tiệc tiếp tân của phái đoàn Ba-lan trong ủy ban Quốc tế Kiểm soát Đình-chiến, làm ra vẻ như không có gì xẩy ra. Hai giò' sau, Dinh Độc Lập thông báo ông Thiệu đã lên đường ra ngoại quốc.

Ngày 29 tha'ng 4, bà Anna Chennault tới Đài Loan, vì công việc riêng nhưng cũng mang theo lời nhắn nhủ của Ford đến cho Thiệu. Bà Chennault cho ông Th iệu biết là vì tình hình phản chiến ỏ đây, ông Thiệu không nén (rên Hoa Kỳ lúc này. ông nên đi nơi khác, nhưng gia đình ông thì có thể vào Hoa Kỳ được. . Bà Chennault nói có thể dàn xếp để Thiệu đi đâu tùy ý. ông Thiệu lạnh lùng nói với bà : “Làm kẻ thù của Hoa Kỳ thì dễ, nhưng làm bạn vói họ thì thật là khó.”

# CHUƠNG XXI - NGÀN TRÙNG XA CÁCH

Tin ông Thiệu ra đi đã khiến người ta đòn cại rằng ông đã mang theo mưởi-sáu tấn vàng dự trữ của quốc gia, trị giá 120 triệu Mỹ kim. Thực ra, ý kiến chuyển vàng ra khỏi Sài Gòn tới chỗ an toàn đã xuất phát từ một buổi họp trong Dinh Độc Lập vào ngày mùng 1 tháng Tư, sau khi Đà Năng thất thủ. Tướng Cao Văn Viên cảnh cáo, “biện pháp duy nhất lúc này là xử dụng hỏa lực đỉ chận đứng sự tiến quân của địch và để có một thời gian tổ chức lại hàng ngũ. Nếu không có được B-52, thì ta cằn phải có ngay bom cụm (CBƯ, Cluster Bomb Unií, dân chúng thường gọi là “bom bi” — LND.)”

Hưng đề nghị : “Hay là mình dùng số dự trữ của Ngân Hàng Quốc Gia, bằng vàng hay ngoại tệ, để mua đạn dược ?” Khàng ai thảo luận thêm đề nghị này cho tới phiên họp nội các hàng tuần vào sáng thứ Tư, tức ngày hôm sau, mỈ5ng 2 tháng Tư. Trong phiên họp này, vụ mất Đà Năng và các hậu quả của nó cũng lại là đề tài gây nhiều quan ngại nhất. Có nhiều báo cáo về hành vi độc ác của Cộng sản, thí dụ như tra tấn nữ chiêu đãi viên trong các quán rưọu lính Mỹ trước kia thường lui tới, bằng cách nhổ móng tay họ ra, hay đóng đanh vào đầu cảnh sát viên bị bắt. Liệu hàng ngũ cảnh sát Sài Gòn có sẽ đứng vững khi nghe thấy những hành động tàn bạo, dã man đó hay không?

Tới đây, Hưng nêu lên vấn đề an ninh của Ngân Hàng Quốc Gia. Trụ sở của ngân hàng đặt tại Bến Chương Dương, trong một tòa nhà bằng đá đò sộ, trang trọng mà người Pháp cất lên xưa kia. Hưng trình bầy với Hội đồng nội các rằng mối quan tâm của anh đã căn cứ vào hành động trong quá khứ của Bắc Việt. Trong thời gian nghiên cứu về kinh tế Bắc Việt, anh có được đọc một tài liệu phê phán cuộc cách mạng tháng Tám 1945. Một trong những lỗi lầm của Việt Minh sau này được thú nhận, là chúng không chiếm ngay lấy Insiitut d’Emission (viện phát hành giấy bạc) ở Hà Nội để tịch thu số vàng. Hưng nói: “Tôi sẽ không ngạc nhiên chút nà o nếu như Ngân Hàng Quốc Gia sẽ được coi là một trong những mục tiêu chính khi Bắc Việt toan tinh xâm nhập Sài Gòn. Lần này chúng sẽ tìm cách chiếm lấy số vàng trước. Bởi vậy, hoặc ta phải tăng cường an ninh Ngân Hàng Quốc Gia bằng một đại đội, hoặc chuyển hết vàng ra khỏi nước, tới Thụy sĩ hay New York”. Rồi Hưng giải thích thông lệ của các quốc gia trên thế giới ký thác dự trữ vàng tại Ngân Hàng Thanh Toán Quốc Tế tại Genève, hoặc Ngân hàng Dự trữ Liên bang tại New York. Vì không có đủ quân đội đế canh giữ ngân hàng, nên nội các đã quyết định chuyển vàng ra khỏi nước. Thế nhưng, trong thâm tâm, Hưng đã có kế hoạch để đề nghị chính phủ lấy số vàng ấy mua vũ khí dùng vào nỗ lực phòng thủ cuối cùng.

Phủ Thủ tướng cho mời Thống đốc Ngân Hàng Quốc Gia, ông Lê Quang Uyển, đến và ra chỉ thị cho ông thi hành quyết định của nội các. Ông này lập tức liên lạc với các hãng hàng không TWA, Pan Am và hãr g bảo hiểm Lloyd’s ở Luân Đôn. Hai ngày sau, tin này lọt ra ngoài, lập tức được “Radio Catinat” loan truyền đi mau chóng (“Radio Catinat” — chỉ các quán cà phê, nhà hàng tại đường Tự do — Catinat cũ — nơi xuất xứ đủ loại tin đồn đại về thời cuộc, chính trị, kinh tế, văn hóa, cũng như tin tức cá nhân vặt vãnh.) Giới thượng lưu Sài Gòn hằng ngày lai vãng nhà hàng La Pagode, Givral hoặc Brodard, trên đường Tự Do, liền được tin giật gân là Thiệu đang chuyển vàng ra ngoại quốc để hưởng thụ sau khi từ chức. Không một ai tin rằng số vàng ấy được gửi vào một trương mục của chính phủ. Khi kế hoạch này đã được dân chúng hay biết, thì khó kiếm được hãng bảo hiểm quốc tế nâo chịu ký két dịch vụ chở vàng theo đường lối thương mại thông thường. Ngân hàng Quốc Gia bèn liên lạc với Đại sứ Martin và yêu cầu sứ quàn Mỹ giàn xếp giùm việc chuyên chở và bảo hiểm. Martin liên lạc với Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ ngay nhưng bộ này giải quyết chậm trễ, và đến khi đáp ứng lời kêu gọi của Martin, thì Thiệu đã tù chức rồi.

Ngày 26 tháng tư, Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ điện báo cho Sứ quán Mỹ ở Sài Gòn là đã giàn xếp được dịch vụ bảo hiểm chở đi số vàng trị giá là 60, 240,000 Mỹ kim (như vậy chì bảo hiểm được một nửa trị giá của số vàng dự trữ). Ngoài ra, họ còn đòi rằng “muốn dịch vụ bảo hiểm có hiệu lực, số vàng phải được mang ra khỏi Sài Gòn trước lúc bảy giờ sáng ngày 27 tháng 4. Sau đó, vàng dự trữ đã được đóng thùng sẵn tại trụ sở Ngân hàng, và một chiếc máy bay Hoa Kỳ đã chực sẵn tại phi trường Clark ở Phi Luật Tân để tới Sài Gòn khi có lệnh chở đi.

Người liên lạc với sứ quán Hoa Kỳ về phía chính phủ Sài Gòn, là Nguyễn Văn Hảo, mới được bổ nhiệm vào chức Phó Thủ Tướng, một người sinh trưởng tại miền Nam, nổi tiéng có những quan điểm ngây thơ đối với Cộng sản. Hảo đã tin riing mình có thể thỏa hiệp với Bắc Việt. Trước đó, ông đã nói vời Hưng là nếu miền Nam mất, ông ta sẽ ở lại và “chấp nhận sự kiện rằng con tôi sẽ lớn lên dưới chủ nghĩa Cộng sản”

Jean-Marie Merillon, Đại sứ Pháp tại Sài Gòn, thúc giục những thành phàn còn lại của chính phủ Việt Nam Cộng hòa, vào những ngày chót, nên thành lập một hình thức liên hiệp với chính phủ Cách Lạng Lâm Thời. Hảo đã đóng một vai trò tích cực irong các cuộc điều đình này, và ông đã kỳ vọng được thủ một vai chính trong chính phủ liên hiệp. Bởi vậy, ông không muốn chở vàng đi. Sau khi Thiệu đã từ chức, Hảo liền vô gặp Tổng Thống Hương và dọa ông rằng: “Néu Tổng Thống cho phép chuyển số vàng ấy ra ngoại quốc, ':hì trong trường hợp tướng Minh lên thay, Tổng Thống sẽ bị lên án là phản quốc.” Ông Hương hoảng sợ và đòng ỳ cho Hảo giữ vàng lại. Hảo bèn điện thoại cho cố vấn kinh t'S tại tòa đại sứ Mỹ, Denny Ellerman, nói rằng Tổng Thống Hương đã quyết định không chuyển vàng đi nữa. Sau này, Đại sứ Martin kể lại: “Hảo đã không muốn chuyển vàng di, có thế thôi. Ông ta đã tưởng tượng là có thể sống chung dược với bọn kia (CS).” Khi vào tới   
Sài Gòn, việc (lầu tiên Bắc Việt làm là cướp ngay lấy số vàng đó.

Trước khi Sài Gòn mất, Hảo đã công khai loan báo trên đài phát thanh và truyền hình là ông ta sẽ không di tản. Sau đó Cộng sản đã đối xứ tốt với Hảo, mời làm cố vấn kinh tế cho đén khi ông được phép rời Việt Nam vào năm 1983. (Hiện nay Hảo sống với vợ và các con tại Houston, Texas.) Năm 1984, Cựu Tổng trưởng Tài chánh Châu Kim Nhân (hiện nay cư ngụ tại Mary Land) đã đối chất Hảo trên điện thoại, hỏi tại sao đã ngăn cản việc chuyển dự trữ vàng ra khỏi Sài Gòn, Hảo trả lời: “Anh thửa biết cái gì đã có thể xảy đến cho tôi néu tôi để vàng ra khỏi nước.”

Ngày 9 tháng 4, trong lúc cơn lốc chính trị đang hoành hành tại Sài Gòn, thì Cộng sản tới Xuân Lộc, thủ phủ của tình Long Khánh khoảng 60 cây số về phía Đông Bắc Sài Gòn, trên quốc lộ 1. Trước khi ba sư đoàn quân chủ lực Bắc Việt tập trung đánh vào Xuân Lộc, tình này đã cỏ một dân số chừng 100 ngàn, và nổi tiếng về các đồn điền cao su. Một loạt 4,000 quả trọng pháo, trong một đợt pháo kích dữ dội nhất trong suốt cuộc chiến, đã san bằng một nửa thành phố; sau đó Bắc Việt tấn công nhưr.g vẫn bị đẩy lui : Sư đoàn 18 Bộ binh của Quân lực Việt Nam Cộng hòa đã quyết tâm cố thủ cho tới phút chót. Vị tư lệnh của sư đoàn, tướng Lê Minh Đảo, đã thề phải giữ Xuân Lộc: “Tôi không cần biết bên kia đưa vào bao nhiêu sư đoàn, tôi sẽ tiêu diệt chúng hết.”

Cả thành phố bị phá hủy, nhưng Lục quân Việt Nam Cộng hòa vẫn cố thủ, đợi Lữ đoàn 1 Nhảy dù tới giải váy : Lữ đoàn này đã được phái từ Sài Gòn tới phía Bắc Quốc lộ 1 để mở đường vô Xuân Lộc. Bắc Việt đã tung vào trận này ba trong số chín sư đoàn đang tiến về Sài Gòn. Muốn vào được thủ đô miền Nam, chúng đã phải đi qua điểm chặn họng ấy, vì thế 25,000 quân Việt Nam Cộng hòa đã quyết tâm giữ Xuân Lộc bằng mọi giá. Để ngăn chận, chính phủ Sài Gòn tàng viện cho chiến trường này, Bắc Việt đã bao vây thành phố và phong tỏa một đoạn đường dài mười-sáu cây số trên Quốc lộ 1. Không lực Việt Nam Cộng hòa xứ dụng chiến đấu cơ và vận tải cơ C-130 (đã được biến cải) dội hằng loạt bom một tấn xuống những vị trí địch. Sau suốt năm ngày chién đấu giáp lâ-cà dữ dội, và sau khi Bắc Việt đã bị tổn thắt nặng nề (800 bị giết, 300 vũ khí bị tịch thu, và 11 xe tăng T-54 bị phá hủy), tình hình được ổn định. Trung đoàn 43 BBắc ViệtN đã giữ vững được miền Đông Xuân Lộc.

Tướng Homer Smith, người đứng đầu Phòng Tùy Viên Quốc Phòng Hoa Kỳ tại Sài Gòn, ngày 13-4 liền gửi ngay một bức điệp văn tới tướng George s. Brown, chủ tịch Ban tham mưu trưởng Liên-quân Hoa Kỳ, ngợi khen lòng dũng cảm và ý chí chiến đấu của Quân lực Việt Nam Cộng hòa trong tình thế vô cùng bất lợi v'ê hỏa lực cũng như quân số ấy. Duyệt lại thành quả sau năm ngày giao tranh đầu tiên, Tướng Smith nói: “Tình thần dũng cảm cũng như sự xông xáo của quân đội Việt Nam Cộng hòa, nhất là những lực lượng Địa-phương-quân Long Khánh, rõ ràng chứng minh rằng những người lính này, néu được trang bị đầy đủ và lãnh đạo tốt, sẽ vượt trội hẳn đối thủ của họ, nếu so từng cá nhân. Trận Xuân Lộc vào lúc này dường như đã trả lời được câu hỏi “liệu Lục quân Việt Nam Cộng hòa sẽ có chiến đấu hay không?”

Đến 15 tháng 4, quân Bắc Việt tiếp tục tấn công dữ dội những vị trí LQViệt Nam Cộng hòa trên Quốc lộ 1, và chịu nhiều tổn thất nặng. Lữ đoàn 1 Nhảy dù, sau nhiều cố gắng vẫn không tới giải vây được Xuân Lộc, đành phải rút vào rừng và các đòn điền cao su. Dù chiến đấu thật dũng cảm, nhưng bị sổ địch quân quá đông áp đảo, sư đoàn 18 Bộ binh sau cùng phải rút lui trước quyết định của Cộng sản dùng trận đánh như một “máy nghiền thịt”, hy sinh bao nhiêu đơn vị cũng không cần, miễn là tiêu diệt được những lực lượng không thể thay thế được của LQViệt Nam Cộng hòa. Xuân Lộc đã là trận đánh lớn cuối cùng của chiến tranh   
Việt Nam.

Ngày 21 :hàng 4, Eric Von Marbod và tướng Weyand ra trước tiểu ban thuộc ủy-ban Chuẩn-chi Hạ-viện Hoa Kỳ điều trần đề yêu càu Quốc Hội chấp thuận ngân khoản 300 triệu Mỹ kim quân viện bổ túc và 170 triệu kinh viện. Dù Quốc hội đã không chju lấy nghị quyết về ngân khoản 722 triệu Mỹ kim mà Weyand trước đó đã đề nghị, hai người này vẫn quyết tâm kêu gọi lằn chót. Tướng XVeyand tóm lược tình hình lúc đó như sau: “Tôi dám cả quyết rằng hiện nay những lựa chọn mở sẵn cho địch quân thì hằu như vô giới hạn. Chúng có khả năng áp đlo quân đội miền Nam chì trong một thời gian ngắn. Thế nhưng, liệu chúng có quyết định như vậy hay không còn tùy ở nhận thức của chúng về cái giá mà chúng sẽ phải trả cũng như những lợi hại nếu áp dụng đường lối ấy; tôi nghĩ rằng với đôi chút sức mạnh của phía Nam Việt Nam, rất có thể là miền Bắc sẽ chọn một biện pháp kém quyết liệt hơn điều tôi vừa trình bày.” Được thêm viện trợ,   
Sài Gòn sẽ có thể cằm cự trong một thời gian lâu dài đủ để đạt được một cuộc ngưng chiến trong điều đình — hoặc mệt hình thức chính phủ liên hiệp nào đó, hoặc theo kế hoạch của Thiệu chì giữ lấy Sài Gòn và miền Tây. Philip c. Habib, Phụ tá Ngoại trưởng Đặc trách Đông Á và Thái Bình Dương, họp riêng với các thành viên ủy ban, thúc giục chắp thuận chi viện, để rồi đây “nếu họ có thất bại thì sẽ không phải vì lý do ta đã không cung cấp viện trợ cho họ.” Khi được hỏi viện trợ thêm sẽ có thể mang lại những gì, Von Marbod và Weyand đáp rằng họ không thể hứa hẹn gì hơn là “hy vọng”. Phàn lớn thành viên ủy ban chuẩn chi đã không có thiện cảm với   
Việt Nam Cộng Hoà. Dân biểu Clarence Long (Dân chủ - Maryland) nói với Weyand và Von Marbod: “Tôi nghĩ hằu hết chúng tôi ở đày đều đòng ý rằng, nếu như khoản tiền đó được tiêu tror.g tiểu bang của mình, thì chúng tôi sẽ mang lại được những gì (cụ thể) hơn là hy vọng.”

Xế trưa hôm ấy, Ngoại trưởng Henry Kissinger được gọi ra điều trân trước ủy ban, và được hỏi rằng hồi ký kết Hiệp định Paris, những gì đã được cam kết với Việt Nam Cộng Hòa, Kissinger chối phắt rằng đã không có một thoả ước bí mật nào hết :

Những cam kết đã hứa hẹn với Việt Nam Cộng hòa đêu cỏ trong bản công khai. Biên bản đã ghi, cũng như trong các cuộc thảo luận diỉn ra hòi đó, rằng nếu Nam Việt Nam cho phép chúng ta triệt thoái quân đội và do đó, có thể đưa cả tù binh vè, nỉu họ chắp nhận những điều khoản của Hiệp định Parts, thì dưới những điêu kiện đó (... ) chính quyên Hoa Kỳ sẽ yểm trợ, và chúng tôi tin rằng Quốc Hội cũng sẽ đồng ý, một mức độ viện trợ kinh tế đày đủ.

Kissinger nói thêm rằng viện trợ quân sự còn tùy thuộc vào mi'C độ tác chiến. Ông khẳng định đã có tuyên bố như thế kìi giải thích Hiệp định Paris, và những điều ấy đã được lập lại trong các cuộc họp báo của Tổng Thống Nixon và Tổng trưởng Quốc phòng Elliot Richardson, và của chính ông nữa. Kissinger nói thêm : “... và dã không có cam kết nào khác, có chăng chỉ là một hình thức phát biêu ý định của chúng tôi mà thôi. ”

Dân biểu Bill Chappell (Dân Chủ - Florida) hỏi Kissinger là đã có ý định bắt buộc Bắc Việtphải tôn trọng thỏa ước hay không, trong trường hợp có vi phạm. Cuộc đấu khẩu này đã tiết lộ nhiều điều. Kissingei : Khi Hoa Kỳ ký kết một bản hiệp ước, thì thông thường không ai tin rằng người ta có thể vi phạm nó mà không bị trừng phạt. Cho nên , căn cứ vào đỏ, người ta đã cho rằng Hoa Kỳ sẽ làm một nỗ lực để bắt tôn trọng thỏa ước, và trong hò sơ có ghi những lời tuyên bố rằng Hoa Kỳ sẽ không coi nhẹ những vì phạm Hiệp định. ( ...)

Chappell : Như thế có nghĩa là thế nào, thưa ông Tổng trưởng ?

Kissinger: Ỷ nghĩa của (lời tuyên bố đó) đã được biểu lộ một cách mơ hổ ... Dù sao ihì chữ “cam kết’’ cũng không phải là một câu phát biểu chính xác. Nó chỉ là một lời tuyên bố có ý định duy trì thỏa hiệp mà thói. Và ta nên biết rằng không thể giả sử và không được phép giả sử trong tương lai ràng, khi một nước nào ký kết một bản hiệp ước long trọng với Hoa Kỳ, họ có thễ bội ước mà hoàn toàn không bị trừng phạt ; trong tương lai sự việc này (những gì đang xẩy ra) phải coi là một trường hợp rất đặc biệt do ở tình hình quốc nội đặc thù đã đưa tới vè vấn đê Việt Nam.

Chappell : Sự hiện diện (trước đây) của không lực (Hoa Kỳ) tại Thái Lan có thể được coi là một biện pháp ngăn chặn Bắc Việtkhỏi vi phạm hiệp định không?

Kissinger: Có chớ, đó là một trong các yếu tố.

Chappell : Cái đó có thề coi là một phdn của thỏa thuận không?

Kissinger: Không, đã không có một thỏa thuận nào như thế cả.

Thực ra, thì nó đã là một phần của sự thỏa thuận, cả Nixon lẫn Kissinger đêu đã hứa với ông Thiệu rằng Đệ Thất Không Lực tại Nakorn Phanom bên Thái Lan sẽ được xử dụng để oanh tạc những mục tiêu Eắc Việt nếu như Hiệp ước Paris bị vi phạm, sử liệu bằng lời nói của tướng Vogt hiện nay chứng minh thật rõ ràng là các lực lượng của ông ta hòi ấy Châng những đã là một sức mạnh ngăn chặn, mà chính ông ta đã dự tính mở một vụ trả đũa đại qui mô nếu Bắc Việtvi phạm. Bằng chứng là đã có máy điện thoại đặc biệt nối liền Tổng Thống và các tướng Vùng với tướng Vogt ở Thái Lan để khi nào có biến loạn là Việt Nam Cộng Hoacó thểgọi Vogt tiếp cứu. Thế mà cho tới giờ phút này, Kisứnger cũng vẫn không chịu công nhận tập hồ sơ chứa những hứa hẹn mật, ghi trong các lá thư mang chữ kỷ của Nixon và Ford.

\*

\* \*

Đêm hôm đó Von Marbod, tuân lệnh Bộ trưởngQuốc phòng Schles nger, bay qua Sài Gòn để gỡ gạc càng nhiều càng tốt, những đồ trang bị để chúng khỏi lọt vào tay quân Bắc Việt. Sau vụ triệt thoái khỏi vùng cao nguyên và mất Đà Năng, Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ đã sợ Quốc Hội chỉ trích là để cho những chiến cụ tinh vi, tối tân lọt vào tay Cộng sản, kể cả những chiến đấu oanh tạc cơ F-5E, cũng là loại phi co tiền tuyến của Đài Loan và Iran. Morton Abramowitz, Phụ tà của Schlesinger đã đề nghị cử Von Marbod sang Sài Gòn để phối hợp và chỉ huy công tác đó. Trên đường qua Việt Nam, Von Marbod ghé qua Thái Lan gặp tướrg Kriangsak, Tham-mưu-trưởng Bộ chỉ huy Tối cao Thái. Vị Tướng này đã đồng ý cho phép đưa máy bay của Không lực Việt Nam qua ba căn cứ không quân Thái.

Khi tới Sài Gòn ngày 23 tháng 4, Von Marbod được Đại sứ Martin khuyến cáo rằng Mỹ chưa nên di chuyển đồ trang bị nào mà Việt Nam Cộng Hòa còn có thế dùng trong cuộc phòng thủ đang diễn ra lúc ấy. Martin cho rằng thế nào rồi cũng có thể di tản được trong trật tự bằng phi cơ vận tải của không lực Hoa Kỳ, và còn đủ thời giờ để di chuyển số máy bay của không lực Việt Nam Cộng hòa đi sau. Von Marbod sau đó bay đi quan sàt chiến trường để ước lượng tình tình.

Phi cơ trực thăng đã đưa ông bay qua mật trận Xuân Lộc và vùng chung quanh, nơi quân đội Việt Nam Cộng hòa lúc đó đang giao tranh với Cộng sản vào màn chót. Trước khi trở về Sài Gòn, ông đáp trực thăng xuống trận địa để quan sát tình hình. Sau này, Von Marbod kể lại: "Khi trông thấy có binh sĩ Việt Nam Cộng hòa đã bị mất một chân mà vẫn còn anh dũng chỉa súng về phía vị trí địch để bắn trả, tô ì bùi ngùi vô hạn và xấu hổ cho nước tôi ..."

Tại Đại học Tulane ở New Orleans, ngày 23 tháng 4, Tổng Thống Ford thúc giục dân chúng Mỹ ìên quên đi quà khứ và hướng về tương lai : ‘‘Mỹ quốc có thể lấy lại được nièm hãnh diện đã có trước (chiến tranh) Việt Nam. Nhưng niềm hãnh diện ấy sẽ chẳng thể đạt đưọ-c bằng cách tham dự trở lại một cuộc chiến mà riêng đối với Mỹ đã coi là xong rồi. ” Buổi chiều hôm đó, tại Sài Gòn, V on Marbod được các thuộc cấp lịch trình về bài diễn văn mới nhất đó của Ford tại Tulane, và đọc cho nghe đoạn quan trọng nói rằng chiến tranh “đã xong rồi”, về sau ông kể lại cảm tưởng lúc ấy : "(Ford) đã giơ lên cao tấm vải giường trẳng. Tôi đã vô cùng bàng hoàng và hổ thẹn. ” (1 3)

Tại Washington, Hưng cũng nghe bài diễn văn ấy với bao nhiêu ngậm ngùi, chua xót. Anh tự hỏi: “Có thật chiến tranh đã phải chấm dứt một cách tủi nhục như thế sao? Có thật nước Mỹ mà nhân dân Việt Nam hằng tin tưởng, ca ngợi bây giờ lại có thể thản nhiên quay mặt đi trong giờ phút Việt Nam Cộng hòa đang hấp hối hay sao? Tối hôm đó, Hưng biên một lá thư về cho gia đình. Anh viết: “Em đang tìm mọi cách đê cứu thoát gia đình chúng ta, nhưng néu không làm được thì anh Bá (người anh rễ của Hưng) phải nghiêm chình xét đến việc kết thúc mạng sống của tất cả mọi người trong gia đình trước khi Anh tự sàt, chứ đừng đễ cho bọn Cộng sản bắt. Dù rằng người Công Giáo chúng ta đã tị cấm không được tự sát, vì lý do tôn giáo, nhưng em đã đến hỏi ý kiến Đức Giám Mục Nott (\*). Ngài bảo : “Nếu các con tuyệt đối chắc chắn rằng một lựa chọn khác sẽ là môt cái chết đau đớn hơn, thì Chúa sẽ thông cảm được một hành vi như thế.” Trong lá thư này, viết gửi cho Hoàng Bá, người anh rể mình, Hưng còn dặn là anh đã để lại một khẩu súng lục mới (cỡ .38, do Von Marbod mới tặng) trcng ngăn kéo tủ ào phòng ngủ, với hai hộp đạn. Hưng giao lá thư cho người bạn, Nguyễn Ngọc Bích, Giám đốc Việt Nam Thông Tấn Xã, nhờ mang v'ê giùm và đưa tận tay, vì ngày 24 tháng 4, Bích quyết định trở về Sài Gòn để di tản gia đình anh.

Gia đình Hưng về sau được Von Marbod dàn xép với người phụ tá của ông ta là Richard Armitage để di tản. Armitage tới nhà bà cụ Hưng đón mười người ra phi trường Tân Sơn Nhứt. Dùng tiếng Việt rất sõi, Armitage nói với mẹ Hưng , lúc ấy đã gần tám chục tuổi : “Xin cụ đừng nói gì vói một ai hét.” Bà cụ sửng sốt thấy một người Mỹ to lớn, vạm vỡ, ra lệnh bằng tiếng Việt (Lúc ấy chính quyền Mỹ chưa được thẩm quyền áp dụng biện pháp “tạm dung” đối vói dân tỵ nạn chính trị.)

Một lằn duy nhất trong thời gian làm việc với Thiệu, anh đã đề ngliị và Thiệu chấp thuận cho anh xứ dụng một ngân khoản là 20,000 mỹ kim, số tiền này sẽ được trích từ ngân qũy VINOPO (Vietnamese Procurement Office, sở Mua Vật Liệj) của chính phủ tại Washington để chi tiêu vào việc quảng cáo, biện hộ trường hợp Việt Nam Cộng Hòa trước dan chúng Hoa Kỳ. Hưng đã có ý định mua một trang quàng cáo trên tờ The Washington Post và The New York Times để in lời kêu gọi nhân dân Mỹ. Hưng gọi (\*) Đức Cha s. Harold Nott, thuộc Si. Agnes Cathoỉic Church, Arlington, Vừginia, điện thoại cho Lê Văn Kim, giám đốc sở này, nhưng lúc đó Kim đang bận đi xa thu xếp việc tiếp tế gạo. số tiền 300 mỹ kim của riêng Hưng đã hét, anh đang phải tiêu vào tiền để dành của gia đình. Sáng ngày 25 tháng 4, Kim trở về sở và điện thoại cho Hưng biết là ngân qũy trong sở đã bị biển thủ rồi, và Kim đã báo với cơ quan điều tra Liên Bang (FBI). Thế là không có một khoản tiền nào để đăng quảng cáo cũng như để chi tiêu vào các mục vạn động khác nữa.

Buổi trưa ngày 25 tháng 4, Hưng gặp Warren Nutter để hỏi ý kiến và nhờ giúp đỡ việc tiếp cứu đoàn người di cư. Hai người bàn cách yêu cầu chính phủ Hoa Kỳ chi viên để di tản một số lớn người Việt Nam. Giữa lúc đó thì tiếng máy điện thoại reo, và ở đằu mây kia là Von Marbod, gọi từ Sài Gòn : “Thưa anh, tôi đang ở phi trưò ng Tân Sơn Nhất đây. Tôi đã thấy gia đình anh lên máy bay rồi.”. Gia đình Hưng đã được đưa lên một máy bay vận tải quân sự C-141, và bay qua phi trường Clark tại Phi LuậtTân.

Hưng hỏi Nutter là có nên liên lạc với Kissinger hoặc Schlesinger để xin tăng số di tản dựa trên những lá thư mật không. Nutter biết là đã quá muộn, ông nói: “Họ đã phủi sạch tay về Việt Nam rồi. "Quẩn trí, Hưng tiếp tục gọi cho mọi người anh đã quen biết, trong hay ngoài chính quyền ở Washington, suốt cả tuần lẽ đó. Anh cầu cứu bà Anna Chennault, nhờ liên lạc vận động kiếm cho một chiếc máy bay về Sài Gòn để đón hết ít nhất những nhân viên trong ban tham mưu Bộ Kế-hoạch. Anh khẩn khoản van nài mục sư Elson, Tuyên úy của Thượng viện, kêu gọi số bằng hữu thân thiết trong Quốc Hội Hơi Kỳ cố cứu thoát những người Việt Nam đã ra tới biển. Mục tiêu của Hưng là cứu ít nhất một triệu người, tương đương với số mà Mỹ và Pháp đã cứu hòi năm 1954 khi đất nước bị Cộng sản chia đôi.

Đề tài thỉo luận lúc đó giữa Hưng và Nutter đã chì là làm sao cứu d ược sinh mạng. Nutter đề nghị phương thức tốt nhất và rò nhất là triệu tập một cuộc họp báo, “dùng một số thư mật đó để làm hậu thuẫn cho lời kêu gọi”. Trong lúc ấy thì, tại tòa Bạch Ốc, Phụ tá An ninh của Tổng Thống Ford, tướng Brent Scowcroft sau này kể lại , “ai cũng bảo Ford là tàn cuộc rồi, xong rồi, mau mau kéo người Mỹ về đi. Nhưng Ford đã quyết định cứu thoát được càng nhiều người Việt càng tốt, và ông ta nhất định không chịu nghe lời cố vấn là chỉ di tản người Mỹ mà thôi.”

Sau này Hưng cho rằng chính vì được đọc mấy lá thư của Nixon mà Ford đã thay đổi một phàn nào thái độ. Trước đó, ông quá hững hờ. Nutter khuyên Hưng kiên nhẫn chờ mội. vài hôm cho đến khi nào công cuộc di tản khởi sự rồi lúc đó càc lá thư mới có một tác đông tích cực để lấy được sự ủng hộ.

Tại Sài Gòn, Đại sứ Martin vẫn ôm hy vọng dàn xếp được với Cộng sản. ông gửi cho Kissinger một điênvăn cho biết vẫn còn có thể điều đình giữa chính phủ Sài Gòn và Việt Cộng. Ngày 26 tháng 4, 1975, Kissinger gối mật điện cho Martin từ khước chuyện này :

Ổng Đại sứ đã hiểu lầm ý kiến của tôi về các cuộc điêu đĩnh với Việt Cộng. Tôi đã không nói đến dàn xếp giữa chính phủ Sài Gòn và Việt Cộng mà đến thương lượng giữa Hoa Kỳ và việt Cộng. Tôi muốn bất cứ cuộc tháo luận chính trị nào giữa Hoa Kỳ và Việt Cộng cũng phải được diễn ra tại Paris.

Vào phút chót, Kissinger vẫn không muốn hai miền Bắc và Nam t -ực tiếp điều đình với nhau mà không có sự kiểm soát của chính ông.

Sàng ngày 27-4, Von Marbod bay tới căn cứ Không quân Biên Hòa. Tại đây, ông chỉ thấy có một vài sĩ quan và binh lính, và căn cứ thì đang bị pháo kích lẻ tẻ. Nhiều phi cơ còn đang nằm ụ trên các phi đạo và trong “hăng ga”. Không thấy có kế hoạch nào chuẩn bị việc phá hủy những tiện nghi, máy móc tiếp vận thuộc loại tát nhất, mới nhất mà Hoa Kỳ đã viện trợ. Nào phòng thí nghiệm vật liệu và hóa học, nào các dụng cụ sửa động cơ phản lực, phòng thứ nghiệm vật dụng, kho chứa ốc-xy lỏng, xưởng máy móc đo lường chính xác, xưởng vô tuyến truyền tin không quân, thẩy đều còn nguyên vẹn. Von Marbod trở về Sài Gòn và gặp tướng Đồng Vãn Khuyên, xử lý Tổng Tham mưu trưởng. (Tướng K huyên được đẩy vào chức vụ này vì tướng Viên đã tử chức và rời khỏi Sài Gòn). Von Marbod than phiền với về việc chưa có kể hoạch nào phá hủy máy móc trang bị tại Biên Hòa. Rồi ông bay tới Tân Sơn Nhất đề họp với sĩ quan không quân Việt Nam, kể cả tướng Tư lệnh Không quân Trần Văn Minh và tướng Nguyễn Cao Kỳ. Von Marbod hỏi họ tại sao lại không cho thực hiện những phi vụ bắn phá quân Bắc Việt, và đã có kế hoạch gì để phá hủy đồ trang bị và máy móc tiiíp vận ở căn cứ Biên Hòa chưa, cấp chì huy không quân Việt Nam giải thích rằng Bắc Việtđã xử dụng hỏa tiễn tầm nhiệt Strella và súng phòng không có radar điều khiển, né:n đã không thể bay đi oanh tạc bằng F-5 hoặc A-37 được.

Von Marbod cũng thảo luận với họ về các kế hoạch di tản và đề nghị trữ xăng máy bay trên đảo Phú Quốc, đề phòng trường hợp có di tản. Sau này ông kể lại: “Tôi đã bàn với họ về ké hoạch dùng đảo Phú Quốc làm một căn cứ tiếp liêu và chỗ đậu tạm thời cho những phi cơ trực thăng trước khi đưa chúng qua Thái. Tôi nói với họ rằng quyết định phải căn cứ vào mệnh lệnh tác chiến. Nếu họ không xài máy móc hay đò trang bị nào, thì phải hủy đi tại chỗ hay dời đi, chứ đừng để lọt vào tay địch.”

Sàng hôm sau, ngày 28 tháng tư, Von Marbod gặp Đại sứ Martin tại sứ quản. Ông Đại sứ cho hay: một số “nguồn tin” đã thông báo cho ông rằng sẽ có thể có một cuộc ngưng bắn tại chỗ ; Martin vẫn nhất định không đòng ý cho di chuyển hay phá hủy các quân dụng còn có thể xử dụng trong việc hành quân, ông dặn Von Marbod “chớ tự ý lấy hành động nào đó có thể làm mất tinh thần chiến đấu củỉ. Quân lực Việt Nam Cộng hòa.” Martin cho là sẽ có một cuộc ngưng bắn tại chỗ trong lúc tướng Dương Văn Minh đang thành lập một chính phủ liện hiệp, và nội ngày hôm đó, Minh sẽ thay thế Tổng Thống Trằn Văn Hương. Martin còn hỏi: “Eric, tại sao anh cứ liều mạng làm gì ! (Vì cứ bay đi đây đó). Mình sẽ còn ba mươi ngày nữa ở đây để làm việc cơ mà ?”

Các đại diện Hung Gia Lợi và Ba Lan trong ủy hội Quốc-Tế Kiểm Soát Đình Chiến đã nói với Thomas Polgar, ông trùm xịa ở Saìgon, là có thể dàn xép một cuộc ngưng chiến để người Mỹ và một số người Việt có thể di tản trong trật tự. Họ nói: Bắc Việtsẽ đòng ý dành một hành lang từ Sài Gòn ra tới biển để di chuyển người di tản hoặc qua Vũng Tàu hoặc một hải cảng nào khác. Trước kia, chính càc đại diện Cộng sản này cũng đã nói bóng gió rằng Bắc Việtsẽ chấp nhận ngưng chiến và một chính phủ liên hiệp nếu Thiệu chiu từ chức. Đại sứ Pháp Jean-Marie Merillon cũng đã xác nhận một vài tin đồn ấy : Cộng sản cho biết sẽ cliịu dàn xếp một thỏa hiệp chấm dứt chiến tranh một khi Thiệu đã ra đi và tướng Minh lên giữ chức Tổng Thống. Chính phía Cộng sản Bắc Việtcũng có tuyên truyền rộng rai để tạo ra ấn tượng rằng có thể chấm dứt cuộc chiến bằng đường lối thỏa hiệp. Ngay đến tên Đại tá Võ Đông Giang, đại diện MTGP trong ủy ban Quân sự Hỗn hợp bốn bên, tại Tân Sơn Nhất cũng nói ám chì là sẽ có một cuộc hòa giải hơn là một cuộc tấn công toàn lực của quân Bắc Việt nhắm vào Sài Gòn. Thế nhưng các tin đồn hay báo cáo này đã trái ngược hẳn với những gì cơ quan Tình báo Trung ương Mỹ đã được biết do một điệp viên đáng tin cậy của họ, lúc ấy đang nằm ngay tại Trt ng ương cục miền Nam. Điệp viên này báo cáo ngày 8 tháng 4, rồi xác nhận vào ngày 17-4, là Cộng sản đang dồn hét tài nguyên và nhân lực vào việc đạt được toàn thắng bằng quân sự trong năm 1975, và chắc chắn sẽ không có ngưng chiến hay điều đình, cho dù Thiệu có từ chức chăng nữa. Ké hoạch tấn công Sài Gòn đã hoàn tất.”

Nỗ lực của Pháp nhằm giúp chấm dứi chiến tranh bằng ngưng bắn và chính phủ liên hiệp tại Sài Gòn lúc ắy cũng đang được tung ra dồn dập : Pierre Brochand tổ trưởng tình báo Pháp ở Sài Gòn, long tong chạy tới chạy lui cả hai phe Việt Nam.

Tướng Minh, chính thức lên nắm chức Tổng Thống buổi chiều ngày 28 tháng tư. Ông được cộng sản qua giới thân cận của ông khuyến cào là phải ra chỉ thị cho tất cả người Mỹ rời khỏi Việt Nam, nếu như ông ta hy vọng thương thuyết với Bấc Việt. Tướng Minh bèn tống đạt một văn thư “MẬT / HỎA TỐC” cho Đại sú Martin, yêu cằu “các nhân viên của cơ quan Tùy viên Quân sự DAO rời khỏi Việt Nam trong 24 giờ đồng hồ, ke từ ngày 29 tháng 4/ 1975 để vấn đề hòa bình Việt Nam sớm được giải quyết.” Chính văn thư này đã cho người Mỹ một lý do chính thức để quyết định di tản nhân sự khỏi Việt Nam (Xin coi bản văn nơi phụ lục G).

Sau khi rời sứ quân Hoa Kỳ khoảng I I giờ sáng ngày 28-4, Von Marbod lên một chiếc phi cơ trực :hăng dân sự của hãng Air America để bay đi quan sát mật trận. Tình hình đã suy sụp tệ hại. Õng thấy các lực lượng Bắc Việttiến quân công khai, xe vận tải nối đuôi nhau chạy trên mọi ngả đườr g. Một ổ súng máy địch đã được đặt ngay tại cầu Tân Cảng, trên xa lộ bốn đường do người Mỹ xây, nối liền Biên Hoà và Sài Gòn. Một trái cầu lửa màu da cam và cột khói đen từ một kho xăng rừng rực bốc lên bằu trói sớm mai xanh biếc. Bay qua đường 15, con đườngđưa tới Vũng Tàu, chiếc tnrc thăng của ông bị bắn từ dưới đất lên tới tấp. Ông nhìn thấy rõ cuộc giao tranh ỏ dưới đất. những hình người trông như những con rối trong một vở kịch bằng hình bóng nhìn tử phía xa ; nhưng khi máy bay đáp xuống một trạm cứu thương hậu tuyến, thi vẻ hung bạo của chiến trar h đập ngay vào mắt làm ông lợm giọng. Vô số lính bị đạn xuyên thủng vai, lũng ngực, lòi bụng, cụt chân, tay. Và máu ! Bao nhiêu là máu đã chảy, máu đổ kinh hoàng ! Không thấy dấu hiệu nào là có vẻ ngưng chiến tại chỗ, nhất là nơi trạm cứu thương này. Và hàng ngũ tháo lui đang tiến dần về Sài Gòn. Von Marbod không còn hồ nghi gì nữa : màn kết sắp hạ rất nhanh rồi, và nhất định sẽ không còn chuyện ngưng bắn nữa.

Õng bèn quyết định không tuân lệnh Đại sứ Martin. Phi trường Biên Hòa đã không còn xử dụng được nữa, và không còn cách nào di chuyển số phi cơ còn lại, vì chỉ còn lại một ít lính và vài sĩ quan cấp ủy.

Tại sứ quán, lúc trước đó, ông đã bắt nghe được đài địch, ông liền liên lạc với Armitage, lúc ấy đang ở Biên Hòa, bằng điện thoại vô tuyến : “Ra khỏi chỗ đó ngay ! Chúng đang d: chuyển crèn Biên Hòa”. Các máy bay F-5E đã bay được về Tân Sơn Nhứt, nhưng những máy bay khác còn ở lại Biên Hoà như trực thăng, vận tải C-130, và A-15 đã bị trọng pháo hoặc hỏa tiễn địch phá hủy, hoặc bị chúng chiếm đoạt cùng với những máy móc trang bị khác ở căn cứ.

Sau đó, Von Marbod bay đến Phi trường Tân Sơn Nhứt, gặp lại cấp chỉ huy không quân Việt Nam Cộng hòa. Tướng Kỳ cũng tham dự buổi họp bất thường này. Ông thúc giục thả nốt số bom “Daisy Cutters” xuống các lực lượng Bắc Việtđang tiến về Sài Gòn. Làn đầu tiên Von Marbod giải thích về những dàn xếp của mình trước đây với khòng lực Thái Lan, và cố thuyết phục phi công Việt Nam Cộng hòa di tản hết số F-5E còn lại .

Ngày 22 tháng 4, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản từ Hà Nội đánh điện cho quân đội Bắc Việtbiết kế hoạch chính thức tổng tấn công chiếm Sài Gòn : “Thời cơ quân sự và chính trị đê mở cuộc tổng tán công vào Sài Gòn đã chín mùi. Ta cằn tranh thủ từng ngày, kịp thời phát động tiến công địch trên các hướng, không để chậm. Nếu đế chậm thì không có lợi cả về chính trị lẫn quân sự. Kịp thời hành động lúc này là bảo đảm chắc chắn nhất để giành thắng lợi hoàn toàn.” Và như thế , “Chiến dịch HỒ Chí Minh”, nhằm tiến chiếm   
Sài Gòn đã được tung ra vào chiều ngày 26-4. Theo ké hoạch, ngày 28-4, “pháo binh tằm xa” của Cộng sản bắt đằu bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất, và ngày 29-4 địch quân “sẽ đồng loạt đánh vào nội thành.”

Vào lúc 6 giờ 20 chiều ngày thứ Hai, 28-4, năm chiếc máy bay phản lực “chuòn chuồn” (Dragoníly) A-37 phóng về phía phi trường Tiến sỹN trên cao độ 5,000 bộ. Đài kiểm soát không lưu thấy máy bay tới , liền hỏi dồn :

— Các anh thuộc phi đoàn nào ? Phi đoàn nào ?

— Máy bay Mỹ ché tạo đây 1 Một phi công trả lời, rồi ngay tiếp theo sau đó các máy bay này trút bom xuống phi đạo chính của phi trường, phá hủy ba chiếc AC-119 và nhiều máy bay vận tải C-47. Té ra là máy bay Cộng sản, vụ tấn công này đã được tung đi từ sân bay Phan Rang với máy bay mà địch đã đoạt được của ta ở đó. Phi công MIG Bắc Việtđã được huấn luyện cấp thời để bay oanh kích Tiến sỹN một lằn duy nhất.

Sau vụ oanh kích này, các phi đạo vẫn còn dùng được, mặc du sân bay lúc bấy giờ đã ngổn ngang những đống sắt vụn bắn vung vãi tử các phi cơ bị phá hủy. Cuộc di tản nhân viên Hoa Kỳ và người Việt thuộc loại “rủi ro cao độ” (Những người làm việc cho các cơ sở Hoa Kỳ) được tiếp tục tiến hành bằng vận tải cơ C-130. Hai máy bay khổng lò này mỗi chiếc chứa 180 hành khách, cất cánh từ lúc 8 giờ tói. Đại sứ Martin cho tướng Homer Smith, Tùy viên Quân sự, biết rằng lịch trình di tản ngày hôm sau với sáu mươi chuyến bay C-130 sẽ là “số tối đa có thể thực hiện được”, nhưng ông đã đòng ý với yêu cầu của tân chính phủ Việt Nam Cộng Hòa là toàn thể nhân viên quân sự Mỹ sẽ rồi Việt Nam nội trong 24 tiếng đồng hò. Martin nói thêm là ông và hai mươi nhân viên khác của Sứ quán sẽ ở lại thêm một hay hai ngày “để tối thiểu có thể làm cho sự ra đi của chúng ta có được đôi chút phẩm cách !” .

Lúc 4 giò 5 phút sáng Thứ Ba, 29-4, những hỏa tiễn đầu tiên của Bắc Việtnã trúng sân bay Tân Sơn Nhất, giết chết tức thì bai người lính Thủy Quân Lục Chiến đang đứng gác ở một trạm kiểm soát gần cổng ra vào. Von Marbod đang nằm ngủ trên một chiếc giường nhỏ trong cư xá DAO, thì sức ép của hỏa tiễn lật đổ bức tường phòng ngủ và ông bị hất vàng xuống đất. Hệ thống máy nước trong phòng tắm bị vỡ tung, nước lênh láng tràn trên mặt sàn khắp lơi. Ông không bị trúng miểng hỏa tiễn nào, nhưng tai ông choáng váng. Ra ngoài cửa, Von Marbod nhật được một miếng thép còn nóng hổi của trái hỏa tiễn 122 ly do Nga chế tạo ; ông giữ lấy làm kỷ niệm. Sau vụ nã hỏa tiễn, trọng pháo 130 ly tầm xa của địch bắt đầu câu xuống các phi đạo. Không lực Việt Nam Cộng Hòa cho bay lên một phi cợ yểm trợ chiến đấu ban đêm AC-I 19 và một trực thăng chì điểm UH-1 để tiêu diệt các vị trí đặt dàn hỏa tiễn địch, Từ ven phi trường, Von Marbod và một tùy viên, Đại tá không quân Elxvood Johnson, đứng ngắm những lằn đạn màu da cam phóng đi từng loạt từ máy bay AC-119 tới vị trí đặt hỏa tiễn. Bỗng Johnson 1,1 lớn : “Đổi hướng bay ! Đổi hướng bay !” vì thấy chiếc AC-119 cứ lái tròn về cùng một phía. Von Marbod thấy vếr. khói trắng dài phụt ra từ đuôi hỏa tiễn Strella của Cộng sản và trong chớp mắt hỏa tiễn phóng tới làm nổ tung chiếc AC-119, biến nó thành một trái cằu lửa lóe sáng trên bầu trời mây xám buổi rạng đông. Lúc mặt trời ló dạng, phi công Việt Nam Cộng Hòa hấp tấp lên các phi cơ chiến (ĩấu F-5E và A-37 cỏn lại bay về hướng Thái Lan. Hai mươi ba chiếc F- 5E và hai mươi tám chiếc A-37 đã được di chuyển kịp thời và đáp xuống ba căn cứ không quân Hoàng Gia Thái mà Von Marbod đã dàn xếp trước đây. Khi phi cơ ngừng chạy và đậu hản lại chỗ cuối các đường băng, thi lính không quân Hoa Kỳ đã đứng chờ sẵn sàng, tay sơn tay cọ, để xông đến và vẽ lên sườn máy bay huy hiệu mới : hình các ngói sao trắng trong vòng lam và các gạch đỏ của Mỹ, được sơn đè lên huy hiệu nền vàng ba sọc đỏ của Việt Nam Cộng Hòa . Những máy bay này được sửa soạn để cất cành và bay tới một chân trời mới.

Đại sứ Martin đòi ra phi trường Tiến sỹN trên chiếc xe hơi an ninh của ông, lúc 9 giờ sáng, để tận mắt coi xem sân bay có thực sự không còn xử dụng được nữc. hay không. Ông đòi cứ tiếp tục cuộc di tản bằng máy bay, và yêu cầu bộ Tổng tham mưu Việt Nam tái lập trật tự, vì lúc ấy, các phi đạo đang bị xáo trộn. Đại tá Hoàng Ngọc Lung, Trưởng phòng Nhì bộ Tổng tham mưu, lúc đó có mặt tài Tiến sỹN được Martin nhờ gọi điện thoại về Bộ Tổng tham mưu gấp, nhưng tại Tổng thống M đã chì có tiếng chuông reo mà không một ai nhấc máy trả lời.

Tại văn phòng tướng Smith, Martin gọi điện thoại về Toà Bạch Ốc để tái xác nhận việc chấp thuận quyết định của ông là tiếp tục di tản bằng máy bay vận tải lớn. Washington đồng ý.

Martin trông thấy Von Marbod, bèn gọi ông ra chỗ riêng nói chuyện. Von Marbod nhất định phản đối việc dùng sân bay vì các phi đạo đã đầy những mảnh vụn sắt, thép bắn văng từ các phi cơ bị phá hủy cũng như từ hỏa tiễn, và lúc ấy, cuộc pháo kích vẫn chưa ngớt. Martin lắng nghe nhưng không nói gì, chì nhờ Von Marbod đi về tư thất ông ở đường Phùng Khắc Khoan đễ di tản vợ ông và con chó nhỏ của ông. Trong lúc đó, thì các bòn xăng bị trúng hỏa tiễr bắt lửa nổ bùng cháy lên hừng hực tử góc trụ sở hãng hàng không dân sự Air America.

Một giờ trôi qua mà các máy bay di tản đã không thể nào cất cánh được. Tướng Smith bèn gọi điện thoại tới Honolulu cầu cứu đô đốc Gayler, Tổng tư lệnh quân lực Hoa Kỳ ở Thái-bình-dương; ông lại gọi Đại sứ Martin thông bào là không thể tiếp tục di tản bằng C-130 được nữa. Miễn cưỡng, Martin mới đồng ý cho dùng trực thăng, là “Lựa chọn IV” trong các dự tính di tản. Martin gọi về Tòa Bạch Ốc lần nữa nói chuyên với Kissinger nhờ ông này xin Ford chấp thuận chương trình di tản. Lúc 10 giờ 51 sáng 29-4, giờ Sài Gòn, Tổng Thống Ford hạ lệnh phát động cuộc “Hành Quân Gió Nhanh” (Operation Frequent Wind). Chiéc phi cơ trực thăng thứ nhắt tới Sài Gòn đúng 2 giờ chiều ngày 29-4 ; và đó cũng là lúc đài phát thanh Quân đội Hoa Kỳ cho chơi cuốn băng có bài hát “Tôi đang mơ ước một Lễ Giáng Sinh có tuyết” (I’m Dreaming of ÍI White Christmas), một ước hiệu cho biết cuộc di tản đã bắt đầu .

Trong đợt “hành quân” này, 6,000 người Việt và 1,373 người Mỹ đã được di tản bằng trực thăng. Martin đã không muốn rời Sài Gòn trước khi cứu được số người Việt và Đại Hàn cuối cùng còn ở bên trong khuôn viên Sứ Quán. Ông luôn miệng đòi có thêm trực thăng. Sau cùng, lúc 5 giờ sàng hôm sau, 30-4, Washington bác bỏ mọi yêu cầu xin thêm thời gian và phương tiện di tản của Martin, và hạ lệnh cho ông phải rời Sài Gòn ngay lập tức. Tướng Gayler, người được Tòa Bạch Ốc chuyển đạt lệnh tới Martin tiết lộ rằng ông còn được thẩm quyền bắt giữ Martin nếu như ông Đại sứ không chịu tuân lệnh di tản. Khoảng chửng 420 người còn bị kẹt lại trong sứ quán khi chiếc trực thăng chót cất cánh bay iên vào lúc 5 giờ 30 sáng. Bị bỏ lại đằng sau và đứng ngơ ngác trên sân thượng Sứ quàn, nơi đậu và cất cánh của phi cơ, có một số đông người   
Việt Nam, nhân viên sứ quán Đại Hàn và tướng Lý Đại Vương, Tư lệnh quân đội Đại Hàn tại Việt Nam cùng kiều bào nhiều nước khác.

\*

\* \*

Tại Washington, ngày 29-4, Hưng nghe được tin radio thông bào rằng chì có khoảng từ 50 liến 70 ngàn người Việt là sẽ được cứu thoát, những người thuộc loại “rủi ro cao độ”. Hưng quyết định tranh đấu hết mình để cứu thêm được nhiều đòng bào, anh bèn gọi điện thoại cho Nutter, lúc ấy đang ở văn phòng tại Viện kinh doanh Mỹ (American Enterprise Institute), để hỏi ý ông xem đã tới lúc anh họp báo chưa? Nutter nói: “Giờ chó. sắp tới rồi ; bất cứ lúc nào. Người ta đang chạy ra biển dể chờ được cứu vớt.” Lúc cuộc di tản khởi sự, Nutter cho rằng đây là lúc Hưng có thể tiết lộ một số bí mật quốc gia để tranh thủ sự ủng hộ của nhà cầm quyền và nhân dân Hoa Kỳ nhằm cứu vãn đoàn người đang ùa ra biển. Hưng đ£n trụ sở của Viện Kinh doanh Mỹ, trên đường 17, và cùng với Nutter in ra ba lá thư của Nixon gửi Thiệu ngày trước. Rồi hai thầy trò lủi thủi bước ra đường đi tới khách sạn Mayílovver đe dàn xếp thuê phòng họp báo. Giá phòng là 250 mỹ kim ; Hưng chì còn đúng 200 mỹ kim trong trương mục tiết kiệm của gia đình. Nutter mủi lòng bèn xuất tiền riêng giúp thêm 50 mỹ kim, đủ để thuê một phòng họp báo.

Buổi trưa ngày 30-4, Nutter gửi một bản thông cào cho các phóng viên và ký giả qua hãng thông tấn xã Associated Press : “Tiến sĩ Nguyễn Tiến Hưng, cựu Tổng trưởng Kế Hoạch và Cựu phụ tá Đặc Biệt của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa Nguyễn Văn Thiệu, sẽ tổ chức một buổi họp báo lúc 4 giờ chiều hôm nay về ‘bản chất những thỏa thuận bí mật giữa cựu Tổng Thống Nixon và ông Thiệu’. Sẽ tiết lộ hai lá thư của Nixon gửi cho Thiệu.”

Các ký giá báo chí và truyền hình ào ào đến tụ tập tại phòng “Pan American” của khách sạn Mayfower. Mọi người ai cũng nhao nhao, nóng ruột, nói với Hưng là họ chỉ muốn có bản sao các lá thư ấy thôi. Nổi cáu, Hưng nói “Thưa Quí vị, đây là chỗ của tôi, Quí vị phải cho tôi cái cơ hội giải thích oối cảnh các lá thư đó trước khi tôi chuyển chúng tới tay quí vị. Nếu vị nào không muốn nghe tôi giải thích vị đó có thể ra về.” Có tiếng lao xao càu nhàu, la ó, nhưng Hưng cứ tiến hành giải thích lý do tại sao anh tiết lộ hai lá thư trong đó Nixon đã hứa hẹn yểm trợ miền Nam Việt Nam và trả đũa Bắc Việtvề các vụ vi phạm Hiệp định Paris của chúng. Hưng nhận định : “Những điều bảo đảm này đã được hoặc đưa ra minh thị hoặc nhắc lại nhiều làn để đổi lấy chữ ký của Việt Nam Cộng Hòa trên bản Hiệp định Paris. Đối với nhân dân Việt Nam, những lời bảo đảm ấy đã được hậu thuẫn bởi uy tín cũng như tín nhiệm của Chức vụ Tổng Thống Hoa Kỳ vào lúc cao điểm của quyên lực, vì nó đã được cam kết vào lúc Nixon mạnh nhất, sau cuộc thắng cứ lớn lao 1972. Nếu như bảo đảm được đưa ra trong những điêu kiện như vậy mà vẫn không thê coi là nghiêm chỉnh, thì thử hỏi cái gì khác (mới được coi là nghiêm chỉnh) ?”

Hưng trích dẫn một vài đoạn thư của Nixon đề ngày 14-11-1972 và 5-1-1973. Rồi anh còn trích dẫn thêm, nhưng không đưa cho báo chí, lá thư của Nixon đề ngày 17-3-1973.

Lúc các mày truyền hình thâu lời trình bay của Hưng dài 45 phút, anh nghẹn ngào kêu gọi đến tinh thần yêu chuộng công bằng và sòng phảng của nhân dân Mỹ. “Tó/ tin tưởng rằng, với quyền lực lớn mạnh về mặt ngoại giao cũng như kinh tế, nước Mỹ trong giờ phút này vẫn còn có thê làm một công việc nhân đạo, là cứu vớì mạng sống chúng tôi. ” Hưng giải thích, nếu những lá thư này là một cam kết đã không được tôn trọng, thì Hoa Kỳ có thể bù vào đó băng cách giúp đỡ những người đã, đang và sẽ chạy trốn khỏi Sài Gòn. Hoa Kỳ phải dàn xếp để ít nhất một triệu dân Việt Nam nữa có thể thoát khói miền Nam - "Những người đã trông cậy vào Hoa Kỳ và tin tưởng ở bao nhiêu hứa hẹn của đồng minh mình trong vòng 20 nám”.

Khi Hưng nói xong, các nhà báo vây lấy anh và đi theo trên hành lang ra cửa khách sạn. Murray Marder, của tờ The Washington Post , ngỏ lời với Hưng là ông có “nhiều thiện cảm với anh và dân tộc anh,” và đề nghi giúp đỡ. Hưng quay lại nói với báo chí : “Xin quí vị giúp cho dân chúng tôi di cư sang Mỹ. Pho tượng Nữ Thần Tự Do nhắc nhở chúng tôi rằng nước Mỹ là đất của những kẻ bị truy nã, của di dân. Lánh nạn chính trị là truyền thống của dân tộc Mỹ, cho nên bây giờ là lúc quí vị phâi cứu chúng tôi thoát khỏi sự trả thù, khủng bố, và hành hạ của Cộng Sản.”

Một nhà báo có bộ râu hàm đen rậm, cũng đã chạy theo Hưng xin một bản sao lá thư thứ ba mà Hưng có trích dẫn nhưng không phổ biến trong lúc họp báo. Hưng tham khảo ý kiến với Nutter, rồi từ khước yêu cầu. Y nán lại đứng nghe trong lúc Hưng nói chuyện với Marder ; tới lúc Hưng nói tới Tượng Nữ Thần Tự Do để yêu cầu cứu vớt người tỵ nạn, thì y xen vào một câu nói xỏ xiên : “Tôi xin được nhẳc nhở ông là Tượng Nữ Thần Tự Do quay mặt về phía Đại Tây Dương !”, ý nói là tượng quay mông về phía minh.

Nutter sửng sốt và ngượng ngùng, ông kéo Hưng sang một bên và an ủi: “Anh đã làm một công việc thật ích lợi cho xứ anh. Rồi đây nó sẽ tạo được nhiều thiện cảm, và tôi hy vọng rằng số người Việt được cứu thoát sẽ tăng lên nhiều lắm.”

Von Marbod rời phi trường Tiến sỹN trên chiếc trực thăng của hãng Air American vào khoảng 11 giờ 30 sáng 29 tháng tư, va được bay tới tầu uss Blue Ridge, con tàu chì huy các Toán Đặc Nhiệm 76, đứng đầu là Hải quân Đề đốc Donald XVhitmire. Tàu Blue Ridge chì có một giàn đổ bộ, và khoảng trống để chứa các máy bay trực thăng trên tàu đã được lấp đầy nhanh chóng. Thủy thủ đoàn đã đẩy bớt 1 số trực i hăng xuống biển để lấy chỗ cho các phi cơ khác đàp. Có một số phi công Việt Nam lượn đi lượn lại nhiều vòng quanh tàu nhưng không có chỗ đáp đã phải liều mạng nhảy ra khỏi buồng lài xuống biên, tâ mặc cho trực thăng tiếp tục phóng đi. Chỉ có một số đã sống sót. Von Marbod đáp xuống với hai tướng hải quân Hoa Kỳ, được dẫn tới trình diện Đề đốc Whitmire ; ông đưa nộp khẩu súng lục của minh, người mệt lả, dơ dáy, đói khát, và gục ngay xuống hành lang ngủ thiếp đi. Một người lính hải quân đánh thức ông dậy và nói rằng Whitmire có một thông điệp cho ông.

Trong ánh sáng hòng ngoại của Phòng Hành Quân trên tàu Blue Ridge, Đề đốc XVhitmire cho Von Marbod biết là có một công điện của Bộ trưởng Quốc phòng Schlesinger cho phép ông sang tàu ưss Dubitque, tàu đổ bộ có boong đậu trực thăng, do Đại tá R.w. Mclain Jr. chỉ huy.

Đêm hôm trước, trong lúc điện đàm với Ngũ Giác Đài, Von Marbod đã thình càu Schlesinger cử ông tới một hàng không mẫu hạm để cứu vãn các máy bay trực thàng từ vùng châu thổ (trước đó đã được di chuyển từ Sài Gòn.) Von Marbod đã có ý định thiết lập một trạm giữa vùng biển quốc tế làm chỗ đáp cho trực thăng Việt Nam Cộng Hòa trên đường bay qua Thái Lan lánh nạn. Ông liền bay qua tàu Dubuque giữa cơn bão biển nhiệt đới. Tới nơi, ông giải thích sứ mạng của mình với thuyền triởng và con tàu liền mở tốc lực phóng về phía đảo Phú Quốc. Sáng sớm ngày 30-4 thì tầu tới nơi và đậu lại ngoài khơi hòn đảo này. Tàu Dubuque dùng radio phóng thanh vào đảo, chỉ dẫn đường bay cho phi công Việt Nam đang tạm trú ở đó bay sang phi trường Trat, ở Thái Lan điíhn gần nhất phía bên kia biên giới Cao Miên. Tàu Dubuque cũng đón nhận và tiếp tế xăng cho những phi cơ khác để bay thẵng sang Thái Lan ; sân bay Phú Quốc đã cạn xăng và nếu không có tàu Dubuque thì chắc chắn trực thăng đã không thể nào bay nổi đến Thái. Trước sau, Von Marbod đã cứu được khoảng 2,000 người Việt và gia đình họ, cùng 224 máy bay trị giá khoảng 233 triệu Mỹ kim. Rick Armitage cũng đã thu nhận được ba mươi lăm con tàu của hải quân Việt Nam Cộng hòa mang trả lại, trị giá khoảng 55 triệu Mỹ kim. Các tàu này đã tới được Vịnh Subic ở Phi Luật Tân, với toàn bộ thủy thủ đoàn và gia đình của họ. Trước khi cờ Việt Nam được hạ xuống và cờ Mỹ kéo lên, thủy thủ đoàn trên một số tầu đã cùng mọi “hành khách” hát quốc ca dể chào cờ lần cuối trong ngậm ngùi và nước mắt.

Dàn xếp xong vụ di chuyến máy bay của Quân lực Việt Nam Cộng hòa lên các hàng không mẫu hạm đậu ngoài vịnh Thái Lan, Von Marbod bay trở về Washington hòi đầu thảng Năm. .

Sau những ngày chót của Việt Nam tự do, ông đã được cử làm đại diện Ngũ Giác Đài tham dự Toán Đặc Nhiệm Liên bộ Đông Dương, với chủ tịch là bà Julia Vadala Taft, có nhiệm vụ tái định cư dân tỵ nạn Việt Nam. Ông nhờ Hưng cố vấn về địa điếm cho trại di cư và về nhu cầu của người tỵ nạn. Hai người cùng đi thăm Camp Pendelton, Fort Chaffee, Indiantovvn Gap ở Pennsylvania, và căn cứ không quân Eglin ở Florida, để thiết lập các trại tạm trú nhằm đón tiếp đoàn di cư trong cuộc sống mới tại Mỹ.

Thoạt tiên, dân chúng Mỹ chống đối công cuộc định cư người Việt tỵ nạn. Một cuộc thăm dò ý kiến, do hãng Gallup thực hiện hòi đầu tháng Năm, cho biết rằng 54 phần trăm dân Mỹ đã không đòng ý cho người Việt sinh sống tại Hoa Kỳ, chỉ có 36 phần trăm đòng ý. Hạ Viện bác thình cầu sơ khởi của Ford xin ngân khoản 507 triệu Mỹ kim đê chuyên chd và săn sóc dân ty nạn ; sau đó ông đã phải tung ra một cuộc vận động cực mạnh để thay đổi ý kiến Quốc Hội. Thượng nghị sĩ phản chiến George McGovern (Dân chủ - South Dakota), đổi thủ của Nixon trong kỳ bầu cử 1972, nói: “Tôi cho là dân Việt nên ở lại   
Việt Nam thì tốt hơn, kể cả đám trẻ con mò côi kia nữa.” Rò trước những trại định cư, đã có những biể  
u ngữ như : “Chỉ có Ford là muốn họ thôi,” và “Trước khi thương người, hãy thương người nhà mình trước.”

Tại Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ, Hưng bắt đầu công việc thiết kế và tiếp liệu cho các trại định cư cũng như giải thích cho công luận và báo chí rằng: chì trong 5 hoặc 6 năm người Việt Nam sẽ đóng góp nhiều cho nền kinh tế Hoa Kỳ. Người tỵ nạn tới Hoa Kỳ giữa lúc nạn thất nghiệp đang lên cao cho nên người Mỹ sợ rằng cuộc nhập cư Ồ ạt sẽ tranh mất công ăn việc làm của họ.

Mặc dù những khó khăn bước đầu do khác biệt giữa hai nền văn hóa, cuối cùng, một sự phối hợp giữa thiện tâm và mặc cảm tội lỗi của người Mỹ đã thắng thế : vào cuối năm 1975, trên 120,000 người tỵ nạn đã được định cư và ra khỏi các trại tạm trú. Họ là lớp đầu của cuộc di cư vĩ đại — giống như đoàn người Do Thài bồng bế nhau ra khỏi đất Ai-Cập mấy ngàn năm trước — đi im một chỗ đứng dưới ánh nắng của mật trời tự do.

Ngoẩnh nhìn về Việt Nam, tuy nghìn trùng xa cách mà lòng họ không xa ; họ vẫn ôm mãi một giấc mơ, một hy vọng rằng ngày nào đó, ánh sáng bình minh sẽ lại chiếu rọi trên khắp quê hương cũ.

# CHƯƠNG XXII - LỜI CUỐI

Hậu quả của chiến tranh Việt Nam đã khác hẳn những gi mà hàu hết mọi người trong cuộc có tnểđã mong đợi, hoặc tiên đoán. Nước Việt Nam Cộng Hòa bị xóa bỏ. Cũng bị xóa bỏ luôn sau đó là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (MTGPMN) và tổ chức thừa kế của nó là Chính phủ Cách mạng Lâm thời qua sự thống nhất cưỡng ép giữa hai miền Nam - Bắc trong mùa hè 1975. Và như thế đã chấm dứt cái huyền thoại về “chiến tranh nồi dậy” xuất phát tử miền Nam, do MTGPMN chủ xướng nhằm dành lấy độc lập và tự do. Trong bao năm chiến tranh, các phe phản chiến tại Hoa Kỳ đã sa vào bãy của Hà Nội, dùng luận điệu rằng chiến tranh Việt Nam là một cuộc nội chiến, do những người bất mãn với chính phủ Sài Gòn nổi lên để chống chỉ: độ, và bởi vậy, Mỹ không nèn can thiệp vào. Bây giờ họ mới biết rằng MTGPMN chí là một bù nhìn, một thứ khí cụ cho Bắc Việt xài, xong thì ném đi!

Nhưng chiến thắng đã mang lại gì cho Hà Nội? Như Moshe Dayan, vị Ngoại trưởng quà cố của Do Thái, đã nhận định trong dịp thăm viếng Sài Gòn vào hòi cuối thập niên 1960: “Bắc Việtsẽ thua trận một khi họ chiếm Sài Gòn.” Thành quả vĩ đại nhất của họ có lẽ là đã đổi được tên   
Sài Gòn thành ra Thành Phố Hò Chí Minh, ít nhất cũng trong một thời gian. Nhưng say mê với chiến thắng lại làm cho họ trở thành mù lòa và đi tới những quyết định sai lầm trầm trọng. Ngoài việc quá gấp rút dẹp bỏ MTGPM.N, làm cho bao nhiêu thân hữu của họ trên trường quốc tế chưng hửng và rút đi sự yểm trợ, Bắc Việtlại càng nhàm lẫn trong chính sách ngoại giao. Đảng lẽ tiếp tục đường hướng ve vãn cả Trung Cộng lẫn Nga Xô, Hà Nội lại hướng hân về Nga và quay lại phản bội Trung Cộng, một quốc gia mà họ Hồ thường ví có liên hệ với Việt Nam như bóng với hình, như môi với răng, như núi với sông ; một quốc gia đã cưu mang Đảng cs Việt Nam, nuôi cho lớn lên, đứng đằng sau chỉ huy đánh Điện Biên Phủ, dậy cho chiến thuật du kích, phát cho súng AK-47 chống Mỹ và là một quốc gia lúc nào cũng gián chì việc Mỹ thả mìn hoặc đánh lớn ra Bắc bằng mối đe dọa “quân Tàu tràn xuống”. Bắc Việtđã mù quáng tới độ thay cả tên của nước v.ệt Nam, từ bắt chước Tàu (Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa) thành ra theo Nga (Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam), đổi tên Đảng từ kiêu Tàu (Đảng Lao Động Việt Nam) ra kiểu Nga (Đảng Cộng sản Việt Nam) ; cả đ'én khí cụ nghị luận chính yếu, Tạp Chi Học Tập (kiểu Tàu) cũng được đổi ra Tạp Chi Cộng sản (kiểu Nga). Và kể từ đó (tháng 6, 1976) Hà Nội đã càng ngày càng đi sâu vào qũy đạo Nga Xô, nhường đứt căn cứ quân sự qúy báu Cam Ranh, hải cảng Đà Năng và các đài ra-da trên miền cao nguyên cho Nga. Điện cẩm Linh ngày nay đã nắm thực quyền cai trị Việt Nam tới mức có thể ra lệnh thay đổi toàn bộ nhân sự cao cấp nhất của Đảng Cộng Sản trong tháng 12, 1986.

Nói tóm lại, thì cái hào quang cách mạng thần bí của Cộng sản Hà Nội nay đã tắt, và sự ủng hộ của quốc tế đối với họ nay đã hoàn toàn biến mất. Sau khi thôn tính miền Nam, Cao Miên và Lào, nghĩa là xé bỏ Hiệp định Paris, nước “Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam” hôm nay là một kẻ cùng đinh, một kẻ cầu bơ càu bất về mặt kinh tế giữa không khí phòn thịnh chưa từng thấy trong lịch sứ của những nền kinh tế Đông Nam Á. Trong tuyệt vọng, Hà Nội hiện nay lại đang cố tìm cách mời Mỹ Erđ lại bằng cách khai thác mối quan tâm của Hoa Kỳ về số phận của 2,436 quân nhân và 40 thường dân Mỹ vẫn còn được coi là mất tích. Bắc Việtthình thoảng lại đem trưng mấy di hài người Mỹ, trong nỗ lực bán xương người vô nhân đạo, mọi rợ đó. vẫn chưa ai trả lời dứt khoát được thắc mắc là liệu có người Mỹ nào còn bị cầm tù tại Việt Nam hay không. Tẩt cả thế giới và đặc biệt là dân chúng Mỹ trong năm 1985 đã được dịp chứng kiến qua chương trình truyền hình bằng vệ tinh từ Việt Nam nhân dịp kỷ niệm năm thứ 10 chiến thắng của Cộng sản, tức 10 năm dưới àch thống trị của Bắc Việt. Sài Gòn đã thay đổi hản bộ mặt, biến thành một thành phố với một nền kinh tễ còn chưa tới mức đủ sống, một nền kinh té được điều hành theo nguyên tắc tham nhũng. Việc buôn bán phồn thịnh hơn cả là buôn bán giấy phép xuất ngoại. Theo lời thú nhận của chính bọn cầm quyền Bắc Việt, hiện vẫn còn 10 ngàn người bị nhốt trong các trại cải tạo. Đồng bào tỵ nạn ước lượng con số đó từ 100,000 đến 300,000   
người; điều kiện trong trại cải tạo lại còn tệ hơn gấp bao nhiêu lần các “chuồng cọp” trên đảo Côn Sơn xưa kia. Một người bạn Hưng đã kể lại: “Lúc ở trại , chúng tôi đã ăn bất cứ con vật gì cử động.”

Tại miền Bắc, kinh tế tiếp tục suy xụp. Chi phí quân sự hiện vẫn là mực lớn nhất của ngân sách. Quân lực chiếm khoảng 1,220,500 trong một dân số 59 triệu, tỷ lệ tương đương với 5 triệu binh sĩ Mỹ. Lợi tức đầu người của Việt Nam năm 1987 chưa đằy 200 Mỹ kim mỗi năm, thuộc loại thấp nhất trên thế giới. Cộng sản có thể đã thắng trong chiến tranh, nhưng họ đang thua trong hòa bình. Khi say men chiến thắng, Lê Duẩn đã nhắc nhở đồng bào: “Trong di chúc thiêng liêng, Hồ Chủ Tịch đã dạy :

“Còn non, còn nước, còn người

Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xãy dựng hon mười ngày nay.” Lời dặn dò đó đã tóm lược những mánh lới dốitrá, bịp bợm của đảng Cộng sản Việt Nam trong bao nhiêu năm qua. Mỹ đi được một giáp (12 năm) rồi, nhưng nền kinh tế đã t nụt lùi lại mấy chục năm. Trong cuốn sách nghiên cứu về Kinh Tế Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam của Nguyên Tiến Hưng, anh đã kết luận rằng: “Yếu tố kinh tế đã đưa Cộng sản lên chiếm chính quyền và chính những yếu tố kinh tế sẽ làm họ suy nhược đi tới chỗ sụp đổ.”

Còn đối với Nga Xô, hậu quả chiến tranh Việt Nam đã ra sao? Căn cứ khổng lò của Mỹ tại Cam Ranh nay đã thuộc về tay họ. Những tàu chiến nổi, ngàm đủ càc loại thường xuyé:n tới Cam Ranh để lắy nhiên liệu và hoạt động tự do, khiến hải quân Sô Viết có được một căn cứ tiền đạo, một căn cứ hải quân không bị tuyết đông duy nhất, để phối trí tại Thái Bình Dương. Cam Ranh là một viên ngọc mà Nga Sô đã thèm muốn kể từ những ngày chiến tranh Nga-Nhật 1904-1905; lúc đó hạm đội Nga đã ghê Vịnh Cam Ranh để tạm trú và tiếp liệu trên đường tới hải cảng Arthur tại Mãn Châu. Phi cơ oanh tạc “Gấu D và F” của Nga Xô đặt cân cứ tại Cam Ranh và Đà Năng, thực hiện thường xuyên những phi vụ do thám trên Hạm đội 7 của Hoa Kỳ tại vùng biễn Đông Nam Á và Thài Bình Dương. Phi cơ oanh tạc hạng trungTU-16 sẵn sàng trong tư thế tấn công những mục tiêu Trung Cộng, và phi cơ khu trục chiến thuật MIG-23, từ các căn cứ tại Viẹt Nam, sẵn sàng bảo vệ vùng trời của Hạm đội Xô Viết. Liên Xô lại còn thiết lập những vị trí thâu lượm tín hiệu tình báo trên vùng cao nguyên để theo dõi liên lạc truyền thông giữa Mỹ và Trung Cộng trong vùng. Quân đội Xô Viết tại Việt Nam dường như chì có một vai trò hạn chế trong việc bảo vệ Việt Nam. Mục đích chủ yếu của họ là đặt Nga Xô trong tư thế sẵn sàng đối đầu với Mỹ và Trung Cộng nếu như có một cuộc tranh chấp lớn nào xẩy ra trong vùng. Ngày nay, mục tiêu còn lại của Nga Xô là làm sao gây được xáo trộn ở Phi Luật Tân đủ đê diên lại vở kịch Việt Nam, cũng với một “Mặt Trận Giải Phóng” để đi tới chỗ bắt Mỹ rút khỏi căn cứ hải quân Subic Bay và căn cứ không quân Clark. Mặt khác, Nga Xô lại tìm cách xách động ở Dại Hàn đế đòi Mỹ triệt thoái 50,000 còn lại. Và như vậy họ sẽ hoàn toàn đặt vùng Thái Bình Dương phía Á Châu dưới sự kiểm soát và ảnh hưởng của mình.

Nếu Liên Xô là kẻ chiến thắng, thì đại cường bại trận lớn nhất trong chiến tranh Việt Nam là Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc. Bao nhiêu công trình nuôi dưỡng Đảng Cộng sản Việt Nam giở đây đã hóa ra như dã ràng se cát biền Đông. Hà Nội đã cho Nga Xô vào Cam Ranh để thắt gọng kìm Trung Cộng ở phía Nam; phía Bắc Trung Quốc thì đã có lực lượng hùng hậu của tửng chục sư đoàn Bộ binh Nga áp đảo.

Khi Nixon lên nắm chính quyền, ông nhận ra được sự thay đổi trong quan hệ Trung-Xô và tìm cách khai thác những mối căng thẳng giữa hai cường quốc ấy bằng cách mở ra một cuộc đối thoại chính trị với Trung Cộng. Chiến lược này về sau được mệnh danh là “Chơi Lá Bài Trung Quốc.” Vì sợ Liên Xô, Trung Cộng đã tiến hành việc cải thiện bang giao với Hca Kỳ, mặc dù Bắc Việtphản đối. Khi Mao Trạch Đông và Châu Ân Lai ân cần tiếp đón Nixon tại Trung Quốc hòi 1972, Trung Cộng đã hết là một đe dọa cho Hoa Kỳ tại Đông Nam Ă. Trung Cộng tiếp tục ủng hộ MTGP và, sau này, Chính phủ Cách Mạng Lâm Thời (CPCách mạng Lâm thời) tại miền Nam, coi như các lực lượng đối trọng mà Trung Cộng hy vọng là sẽ có thể dùng để ngăn chận Bắc Việtkhỏi thôn tính toàn cõi Đông Dương. Thế nhưng, sau <hi Sài Gòn thất thủ, những kẻ ủy nhiệm của Trung Cộng đã hoàn toàn bị loại trừ. Chiến lược Việt Nam của họ Mao và Chu đã thất bại.

Rồi tới năm 1978, Bắc Việttiến hành việc loại trừ ảnh hưởng cuối cùng của Trung Cộng tại Cao Miên, tấn công quân Khmer Đỏ, toán Miên Cộng cướp chính quyền năm 1975 và sau đó giết hại trên 1 triệu đòng bào ruột thịt của chúng. Bọn Khmer Đỏ này, dưới sự lãnh đạo của Pol Pot, đã phải chạy trốn về vùng biên giới Thái-Miên và Được Trung Cộng chi viện để thực hiện chiến tranh du kích. Tháng Hai, 980, Trung Cộng tấn công qua biên giới Việt- Hoa để “dạy cho Bắc Việtmột bài học”, nhưng bị đẩy lui. Tử đó đến nay hai nước Cộng sản “anh em” này trở thành chó với mèo chứ không như họ Hồ mô tả là “Môi hở răng lạnh.”

Trung Cộng đã mẩt ảnh hưởng tại Lào, và Miên thì về tay Bắc Việt. Trung Cộng vẫn ủng hộ Pol Pot và Thái tử Norodom Sihanouk, người thừa ké hoàng tộc, mà hòi 1970 đã bị lật đổ trong cuộc đảo chính của Lon Lol. Hai người cựu lãnh đạo này hiện nay liên minh lỏng lẻo với nhau trong lỗ lực giải phóng Cao Miên thoát khỏi ách thống trị Bắc Việt. Điều trớ trêu là Hoa Kỳ đã sai làm trong việc ước đoán “hiểm họa Trung Cộng” trong suốt cuộc chiến ở Việt Nam. Toàn bộ chiến thuật Hoa Kỳtrong cuộc chiến đã được thiết kế với một chủ trương là không để cho Trung Cộng lấy cớ nhân danh Bắc Viằt nhảy vào can thiệp. Chién tranh Triều Tiên đã để lại cho các nhân vật lãnh đạo trong chính quyền Johnson một àm ảnh sợ hãi về sự can thiệp có thể của Trung Cộng tại Việt Nam. Trong thời kỳ chiến tranh leo thang tại Viíit Nam, Bộ trưởng Ngoại giao của Johnson là Dean Rusk. Nhưng chính ông Rusk đã là Phụ tá Ngoại Trưởng Đặc trách Đông Á và Thái-bình-dương trong thời kỳ chién tranh Triều Tiên. Câu chuyện thường được kể lại tại Washington là, sau khi nghe lược trình về việc Trung Cộng chuẩn bị tấn công các Lực lượng Liên Hiệp Quốc qua vĩ tuyén 38 hồi 1950, Rusk ngẫm nghĩ một hôi rồi nói: “Chúng không dám đâu.” Nhưng ông đã lầm vì sau đó, Trung Cộng rằm rộ tràn xuống Triều Tiên.

Hậu quả tai hại của sự tính toán sai lằm đó còn kéo dài tới vụ xung đột ở Việt Nam và tiếp tục chi phối hành động của Mỹ. Một lằn sai, hai lần nhát, là vậy.

Mối đe dọa can thiệp của Trung Cộng đã lởn vởn như một đám mây đen trong trí óc giới kế hoạch gia trong chính quyền dohnson. Trong chién dịch dội bom Bắc Việt, Johnson đã phải đích thân chấp thuận những mục tiêu, tránh xa Trung Cộng, và giải thích cho một nhóm dân biểu là ông đã rất tự chế. Hai nhà bình luận thời cuộc Rowland Evans và Robert Novak đã tường thuật một phiên họp giữa Johnson và các dân biểu   
như sau:

Để chứng minh sự thận trọng của mình, (Johnson) đưa cho nhóm dân biểu đối lập thấy bản đờ Bẳc Việt, và trỏ vào những mục tiêu (dội bom) mà ông đã không chấp thuận. Còn về Trung Cộng, ông đang theo dõi mọi dấu hiệu phản ứng có thể cỏ ! Dùng một lời ví von tình dục sống động, một hôm Tổng Thổng giải thích cho phe bạn và phe chống đối rằng sự leo thang chậm chạp của vụ dội bom miên Bắc và gia tăng áp lực với Hờ Chí Minh chỉ là dụ dã thôi, chứ khòng phải hãm hiếp. Nếu như Trung Quốc bất thình lình phản ứng với sự leo thang chậm chạp đó như một phụ nữ phản ứng lại sự mưu toan dụ dỗ bằng cách dọa trả đũa (như tát một cái vào mặt kẻ dụ dỗ), thì Hoa Kỳ sẽ còn nhiều thời giờ đê nương tay dội bom. Trải lại, nếu như Hoa Kỳ tung ra một cuộc tắn cóng toàn diện, toàn lực miền Bắc — (nghĩa là) hãm hiếp thay vì dụ dỗ — thì sẽ không còn lối quay trở lại được nữa, và phản ứng của Trung Cộng sẽ tức thì và toàn diện.

Hồi tháng 10-1966, Johnson hỏi ông Thiệu tại Manila rằng ông có tin Trung cộng sẽ can thiệp không. Thiệu đáp: không, Bắc V iệt sẽ không nhờ đến Trung Cộng vì sợ Nga Xô và bởi lẽ Việt Nam đã từng bị Trung Quổc thống trị trong một ngán năm ; và nếu cấp lãnh đạo Hà Nội bây giờ lại đưa Trung cộng sang thì họ sẽ không còn chính nghĩa đối với dân chủng Bắc Việtnữa. Thế nhưng, Johnson đã lắc đầu và k aông tin.

Ảnh hường của Việt Nam đối với Hoa Kỳ ra sao?

Chính Nixon ngày nay đã phải ghi nhận rằng “Việt Nam đã là một thắng lợi quá lớn trong cuộc chiến của Liên Xô nhằm giành lấy sự kiểm soát thế giới thứ ba tối quan trọng về mặt chiến lược. Nó là một thắng lợi không hần vì nó đã mang lại cho Xô Viết cái địa vị thống trị đối với Việt Nam mà vì nó đã khiến Hoa Kỳ bị té liệt về mặt tâm lý đến cái độ không thể bảo vệ nổi quyền lợi của mình trong thế giới đang phát triển, là chiến trường xung đột Đông-Tây hiện đang tiếp diễn, (một cuộc xung đột) mà đặc điểm đúng nhất của nó là “Chiến Tranh Thế Giới Thứ Ba.” . Nixon giải thích thêm : “Cuộc bại trận của ta tại Việt Nam đã bắt mòi lửa cho một loạt chinh phục của các nước độc tài chung quanh thế giới giữa lúc ta rút vào một cuộc tự đày ải, dài 5 năm trời.” Thật vậy, ảnh hưởng của sự sụp đổ của   
Việt Nam Cộng hòa đã có ảnh hưởng sâu xa trên chính trường quốc té. Tử 1975, Cộng sản Quốc Tế đã thừa thắng xông lên, xâm nhập từ Angola tới Ethiopia, từ Aíghanistan tới Nicaragua. Rồi ảnh hưởng của Hoa Kỳ còn b lu mờ dần đi từ Âu tới Ấ và nhất là ở Trung Đông và ở Trung, Nam Mỹ. Ngày nay tại Ấ Đông, những đồng minh cỡ lớn của Hoa Kỳ như Phi-Luật-Tân, Đại-Hàn lại đang phải trải qua những cơn thử thách trầm trọng do Cộng sản đứng hậu thuẫn nhằm xóa bỏ những căn cứ và lực lượng quân sự của Hoa Kỳ trên con đường tiếp liệu dầu hoá huyết mạch từ Trung Đông băng qua eo biển Malacca tới Nhật Bản và các nước vùng Thái-bình-dương.

Còn đối với Việt Nam Cộng Hòa? Rắt nhiều yéu tố đã đưa tới sự sụp đổ của miền Nam, trong đó trách nhiệm của những người lãnh đạo đã không phải là nhỏ. Tại Luân Đôn, có lần Hưng hỏi Thiệu rằng ông nghĩ sao về trách nhiêm của ông đối với đất nước. Thiệu trả lời: "Tôi có trách nhiệm, nhưng không có tội” (Je suis responsable mais pas coupable). Lịch sứ sẽ phê phán ông Thiệu cũng như các nhà lãnh đạo Việt Nam mà không ai có thể trốn tránh. Ngoài ra, sự phân hóa nội bộ tại miền Nam và sự thiếu vắng một ý thức hệ thống nhất, nạn tham nhũng trầm trọng cũng như sự chia rẽ sâu đậm trong mọi hàng ngũ dân, quân đã làm miền Nam dần dần suy yếu. Tất cả các chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đều phái tùy thuộc vào sự yểm trợ liên tục của Hoa Kỳ. Bởi vậy, khi Hoa Kỳ mất ý chí chiến đấu, Sài Gòn lập tức cũng ngã lòng, và sự việc này đã đóng góp thêm vào sự sụp đổ mau lẹ của chính quyền miền Nam. Đứng về mặt đối ngoại, trong 20 năm chiến tranh, Việt Nam Cộng Hòa đã không có một nỗ lực nào được tổ chức đê chống lại với những luận điệu sai lầm và kêu xấu do phe phản chiến cũng như do thành kiến của báo chí và các cơ quan truyền thông Hoa Kỳ đã từng rêu rao. Các nhà lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa đã không có hành động hữu hiệu nào đế biện hộ cho lập trường của mình trên chính trường quốc tế. Ông Thiệu đã tiếp tục trông cậy vào Nixon, tin tưởng rằng giống như ở Việt Nam, một vị Tổng Thống có thể chi phối được quốc hội và ảnh hưởng công luận phần nào theo ý muốn mình.

Mặc dù tất cả những yéu tố nội bộ của Việt Nam, trách nhiệm của những người lãnh đạo Hoa Kỳ trong chiến cuộc Việt Nam đã không thề chối cãi được. Trong tập Hò Sơ Mật Dinh Độc Lập , một phần nào trách nhiệm đó đã được chứng minh một cách rõ ràng.

Trong thời gian gần bốn năm mà Kissinger điều đình để có được hòa giải, màu đã tiếp tục đổ nhiều hơn: thêm 15.000 người Mỹ bị thiệt mạng và 100,000 người bị thương, trong lúc hàng tràm ngàn sinh mạng Việt Nam đã bị hy sinh. Rồi cuối cùng ông ta đạt được một bản hiệp định mà trong thực chắt nó giống y hệt bản hiệp định mà Cộng sản đã đưa ra gần 4 năm trước đó, hồi tháng 5,1969 (Xem phụ lục B). Điều sì nhục cuối cùng là Hiệp định Paris còn cho Cộng sản nhiều hơn là chúng đòi hỏi hồi năm 1969: hiệp định buộc Mỹ phải rút khỏi Việt Nam nội trong 60 ngày đang khi (năm 1969) Cộng sản chỉ đòi là Mỹ phải rút khỏi Việt Nam chứ không nêu ra một thời hạn nhất định! Ngoài ra, Nixon và Kissinger đã sai lầm ngay từ đằu: họ đã không hiểu bản chất cứng rắn của Hà Nội; không tin rằng Hà Nội không muốn điều đình thực sự mà chì muốn dùng điều đình để đi tới toàn thắng. Đến lúc Kissinger kịp nhận ra, thì hai năm đã trôi qua và ông đã bị mắc vào cái bẫy, tự mình dựng ra,đó là đã trót chủ trương chiến tranh Việt Nam nhất định phải được kết thúc bằng điều đình. Lối thoát duy nhẩt là bắt Sài Gòn phải nhượng bộ những gì mà ông đã không đòi được của Hà Nội. Thoạt tiên, ông tìm cách đe dọa và hạ tối hậu thư; khi thấy vô hiệu, ông bèn đưa ra những cam kết không thễ thực hiện được đế dụ ông Thiệu ký vào bản Hiệp định.

Đường lối mật đàm đã cho Cộng sản hai lợi điểm rất quan trọng. Lợi điểm thứ nhất là, qua sự tiếp xúc mật với Kissinger và nhóm của ông ta, chúng đã có thể thăm dò lập trường Mỹ và xác định xem người Mỹ sẽ đi xa được tới đâu trong cuộc điều đình. Yêu sách bắt Thiệu từ chức thực ra chì là một hình người rơm chúng giơ lên đ? có thề hạ xuống trong giai đoạn cuối cùng của hòa đàm, đề chứng tỏ cho Hoa Kỳ là chúng đã nhượng bộ. Hòi thảng 10-1972, Bắc Việtrút lại yêu sách đòi Thiệu từ chức, thế là Kissinger tuyên bố: đã “bắt” Bắc Việtnhượng bộ để Thiệu và chính phủ Việt Nam Cộng Hòa nguyên vẹn. Vào thời điểm đó thì “nhượng bộ” này đã trở thành vô nghĩa rồi, bởi lẽ sẽ có một cuộc tổng tuyển cứ mới, không phải là đê bầu tổng thống mà để bầu một Quốc hội lập hién theo kiểu Cộng sản, và Quốc hội này sẽ chì định một chính phủ. Lúc đó, quân Mỹ đã rút hết, và sẽ có 300,000 quân Bắc Việtở miền Nam làm hậu thuẫn cho Mặt Trận Giải Phóng của Việt Cộng trong một chính phủ liên hiệp.

Lợi điểm thứ hai: gạt chính phủ Việt Nam Cộng Hòa để thương thuyết mật đã mang lại cho Bắc Việtmột vũ khí lợi hại để chia rẽ Sài Gòn và Washington. Hà Nội khéo léo khai thác lòng nghi ngờ của Sài Gòn là đang bị bán đứng. Chúi^g đề lọt ra ngoài cho cộng đòng người Việt biết những chi tiết đàm phán và àm chì rằng chính phủ miền Nam là bù nhìn của Mỹ. Điều này khiến Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa mất dần đi sự ủng hộ của nhân dân và bị đặt vào một vị thế thấp kêm như là một tay sai của Mỹ. Nó còn đem cho Bắc Việtmột lợi thế tuyên truyền rất hữu hiệu đó là : gọi Hoa Kỳ là “kẻ xâm lược”, khi chính quân Bắc Việtlà kẻ xâm lược ở miền Nam. Hồi tưởng lại, Kissinger mới đây đòng ý rằng Hoa Kỳ đáng lẽ ra đã không nên thương thuyết “giùm” Việt Nam Cộng Hòa: “Ông Thiệu đã đúng, nhưng hòi đó đường lối hành động là vậy ( ... ) có lẽ đó đã là một sai làm. Tuy rằng, với tình hình quốc nội như thế, bầy giờ nói thì dễ hơn là thực hiện.”

Thương thuyết mật đã loại trước ra ngoài sự đóng góp kiến thức cũng như khả năng chuyên môn của bất cứ ai khác trong guồng máy hành chánh Hoa Kỳ dù họ là những ngưỏi đã có kinh nghiệm. Kissinger và mấy người thân cận đã nắm lấy quyền điều khiển. Đường lối tiếp xúc bí mật còn không cho phép gây dựng được một sự đồng tình, nhất tri, vốn là sức mạnh và tính liên tục của thể chế dân chủ.

Đứng về mặt pháp lý, Hiệp định Paris, được ký kết hồi tháng Giêng, 1973, và bản Thông Cáo chung hồi tháng 6 tiếp theo đó, đã là một “thỏa ước để thi hành” (executive agreement), chứ không phải một hiệp ước (treaty) như Kissinger muốn mọi người hiểu vì Nixon đã không đem nạp nó cho Quốc Hội thông qua. Kissinger và Nixon đã hành động một mình; đã không bao giờ nói với công chúng Mỹ vi! những lời hứa hẹn, được ghi rõ trong các lá thư như một phần quan trọng của thỏa ước đối với Việt Nam Cộng Hòa, là sẽ tiếp tục yểm trợ để ngăn chận không cho Cộng sản chiếm miền Nam bằng võ lực. Nhưng mật ước đó khác hẳn với những lời tuyên bố và lập trường công khai của Hoa Kỳ lúc ký hiệp định đình chiến.

Kissing r sau này nói rằng ông muốn bảo vệ Việt Nam “nhân danh một cuộc hòa giải hơn là nhân danh một cuộc chiến tranh ũép tục.” Hiệp định Paris, tưởng là báo hiệu hòa bình đã tới, lại trở thành một cái cớ để Quốc hội cắt viện trợ, với lập luận là : “Bây giờ  
 đã có hòa bình rồi càng nhiều súng đạn lại càng tiếp tục đánh nhau !”

Trong khi Quốc hội cắt viện trợ bắt đầu từ hè 1973, thì cả Nixon lẫn Kissinger đã hoàn toàn im lặng. Cựu Bộ trưởng Quốc phòng Schlesinger trong một cuộc phỏng vắn với tác giả, đã phàn nàn rằng giá như ông có được trong tay các lá thư mật đó vào dịp ông nhậm chức hòi tháng 7-1973, thì ông đã có thể dùng chúng khi tham khảo ý kiến Quốc hội về viên trợ quân sự cho Việt Nam Cộng Hòa. Và như vậy, theo ông, ắt hân là đã vạch ra được những lời cam kết của Hoa Kỳ đối với đồng minh. Ông nói: “Chúng tôi đã không làm như vậy khiến sau này đã gây cho chúng tôi biết bao vấn đề. Tôi còn nhớ tôi đã vô cùng sửng sốt khi đọc một số lá thư ấy (do Marbod chuyển giao hòi tháng4-1975) vì tôi nghĩ chúng có nghĩa là Hoa Kỳ đã chạy làng những nghĩa vụ mà chính Tổng Thống đã cam kết. Tuy nhiên, nếu ta không biết là những nghĩa vụ đó đã được cam kết thì ta không biết được là Hoa Kỳ đã chạy làng.”

Trong một cuộc phỏng vấn khác, vị tiền nhiệm của Schlesinger là Melvin Laird, người đã đề xướng ra chương trình “Vietnamization” còn nói: có lằn ông hỏi Kissinger tại sao không đưa cho ông đọc mấy lá thư ấy, thì Kissinger đã trả lời: “Ờ, đó là một vụ đổi chác giữa tướng Haig và Tổng Thống Nixon” Không một viên chức Mỹ nào đã rút lại hoặc phủ nhận các lá thư ấy, hoặc bằng lời hoặc bằng văn thư cho chính phủ   
Việt Nam Cộng Hòa

Nhiều người cho rằng những cam kết đó là do Nixon và ông này đã từ chức. Điều bí mật mà ít ai hay là chính Tổng Thống Ford khi lên nhậm chức đã tái xác định những cam kết đó với Việt Nam Cộng Hòa. Lá thư đầu tiên ông viết trong chức vụ Tổng Thống Hoa Kỳ là thư gởi cho Thiêu. Trong thư, Ford đã khâng định là ‘‘lất cả những cam kết mà nước chúng tôi đã hứa hẹn với quí quốc trong quá khứ nó vẫn còn hiệu lực và sẽ được hoàn toàn tòn trọng trong nhiệm kỳ của tôi.” Không một phút giây nào cho tới hai tuần lễ chót mà Đại sứ Martin đã không thôi nói với Thiệu và các tướng lãnh là mặc dù khó khăn, rốt cuộc rồi thế nào viện trợ Mỹ cũng được đầy đủ.

Toàn bộ những lá mật thư đó tạo nên một sự cam kết đối với Việt Nam Cộng Hòa, được nhắc đi nhắc lại bởi các nhà lãnh đạo dân cử của nhân dân Hoa Kỳ. Nó phải được coi là những lời cam kết danh dự do hai Tổng Thống, nhân danh chính phủ và nhân dân Hoa Kỳ, đã viết lên giấy trắng mực đen tiếp theo những hứa hẹn yểm trợ Việt Nam Cộng Hòa của các vị tiền nhiệm : Eisenhower, Kennedy và Johnson. Những cam kết đó chưa hề bao giờ được tiết lộ toàn bộ, và tàm quan trọng của chúng đã bị Kissinger hạ giảm đến tối thiểu trong những ngày cuối của cuộc chiến. Những lá thư đó không phải chì là một chuỗi hứa hẹn trừu tượng ; chúng đã là những công cụ của nền ngoại giao Hoa Kỳ được xử dụng đê tác động, để đổi chác, và để đưa đến những quyết định quan trọng liên hệ tới tương lai của Việt Nam Cộng Hòa. Nếu nhìn vào toàn bộ của Hò Sơ Mật Dinh Độc Lập, ta có thể ví những lá thư ấy như 31 lá thư tình, chúng còn có thể có một giá trị hơn cả giấy giá thú. Xét về khía cạnh ngoại giao, thư từ của Tổng Thống Hoa Kỳ phải có tính cách ràng buộc, nếu không thì từ nay các nhà lãnh đạo của các quốc gia khác, khi nhận được thư của Tổng Thống Hoa Kỳ sẽ nghĩ ra sao?

Không làm tròn nhiệm vụ với đòng minh, Hoa Kỳ đã khiến các nước bạn nghi ngờ, và các nước thù nghịch tìm cách giành lơi thế. Ngoại trưởng Vương Văn Bắc, vào những tháng chót của cuộc chiến, sang Saudi Arabia để hỏi vay tiền, và giải thích cho tổng trưởng dầu lửa Yamani biết lý do vay mượn là Mỹ đã không viện trợ như đã hứa. Yamani bèn hỏi: “Làm sao một chủ tịch công ty có thể kỳ một tài liệu, rồi người kế vị lại nói ‘Tôi không biết gì về cái đó hết !’ Rõ ràng là sự tín nhiệm của Hoa Kỳ đã bị sứt mẻ.” Trong lúc chiến tranh, Hoa Kỳ đã tiêu tời 250 tỷ mỹ kim. Sau cùng, Việt Nam Cộng Hòa chì xin 200 triệu mỹ kim để mua đạn và xăng nhớt, mà Quốc hội đã từ khước, và như vậy, tinh thần cũng như khả năng chiến đấu của Việt Nam Cộng Hòa vào những tháng chót chảng còn là bao nhiêu. (Xem phụ lục F)

Như tướng John Murray, trưởng phòng Tùy viên Quân sự Hoa Kỳ tại Sài Gòn đã giải thích:

Nếu anh muốn biết về Việt Nam, anh phải biết về chiến tranh ; nếu anh muốn biết vè chiến tranh, thì anh phải biết chút đỉnh số học. Lúc quyén lực Mỹ ở vào cao điểm tại đó, ta đã có 433 tiều đoàn tác chiến Hoa Kỳ và đòng minh ; địch có 60 trung đoàn tác chiến (lớn hơn). Năm 1974, khi ta đã rút ra, Lục quân Việt Nam Cộng Hòa có 189 tiểu đoàn, và địch đã xây dựng được 110 trung đoàn. Hỏa lực dưới đất của đàng minh bị giảm mất 40 phẩn trăm. Lấy đi B-52, lấy đi F-4, và lấy đi hỏa lực hải quân — lấy hết mấy thứ này đi. Thế rời ta bắt đầu yểm trợ Nam Việt Nam với 2 phần trăm số tiên lúc 'rước ta đã dùng đễ yểm trợ lực lượng của chính ta (Hoa Kỳ) tại Việt Nam chống lại một (lực lượng) địch quân nhỏ bé hơn. Anh biết Napoleon đã nói gì : “Thượng đế dứng về phe tiểu đoàn nào lớn nhất... ” Và đúng vào khoảng thời gian đó Thượng đế đã đứng vè phe Cộng sản ; chủng lớn hơn, chúng mạnh hơn. Đó là lý do tại sao thua trận.

Ngày nay, tất cả những nhân vật hữu trách trong giai đoạn cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa như Nixon, Ford, Kissinger đều đổ tại Quốc hội Hoa Kỳ và Watergate. Bàn tay của Quốc hội Hoa Kỳ vẫn còn dính máu của nhân dân Việt Nam Cộng Hòa và Watergate thực sự đã làm cho chức vụ Tổng Thống Hoa Kỳ yếu đi. Thế nhưng, những sự việc ngoại lai ảnh hưởng tới giai đoạn cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa đã bắt đầu rất lâu trước khi Quốc hội Mỹ cắt viện trợ, và Watergate chỉ bùng nổ trong mùa hè 1973. Những sự việc đó đã bắt đằu tử lúc Nixon và Kissinger từ giã Thiệu ở Dinh Độc Lập ngày 30 tháng 7, năm 1969, để Kissinger lên máy bay trực chì sang Paris lén lút mật đàm với Bắc Việt. Ngoài ra, chính những nghị sĩ cỡ bự trong việc cắt viên trợ và làm ra đạo luật “Quyền Hạn Chiến Tranh” để hạn chế quyền của Tổng Thống Hoa Kỳ cũng đa phàn nàn rằng khi làm như vậy, họ đã không biết gì hết về những mật thư.

Tháng 4-1975, cố Thượng nghị sĩ Frank Church, đòng tác giả của Đạo Luật Thẩm Quyền Chién Tranh, nói: “Hòi đó không ai nói gì với chúng tôi về những cam đoan sẽ được Hoa Kỳ gánh vác hết. Tôi không nhớ là có người nào thông báữ cho ủy ban tôi biết là đã có một cam đoan nào, được viéít ra, minh thị, hoặc bằng cách nào khác. Ấn tượng rõ rệt lúc ấy của chúng tôi là không có điều gì dấu giếm chúng tôi cả.” Thượng nghị sĩ Jacob K. Javits, khi nói đén các lá thư, đã quả quyét: “Muốn gọi mấy tài liêu đó là gì gì đi chăng nữa, đáng lý ra chúng đã phải được đưa ra cho ủy ban Ngoại giao Thượng viện cùng với những tài liệu khác liên quan đến Hiệp định Paris.” Riêng đối với Kissinger thì mặc dù trước công chúng, ông vẫn còn cố giảm thiểu sự quan trọng của các mật thư do chính tay ông thảo và không bao giờ chịu nhận trách nhiệm, nhưng trong những giây phút riêng tư, ông đã phải thú nhận sự làm lỗi của ông. Năm năm sau, khi   
Việt Nam Cộng Hòa SỤ]? đổ, ông đã viét một bức thư cho Thiệu để thanh minh và kết luận : Tôi không mong là sẽ thuyết phục

được Ngài. ít nhất, tôi chỉ có thể cố gắng Xin Ngài tin tưống ở lòng hối hận và lòng kính trọng, vẫn còn ở tôi.” (Xin xem phụ lục F)

Như vậy là từ một số nghị sĩ dân biểu tới các Tổng Thống Nixon, Ford và các vị Bộ trưởng Quốc phòng như Laird, Richardson, Schlesinger, tướng Haig và Kissinger đều đã một phàn nào hối tiếc những gì đã xẩy ra cho Việt Nam Cộng Hòa. Nhưng hối tiếc dĩ nhiên không thể là đủ. Hồ Sơ Mật Dinh Độc Lập đã khâng định là phải đặt lại trách nhiệm của Hoa Kỳ đối với 24 triệu nhân dân miền Nam ngày nay còn phải sống dưới gông cùm của Cộng Sản.

# PHỤ LỤC

- A -

GHI CHÚ :

Thư của Tổng Thống Richard Nixon và Gerald R. Ford giỉi Tổng Thống Nguyễn Văn Thiêu, bắt đằu từ ngày 31-12-1971, cho tới ngày 22 thảng 3, 1975. Tất cả là 35 bức thư, (31 do Nixon và 4 do Ford gtỉi), trong đó có 4 mật điện lập lại thư của Nixon do Đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn chuyển đạt trước khi thơ tới. Vì trên những bản mật điện thường có những ghi chú của Tổng Thống Thiệu, hữu ích cho lịch sử nên nó được in lại cho đầy đủ chi tiết.

Khi đi Hoa Kỳ đê càu cứu Quốc Hội lần cuối cùng ngày 15 tháng 4, 1975, chúng tôi nghĩ không cằn mang theo các mật thư của Tổng Thống Thiệu viết cho Tổng Thống Nixon (trừ mật thư đề ngày 7-4-1972) nên đã đề lại tại Dinh Độc Lập !

Ngoài những thư từ giữa các Tổng Thống, Hồ Sơ Mật còn gồm nhiều các giác thư trao đổi về Hòa đàm Paris tuy rất quan trọng nhưng không thể in lại ở đây vì khuôn khổ giới hạn của cuốn sách.

PHỤ LỤC B

Ké hoạch 10 điểm của Bắc Vi.êt (\*)

(ngày 9, tháng 5, 1969)

Điềm 1. Tôn trọng những quyền căn bản của nhân dân Việt Nam, bao gòm nền độc lập, chủ quyền thống nhất và tuàn vẹn lãnh thổ, đã được Hiệp Định Genève năm 1954 công nhận.

Điểm 2. Chính phủ Hoa Kỳ phải triệt thoái khỏi miền Nam Việt Nam tất cả quân đội, vũ khí là vật dụng chiến tranh của Hoa Kỳ và của tất cả các quốc gia thuộc phe Hoa Kỳ, mà không đòi bất cứ điều kiện nào;

(Hoa Kỳ phải) giải tỏa mọi căn cứ quân sự ở miền Nam Việt Nam ; từ bỏ mọi xâm phạm vào chủ quyền, lãnh thổ và an ninh của miền Nam Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.

Điểm 3. Quyền chiến đấu để bảo vệ tổ quốc của nhân dân Việt Nam là quyền tự vệ thiêng liêng và bất khả di dịch của tất cả các dân tộc. Tình trạng những lực lượng quân sự Việt Nam ở miền Nam Việt Nam sẽ do càc phe phái Việt Nam tự giải quyết lấy.

ợ>) Dịch lù bản Anh Ngữ, do phái đoàn Cộng sin lại Hòa Đàm Ba Lê đưa ra ngày 9-5-1969.

SÁNH GIỮA :

Hiêp Định Chấm Dứt Chiên Tranh và Phục Hòi

Hòa Bình tại Vi.êt Nam

(Ngày 27, tháng giêng, 1973)

Điều 1. Hoa Kỳ và các quốc gia khác phải tôn trọng nền độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam, đã được Hiệp Định Genève năm 1954 công nhận.

Điều 5. Nội trong 60 ngày, sau khi bản Hiệp Định được ký kết, tất cả quân đội, cố vấn quân sự, và nhân viên dân chính làm việc cho quân đội, bao gòm nhân viên kỹ thuật làm việc trong các chương trình bình định vũ khí, và đạn dược, và vật dụng chién tranh của Hoa Kỳ và của các quốc gia khác, đã dẫn ở Điêu 3a, phải được hoàn toàn triệt thoái khỏi miền Nam Việt Nam. Các cố vấn cho các tổ chức bán quân sự và cảnh sát thuộc các quốc gia nêu trên cũng phải triệt thoái trong thời hạn nêu trên.

Điếu 6. Các cãn cứ quân sự ở miền Nam Việt Nam của Hoa Kỳ và các quốc gia khác, đã dẫn ở điều 3a, phải được giải tỏa trong hạn 60 ngày, sau khi Hiệp định dược ký két.

Điều 1. (Như đã dẫn ở trên)

Điều 13. Tình trạng các lực lượng quân sự ở miền Nim Việt Nam sẽ được giải quyết trong tinh thần hoà giải và hòa hợp dân tộc, công bằng và tương kính, không có sự can thiệp của ngoại bang, và phù hợp với tình hình hậu chiến. Trong số những vấn đề được thảo luận bởi hai phe ở miền Nam là việc thảo luận về những giai đoạn giảm quân số và giải ngũ quân sĩ

Điếm 4. Nhân dân miền Nam Việt Nam sẽ tự giải quyết lấy những vấn đề nội bộ của họ, không có sự can thiệp của ngoại bang. Nhân dân miền Nam Việt Nam sẽ tự lựa chọn lấy định ché chính trị cho miền Nam Việt Nam qua những cuộc tổng tuyển cử tự do và dân chủ ; Hội Đồng Lập Hién sẽ được thành lập để thảo bản Hiến Pháp ; sẽ thành lập một chính phủ liên hiệp ở miền Nam Việt Nam để phản ảnh finh thàn hòa hợp và đại đoàn kết quốc gia, két hợp mọi thành phần trong xã hội.

Điểm 5. Trong thời gian chuyển tiếp giữa sự phục hồi hòa bình và tổng tuyển cử, các phe phái không được tìm cách sây dựng ché độ chính trị riêng ở miền Nam.

— Các lực lượng chính trị đại diện các tầng lớp xã hội và khuynh hướng chính trị ở miền Nam Việt Nam đang mong muốn hòa bình, độc lập và trung lập, kễ cả những người đang sống ở ngoại quốc vi lý do chính trị, phải được tham dự vào việc thương thuyết đễ thiết lập một chính phủ liên hiệp tạm thời. Chính phủ này phải dựa trên cán bản công bằng, dân chủ và tương kính, nhằm mục đích xây dựng một miền Nam Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ và trung lập.

Chính phủ liên hiệp tạm thời này có trọng trách sau đây : (Ghi chú : thay đổi thứ tự các điêu khoản đễ tiện so sành).

Điều 9b.Nhân dân miền Nam Việt Nam sẽ tự quyết định về tương lai chính trị cho miền Nam qua tổng tuyễn cử, thuăn túy tự do và dân chủ dưới sự giám sát ciia càc cơ quan quốc tế.

Điều 12aNgay sau khi ngưng chiến, hai phe ở miền Nam Việt Nam sẽ hội ý ... để thành lập, Hội Đòng Quổc Gia Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc gồm ba thành phàn ngang nhau (Xem 12 (a) dưới đây.

Điều 9c. Càc quốc gia khác không có quyền bắt nhân dân miền Nam phải theo một khuynh hướng chính trị hay nhân vật nào.

Điều llaNgay sau khi ngưng chiến, hai phe ở miền Nam Việt Nam sẽ hội ý trong tinh thàn hòa giải và hòa hợp dân tộc, tương kính và không kỳ thị để thiết lập Hội Đồng Quốc Gia Hòa Giải và Hòa Hợp dân tộc gòm 3 thành phàn. Hội đồng này sẽ điều hành theo nguyên tắc nhất trí. Sau khi Hội Đồng Quốc Gia Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc hoạt động, hai phe miền Nam sẽ hội ý (Tể thảo luận v'ê việc thành lập những hội đòng hòa giải ở cấp dưới. Hai phe ở miền Nam sẽ ký thỏa hiệp về những vấn đề nội bộ ở miền Nam càng sớm càng tố: và sẽ cố gắng giải quyết những vắn đề này trong thời hạn 90 ngày sau khi lệnh ngưng chiến bắt đàu để phù hợp với nguyện vọng hoà bình, độc lập và dân chủ của nhân dân miền Nam Việt Nam.

(b). Hội Đồng Quốc Gia Hòa Giải và Hoà Hợp Dân Tộc có trọng trách :

■ Thi hành những điểm đã được thỏa thuận về việc triệt thoái quân đội Hoa Kỳ và cảc quốc gia khác ở miền nam Việt Nam.

Toực hiện hòa hợp dân tộc và đại đoàn kết giữa các tầng lớp xã hội, chính trị và sắc tộc.

Tổ chức tổng tuyển cử trong tinh thần tự do dân chủ trong toàn cõi miền Nam Việt Nam để thực thi quyền tụ quyết của nhân dân miền Nam, theo dung điểm 4 đã dễn trên.

Thực thi tinh thần tự do dân chủ rộng lớn : tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do tín ngưỡng, tụ do thành lập và tổ chức đoàn thể và đảng phái chính trị, tự do biểu tình V.V....

Phóng thích tất cả những người đang bị giam cầm vì lý do chính trị ; cấm đoán mọi hành động khủng bố, trả thìi và kỳ thị đối với những người làm việc với đối phương hiện sống ở trong nước hay ngoại quốc thể theo hiệp định Geneve năm 1954.

Hàn gắn vét thương chiến tranh, phục hồi và phát triển kinh tế, bình thường hóa đời sống của nhân dân và cải thiên đời sống của dân lao động.

— Thúc đẩy hai phe ở miền Nam Việt Nam thực thi Hiệp Định.\*

— Thực thi hòa giải và hòa hợp dân tộc và bảo đảm quyên tự do dân chủ.

— Hội Đòng Quốc Gia Hòa Giải và Hòa Hợp Dán Tộc sẽ tổ chúc tổng tuyễn cử tự do và dân chủ chiếu theo Điều 9 (b) và quyết định cách thức tuyển cử.

Điều 11. Ngay sau khi ngưng chiến, hai phe miền Nam sẽ: (thay đổi thứ thự các điều khoản để tiện việc so sánh)

(a)        
Đảm bảo những tự do dân chủ cho nhân dân : tự do cá nhân, tự do ngôn luận, tự do tổ chức và hoạt động chính trị, tự do tín ngưỡng, tự do di chuyển, tự do cư ngụ, tự do làm việc, có quyền tư hữu, và quyền tự do thương mại.

(b)        
Thực thi hòa giải và hòa hợp dân tộc, chấm dứt hận thù, cấm đoán mọi hành động trả thù và kỳ thị cá nhân hay đoàn thể liên quan tới bên này hoặc bèn kia.

Điều 8. Vấn đề trao trả thường dân bị bắt và cằm tù ở miền Nam sẽ được giải quyét bởi hai phe ở miền Nam dựa theo những nguyên tắc ở Điều 2(b) của bản Hiệp Định Két Liễu Chiến Tranh ở Miền Nam Việt Narr ký ngày 20, tháng bảy, 1954.

(\*) Gờm việc Mỹ và các quốc gia khác phải rút đi hét trong 60 ngày !

Điếm 6. Miền Nam Việt Nam sẽ àp dụng chính sách ngoại giao hòa bình và trung lập :

Giao hảo với Vương quốc Cam Bốt trên càn bản tôn trọng nền độc lập, chủ quyền, trung lập và toàn vẹn lãnh thổ và biên giới của quốc gia này ; giao hảo với Vương Quốc Lào trên căn bản tôn trọng Hiệp Định 1962.

— Thiết lập quan hê ngoại giao, kinh té và vàn hóa với tất cả các quốc gia trên thế giới không kể sự khác biệt về chính trị và xã hội, kễ cả Hoa Kỳ, theo đúng tinh thần của 5 điểm sống chung hòa bình : cùng tôn trọng nền dộc lập, chủ quyền và vẹn toàn lãnh thổ ; bất gây hấn ; không can thiệp vào công việc nội bộ ; công bằng và tương lợi ; sống chung hòa bình. Tiếp nhận viện trợ kính tế và kỹ thuật của các quốc gia mà không lệ thuộc vào bất cứ điều kiện chính tri nào.

Điềm 7. “Nền thống nhất của Việt Nam sẽ được thực hiện từng giai đoạn một bằng phương thức hòa bình qua những t uộc thảo luận và thỏa hiệp giữa hai miền, không có sự tan thiệp của ngoại bang.

Trong khi chờ đợi giải quyét vấn đề thống nhất hòa bình Việt Nam ;

Hai miền sẽ tái thiết lập mối bang giao trong mọi lãnh vục trên căn bản tương kính.

Đường ranh giới giữa hai miền ở vĩ tuyến 17 do Hiệp Định Geneve 1954 dựng lên, chì có tính cách tạm thời, và không thể coi như một biên giới chính trị hay lãnh thổ được.

Điều 20aCác phe tham dự vào hội nghị Paris về Việt Nam sẽ triệt đế tôn trọng Hiệp Định Genève 1954 về vấn đề Cam Bốt và Hiệp Định Genève 1962 về vấn dề Lào. Những Hiệp Định này đã công nhận những quyền căn bản của nhân dân Cam Bốt và Lào : độc lập, chủ quyền, thống nhất lãnh thổ của các quốc gia dó. Các phe phải tôn trọng nền trung lập của Cam Bốt và Lào.

Điều 14. Miên Nam Việt Nam sẽ theo đuổi chính sách h5a bình và độc lập, sẵn sàng thiết lập quan hệ ngoại giac với tất cả các quốc gia khác, không phân biệt khuynh hướng chính trị và xã hội, trên càn bản cùng tôn trọng nền độc lập và chủ quyền quốc gia, và sẵn sàng ti?p nhận viện trợ kinh té và kỹ thuật của các quốc gia mà không lệ thuộc vào bất cứ điều kiện chính trị nào.

Điêu 15. N'ên thống nhất của Việt Nam sẽ được thực hiện từng giai đoạn một bằng phương thức hòa bình căn cứ vào sự thảo luận và thỏa thuận giữa hai miền Bắc Nam, không bị cường chế hay ảnh hưởng của bất cứ bên nào, và không có sự can thiệp của ngoại bang. Thời gian đễ thống nhất đất nước sẽ được hai miền Bắc Nam thỏa thuận sau.

Trong khi chờ đợi giải quyết vấn đề thống nhất hòa bình Việt Nam :

(a). Đường ranh giới quân sự giữa hai miền ở vĩ tuyến 17 ch’1 có tính cách tạm thời và không thể nào coi như biên giới chính trị hay lãnh thổ được, chiếu theo bản Thông Cào Cuối Cùng của Hiệp Định Genève 1954.

Hai miền sẽ tiến đén sự thỏa thuận về tinh trạng của Vùng Phi Quân Sự, và cách thức di chuyển qua đường ranh giới quân sự tạm thời.

Điếm 8. Trong khi chờ đợi việc thống nhất lãnh thổ, càn cứ vào sự qui định của Hiệp Định Genève 1954, hai miền Nam Bắc không được liên kiếp quân sự với bất cứ quốc gia r ào, không được cho phép ngoại bang thiết lập căn cứ cuân sự hay trú đóng quân đội và nhân viên quân sự trên lãnh thổ của mình.

Điếm 9. Để giải quyết vấn đề hậu chiến :

(a)        
Cấc phe sẽ thương thuyết về việc phóng thích những nhân viên quân sự bị bắt trong thời chiến.

(b)        
("hình phủ Hoa Kỳ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm v'ê những tổn thất và tàn phá gây ra cho nhân dân Việt Nam ở cả hai miền.

Điếm 10.Các phe sẽ tiến đến sự thỏa thuận về việc giám sát quốc tí cho sự triệt thoái quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí và vật dụng chiến tranh của Hoa Kỳ và các nước gia khác thuộc phe Hoa Kỳ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

(c)        
Bắc và Nam Việt Nam sẽ tôn trọng Vùng Phi Quân Sự ở cả hai bên đường giới tuyến quân sự tạm thời.

(d)        
. Bắc và Nam Việt Nam sẽ khởi sự thương thuy-ỉt ngay để tién hành việc bình thường hóa trong mọi lãnh vực. Một trong những vấn đề được thảo luận là cách thức di chuyển của thường dân qua đường giới tuyến quân sự tạm thời.

(e)        
. Bắc và Nam Việt Nam sẽ không được liên kết quân sự với bất cứ tổ chức liên minh hay khối quân sự nào khác, và sẽ không cho phép một quốc gia nào được duy trì những căn cứ quân sự, và nhân viên quân sự trong lãnh thổ của mình, như đã được qui định bởi Hiệp Định Genève.

Điêu 8 aViệc trao trả những nhân viên quân sự và thướng dân ngoại quốc bị bắt giữ sẽ được thi hành đồng thời và phải hoàn thành sớm hơn hoặc cùng ngày với việc triệt thoái quân đội như đã dẫn ở Điêu 5.

Điều 21, Hoa Kỳ sẽ đóng góp vào việc hàn gắn vét thươrg chiến tranh và tái thiết thời hậu chiến của càc nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và toàn cõi Đông Dương.

Ghi chú của tâc giả :

Vấn đề giám sát quốc lé cho việc triệt thoái quân đội Hoa Kỳ không cân đặt ra vì Điều 8 (a) ở trên đã qui định việc Bắc việt trao trả tù binh đòng thời với việc triệt thoái quân đội Hoa Kỳ. Hai hành động trẽn được chấm dứt vào cùng một thời điềm.)

PHỤ LỤC

- c -

Sài Gòn ngày 25 tháng 3, 1975.

Thưa Ông Chủ tịch,

Hai tháng trước đây, chúng tôi đã được vinh hạnh lưu ý Ngài vè tác dụng tai hại của việc chiết giảm quan trọng viện trợ quân sự đổi với quăn lực chúng tôi trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung của chúng ta.

Trong hai tuằn lễ vừa qua, trong khi Quốc Hội Hoa Kỳ đang thảo luân về việc cát viện trợ cho miền Nam Việt Nam, thì Cộng sản Bẳc Việt đã gia tăng lởn lao áp lực quân sự toàn khắp 4 vùng chiến thuật của Việt Nam Cộng Hòa. Trắng trợn vi phạm Hiệp định Paris, chủng đã lại tấn công và chiếm cứ thị xã Ban Mê Thuật và cắt đứt hai quốc lộ có tẩm quan trọng sình tử, nối liền duyên hải và cao nguyên. Thêm nữa, chúng đã tăng lên gấp bội những cuộc tấn công vào hău hết các tỉnh lớn của chúng tôi tại vùng II chiển thuật.

Gàn đây nhắt, Cộng sản đã liên tiếp vượt qua đường phân ranh giới phía Bắc đề tung ra một cuộc tấn công đại qui mô vào Quảng Trị và cố đô Huế; cả hai thành phố này đã thuộc quyền kiểm soát của chính phủ chúng tôi trước (ngày ký kềt) Hiệp ước Paris.

Phải đương đàu với một tình thế rất bất lợi là chiến đấu theo tỷ lệ 1 chọi 4 hoặc 5 số địch quân đông đảo hơn tại nhiều nơi, quân lực chúng tôi đã bắt buộc phải tài phối trí để bảo tổn lực lượng và tạo được một điêu kiện khả dĩ phòng thủ hữu hiệu hơn.

Như chúng tôi đã có dịp phúc trình với Ngài trước đây, trong thời gian 25 tháng qua, Bắc Việt, hoàn toàn coi thường Hiệp định Paris, đã cho xâm nhập khoảng 240.000 lính tân tuyễn vào các chiền trường Nam Việt. Cho tới ngày ngưng bắn. địch đã để lại Nam Việt từ 70 đến 115 xe cộ có xích kéo. Sau khi chuyển thêm từ 680 đến 885 xe (vào Nam), thì số xe tăng đủ loại của địch bây giờ lên tới 750-ỉ. 000. Vào lúc ngưng bắn, số pháo dã chiền 122-ly và 150-ly của địch có khoảng lừ 100 đến 120 khẵu. Từ đó tới nay, có từ 350 đền 490 khẩu đã được chuvển thêm vào, nâng tổng số pháo đã dã chiến lên tới 450-610 khẩu.

Tất cả những khẩu pháo này gộp chung sẽ cho địch một (hỏa) lực tương đương với khoảng 1.000 cỗ trọng pháo. Đương nhiên, cán cân lực lượng đã nghiêng hân về phía Bắc Việtmột cách nghiêm trọng.

Mặt khác, vào năm 1975, khả năng chiến đấu của quân đôi chúng tôi đã bị giảm xuống 60phần trăm khi mức quân viện Mỹ cho Nam Việt đã trụt từ 2.271 tỷ mỹ kim năm 1973 xuống còn 700 triệu Mk năm 1975, hay giảm khoảng 70 phần trăm.

Về phần chúng tôi, không còn nghi vắn gì nữa là nhân dân và quân lực chúng tôi đã làm tất cả những gì có th? làm để anh dũng kháng cự mưu toan chinh phục Nam Việt của địch quân. Chỉ mấy ngày trước đây, Chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đã ban hành những biện pháp bao quát nhất nhằm động viên nhân dân chúng tôi chiến đấu chống cuộc xâm lược của Cộng sản: từ nay trở đi, tất cả nam phải đủ tiêu chuẩn sức khỏe, tuổi từ 17 đến 43, sẽ được tuyển mộ để thi hành nghĩa vụ quân dịch trong Quân Lực. Đồng thời, chúng tôi đã ra lệnh cấm chỉ mọi hàng nhập cảng không thiết yếu đặng dành hết tài nguyên vào cuộc đấu tranh bảo tồn tự do của chúng tôi.

Trong hai thập niên qua, Hoa Kỳ, bằng hành động và lời nói đã thuyết phục nhân dân Nam Việt Nam lấy một lập trường chống Cộng. Vì tin tưởng ở Mỹ quốc, họ đã đánh bều đặt mạng sống họ và mạng sống gia đình họ vào lòng thành khẩn của người Mỹ khi hứa hẹn. Không còn một chút nghi ngờ nào hết là Cộng sản sẽ không bao giờ tha thứ toàn thể nhàn dân chúng tôi vì đã chọn đứng về phía Thế Giới Tự Do, về phía Mỹ quốc.

Quả vậy, viễn tượng về một cuộc tắm máu là có thực, nếu như, và chừng nào, Cộng sẩn chiếm được Nam Việt Nam. Bằng chứng cho lời khăng định trên thì rất nhiều : cuộc tấn công hời Tết (Mậu Thân) 1968, và vụ tàn sát tập thể ở Huế, cuộc tấn công năm 1972, và gàn dãy nhất, các trận Phước Long và Ban Mê Thuật. Bắt cứ nơi nào Cộng sàn đã tới, là chúng hành quyết một cách có hệ thống lất cả viên chức chính phủ, binh sĩ, cảnh sát, nhà tu hành, và những ai đã trực tiếp hay gián tiếp liên hệ với Hoa Kỳ. Hơn nửa, cách lối chúng thực hiện nhũng cuộc hành quyết ấy thì vượt ngoài sức tưởng tượng của con người, và không đáng được nhắc tới ở đây.

Là hậu quả những cuộc tấn công mới đây của Cộng sản, hàng ngàn thường dân vô tội đã thiệt mạng giữa ngọn lửa chiến tranh và khoảng 1 triệu người đã bỏ quê quán, để lại hết mọi của cải, đặng kiễm nơi ẵn náu trong các khu chinh phủ kiểm soát: bằng hành đóng này, họ đang tham dự vào một cuộc bàu cử rất thiết thực; họ đang bỏ phiếu bằng chân của họ, và bỏ phiếu cho tụ do.

Những đoàn người tỵ nạn lập thành cuộc ra đi vĩ đại nhắt chưa từng thấy trong lịch sứ Việt Nam đã biêu lộ rõ rệt sự bác bỏ mạnh me nhắt chủ nghĩa Cộng sản của Bắc Việt.

Thưa Ông Chủ tịch,

Vào giờ phút này, câu hỏi duy nhất hiện lên trong trí óc mọi người — và không riêng chỉ ở Nam Việt Nam mà thôi — là Hoa Kỳ sẽ làm gì để đối phó với những sự việc vừa nói. Hoa Kỳ là một nước kỳ tên vào bản Hiệp định Paris ngày 27 tháng Giêng, 1973. Hoa Kỳ đã chính thức quyết tâm bảo đảm việc thi hành Hiệp định ẩy. Liệu Hoa Kỳ có sẽ ngoan ngoãn đứng sang một bên trong khi bản Hiệp định đang bị Hà Nội xé tan từng mảnh hay không? Liệu Hoa Kỳ có sẽ từ bỏ trách nhiệm của mình với nhân dân miền Nam Việt Nam hay không?

Cho nén, trong tình thế hiểm nghèo hiện nay, và chúng tôi thấy càn phai lên tiếng một làn nữa kêu gọi Quốc Hội và Chính phủ Hoa Kỳ hãy tôn trọng những lời cam kết của mình với đồng minh.

Chúng tôi xin trân trọng nhắc lại ở đầy những gì Hoa Kỳ đã hứa hẹn xứ sổ- chúng tôi hời ký Hiệp ước Paris ngày 27 tháng Giêng, 1973, đặng rút trên 500 ngàn quần đội Mỹ ra khỏi Việt Nam : rằng Hoa Kỳ sẽ cung cấp viện trợ đày đủ cho Việt Nam Cộng Hòa đệ họ tự bảo vệ và thực hiện quyèn tự quyết của họ. Hoa Kỳ cũng sẽ cung cấp cho Việt Nam Cộng Hòa những vũ khí và đạn dược để thay thế vào số đã bị thiệt hại hoặc hư hỏng, trên căn bản mộĩ-đổi-một.

Nhằm ngăn cản không cho Cộng sản xây dựng lực lượng của chúng, Hoa Kỳ cũng đã bảo đảm với chúng tôi rằng 15 ngày sau khi kỷ kết Hiệp ước Paris, Cộng sản Bắc Việtsỉ không được xăm phạm lãnh thổ Lào và Cao Miên, nơi mà chúng đã xứ dụng làm một bàn đạp để tẩn công Việt Nam Cộng Hòa.

Đứng trước sự tân công trực tiếp của địch quân vào nến móng của Hiệp định Paris, và trên căn bản những lời cam kết trước đây của 4 vị Tổng Thống Hoa Kỳ với Việt Nam, chúng tôi xin long trọng kêu gọi Quốc Hội và Chính phủ Hoa Kỳ hãy lấy những biện pháp tức thời và mãnh liệt để phục hỏi lại Hiệp định Paris, như đã ký ngày 27 tháng Giêng, 1973, nghĩa là: bắt buộc Bắc Việtphải quay trở vè những vị trí (đóng quăn) ban đàu của chúng vào lúc ký kết Hiệp định Paris, và giao đến cho chúng tôi kịp thời tất cả những phương tiện căn thiết để lập lại cán cân lực lựơng và để chúng tôi tự bảo vệ.

Chúng tôi biết rằng chỉ có những hành động tức thời của Quí quốc mới có thề cứu vãn được Hiệp định Paris, và chỉ có những biện pháp mãnh liệt của Quí quốc mới có thể cứu vãn được nhân dân Nam Việt Nam.

Chúng tôi xin ổng Chủ tịch vui lòng thông đạt nội dung bức thư này tới Quí đồng viện. Trân trọng cám ơn Ông Chủ tịch.

Kính thư,

NGUYỄN BẤ CẨN Chủ Tịch Hạ Viện Việt Nam Cộng Hòa

TRẦN VĂN LẮM Chủ tịch T lượng Viện Việt Nam Cộng Hòa

The Honorable NELSON ROCKEFELLER President of the Senate of the United Stated of American Washington, D.c.

PHỤ LỤC D

THƯ CỦA CHÙ TỊCH THƯỢNG, HẠ VIỆN

GỬI Tổng thống FORD

(Thư đề ngày 24 tháng 3, 1975)

(Sài Gòn) ngày 15 tháng 5, 1961.

Thưa Tổng Thống,

Cuộc chiếu cố viếng thăm của Phó Tổng Thống Hoa Kỳ và bà Tohnson tại Việt Nam đã mang lại cho chúng tôi một tình cảm thân thiết đối với nhân dân Mỹ còn nồng hậu hơn, và thắt chặt thêm mối dây hữu nghị đã cỏ giữa hai nước chúng ta kề từ hời Việt Nam Cộng Hòa ra đời. Sự hiện diện của Quí sư huynh và của Quí hiển muội duyên dáng, ơng Bà Stephen Smith, đã mang đến cho nhãn dân Việt Nam một cảm tình nờng hậu do mối quan tâm của riêng cá nhân Ngài đối với Việt Nam, mối quan tâm mà Ngài có thể chác chẳn sẽ còn được nhớ đến rất lâu.

Bức thư đày ân càn và cẩm thông của Ngài để ngày 8 tháng 5, 1961, do Phó Tổng Thống trao đến tay tôi, chứa đựng nhiều đê nghị khôn ngoan và nhìn xa thấy rộng, trong đó có một số mà chinh tôi cũng đã tùng chủ trương suốt bốn năm qua hay lâu hơn nữa. Cho nên, tôi đã hoan hỉ và không do dự khẳng định với Phó Tổng Thống Johnson rằng Chính phủ Việt Nam chấp nhận những đè nghị trong Quí văn thư, là cộng tác với Chính phủ Hoa Kỳ khởi xướng một loạt hành động chung, hỗ tương, yểm trợ, để giành thẳng lợi trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa Cộng sản tại Việt Nam và để đẩy mạnh sự phát triển của nước chúng tôi. Sự thỏa thuận của chúng tôi đối với những đề nghị ấy đã được công bố trong bẩn thông cáo chung và phổ biến cho báo chí sáng Thứ Bảy ngày 13, ngay trước khi Phó Tổng Thống rời khỏi Việt Nam.

Trong các cuộc đàm thoại thăng thắn và có kết quả của chúng tôi, Phó Tổng Thống Johnson đã có nhã ý yêu càu tôi gợi ý cho biết những nhu càu nào mà chúng tôi cho là khăn cấp nhất, để cứu vãn xứ sở chúng tôi thoát khỏi sự xâm lăng độc ác mà Cộng sản hiện đang liến hành chống chúng tôi, cả bên trong lẫn bên ngoài biên giới, và từ mọi phía. Tôi đã vô cùng hài lòng về cử chỉ lịch sự và ân cằn này của vị Phó Tổng Thống lỗi lạc của Ngài, đặc biệt là vỉ chúng tôi đã thường không được hỏi ý kiến vè nhu cău của chúng tôi. Những biến chuyển gằn đây tại Lào đã làm nổi bật mối quan ngại trầm trọng của chúng tôi vè nền an ninh của (Việt Nam Cộng hòa) với những đường biên giới dài dặc và dễ bị tấn công.

Đứng trước việc chúng tôi thật sự sẽ có thê phải đối phó với các lực lượng quân sự cộng sân dồn ép biên giói không những từ mạn Bắc vĩ tuyến 17 mà còn từ phía một nước L.ào, có thề bị cộng sản thống trị và một nước Cao Miên cộng sản hay trung lập ở mạn Tây nữa, chúng tôi đã xúc tiến làm kế hoạch cắp thời đặng xác định những nhu càu ngõ hầu cứu vãn xứ sở chúng tôi. Các công trình nghiên cứu này sẽ được hoàn tất, dưới hình thức sơ khởi, trong vòng một tuàn lễ nữa.

Giờ đây, chúng tôi biết ràng, là một tiều quổc, chúng tôi không thể thỏa mãn được đơn phương tắt cả mọi nhu càu phòng thủ từ nguờn tài nguyên riêng của chúng toi. Chúng tôi sẵn sàng hy sinh xương máu và nhãn lực đề cứu vãn xứ sở chúng tôi, và tôi biết rằng chúng tôi có thể trông cậy vào sự yểm trợ vật chất từ Quí đại quốc, một yểm trợ vô cùng thiết yếu để đạt được thắng lợi cuối cùng.

Tôi đã vô cùng hài lòng được Phó Tổng Thống Johnson quả quyết rằng những nhu cầu của chúng tôi sẽ dược cứu xét thận trọng tại Washington. Bản ước tinh về những nhu càu theo sự thẩm định của chúng tôi sẽ được chuyển đến Ngài trong vòng một tuàn lễ nữa. (...) Giờ đây, chúng tôi tin tưởng rằng vì quyền lợi chung của hai nước chúng ta, những hy sinh mà dân tộc Việt Nam sẵn sàng cống hiến sẽ được Hoa Kỳ hoàn toàn yểm trợ trong nỗ lực chung nhằm cứu vãn Việt Nam và, do đó, (cả vùng) Đông Nam Ẩ thoát khỏi cuộc xâm lăng khuynh đảo của Cộng sản.

Kính thư.

(kt) Ngô Đình Diệm.

His Excellency

John F. Kennedy

President of the United States of America.

Việt Nam Cộng Hòa        
Sài Gòn, ngày 9-6-1961

Phủ Tổng Thống

(... ) tình hình đã trở nên nguy khốn hơn nhiều tiếp theo sau những biến c ố tại Lào, thái độ càng ngày càng không rõ rệt của Cao Miên, và sụ tăng cường những hành động xam lược của cộng sản quốc tế đang muốn lợi dụng tối đa để gia tốc cuộc chinh phục Đông Nam Ắ. Không thể chối cãi được ràng hiện nay một trong những trở ngại lớn cho sụ bành trướng cộng sản tại vùng này của địa càu chính là Việt Nam Tự Do, vì lẽ với sự yểm trợ vững chác của Quí quốc, chúng tôi quyết tâm đối kháng nó VỚI mọi năng lực của chúng tôi. Bởi vậy, lúc này và tử đây trở vè sau, chúng tôi là mục tiêu thứ nhất để cộng sản lật đổ với bất cứ tổn phí nào. Sự tích lũy khổng lồ vật liệu chiến tranh của Nga tại Bắc Việthiện nay, theo sự phán đoán của các quan sát viên ngoại quốc, là nhắm tới Nam Việt Nam nhiều hơn là Lào. Chúng tôi nhận thức được rõ tình huống nguy hiểm này, nhưng tôi muốn lập lại với Ngài ở đây, nhân danh cá nhân tôi và nhân danh toàn thể dân tộc Việt Nam, ý chí bất khuất giành thắng lợi của chúng tôi.

Vào ngày màng 2 tháng 5, hội đổng tướng lãnh của tôi đã họp để thẩm định tình hình hiện nay và xác định nhu cầu của Việt Nam Cộng Hòa để đối phó với tình hình đó. Cuộc thầm định khách quan của họ cho thấy là tình hình quân sự hiện nay có lợi cho cộng sản và phàn lớn quân lực Việt Nam Cộng Hòa đã được giao phó cóng tác an ninh trong nước và bảo vệ 12 triệu dân. Nhiều tháng qua, cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn do cộng sản chủ mưu đã gây tổn thất gàn một ngàn người cho cà hai bên mỗi tháng. Những tài liệu tịch thu được trong cuộc hành quăn mýị đây, dọc theo đường số 9 chạy từ Lào tới Việt Nam, đem lạt bằng chứng rõ ràng là trong thời gian bốn tháng qua 2.360 điệp viên có vũ trang (của Cộng sản Bắc Việt) đã thâm nhập (miên Nam). Con số này chắc chắn tăng lên mỗi ngày. Tuy nhiên, nhân dân Việt Nam đang chứng tỏ với thế giới là họ sẵn sàng chiền đấu và chết cho nền tự do của mình, bắt chấp những cám dồ của chủ thuyết Trung lập và những hứa hẹn giả dổi của nó, mà cộng sản đang nhoi vào tai họ hàng ngay.

(        
 )

Sau khi cứu xét những khuyến nghị của các tướng lãnh (Việt Nam Cộng hòa) và tham khảo ý kiến các cố vấn quân sự Mỹ, chúng tôi bây giờ đi tới kết luận rằng, để có thể cung ứng dược một sức kháng cự tối thiểu ban đàu chống lại mối đe dọa ấy, 2 sư đoàn, khoảng 10,000 người mỗi sư đoàn, cằn phải được thiết lập và trang bị vào một thời điểm sớm nhất có thể được. Những vị trí phòng thủ lâng lẻo của chúng tôi dọc theo vùng Phi quân sự ỏ biên giới phía Bắc hiện đang bị cộng sản áp đảo ( ... ) Toàn thể các lực lượng Lục quân Việt Nam hiện nay đang được ủy thác nhiệm vụ hành quân chống du kích (... ) nên chúng tôi càn có ngay tức thời cho một sư đoàn Quân Khu / và một sư đoàn cho Quân Khu II, đễ ít nhất có thể tạm bợ kháng cự các lực lượng đông đảo của cộng sản (...) tại phía biên giới Lào. Nếu không được như vậy, chúng tôi sẽ không còn cách nào hơn là rút lui lực lượng chúng tôi từ vùng phi quân sự vè phía Nam và rời dàn dàn phải hy sinh các vùng lớn khác của xứ sở chúng tôi cho cộng sản (...)

Nếu như chính phủ và nhãn dân Việt Nam sẵn sàng xốc vác cái gánh thật nặng về nhăn lực càn thiết để cứu vãn xứ sở thì chúng tôi cũng biết được rằng chúng tôi không có phuơìĩg tiện để trả lư ong, trang bị, huấn luyện và duy trì các lực lượng mà tôi vừa mô tả. Muốn thực hiện được nỗ lực đó chúng tôi cần được bảo đảm rằng sự yểm trợ vật chất đó chắc chấn sẽ được cung cấp.

(■        
)

Khỏi cẩn nói, đứng trước tình hình vô cùng nghiêm trọng nàv do bọn cộng sản xâm lược tạo ra, chúng tôi phải tạm thời dành ưu tiên cho những vấn đê quân sự. Tuy nhiên, chính phủ chúng tôi không hè đặt nhẹ những vấn đề kinh tế, chính trị và xã hội. Vào thời điềm này, lập trường học thuyết phù hợp với Nam Việt Nam đã rõ ràng và trọn vẹn. Nó đã được phát biêu tự do và thành thực trong bức thông điệp tôi đọc trước Quốc Hội Mỹ hời tháng 4- ỉ 957. Từ đó đến nay, lập trường đó vẫn không hê thay đổi trong cuộc vận động tuyển cử Tổng Thổng mới đây, lúc mà tôi được đại đa số bàu lên.

(...) Chúng tôi nhận thấy quân đội còn có một sứ mệnh kinh tế và chính trị đì kèm với vai trò quân sự, một quan niệm đáp ứng hợp lý vói cuộc thử thách lưỡng diện màcác nước mới độc lập ở Phi Châu và Ẩ Châu đã phải đương đàu : tình trạng kém phát triển vàchiến tranh khuynh đảo của cộng sản. Chinh là đi theo đường lối này mà, kề từ khi chấp chính hồi tháng 7-1954, tôi đã cố đảm đương việc tạo dựng một hạ tàng cơ sở kinh tế toàn khắp lãnh thổ, kể cả tại nhũng vùng thưa người nhất, phát triển những vùng giao thông với hai mục đích là tạo tiện nghi lưu thông và tạo tiện nghi vận chuyển quân đội, tăng gia và đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp; cho mỗi gia đình một mảnh đắt thuộc riêng quyền sở hữu của mình ; mỗi ngày tạo thêm công ăn việc làm bằng đường lối kỹ nghệ hóa; nói tóm lại, mở ra những chân trời mói cho đông đảo quàn chúng nông thôn : yếu tố quyết định của cuộc đđu tranh chống chủ nghĩa cộng sản. Chì căn nhìn vào những sản phẩm xuất cảng, vào chương trình tiết giẩm nhập cảng hai năm qua của chúng tôi, chỉ cắn đếm những ống khói nhà máy vừa ló dạng (tại Việt Nam Cộng hòa), là nhận biết được ngay những tiến bộ đã thực hiện. Mặt khác, bất chắp tình trạng thiếu tài nguyên, Chỉnh phủ còn gia tăng những vụ đầu tư xã hội để đáp ứng những nhu cầu đa dạng của dân chúng (...) : những bệnh viện tại các tình lỵ, những phòng phát thuốc tại các làng xã, những truờng tiểu học trong mỗi ấp, trường trung học trong mỗi thành phổ lớn hay nhỏ. (...) Những nóng ấp mà tôi đã thiết lập năm ngoái là một bàng chứng khác nữa về những cố gắng của Chinh phủ ; đó là những cộng đồng nông nghiệp đặt ở giũa hai trung tâm thành thị để mang lại cho dân chúng nông thôn lợi ích những tiện nghi trong đời sống hiện đại (...) Mọi quan sát viên ngoại quốc thăm viếng vùng quê đều đã phải ngạc nhiên về mức sống của đông đảo nông dân : máy may, xe đạp, radio tramito cho mỗi gia đình thuộc hoàn cảnh ít nhiều sung túc, nhà hát, rạp chiếu bóng tại những vùng chậm tiến nhất, xuồng máy trên vô số sông rạch, xe buýt, ba bánh trên mọi ngả đường có thê qua lại được. Và chính là để khỏi làm gián đoạn chương trình phát triển này mà chúng tôi yêu càu viện trợ bổ túc đặng tài trợ nồ lực chiến tranh của chúng tôi; nếu không, chúng tôi bắt buộc phải làm một quyết định bi đát là ngưng lại đột ngọt mọi chương trình xã hội và kinh tế (của Chính phủ).

(■        
)

Trên quan điềm chính trị, những công cuộc cải tổ mà tôi đã trù liệu trước : hệ thống tuyển cử tại cấp xã, những hội đổng hàng tỉnh, Hội đong Kinh tế Cao cấp, Hội đồng Dãn tộc và Xã hội — tất cả những biện pháp này đều được nhắm đến việc khuyến khích người dân tham dự vào công việc chung của quốc gia, giữa tình cảnh bi đát của một nước vừa kém phát triển lại vừa bị cộng sản đe dọa khủng khiếp.

Chiều hướng những nỗ lực của chúng tôi là '.hể — một chế độ mở ngỏ để tiến bộ chứ không phải một hệ thống đóng kín. Tôi tin tưởng rằng, với sự ủng hộ và yểm trợ hào phóng của Quí quốc (...), tôi sẽ cố tìm được mọi cách nhằm tái lạp luật pháp và trật tự tại các tỉnh, các xã và đẩy nhanh bước 'iến trong mọi lãnh vực khác, ngõ hàu xây dựng một xã hội của những con người tự do, hạnh phúc và thịnh vượng. Như vậy, Việt Nam sẽ tạo thành một cực hấp dẫn cho các nước ở Đông Nam Ả, cho những người chiến đấu chống chủ nghĩa cộng sản, cũng như những người đang hoài nghi về tương lai của thế giới tự do.

(.....)

(kt) Ngô Đình Diệm

Thưa Tổng Thống,

Tôi vừa mới được đọc bài phỏng vấn Ngài dành cho tờ Der Spiegel Tôi có thể hiểu được sự cay đắng của Ngài, và quả thực còn thông cảm được với Sự cay đắng ấy. Nhưng tôi nhận thấy bài phỏng vấn của Der Spiegel đã cố tình tạo ra ấn tượng rằng cuốn sách của tôi là một cuộc tắn công chống Ngài; điều đó trài ngược hấn với sự thật. Cuốn sách của tôi không ngớt ca tụng lòng can đảm và tư cách của Ngài, và công nhận rằng, trong chủ yếu, Ngài đã đúng. Tôi đang yêu càu nhà xuất bản sách của tôi tại Anh quốc gửi Ngài một bản đề Ngài có thể đọc toàn thể công trình tường thuật của tôi. Trong khi chờ đợi, tôi xin gởi kèm đây một số trích dẫn đễ minh chứng điêu đó.

Cuốn sách của tôi có ý kể lại, một cách trung thực theo khả năng của tôi, câu chuyện v 'ê những biến cố theo mắt tôi nhìn thấy. Tôi vẫn còn tin rằng cán cân lực lượng được phẩn ảnh trong hiệp định Paris đã có thể duy trì được nếu như vụ Matergate đã không tiêu diệt đi cái khả năng của chúng tôi nhằm giành được (sự chấp thuận ) của Quốc Hội viện trợ đầy đủ cho Nam Việt Nam năm 1973-và 1974.

Giá như năm 1972, chúng tôi đã biết được những gì sẽ xẩy ra cho Hoa Kỳ thì chúng tôi đã không tiến hành như chúng tôi đã làm. (Mặt khác, tác dụng của vụ Watergate chắc cũng đã thê thảm ngang, nếu không hon, sự tiếp tục chiến tranh và không có Hiệp định Paris.)

Tôi đổng ý với Ngài rằng những điều khoản ngưng bấn đã quá khe khắt. Cài thế tiến thoái lưỡng nam bi thỉm của chúng tôi hồi 1972 là đã tới sát giới hạn những khả năng quốc nội của chúng tôi. Giá như chúng tôi thử cố tiếp tục cuộc chiến, thì năm 1973, Quốc Hội đã có thể đặt định những gì họ đd làm sau này vào năm 1973. Giá như ý định của Tổng Thống Nixon và của tôi là đã phản bội Ngài, thì chúng tôi đã có thề làm niĩư thế hồi đàu 1969 rời.

Ngài và tôi đã có rất nhiểu bắt đồng ý kiến, nhưng chỉ về chiến thuật mà thôi. Cứ nhìn lại hậu quả, thì sự giận dữ của Ngài có thể hiểu được. Thế nhưng, sẽ thật là một điêu chua xót nếu nhu những kẻ xưa nay đã luôn luôn chủ trương việc (Hoa Kỳ) bỏ rơi Nam Việt Nam bây giờ lại có thể dùng niềm cay đàng của Ngài làm một vũ khí khác để chống lại những người đã cố cứu vãn Nam Việt Nam. Điều trớ trêu là, hiện nay tôi đang bị tắn công một cách độc ác vè những cố gắng bảo vệ Cao Miên của tôi nhằm bảo đảm sự sống còn của Quí quốc.

Tôi không trông đợi sự thuyết phục được Ngài. ít nhất, tôi chỉ có thể cố gấng xin Ngài tin tưởng ở lòng hối hận, và kính trọng vẫn còn của tôi.

Những lời chúc tốt đẹp nhất

(kt) Henry A. Kissinger